

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 06507 0311

A rectangular inset in the upper center of the cover features a stylized tiger's fur pattern in yellow and black.

Vầng trăng còn lại

TẬP TRUYỆN NGẮN CỦA CÁC NHÀ VĂN NỮ

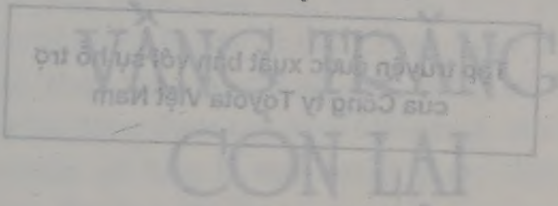


THANH NIÊN

INTERNATIONAL CENTER

DEC 11 2003

VÀNG TRẮNG CÒN LẠI



*Biệt danh ngân
của các nhà văn nữ Việt Nam*

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI - 2002

**Tập truyện được xuất bản với sự hỗ trợ
của Công ty Toyota Việt Nam**

NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ - NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG
TRẦN THỊ TRƯỜNG

Tuyển chọn

HỌC TRÒ CÙNG

VÀNG TRẮNG CÒN LẠI

*Tập truyện ngắn
của các nhà văn nữ Việt Nam*

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI - 2002

NGUYỄN THỊ NGỌC TÔ - NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG
TRẦN THỊ TRƯỜNG
Tuyển chọn

VĂN TRẮNG CÒN LẠI

Tập truyện ngắn
của các nhà văn nữ Việt Nam

3 1223 06507 0311

HÀ NỘI - 2002

NHÀ XUẤT BẢN

HỌC TRÒ CỨNG

Trong đám trò nhỏ đó, cô thương nhất em. Cậu học trò ngồi dãy giữa, bàn hai, chỉ cần năm phút sau khi tiết một bắt đầu là dép đi dằng dép, chân đi dằng chân. Em nhỏ thó, tóc mỗi tháng mỗi kiểu, có lẽ do bố em không chủ động được tay kéo. Mỗi sáng, em được bố chở đến trường, có bữa là mẹ em. Mẹ em đẹp người. Em giống mẹ. Em học lớp Ba.

Mặc dù đã luôn tự nhủ: "Phải yêu thương đồng đều!" nhưng cô vẫn thương em hơn hẳn. Không chỉ tại em giỏi nhất lớp, (năm nào mà chẳng có trò giỏi nhất lớp), còn tại một cái gì đấy không rõ làm cô luôn dịu xuống trước em. Em trả bài vấp (chuyện này hiếm), cô cứu em bằng câu hỏi giữa chừng, vì cô nghĩ tối qua cúp điện, đến cô người lớn chấm bài còn nhúc nhát, làm sao bắt em còn bé mà phải học với đèn dầu. Em đi học trễ, cô nghĩ ngay ra chắc lại hỏng xe, thấy tội nghiệp em hốt hải đi vào, cô chọn cái nhìn thật dịu dàng, biết chắc là khối đứa bạn em đang ganh tị.

Cô nhớ buổi sáng cái ngày ba em tự tử, đưa em đến trường, ba em mặc áo ca-rô, thả em xuống xong, còn đứng nhìn theo em xóc lại ba-lô, vào cổng. Mẹ em khác, mẹ em không bao giờ nhìn như thế. Tự nhiên lúc ấy cô

nghĩ, em học giỏi là di truyền từ bố em. Bố em tự tử vì chuyện gì không rõ, hình như nợ nần, vỡ hụi, hình như ông chủ đòi nhà...

Từ đó, em đi học một mình. Cô đi trên đường thấy em nhỏ thó, tóc cắt thật cao kiểu để dùng một lần cho mấy tháng, cứ đi một quãng lại xóc ba-lô lên, những cái xe tải thỉnh thoảng chạy qua tung bụi mịn mịn che cả em, cô sợ quá. Cô nói em lên ngồi cô chở, em ngồi ngoan như trong lớp vẫn ngồi. Cô hỏi các anh của em làm gì, em bảo một anh thì đi học, một người đi xây nhà. Thế còn mẹ em, cô hỏi, mẹ em nấu cơm với giặt đồ, còn ba em chết rồi, em nói ngây thơ, nhẹ nhàng như thể ba về quê Quảng Ngãi, mấy bữa nữa về thể nào cũng mang theo đường phối.

Nhưng từ đó, em học sút hẳn. Vẫn nhất lớp, nhưng cái cách nhất của em không được như xưa. Hai tháng sau, dù thương, cô vẫn phải để em tụt xuống hạng hai. Họp phụ huynh, thay cho ba em nghiêm túc mọi khi là anh em, mặt hiền lành nhưng non choẹt, cả buổi họp cứ nhấp nhồm nhìn ra hành lang có cô giáo mới về trường đi qua. Anh của em nghe thông báo em học kém đi rất chăm chú, đầu gật gật, nhưng cô chắc là anh ấy chẳng nghĩ gì, cô sợ những người đi họp kiểu này, cô lại biết, đây là người học cao nhất nhà em, cô đâm lo, ai sẽ dạy em đây?

Cô quyết định, một chiều kia, đến nhà em. Có mình em ở nhà ngồi bệt dưới sàn, kê vở lên cái ghế con, làm toán. Em bảo cô đợi, em chạy đi gọi âm trong xóm, mẹ em từ trong một nhà nào đó vội ra, ngồi ở đây cô còn

nghe tiếng mẹ em dặn dò hàng xóm: "Cô giáo tới hả?... Đợi chút nha, ê... hay mày chơi giùm tao ván này đi!" À, cô ngồi lật loe hoe hai, ba tờ báo cũ mềm, nghĩ, cô đến làm mẹ em dở dang buổi xoè bài cùng hàng xóm, cô nghĩ chắc tại ba em mất, mẹ em phải giải khuây... Chiều đó, mẹ em cho phép cô đón em về nhà cô một tuần ba buổi chiều, mẹ em hỏi gọn lỏn: "Chịu không?", em ngượng ngịu nhìn cô cười, dựa vào mẹ, gật đầu. Khi cô ra về, mẹ em cùng em tiễn ra cổng, mẹ em hỏi: "Vây là từ chiều mai, hả cô?".

Thế là em đến nhà cô vào Ba, Năm, Bảy. Cô dạy em học. Cô biết thế là cô thiếu công bằng, những buổi học thế này, đáng lẽ cô phải dành cho trò kém. Nhưng, cô tự bênh vực mình, mình mới ra nghề, mình còn trẻ, phần bản năng trong mình còn lớn... Mình thích sao thì làm vậy, thế thôi. Cô nhìn em ngồi chệnh vênh trên ghế ăn cơm với bà, hai chân đong đưa, quần tây cũn cốn... Buổi tối, cô chưa kịp nói, bà đã bảo để bà mua miếng vải may quần mới cho em, nhưng, bà dặn thêm, mình may chứ đừng đưa cho mẹ nó.

Khi em đã quen với nhà cô, quen cả với mấy con chó đến mức nó đùa được với em thì mẹ em đòi em lại. Một buổi chiều, mẹ em dẫn em đến nhà cô. Em trông khác hẳn, nai nịt gọn gàng, đầu đội cái mũ lưỡi trai tròn đã cũ, đeo bình nước chéo ngực, như sắp sửa đi dã ngoại. Mẹ em nói cảm ơn cô với bà bấy lâu nay cứu mang cháu, nhưng nhà túng quá, phải cho cháu làm gì thêm. Bà hỏi thế nào là làm gì thêm, em non nớt bảo: "Con đi bán vé số!". Cô nhìn em mà thương quá, em của cô sẽ đi

giữa chang chang trưa nắng, la cà trong mấy hàng ăn giống những đứa nhỏ bán vé số cô vẫn thấy, đây là chưa kể đến chuyện tranh giành khách, trông em hiền thế thể nào cũng bị giật bình nước, ném, mũ, tát tai... Cô mới nghĩ đến đây đã rùng mình. Cô nói mẹ em chịu khó vào phòng cho cô nói chuyện riêng một chút. Mẹ em vào phòng cô, nhìn tò mò những hộp phấn, những lọ nước hoa. Cô hỏi mẹ em nếu đi bán vé số thì phụ được bao nhiêu, mẹ em nói có thể đủ tiền chợ. Cô nghĩ lại càng thương, em bé xịu thế này mà đã phải lo tiền chợ. Cô nói mẹ em để cô lo tiền chợ hộ em được không, còn xấp vé số chiều nay cô sẽ nói bà mua hết cho, cô tin cô là con một, nói gì bà cũng chịu.

Rốt cuộc, em lại được về nhà cô tuần ba buổi. Bà thương em hơn sau một lần suýt nữa bị mất em. Tập vé số chiều hôm đó, bà trúng giải thấp nhất. Bà mua con heo đất bỏ vào hết cho em, bà định bỏ heo dần dần, khi em hết cấp I, em sẽ đập heo mua xe đạp nào em thích. Cô thì nghĩ chắc đến đây em cũng chưa cao được bao nhiêu, (cứ nhìn anh của em thì cô biết), cô nghĩ em đi xe mini an toàn hơn. Bà lại bảo chắc em không chịu đâu vì xe mini xe của con gái...

Lớp Ba kết thúc, em tổng kết lại vẫn nhất lớp. Cô nghe vài phụ huynh xì xào cô nâng đỡ, thêm điểm em. Oan cho cô vì thật ra càng ngày cô càng khắt khe với em. Cô bắt em học bài phải lâu lâu, cô bắt em làm thêm toán khó, em viết chính tả sai một tí cô cũng cau mày... cô sợ sau này em đi lớp khác, qua cấp khác, đâu phải ai cũng thương em như cô, chừng đó những gì cô chiều em

sẽ hại em, người ta sẽ phỉ công em: "Thấy chưa, đúng ra có thông minh gì đâu!" Mà cô biết, em thông minh, và tình cảm.

Đúng ngày phát thưởng, hai thầy trò mình đang vui, thì mẹ em lại nói định cho em làm con nuôi ông cụ gần nhà. Ông cụ lâu nay sống bằng tiền con cái ở nước ngoài, ông chưa yếu lắm, nhưng những việc quét vườn, rửa chén, lau nhà, giặt áo... (nhiều lắm, cô không nhớ hết) thì ông đau khớp, ông không làm được. Em qua đó ở sẽ được cơm ba bữa, một tháng vài trăm (hơn hẳn số tiền cô vẫn đưa). Cô vội hỏi thế sao mẹ em không xin ông cụ để mẹ em làm những việc ấy, còn tiền chợ cô hứa vẫn đưa, cần thì cô nuôi em ba bữa cơm. Mẹ em lúng túng nói: "Không được! Tui phải ở nhà làm công chuyện!" Cô bắt đầu nghi ngờ mẹ em, có cái gì đó vô lý trong sự tính toán này. Cuối cùng, cô hỏi ông cụ trả bao nhiêu... Và thế là em bắt đầu ăn cơm đều đặn ở nhà cô, mẹ em có thêm vài trăm, bà thì vẫn thương em nhưng đã bắt đầu khó chịu. Bà nói: "Sẽ còn nhiều trò!".

Tội nghiệp, em chẳng biết gì. Em nhổ tóc sâu cho bà, trẻ con trong xóm cô đã biết nhả bà, chút nữa em đến kêu em ra ném lon. Ngày nào em đi chơi với anh em, bà đi ra đi vào: "Tối nó có về ăn cơm không?" Cô lại phải qua đón em sang. Em sang, lú lú kể bà nghe hôm nay đưa xe, xem khỉ... Rồi em ngủ gật, bà sợ chở về em ngồi sau xe, ngã; lại bắt cô sang xin mẹ em cho em ngủ lại một đêm... Ba tháng hè trôi qua, em có cao hơn, cô đã nghĩ với tốc độ này, lớp Sáu em không cần chạy mini; Bà đi mua cho em cái cặp mới, bình nước mới để

vào lớp Bốn... Đang náo nức đi học như thế, mẹ em bảo cô: cả nhà phải về quê. Bà dặn: "Con cứ lì ra đi, bảo về thì cứ về, xem mụ ấy muốn gì". Cô cũng nghe theo lời bà. Mẹ em nói muốn mời cơm bà và cô, sợ sau này không bao giờ gặp lại. Bà ra hiệu cô cứ bình tĩnh. Cô lại bình tĩnh nhận lời. Tối đó, cô tra hỏi, em bảo tại ông chủ đòi nhà. Em vừa nói vừa nghịch con mèo, em non nớt như khi kể về bố em tự tử, em nghĩ về quê còn nhẹ hơn đổi lớp. Em bảo, mẹ em đã mua mấy cái bao để đựng đồ... Cô hỏi bà, thế là sao? Bà nói chắc chuyện này có thật, nhưng đợi đến bữa cơm với mẹ em tính tiếp. Cô không chịu được, lén qua hỏi trước, mẹ em nói không có tiền thuê nhà, rồi nhìn thẳng mắt cô. Cô không dám nhìn thẳng mẹ em như những lần trước, cô biết lần này cô thua. Cô nghĩ mãi, rồi rụt rè xin nhận nuôi em. Mẹ em nói, không, em phải ở cạnh gia đình. Cô lủi thủi ra về, xin chỗ em sang ăn cơm, mẹ em cũng chối từ, nói em phụ dọn nhà, xếp quần áo.

Hôm ấy, cô đưa em ra bến xe. Bà không dám đi, bà sợ người già hay khóc. Trên xe, em được ngồi gần cửa sổ. Học trò cứng của cô mặc áo còn đeo phù hiệu của trường. Cô nắm bàn tay em, từ trước đến giờ, cô nhớ ra, cô chưa bao giờ nắm tay em. Bàn tay em ấm và khô, nhỏ xíu...

CHÚ NGOẠO

Mẹ tôi là một người đàn bà nông dân thuần chất. Bà lấy con một ông đồ nho hàng xã sinh được 9 chị em chúng tôi. 8 anh chị em đầu đều tròn vành như trăng rằm, còn một *chú* út trời không thương nết, nên chú cũng thành người nhưng không tròn vẹn. *Chú* hiền lành như cục đất, suốt ngày chỉ ngồi một chỗ ngoạ cái đầu cười. Mẹ không đặt tên cho *chú*, chỉ gọi là thằng Ngoạ, cả nhà gọi theo thành tên.

Lúc mẹ sinh đến tôi vào đúng ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, là đứa con thứ 4 thì bố tôi đi thoát ly. Nhà chỉ còn mẹ tần tảo nuôi những đứa con khôn lớn. Rồi cho đến chú Ngoạ - thứ 9 - là những khi cha đi công tác ghé qua, hoặc những lần cha về phép. Thỉnh thoảng cha cũng gửi về cho mẹ đồng quà tấm bánh gọi là, còn đâu là sức mẹ nhọc nhằn trên đồng ruộng. Chúng tôi như cây lúa trên cánh đồng của mẹ. Cha về báo với mẹ khổ mấy cũng cho chúng nó ăn học. Mẹ gật đầu. Mẹ tần tảo hơn.

Chúng tôi như lũ cá mè một lứa, ngày anh cả đi đại học thì cô tám học lớp 4 rồi. Chỉ còn Ngoạ vẫn ngồi một chỗ cười và chả ai tính tuổi *chú* cả. Rồi đến anh thứ hai đi đại học, 6 chị em còn lại thấy rằng cái sự học hành là cái đích để vươn lên và cũng không còn là điều không tưởng. Nhà nông nghèo, một buổi đi học, một buổi làm đồng còn buổi tối lao vào học, thế là mọi việc nhà dốc lên đôi tay mẹ.

Buổi sáng mẹ dậy từ 4 giờ thổi cơm cho cả nhà, rồi đun cám lợn, cám gà.

Gà gáy tàn canh mẹ đánh thức cả nhà dậy. Chúng tôi ngồi vào mâm cơm cả rồi thì mẹ lại bón cho Ngoạ trước. *Chú* vừa ăn vừa ngả vào lòng mẹ ngật nghẹo, rồi *chú* cười. *Chú* gọi "U ơi". Lúc bình thường thì *chú* rất sạch sẽ. Mặt *chú* hiền lành và đôi mắt thì ngây thơ trong trẻo. Nhưng lúc *chú* cười *chú* ngả vào lòng mẹ và gọi "U ơi" thì mặt *chú* méo mó và dốt dãi chảy ra dềo dềo. Tay chân *chú* quơ quơ rồi rít. Mẹ vội ôm chặt lấy *chú* vào lòng "U biết rồi, biết rồi, con thương u nhất. U cũng thương con nhất. Thằng út khốn khổ của u". Chỉ cần mẹ ôm *chú* vào lòng thì *chú* sẽ trở lại bình thường. Mặt *chú* lại thanh thản và hiền lành. Đôi mắt ngây thơ trong trẻo.

Chị em tôi cũng thương *chú*, nhưng thấy mẹ vất vả quá thành ra lắm lúc ghét *chú*. Có lúc nào mẹ nhìn thấy chị em tôi không phải với *chú*, mẹ rầu rầu bảo: "Chớ có ghét bỏ em, nó gánh hán, gánh hạn cho cả nhà này để chúng mày được lành lặn, ăn học cho nên người tử tế đấy". Càng lớn lên chúng tôi càng ngấm dần lời mẹ nói, nhưng cha thì không thể nào chấp nhận lý luận của mẹ. Cha ghét *chú* Ngoạ ra mặt. Mỗi bận cha về nhà có quà cho cả nhà thì riêng phần *chú* không có. Nhưng *chú* cũng chẳng lấy thế làm buồn. *Chú* nhìn cha bằng đôi mắt đầy vẻ ngây thơ và nét mặt hiền lành nhất. *Chú* cũng chẳng làm nũng mẹ như mọi khi. *Chú* ăn uống sạch sẽ, rồi ngồi vào góc giường nhìn mọi người bằng ánh mắt không tuổi của *chú*.

Chị em tôi lần lượt thoát ly cánh đồng của mẹ để ra tỉnh với những ngành nghề thành đạt, nhưng phần đời không phải ai cũng được suôn sẻ cả. Trong đó có tôi là phận gái với đoạn tình lận đận. Tôi không có chỗ bầu vịu ở nơi thị thành, nên quay về cánh đồng với mẹ. Về nhà, gặp phần đời còn lại của mẹ lại càng chán nản hơn. Cha tôi nghỉ hưu, có một căn hộ trên thành phố muốn mẹ tôi lên đó để đỡ phần vất vả. Nhưng mẹ dứt khoát không chịu. Cha tôi thương mẹ nên về quê sống với mẹ. Phần kinh tế của cha mẹ và chú Ngoạ ở quê bây giờ khá giả lắm vì mấy anh chị lớn tôi rất thành đạt gửi về, nhưng mẹ vẫn tần tảo như xưa. Sáng mẹ vẫn dậy từ 5 giờ sáng nấu cơm, nấu cám, rồi đánh thức cha và chú Ngoạ dậy. Mẹ dọn cho cha một mâm cơm, rót rượu, rồi ngồi bón cho Ngoạ ăn. Ngoạ đã quen với cha ở nhà nên lại làm nũng mẹ. Chân tay chú co rúm lại, mắt chú trợn ngược lên, mồm chú méo xệch dài dót chảy dềo dềo "U ời con thương u lắm". Trí óc chú cũng phát triển theo năm tháng. Cha dần rót rượu xuống mâm, rồi bỏ ra ngoài bờ ao ngồi. - Của tội, của nợ. - Cha lẩm bẩm một hồi cho nguôi ngoai. Mẹ biết ý ngăn chú Ngoạ mỗi lúc chú muốn tỏ tình cảm với mẹ. Mái tóc mẹ ngày một bạc dần thì tình cảm của chú Ngoạ ngày càng tăng, mà mỗi lần chú tỏ tình cảm với mẹ thì cha lại buồn bực lắm, nên mẹ chuyển chú vào buồng. Chú âm thầm ngồi trong buồng suốt ngày lủi thủi. Thỉnh thoảng thấy chú cười, nhìn vào thấy chú đang bắt nết. Những bóng nắng tròn như quả quất chui qua mái rá xuống chiếu.

Tôi không hiểu tình cảm của cha thế nào. Cha kín đáo ít thổ lộ. Tôi không hiểu tại sao cả nhà đều thương

Ngoạ mà cha lại không thương. Có lần tôi lân la hỏi cha, cha chỉ bảo: - "Nhân đạo là tự sát. Người không ra người, ngợm không ra ngợm, biết gì mà thương với xót kia chứ. Để mà thương những đứa lành". Tôi nghĩ chắc cha ích kỉ chỉ muốn mẹ dâng hết tình cảm cho cha. Chính những tình cảm trái ngược của cha và Ngoạ như thế làm cho lòng mẹ càng thêm. Mẹ cứ âm thầm khóc. Mẹ muốn cha vui, nên mẹ phải giấu tình cảm của mình với Ngoạ. Mẹ chăm sóc bữa ăn của cha cho ngon lành, đầy đủ. Phần mẹ, mẹ giấu vào tay nải để cho Ngoạ, nhớ mai kia mẹ chết.

Tôi trở về nhà mang nỗi đau của phần đời con gái không san sẻ được cùng ai, thì gặp lúc cha mẹ và Ngoạ đang buồn khổ vì định mệnh. Tôi vào buồng ngủ với mẹ, ôm tấm lưng gầy của mẹ mà lần lữa không dám thổ lộ cùng mẹ nỗi đau của mình. Ở trong buồng thấy mẹ chăm sóc Ngoạ mà càng thương Ngoạ. Nhân ngày cha đi vắng, tôi đưa Ngoạ ra chái hè ngồi bắt chấy bắt rận cho. Lúc đấy tôi mới biết trên đầu Ngoạ có tóc bạc rồi. Ngoạ không có tuổi, nhưng thời gian vẫn tàn phá cơ thể tật nguyên của Ngoạ nhiều hơn. Tôi thương thân, thương Ngoạ, nước mắt rơi lã chã trên đầu em. Ngoạ quay lại nhìn tôi một hồi, rồi Ngoạ lên cơn yêu thương như với mẹ "Thảo ơi, Ngoạ thương chị lắm". Tôi ôm Ngoạ kể lể nỗi đau. Tôi bảo Ngoạ: "Ngoạ ơi, chị chỉ muốn chết thôi". Ngoạ bảo, "Thảo đừng chết, con chó nó còn muốn sống để ăn cứt nữa là. Về nhà với u, u thương chị, Ngoạ thương chị là được". Nghe Ngoạ nói, tôi bỏ ý định chết. Nếu tôi chết, tôi giết luôn cả một sinh linh nữa đang muốn sống trong tôi.

Tôi mang lời khuyên của Ngoạ ra đi để sống. Tôi tiếp tục công việc thành đạt của mình để đề bẹ dư luận lên án tôi với cái tội không chồng mà lại có con. Sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu tôi cứ ở nhà với u với Ngoạ, nhưng cha tôi đã buồn khổ vì Ngoạ quá rồi. Cha tôi mong cho Ngoạ chết đi thì Ngoạ cũng đỡ khổ hơn. Tôi cũng chẳng nói lại cho cha cái lời khuyên của Ngoạ với tôi ngày nào. Nếu cha hiểu được thì cha đã hiểu rồi.

Tôi sinh con, một bé gái tròn trĩnh như trăng mười sáu. Tôi viết thư về cho mẹ nhưng bảo giấu đừng cho cha biết. Mẹ nhờ cô bé hàng xóm viết thư cho tôi "Mẹ không đến với con được vì còn em Ngoạ".

Tôi càng hiểu mẹ hơn khi con gái tôi ngày một lớn khôn. Nó hiểu tình yêu của tôi với nó, nên nó yêu tôi vô hạn. Tình yêu của hai mẹ con tôi với nhau lấp đầy vào khoảng trống của cả hai người.

Cha tôi mất trong nỗi buồn khổ mà chính vì người đã mang không trút bỏ được. Mẹ tôi khóc hờ chồng: - "Ông ơi, đáng ra đời ông sướng mà ông lại không sướng. Ông cứ âm thầm buồn khổ lắm gì. Có 9 đận con, 8 đận thành người tử tế có hiếu có thảo. Còn có nó, sao ông lại ghét bỏ nó để mang sâu vào thân. Ông chả xem người thiên hạ đó, để ra thành người tử tế, mà rồi lại thành ma thành quỷ để người đời cười chê. Còn nó, nó lành như củ khoai, củ sắn, mà nó lại biết thương cha thương mẹ lắm. Ông sướng quá chẳng biết mình được sướng đó thôi. Nay ông chết đi rồi, cầu cho ông được siêu thoát, đừng mang thù mang ghét với con nữa, ông ơi".

Cha mất rồi, lưng mẹ gập lại, chân tay mẹ chậm chạp, run rẩy. Ai cũng ngỡ mẹ chẳng sống được bao

nhieu nữa. Nhưng mẹ vẫn sống như mặt trời cần mẫn chiếu rọi cho trái đất. Mẹ không nuôi lợn và cấy ruộng nữa, nhưng mẹ vẫn dậy sớm thổi cơm cho *chú* Ngoạ ăn. Cha chết rồi, nên *chú* Ngoạ cứ lẻo đẻo theo mẹ. Mẹ đi đâu *chú* tha thân theo đó với gương mặt hiền lành và đôi mắt không có tuổi, chỉ có điều tóc *chú* đã bạc trắng như tóc mẹ. Mẹ và *chú* Ngoạ đều không chống lại được sức tàn phá của thời gian.

Rồi *chú* Ngoạ chết. *Chú* chết rất thanh thản khi lên cơn thương mẹ. Hôm ấy hai mẹ con xuống bếp nấu cơm, *chú* cũng xuống tha thân bên mẹ. Cơm chín rồi mà đầu gối mẹ cứng quá không đứng dậy dọn cơm lên nhà được. Mẹ bảo *chú* kéo ít rơm rải lại gần bếp rồi ngồi ăn luôn ở dưới bếp cho ấm. *Chú* Ngoạ cười, rồi kéo rơm làm thành một cái ổ rất khéo. Mẹ bón cơm cho *chú* ăn.

Chú ăn ngon lành. Ăn xong, *chú* cười rất khoái chí, rồi *chú* lên cơn yêu thương mẹ. Mắt *chú* trợn lên, đôi lông mày bỗng nhiên tích tụ bao nhiêu điều không ngoan và nó đã có tuổi. Tuổi 50 của một đời tật nguyên. "U ơi, con yêu u lắm". Mẹ lấy bẫy không ôm được *chú* vào lòng như mọi khi mà chỉ vỗ về *chú* thôi. *Chú* nhắm mắt nằm trong cái ổ rơm bên cạnh lòng mẹ. Mẹ cũng thanh thản ngồi bên *chú* chờ đợi. Đến chiều mẹ đánh thức *chú* dậy thì mới biết *chú* chết rồi. Lúc đó mặt *chú* Ngoạ thanh thản bao nhiêu thì mặt mẹ cũng thanh thản bấy nhiêu. Mẹ vuốt mắt cho *chú*, rồi lẩm bẩm: Cũng một kiếp người, con ạ. Chẳng biết rằng các anh chị con sung sướng hay con sung sướng hơn. Thôi, con yên phận con rồi, giờ đến lượt mẹ đây. Mẹ mệt mỏi quá rồi, muốn nghỉ ngơi, mà phải sống vì con đó thôi".

Chú Ngoạo mồ yên mả đẹp xong thì mẹ cũng mất. Mẹ thọ trên 90 tuổi, thọ nhất trong vùng. Theo tục lệ quê tôi, những người chết thọ trên 80 tuổi thì con cháu không ai được khóc cả. Chỉ có đàn sáo, hát châu văn, hát chèo đồ để đưa mẹ về Tây Trúc. Con cháu vui vẻ cỗ bàn ba ngày để đưa tiễn mẹ. Ông trưởng họ luôn mồm nhắc chị em tôi không được khóc, nhà phải vui như hội. Ngoài cổng trẻ con tụ tập đông vui lắm. Khách khứa đến viếng xong cũng chẳng muốn về ngồi lại góp vui. Tôi rơi vào trạng thái không kiểm soát được bản thân nữa. Tôi cười nói đi đi lại lại. Trong lòng tôi muốn khóc lắm, như một cái thác ứ nước muốn vỡ ào ra cho thỏa thuê. Nhìn vẻ mặt các anh chị em khác của tôi cũng thế. Tôi chạy vào buồng của mẹ, tôi úp mặt xuống nơi mẹ vẫn nằm. Thay vì sự khóc thoả thuê, tôi bỗng thiếp đi. Trong cơn mơ, chân tay tôi co rúm lại như Ngoạo, mồm tôi nhếch ra, mắt tôi trợn ngược. Hai tay tôi quờ quờ trước mặt: "U ơi, con yêu u lắm". Mẹ bỗng ngồi dậy, chạy nhào đến ôm chặt lấy tôi: U đây, u biết con yêu u lắm, thôi nào, đừng vậy nữa, tội lắm". Tôi thanh thản duỗi dài chân tay yên bình trong lòng mẹ. Chưa khi nào tôi cảm thấy mình được sung sướng đến vậy.

Ôi, giờ thì tôi biết *chú* Ngoạo của tôi đã sung sướng đến thế nào rồi. Mẹ ơi, con sẽ không khóc. Con khóc, mẹ sẽ không yên lòng được, phải không mẹ.

KHO BÁU CỦA BẢY NÀNG TIÊN

Tôi còn nhớ, ngày bé, cả nhà, cả làng gọi tôi là con Sláy - Sláy có nghĩa là bé - người Tày thường gọi con gái bé yêu như thế. Còn con trai thường gọi là Báo, là Trài, là Tài (nếu là con cả).

Mỗi buổi chiều, mẹ tôi đi thả trâu là tôi bám theo. Thả trâu bên bãi cỏ ven sông. Tôi cứ ngược mắt lên vách núi đá cao, ngẩn ngơ đứng ngắm hàng giờ không biết chán.

Bên kia sông là một con đường cái rải nhựa - con đường duy nhất chạy dọc lên phía bắc, sát với đường biên giới Việt - Trung. Con đường như một con trăn màu trắng đục, uốn khúc lượn lờ bên sườn núi, lúc ẩn, lúc hiện sau những rặng cây xanh. Một bên đường là núi đá cheo leo, một bên là kè đá, dưới chân kè đá là một con sông nhỏ, nước sông bốn mùa trong xanh, trừ vài ngày nước lũ. Trên vách núi đá có một tấm bảng đen, hình chữ nhật dựng đứng. Trên tấm bảng được khắc những dòng chữ "vuông" rất đẹp, thẳng tắp, dọc từ trên xuống.

Tôi cứ băn khoăn tự hỏi: Cao thế kia, tới bốn, năm cái thang dài, nổi lại chưa tới, làm sao con người đứng

vào chỗ nào mà đẽo được đá, làm thành bảng, lại còn khắc chữ nữa chứ?

- Con nhìn cái gì mà chăm chú thế? - Mẹ tôi hỏi.

Tôi giật mình quay lại:

- Mẹ ơi! Vách đá cao thế kia, sao có người trèo lên đó mà làm được chiếc bảng đen bằng đá, lại còn khắc chữ vào đó nữa? Con cứ đứng nhìn và tự tìm xem họ lên bằng cách nào. Nhưng... không thấy lối nào, mẹ ạ.

Mẹ tôi thủng thẳng trả lời:

- Không phải con người làm đâu, con gái của mẹ ạ! Tấm bảng đen kia chính là cửa hang của bảy nàng tiên đấy!

Nghe đến bảy nàng tiên tâm trí tôi càng bị thu hút. Mà lại còn cửa hang nữa chứ? Tôi cứ tìm xem có một khe hở nào không để có thể gọi là cửa hang được? Nhưng hoàn toàn không có một vết nứt nào.

- Mẹ ơi! Con nhìn mãi có thấy cửa hang đâu?

- Đó là chuyện ngày xưa, con ạ! Ở vùng này, câu chuyện về bảy nàng tiên thì ai cũng biết.

- Thế sao con không biết, hả mẹ?

- Rồi con sẽ biết.

- Con muốn biết ngay bây giờ, mẹ ạ!

- Tối về, mẹ kể cho con nghe.

- Không. Đợi đến tối lâu lắm, mẹ kể ngay cho con nghe đi. Con không đợi được đâu, mẹ kể ngay đi! - Tôi nằng nặc đòi mẹ kể chuyện về bảy nàng tiên về cái cửa hang đây bí ẩn kia.

- Được. Mẹ sẽ kể cho con nghe. Vì con cũng sắp đến tuổi đi học rồi. Các cụ tổ tiên dặn rằng: chỉ kể câu chuyện này cho con cái khi nó đến tuổi đi học.

Các cụ kể lại rằng, ngày xưa, chỗ có tám bảng đèn kia chính là cửa hang của bảy nàng tiên. Trong hang, đồ dùng của các cô đều bằng vàng, bằng bạc, ngọc ngà và vô số các châu báu khác.

Mỗi khi trong làng có việc gì lớn như: đám cưới, đám ma, hoặc tiệc tùng, dân làng đều mượn những thứ cần thiết để dùng. Khi xong việc, lại đem đến trả lại cẩn thận, đầy đủ.

Họ thường mượn nồi, mâm, bát, đĩa, đĩa... những chiếc nồi, chiếc mâm bằng vàng rực rỡ. Những chiếc bát, loại to, loại nhỏ đều bằng ngọc bích. Những đôi đĩa đều làm bằng ngà voi. Những chiếc đĩa bằng bạc trắng muốt. - Kể đến đây mẹ tôi dừng lại. Bà lặng đi. Không hiểu mẹ tôi suy nghĩ gì, nhưng tôi sốt ruột hỏi:

- Thế rồi sao nữa, hả mẹ? Mẹ kể tiếp đi!

Mẹ tôi như nuốt tiếc một điều gì, như bà vừa mất một thứ gì báu vô cùng. Bà lặng đi rất lâu, lúc sau bà mới kể tiếp:

- Thế rồi, có một lần, ở làng ta có một ông quan được thăng chức. Ông ta mở tiệc khao các quan. Ông ta cũng đến hang của bảy nàng tiên để mượn các đồ dùng quý báu đó. Nhưng khi xong việc, ông ta nhìn những chiếc nồi bằng vàng, những mâm bằng vàng, những lô bát bằng ngọc, những nắm đĩa bằng ngà, những chiếc đĩa bằng bạc... Mắt ông trở ra, vụt sáng. Dường như

trong óc ông đang có đám mây mù bao phủ... Mồm ông lẩm bẩm:

- Chao ôi! Toàn của quý báu làm sao! Kho báu vào nhà... có mà thằng ngu thì mới đem trả. - Thế là ông hi hục tự mình đào hố cất giấu những của báu đó.

Ngày ngày, bảy chị em các nàng tiên ủ rũ, mắt mờ đi vì ngóng đợi viên quan nọ đem trả kho báu.

Nhưng vô ích. Suốt bảy tháng trời, không thấy ai đem trả. Bảy nàng tiên giận quá bay về trời, tâu với Ngọc Hoàng. Biết vậy, Ngọc Hoàng giận sôi lên, rồi sai thần Sét đánh chết viên quan tham đó. Xác của hắn đen nhẻm, co quắp như con chó thui. Các nàng tiên đóng cửa hang lại, lấp đường đi. Từ đấy, người ta thấy có một tấm bảng đen bằng đá và có những dòng chữ được khắc rất đẹp trên đó. Dân làng truyền rằng, đó là một bức thư các nàng tiên để lại viết bằng chữ Hán. Nếu ai đọc được, làm được toàn bộ những yêu cầu ghi trên chiếc bảng, bảy nàng tiên sẽ rất vui vẻ lại mở cửa hang và đón tiếp dân làng đến mượn những đồ dùng quý báu như xưa. Trong hang còn cơ man nào của quý, gấp hàng ngàn số vật báu mà viên quan tham đã lấy đi. Thế là cả làng, cả xã, cả vùng này đua nhau cho con đi học. Con em học gần thì ăn cơm nhà, học xa thì cơm nắm, cơm gói mang theo. Bố mẹ ăn sắn, ăn khoai, mặc rách, để dành gạo, dành tiền cho con đi xa, học cao, biết rộng. Để rồi con em họ sẽ đọc được hết bức thư đó, để kho báu của bảy nàng tiên lại được mở ra.

- Thế đã có ai đọc được chưa, hả mẹ?

- Có. Có nhiều người đọc được, con ạ! Nhưng chưa đọc được hết. Còn lại năm chữ cuối cùng. Năm chữ to nhất, đậm nhất - mỗi chữ to gấp năm lần những chữ kia. Còn nhiều người bàn cãi. Vì năm chữ đó, thuộc loại chữ Hán cổ. Thế là cả làng, cả huyện, cả tỉnh này đua nhau đi học. Học chữ Quốc ngữ, học chữ Tàu, học cả chữ Tây... Nên tỉnh ta có nhiều người thành đạt. Kỹ sư, bác sĩ, phó tiến sĩ... đều có. Tất nhiên là không có ai mù chữ. Nên dân tỉnh ta không nghèo, họ giàu là giàu chữ, giàu nghĩa, giàu đức, giàu tình... còn nghèo đói thì chắc chắn là không có rồi. Bởi dân làng đã biết đưa những kinh nghiệm, khoa học kỹ thuật vào trồng lúa nước, lúa nương, trồng ngô, khoai sắn, trồng các cây công nghiệp như hồi, châu, sỏ... Các rừng cây ăn quả bạt ngàn như quýt, hồng, lê, táo, mận, mơ, đào...

Nhà nào cũng đào ao, xây bờ để nuôi cá, nuôi lươn, nuôi ba bà... Còn trâu, bò, dê thì hàng đàn - con nào con nấy lông mượt như nhung tơ...

Cho đến ngày hôm nay, trong dân làng tôi, tỉnh tôi không còn bát cơm độn ngô, độn sắn, độn củ mài nữa - nhưng tôi và những bạn bè của tôi, những nhà nghiên cứu về chữ Hán - Nôm. Vẫn tiếp tục nghiên cứu để dịch bức thư đó. Nhóm chúng tôi đã dịch được toàn bộ bức thư - kể cả năm chữ cuối cùng. Chúng tôi sung sướng reo lên, nước mắt lăn dài trên gò, má... Nhưng niềm vui sướng đến một cách khó khăn như vậy, mà nỗi buồn, nỗi đau lại vẫn chưa qua đi... Bởi cửa hang của bảy nàng tiên - cửa kho báu vẫn chưa được mở. Vì năm chữ cuối cùng là:

"Bao giờ hết khổ tham"?

Chúng tôi lau nước mắt lặng đi rất lâu - chúng tôi lặng đi như mẹ tôi ngày nào kể cho tôi nghe, khi tôi còn bé, mẹ tôi cũng lặng đi như thế. Mẹ tôi lặng đi vì tiếc của - chúng tôi lặng đi vì đau đớn, xót xa, căm giận.

Bao giờ hết khổ tham? Để cho kho báu được mở ra, để cho người dân lao động cật lực được hưởng kho báu đó? Để cho dân làng mở hội "lùng tùng", đánh trống, múa chiêng, múa sư tử, múa rồng. Để người già, trẻ em và các cô gái, các chàng trai mặc quần áo thật đẹp múa, hát sli, lượn suốt ngày đêm quanh đồng lúa, mừng cho dân làng được nhìn thấy bảy nàng tiên xinh đẹp tuyệt vời, tươi cười vui vẻ mở cửa hang - mở cửa kho báu cho dân làng.

HỒI KẾT

Trong hình dung của tôi, ông ta là một người đàn ông thực sự đáng yêu. Những chuyện kể của cô Út và nhất là nhật ký của cô khiến tôi không thể có suy nghĩ nào khác hơn. Thế nên khi ông ta ra mở cửa sau tiếng chuông, tôi lùi lại, hơi lúng túng:

- Xin lỗi, cháu muốn gặp chú Hoan.

Ông ta nhìn tôi, gật đầu:

- Tôi là Hoan đây. Mời cô vào nhà.

Tôi bước vào ngôi nhà hai tầng, kín đáo nhìn lướt qua mọi thứ. Tất cả đều cũ kỹ, bình thường đến mức tầm thường, giống như người đàn ông này vậy.

- Cô tìm tôi có việc gì không? - Ông đặt ly trà trước tôi, hỏi với giọng của một công chức trong phòng làm việc.

- Cháu... cháu kêu cô Khuê là cô ruột... Cháu đến thăm chú cho biết... - Tôi khó khăn để giới thiệu về mình, cảm thấy mình đã sai lầm khi đến đây.

- Khuê à? Khuê...? - Ông ta kêu lên, rồi dựa người vào ghế, thở ra nhè nhè, đầu gục xuống.

- Vì cháu nghe cô Khuê kể nhiều về chú...

Câu nói của tôi hẫng làm ông chạnh lòng:

- Tôi bây giờ là thế này đây...

Ông ta càng cúi gằm xuống, như thể xấu hổ. Áo may-ô cháo lòng, quần pi-ja-ma mỏng tanh vì giặt quá nhiều, mặt vêu vao nhàu nát, tóc hình như chẳng bao giờ chải, ông ta là hiện thân của sự tàn tạ thảm hại. Tôi tự hỏi làm sao cô tôi có thể yêu nổi một người thế này. Cô Út tôi, người bao giờ cũng tinh tươm tươi tắn, thơm ngát, thần tượng suốt đời của tôi!

Đúng lúc ấy, bà ta bước vào, sau tiếng máy xe âm âm, tiếng guốc chát chúa. Tôi đứng lên chào, nhưng bà ta chỉ lờm tôi một cái, rồi hăm hăm đi luôn ra nhà sau. Chỉ giây lát, bà ta trở lên, mặt sưng sứa, giọng khàn khàn chì chiết:

- Cháy mẹ nó nồi cá rồi. Khét lẹt thế mà không ngủi thấy à? Đúng là đồ vô tích sự!

Ông ta nhìn bà, miệng há ra định phân bua, nhưng mãi không có tiếng nào lọt ra được. Còn bà ngoe nguẩy trở vào nhà, ném lại một câu:

- Thấy gái là không còn biết khôn dại gì nữa...

Mặt tôi nóng bừng, đầu nhức bưng lên. Tôi đứng lên ngay:

- Cháu xin lỗi, cháu phải đi đây...

Như chỉ chờ có thế, ông ta vội vàng theo tôi ra cửa, gần như thì thầm:

- Cô đang ở đâu, tôi sẽ đến chỗ cô.

Tôi nói tên khách sạn mình đang trọ, thăm nghĩ chẳng bao giờ còn gặp lại ông ta làm gì. Những điều vừa diễn ra khiến tôi ghê sợ.

- Tôi xin lỗi, bà nhà tôi tính tình không được vui vẻ lắm.

- Không sao ạ, cháu không để bụng đâu.

Trong khi đứng chờ xe, tôi nghe tiếng bà vợ xía xối chồng:

- Con dĩ kia ở đâu ra thế? Thằng già mày muốn ở trong nhà này hay ra ngoài đường? Mày biết tính bà mà...

Giọng ông chồng run rẩy van xin bà ta nhỏ tiếng lại kẻo người ta nghe được... Tôi bước thật nhanh cho xa cái ngôi nhà ghê rợn nọ, nước mắt bỗng trào ra. Cô Út tôi đã dành trọn cuộc đời cho một con người như thế đấy...

*

* *

Không hề chờ, nên khi nhìn thấy ông ta ngồi ở tiền sảnh khách sạn, tôi thật sự ngạc nhiên. Nom ông ta khác hẳn hôm gặp ở nhà. Sơ-mi trắng dài tay, đã cũ nhưng sạch sẽ, phẳng phiu, bỏ trong quần ủi li hẵn hoi, có lẽ là bộ cánh khá nhất. Tóc chải vuốt ra sau khiến mặt ông ta sáng ra, tuy nét khổ sở nát nhàu vẫn hằn rõ ở vô số nếp nhăn sâu khắp mặt.

- Cháu chào chú!

Tôi nói bằng giọng vui vẻ, cố để ông ta quên đi chuyện hôm trước. Ông ta cũng cười thật tươi, có vẻ linh hoạt hẳn:

- Cô có thích tìm chỗ nào đó ngồi uống nước không, tôi rất muốn được nghe chuyện về Khuê.

Nhớ tới bà vợ đáng sợ của ông, tôi đáp:

- Có lẽ lên sân thượng của khách sạn cũng được, chú à, trên đó có thể nhìn xuống sông Sài Gòn, đẹp lắm.

Ông đồng ý ngay. Lên đến nơi, ông gọi cho mình một ly cốc-tay, còn tôi kêu cà-phê đen. Đó là thức uống mà ngày trước tôi được cô Út dạy cho cách phân biệt thế nào là ngon là dở. Ngồi đối diện, và trong ánh nắng trong lành của buổi sáng, tôi mơ hồ nhận ra ở ông đôi nét còn sót lại nơi người đàn ông của cô tôi. Gương mặt thanh tú, cung cách điềm đạm ông gây cho tôi một thiện cảm bất chấp ấn tượng từ cuộc gặp đầu tiên. Một lúc lâu rồi ông mới bắt đầu:

- Tôi biết tôi có tội với Khuê, tội rất lớn. Nhưng tôi chưa bao giờ có cơ hội nói điều đó với Khuê. Cô ấy nhất quyết không cho tôi gặp, suốt bao năm trời.

- Cô cháu như vậy đó. Cái gì cũng rõ ràng, dứt khoát, đã nói là làm.

- Tôi yêu Khuê cũng vì lẽ đó. Người ta có thể tin ở cô ấy như tin vào lẽ phải. Có cô ấy ở bên tôi thấy mình mạnh hơn, đủ sức làm được mọi điều. Cho nên khi không còn Khuê, tôi cũng mất luôn niềm tin ấy...

Tôi nhìn ông ta một cách nghiêm khắc. Tôi không thích nghe câu nói ấy. Sao cứ cho phép mình làm những điều tồi tệ rồi sau đó lại tìm cách biện minh?

- Cô cháu không trách gì chú đâu. Ngay trong nhật ký, cô cũng chẳng hề trách, dù chỉ một dòng.

Câu an ủi của tôi không ngờ khiến ông ta đau đớn hơn:

- Cô có biết như thế nghĩa là sao không? Là tôi không còn tồn tại nữa, cô ấy đã hoàn toàn quên tôi, như chưa từng có tôi. Đó là cách trừng phạt của cô ấy, còn đáng sợ hơn là giận dữ hay căm ghét.

Ra ông ta mới là người hiểu đúng cô tôi. Tôi chưa bao giờ nhìn cô Út ở góc cạnh ấy. Nên trước đây tôi vẫn thường tự hỏi vì sao sau rất nhiều điều bất như ý trong đời, cô vẫn sống hoàn toàn tự tại, thanh thản. Tôi đã tưởng bởi cô là người khéo che giấu. Suốt buổi sáng, ông ta kể tôi nghe rất nhiều về những năm tháng xa quê dài dằng dặc, nhớ nhà, nhớ cô Út, sau đó là những năm tháng trở về đầy tủi hổ vì thấy mình là kẻ chẳng ra gì. Ông cũng hỏi tôi về căn bệnh và sự ra đi của cô Út, hỏi kỹ đến từng chi tiết nhỏ. Khi biết cô Út chỉ cảm cúm rất thông thường, nhưng không hiểu sao cô nằm luôn không trở dậy và từ đấy cô ra đi một cách dễ dàng, thì ông ngồi lặng đi rất lâu và sau đó lầm thầm một mình: "Tại tôi, chỉ tại tôi cả". Tôi quan sát từng thay đổi trên gương mặt ông và hiểu được vì sao cô Út đã chờ ông đến suốt cuộc đời: Tình yêu ông dành cho cô bộc lộ trên từng ánh mắt, từng cái chau mày, từng nếp nhăn trên mặt... Đến gần trưa, ông ta giơ tay xem đồng hồ, rồi đứng lên nói ngượng ngập:

- Xin lỗi, tới giờ tôi phải về. Từ khi nghỉ hưu, tôi phải giúp bà nhà tôi các việc trong nhà... Trước khi cô rời thành phố, tôi có thể gặp lại cô không? Tôi vẫn muốn được nghe thêm nhiều chuyện về Khuê.

- Vâng, cháu sẽ gọi cho chú.

Đưa ông ta ra của khách sạn, nhìn ông với chiếc xe đã tã chìm vào giữa dòng người, tôi hình dung tới những việc bếp núc khốn khổ đang chờ ông ở nhà, bên cạnh một bà vợ dữ dần khủng khiếp. Rồi tôi trở lên phòng, lấy tập nhật ký của cô Út ra sẫm soi. Cô không ghi chuyện của mỗi ngày mà chỉ viết cách quãng về những ngày đáng ghi nhớ. Cả cuộc đời cô chỉ gom lại trong một quyển sổ nhỏ mà phần quan trọng nhất dành cho người đàn ông giờ đây hiện ra trước mắt tôi như thế.

Mối tình đã nảy nở giữa cô gái mười bảy tuổi với anh học trò ở trọ bên hàng xóm. Nhưng tất cả chỉ là những cuộc hẹn ngắn ngoài bờ sông, những cái nắm tay làm xây xẩm mày mặt và vài lời hứa mà chỉ mặt trăng là kẻ làm chứng. Lần đầu tiên cô Út để ông ta ôm hôn mình là buổi tối trước khi ông ta lên tàu tập kết. Họ chỉ có rất ít thì giờ và không nói được gì nhiều. Ông ta hứa là sau hai năm nhất định sẽ quay về, còn cô Út nói rằng mình sẽ chờ, dù thế nào đi nữa thì cô cũng vẫn chờ. Rồi thời gian hai năm qua đi mà không thể có cuộc tái ngộ. Lời hứa bị kéo dài ra, đến chục năm, rồi mười lăm năm, rồi hai mươi năm... Cô Út tôi vẫn vén khéo đẹp xinh với gian hàng vải trong ngôi chợ giữa trung tâm thành phố. Bao nhiêu đàn ông rấp ranh, ngấp nghé, có người đã dở dang, cũng có người hãy còn son rỗi. Nhưng cô Út bao giờ cũng có cách thoái thác. Cô biện giải với mẹ tôi:

- Em thấy sống thế này cũng ổn lắm rồi, thay đổi làm gì. Lỡ gặp người không hợp rồi chịu khổ thì có phải vô lý không, khổ cái không đáng khổ.

Mẹ tôi vẫn nói khi không có cô rằng, sao cô khờ dại quá, đàn ông biết thế nào mà tin, biết thế nào mà chờ. Biết lúc nào đất nước mới hoà bình, thống nhất, lúc nào những người ra đi mới trở về, đó là chưa kể việc ông ta có thể đã trở về Nam đánh nhau và đã chết... Mẹ tiếc cho thời xuân sắc tươi đẹp của cô, tiếc cho những cơ hội cô đã để trôi qua, tiếc cho tấm lòng thuỷ chung của cô không hề được người cô yêu thương biết đến. Chỉ một lần, cô xiêu lòng trước một người mà gia đình hết lòng vun đắp, một ông chủ sự bảnh trai, gia đình danh giá, kén chọn mãi đến ngoài ba mươi vẫn chưa tìm được vợ. Ông ta đến nhà, chiều từ ông bà nội tôi cho đến lũ cháu trai cháu gái, chỉ muốn được cưới cô. Thế mà sau cả nửa năm đi lại, chuẩn bị ăn hỏi thì cô bảo thôi. Bà nội tôi nổi trận lôi đình:

- Mày tưởng mày con vua cháu chúa gì hay sao mà ghê gớm vậy. Thế gian này cũng đâu có thiếu người. Con gái hơ hớ đây ra đó, chỉ tại người ta biết nghĩ nên không ham vợ trẻ, mày lại tưởng trên đời chỉ có mình mày...

- Đơn giản là vì con thấy không hợp. Về ở với nhau con lại làm khổ người ta thì còn tệ hơn. Thà dứt khoát trước... - Cô nói rất nhũn nhặn.

Nhưng với mẹ tôi thì cô kể thật mọi chuyện. Để chứng tỏ sự ưng thuận và tin cậy của mình, cô đã không chống lại những đòi hỏi của ông chủ sự. Khi biết mình là người đàn ông đầu tiên, ông ta hết sức vui sướng, nhưng sau đó ông lại bắt đầu thay đổi. Hình như ông cho rằng sau việc cô thất thân với ông, ông muốn gì cô cũng phải tuân theo. Ông bộc lộ với cô thủ quyền lực áp

chế đầy chất gia trưởng của một người phong kiến tây học cho đến khi cô thấy không thể nào chấp nhận nổi. Cô báo cho ông biết cô không đồng ý tiến hành mọi việc nữa. Ông ta, lúc đầu thì la hét giận giữ, thấy không có tác dụng ông lại xuống giọng năn nỉ, và khi được cô cho biết lý do thật, ông thay đổi hẳn thái độ, hứa rằng suốt đời sẽ không bao giờ làm điều gì để cô phải buồn. Thế nhưng đã quá muộn, cô không thay đổi quyết định và ông đành bất lực lui bước. Ngay sau đó ông đi cưới một cô gái tuổi mới ngoài đôi mươi khiến bà nội tôi càng tự ái và bực bội với cô. Trước mọi chuyện, cô Út không hề bộc lộ bất kỳ thái độ nào, chỉ nói với mẹ tôi rằng cô sẽ không cho phép mình sai lầm thêm lần nào nữa. Và cô chấm hết mọi liên quan đến việc mối mai chồng vợ từ sau chuyện đó.

Thế rồi miền Nam giải phóng. Cô Út giấu kín mọi cảm xúc buồn vui của mình, bởi cặp mắt bà nội vẫn luôn nhìn cô một cách dò xét đầy nghiêm khắc. Nhưng cuối cùng, tin tức về ông Hoan cũng đã đến. Một người đồng hương tập kết tới chơi nhà, nói như thể vô tình về chuyện ông Hoan vừa lấy vợ chỉ mới vài năm. Đó là một chuyện tai tiếng mà tất cả bè bạn, đồng nghiệp đều tiếc cho ông. Ông đi học nước ngoài về, là một kỹ sư giỏi và vẫn sống độc thân cho tới tuổi bốn mươi. Thế rồi sau một lần bị bệnh kéo dài, ông được cô nhân viên cùng cơ quan tự nguyện đến chăm sóc giúp, một cô gái phóng đãng từng dan díu với một nửa số đàn ông trong cơ quan. Ban đầu cô ta cũng vờ giữ ý, thăm nom đúng phép. Nhưng sau đó cô ta tự ý ở lại đêm tại phòng ông

trong khu tập thể cơ quan, và cô đem chuyện này báo cáo lên công đoàn, phụ nữ, xem như hai người đã công khai mối quan hệ. Sau khi bình phục, ông mới biết chuyện. Ông tức điên lên, đến phòng tổ chức phản đối quyết liệt, nhưng phản ứng này chỉ làm xấu thêm mọi chuyện, bởi người phụ nữ ghê gớm này đã làm âm lên, dọa sẽ tự tử, dọa sẽ kiện tới lúc nào ông mất hết mọi thứ, nếu ông dám từ bỏ cô ta. Ông ta sợ hãi, rụt lại. Và kết cuộc là người phụ nữ không chỉ xấu người mà còn có đủ mọi thứ xấu ấy đã trở thành vợ ông, sau một đám cưới lấy lệ buồn như đám tang. Cô ta đẻ ngay một đứa con gái, biến ông thành người cha bất đắc dĩ của tất cả những điều bất đắc chí.

Miền Nam giải phóng khiến ông nung nấu ước mơ được tháo cũi sổ lồng. Ông đi phép về quê, tìm cách liên lạc với cô Út. Cô không đồng ý cho ông gặp mặt, thư ông gửi cô cũng trả lại. Cô không muốn nhìn thấy ông, không muốn nhắc lại bất cứ điều gì. Ông chờ đợi cô một cách vô vọng cả tháng trời không được, liền quay về nhà, được vợ báo tin sắp có đứa con đứa thứ hai. Hiểu rằng mình không thể còn cơ hội làm lại cuộc đời, ông xin chuyển công tác vào miền Nam, nhưng ở xa vùng đất mà cô Út không chấp nhận cho ông trở lại.

"Trời ơi, H. sắp trở về rồi. Tưởng như là chuyện chiêm bao. Nhưng giấc chiêm bao này dài quá, dài đến hết cả đời người ta. Thật may là mình vẫn còn đây để chờ anh ấy, dù không còn trọn vẹn như trước nữa. Mình sẽ kể tất cả mọi chuyện với H., nếu anh chấp nhận được, tha thứ được thì mình sẽ vô cùng hạnh phúc, còn anh

không chấp nhân, không tha thứ được thì mình sẽ sống cuộc đời của mình mà không có gì phải trách giận, vì rõ ràng mình có lỗi. Thật ra, nếu mình đã lấy ông N., mình cũng sẽ bỏ ông ta để về lại với H., vì bao giờ mình cũng là của H.. Anh ấy đã thay đổi như thế nào, có già đi nhiều không, có còn giống như anh của ngày xưa không? Trời ơi, mình muốn nhanh được gặp, muốn sớm được nhìn thấy anh biết bao..."

"Không thể nào tin được H. đã phản bội mình. Sao anh lại làm như thế, anh quá thiếu thốn tình cảm, hay chỉ vì anh cần một người đàn bà? Bởi cái người mà anh lấy làm vợ nghe đâu lại là một phụ nữ chẳng ra gì. Như vậy anh có hạnh phúc không hay chỉ đau khổ, anh có bao giờ nghĩ tới mình không, có biết là mình vẫn chờ đợi anh không? Sao anh lại làm như thế, sao anh không biết giữ mình, không phân biệt được cái gì nên làm, cái gì không nên. Anh không đủ sức vượt qua hay vì anh không muốn, không dám? Mình căm thù sự yếu đuối của anh, căm thù khoảng cách đã không cho mình đến bên anh, căm thù sự bất lực của chính mình khi không thể làm gì cho anh được nữa..."

"Mình đã làm rất đúng, đã yêu anh rất đúng, đã chờ anh rất đúng, đã xua đuổi anh rất đúng. Với tất cả mọi điều mình chưa bao giờ dối trá, chưa bao giờ phải ân hận. Mình không muốn nhìn thấy H., càng không muốn để anh nhìn thấy mặt mình. Không bao giờ. Anh sẽ đi con đường anh đã chọn, còn mình sẽ sống cuộc đời của mình, cuộc đời từ nay sẽ hoàn toàn yên tĩnh, hoàn toàn trống vắng, chẳng còn chờ đợi, chẳng con hy vọng,

chẳng còn ngạc nhiên, chẳng còn thất vọng, chẳng còn nghĩ ngợi, chẳng còn vương bận, chẳng còn gì nữa..."

Những trang cuối cùng, cô Út chỉ viết chò chính mình. Cô diễn tả những cơn đau của mình, như thể đó là điều duy nhất cô còn chú ý. Cô theo dõi mình trên đường đi tới cõi hư vô. Cô bình thản và lặng lẽ đi về cõi chết.

Những trang nhật ký này, tôi đã định một ngày nào đó, khi tìm gặp được người đàn ông mà cô yêu, tôi sẽ đưa ông xem để ông biết được ông đã đánh mất một người đàn bà trọn vẹn đến mức nào, một tình yêu bền chặt đến mức nào... Nhưng gặp ông Hoan rồi, tôi hoàn toàn đổi ý. Tôi có thể chấp nhận những sai lầm của ông, chấp nhận ngay cả sự phản bội nếu có, nhưng tôi cần được thấy rằng ông thật sự là người xứng đáng với những gì cô Út tôi cất giữ. Ngay trong sai lầm của mình, ông cũng vẫn phải là ông. Ông có thể sa sẩy vì bị lừa dối, có thể miễn cưỡng phản bội cô tôi, nhưng ông không thể đánh mất mình đến mức ấy, không thể bệ rạc thảm hại như cái người tôi đang nhìn thấy. Không thể được. Một sự xúc phạm không sao tha thứ được.

Dù sao, trước hôm rời thành phố, tôi vẫn giữ đúng lời, điện thoại cho ông. Người bắt máy lại là bà vợ ông.

- Cô có việc gì cần không? - Giọng bà ta đầy vẻ gắt gỏng.

- Cháu chỉ là người bà con xa thôi. - Tôi đáp, chỉ muốn vút ngay ống nghe.

Tôi nghe tiếng bà ta gọi chồng: "Có con trẻ nào gọi này, lão già. Gớm, sao dạo này dĩ thế, đủ con tìm!" Sau đó, ông

ta cầm máy, nói rụt rè:

- A lô, xin lỗi, ai gọi tôi đó?

Tôi bảo rằng tôi sắp lên đường, nên gọi cho ông, ông nhận ra tôi, liền vội vã:

- À, chú cảm ơn ba má cháu đã hỏi thăm. Cho chú gửi lời thăm lại ba má. Cháu vào công tác trong này có lâu không, gia đình ngoài ấy thế nào...

Tôi ngẩn ra một lúc mới hiểu được: ông ta đang làm động tác giả với bà vợ. Và thế là tất cả thiện chí còn sót lại của tôi lập tức rơi rụng cả. Tôi bảo rằng chỉ nửa tiếng nữa tôi sẽ lên đường, nên không thể gặp lại ông. Tôi rất tiếc và hy vọng lần công tác khác sẽ có dịp cùng ông trò chuyện nhiều hơn.

- Chú... chú cảm ơn cháu... - ông ta lập cập chẳng ra lời.

- Cháu cũng cảm ơn chú. Chúc chú sống khỏe, sống vui. Cháu đi đây!.

Tôi cúp máy, ngồi tần ngần một lúc lâu mới ra khỏi trạng thái nặng nề mà ông ta gây ra. Buồn quá, tôi lấy tập nhật ký của cô Út ra lật xem, rồi trong một phút bất chợt, tôi châm lửa đốt luôn. Để lại phông có ích gì. Tôi là người ngoài cuộc duy nhất đã đọc nó và định làm một điều gì đó cho cô, cho cả người cô từng yêu. Nhưng điều đó giờ đây chẳng còn ý nghĩa, nó sẽ xúc phạm ghê gớm cả cô và tình yêu của cô. Và nó sẽ mang lại cho ông ta một bi kịch còn lớn hơn nhiều. Thôi thì hãy trả nó về với tro bụi, như cô Út tôi cũng từng chôn chặt nó dưới những tro bụi thời gian trước lúc ra đi.

Nghe điện thoại báo có người gặp, tôi đi xuống và

kinh ngạc thấy ông ta đang ngồi chờ, trong bộ quần áo nhàu nát mặc trong nhà. Chắc ông ta vội đến đây ngay sau khi gác điện thoại.

- May quá, tôi chỉ sợ cô đi mất rồi... - Ông ta vừa nói vừa thở dốc.

Tôi hơi ngượng vì rõ ràng không phải tôi sắp lên đường như tôi vừa nói dối ông. Nhưng hình như ông không hề để ý.

- Cô cho tôi gửi cái này về cho Khuê. Cô mua giúp hoa quả thấp hương bàn thờ Khuê và mua thêm ít trầm nữa. Tôi biết Khuê rất thích đốt trầm...

Bàn tay gầy gò của ông run run đặt cái phong bì trước mặt tôi. Tôi nói ngay:

- Cháu sẽ làm điều đó, nhưng chú cất cái này đi. - Tôi cầm phong bì trả lại cho ông.

- Tôi xin cô hãy nhận giùm tôi. Khuê đã nhất định không cho tôi gặp, còn cô xin hãy châm chước cho tôi. Cuộc đời tôi giờ chỉ còn duy nhất điều này là có ý nghĩa để giúp tôi sống. Đây là tấm lòng ân hận của tôi gửi đến Khuê, tôi mong Khuê thấu hiểu, tha thứ một phần. Còn tôi sẽ cố gắng để lúc nào đó đủ điều kiện tôi sẽ đi phép ra thăm mộ Khuê, thấp hương cho Khuê...

Vài giọt nước mắt bỗng rơi xuống khiến tôi sững sờ. Nước mắt của đàn ông, một người đàn ông hoàn toàn thất bại trong cuộc đời này. Có lẽ suy cho cùng, ông ta cũng chỉ đáng thương thôi.

- Được rồi, cháu sẽ cầm về và làm như chú muốn. Cháu

hy vọng cô Út cháu cũng sẽ hiểu được tấm lòng của chú.

Tôi nói để chấm dứt. Nhiệm vụ tôi tự giao cho mình cũng chấm dứt. Không còn bất cứ điều gì tôi có thể làm cho cô Út, cho cả ông nữa.

- Tôi cảm ơn cô! Rất cảm ơn!

Ông ta quày quả quay lưng như chạy trốn. Tôi nhìn theo cái lưng còm côi của ông, tự dưng đau thắt cả ngực. Nếu tôi chưa thiêu huỷ tập nhật ký, tôi sẽ gọi ông lại và đưa cho ông đọc. Cái tình yêu nhỏ bé đó đã mang lại cho hai con người này quá ít hạnh phúc so với vô vàn đau khổ nó đã gây ra, vậy mà không hiểu sao sau mấy mươi năm, khi một người đã bỏ đi ra khỏi cuộc đời, nó vẫn cứ còn đó, cứ đau đáu sống trong con người khốn khổ còn mắc lại, nó vẫn cứ tồn tại bất chấp mọi thứ, bất chấp ngay những gì tôi tệ nhất mà tôi trót là người chứng kiến...

CHA CON "BỤI"

Hắn ra tù!

Cái túi du lịch cũ mềm trên vai, cái túi cũ đến nỗi màu vàng đã gần biến thành màu trắng mốc. Cái áo xanh trên người đen nhẻm, cái quần tây đen nhăn nhoe, ống bị rút lên một khúc. Cả người hắn trông bèo nhèo thảm hại đến chán chường.

Hắn dừng chân trước hai cánh cổng sắt nặng nề, quay người nhìn vào trại giam lần cuối. Chợt hắn sực nhớ. Người ta nói ra tù mà còn quay đầu nhìn lại thì xui xẻo lắm, ngày không xa ắt trở về chốn cũ. Hắn bĩu môi khinh khỉnh nghĩ: "Lên ra tù cách đây hơn hai năm, mình có thèm nhìn lại đâu, mà sao chỉ mới ba tháng được sống tự do, mình đã trở lại nơi này với tội danh cướp giết và gây thương tích".

Tương lai hắn có điểm sáng hơn lần trước, sau hai mươi bốn tháng gõ lịch, hắn học được nghề thợ mộc, cùng với ba trăm ngàn đồng của ban giám thị trao cho hắn nói là lương. Hắn cười mỉm khá dễ thương:

"Mẹ! Ở tù mà được lãnh lương? Cái chế độ bao dung đầy nhân ái của nhà tù bây giờ tốt quá. Hắn sẽ cảm thấy vô cùng xấu hổ nếu phải vác cái mặt trở lại nơi này".

Hắn biết không có ma nào đến đón, nên hắn dứt khoát bước đi. Xe Honda ôm vào giờ này không thiếu, nhưng hắn thích đi bộ. Đi dài theo con đường đất đỏ lổm chổm đá sắc cạnh, hắn băng khuâng nhìn hai dãy nhà nằm cặp bên đường. Những ngôi nhà lá nhỏ nghèo nàn, chân dính phèn vàng, đứng chênh vênh cam chịu dưới bầu trời trống trải, lúc giội xuống ăm ắp nắng, khi đổ sầm sập mưa. Ông trời cắc cớ đến độ ác độc, không bao giờ dành cho người nào niềm hạnh phúc toàn vẹn. Đối với vùng đất này ông còn trao luôn sự nghèo đói, dốt nát, xa xôi, buồn phiền. Ngay lúc này đây dù là tù nhân mới mãn hạn, nhưng nếu ai đó có ý tặng hắn một trong những ngôi nhà này, cùng với cô vợ đầy phèn chua và mồ hôi muối hắn cũng xin lắc đầu. Sống ở đâu bển mùi đó mà!

Chỗ của hắn là mái hiên, gầm cầu, là những bữa giành khuôn vác đánh nhau sút đầu mẻ trán. Rồi buổi tối với chai rượu đế nồng cay trên tay, ngồi cheo veo trên thành cầu Đúc ngắm sự đời trôi qua trước mắt, ngắm những cái mộng bóng láng của đám phụ nữ sang trọng đứng tuổi, những mái tóc thề của các cô gái ngây thơ để mà ao ước: - "Phải chi phía sau cái yên chiếc xe Dream bỏ trống kia là mình, mình sẽ ôm cô ta chặt đến ngạt thở, cho bỏ mẹ cái cuộc đời nghèo đói". - Và khi phố xá lặng dần tiếng xe, hắn sẽ lủi vào một nơi nào đó ngủ chết mê chết mệt.

Thượng đế chẳng thương hắn chút xíu nào, hai năm ở tù mọi việc đâu đứng yên chờ hắn, tất cả đều thay đổi, hắn lạc hậu lắm rồi! Tình hình an ninh trật tự trong lúc

này ổn lắm. "Khách sạn công cộng" trước cung thiếu nhi khi xưa là chỗ nghỉ tốt nhất cho dân bụi, bây giờ khu này được bắt đèn từng hàng đẹp ơi là đẹp, sáng ơi là sáng. Lại còn ghế đá, hoa kiểng, quán giải khát... Nếu cho phép nằm trên ghế đá thì cũng đỡ sao ngủ được, bởi mấy chục ngọn đèn cao áp vàng ệch đứng nhìn thẳng vào mặt suốt đêm, có ngủ chập chờn chắc cũng đầy ác mộng.

12 giờ đêm, hấn đi lần ra cầu Đức. Ác thay dọc theo hai bờ sông cũng đèn cao áp, cũng công viên. Ánh sáng vàng tạt vào mặt lấp lóa, khiến hấn héo hắt ruột gan. Giờ này còn một lũ choai choai, trai gái đủ cả, khoảng mười sáu, mười bảy tuổi, dựng mấy chiếc xe đời mới bên cạnh, đứa đứng, đứa ngồi, đứa bá cổ ôm vai, hút thuốc, cười đùa, chửi tục...

Hấn lăm bằm trong miệng: "Cái lũ này mà là con mình, chắc sẽ no đòn, nhất là mấy đứa con gái mặc quần cụt đưa cặp đùi trắng hếu đứng nghênh nghênh kia, phải tay mình, mình sẽ cạo đầu tô hắc ín!"

Đó là hấn nghĩ chơi chơi vậy thôi, chớ làm sao hấn có con được. Mặc dù không ít lần trong đêm giá lạnh, hấn quàng quàng ôm siết, vùi dập một thân thể còm nhom trong công viên hay dưới gầm cầu. Có thể là một ả gái điểm hết thời, hoặc một thành phần Cái Bang tha hương cầu thực. Sáng ra, mọi việc vẫn bình thường, ai làm việc nấy, không ràng buộc, không vướng bận điều gì, như đêm qua chẳng có việc gì xảy ra ngoài chuyện ngủ.

Hấn mặc kệ đám con nít, mặc kệ ánh sáng bùng bùng của hàng đèn cao áp. Mồi từ cái túi ra một tấm vải có thể

gọi tạm là mền. Kê túi, quần kín cái đầu đặt lên, nằm sát thành cầu, nhắm mắt lại.

Một thằng trong bọn choai choai bỗng ré lên:

- Thằng cha bụi thú thiệt kìa bây!

Cả bọn nhao nhao tới gần, một mũi giày con trai đá đá vào vai hắn:

- Ê, bị vợ đuổi hả cha? Ra chỗ khác ngủ đi, chỗ này của tui tui sanh hoạt mà!

Hắn chẳng buồn trả lời, mũi giày đá hắn mỗi lúc một mạnh. Hắn bực quá đưa tay nắm, kéo mạnh một cái, thằng nhóc té phịch đít xuống lộ chổng gọng. Hắn nạt:

- Tránh chỗ cho cha mây ngủ, cái cầu này tao mua mấy chục năm rồi.

- Thằng cha này ngon, tui bây đưa "vũ khí" đây, tao xơi một cái lỗ tai cho chả biết thế nào là lẽ độ.

- Đ... mẹ! Có gan thì đâm tao chết, tao mới ra tù, bắt nằm bệnh viện chán lắm, con!

Tác dụng của hai tiếng "ra tù" lập tức có hiệu lực, lũ choai choai có vẻ phân vân. Một thằng bật hỏi:

- Mới ở tù ra hả, tội gì?

- Giết người!

- Xạo quá cha! Giết người thì bị tử hình, chớ còn nằm đây sao?

- Giết chưa chết!

- Hết mấy năm?

- Hai chục năm.

- Vậy ông bao nhiêu tuổi?

- Bốn mươi.

- Hai mươi tuổi ở tù tới bây giờ?

- Ồ!

- Buồn không?

- Vô ở thì biết, tránh ra tao ngủ, hỏi hoài.

Đám nhóc lục tục bỏ đi, hấn nhồm dậy chửi với theo:

- Giang hồ vật như tụi bây, rồi có ngày khóc ông khóc cha trong tù đó, con.

Nhờ nhồm người mà hấn phát hiện ra một chỗ ngủ lý tưởng. Cái thêm sát vòng rào bệnh viện được tán cây phượng che khuất ánh đèn, chỗ ấy chắc có muỗi, nhưng được cái kín đáo, ngủ êm hơn ở trên cầu, tổ bảo vệ có thể làm ngơ cho hấn ngủ. Nghĩ là làm, hấn ôm mớ hành trang đi về phía ấy.

Gần sáng, hấn giật mình tỉnh giấc, lạnh toát người với cảm giác có con gì đó quẩn quanh cổ. Hấn nằm im định thần. Sát ngực hấn một làn hơi thổi nhẹ và một trái tim của ai đó đập đều nhịp, cánh tay người ấy vòng quanh ôm cổ hấn. Hấn lảo bảm:

- Con mẹ nào đây?

Hấn nhè nhẹ ngồi lên, neho mắt nhìn. Hoá ra một thằng bé hơn mười tuổi, cái áo rách bươm bày bộ ngực lép kẹp, giành đắp cái mền của hấn muốn hết. Nó cũng thuộc loại không nhà như hấn, đang ngáy pho pho ngon lành, chẳng đếm xỉa đến thằng cha đang nhìn mình chăm chăm.

Hắn dợm người đứng lên định bỏ đi, tìm chỗ khác ngủ, nhưng nghĩ gì đó hắn nằm trở xuống, xoay lưng về phía thằng nhỏ, đưa tay kéo lại cái mền, làm lộ rõ thân hình co quắp của nó. Hắn nhắm mắt cố dỗ giấc ngủ, nhưng không tài nào được, hắn ngồi dậy móc thuốc hút, chợt thấy cái mền bỏ không trong khi thằng nhỏ bị sương xuống lạnh càng lúc càng co con tôm lại, hắn chửi thề, rồi kéo cái mền đắp lên người nó.

Gần sáng hắn thiếp một lúc, tới khi thức dậy, thằng nhỏ đã bỏ đi mất tiêu. Hắn hoảng hốt thọc tay vào túi quần kiểm tra lại, số tiền còn nguyên, hắn thở phào xếp mền bỏ vào túi, quàng lên vai lững thững bước đi.

Cả ngày hắn đi tìm việc làm, nhưng không ai muốn, đành xài thật dè sẻn từng đồng, xong trở lại nơi tối qua, nằm ngủ.

Hắn còn đang ngồi hút thuốc thì thằng nhỏ lại về. Nó thô lỗ mắt nhìn, trách hắn:

- Sao ông giành chỗ ngủ của tôi hoài vậy?
- Chỗ nào của mày?
- Thì đây chỗ đâu.
- Vậy hả? Để tao ngồi chơi một chút, rồi đi, trả chỗ cho.

Thằng nhỏ thấy người đàn ông vạm vỡ, nhưng có vẻ biết điều, nó tới ngồi cạnh, hỏi chuyện. Bỗng nhiên hắn trút hết tâm sự cho thằng nhỏ, từ chuyện bỏ làng ra đi, đến chuyện ở tù hai lần, cả việc từng ăn ngủ với đàn bà lang thang và bây giờ là không tìm được việc làm.

Nghe xong, thằng nhỏ phán một câu xanh rờn:

- Dám chửi ông tui là con ông lắm à?

- Nói bậy! - Hấn nạt thật sự. - Mày con ai?

- Má tui làm gái, gặp ông nào đó ngủ với bà. Bà có bầu, nhưng không phá bỏ, để dành đẻ ra tui. Bà bệnh chết rồi. Mấy năm trời tui sống với bà già mù, dắt đi xin ăn sống cũng được, rồi bà chết luôn, còn mình tui.

- Vậy mà nói là con tao.

- Biết đâu được?

- Mày làm nghề gì mà lúc nào cũng về muộn?

- Buổi sáng, tui đi khiêng cá biển, tiếp bà chủ làm khô. Buổi chiều tui bán thêm vé số tới khuya mới về đây ngủ.

- Sao mày hồng ngủ ở chỗ làm khô luôn, từ bến cảng đi bộ tới đây xa bọn.

- Ông khờ quá! - Thằng nhỏ đập muỗi cái bộp, nói tỉnh queo. - Muốn kiếm việc làm bộ dễ lắm sao, mình cù bơ cù bất ai muốn? Phải nói dóc nhà ở xóm Bánh Tằm, có ba má đảng hoàng, tại nghèo mới đi kiếm việc làm tiếp gia đình, tối về nhà chó bộ.

- Mày giỏi hơn tao. - Hấn buột miệng khen, hỏi tiếp.
- Mày làm đủ sống không?

- Dư! Cho ông biết tui lấy vé số bằng tiền mặt đảng hoàng, còn tiền gởi cho ông chủ thầu cất giùm một số nữa.

- Quá xạo!

- Hồng tin thì thôi. - Thằng nhỏ nằm xuống, ngáp vắn ngáp dài. - Ông ngủ đây với tui cũng được, ngủ chung với ông ấm hơn.

Tự dưng hấn cảm thấy mình bị xúc phạm, khi phải ngủ nhờ thằng nhỏ, dù rằng thêm xi-măng là của bệnh viện. Nhưng thằng nhỏ oai hơn hấn ở chỗ đây về tự tin và có việc làm đủ sống. Hấn ôm túi đứng lên bỏ đi. Thằng nhỏ vòng tay ra sau ót, nhóng cổ nói:

- Dân bụi đời mà bày đặt tự ái.

Hấn đảo một vòng nhỏ, kết cuộc cũng trở lại, thằng nhỏ cười hi hi:

- Tui nói rồi, chỗ này là ngon nhất thị xã, ngủ lạng quạng tổ bảo vệ lô về khu phố phát tiền là chết. - Nó lẫn người xích qua, nhường phần cho người người đàn ông nằm xuống bên cạnh, thì thảo. - Tui chỉ cho ông chỗ ngủ ngon lắm.

- Ở đâu?

- Trong bệnh viện, vô ngủ ngoài hành lang người ta tưởng đâu mình đi nuôi bệnh, hồng ai thêm đuổi.

Hấn thở dài trong bóng tối:

- Sao mày không vô đó ngủ, xúi tao?

- Tui ghét mùi thuốc sát trùng.

- Tao cũng vậy.

Sáng ra, thằng nhỏ cũng thức dậy đi trước, hấn tiếp tục quần quanh với một ngày không có việc làm. Hấn không dám ăn cơm, chỉ ăn bánh mì, uống bọc trà đá, dành tiền cho những ngày sau.

Đêm nay, phố thị xã buồn mênh mang theo tâm trạng, hấn bắt đầu chùng ý chí, nghĩ thầm: - "Lúc mới ra tù còn

khá tiền, cứ tìm nơi nào đó gần trại giam ở lại làm thuê làm mướn chắc dễ dàng hơn".

Hắn chợt nghe sống mũi cay cay, hình như một vài giọt nước đời rơi ra từ mắt, hắn không kiềm giữ cứ mặc nó tuôn trào.

Bàn tay thẳng nhỏ sờ vào mắt hắn:

- Ngủ rồi hả? Ý trời, sao ông khóc, chắc chưa kiếm được việc làm phải không?

Hắn gượng cười:

- Tao khóc hồi nào? Tại ngáp chảy nước mắt thôi.

Thằng nhỏ ra vẻ sành sỏi:

- Má tui nói bụi đời mà còn biết khóc là bụi đời lương thiện. Tui khoái ông rồi đó, ngồi dậy "hưởng xái" với tui cái bánh bao nè.

Hắn ngồi lên sượng sùng:

- Mày sang quá?

- Ồ! Tui ăn sang lắm, hổng ăn sao đủ sức đi làm suốt ngày. - Nó ngừng lời ngoạm một miếng lớn bánh bao, rồi nói nhẹ xều. - Ông chịu để tui giúp, chắc sẽ tìm được việc làm.

- Làm gì? - Hắn có vẻ không tin, thờ ơ hỏi.

- Trước tiên ông chịu làm ba tui ghen?

Hắn lắc đầu quây quây:

- Thân tao lo chưa xong, làm sao nuôi mày.

- Ai bắt ông nuôi, tui nuôi ông thì có. Tui giới thiệu

với bà chủ ông là ba tui, nếu được nhận vô làm khô cho bà, sức ông mạnh, kiếm tiền nhiều hơn tui là cái chắc.

- Làm gì?

- Khiêng cá, trở khô ngoài nắng, vác khô lên xe. -
Thằng nhỏ ngừng lời, đưa tay nắm cổ tay hấn bóp bóp. -
Ông bùi đời mà sao hồng ốm, lại khỏe và còn hiền nữa chứ!

- Hai năm ở tù, tao lao động tốt mà. - Hấn tự hào khoe, nói tiếp: - Ai mới ở tù ra mà hồng hiền, có người sau khi được cải tạo tốt luôn, có người hiền được vài ba bữa.

- Nè! Ông nhớ việc cần thiết là nhà mình ở xóm Bánh Tằm, má tui bán bún cá, tui còn hai đứa em gái đang đi học. Mà ông có bộ đồ nào mới hơn bộ này không, ngày đầu xin việc phải đẹp trai, ít te tua một chút.

Hấn vỗ vỗ tay vào túi du lịch:

- Có, tao còn một bộ hơi mới. Mấy tên gì, sao má mày ở xóm Bánh Tằm mà bán bún.

- Thì nói mẹ nó vậy, tui tên Tèo, nghe ba!

- Tao chịu cách xin việc của mày, nhưng tao ghét có con lấm. Ở chỗ làm mày kêu tao bằng ba, ngoài ra thì xưng hô như bây giờ.

- Ông cà chớn chết mẹ! Người ta giúp cho mà còn phách. - Thằng Tèo nhe răng cười khì khì. - Ăn bánh bao vô khát nước quá ta.

- Tao mua cho. - Hấn đứng lên đi lại quán mua hai bịch Pepsi.

Thằng Tèo nhăn mặt:

- Chưa có việc làm mà xài sang quá vậy, ba?

Hắn nghiêm mặt:

- Mày còn kêu tao như vậy, tao không thèm nói chuyện đâu. Đây là tao đãi mày, cảm ơn công giúp tao có việc làm.

- Biết đâu người ta hồng nhận thì sao?

- Thì kệ, coi như phá huế cái bánh bao với mày.

Đêm đó hắn khó ngủ, lăm thâm nghiên ngẫm cái hoàn cảnh gia đình và địa chỉ do thằng Tèo đặt ra giúp hắn.

Vóc dáng khoẻ mạnh của hắn làm vừa mắt bà chủ. Hắn có việc làm, lương tháng kha khá, bèn bàn với thằng Tèo hùn nhau kiếm một chỗ trọ, thằng nhỏ đồng ý.

Cái chỗ ở nhỏ xíu như cái hộp, ban ngày nóng nực, nhưng cũng sướng hơn ngủ ở thêm rào bệnh viện. Hơn nữa ban ngày "cha con" nó có ở nhà đâu mà sợ nóng. Hắn và thằng Tèo có vẻ thương nhau nhiều hơn, nhưng không đời nào chịu bày tỏ điều đó. Nếu không phải ở chỗ làm khô, mà thằng Tèo lỡ miệng gọi "ba" là hắn cau mày khó chịu. Nó không ưa cái kiểu bực bội của hắn, nên nói chuyện với hắn trống không, hồng ông, hồng ba gì hết.

Hắn những tưởng cuộc sống êm trôi với công việc tanh tưởi cá biển. Nhưng sự đời thật không đơn giản, làm tới tháng thứ năm thì có chuyện xảy ra.

Sáng nay, mới vác cần xé cá từ tàu lên bờ, thấy xôn xao trên nhà chủ, hắn vội đi lên.

Thằng Tèo đang bị bà chủ nắm áo, ngoác cái miệng tô son đỏ chót gào lên:

- Nó ăn cắp bóp tiền, tui mới để đây xoay lưng đi vô, quày ra đã mất, có mình nó đứng đây, ai vào lấy.

Thằng Tèo nước mắt ngấn, nước mắt dài, mũi dãi lòng thông, quẹt lấy quẹt để:

- Tui không ăn cắp đâu, tui tốt nào giờ bà chủ biết mà.

- Nghèo mà tốt gì vậy? Ba mày hồng biết dạy con, tao tốt với cha con mày, sao trả ơn vậy hả?

Hắn đứng im không thanh minh, mặc cho bà chủ xỉa xói chửi cái thằng ba nơi hắn không ra gì. Hắn đi lại bên Tèo hỏi ngọt ngào:

- Mày có lấy tiền bà chủ không?

- Tui thể có trời, tui không lấy.

Một bên bà chủ sang trọng nói mát, một bên thằng con hồ bảo không lấy. Hắn còn đang lúng ta lúng túng thì hai anh ông an phường tới. Mỗi lần gặp công an hắn nhớ tới trại giam, hắn nghĩ thằng Tèo mới hơn mười tuổi mà chịu tiếng tù tội sẽ ảnh hưởng tương lai sau này của thằng nhỏ không ít và hắn sâu trong ký ức nó khó nguôi quên, như bản thân hắn đây. Có thể nó lỡ dại một lần, nhưng làm sao để nó bị bắt, khi thực bụng hắn thương nó như con.

Hắn vệt đám người hiếu kỳ bu xung quanh, đi tới trước mặt hai người công an thú tội:

- Tui ăn cắp bóp tiền của bà chủ, lỡ tay đánh rơi xuống nước, trôi ra biển mất rồi. Hai anh cứ bắt tui đi.

Hắn im lặng bước đi theo đà đẩy của anh công an, không thèm nhìn thằng Tèo đang há hốc miệng trông theo hắn. Lòng hắn nặng trĩu nhớ tới tiền án sẵn có, nhưng rồi hắn chuyển dần sang niềm hy vọng "chắc chắn các anh công an sẽ tìm ra thủ phạm, mình được thả về".

Thằng Tèo thấy niềm thương cảm dâng lên đầy ứ ngực, nó tốc chạy theo, hai tay đưa về phía trước chới với. Giọng khàn đục, gào tha thiết:

- Ba ơi! Ba bỏ con sao, ba?

Bất giác hắn xúc động tột cùng, cảm giác thương yêu từ lý trí chạy dọc xuống sống lưng làm ớn lạnh. Hắn giật phắt người, quay lại hỏi bằng giọng âu yếm:

- Con kêu ba cái gì?

Công an đưa hắn lên xe, thằng Tèo chạy theo, luôn lách trong dòng xe cộ, hụp hủ trong khối bụi sau xe. Nó chạy luôn tới trụ sở công an, lảng vảng đứng ngoài chờ mà chẳng biết chờ cái gì. Không thể làm gì hơn, thằng Tèo chửi cha, chửi mẹ kẻ nào ăn cắp bóp tiền của bà chủ và nó tin tưởng các chú công an sẽ bắt được tên ăn cắp.

Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, thằng Tèo đang ngồi dựa lưng vào tường, nhắm mắt ngủ gà ngủ gật, thì một bàn tay đập mạnh vào vai. Nó dụi mắt nhìn, bà chủ nách kẹp cái bóp, đứng nhìn nó cười toe toét:

- Đi vô lãnh ba mấy ra, cái bóp dì mang theo trong lúc đi tiểu bỏ quên trong toa-lét mà tưởng mất. Dì đáng trí quá!

Vậy là ba thằng Tèo được thả. Nó nhào tới ôm cổ để ba công nó tung tung trên lưng, miệng liến thoắng:

- Ba thấy chưa, ở hiền gặp lành mà!

Bà chủ đi sát bên cha con nó, đưa tặng cha con nó một số tiền với thái độ của người hối lỗi. Hấn lắc đầu không nhận, vì đây chỉ là sự hiểu lầm. Thằng Tèo dùng cả hai tay giật phắt nắm tiền, nói gọn hơ:

- Con cảm ơn bà chủ! Tiền này cha con mình xài cả tháng.

Trước hành động thiếu khiêm tốn của thằng Tèo, hấn còn biết làm gì hơn là cảm ơn bà chủ, rồi quay sang rầy con:

- Con thiệt mất dạy quá, chắc phải cho đi học thôi.

- Ông nói cái gì? - Thằng Tèo khom người nhìn hấn hỏi gần.

- Ba nói con phải đi học, để cô giáo dạy những điều hay lẽ phải, mới nên người.

Thằng Tèo đang ngồi trên lưng, đột ngột tuột xuống, lặng im đi miết lên phía trước. Hấn đuổi theo nó, hỏi:

- Sao? Bộ con hông muốn đi học hả?

Không quay người lại. Thằng Tèo chúm chím cười, trả lời:

- Ông hông biết gì hết trơn, tui đang khoái chó bộ!

Gió từ ngoài biển thổi lộng vào mát rượi. Hấn mỉm cười, thâm nhủ:

- Gió nhiều thật dễ thở!

SÔNG HẬU XUÔI VỀ

Đạo ấy, đã gần ba tháng, từ ngày tía má tôi gả chị hai Hường về miệt biên giới, cứ mỗi lần nghe tiếng còi "tu... tu..." của con đò bến chợ ngang qua khúc sông trước cửa nhà là má tôi và tôi lại ngóng ra bến nước. Má tôi trông tin chị hai Hường, hoặc là bà trông cả người nữa. Bà muốn được biết chị tôi có yên ấm ở nhà chồng hay không, có mạnh khoẻ hay không và bà mong chị, nếu có thể, thu xếp về thăm nhà một vài ngày. Đó là nỗi lòng của người mẹ với sự an phận khi con gái phải theo chồng. Còn tôi mong nhớ chị bằng nỗi buồn da diết của đứa em bé bỏng mà trong chùng ấy năm của chùng ấy tuổi đầu, tôi và chị đã cận kề, quấn quýt với nhau như hình với bóng. Tôi chẳng muốn lý giải tình cảm gắn bó giữa hai chị em, mặc dù, cho đến bây giờ, láng giềng vẫn bảo tôi và chị không là ruột thịt. Người ta bảo, bởi vì tía má tôi chỉ có mỗi mình chị hai tôi, nên ông bà mới xin thêm con nuôi phòng khi sau này phải gả con gái đi xa. Người ta còn nói rõ, là lúc ấy, vì ngoại tôi bệnh kéo dài, nên má tôi cho chị Hường về quê để chăm sóc ngoại. Hơn nửa năm, ngoại tôi lành bệnh. Má tôi về thăm bà, sẵn đón con gái về nhà. Trên đường về, thấy có người đem cho đứa trẻ mới sinh, má tôi và chị hai

biếu người ấy ít tiền, rồi bỗng tôi về nuôi dưỡng. Người ta bảo là nói lại theo lời kể của má tôi. Tôi đem chuyện đó hỏi má và chị hai. Má tôi chỉ "ừ" cho qua chuyện. Chị Hường, có lẽ sợ tôi tủi thân, dỗ dành:

- Người ta nói gì cũng mặc kệ! Cưng không phải là con nuôi của nhà này đâu!

- Không phải con nuôi là gì?

- Là con ruột, ruột thiệt là ruột!

Dù sao, tôi vẫn thích tin lời của chị hai hơn, bởi vì tôi không muốn mình là con nuôi của tía má và cũng không muốn mình là em nuôi của chị hai Hường.

Đạo tía má tôi gả chị hai Hường, tôi đã xấp xỉ mười hai tuổi. Ở vào tuổi ấy, tôi chưa hiểu hết mọi điều, mọi lẽ, nhưng đã có thể cảm nhận qua từng sự việc. Hôm chuẩn bị đám cưới, chị hai Hường khóc suốt, còn má tôi thì buồn hiu. Có lẽ, vì còn bé quá nên tôi chưa đủ sức để cảm thông với nỗi niềm lớn lao của má và chị hai tôi. Đêm nhóm họ để rạng sáng ngày sau đưa dâu, chị hai ôm tôi vào lòng rồi thút thít khóc. Tôi đã muốn khóc theo chị, dù không hiểu vì sao chị lại buồn đến vậy. Má tôi bước vào buồng. Thấy tình cảm của chị em tôi như vậy, bà đứng sững giây lát, rồi hạ giọng nói với chị Hường:

- Nó còn nhỏ lắm, chưa hiểu được đâu. Con đừng nói gì với nó! Sáng mai con cứ về bên. Có gì, con nhắn tàu đò về cho má biết tin...

Chị Hường lau nước mắt, cúi xuống hôn lên tóc tôi, rồi bảo tôi chạy đi chơi để chị còn sắp xếp tư trang, vật

dừng mang theo. Tôi rời chị, ra khỏi buồng, nơi hai chị em vẫn ngủ chung suốt từ khi tôi còn ẵm ngửa, mà lòng đầy hoang mang, thắc mắc. Tôi linh cảm chị tôi sẽ gặp điều bất trắc trong cuộc cưới xin này, hoặc là má và chị tôi không hài lòng về đám cưới. Nhưng vì lẽ gì chị hai tôi lại lặng thinh làm theo ý của tía tôi, ưng lấy người chồng mà hình như chị không muốn lấy?

Tôi biết, chị hai tôi đâu quá dễ dãi để chọn lấy một tấm chồng. Trước đây, chị tôi đã từng lắc đầu từ chối nhiều đám nhờ mai dong đến xin hỏi cưới. Như vậy mà, dần dà, chị tôi đã trờm trờm ở tuổi ba mươi. Có lẽ, như những đứa em quá yêu mến chị mình, tôi thấy chị hai tôi là ngon lành nhất. Sự ngon lành ấy, phải kể đến ba điều, đáng khiến chị tôi treo giá ngọc. Đó là... thứ nhất, chị tôi tuy không đẹp lắm nhưng rất có duyên. Thứ hai, chị tôi là người phụ nữ có tài nấu nướng. Chị biết nấu nhiều món ăn mà món nào cũng hợp khẩu vị của tía má và tôi. Chị lại biết làm nhiều thứ bánh. Thứ ba, chị tôi có tài đặc biệt, mà không phải anh thanh niên nào cũng sánh được, là tài đánh võ, đi quyền. Khoản này, chị hai tôi được sự truyền dạy chu đáo của tía tôi. Cần phải nói thêm, tía tôi là người giỏi võ, tiếng tăm lan khắp một vùng. Ai nghe đến tên thầy Tám Mạnh cũng đều kính nhường, quý trọng. Tía tôi không mở lò luyện võ tại nhà. Những khi trà dư, tửu hậu, vui bạn, đẹp lòng, ông mới dạy cho ai đó vài đường quyền, vài thế võ. Ông không đánh giá quá cao sở trường võ nghệ của mình. Theo ông, người ta sống được với nhau không phải hơn thua bằng vũ lực; chỉ lẽ phải ở đời mới thu phục được

nhân tâm. Ông truyền dạy võ thuật lại cho chị hai tôi cũng như nội tôi đã truyền dạy lại cho ông, giữ cái nếp cha truyền con nối. Chị Hường tập võ, đi quyền từ lúc còn tằm bé. Khi ấy, tôi chưa có mặt trong cuộc đời này. Má tôi kể rằng: thuở chị Hường mười sáu, mười bảy tuổi, có ba anh thanh niên ở làng bên rủ nhau đến, muốn thử tài của chị. Mấy người ấy rót rượu mời tía tôi, xin phép. Tía tôi gọi chị Hường ra, hỏi chị có nhận lời thi đấu với họ hay không? Chị gật đầu, mời họ ra sân. Có cả tía má tôi cùng ngồi xem, chị hai tôi lần lượt hạ từng người một. Ấy là tôi nghe chuyện do má tôi kể lại. Còn bây giờ, chị hai Hường thay tía tôi truyền dạy võ nghệ cho tôi. Ngày học chữ, đêm tập luyện võ, tôi đã hết sức cố gắng mà thấy mình còn phải học tập lâu lắm mới thành thục như chị hai tôi được.

Thế đấy! Người nhiều tài như chị tôi thì anh chồng phải thế nào mới xứng! Tôi thấy chị tôi lắc đầu trước bao đám mai mối, cứ nghĩ chị tôi chê họ kém tài, thua sức. Vậy mà... Mọi sự lại bắt đầu từ chỗ tía tôi. Tía tôi vốn là người thích giao thiệp, hay kết thân bằng. Ông không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, không kén lựa tuổi lớn, nhỏ chi cả. Ông lấy chuyện nhân nghĩa làm trọng, lấy đức độ mà cư xử với nhau. Những khi rảnh việc, ông thường rong ruổi đi chơi, giao du cùng bè bạn. Có khi ông đi vài ngày. Cũng có lúc thuận đường, vui bạn, ông lang bạt hàng chục ngày, nửa tháng. Lần ấy, ông đi ngược sông Hậu lên miệt biên giới chơi, có gần nửa tháng. Thấy tía tôi bình yên trở về, cả nhà đều ưng. Tía tôi vui vẻ hơn. Bữa cơm ở nhà sau chuyến đi xa, tía

tôi xởi lởi báo tin là đã lựa được chỗ để gả chị hai tôi. Má và chị hai tôi chống đũa vào chén, nhìn tía tôi. Hai người chưa kịp nói gì, tía tôi đã cười khà khà:

- Rằm này họ tới!

Mọi khi, tía tôi vẫn để vợ, con bàn bạc, trao đổi việc nhà, nhưng khi ông đã quyết định như vậy thì sẽ không có ai trong gia đình dám trái ý ông. Má tôi hỏi:

- Đám đó ra sao?

- Thăng... được lắm!

Tôi nghe tiếng "được lắm" của tía tôi đầy vẻ hài lòng và tin cậy. Rồi tía tôi nhìn nét mặt đầy vẻ băn khoăn của má tôi, nói với giọng cảm thông:

- Tội nghiệp thăng. Vợ nó chết đã ba bốn năm mà hai đứa con hầy còn nheo nhóc lắm!

Má tôi kêu lên:

- Trời đất!

Bà ngó sững tía tôi. Sau cái phút bất ngờ ấy, má tôi xụ xuống, không hỏi han, nói năng chi nữa. Chị hai tôi không nói tiếng nào, cúi mặt, và riết chén cơm rồi buông đũa, đi xuống bếp.

Từ ấy đến rằm, tôi thấy má tôi và chị hai kém vui. Thỉnh thoảng hai người lại thì thầm với nhau. Kém vui là sự bất thường của má và chị hai tôi mà nguyên nhân có lẽ do sự hứa gả cuối đây trở trêu của tía tôi. Còn thủ thỉ với nhau vẫn là cái cách trao đổi quen thuộc của hai người phụ nữ trong nhà này. Tôi chắc rằng má và chị hai tôi đang tìm cách chống lại quyết định của tía tôi.

Tôi cũng hy vọng việc cưới gả này chỉ là chuyện tía tôi vui miệng mà thôi.

Ngày rằm cũng đến. Sáng hôm ấy, tàu đồ xuôi dòng sông Hậu về ngang bến nước trước cửa nhà tôi thì bấm còi, tắt máy. Ông chủ tàu gọi với lên bờ:

- Anh Tám ơi! Có khách!

Tía tôi "ò" thật lớn để dưới bến sông nghe tiếng ông trả lời, rồi ông vừa đi ra vừa cười nói:

- Vậy mà chắc lời dữ, a!

Tôi và má tôi cũng vội ra sân, ngóng xuống bến sông coi khách nào đang tới. Tôi thấy tàu đồ tấp vào bến. Trên tàu bước xuống cầu chỉ vồn vện có ba người đàn ông. Họ xách trong tay cặp rượu và cặp vịt trống tơ. Tía tôi đón khách vào nhà. Má tôi chào khách, rồi nhận cặp vịt đem xuống bếp lo làm đồ nhậu. Bà bảo chị hai tôi châm trà mang lên mời khách. Tôi chạy vào buồng, vén màn, lén ngó ra nhà trước, thấy tía tôi ngồi với khách trò chuyện vui vầy. Khách gồm hai người già, một người hơi trẻ. Tôi đoán chừng, hai người lớn tuổi kia là họ nhà trai hoặc là ông mai, ông mối; còn người đàn ông hơi trẻ đây vẻ phong trần kia có lẽ là anh rể tương lai của tôi. Tía tôi vui lắm. Ông và mấy người khách nói đủ thứ chuyện, chuyện đất đai, mùa màng, thời tiết, cả chuyện giá lúa, giá cá, giá thịt nữa. Rồi tía tôi hỏi người đàn ông hơi trẻ.

- Thăng Vẹn! Bậy tính chừng nào?

Anh ta nhìn xuống, như suy tính, rồi ngược lên nói với tía tôi:

- Con tính, phải trước mùa nước nổi, chú Tám à! Bởi vì... Sau đó, con còn phải lo chuyện cá, mắm nữa!

Bấy giờ, tôi không hiểu anh Vẹn phải lo chuyện cá, mắm trong mùa nước nổi là chuyện gì. Sau khi khách đã ra về, tía tôi mới giải thích để mấy mẹ con tôi biết là anh Vẹn sinh sống bằng nghề đánh, bắt cá trên sông, nghề hạ bạc. Mỗi năm, vào mùa nước lũ từ sông Mê Kông đổ về đồng bằng sông Cửu Long theo hai ngả sông Tiền, sông Hậu, cá trên nguồn cũng đổ về theo. Ngoài ra, còn nguồn cá từ sông, hồ, mương, rạch, địa bàn trong đồng bằng theo nước tràn bờ, lên đồng, bơi lội khắp nơi kiếm ăn và sinh sản. Người sống nghề giăng câu, đánh lưới được mùa cá suốt ba bốn tháng nước nổi lêu bêu ấy. Người ta đánh bắt được đủ loại cá. Người ta bắt cá, được ít thì để ăn hoặc đưa ra chợ bán, được nhiều thì làm mắm phơi khô cũng để dành bán, để ăn. Nếu ai thom thảo với thân bằng, quyến thuộc thì sau khi bán, để dành lại một ít khô, mắm làm quà cáp, biếu xén. Má tôi nghe chuyện chắc lưỡi:

- Cực khổ! Con Hường ưng nó rồi sẽ cực khổ theo...

Tía tôi cười nhẹ:

- Biết sao mà sướng, mà khổ, bà? Mình cậy nó là người sống có nghĩa, có tình, biết quý vợ, thương con, trọng cha, kính mẹ... là được. Tôi chắc là con Hường về với nó sẽ không đến nỗi khổ thân đâu!

Má tôi chau mày, nhưng không cãi với tía tôi. Bà thường nhường nhịn chồng để gia đình êm ấm. Bà vẫn dạy bảo chị Hường và tôi rằng tía tôi luôn là điểm tựa về mọi mặt trong cuộc sống của mấy mẹ con. Không

phụ lòng tin cậy của má tôi, tía tôi cũng đã từng chứng tỏ ông xứng đáng hơn những khi quyết định việc nhà. Và như thế, tôi biết sẽ không có gì thay đổi quyết định của tía về cuộc hôn nhân của chị hai tôi.

Đến tháng thứ tư, sau ngày đám cưới của chị hai Hường, ông chủ tàu đồ chuyển đến nhà tôi mảnh thư của anh Vện báo tin chị hai tôi bị bệnh. Má tôi nóng lòng, bảo tôi ở nhà với tía, rồi theo tàu đồ đi chuyến sớm hôm sau, ngược dòng sông Hậu lên Long Bình thăm con gái. Má tôi đi rồi trở về với vẻ mặt buồn xo. Tía tôi hỏi. Bà dần dần mãi mới nói:

- Nó ốm nghén, lại nhớ thằng Thẩm nữa!

Thẩm là tên tôi. Tôi vừa lo cho sức khoẻ của chị hai tôi, vừa vui vì biết chị hai cũng thương nhớ tôi như tôi đã mong nhớ chị. Tôi đòi tía má cho tôi được đi thăm chị hai. Má tôi "ừ". Đêm ấy, tôi cứ nằm, không ngủ được, háo hức với chuyến đi sắp đến. Tôi nghĩ đến đường xa, cảnh lạ. Tôi nghĩ đến niềm vui gặp lại chị tôi... đang lơ mơ nghĩ, tôi bỗng nghe tiếng tía tôi gắt gỏng:

- Tại sao bà giấu tôi?

Tôi nghe tiếng má tôi ào ào. Lâu lắm. Tôi lại nghe tiếng tía tôi:

- Thằng Vện biết chưa?

Tiếng má tôi lại ào ào. Tiếng tía tôi, nghe buồn hơn:

- Thằng Thẩm biết không?

Tôi nghe tiếng má tôi sụt sịt khóc. Tôi cố căng tai để lắng nghe câu chuyện hình như có liên quan đến

mình, nhưng tôi không nghe tiếng của tía má tôi nữa. Có lẽ, tía má tôi đang mãi nghĩ ngợi và buồn phiền. Tôi cảm thấy có điều gì đó bất an cho chị hai, tôi, cái cảm giác mà tôi đã có lúc thấy má và chị hai tôi buồn khóc trong đêm nhóm họ hồi đám cưới. Điều gì đó có liên quan đến chị hai tôi, đến tôi và bây giờ lại liên quan đến anh Vẹn nữa. Điều gì đó mà má và chị hai tôi đã giấu tía tôi, lại không muốn cho tôi được biết. Điều gì đó mà má và chị hai tôi đã định biến nó thành chuyện riêng tư chỉ của hai người. Nhưng bây giờ thì không được nữa rồi. Hình như anh Vẹn đã biết. Tía tôi cũng vừa mới biết. Còn tôi đang đầy thắc mắc, băn khoăn. Điều gì đó mà tôi chắc rằng sẽ chẳng bao giờ tôi được biết ngọn ngành, gốc rễ. Tôi thật không thể nào biết được những bí ẩn riêng tư của má và chị hai tôi.

Lần ấy, chị kể với tôi là có một chiếc ghe bầu, cũng giống như chiếc ghe bầu đang đậu dưới bến sông trước cổng đình, đã mang anh ấy đi.

- Ảnh là người gốc gác làm ruộng ở miệt vườn của mình. Ảnh đóng vai Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Nguyệt Nga hay lắm! Coi bộ, ảnh là người có nghề võ, nghe chừng!

Rồi giọng chị như than thở:

- Ảnh về hát có một lần, hồi năm đó. Người hào hiệp chỉ có ở trong tuồng hát, chớ ngoài đời sao có được!

Tôi cãi:

- Sao không? Nếu như có ai bị nạn, em sẽ cứu...

- Cưng thích hào hiệp như Lục Vân Tiên, hả?

- Ừ! Còn chị? Chị thích làm gì?

- Chị không thích làm gì hết. Chị như cô Nguyệt Nga gặp nạn mà... không có Lục Vân Tiên để cứu nguy...

- Thì em sẽ cứu chị. Em sẽ đánh cướp...

Tôi chợt nhớ ra:

- Chị giỏi võ hơn em mà! Chị sợ gì cướp?

Chị hai Hường lắc đầu cười buồn:

- Chị không sợ cướp. Chị sợ thói đời bội bạc, lừa lọc thôi. Mà thôi... Bỏ chuyện đó đi!

Vậy rồi, hôm chuẩn bị đám cưới của chị, chị vừa ngồi làm bánh vừa dặn dò tôi:

- Chừng nào có gánh hát về hát cung đình, đừng nhớ hỏi thăm ghe bầu coi có ảnh về không.

- Hỏi sao mà biết?

- Hỏi người tên đó, quê ở Vĩnh Trạch...

Má tôi đang ngồi gần đấy, nghe thấy câu chuyện của chị em tôi, gất:

- Đến nông nổi như vậy mà mày còn thương tưởng, trông đợi nó, hử Hường?!

Chị hai tôi chừ ụ:

- Con lấy chồng đã đành! Còn thằng Thắm...

Má tôi quát:

- Thôi đi! Tao biểu mày câm đi! Nghe chưa?

Chị hai tôi gục mặt xuống, lặng thinh. Tôi thì lấm lét, vì chưa bao giờ tôi thấy má tôi giận dữ với chị em tôi như vậy cả.

Sau khi tôi và má tôi đi thăm chị hai Hường về, tôi thấy tía tôi có vẻ buồn bực lắm. Ông quạu cọ, cự nự, quát tháo trong nhiều ngày liền. Tôi chẳng hiểu vì sao và chẳng thấy có lý do gì khiến tía tôi phải bực mình đến vậy. Má tôi vốn có tánh nhường nhịn chồng, bấy giờ bà đây vẻ nhẵn nhụi hơn.

Tía tôi ngã bệnh sau gần cả tháng buồn phiền. Tôi linh cảm gia đình tôi đang diễn ra chuyện gì đó nghiêm trọng lắm. Được tin tía tôi bệnh, chị hai tôi và anh Vẹn cùng về thăm. Chị tôi hốc hác vì vừa qua cơn đau ốm. Chị bước vào nhà, vừa gặp mặt tía tôi, đã òa khóc. Tía tôi ngồi trên bộ ván ở nhà trước, thấy con gái về, ngoảnh mặt, lặng thinh. Anh Vẹn vào theo sau chị hai tôi, chào hỏi tía tôi. Tía tôi chỉ "ờ" lấy lệ. Thấy bộ tía tôi đang giận, anh Vẹn và chị hai tôi đi luôn ra nhà sau chào hỏi má tôi. Tôi sà đến bên chị hai tôi. Chị ôm tôi, rồi lại khóc. Tôi không hiểu gì cả. Tôi muốn hỏi chị hai tôi điều gì đó mà cũng không biết hỏi gì.

Cuộc sum họp của gia đình tôi, từ sau khi chị hai tôi lấy chồng, đã bắt đầu bằng không khí nặng nề như vậy. Nhưng sau đó, mọi việc dường như cũng ổn thỏa hơn. Tôi thấy má tôi và chị hai tôi vừa nấu ăn vừa thủ thỉ với nhau ở nhà bếp, anh Vẹn và tía tôi ngồi với nhau ở nhà trên. Tôi núp sau vách buồng, lén nghe câu chuyện giữa tía tôi và anh Vẹn. Tía tôi ngồi, lâu lắm, mới nói:

- Vẹn à! Tía... có lỗi với con!

Anh Vẹn nhăn mặt, lắc đầu!

- Tía đừng nói vậy mà con đắc tội. Tía má đã thương con, không chê con nghèo khổ lại gây gánh giữa đường, đã gây dựng cho con và em hai. Con mang ơn tía má. Còn chuyện kia, con đâu chấp nê gì. Chẳng qua là tại vì phận số em hai khổ... Bữa nay, vợ chồng con, trước, về thăm ba má, sau nữa, định nói với ba má về chuyện thằng Thắm... Con tính đưa nó về sống với vợ chồng con, mà vợ con không chịu. Vợ con muốn để thằng Thắm ở lại với tía má để nó đỡ dần tía má lúc tuổi già...

Tôi nghe tiếng của tía tôi và anh Vẹn rõ mồm một, nhưng không hiểu gì cả. Sao tía tôi lại xin lỗi anh Vẹn? Phận số chị hai tôi thế nào mà khổ? Chuyện kia là chuyện gì mà anh Vẹn bảo là chẳng chấp nê? Ý chừng anh Vẹn và chị hai tôi lại muốn dắt tôi theo. Tình cảm trong tôi bộc phát, chống đối lại ý định của anh Vẹn. Dù tôi rất mong nhớ chị hai tôi, nhưng tôi không muốn theo chị mà bỏ tía má tôi ở lại một mình. Tôi bước ra, chạy đến ôm chân tía tôi:

- Em không theo anh chị hai đâu. Em ở với tía má, hà!

Anh Vẹn chồm tới, xoa đầu tôi, cười:

- Cũng ở với tía má, phải giỏi, nghen!

Tôi "dạ" sung sướng, ngược nhìn lên mặt tía tôi. Tôi thấy hình như tía tôi muốn cười mà không cười nổi.

*

* *

Cho đến bây giờ, chị hai tôi vẫn sống đầm ấm cùng anh Vẹn. Mỗi năm, vợ chồng chị về thăm tía má tôi và tôi hai lần, một lần vào dịp Tết và lần nữa vào sau mùa nước nổi. Vợ chồng chị về, mang cả cháu bé cùng về thăm ngoại. Thằng bé bụ bẫm, rất dễ thương. Chị hai tôi nựng con, vui miệng nói với má tôi:

- Nó giống thằng Thấm hồi nhỏ quá, hả má?

Má tôi không ừ, cũng không lắc đầu. Bà chỉ thở hắt ra. Chị hai lại ôm vai tôi, hôn lên tóc tôi, hỏi:

- Tía dạy võ cho cứng tới đâu rồi?

Tôi không trả lời, bước lui ra, bỏ bộ đi cho chị xem mấy thế võ mới tập. Chị xem, ngẫm nghĩ giây lâu, rồi nói:

- Là ruột thịt, tía mới dạy cho cứng ngón đòn hiểm đó! Cứng đừng dạy lại cho người ngoài, lỡ người ta biết được phản đòn là mình chết đó.

LÀNG QUÊ XANH THẨM

Trong lòng ai cũng có một mảnh quê hương, càng đi xa, mảnh lòng ấy càng xanh thắm, càng lung linh, càng huyền diệu. Nhất là ở đó lại có một mối tình tuổi thơ, không phải là tình yêu, mà là một điều gì đó thiêng liêng vời vợi, da diết mà mơ hồ, chưa bao giờ hiện hình rõ nét, nhưng chẳng thể nào tan biến cùng thời gian.

Quê tôi nghèo lắm, hình như khi nghĩ đến làng quê ai cũng cảm thấy thương thương về cái nghèo thanh sạch của chốn lam lũ ruộng đồng, với những con người hồn nhiên chất phác.

Mảnh lòng xanh thắm ấy chỉ là một góc nhỏ xíu trong tâm trạng bộn bề tất bật của cuộc sống cạnh tranh thời kinh tế mở cửa. Tôi bị cuốn hút trong cơn lốc kiếm tiền. *Làm giàu* là niềm say cuồng khó cưỡng lại. Càng giàu về tiền bạc, lại càng thiếu thốn về thời gian. Tôi yêu nhớ làng quê, nhưng chẳng bao giờ tìm ra thì giờ để về quê cả. Có lúc tôi tự hỏi có phải trong chiều sâu tâm khảm, tôi ngại về làng, một sự ngại ngùng khó lý giải, có thể là tôi ngại đối mặt với những bà con làng xóm nghèo khổ, đã từng một thời thân thiết gắn bó? Cũng có thể là cái cảm giác về sự phong lưu hiện tại của mình như là một sự phản bội lại quê hương ngàn đời

khốn khó, mình đã mất gốc rễ chẳng? Để xoa dịu niềm day dứt ấy, tôi gửi tiền về để tu sửa mồ mả, để cúng giỗ hàng năm. Mấy năm gần đây theo trào lưu chung của xã hội khuyến khích trẻ em nghèo học giỏi, tôi cũng đã gửi về chục triệu để lập quỹ hỗ trợ "Nhân tài quê hương".

Cái mảnh quê hương xanh thắm ấy như ngọn đèn dầu hạt đậu, một chấm sáng xanh nhỏ trên bàn thờ. Đêm đêm khi thức giấc, nó lại dẫn tôi trở về với thời thơ ấu...

Mỗi khi đi học ở trường huyện về, từ trên đường cái quan, tôi đã nhìn thấy cây đa cổ thụ, nhìn xa như một cái nấm xanh, mà lúc đến gần nó lại giống một ông lão mặc áo nâu bạc phếch, đội cái nón chụp xanh, phát phơ chòm râu rễ đa.

Cách cây đa một cánh đồng, có một lũy tre xanh bao kín một vùng, đó là làng tôi. Lũy tre dày đặc đến con chó cũng không thể chui lọt. Cổng tiền được xây bằng gạch, cánh cổng bằng gỗ lim, phía trên cổng có chạm ba chữ nho. Các cụ già giảng cho lũ trẻ chúng tôi là khi lập làng cụ nghè đã đặt tên *Đạo đức thôn* cho xóm của mình, lấy đó làm phương châm sống của mọi người. Mấy thế kỷ đã trôi qua, rồi bom đạn chiến tranh, vậy mà cái cổng vẫn sừng sững đứng đó với hai cánh cổng đen thẫm đã sứt sẹo, nhưng vẫn vững chắc.

Còn cổng hậu thì làm bằng tre, những lùm tre cao được vít cong lại thành hình vòm, cánh cổng bằng tre già rần như sắt ken lại. Lối này thường để lừa trâu ra

đồng và các xe cút kít nặng nề qua lại. Đây là lối đi để làm lụng đồng áng. Còn đi học, đi thăm hỏi, đi chợ búa nhất thiết ai cũng đi cổng chính. Đã xuất hành là phải đường đường chính chính, cái lệ làng tôi là như vậy.

Mỗi lần về đến đầu làng, thế nào tôi cũng thấy cái dáng nhỏ bé thấp thoáng sau cánh cổng, tôi biết Xoan đang nán nà chờ tôi ở đấy, tim tôi rộn ràng niềm vui. Cô bé lên mười ấy giả vờ quay lưng như không hề biết tôi đi tới. Đợi tôi đến gần, em nghiêng đầu lén mắt nhìn cười bẽn lẽn: "Cậu đi học về ă", "Chào Xoan, em làm gì đấy?" Xoan chỉ vào gánh cỏ, một đôi quang nhỏ cỏ đầy tận giống: "Em cắt cỏ cho bò". Cô bé dúm cho tôi một nắm sim chín, hay vài trái ổi, trái roi. Chỉ thế, rồi thoát đặt đòn gánh lên vai, nhún nhảy, chạy biến về nhà ở mãi cuối thôn.

Quê tôi thuở ấy chỉ toàn nhà gianh, chỉ trừ ngôi nhà thờ họ, nhà bố tôi và nhà chú tôi là nhà ngói. Những ngôi nhà cột gỗ, tường đá ong, mái ngói lè tè, nhưng trong mắt mọi người đó là cơ ngơi toà ngang dãy dọc, là niềm tự hào của dòng họ thành đạt. Nhưng tôi thích nhất là làng tôi nhà nào cũng có một khu vườn, dĩ nhiên vườn nhà tôi thì rất rộng, cây mít, cây roi, cây nhãn... đủ hết, mùa nào thức ấy. Mà cả những ngôi nhà tranh ba gian nhỏ bé cũng có vườn, cũng um tùm cây cối, tiện có giống cây nào thì trồng thứ ấy miễn là có bóng mát và có trái cây cho trẻ con nhấm nháp. Hoa quả ở làng là để biếu cụ già, cho trẻ con, chẳng ai đem bán bao giờ.

Suốt chặng đường từ huyện về, nắng chang chang,

đường nhựa nóng giã, vùng gió Lào nằng như lửa đốt, gió như lửa táp, con người cảm thấy như khô quắt lại thành cành củi khô, tưởng chừng có mỗi lửa là sẽ cháy bùng lên được.

Nhưng bước vào cổng làng, dường như bước từ mùa hạ sang mùa thu, không khí dịu lại, thoang thoảng hương hoa cau, hoa bưởi, và ríu rít tiếng chim chuyền cành, lao xao tán lá toả rợp thôn làng.

Bây giờ mỗi lần bước vào phòng điều hoà nhiệt độ, lòng tôi lại trỗi dậy cảm giác như ngày nào ở làng quê. Tôi nhắm mắt lại, cố quên đi những tiện nghi hiện đại sang trọng trong phòng, để tìm được niềm hân hoan xưa kia mỗi khi đi học trở về với ngôi làng xanh thắm cùng những lũy tre, những rặng cây và những con người đôn hậu dịu dàng như chính cái không khí trong lành của ngàn cây che chở nuôi dưỡng tuổi thơ mình.

Ngôi làng xanh ấy còn mãi trong tôi, nhưng mà cái làng tôi bây giờ thế nào thì chẳng làm sao tưởng tượng ra được nữa.

Mỗi lần có người làng ra Hà Nội, tôi vui mừng đón tiếp, vừa náo nức muốn nghe chuyện quê mình, lại vừa không muốn biết những đổi thay, một nỗi sợ mơ hồ luôn ám ảnh tôi về cái làng xanh bỗng nhiên biến mất.

Những lớp thanh niên ở làng hàng năm ra Hà Nội để thi đại học, thì họ lại có vẻ thích thú về mỗi đổi thay ở quê nhà. Thăng Châu, cháu nội của cô tôi, hào hứng nói:

- Thế là làng ta phá lũy tre rồi, bây giờ trống hơ trống hoác, buồn cười lắm. Nhưng nhà nhà đều xây gạch lợp ngói.

Vào làng đi lối nào cũng được, chẳng phải đi vòng công làng.

- Trời, sao lại phá lũy tre? - Tôi bật dậy tức giận như vừa bị ăn cướp, hét lên quát Châu như chính cậu ta đã đang tâm phá làng vậy.

- Phải phá thôi, bác ạ, nhà nào cũng sinh con đẻ cái, phải bành trướng chiếm đất làm nhà, thử hỏi cái thôn nhỏ bao bọc bằng tre làm sao chứa nổi ngần ấy con người.

Tôi thở dài, cũng phải vậy thôi, người ta cần đất để sống! Nhưng đến năm sau, tôi lại nghe tin mùa lốc bão đã xoáy bóc mấy ngôi nhà, mấy người bị nhà đổ đè chết. Các cụ già nguyên rửa lũ người ngu dại, dám động đến phong thổ, nên trời trừng phạt.

Và tôi chợt hiểu ra, tại sao quê tôi xưa kia thôn nào cũng có lũy tre bao quanh, chính là để chống lại thiên nhiên khắc nghiệt miền Trung, luôn luôn có gió bão thất thường. Lũy tre là bức tường thành cao vút và dẻo dai, ôm gọn làng xóm, che đỡ bão tố cuồng phong.

Nhưng đổi mới là xu hướng tất yếu của lớp trẻ, họ không cam chịu trở về cách sống cũ. Bây giờ họ xây nhà tầng đổ bê-tông, mái bằng. Nghe nói khắp nơi trong làng lò gạch mọc lên, mấy hòn lèn đá vôi đã bị khai thác mòn vẹt đi, lò nung vôi thủ công đang ngốn dần những phong cảnh hùng vĩ quê tôi, và cây cối tàn lụi khô héo dần.

Tôi không dám nghe chuyện nữa, làng tôi đang giàu lên, mà sao lại khủng khiếp làm vậy? Nhưng còn Xoan của tôi thì sao? Chẳng ai nhắc đến cả. Cũng là lẽ

thường tình thôi, lớp trẻ làm sao chú ý đến một người đàn bà luống tuổi, nghèo khổ ấy được.

- Thế cô Xoan con bà Chắt Thìn bây giờ ra sao?

Tôi lựa lời gợi ý như vậy, những mong chuyển hướng câu chuyện, khỏi phải nghe về cái làng không còn màu xanh ấy nữa.

- À, o Xoan lấy lão Long thợ mộc. Sinh một đàn năm đứa con gái. Bây giờ gầy như cái xác ve! - Họ thản nhiên nói.

- Thế nhà cửa ra sao, còn ở chỗ cũ không? - Giọng tôi nghẹn lại, nhưng cố tỏ ra thản nhiên.

- Vẫn ở chỗ cũ, cũng đã làm nhà ngói, có điều tường con kiến, mái ngói rếch roác, mùa mưa trong nhà ướt như ngoài sân, trời nắng trong nhà nóng như hầm lò, mà trời rét thì gió thông thoáng như ngoài đồng, như thế thà ở nhà tranh còn hơn! - Đám thanh niên vẫn kể với cái giọng vô tình.

Tôi buột miệng xót xa:

- Khổ cho cô Xoan quá, sao lại để lắm thế, để đến nỗi nghèo xác xơ như vậy.

- Không nghèo đâu, bác ạ. Lão Long làm thợ mộc khối tiền, nhưng lão bảo nếu để được con trai thì sẽ xây nhà to chẳng kém ai. Nhưng không để được nữa, lão sẽ sang làng bên xây nhà tầng, cưới cô vợ trẻ để kiếm đứa con trai xứng đáng hưởng của thừa tự của lão.

- Sao lại có người gàn dở đến thế nhỉ?

- Nhưng mà ác giả ác báo, bác ạ, vừa rồi lão chơi bởi

uống rượu say, bị cảm mạo cảm khẫu. Bây giờ nằm liệt giường, chỉ khổ cho o Xoan đã ốm yếu lại phải hầu hạ cái lão liệt nửa người ấy. May mà mấy đứa con gái vừa ngoan lại vừa đảm, đỡ dần giúp đỡ mẹ, chứ không thì o ấy cũng ốm mà chết rồi. Tiền bạc đổ vào chữa bệnh cũng đã hết sạch!

Tôi không còn lòng dạ đâu để nghe chuyện về cái gã Long gàn ấy, tôi cháy gan cháy ruột nghĩ về Xoan. Sao mà cái số của em lại khốn khổ làm vậy! Thế là tôi cố thu xếp thời gian để về quê. Xe ô-tô con bon bon chạy trên đường quốc lộ phẳng lì, chỉ sáu tiếng đồng hồ là về đến làng. Mất hết có một buổi mà tôi đã lần lữa đến ba mươi năm!

Về đến ngã ba lối rẽ vào làng, tôi bảo lái xe dừng lại, xuống xe ngóng về phía làng, chẳng thấy cây đa đâu nữa. Trời ơi cây đa của tôi! Sao chẳng nghe ai nhắc đến nó bị triệt hạ tự bao giờ? Cây đa đã từng toả bóng đón lũ học trò chúng tôi nhể nhại mồ hôi sau một chặng đi bộ bảy cây số từ trường về, chúng tôi đã sà đến gốc cây, mỗi đứa tìm một chỗ tựa lưng ngồi lim dim mắt ngóng về phía làng, khoan khoái từ trong bóng râm mát rượi nhìn ra cánh đồng trải dài dưới ánh nắng chói chang, ánh sáng lọt qua khe mắt nhấp nhánh bảy sắc, và vòm cây bỗng như xanh hơn, tỏa hương thanh khiết, lá rì rào nhẹ nhẹ, lũ chúng tôi thiếp đi trong giấc ngủ mơ hồ.

Cây đa ấy còn là nơi thỉnh thoảng tôi làm như vô tình gặp Xoan. Tôi biết em thường đi cắt te bắt tép. Chỉ buổi trưa nước ruộng nóng lên tép mới nổi nhiều. Các cô

bé cần mẫn ngồi trên bờ ruộng thả những cái te, rắc thỉnh, rồi chờ đợi, lát sau nhấc lên, vãi con tép mắc trên mặt te, mỗi lần chỉ vãi ba con tép tý xíu, vậy mà phơi nắng suốt từ trưa tận chiều cũng được non một bát tép.

Đám bạn tôi ngủ dậy giác lần lượt về nhà, còn tôi giả vờ lim dim mắt ngủ tiếp, đến khi chúng nó khuất sau rặng tre là tôi bật dậy chạy đến bên Xoan. Trời nắng, mặt em đỏ chín như quả mận quân, em đội cái nón rách to tướng của mẹ, chạy đi chạy lại bên bờ ruộng nom như cái nấm lùn di chuyển. Thấy tôi em cười rạng rỡ. Còn tôi nét mặt nghiêm trang làm như đi quan sát: "Xoan đã bắt được nhiều tép chưa?" Em giở cái rổ, nhấc cánh lá lên, dưới đáy rổ những con tép tròn suốt nháy tứ tung. Xoan tần ngần hỏi nhỏ: "Bạn có thích ăn tép không?" Tôi quây quây lắc đầu: "Tôi ghét nhất tép, ăn cứ bị đâm vào lợi, đau cả mồm". Một thằng bé mười hai tuổi đầu đã biết tế nhị, tôi không ngờ mặt em xịu xuống buồn tênh, em lẳng lặng cúi đầu lủi thủi đi cất te lên, tay em nhẹ nhàng vỗ vỗ cái te vào rổ. Tôi chợt nhận ra mình đã làm Xoan giận, vội nói chữa: "Nhưng mà mắm tép thì tôi thích lắm, mẹ tôi luộc thịt chấm mắm tép ăn với khế, chuối chát, rau thơm ngon lắm". Nét mặt Xoan tươi lên, em nhìn tôi gật đầu. Lúc đó tôi không nghĩ ra là nhà nghèo như em có bao giờ được ăn thịt, trừ ngày Tết. Sở dĩ em vui vẻ là vì thấy tôi thích món tép mà thôi.

Cuối hè năm ấy, bố tôi quyết định đưa tôi ra Hà Nội ở cùng ông để đi học. Thật vui mừng biết chừng nào? Được ra Thủ đô sống trong những toà nhà cao tầng, đèn

diện sáng choang, quạt máy vù vù, và phóng xe đạp đi học. Thế là thoát khỏi chốn thôn dã quê mùa lạc hậu. Niềm vui của tôi lớn đến nỗi bị tâm hồn choáng ngợp chẳng hề mấy may thoáng chút buồn biệt ly nào.

Buổi chiều trước hôm ra đi, tôi đi chào khắp bà con thôn xóm, cuối cùng mới đến nhà Xoan. Nhà em thật nghèo, ba gian nhà tre chật hẹp, đến cái bàn thờ cũng làm bằng tre. Nhưng hai đứa em của Xoan đều xinh xắn, sạch sẽ như chị nó. Tôi vuốt má từng đứa, rồi chia cho mấy thanh kẹo lạc. Kẹo đó là tôi định dành để tặng Xoan, nhưng em vắng nhà, tôi ngượng không dám nhờ chuyển hộ. Khi tôi về đến đầu ngõ thì gặp Xoan đứng chờ, em lúng túng đưa cho tôi cái hũ đất nhỏ, lý nhí nói: "Mắm tép em làm lấy đấy". Tôi chưa kịp cảm ơn thì em đã ù té chạy mất. Chẳng hiểu sao lúc ấy tôi lại bật cười lảm bảm: "Cô bé ngốc nghếch, ai lại tặng quà người sắp ra Thủ đô bằng mắm tép bao giờ?" Tôi nghĩ thầm vậy với chút lòng thương hại. Về nhà, tôi lên xuống bếp để cái hũ vào trong chạn.

Hôm sau tôi ra đi, và quên bằng cái hũ mắm ấy cho đến tận bây giờ...

Lúc này nhìn ra đồng ruộng mênh mông, nắng xé trưa gay gắt, có lẽ nước ruộng cũng nóng lên rồi, nhưng chẳng có bóng dáng ai đi cấy te, bởi làm gì còn tép nữa mà bắt. Phân hóa học, thuốc trừ sâu đã diệt cả tép lẫn cua đồng. Bỗng nhiên tôi lại thấy thèm món riêu cua, và mắm tép. Một cơn thèm như là sự khát khao cái hương vị làng quê xưa kia, mà một thời tôi đã lãng quên. Trước mắt tôi, ngôi làng hiện ra nhấp nhô nhà

cao, nhà thấp, nhà nọ san sát nhà kia, tường xây liền tường. Trụi trơ như con gà trọi, vạm vỡ mà chẳng có lông, chỉ có màu da đỏ đỏ với cái dáng ngổ ngáo.

Tôi ngao ngán bảo cậu lái xe: "Cậu tìm chỗ gửi xe, rồi chờ tôi một lát. Tôi đi bộ vào làng, rồi sẽ trở ra ngay". Cậu lái xe ngạc nhiên quá: "Sao anh lại bảo sẽ về quê ở lại vài ngày cơ mà?" Tôi thở dài nói: "Mình nhớ ra là ngày mai có cuộc họp quan trọng cần phải về dự". Đành phải giải thích qua quýt vậy thôi, bởi vì về làng mà chẳng còn làng quê nữa thì ở lại mà làm gì?

Tôi lững thững đi bộ, tay xách túi quà đi về làng. Cái cổng không còn nữa, nhưng mà lối đi vẫn là con đường lát gạch ngày xưa. Trước kia phẳng phiu đẹp là thế, mà bây giờ sứt lở gồ ghề, hai bên cống rãnh lộ thiên nước chảy đen ngòm. Hai cái ao làng ngày xưa thả sen, bây giờ nước thải tù đọng làm nổi lên lớp váng nhờ nhờ. Ngày xưa nhà gianh vách đất, nhưng đường xá ngõ xóm phong quang. Còn bây giờ nhà tầng, nhà mái bằng, nhưng mà hình như chẳng ai lo đến quang cảnh làng xóm nữa.

Nhìn lên ban-công mỗi nhà đều san sát chậu cảnh, trồng đủ thứ cây, thậm chí trồng cả cây duối, cây cọ, cây mây, cây đa... *Cây giả vờ* được thay cho *vườn cây thật*. Những hàng rào duối, hàng rào dâu chẳng còn, mà đến cả cây cau bụi chuối cũng chẳng thấy. Còn sót lại vài cây mít, cây ổi, lá cành xơ xác, giương những cánh tay khẳng khiu lên trời như những người ốm đói đang kêu gào với trời đất. Làng tôi giàu có mà tiêu điều làm sao!

Tôi không định hướng được nhà chú tôi ở đâu, gặp một cậu bé tôi hỏi: "Nhà ông giáo Thịnh ở đâu cháu?" Thằng bé lạ lẫm nhìn tôi, rồi nói trống không: "Kìa kìa, cái nhà hai tầng có cổng sắt". Tôi nhận ra vị trí ngôi nhà ngày xưa, nhưng nay vườn tược chẳng còn, tất cả đều đã đã xây hết: nhà lớn, nhà phụ, chuồng trại, xưởng chế biến bột sắn. Đất đai tận dụng triệt để đến tận bờ rào. Tôi thâm thán phục các chú em tôi có đầu óc làm ăn kinh tế. Thảo nào phát đạt có tiền xây ngôi nhà lầu to lớn thế.

Thấy tôi về, chú thím tôi mừng quá, hai ông bà run rẩy lập cập nắm lấy tay tôi, nước mắt trào ra. Hai cụ già đi nhanh quá, người đét lại, da mai mải, đôi mắt lơ lơ mệt mỏi.

- Chú thím ồm hay sao? - Tôi không nén nổi buột ra câu chào thất thố ấy.

Chú tôi cười gằn:

- Chẳng ồm đau gì sất, nhưng mà không thể nào sống nổi nữa.

Thím tôi cười dần hoà, nắm tay tôi kéo vào buồng trong, ở đây có cửa sổ rộng, một cây chanh già sum suê cành lá, lốm đốm những hoa trắng nhỏ thơm dịu, và những cành lúc lỉu chanh cốm. Chú tôi nói:

- Chú phải đấu tranh gắng lắm mới giữ được mảnh đất con con này để giữ lại vài cái cây. Chúng nó định tận dụng xây nhà nốt đấy. Sao mà cái thời bây giờ chúng nó ngu thế không biết? Chỉ biết làm giàu mà không biết sống cho ra sống!

Tôi cũng sờ nghe câu phán bảo đánh thép ấy. Thím tôi nhẹ nhàng nói:

- Mỗi thời mỗi khác, phải không cháu? Thím đã bảo với ông ấy là cái thời mình đã hết, còn sống mấy năm nữa chớ nên làm phiền chúng nó.

Chú tôi thở hắt ra, rồi như tìm được chỗ trú những nỗi niềm dồn nén bấy lâu, chú khoa tay nói:

- Ngày xưa nhà tranh nền đất, nước chảy đến đâu đất ngấm đến đấy, đất ngấm đến đâu cây xanh đến đấy. Cái vòng luân chuyển ấy làm cho xóm làng sạch sẽ, không khí trong lành. Còn bây giờ chúng nó đua nhau làm nhà bê-tông, chuồng lợn cũng sàn xi-măng, nước bẩn tất phải dồn ra ao, mà ao tù thì nước đọng, ô nhiễm đến cá cũng chết. Thành phố người ta trước khi xây nhà là họ xây hệ thống cống trước, xây dựng đường đi lối lại trước. Còn ở nhà quê cũng đua theo làm nhà tầng, để rồi đường sá ngập ngụa, cây cối cũng không sống nổi nữa. Đua đòi văn minh mà không có văn hoá nên mới dở hơi dở đời thế này!

Chú tôi là nhà giáo, là trí thức nông thôn. Trước kia mỗi lời của cụ đều được dân làng kính cẩn lắng nghe. Nhưng từ dạo nền kinh tế thị trường xâm nhập vào làng quê, mà ông vẫn giữ cách sống thanh bạch, nên dần dần con cái trong nhà, đám trai làng ăn nên làm ra, không còn tôn trọng những bậc trí giả mà nghèo hèn nữa. Tiếng nói của ông chẳng lọt tai chúng nó, mà ông lại trở thành như người gàn dở.

Còn tôi, tôi thấy ông thật sáng suốt, một người

minh mẫn mà bất lực, trông thật tội nghiệp. Tôi lựa lời an ủi:

- Xây nhà cao đẹp là đúng, chú ạ, chẳng thể chui ra chui vào mấy gian nhà tranh mãi như thời xưa được. Có điều là phải trồng cây thật nhiều, có cây xanh bóng mát là không khí trong lành ngay. Rồi phải làm hầm bi-ô-ga để chứa phân và có khí đốt. Thế là làng xóm sạch sẽ ngay thôi.

Chú tôi nhếch mép cười thiếu nảo:

- Chúng nó mà nghĩ được thế thì ơn trời quá! Nhưng mà trồng cây đâu phải ngày một ngày hai. Chặt cây chỉ một giờ, chứ trồng cây phải một đời. Mà lò gạch lò vôi nung, khói độc suốt ngày cây nào mà mọc được?

Chú tôi chưa nói hết câu thì bà con làng xóm kéo đến, ngồi chặt nhà, nhao nhao hỏi han, trò chuyện râm ran.

- Thế nào, chú Hưng lâu ngày về quê có thấy quê ta đổi mới không? May nhờ có chính sách mở cửa mà quê nhà mới giàu có lên được, chứ thời hợp tác thì chỉ quanh năm cơm độn khoai, nhà tranh vách đất.

Tôi gật gật đầu, cười cười, mà trong lòng chẳng biết nên mừng hay nên buồn. Dân làng giàu lên mà quê hương lại như **căn** cõi lại.

- Vâng, cháu về lần này chẳng còn nhận ra quê mình nữa.

Ông chú họ xa của tôi, một cụ cao niên vào bậc nhất làng, thở dài, rồi khàn khàn nói:

- Giàu có kiểu này thì tôi muốn xin đi vùng kinh tế mới mà ở. Ở đó may ra còn có cây xanh che chở.

Một cụ khác tiếp lời:

- Tôi định xin xã cho dựng cái lều ở vườn cây ăn quả của tổ phụ lão, để vừa trồng vườn, vừa nương nhờ bóng cây, may ra còn sống thanh thản thêm vài năm nữa, chứ bị nhốt vào mấy bức tường xi-măng cốt sắt này khô héo cả người.

Mấy cậu bạn tôi 'thuở xưa, nay đều đã luống tuổi, tóc lốm đốm hoa râu, ngồi im lặng chuyển tay nhau cái điều cày rít sông sọc. Đợi các cụ già than thở ngớt cơn, họ mới hỏi tôi:

- Cậu Hưng là kỹ sư xây dựng, cậu góp ý cho cánh tôi xem nên khắc phục thế nào? Chứ cả làng đua nhau xây nhà thế này xem ra bất tiện lắm. Nhất là cái khoản giếng nước, bây giờ ô nhiễm hết. Đến tắm giặt còn bẩn, chứ không dám ăn uống. Bể nước mưa chứa bao nhiêu cũng không đủ. Có lẽ phải xin khoan giếng, có đắt lắm không chứ?

Tôi mỗi mệt quá chừng, không khí nóng bức, trong lòng lại buồn bực, hơn nữa tôi bồn chồn muốn gặp Xoan. Nhìn quanh chỉ thấy lối nhốt người, chẳng hề có bóng dáng em đâu. Tôi trả lời qua quýt: "Đúng, nên khoan giếng, vài triệu một cái thôi". Thím tôi là người tinh tế, bà nhận ra vẻ mặt sốt ruột của tôi, bà tươi cười đứng dậy nói to:

- Thừa các cụ, các bác, cháu Hưng mới đi đường xa về chắc còn mệt, xin phép cho cháu đi tắm táp, rồi tối nay sẽ trò chuyện nhiều.

- Phải, phải!

Mọi người đứng dậy vui vẻ ra về.

Lúc này tôi mới nhìn thấy một người đàn bà gầy gò ngồi khấp nép ngoài hiên, bà ta lập cập đứng dậy nhưng không về. Thím tôi hỏi:

- O Xoan đấy ư?

- Vâng, cháu chào bà ạ.

Tôi sững người, trời ơi Xoan! Sao lại đến nông nổi này? Nhưng tôi cố lấy vẻ tự nhiên:

- Cô Xoan đến lúc nào mà tôi không biết.

Xoan lặng lẽ bước vào nhà nói với thím tôi:

- Xin phép bà cho phép cháu nói chuyện với anh Hưng một lát. - Rồi cô nhìn tôi, đôi mắt buồn đến nao lòng: - Anh làm sao nhận ra được, em như bà lão bảy mươi, phải không anh?

Tôi lúng túng nói lảng:

- Ba mươi năm rồi, ai cũng phải già đi thôi. Nhưng Xoan thì ốm yếu quá. Em bị bệnh gì ư?

- Em sắp chết rồi! - Xoan lẩm bẩm.

Vừa lúc đó một cô bé khoảng chín mười tuổi chạy ừa vào:

- Mẹ, con đi tìm mẹ mãi.

Xoan vuốt tóc con:

- Đây là Xoan bé, con gái út của em.

Cô bé giống hệt Xoan thuở xưa. Cũng mặt tròn với hai lúm đồng tiền, đôi mắt đen lấp lánh.

Tôi ngây người choáng ngợp, đây mới thực là Xoan

của tôi, dường như quên hẳn người đàn bà tàn tạ kia, tôi kéo cô bé vào lòng:

- Bác tặng cháu đây. - Tôi đưa cho cháu túi quà có quần áo, bánh kẹo và sách vở. Cô bé nhoeo cười với tôi, rồi ôm gói quà chạy biến.

Lúc này tôi mới sực nhớ đến câu nói của Xoan, tôi an ủi:

- Chết sao được, em vất vả lại sinh nở nhiều nên kiệt sức thôi. Cố gắng bồi bổ, đừng để nữa nhé mà khổ.

Xoan cúi mặt giấu nước mắt đang ứa trào:

- Cũng tại em cả, em cứ cố để để cho được đứa con trai, chồng em dọa sẽ bỏ em vì làm cho dòng họ anh ta tuyệt tự. Nếu em nghe lời bác sĩ cắt dạ con vì có u từ lâu, thì đâu đến nỗi bây giờ bị ung thư...

Tôi vội ngắt lời:

- Bây giờ vẫn có thể mổ được. Tôi sẽ đưa Xoan ra Hà Nội, ở đấy có bệnh viện K chuyên chữa về ung thư. Đừng lo tốn kém, mọi chi phí tôi sẽ lo liệu cả. - Tôi dúm vào tay Xoan gói tiền đã chuẩn bị sẵn. - Xoan cầm lấy để đỡ khó khăn.

Xoan đẩy gói tiền ra lắc đầu.

- Tiền bạc có nghĩa lý gì đâu, anh? Chồng em đã từng có nhiều tiền lắm, vậy mà mẹ con em lại khổ cực quá chừng. Bây giờ anh có giúp gì cũng đều muộn quá rồi. Ung thư của em đã di căn sang gan, ruột. Bệnh viện tỉnh họ trả em về quê để chờ chết.

Long, chồng Xoan, là bạn học của tôi, cùng là lũ học

trò nghịch ngợm nhất quý nhì ma, cậu ta hiền lành, ốm yếu mấy lần đi tuyển quân đều bị trả về, học hành lại kém, nên đành ở lại quê nhà đi học nghề thợ mộc. Thời chiến tranh trai làng ra trận hết, cậu Long trở thành đám sáng giá nhất làng, mà các cô thiếu nữ mơ tưởng. Ngày Xoan lấy Long ai cũng nắc nỏm khen tốt số. Chẳng ngờ bây giờ đến nông nổi này. Tôi nói với Xoan:

- Cô dẫn tôi về nhà thăm cậu Long, bạn bè thân thiết cũ, tôi muốn gặp cậu ấy.

Xoan thất thểu đi trước, tôi chậm chậm bước theo sau, nhìn dáng người ốm o như bộ xương lê bước, tôi rùng mình nghĩ về một kiếp người khốn khổ, mà chẳng phải bị ai đẩy đoạ, cứ tự mình chuốc lấy tai họa.

Bước vào nhà vợ chồng Xoan, tôi sửng sốt, đây không phải là nhà mà là cái lán dựng tạm như ở các công trường. Bốn bức tường con kiến mỏng manh, với mái ngói tây lợp lổm chổm, nắng rơi lổm đổm trên nền nhà xi-măng. Hình như vợ chồng nhà này đang tạm trú để đợi chờ cuộc sống nào khác. Tôi đến gần chiếc giường kê trong góc nhà, một bộ xương đang cựa quây:

- Ai đến đó?

Xoan lại gần nói:

- Bố Long, anh Hưng ở Hà Nội về thăm.

Tôi đứng chết trân trước cảnh tượng thê lương, hai vợ chồng như hai vong hồn ở thế giới âm ty địa ngục nào, chứ không phải ở trần gian.

- Long ơi, Hưng đây mà, cậu nhớ không? - Tôi cố trấn tĩnh nói.

Long lồm cồm chống tay ngồi dậy:

- Mừng quá! Mừng quá! - Anh ta lấp bắp vậy, rồi òa lên khóc như thuở bé bị đánh đòn: - Hưng ơi, mình sai rồi, cả đời mình chỉ toàn sai thôi...

- Đừng nói thế, mỗi người một số phận. - Tôi an ủi chiều lệ.

Long lắc lắc cái đầu bù xù:

- Không phải số phận đâu, mà tự mình làm khổ vợ con mình. Bây giờ có chết cũng không nhắm mắt được.

- Cậu yên tâm, cố gắng thuốc men tĩnh dưỡng, rồi cậu sẽ khỏi bệnh thôi mà.

- Hưng ơi, mình muốn chết mà không chết được, mà muốn sống cũng chẳng sống nổi. Trời dày đây mà! Nếu Xoan mà có mệnh hệ nào thì mình sẽ tự tử. Cũng đáng cái kiếp mình!

- Nói vậy nào! Xoan cũng sẽ khỏi bệnh, mà cậu có cả một đàn con gái ngoan là thế, phải gắng sống để mà nhìn chúng nó trưởng thành chứ?

- Cũng chỉ tại mình, chỉ mong con trai nên mới để Xoan bị bệnh nan y, chỉ mong con trai nên bỏ mặc lũ con gái học hành dở dang, nhà cửa cũng chẳng lo làm nơi ăn chốn ở đàng hoàng. Cứ chờ, cứ đợi *con trai*, mà cả cuộc đời sống không ra sống.

- Thôi, thôi chuyện đã qua rồi, không nói lại nữa. Bây giờ phải lo cho những đứa con hiện tại. Cậu và Xoan phải lo chữa bệnh, khoẻ rồi thì lo dựng lại nhà

cửa. Không có con trai thì sau này chọn chàng rể nào tử tế nhất cho làm thừa tự.

Long nhếch mép chẳng hiểu cười hay mếu:

- Giá mình sớm hiểu được như vậy, thì cuộc đời đã tốt đẹp. - Cậu ta đổ vật xuống giường nằm rũ như tàu lá héo.

Tôi lén để gói tiền lại trên bàn, rồi chào:

- Cậu nghỉ nhé, mình về đây.

Xoan từ nãy giờ ngồi trong bếp, bước ra đón tôi ở cổng nhà.

- Anh Hưng, em muốn cậy nhờ anh một việc.

- Xoan cứ nói đi, việc gì tôi cũng sẵn sàng giúp Xoan.

Cô cúi đầu ngập ngừng, rồi nói rất nhỏ:

- Tạ ơn Trời Phật đã thấu lòng thành em nguyện cầu, thế là em được gặp anh. Cho em được thổ lộ điều em giấu kín suốt cả đời. Anh ơi, cả đời em chỉ có mỗi mong ước là được sống gần anh, làm con sen đứa ở cũng được, miễn là hằng ngày được nhìn thấy anh như thuở em đi cắt cỏ đứng chờ anh ở cổng làng. Bây giờ thì đời em đã hết rồi, chỉ tính ngày, chứ không tính tháng được nữa. Mà con bé út nhà em còn bé dại quá, các chị nó đứa thì đã lấy chồng, đứa đi làm xa. Với lại ốc chẳng mang nổi mình ốc nữa là đã mang đèo bòng thêm em út, bố nó nằm liệt cũng chẳng còn sống mấy nả nữa. Anh ơi, em muốn cậy nhờ anh nuôi nấng giúp cháu Xoan Bé, cho cháu học hành đến nơi đến chốn, thuở xưa em ước ao vậy mà không được, bây giờ sinh năm mất

con, chúng đều học hành dang dở, em chỉ cầu sao có được một đứa trưởng thành bằng người...

Bổng Xoan quỳ sụp xuống vái tôi ba lạy:

- Em xin lạy anh, kiếp này không được hầu hạ anh, xin kiếp sau sẽ đền đáp công ơn anh...

Tôi hoảng hốt đỡ Xoan đứng dậy:

- Được, tôi sẽ nhận Xoan Bé làm con gái. Tôi sẽ yêu thương nó như con của mình.

Xoan đứng tựa vào cổng nhà, nước mắt đầm đìa, mà miệng lại cười, trên đôi má gầy lại thấp thoáng lúm đồng tiền. Một thoáng sáng ánh lên trong đôi mắt mờ đục.

*

* *

Chuyến về quê ấy tôi ở lại ba ngày, chứ không phải về ngay như tôi nói với cậu lái xe. Tôi ở lại để làm thủ tục giấy tờ chuyển cháu Hoa Xoan ra Hà Nội.

Tôi đổi tên Xoan Bé thành Hoa Xoan khi làm giấy khai sinh cho cháu, ra đời đã mười tuổi mà chẳng ai quan tâm đến cái việc cháu tồn tại trên đời về pháp lý. Mẹ cháu mất sau đó một tháng và tiếp liền là bố cháu cũng qua đời.

Hoa Xoan bây giờ là con gái chúng tôi, vợ tôi yêu quý cháu lắm. Chúng tôi có hai con trai đều đã đi làm và học đại học. Có đứa con gái xinh xắn hay lam hay làm, lại hay ca hát khiến cho gia đình tôi vui hẳn lên. Vợ tôi gọi cháu là "Ôsin của mẹ", cháu thích cái tên ấy và ước mơ cuộc đời như Ôsin.

Sau chuyến về quê ấy, tôi còn trở lại nhiều lần để giúp xã quy hoạch lại đường sá cống rãnh, khoan được mười cái giếng nước bơm tay, và thí điểm làm thử một cái hầm bi-ô-ga cho chú tôi.

Là kỹ sư xây dựng, mấy chục năm qua chỉ đi xây nhà cho khắp tứ xứ, còn với quê hương tôi chỉ giữ một mảnh hoài niệm về cái làng xanh thắm trong tâm tưởng. Bây giờ đây, đêm đêm thức giấc tôi vẫn nhớ về làng quê, có điều không phải mơ màng về ý ức thời thơ ấu, mà là trăn trở nghĩ suy để xây dựng được một mô hình làng văn minh, trong giấc mơ tôi thấy làng mình nhà cửa đẹp như biệt thự, vườn cây xanh tốt, bồn hoa rực rỡ, giống như một làng quê nào đấy ở châu Âu mà tôi đã từng đi tham quan.

BIỂN HỒ LẠI LẠNG

Năm ấy, bị đuổi khỏi trường đại học, tôi phiêu bạt vào tận Phan Thiết, làm nước mắm ở Phan Rí Cửa, tưởng đời đến đây là xong, nào ngờ không ở được, phải tốc ngược lên Tây Nguyên. Không xu dính túi, tôi làm ét xe đồ kiếm cơm, cũng lên được Gia Lai. Mấy ngày phục ở bến xe chỉ mong gặp ai nói giọng Trị Thiên. Không biết cái sự "đồng hương miền" có mang lại điều gì không, nhưng cứ hi vọng. Người đầu tiên tôi gặp là anh Hân, mừng run người.

- Mày chịu được thì đi!

- Được! Em chịu được! - Tôi hồi hả quả quyết, như sợ chỉ chậm trễ chút xíu thôi là vượt mất cơ hội lớn.

Anh kéo tôi đi. Lại xe đồ. Chật như nêm cối, và bẩn, hôi. Đường mùa khô Tây Nguyên quạch bụi đỏ, bốc từng đám sau bánh xe. Đèo dốc, rừng rẫy. Anh Hân ngủ gật, đầu lắc lư gật gù, chòm râu bờm xờm bám đầy bụi. Tôi không dám mở miệng hỏi. Cũng chả còn lòng hoài nghi đắn đo, thế nào cũng được, miễn không phải một mình giữa xứ sở xa lạ này, đơn chiếc hải hùng lắm.

Ở Biển Hồ⁽¹⁾, tôi được nhận vào một toán thợ mộc.

⁽¹⁾ Tên vùng hồ ở Tây Nguyên.

Trưởng toán là ông Chín, không rõ người vùng nào, giọng vừa Bắc vừa Nam. Anh Hân là thợ cả, một anh tên Bàn, một thằng nhỏ tên Cẩm, phụ. Tôi thành trò học việc, chỉ được nuôi cơm, năm cho thêm bộ quần áo vải ka-ki.

- Trước mày làm gì? - Ông Chín nhìn tôi xét nét, hỏi.

- Dạ, làm ruộng. - Tôi không dám nói thật là học trò, sợ bị ác cảm. Chữ nghĩa nhiều lúc cũng vạ, điều này tôi học được ở Phan Thiết.

- Thử coi! - Ông Chín đưa cái chàng, ra hiệu bảo tôi mài. Tôi lấy hòn đá mài, nhớ cách mài rửa ở nhà, vẩy nước cho thấm, rồi miết lưỡi chàng lên. Lóng ngóng thế nào đứt mất tay. Máu chảy đầm phiến đá mài. Trông sang thấy bốn người kia đứng đưng, chẳng tỏ thái độ gì. Tôi nghĩ lẽ tôi chết ngay trước mặt, chắc bốn con người này cũng đứng đưng như thế quá.

Luôn trong mấy tháng đầu, công việc chính của tôi là mài đục, chàng, bất cứ ai cũng có quyền sai, mắng. Không ai bày việc, tự nhìn tự làm, khôn sống mống chết.

Thường chúng tôi nhận việc nhà nào thì ở luôn trong nhà ấy. Đủ thứ việc, đóng bàn ghế giường tủ, đợt nào không có việc thì nghỉ, ăn không, ở nhờ. Ngày làm, tối lại ai nấy ngủ, không có nhu cầu tâm sự gì. Trong tâm niệm, tôi chắc mẩm người quen, thế nào anh Hân cũng chuyện trò hỏi han tôi, nhưng mà không. Tôi tìm cách gọi chuyện:

- Bấy đến giờ anh đi đâu, làm gì.

* - Đi đâu cũng trên mặt đất này, cũng khổ nạn cả, -
anh nói, rồi ngửa cổ cười hơ hơ, cười mà mắt lạnh tanh.

- Sao anh không hỏi em...

- Mà muốn tao hỏi gì? - Giọng anh rin rít, anh đập
tay xuống tấm phản, bỏ ra ngoài.

Tôi nằm úp mặt, lòng buồn quá. Thằng Cẩm bảo
đừng đừng tới thằng cha ấy, hấn giết người như ngóe.
Bỗng dưng tôi thấy hờn giận, muốn khóc. Nhiều năm
rồi ký ức đã phai mờ, không một tích tắc gọi lên nữa,
trời xui đất khiến bây giờ tôi gặp lại anh Hân ở tít tận
vùng rừng thiêng nước độc này.

Anh Hân và tôi người cùng xã. Khi tôi chập cheng
lớn, anh đã đi bộ đội về, làm dân quân xã. Trong những
buổi chiếu phim, anh đeo băng đỏ, súng AK khoác sau
lưng, đứng xé vé ở cổng bãi chiếu, bọn trẻ con chúng tôi
thấy anh oai lắm. Người anh cao to, giọng phát ô ô, râu
quai nón mọc gần kín quanh mặt, đen thui. Anh lấy chị
Viên, ở với nhau mấy năm, dùng một cái chị Viên đi với
tay đội trưởng chiếu phim hay cặp kè anh Hân uống
rượu. Không biết chị Viên đi đâu, mãi về sau vẫn không
tin tức, trong khi tay đội trưởng yên vị trên huyện,
thỉnh toảng còn vác máy về làng chiếu phim. "Tao giết
mày" - anh Hân chỉ tay vào mặt gã nói trong một buổi
chiếu, rồi làm thật. Tay chiếu phim không chết, nhưng
phải đi cấp cứu. Anh Hân bị bắt giam trong nhà ủy ban,
sáng sau xe xít-đờ-ca công an về chở lên trại giam
huyện. Nghe người ta đồn rằng anh Hân trông mẽ
ngoài oai thế, nhưng thực đã bị bom thiên hồi đi đánh
nhau ở trong miền Nam rồi.

Thằng Cẩm hỏi tôi, sao anh không sang bên Đắc Lắc làm rẫy cà-phê thuê, may ra kiếm được ít tiền mà mang về. Nó nói có lý, có lẽ tôi phải đi, đến đâu, đến nơi nào tôi được tự do, lòng tôi được yên ủi. Tôi đã đi từ quê ra phố, đã xuống biển, lên rừng, ở đâu cũng nhọc nhã, cũng xa lạ. Cha tôi từ mặt tôi, cha đẩy tôi ra đường ngày tôi vút lại sách vở, mang thân không về nhà, yên trí đấy là chốn nương thân. Mẹ chết năm tôi lên mười, về sau còn chị Viên thân thích, nhưng chị đi lấy chồng, rồi cũng bỏ chồng đi. Nước mắt tôi chảy ngày thơ bé ấy, dễ chừng đã thành sông bể.

Thuở nào tôi từng có ý định đi cùng trời cuối đất tìm chị, ngủ mê tôi gọi tên chị, nhưng tôi lớn thành thằng con trai, học hành vui chơi, quanh tôi rập rình hàng bao nàng mắt xanh mỏ đỏ, những nàng không hương không vị, song cũng đủ để quên chị Viên.

Tôi nhớ xưa kia đồng tháng năm cạn, tháng mười ngập nước, chị Viên đi gặt, quần xắn trên bắp vế, để lộ đôi cặp chân tròn, tôi lội sau mót lúa sót về nộp cho nhà trường, không thấy lúa, chỉ thấy bắp chân chị Viên. Tôi đi ngày này qua ngày khác, hết bao mùa lúa, vẫn thế. "Ngốc lắm, - chị Viên nói. - Mà tất cả bọn đàn ông đều ngốc". Đêm sáng trăng, tôi theo chị ra sông, ngồi trên chạc bần trông chừng cho chị tắm. Chị mặc áo yếm mỏng, nước dính sát vào người, nổi rõ đường ngực và bụng. Rồi lần ấy, tôi ngồi canh, vậy mà để anh Hân bơi ra sông lúc nào không biết. Tôi mất hút chị, tôi chạy dọc sông gào tên chị. Tôi gào rách họng chị cũng không nghe. Ôi chị Viên ơi!

* "Em canh chừng cho chị nhé!" - chị lại bảo. Nhưng không phải canh ngoài sông, mà canh cây rơm đội sản xuất để chị yêu anh Hân. Chỗ cây rơm ấy có một góc lôm sâu vào, vừa hai người nằm gọn. Những chiều đông giá, chị Viên rang cốm nếp, hai chị em chun vào đấy nằm cắn hạt cốm, hương cốm hương rơm và hương chị Viên làm tôi phập phồng.

"Nếu có ai tới thì em ho lên", - chị dặn. Tôi ngồi ở ngoài chúng kiến hết nổi cuồng nhiệt yêu thương chị Viên dành cho anh Hân. Đêm về khuya tối đen mà da thịt chị Viên cứ trắng rôn rớt. Tôi khóc, nấc bần bật. Tôi quên mất nhiệm vụ phải ho. Cha chị Viên, tức bác Ngạn tôi, túm được chị trần truồng, ông chửi, ông đánh, ông trói giam chị trong buồng, cho đến ngày bên nhà anh Hân mang coi trâu đến hỏi. Chị Viên ôm lấy đầu tôi khóc, nước mắt nóng ướt hết mặt tôi. Đầu vú chị cọ vào mặt tôi, ngậy ngộn, rưng rưng. Tôi không biết là phải an ủi chị, tôi cố ngáp mặt vào đó, quên hết, chỉ cầu mong sao chị mãi ôm tôi vậy, hoặc là tôi với chị hóa đá đi, để vĩnh viễn tôi có được chị.

*

* *

Tôi ở Gia Lai sắp được nửa năm. Nửa năm, đủ để thẳng trí thức nửa vời trong tôi chết ngủm. Mặt bây giờ hằn rãnh da dày cả tắc, làm, ăn, ngủ, không suy nghĩ gì, cũng chẳng biết cô đơn khát vọng gì.

Đang mùa mưa, đất Gia Lai sậm đỏ, cà-phê, chè, muôn thứ cây được hơi mưa xanh mướt mướt, dân vườn

dầm bữa làm một, riêng cánh thợ mộc chúng tôi nghỉ khỏe. Ngày dài, ông Chín nằm ê a hát, những bài hát tục tĩu không đầu không cuối, anh Hân thì thoảng đi ra đi vào, ba chúng tôi, tôi, anh Bàn, Cẩm ngủ là chủ yếu, ngủ đến nổi mặt phù nề ra, trông rất tởm. Anh Bàn muốn về quê, vì anh đi hai năm rồi, tôi ăn cắp chắc người ta cũng quên rồi, anh về để lấy vợ, sống với mẹ ít năm tuổi già. Ông Chín đưa cho anh một ít tiền, bảo tôi với thằng Cẩm tiễn anh đi. Sau này mới biết chuyến xe anh Bàn đón lúc qua đèo An Khê, đường trơn, xe đứt thắng rơi xuống vực, chết hết cả. Tôi có thắp cho anh mấy nén hương, nhưng không biết lấy gì cúng anh. Thôi, anh Bàn ơi, tôi với anh xa lạ, nhưng cũng mấy tháng trời anh làm với tôi, ăn với tôi, ngủ với tôi.

Sau khi anh Bàn đi ít lâu, anh Hân bảo ông Chín:

- Tôi cũng chào ông tôi đi. Chỉ xin một thứ: Thằng Dương (tức là tôi) tôi đã mang nó về đây, giờ ông cho tôi mang nó đi theo.

Tôi hỏi thằng Cẩm, mày muốn theo tao không, nó bảo nó chưa bỏ ông Chín được. Nó làm cho ông Chín lâu lắm rồi, trước anh Hân, anh Bàn, nhưng tiền công thì chưa lấy. Hơn nữa, nó biết ông Chín đi vào Gia Lai đặng này, hành nghề thợ mộc chỉ là cớ, cốt đi tìm vàng. Xưa kia ông là tướng cướp, vàng bạc cướp được toàn đem chôn trong rừng cả, nay đồng bọn đã chết, ông Chín ra khỏi tù, hẳn phải tìm lại cửa cải. Tôi cười, suýt chết nghẹn. Nó còn nói tiếp, tui tìm được vàng tui sẽ chia cho anh một ít, anh đừng làm thợ nữa cực thân.

• Đêm đó ông Chín uống rượu say xé hết quần áo, nằm ềnh ra khóc rông rỗng. Tôi nhìn những hình xăm beo cộp trên lưng trên vai ông, mới tin lời thằng Cẩm có khi thực. Nhưng tại sao khóc? Chẳng lẽ cái con người không vợ con thân thích, không quê hương bản quán, chẳng bao giờ mở miệng nói điều gì ngoài công việc này cũng có nỗi niềm?

Tơ mờ sáng hôm sau, tôi với anh Hân lên đường. Vòng quanh Biển Hồ, ngày đi đêm nghỉ, cơm ống lam, uống vục dưới hồ dưới hố, qua nương qua rẫy, buôn của người Giarai người Bana, làng người Kinh... đủ cả. Đâu cũng núi, cũng đất, một màu đỏ sẫm. Những cơn mưa cao nguyên châu chực ụp xuống đầu, bươn xết mưa mà đi, có lúc lạc trong rẫy, đất ba-dan bám quẹo chân, bám móng xuống đau nhức. Gặp đầu ngủ đấy, được nhà được lán còn may, không thì hốc đá gốc cây, như lợn như nhím.

- Đi đâu, anh Hân?

Anh Hân ngửa mặt nhòm trời, trời cao xanh, mắt hun hút, lại cầm đầu đi, không nói. Biển Hồ lai láng, đánh mắt là thấy nước, nước dưới chân núi, nước ăn đầy vục, nước hồ treo giữa mênh mông cao nguyên. Ngày thứ năm anh Hân bảo dừng. "Đã bên kia hồ rồi", - anh nói. Tôi thấy bên này chẳng khác gì nơi tôi vừa rời đi, trời trên đầu, đất dưới chân, đất nẩy nòi ra giống người lẫn trong muôn giống.

Một ông già Êđê thuê chúng tôi phát rẫy, ngoài cơm ăn chưa biết làm gì. Ông già chuẩn bị rìu rựa, lao, ít thức ăn khô, gạo muối, rồi dẫn chúng tôi ngược hướng

mặt trời lặn. Đầu có đường, đến những lối mòn, rồi mờ nhạt hẳn, có lúc phải luồn lách qua cành cây qua dây leo rậm rì. Lúc lội khe, lúc bám cheo leo vách núi, đi nửa buổi thì đến một đám rừng hoang sâu trong hẻm núi. Ông già chỉ cho chúng tôi một mái lều cũ nát, thời gian, mưa nắng đã làm cho những cây gỗ mọc meo, nấm phủ bì bì. Trong lều thấy có bếp, một ít tro vương, đôi ống nứa, chúng tỏ lâu lắm từng có người ở đây. "Có heo rừng về, đừng chọc nó, nó sẽ không phá", - ông già dặn, rồi về.

- Nằm đã, làm sau, - anh Hân nói, rồi ghé ngay xuống cạnh đám tro bếp, nằm lơ mơ, không biết thức hay ngủ.

- Tui đi coi xung quanh, - tôi nói trống, cốt cho anh Hân nghe, xong xách rựa đi.

Rừng hoang quá, dăm cây to, còn lại vừa phải, lá xanh rịt, nền đất ẩm ướt dày một thứ mùn do lá mục ra. Thi thoảng có con chim gì kêu eo éo, rồi tiếng con gì nữa ton ton. Bỗng dưng thấy sợ, nhưng không biết sợ gì, vì nếu bảo sợ một cái gì cụ thể thì thật không phải. Hình như nghe tiếng nước chảy. Lần tìm, quả có dòng nước nhỏ rỉ trong núi ra. Theo vệt nước đi lên, khuất sau vòm cây, tôi phát hiện được một miệng hang nhỏ. Tiến vào cửa hang, qua ánh sáng nhờ nhờ từ bên ngoài rọi vào, nhận ra vòm hang thấp, hẹp, mở ra bên trong là một khoảng ngòm ngòm. Tôi vừa bật lửa soi vừa đi, vấp phải vật gì, suýt ngã. Lại phải bật lửa lên. Ánh lửa le lói ma quái soi chập chờn những đồ vật to nhỏ dài

ngắn gọn ngang. Những vật gì nhỉ? Đầu loé lên hình ảnh những hang đá rùng rợn với những hình nhân quái dị canh giữ bên trong là cả kho của cải, là vàng bạc châu báu, đó là những cảnh tôi đã nghe rất nhiều, đã thấy rất nhiều trên phim ảnh, báo chí. Lại vụt nhớ câu chuyện của thằng Cẩm về hành tung bí mật của ông Chín, về kho báu chôn đầu đó trong rừng. Tim tôi đập rộn, không rõ vui mừng hay lo lắng. Phải sau mấy lần bật lửa, mới nhận ra vài bức tượng gỗ nhỏ, tượng đàn bà bông con, đàn bà già gạo, đàn ông cầm lao, trẻ con trần truồng. Có mấy khúc gỗ dài hình như đã được khoét rỗng để nằm, nắp đây sơ sài. Tôi lật một chiếc nắp, vừa đẩy trượt tấm ván mắt đã tóe đom đóm, xương người, một bộ xương duỗi dài, nguyên vẹn, sọ trắng hếu, hai hốc mắt đen hoắm, hàm răng nhe nhõn. Không biết gì nữa, vút hết bật lửa, hết rửa, rú như một con lợn, tôi sấp ngửa chạy ngược cái vòm ánh sáng nhoi nhói đằng kia. Vấp đá, gai cào, xô phải cây, không biết, chạy mù mịt, kinh hãi. Rồi đột ngột hiển hiện trước mắt một màn trắng bạc lấp lánh. Ôi, hô! Một chút nữa thì tôi phóng thẳng xuống lòng hồ. Mặt hồ im lìm, bắt ánh nắng mặt trời tạo thành một thứ ánh sáng ngời, như cổ tích, bất ngờ mang đến một sự bừng tỉnh, bất ngờ cứu rỗi, một xoa dịu choáng ngợp khi đã lìa đứt hết. Tôi cứ đứng như thế, trân trối trong nỗi niềm xúc động đến tê dại, cho đến khi lấy lại bình tĩnh.

Anh Hân bảo:

- Mẹ kiếp! Lão già lừa tao với mày đi dọn cây để lão làm nhà mồ.

Anh chống nạnh, bước lui bước tới, chốc sau bảo:

- Phải quay lại hang, thó mấy cái tượng đem về. Tôi Sài Gòn bán được khối tiền.

Mệt mỗi quá. Tiền với tôi có ý nghĩa gì.

Hôm sau, lúc chúng tôi đang đợi khô sương để vào hang thì có người đến. Đó là con gái ông già Êđê.

- Cha em bảo đến xem các anh làm. Cha dặn các anh đừng đi đâu, quanh đây có chông, - cô nói.

Anh Hân nghe xong, chửi: "Mẹ kiếp", rồi mặt hầm hầm bỏ đi. Tôi giật mình. Nếu hôm qua tôi rơi phải hầm chông nào chắc chết luôn rồi, không khéo xác thối rữa trong rừng mà không ai biết, coi như xong đời, thằng con trai chỉ hăm hai tuổi đầu... Tự dung tôi có cảm tình với cô gái.

- Em tên gì? - Tôi hỏi.

- Hơ Ling, - cô gái đáp, tiếng Kinh lơ lơ.

Nhìn kỹ, không phát hiện ra nét gì gọi là đẹp nơi cô, tất cả đều bình thường, quá bình thường nữa là chẳng khác. Hơ Ling bảo tôi đi ra thuyền, cô đến đây bằng thuyền, chèo tắt hồ, để lấy thức ăn. Cô đi trước, tôi theo sau. Hơ Ling bước thoăn thoắt, uyển chuyển, đôi bắp chân tròn trĩnh lộ ra dưới gấu váy thổ cẩm. Chợt hiện lên hình ảnh chị Viên, đôi bắp chân dưới vo quần xắn, lộ hết cánh đồng làng đi gặt lúa.

- Hơ Ling! - Tôi gọi.

Hơ Ling dừng bước, từ từ quay lại.

- Hơ Ling!

Mắt Hơ Ling nhìn tôi sững sốt. Tôi đi tới, như mộng du. Hình như Hơ Ling cảm nhận được điều không bình thường nơi tôi, nhưng em vẫn đứng, chờ đợi. Tôi nhìn mắt em, mắt em trong veo. Tôi đặt môi lên môi em, cảm thấy cơ thể em run rẩy trong vòng tay. Tôi không ý thức được tôi đã yêu đương Hơ Ling như thế nào, nhưng lòng tôi lúc ấy như là sợi dây đàn vừa được ai vô tình chạm phải, vô tình làm ngân rung lên một nốt nhạc, dịu dàng và tha thiết. Ôi Hơ Ling! Hơ Ling! Tôi đã gọi như thế, bằng cả tình yêu tôi, ký ức của tôi, khao khát của tôi, cô đơn của tôi. Tôi đã gọi giữa thâm u rừng núi này, tôi cảm ơn em đã lắng nghe đã thấu hiểu và đền đáp tôi...

Đêm ấy, Hơ Ling ở lại với chúng tôi, đúng hơn là với tôi.

Sáng hôm sau tôi dậy muộn, thấy lều trống trơn, không có Hơ Ling, không có anh Hân. Hay Hơ Ling ra bến để về? Tôi vươn vai, như bản năng, chân bước theo lối ra hồ, lòng thư thái. Rừng vắng lặng, bật cả tiếng chim thú. Tôi luồn qua một cành cây. Không tin vào mắt mình nữa. Trên lối đi anh Hân phô tấm lưng trùng trục, độc mỗi cái quần xà lỏn te tua, đang dần ngửa Hơ Ling. Áo Hơ Ling rách toang, lộ ra hai bầu vú thâm lầy. Cô quần quai chống cự, miệng rú từng hồi man dại. Tự dưng tôi lão đảo, đứng không vững. Phải mất mấy giây tôi mới ý thức được tình cảnh Hơ Ling. Tôi nhảy xổ xuống lưng anh Hân, mặc, anh Hân vẫn cố áp bộ mặt đầy râu ria vào ngực Hơ Ling. Tôi cắn vào cổ anh, ngoạm như một con chó dữ. Anh Hân quay lại quai thẳng vào mặt tôi.

- Đồ chó! Của mày à?

Đến lượt tôi bị dẫn ngựa. Sức tôi không chống lại được đôi tay cứng như hai gọng kìm của anh. Tôi cảm thấy đầu gối anh tì vào bụng tôi, đau tức, hai bàn tay anh riết chặt cổ tôi. Máu phun từ hai lỗ mũi, cổ bị chẹn cứng, không thở được. Anh giết em thật sao, anh Hân? Trời ơi! Mắt tôi mờ đặc. Ô kìa, chị Viên, sao chị nhìn em đau đớn vậy? Ôi, chị Viên! Hình như trong giây phút ấy tôi đã dồn hết chút sức lực cuối cùng để gọi chị, chị của tôi, mẹ của tôi, người yêu của tôi.

Gọng kìm ở cổ nói dần nói dần. Thanh thản quá! Không còn gì ràng rịt trói buộc, không khổ đau ham muốn, chỉ là biển hồ lai láng đang ngời ánh lên muôn ngàn ánh sáng hoan lạc, là hương cỏ đồng dầm dề xanh ngút và đất đai ngầy ngậy bốc hơi dưới đôi bàn chân trần. Cứ thế tôi đi, lâng lâng, phía trước là mặt hồ đang mở ra chào đón. Sao xưa nay cứ khát một niềm an ủi?

Ai đó túm lấy tóc tôi. Hình như tôi đã quấy đạp lẫn lộn, hình như còn cảm thấy nước mát mả thấm dọc cơ thể. Một cú tát vào mặt. Giọng anh Hân rít lên:

- Đồ ngu! Mày đến đây để chết à?

Mở mắt. Thấy bầu trời trên cao kia lỏng lẻo. Gương mặt Hơ Ling chập chờn. Có nước chảy từ khóe mắt em. Em khóc sao, Hơ Ling?

CÔ GÁI ĐÚC THÁNH

Xưởng đúc tượng tối tăm và ảm thấp tới nỗi ai đi ngang qua cũng nghe rõ tiếng sụt sụt mũi của bố con người thợ đúc. Xưởng nằm ở chân đê Yên Phụ, gồm ba gian lợp lá cọ mốc xỉn. San sát hai bên chân đê là nhà nghỉ, nhà hàng, phòng xông hơi, mát-xa. Nhưng đồ rục dưới nắng là những tòa biệt thự cao tầng mái chóp với những ô cửa sáng loáng đón gió sông Hồng. Hà Nội phố đang vươn ra phía này, có lẽ vì nhiều gió và hơi nước nồng nàn, cũng có lẽ đơn giản hơn, những chủ nhân thành đạt của các biệt thự mái chóp muốn ngắm hoa nở trên mặt phù sa.

Chẳng hề e ngại trước sự thành đạt san sát xung quanh, những pho tượng nứt nẻ cứ phơi mình trước cửa xưởng đúc. Pho tượng Thánh Mẫu đồng trinh còn bị gió quất quang trán làm nứt một đường rộng cỡ nửa centimet. Bàn tay cầm giỏ hoa cũng bị vạch ngang dọc, như thể có quá nhiều việc để làm trên thế gian; nhưng bà vẫn mỉm một nụ cười xa xôi và quyền rũ đến nỗi những kẻ có chút chữ trong đầu khi đi ngang qua không thể không dừng lại một khắc.

Khi đó người nghệ nhân già vẫn cúi đầu cần mẫn với nắm bột thạch cao. Ranh giới giữa nghề đúc tượng

và nghiệp điêu khắc thật quá mỏng manh, như tia nắng vươn qua mặt đất để định rõ sáng trưa chiều tối. Nhưng nghe tiếng sục sục thì có thể nhận biết được hơi thở yếu ớt của người già mắc bệnh xuyên, thứ hơi thở xuyên qua cuống khí quản như luồng gió khó nhọc luồn qua ống khói cũ kỹ bám đầy muội và phân dơi. Luồng gió cố tình thổi tắt ngọn lửa cháy bập bùng trong quả tim nhẩn nại đang đun nóng sinh khí tràn khắp cơ thể già nua của người nghệ nhân.

Cô con gái thoát nhìn chẳng ai để ý tới. Cô nhỏ như *một bông hoa móng rồng*, tóc cuốn cao lên đỉnh đầu, mũi miệng chìm lấp trong bột đất. Chỉ đôi mắt hơi hiêng hiêng là có vẻ gì đó ấm áp. Gió từ phía sông Hồng thổi tới cũng man mác nồng ấm như thế. Lúc cô giao hàng, khách tưởng cô đang trò chuyện với Đức Thánh Mẫu miệng cười tươi, váy hồng nở xòe từ ngang rốn xuống bàn chân trắng như ngó sen của bà. Họ thành tâm trao tiền cho cô bé không thiếu đồng nào. Cô tên là Đóa.

Cứ mỗi tuần độ hai, ba bận, xưởng đúc cha con người thợ già lại có nhóm khách ồn ào viếng thăm. Họ là những nhóm sinh viên điêu khắc, bút vẽ và giấy làm phác thảo giắt trong bị còi, quần jeans, áo phong bụi bụi. Họ cười nói ồn ỹ, khuấy động không gian tĩnh lặng của xưởng đúc. Trong nhóm có vài cô gái như đàn ông, mái tóc tĩa cao, điệu bộ không theo trật tự nào. Đóa thường lén quan sát họ, để rồi đôi khi cô vuốt nhẹ vào hông một bức tượng còn ướt, khiến cho vẻ đẹp của bức tượng đó ẩn chứa nét tinh nghịch trẻ trung. Cô nhẩn

nại bê từng pho tượng ra sân cho đám nghệ sĩ tương lai đo đo tính tính. Họ hỏi cô những câu ngớ ngẩn và cùng cười rộ lên. Cô rụt rè cười theo, trong lòng vui vẻ hẳn. Những lúc như thế cô lấy tay quạt ngang mặt cho bụi đất bay đi. Gò má cô hiện ra dưới nắng phơn phớt hồng. Người thợ già khẽ sục sục những tiếng khó nhọc để nhắc nhở, Đóa lo lắng quạt tiếp bàn tay đầy đất lên mũi. Thế là gò má lại bị đất che lấp.

Hầu như chẳng ai chú ý đến vẻ ngoài của Đóa. Họ chỉ nhìn các pho tượng, sờ tay thật khẽ vào chúng, sợ nhỡ chẳng may nữ thần Vênus gãy thêm khúc tay còn lại, hoặc giả cái đầu thần Đavít rơi xuống vỡ đôi. Nhưng cái sờ tay khẽ khàng của những đám khách cũng đủ làm các pho tượng rung lên náo nhiệt. Cha con người thợ già luôn lo sợ mỗi khi các pho tượng chịu đựng thử thách. Nhưng những thử thách đó còn không đáng sợ bằng việc thỉnh thoảng có một vài gã mặt mày đen nhẻm, môi thâm sì vì rượu và khói thuốc, xộc thẳng vào góc xưởng tóm lấy một pho tượng lắc qua lắc lại, rồi hất hàm hỏi:

- Bao nhiêu?

Ông già ngơ ngẩn một khắc, rồi ra giá:

- Mười lăm!

- Mười?

- Không, mười bốn, bác ạ.

- Mẹ kiếp! Nhìn này, rõ ràng có vết nứt. Chỉ mười hai thôi.

Đóa bước theo khách ra cổng, rụt rè:

- Pho tượng ấy không chỉ đúc bằng khuôn đất, bác ạ.

Nghe giọng cô bé, người khách thứ bao nhiêu đó dừng lại, hồ hững:

- Vậy đúc bằng gì?

Đóa xòe bàn tay phải thô kệch ra dưới nắng:

- Cháu lấy tay vuốt. Cháu... xoa tay lên môi nàng.

- Nàng...?

Cô bé run lên. Dường như điều linh thiêng đã bị tiết lộ. Nhưng đã mấy tuần nước sông Hồng mấp mé phía dưới chân đê phụ, cha cô ho và sịt mũi liên tục. Không thấy khách đến đánh hàng đều như trước...

Ánh nắng quái mùa nước lên xứ Hà thành rọi vào pho tượng *Chúa Mẫu đội khăn* trông lung linh khác thường. Người khách ngậy ra nhìn pho tượng và rồi như có ma lực nào đó hút ông quay lại góc xưởng. Ông mua pho *Chúa Mẫu đội khăn*, rồi mua tiếp hai pho *Mục đồng múa*, một pho mộc, còn một pho đã phun sơn xanh đỏ. Đóa cầm xấp tiền, rụt rè tiễn khách. Ra đến cổng, ông bỗng chạm vào tay cô bé thì thào:

- Đôi tay này của cô giá bao nhiêu?

Đóa giật bắn mình lùi sâu vào sau cánh cổng tre.

- Bao nhiêu?

Người khách ngoác miệng, cố nặn ra một nụ cười đầy hàm ý.

- Cô cứ nghĩ kỹ đi. Rồi cô sẽ có khối tiền.

- Cháu không làm được gì cả, nếu không có bố giúp.

Ông ta phẩy tay:

- Lão già ấy cạn kiệt vốn rồi. Đúc tượng thì dễ, còn đúc thánh thì... Cô có đôi tay vàng, chính cô mách cho tôi biết. Nghĩ kỹ đi nhé, cô bé.

Rồi ông vẫy tắc-xi, mất hút trong dòng người hối hả đổ vào nội thành.

Đóa vẫn đứng bên cổng, giấu hai bàn tay sau lưng như sợ người khách kia quay lại túm lấy tay cô và lôi đi. Một ổ kiến lửa đùn từ dưới lòng đất lên xúm xít quanh hai bàn chân trần của cô bé, rồi thi nhau đốt. Đến lúc ấy cô mới co chân chạy vụt vào nhà.

- Có chuyện gì vậy?

Ông già hỏi con. Đóa ngồi thụp xuống khe vuốt ve bộ ngực trần của nàng Vênus.

- Chuyện gì vậy, gái?

- Không ạ!

- Mày chuẩn bị làm tiếp mấy pho Chúa Mẫu. Độ này thiên hạ hình như thích đặt Mẫu ngoài vườn, nhất là mấy anh mới phát lên nhờ đất.

Không thấy Đóa nói gì, ông già tiếp:

- Cái ông ban nãy tưởng rần hóa ra lại dễ, gái nhỉ. Ngày nào cũng có người hào phóng thế, chẳng mấy mà bố tích góp đủ xây cái mái chóp cho mày. Lại chả ối anh theo ấy à.

Đóa rầu rĩ sờ tay vào những chỗ hõm của cái khuôn đúc mẫu, kiên nhẫn nghe bố đang hào hứng với nắm bột đất trong tay.

- Ngày mẹ mày mất, bố cứ tưởng không giữ được mày.

Có cái bà trên phố Quán Thánh đi chợ hoa Quảng Bá lúc sáng sớm ngang qua nhà mình, nghe mày khóc ngần ngại ghé vào cho bú. Gồm, bầu sữa cứ lúc lỉu, sữa thơm như cốm vòng. Mày bú như rút hết ruột người ta ra. Thế là hết khóc. Hôm sau bố cứ mong bà ấy lại đi qua, nhưng chẳng thấy. Mày cũng đã hết khóc, uống no nước cháo, rồi lăn ra ngủ. Nhưng ngày nào bố cũng đợi bà ấy, y như ngày xưa đợi mẹ mày gánh tượng đi chợ bán...

Đóa nhìn lên trời, cố tưởng tượng ra gương mặt mẹ. Hình như gương mặt mẹ cô là gương mặt của Đức Phật Bà Quan Âm đang mỉm cười nhìn xuống. Không, là gương mặt Đức Thánh Mẫu thì đúng hơn, bởi bà ở gần đây đây, ngay trong Phủ Tây Hồ. Gương mặt bà lấp lánh ẩn hiện trong hậu điện. Hồi nhỏ, cô đã từng trốn vào góc tối của hậu điện ngắm trộm bà hàng giờ, ngón tay vô tình đưa lên miệng mút. Một bà chui vào đặt mâm quả thờ phát vào tay cô bé:

- Ra ngoài kia, không sợ Bà phạt à?

Cô hỏi bà ta:

- Chúa Liễu Hạnh là ai?

- Là Chúa Mẫu.

- Chúa Mẫu là ai?

- Là Đức Bà trên cao kia. Đi đi cháu, để tao cúng.

Đóa cúi nhìn bàn tay nứt nẻ của mình, nhớ lại giọng điệu dữ dằn của ông khách lạ. Cô không biết phải nói sao với bố, đành im lặng.

Nhưng cô cứ nghĩ mãi đến lời đề nghị kỳ quặc kia, đến nỗi cứ ngáy người ra giữa đồng tượng đức hồng vút

chỗng chơ ngoài lán phụ. Ông già nghĩ: Quái lạ, hôm nay con bé làm sao vậy? Đóa nghĩ: Mình đúc các pho tượng nhưng mình không phải là nhà điêu khắc. Ông già lại nghĩ: Quái, con bé độ này lớn phổng lên rồi mà ta không để ý, áo ngắn mất độ chừng nửa gang tay. Đóa mỉm cười: Mình không thích lấy chồng.

Quả thật, may mà Đóa thuộc hạng nhỏ xiu, mỏng mảnh, nếu không cha con người thợ đúc tượng khó được yên ổn với mấy tay buôn hàng thạch cao. Hoặc là ngược lại, Đóa đi lấy chồng rồi thì ông già làm sao xoay sở được với cái xưởng đúc ầm thấp, chồng chất tượng này?

Đóa gò người nhào bột đất. Tinh lực dồn vào đôi tay. Mỗi pho tượng Mẫu ra đời, linh hồn cô lại vệt đi một chút. Điều này ngay cả trái tim bé bỏng của cô cũng không lường được tới. Và rồi khi say với công việc, cô quên đi cái lời đề nghị kỳ quặc kia. Cô cần mẫn làm việc, thành kính cúi đầu xuống cái thế giới im lặng bí ẩn của các vị thánh.

Nhưng trong giấc ngủ chập chờn, Đóa cứ nhìn thấy ông khách đòi mua tay mình. Mồ hôi toát ra như tắm. Sáng ra khi mặt trời vừa rạng phía bên kia hồ, Đóa đã thắp nén hương, run rẩy cắm lên bàn thờ. Những mảnh khói hương cũng run rẩy bay lên. Lúc đó ông già ngừng ho, từ trong giường nhìn ra. Ông chẳng nghĩ gì cả, chỉ lo lắng khi ngắm con.

Một thời gian sau người khách lại đến đánh hàng. Lần này ông không cò kè gì, lẳng lặng bóc hết những pho tượng trong xưởng, kể cả những pho còn chưa kịp

ráo nước sơn. Đóa nhìn tấm lưng to bè của ông ta cúi gục xuống xếp tượng vào sọt, hoảng sợ. Thực ra cô cũng chẳng biết mình hoảng sợ điều gì nơi người đàn ông kỳ quặc đáng tuổi cha chú cô kia, nhưng cái cung cách mua hàng của ông, cô chưa thấy bao giờ. Ông cũng không nhắc tới lời đề nghị lần trước, nhưng cô cứ giật mình thon thót. Ngộ nhỡ ông ta hỏi, cô biết trả lời sao? Thì nói không, nhưng rõ ràng ông ta đang là khách hàng lớn của cha con cô. Nói "không" thấy cứ bất cần thế nào.

Khách đi rồi, Đóa vẫn chưa hết run. Cô nhìn quanh xưởng, thấy trống hoác. Ông già đang phấn khởi vì bán hết hàng, lại được giá, như khỏe hẳn ra, đổ đất bột ra sân hùn hục nhào. Đóa ngửa mặt nhìn mặt trời, rồi cắn vào tay mình một cái.

Đây là cô không biết rằng linh hồn cô đã bắt đầu mòn mỗi cơm áo.

Đám sinh viên lại đến làm sôi động cả nhà xưởng. Họ đo đo tính tính, rồi vẽ phác la liệt trên những tờ giấy bồi. Cha con Đóa vui hẳn lên. Ông già chỉ tay vào con gái, bảo đám sinh viên:

- Đứa nào nặn được pho tượng giống hệt nó, ta cho theo không.

Cả lũ nhao nhao: "Cháu! Cháu cơ! Con cơ, bố ạ...!"

Tưởng nói vui, ai ngờ cả ngày hôm đó và chiều hôm sau nữa, có một cậu và hai cô sinh viên cứ hỳ hụi phác tượng Đóa. Đến lúc đó họ mới phát hiện ra vẽ đẹp ẩn sâu trong ánh mắt, gương mặt cô gái thợ mà mọi khi họ

chẳng để ý đến. Đóa thấy ngượng, thấy bức mình với bố. Nhưng cũng tò mò muốn thấy mình được tạc lên bằng bột đất và thạch cao.

Trong vòng một tuần, những bức tượng mang hình hài Đóa đã nằm la liệt một góc xưởng. Lúc thì ở tư thế nhào đất, lúc ở tư thế quỳ gối xuống mặt xưởng, đầu cúi gục bên một mô đất, lúc giờ cúi tay vuốt mồ hôi ngang mặt. Trong con mắt người thợ già chẳng có pho nào đặt. Nhưng ông vẫn nâng niu từng pho đặt dưới ánh nắng mặt trời, rồi ngắm nghía suốt vào lúc rảnh rỗi.

Đám sinh viên lại biến mất, để lại những pho tượng mọc dỏ dang trong góc xưởng. Cuộc sống hai cha con người thợ đúc lại lặng lẽ như thường nhật. Đóa cũng quên đi cái ông già gàn dở kia.

Một hôm, cậu sinh viên tên Nam quay trở lại nói muốn mua tất cả những pho tượng họ làm hồi nào về làm góc trưng bày trong một phòng triển lãm cá nhân (ngày nọ nếu họ mang đi cũng chả sao, nhưng vì đã để lại cho cha con người thợ thành ra không phải dễ mà mang đi). Thậm chí anh ta phát giá cao, rồi rút cả tập tiền ra trả, không cần đợi ý kiến ông già. Đóa thì ngượng chín mặt, trốn vào góc xưởng:

- Nhưng... tôi có thể giữ lại một pho?

Ông già nhìn chăm chăm vào một pho tượng. Trong con mắt ông càng ngày cái pho tượng nhỏ xíu mang hình hài con gái tưởng chừng xấu xí ấy càng như lung linh huyền ảo hơn.

Ngày cả Đóa lúc này cũng giật mình khi nhìn thấy

pho tượng. Nó nằm lẫn trong đám tượng từ lúc nào, với tư thế quỳ, hai tay đan nhau đặt chéo sau gáy, mặt ngửa lên cao, miệng cười mơ màng. Bức tượng giống Đóa quá, nhưng cũng khác xa Đóa, bởi cô chưa bao giờ biết quỳ như thế, đặt tay như thế... Cô nhìn chăm chăm vào bức tượng, thấy đôi tay dường như động đậy.

- Cái bức này, có phải cậu nặn không?

Nam nhìn pho tượng nhỏ, lắc đầu:

- Bọn cháu chưa hề nghĩ ra tư thế này. Hay là ai đó ở nhóm khác?

Rồi anh quỳ xuống, kêu lên:

- Đẹp quá! Bác thật là khéo. Chỉ có bác mới làm được một pho tượng như thế này.

Ông già lắc đầu, nhìn con gái nghi ngờ:

- Chúng tôi không dám!

Câu nói đó như quất vào mặt Đóa, như tiếng quát: Sao mày lại dám đúc tượng mày, hử con ranh kia?

Đó là điều tối kỵ của nghề. Ông già gục người xuống khuôn đúc, lòng quặn đau. Hôm đó hai cha con phải đúc một pho Đức Phật Bà Quan Âm cho một nhà chùa mới sửa sang ở gần Phủ. Pho tượng cao 2 mét, rộng 80 phân, có bệ và tòa sen nở. Sáng sớm Đóa đã thắp hương cho cha khẩn xin phép Đức Phật và các vị thần linh. Liệu rằng các vị có phạt nó không? Nhưng quả thực bức tượng đẹp quá.

Ngoài sân, Nam vẫn nài nỉ:

- Để cho cháu bức này. Cháu đặt tên là *Cô gái đúc thánh* nhé.

Rồi Nam cũng mang được mấy bức tượng đi. Nỗi đau vì con gái phạm thượng cùng niềm vui nhỏ khi thấy chàng trai mê hình hài con mình cứ len lỏi bóp nghẹt tim ông già. Biết đâu rồi Đóa sẽ có nơi chốn tử tế. Một ngày nào đó có người sẽ tìm gương mặt thật của pho tượng. Cơ ngơi này sẽ khá lên.

Cả buổi hôm đó hai cha con chẳng nói với nhau câu nào. Đóa ảm ức trong lòng vì ánh mắt khó hiểu của cha. Cô cũng nghi ngờ cái câu "Chúng tôi không dám" của ông. Thế thì là ai?

Vài hôm sau, Đóa kiếm cớ đạp xe lên phố. Cô dò hỏi được chỗ trưng bày những pho tượng *Đóa 1, Đóa 2, Đóa 3, Cô gái đức thánh*. Sự tò mò cứ thôi thúc cô tìm đến. Cô chải đầu bocc lên như cách mấy cô sinh viên Trường Mỹ thuật vẫn chải, khoác cái áo bố mới mua cho, nom trong gương khác hẳn cô Đóa thường ngày, rồi con cón dắt xe ra ngõ.

Đến nơi Đóa rụt rè gửi xe, rồi rụt rè bước vào phòng trưng bày. Cô thấy mình như lọt vào một thế giới kỳ ảo với những bức tranh và những pho tượng đẹp tuyệt trần nằm ngời đủ kiểu. Rồi cô nhìn thấy *Đóa 1, Đóa 2, Đóa 3, Cô gái đức thánh* nằm khuất trong một góc tối. Ngay cả ánh điện cũng không đủ sức tỏa sáng đến đó. Cô tần ngần ngắm những dáng hình mình bằng đất và thạch cao, lòng tự hỏi: họ có phát hiện ra mình xấu không nhỉ? Rồi cô thấy buồn vì cái góc tối.

Đóa đến phòng trưng bày những lần sau thì bà già trông xe bắt chuyện:

- Cháu mê tranh nhỉ?

Đóa ngập ngừng:

- Dạ... Cháu chỉ thích xem mấy pho tượng.

- Có một ông cũng vậy. Thỉnh thoảng lại chống gậy đến nhờ ta dặt vào trong đó. Ông ấy đến chỗ có mấy pho tượng nom chẳng có gì đặc biệt cả, cứ sờ nắn mãi ra chiều mê lắm. Đúng là ta nom pho tượng ấy chẳng có gì đặc biệt, hay là vì không có đèn ở cái góc ấy nhỉ? Mà trông cháu cứ ngỡ ngỡ như đã gặp ở đâu rồi thì phải?

Đóa quay mặt đi. Bà trông xe ô lên:

- Đấy, mới nhắc đã thấy ông ta đến. Thiêng thế! Cháu cứ chống xe đấy, không cần lấy vé đâu.

Bà ta quày quả chạy ra đỡ ông khách mù. Đóa lùi vào góc nhà để xe, thấy người đàn ông mù nom quen quen. Cô tò mò nhìn qua cửa sổ phòng trưng bày. Bà già trông xe nhắc:

- Lúc ra ông nhớ gọi tôi kéo khua gậy làm rơi hết các thứ.

Người đàn ông đứng im lìm một lúc trong bóng tối mờ mờ, rồi ông ta từ từ quỳ xuống, lết tới bức *Cô gái đức thánh*, lấy tay khế vuốt lên đôi bàn tay đặt sau gáy. Từ lúc nào, bà già trông xe đã đứng sát bên Đóa, và cũng nhòm người nhìn qua khe cửa sổ giống hệt cô. Bà thì thào:

- Ông ta như người bị mộng du! Mê tượng đến thế thì...

Đóa không biết mình đã bỏ về như thế nào, cô chỉ

nhớ là cô đã nhận ra ông già đòi mua tay của cô, rồi sau không thấy đến mua hàng nữa. Trong đông các nhóm sinh viên để lại, cô không thấy có địa chỉ của Nam. Nhưng rồi Đóa đã tìm được nhà anh qua nhóm bạn cùng học.

- Anh biết ai làm ra pho tượng ấy, đúng không?

Nam lặng lẽ gật đầu.

- Bố tôi đấy! Nhưng rồi mẹ tôi phát hiện ra. Bố tôi nhờ tôi mang đến tặng cô.

Đóa nhăn mặt;

- Tại sao anh lại để lẫn vào đông tượng ở góc xưởng? Tại sao lại giả vờ không biết?

Nam quát lên khiến Đóa giật mình:

- Thế cô thích được cái ông già gàn dở ấy vuốt ve à? Bây giờ tôi mới biết cô cũng chẳng phải là một cô gái hương đồng gió nội gì. Cô cũng say mê bản thân mình.

Đóa trừng trừng nhìn Nam.

- Tại sao cô lại tìm đến chỗ trưng bày? Sao cô không quên phất tượng của cô đi?

- Thế tại sao anh lại đến mua tượng tôi? Tại sao anh không đập nát chúng ra?

Nam khẽ khoát tay:

- Tại... giấc mơ của bố tôi và tôi!

Đóa hỏi:

- Ông ấy mơ gì?

- Mơ làm chủ những nghệ nhân đúc tượng trên xứ

sở này. Mơ tất cả các cửa hàng bán tượng phải mua tượng của ông. Rồi... mơ đòi tay cô.

- Tôi không hiểu.

- Có gì mà không hiểu. Ngay cả tôi, dù không thích cũng cứ phải vào học điêu khắc.

Đóa nhớ đến cái pho *Đóa 3* do chính Nam đúc. Nó cứ trở trở như thiếu vắng cái gì (thực ra tôi biết là Nam đã chộp được khoảnh khắc Đóa tâm thường nhất).

- Rồi sao ông ấy lại bị như vậy?

- Mù chứ gì? Tai nạn xe máy? Chỉ đơn giản thế thôi. Một ngón tay bằng xi-măng cứng ngắc của pho Thánh Mẫu đã chọc vào mắt phải khi ông ấy ngã, mắt trái dạo này cũng mờ dần. Có khi chỉ vì những điều rất nhỏ nhặt mà tan tành mọi giấc mơ, phải không cô? Bây giờ thì ông ấy chỉ còn biết chống gậy và im lặng, ngay cả những lời trách mắng của mẹ tôi, bố tôi cũng không đáp lại.

Đóa nhìn người con trai trước mặt mình, khẽ hỏi:

- Vậy còn... giấc mơ của anh?

Nam im lặng nhìn ra đường phố tấp nập, phía xa nữa là hồ Tây lộng gió.

- Tôi không hiểu tại sao cô lại đến đây. Nếu cô không đến, tôi đã có thể quên cô...

Hôm đó Đóa đã đạp xe đến khắp mọi nơi, đếm xem có bao nhiêu cửa hàng bán tượng, bao nhiêu xưởng đúc tượng trong thành phố. Cô đạp xe với lòng ham muốn kỳ lạ. Gương mặt đỏ hồng. Mặt rục sáng. Tóc xòa tung

trong gió, nắng và bụi. Đó là một ngày đẹp trời, chùa Phúc Linh khánh thành mời du khách và phật tử viếng thăm.

*

* *

Đoạn kết 1:

Về sau Đóa trở thành bà chủ lớn chuyên kinh doanh tượng thánh các loại. Nam luôn mâu thuẫn với chính mình: nửa muốn trở thành nghệ sĩ, nửa sợ Đóa không kham nổi việc kinh doanh, trở thành cái bóng của vợ.

Còn người nghệ nhân, cho đến lúc chết vẫn tưởng con gái tự nạn *Cô gái đức thánh*. Nhưng ông chết nhẹ nhàng và thanh thản.

Hằng ngày bố chú rể vẫn lên viếng thăm *Cô gái đức thánh*, sờ rẫm lên cơ thể nàng đến độ nhẵn bóng.

Đoạn kết 2:

Đóa quyết học và thi đỗ vào Trường Mỹ thuật. Cô đỗ thủ khoa khi ra trường, nhưng mãi vẫn chưa đủ tiền để mua lại pho *Cô gái đức thánh*, dù nó bị bụi phủ mờ.

Ngày 21-12-1997

NGƯỜI SÓT LẠI CỦA RỪNG CƯỜI

Một kho quân nhu và bốn cô gái nấu mình dưới tán cây rừng Trường Sơn.

Bốn cô gái trẻ măng, nhưng mái tóc chỉ còn là một dúm xơ xác. Dòng nước khe xanh đen thối lợ đã dần dà vật trụi mớ tóc họ. Hôm đón Thảo - cô gái thứ năm về, bốn người cũ mừng rỡ khi nhìn thấy mái tóc óng mượt dài chấm gót của cô. Họ cưng Thảo như vàng, nhất trí rằng không thể để rừng cướp mất mái tóc ấy của họ. Nhưng rừng mạnh hơn.

Hai tháng sau, bất chấp đủ các loại lá thơm mà đồng đội mang về cho gội, tóc Thảo chỉ còn là một túm sợi mỏng mảnh xơ xác.

Cả bốn cô gái ôm nhau khóc cay đắng, còn Thảo thì cười: "Các chị khóc làm gì. Đằng nào thì em cũng đã có người yêu. Người yêu em chung thủy lắm nhá. Em thế này, chứ giá có bị trọc đầu thì anh ấy vẫn yêu cơ mà".

Và thế là các cô gái nín khóc, tròn xoe mắt nghe Thảo kể về mối tình của cô với chàng sinh viên Văn khoa Hà Nội. Người con trai ấy được khúc xạ qua bao nhiêu lớp bụi và khói, cuối cùng đến lớp sương mù lung linh huyền ảo của ký ức Thảo, hiện lên như một chàng hoàng tử hào hiệp thủy chung.

Cả bốn cô gái đều đem lòng si mê chàng trai ấy, nhưng không phải cho họ, mà cho Thảo. Cái sự si mê họ,

người khác ấy không hy vọng cắt nghĩa nổi trong thời bình, dưới những ánh màu huy hoàng, mà chỉ những ai đã từng qua chiến tranh, trải nổi cô đơn đặc quánh, qua cảm giác đang cựa quậy giữa chốn giáp ranh giữa địa ngục và trần gian mới hiểu nổi.

Họ ở đây đã qua ba mùa mưa rầu rĩ và đang ở giữa mùa khô thứ tư bỏng rát. Kho quân nhu im lìm nép trong vòng tay ma quái của rừng sâu. Thỉnh thoảng mới có một đoàn quân tạt qua lĩnh quân trang quân dụng, rồi vội vàng đi. Họ mang đến những câu bông đùa suồng sã, dăm ba cái câu véo của những người đàn ông sống xa thế giới đàn bà lâu ngày có xu hướng trở thành hoang dã. Thảng hoặc cũng có những người lặng lẽ chiêm ngưỡng họ như những nữ hoàng, chằng vào lòng những cô gái bé nhỏ chút hy vọng mơ màng vương vấn như tơ nhện rồi thoát biến, khiến cho các cô gái càng thắm thía nổi cô đơn.

Mặt trận đã lùi về gần kho. Năm cô gái sống trong lo âu mà rừng thì cứ lăm lẹ trải đầy thảm lá rụng. Ánh đỏ của thảm lá hắt lên cả bầu trời ánh ỏi, khiến cho đêm của họ cũng mang màu đỏ.

Một buổi trưa có ba người lính đến lĩnh quân trang. Cách kho một quãng, họ bỗng chùn chân vì vắng tiếng cười man dại. Nghe ngóng một chốc, ba người lính lại bước tiếp, thoáng nhớ lại câu chuyện hoang đường về bữa tiệc của các mục phù thủy trong rừng. Gần đến chòi canh kho, bỗng "soạt", rồi "huych", hình như có con vượn trắng vừa nhảy từ chòi canh xuống và lẩn vào đám lá. Ba người tản ra, một người chui vào bụi đuổi theo con vượn. Anh ta đang ngơ ngác nhìn ngược nhìn xuôi thì "phốc" - một đôi

tay từ đầu đã ghì chặt lấy cổ và sau gáy anh vang lên tiếng cười man dại lúc này. Vừa cố sức gỡ ra, vừa ngoái lại, anh kinh hoàng thấy con vượn lúc này đang ôm chặt lấy anh. Nhưng anh còn bàng hoàng gấp đôi khi nhận ra rằng "con vượn trắng" ấy lại là một người con gái hoàn toàn trần truồng, tóc xòa, vẻ mặt bơ phờ và đang ngửa cổ ra sau cười khanh khách.

Anh ta lú cả lưởi, gọi không ra tiếng: "Hiên ơi! Hiên!" Một người lính cao cao, trông già dặn hơn, chạy vội đến. Thấy anh bạn mình đang đứng như trời trồng trong tay một người con gái lơ lửng thì vừa sợ vừa buồn cười. Anh đã từng nghe nói đến chứng bệnh mà các cô gái thường mắc phải trong những trường hợp tương tự. Anh bước tới, ra hiệu dừng cố sức gỡ tay cô gái ra làm gì mà cứ dụi dằm, vỗ về an ủi, một chốc, cô ta sẽ dịu lại. Rồi anh nhảy ba bậc lên chòi canh kho.

Trên sàn chòi khắp khểnh, ba cô gái đang vừa cười vừa khóc, tay rút tóc và xé quần áo. Còn một cô gái khác trẻ hơn đang chạy tới chạy lui ôm đầu vẻ tuyệt vọng. Cô chưa bị như họ, nhưng với cung cách này, chẳng bao lâu, cô ta cũng sẽ không thoát khỏi.

Đã dạn dày với cảnh chết chóc, mà giờ đây, khi đứng trước thân thể căng đầy sức sống của những người con gái, Hiên run bắn. Người đàn ông đã ngủ quên trong anh giờ đây vùng vằng giãy đạp. Trong phút chốc, Hiên muốn buông trôi, muốn quên hết.

Phải một lúc sau, Hiên mới trấn tĩnh được. Anh nhớ lại cách chữa bệnh này. Trước đây, hồi còn là một cậu bé, anh đã nghe kể lào phào bên tai.

• Hiên khóa chốt an toàn, cầm ngang khẩu súng, đột ngột lao tới đập mạnh vào cửa chòi, gân cổ quát lớn:

- Mấy con Việt cộng kia! Kho đâu? Chỉ mau, không tao bắn vỡ sọ?

Như có phép lạ, các cô đang cười sằng sặc bỗng im bật, bàng hoàng rồi sực tỉnh, vợ ngay lấy súng, nhảy vội xuống đất chĩa vào Hiên định bóp cò. May sao, người bạn đứng trong lùm cây vội la lên: "Đừng bắn! Quân mình đó!" Khi ấy, các cô mới nhìn rõ ngôi sao trên mũ và quân phục anh đang mặc. Họ từ từ bỏ súng xuống, bất chợt nhìn ra nhau rồi cúi xuống, thấy mình không một tấm vải che thân trước mặt ba người đàn ông xa lạ. Các cô kinh hoàng chạy biến vào rừng, chúi vào gốc cây khóc không ra tiếng. Cả Thảo - cô gái duy nhất không mắc bệnh cười, cũng chạy trốn. Cô thấy thương các chị đến quặn ruột. Cô buồn tủi, tiếc cho lòng trinh bạch con gái. Đến tối, năm chị em mới dám dìu nhau về, nghe ngóng động tĩnh mãi mới lần lên chòi.

Ba người lính đã ra đi. Họ cài lại mảnh giấy xé vội vàng từ cuốn sổ nhỏ:

"Kính chào các đồng chí! Chúng tôi sẽ lấy quân trang ở kho khác và gọi bác sĩ đến. Các đồng đội thân yêu! Chiến tranh mà. Mong tha lỗi! Vĩnh biệt!"

Vài ngày sau, có y tá đến, cho các cô gái uống thuốc gì đó màu trắng trắng. Không thuốc thì cũng đã khỏi. Nhưng các cô gái trầm lặng hẳn và già thêm hai mươi tuổi.

Cánh rừng này được mang tên *Rừng Cười* từ đó. Từ đây, người ta không gọi tên kho ấy theo ký hiệu quy

định nữa, mà bảo: "Hôm nay, tôi về kho Rừng Cười lấy quân trang".

Vài tháng sau, kho Rừng Cười nhận được lệnh chuyển. Tiếng súng của những trận đánh nghe đã gần lắm. Chưa kịp đi thì địch đã đưa cả một đại đội đến đánh chiếm chòi có năm cô gái nhỏ. Lúc đó, Thảo đang bị sốt mê man - những trận sốt rét "nhập môn" cho người ở rừng. Bốn chị kia đã dìu Thảo đi giấu ở một gốc cây kín đáo, rồi về cầm súng. Chuyện thần thoại của chiến trường không xảy ra ở đây. Bốn cô gái không chống chọi nổi đã dành những viên đạn cuối cùng cho mình để tránh ô nhục. Tên tuổi họ, lẽ ra phải được in bằng chữ đậm trên trang nhất của các báo như những anh hùng. Nhưng cũng chẳng có gì lạ. Họ nằm lặng lẽ dưới nấm mồ chung do bàn tay yếu ớt của Thảo cố sức đắp sau cơn sốt: khi cô từ hốc cây tỉnh lại thì địch đã rút.

Đầu Thảo như muốn nổ tung. Cô không khóc nổi. Nhớ lại đêm trước trận đánh, cả năm chị em như cùng linh cảm thấy một điều gì khác thường. Đêm oi ả, tù đọng. Mấy chị em nói chuyện bâng quơ, rồi một chị đòi Thảo kể về người yêu. Và như mọi lần, Thảo vừa kể bằng chuyện thực vừa bằng hoang tưởng, vẽ nên chàng "hoàng tử". Ba chị kia mắt sáng ngời, lắng nghe như nuốt lấy từng lời. Nhưng Thẩm - chị tổ trưởng, trước lúc chui vào hầm đã vuốt tóc Thảo và bảo: "Thảo ơi! Liệu em có quá yêu người ta không đấy, không hiểu sao, chị bỗng thấy sợ cho em. Em là người duy nhất trong chúng ta có hạnh phúc. Mai này, có trở về, dù thế nào, em cũng không được để đàn ông người ta phải thương hại mình nghe!"

Lúc đó, Thảo đã thoáng chút hờn giận chị. Thế mà

giờ đây. Thắm và ba đồng đội của cô đã chết trong những tư thế rất khác nhau. Một lưỡi lê cay cú đâm nát một bên ngực của Thắm. Trước đây mỗi lúc tắm chung dưới khe, Thảo thường ngấm trộm ngực chị Thắm thầm nghĩ: "Ngực thần Vệ nữ có lẽ chỉ đẹp đến thế là cùng", và ước ao phải chị mình cũng có bộ ngực như thế. Giờ đây, Thảo chỉ còn mỗi cách là vắn các đồng đội của mình xuống huyết, rải lên bốn thi thể con gái một thảm lá thật dày, rồi lấp đất. Cô trồng lên mộ bốn cây bằng lăng nhỏ, rồi dốc nốt chỗ nước trong bi-đông xuống tưới cho cây. Mặt đất khô khan kêu "xèo" một tiếng, bốc hơi ngùn ngụt quán vào chân Thảo. Sau này, khi đang nằm điều dưỡng ở quân y viện, Thảo được biết là Hiên - người đã cứu họ trong cơn điên loạn - cũng đã chết trong một trận đánh. Nghe rằng, cấp trên đã nêu gương hy sinh anh dũng của anh, đang làm giấy định gửi ra Bắc truy tặng danh hiệu anh hùng, thì chính trị viên đọc được những dòng này trong cuốn nhật ký nhàu nát nhét dưới túi cóc ba-lô:

... "Sẽ không bao giờ mình quên được những gì đã nhìn thấy ở Rừng Cười. Có lẽ cảnh chết chóc còn dễ chịu hơn! Ôi! Thế là sau chín năm ở chiến trường, nay tôi đã nhìn thấy ở Rừng Cười cái cười méo mó man dại của chiến tranh.

Việc chiến tranh lôi những người phụ nữ vào chiến cuộc thật khủng khiếp. Tôi sẵn sàng chết hai lần cho họ khỏi lâm vào cảnh ấy.

Tôi rùng mình khi nghĩ rằng, người yêu tôi, em gái tôi cũng đang cười sảng sặc như thế, giữa một khu rừng mênh mông nào đó".

Vì những dòng này, người ta kết luận rằng Hiên có tư tưởng dao động, sắc mùi tiểu tư sản (anh vốn là sinh viên). Hành động anh hùng của anh ta chỉ là ngẫu nhiên, bột phát. Chính trị viên nói: "Anh ta không bị kiểm thảo là may rồi!".

Đó là chuyện cũ.

Hai năm sau, Thảo - người sót lại của Rừng Cười - đang học năm thứ nhất khoa Văn.

Thảo vẫn giữ được những đường nét bẩm sinh. Nhưng đôi mắt cô như mắt của người đang đi trong một giấc mộng dài. Làn da xanh tái vì những cơn sốt rừng. Khuôn mặt chỉ sinh động mỗi khi cô cười, mà những nụ cười thường hiếm hoi. Cô thường so đôi vai gầy nép mình trong góc giường tầng để viết nhật ký. Trong những cuộc đối thoại, cô thường lơ đãng.

Thảo thường qua đêm với hai loại giấc mơ: một loại giấc mơ thời thơ bé, cô thấy may mắn nhất là nhật được cặp ba lá, khá nữa là nhật được trứng vịt để rơi. Còn trong giấc mơ tuổi thanh xuân, cô chỉ thấy tóc rụng như trút, rụng đầy khuôn ngực đã bị đâm nát của chị Thắm, và từ trong đám tóc rối ấy lấy ra hai giọt nước mắt trong veo và rắn căng như thủy tinh, đập mãi không vỡ. Đến đây, cô hét lên và tỉnh dậy, nắm chặt lấy hai thành giường lạnh buốt.

Trong đêm Thảo nhìn suốt lượt - mười một cô gái đang nằm ngủ. Họ cũng đang trong mơ cười thanh thản, mặt ửng hồng. Trông họ đáng yêu làm sao. Giấc mơ của họ khác xa với giấc mơ của đồng đội cô hồi còn sống. Thảo thở dài, biết rằng mình thật là quỷ nh, thật khó nhập cuộc.

Người yêu - chàng hoàng tử của Thảo, của năm cô gái Rừng Cười - giờ đây cũng đang học năm cuối, cùng trường. Họ cũng hò hẹn, đưa nhau đi chơi mỗi tối thứ bảy, trên con đường trồng phi lao ngập đầy ánh trăng. Thành đã giữ lời thề thốt yêu đương ngày trước. Anh săn sóc Thảo chu đáo, ân cần. Nhưng họ ít có chuyện để nói với nhau. Họ thường im lặng đếm bước, nghe rõ cả tiếng của những con chim ăn đêm về tổ muộn hốt hoảng vẩy đôi cánh nhỏ. Thứ bảy nào Thành cũng chở Thảo đi chơi và về đúng chín giờ.

Nhưng mỗi lần gặp nhau, cả hai ngượng ngập như cảm thấy có lỗi, như không còn chuyện gì để nói. Mỗi thứ bảy, Thảo vừa mong lại vừa sợ. Cô không còn thấy lại ánh mắt long lanh vụt sáng mỗi lần Thành gặp cô như ngày xưa.

Thảo thường nhăn mặt mỗi khi nhớ đến lần gặp lại đầu tiên sau mấy năm xa cách. Khi Thảo xuống tàu, vai đeo ba-lô, Thành ra đón, anh ngỡ ngàng đến không thốt nổi một lời khi vừa nhìn thấy cô. Đôi mắt anh lướt qua thân hình gầy gò trong bộ quân phục lác lõng, qua làn môi nhợt nhạt, mái tóc xơ xác của cô, rồi mới kêu lên: "Ôi! Em!" Lúc đó, Thảo cảm thấy như vừa có cơn sóng lạnh buốt tràn qua ngực. Thoắt chốc, mắt cô đọng đầy nước hờn tủi. Thành giật mình chợt tỉnh. Để chuộc lỗi, anh tỏ ra vồn vã hơi quá đáng. Điều đó càng làm Thảo chạnh buồn. Cô nhìn sâu vào đáy mắt Thành:

- Anh không nghĩ rằng em sẽ như thế, phải không?

- Anh không quan tâm đến hình thức. Chỉ cần em trở về.

- Không đúng. Em biết mình. Hôm nay, anh thật

lòng mừng vì em đã trở về, nhưng ngày mai, anh sẽ thấy rằng yêu một người như em là hy sinh quá lớn.

- Đừng nói thế, em. Anh đã chờ em ròng rã mấy năm!

- Đúng thế, nhưng giờ đây em giải thoát cho anh khỏi lòng chung thủy của anh.

- Đừng ác khẩu thế, cô bé! Chưa chi chúng ta đã cãi nhau rồi. Lời đầu tiên em nói với anh sau những năm chờ đợi là như thế sao?

Thành cười độ lượng và nắm tay Thảo. Lòng cô dịu hẳn: "Có lẽ mình trở nên cứng nhắc và hiếu chiến sau mấy năm ở chiến trường...".

Thời gian thấm thoát đã nửa năm với những tối thứ bảy đến đều đặn như máy.

Một hôm, Thảo có việc phải đi tìm tận lớp Thành để gặp anh, tranh thủ mấy phút nghỉ giữa giờ. Đang đứng nói chuyện với Thảo ngoài hành lang, Thành bất giác ngừng bật, mặt tái đi, rồi đỏ ửng. Thảo ngạc nhiên quay lại, nhìn thấy từ phía sau lưng mình một cô gái có đôi môi mòng mọng như nũng nịu, với làn da trắng hồng, tươi mát trẻ trung đang đi đến. Cô nhìn Thành qua vai Thảo bằng ánh mắt say mê, ngưỡng mộ, hồn nhiên như trẻ thơ. Cô gái ấy học cùng lớp Thành. Cô đi vào lớp rồi, Thành mới sực nhớ ra, nối lại câu chuyện cũ. Nhưng bàn tay rất đẹp đặt trên lan can của anh thoáng run rẩy. Bực mình về sự yếu đuối của mình, anh nắm tay đầm nhẹ vào thành lan can. Đôi mắt anh ngược nhìn trộm Thảo, vẻ có lỗi.

Thảo chợt hiểu. Cô nhanh chóng kết thúc câu chuyện, ra về. Thảo tủi thân và thấy thương Thành. Rõ

ràng là hai người kia thâm yêu nhau. Họ đẹp đôi quá và lại ở gần nhau, làm sao không yêu được? Thảo là vật cản, Thành gắn bó với cô chỉ bằng nghĩa chứ không có tình. "Vậy mà nhiều lần mình bảo anh ấy đi yêu người khác, anh ấy không chịu. Anh ấy không nỡ. Rồi đây, lầy nhau, cuộc sống sẽ hết sức tẻ nhạt...". Thảo chợt nhớ lại lời dặn tưởng như vu vơ của chị Thắm đêm trước khi chị bị giết.

Sau nghỉ học kỳ, Thảo từ quê lên, bảo Thành là cô xin nói chuyện nghiêm túc với anh, rằng hai người không hợp nhau, rằng cô đã có người yêu khác, mong anh đừng nghĩ tới cô nữa. Thành nghe những lời Thảo nói với vẻ thờ ơ: anh biết cô nói dối. Nhưng vài tháng sau, thấy cứ mỗi chiều thứ bảy, Thảo lại lên văn phòng khoa nhận về một phong thư dày cộm với dòng chữ nắn nót đề ngoài: "Thương yêu gửi em Mạc Thị Thảo". Thành dần tin là thật. Anh thâm trách con người phụ bạc, nhưng đồng thời cũng nhẹ nhõm như vừa cất được gánh nặng.

Một tháng sau anh chính thức ngỏ lời với cô gái cùng lớp và sau hai tháng, họ cưới vào dịp nghỉ hè để sắp sửa ra trường.

Đêm tân hôn của Thành, Thảo chong ngọn đèn dầu trên giường nhỏ, không dám bật điện, sợ làm mất cô gái cùng phòng khó ngủ. Từ khi Thảo nhận được những lá thư vào thứ bảy, các cô gái đã lần lần xa lánh cô. Họ coi Thảo như một ổ dịch.

Thảo tần mẩn giở những lá thư ra đếm. Có mười sáu lá tất cả. Cả mười sáu lá đều chưa hề bóc... Bốn

tháng trôi qua. Đã bốn tháng, cô bị cả khoa chê trách dè bĩu về tội phụ tình. Mà phụ ai chứ! Nỡ phụ bạc một chàng trai đẹp và chung thủy đến thế!... Thảo tần ngần bóc lá thư đầu tiên.

Thảo nghĩ đến Thành. Chắc giờ đây, lòng thanh thản và ngập tràn hạnh phúc, anh đang mê đắm trong vòng tay người vợ mới cưới. Ngày ở Rừng Cười, cô đã khao khát đến cháy lòng cái ngày ấy! Cái ngày ấy là một trong những đốm lửa sáng nhất giục giã cô cố nhào ra khỏi cuộc sống hoang dã chốn rừng sâu.

Cái ngày ấy!... Thảo thấy ngọn đèn dầu nhòe dần, và đung đưa trước mắt cô một quả cà chua chín đỏ lịm hình trái tim chập chờn, chập chờn. Cô đưa tay bắt, hình như nước cà chín vỡ ra, chạy dọc theo cánh tay, vào tận ngực, thứ nước đỏ nhòe nhọt như máu loãng. Không hiểu sao, cô thấy buồn buồn ở nách như bị ai cù và cô bật lên tiếng cười. Trong một trạng thái như vô thức, Thảo vung tay, mười sáu phong thư dày cộm vung vãi khắp giường.

Đang ngủ, cô gái nằm cạnh Thảo bỗng mơ thấy ma cười khanh khách. Cô choàng tỉnh, tự giật giật tóc, vẫn nghe tiếng cười và nhìn thấy bóng đèn dầu chập chờn trên tường. Cô sợ hãi chồm dậy, thấy Thảo đang vừa cười vừa khóc. Cả mười một cô gái trong phòng tỉnh dậy. Họ cho rằng Thảo đã bị điên. "Hystérie đó mà", một cô ra vẻ thành thạo giải thích. Họ xúm lại đưa Thảo xuống trạm xá cấp cứu. Thảo không đi: "Tôi không điên". Các cô gái càng sợ. Người giữ chân, kẻ giữ tay, lại có các bạn trai sang giúp sức, họ công Thảo

xuống trạm xá. Ở đó, người ta bắt ép Thảo uống những viên *gác-đê-nan* màu trắng. Cả ký túc xá huyên não cả lên, đến lúc Thảo thiu thiu ngủ mới thôi.

Mười một cô gái trở về phòng. Họ định thu dọn vài thứ lặt vặt mang lên trạm xá cho Thảo, thì thấy những bì thư nằm vung vãi trên giường. Họ tìm được một phong thư đã bóc thì thấy vền vền mấy dòng:

"Từ nay, tôi sẽ viết cho tôi, vào mỗi tối thứ năm, để sáng mai, đạp xe ra bưu điện Ngã Tư Sở bỏ thư vào, rồi chính tôi lại nhận được nó vào mỗi chiều thứ bảy."

Vô duyên quá! Nhưng không thế, Thành sẽ không yên tâm rời bỏ tôi. Thấm ời? Em là người sót lại của Rừng Cười, nhưng hạnh phúc chẳng còn sót lại ở nơi em!

Thấm và các đồng đội của em! Cứ yên nghỉ ở Rừng Cười! Em không làm cho vong hồn con gái của các chị phải tủi hổ. Em cũng sẽ khiến cho Thành mãi mãi vẫn là chàng hoàng tử hào hiệp của chúng ta!"

Các cô gái khoa Văn vốn nhạy cảm, lơ mơ đoán ra sự việc. Họ khóc khi nhớ lại những tháng qua, họ đã xa lánh và dè bủ chị Thảo đến thế nào. Trời vừa chợt sáng, họ đã chạy lên căn gác xép, phòng hạnh phúc của Thành - ở tầng trên, báo cho Thành biết.

Nghe tiếng gọi cửa, Thành hơi bực mình, cầu nhàu ra mớ. Các cô gái không nói gì, dắt tay anh đến bên chiếc giường ngổ ngang mười sáu phong thư. Thành đọc lá thư đầu tiên, rồi lập cập bóc cả. Hai phần ba số thư chỉ toàn là giấy trắng. Thành choáng váng như người bước hụt.

Thành tức tốc chạy xuống trạm xá, nhưng Thảo đã đi rồi. Cửa phòng bệnh khép hờ. Chiếc giường trải ga trắng in vết lõm thân hình bé nhỏ của Thảo nằm đềm qua, khi cô bị ép uống những viên thuốc an thần màu trắng, khi mọi người yên trí rằng cô đã hóa điên, và nhìn cô bằng ánh mắt chế giễu, lúc đó anh đang bận hưởng thú vui của đêm tân hôn với một cô gái khác.

Thành bước ra hành lang, bước xuống đường. Gió bắc từng cơn thổi lạnh. Lá bàng súng vàng vung đầy trời rơi tả tả như đàn bướm bị bão. Anh vừa đi vừa nhìn thấy chao qua chao lại trước mặt người con gái đã bị tước sạch trơn, đêm đêm ngồi vò vớ viết thư tự gửi mình trước ngọn đèn dầu đỏ quạch. Anh chợt nghĩ đến huyền thoại về loài yến huyết ngoài biển khơi đã nhả từng hạt máu để dệt nên chiếc tổ ấm màu hồng quý giá, rồi khi sức tàn lực kiệt, chim yến bé nhỏ bay vút lên không trung, lao mình vào vách đá nhọn hoắt cho ngực vỡ nát. Đôi chân lang thang dẫn Thành về bến tàu quen thuộc. Ở đây, đã nhiều lần, bằng những đồng học bổng ít ỏi, anh mua tặng Thảo những quả mận tím đỏ đầy nước chua và chát. Thế mà Thảo đã ăn nó một cách nhiệt thành, cố không nhăn mặt, để cho anh yên lòng đến thế. Thành hỏi bà bán mận đang ngủ gật, tỳ cả cái mũi vào lòng bàn tay để ngủ:

- Bà ơi! Bà có thấy cô gái hay mặc bộ quần áo bộ đội đã cũ đi qua đây không?

Bà hàng mận chợt tỉnh. Bà véo véo mũi cho qua cơn buồn ngủ:

- Không, ờ mà có. Cái cô mà ngày xưa hay qua đây ăn mặn cùng anh chứ gì? Cô ấy xuôi tàu rồi!

Thành cũng xuôi tàu, Thành đi tìm Thảo tận quê, tìm khắp nơi mà không thấy. Anh về sống với người vợ mới cưới, rồi nhận công tác ngay ở Hà Nội. Cuộc sống trôi đều đều. Nhưng trong óc anh vẫn chấp chới đôi cánh bé nhỏ của loài yến huyết.

Năm năm sau, hội trường Trường Tổng hợp. Những cựu sinh viên từ các miền về đây. Họ tìm về một thời lãng mạn.

Trong bữa tiệc của các cựu sinh viên khoa Ngữ văn, Thành chọn một góc ngồi cạnh cửa sổ, mặc dù trời đang lạnh.

Biết đâu, sẽ có phép lạ, và Thảo của anh sẽ bất ngờ xuất hiện. Nếu phép lạ đến, cô sẽ hiện ra trước mắt anh, với hình dạng ra sao đây? Với một thân hình tàn tạ bơ phờ, mắt mộng du, tay cầm cành liễu? Hay với bộ quần áo nâu sồng, tay chấp trước ngực: "Ai di đà Phật! "? Hay một bà chủ sang trọng, tay đầy xuyên và nhẫn? Hay một phóng viên đầy tài năng vừa từ Sài Gòn bay ra?

Bữa tiệc ồn ào, huyền ảo. Gió qua lại như tiếng chân chạy. Thành vẫn đăm đăm ngóng ra cổng trường. "Rừng Cười ơi! Đã no nê máu và nước mắt, lẽ nào người cướp nốt của ta con chim yến nhỏ nhoi!".

CÒN LẠI MỘT VẰNG TRẮNG

Khách đến thưa thớt. Chúng tôi kê hai dãy bàn dài sát tường, bày la liệt bánh kẹo. Cái Hương ngồi giữa một đồng buổi trắng lộp, gọt xoèn xoẹt. Duyên thì gọt hồng. Không khí tung bừng như đón Tết. Trăng đã lên. Chên chéch trên đầu, tròn, sáng, không bị một gợn mây che khuất. Mọi người đến khá đông. Chúng tôi thu dọn và anh Huy tuyên bố chương trình. Anh cười và hét to: "Các bạn ơi, có rất nhiều khách lạ, đề nghị giới thiệu". Có tiếng hét: "Đề nghị bạn Thu tắt hết đèn để mời chị Hằng xuống đi vài bài "Xì lô" nào". Tiếng cười rộ lên. Mọi người đến chật sân thượng. Buổi, hồng và bánh kẹo chuyển ra. Tiếng cười không lúc nào tắt. Ánh trăng bạc trắng, thanh khiết trên cao vời vời. Gió lay những vòm cây phía dưới tạo nên một không gian bao la, trong sáng đến lạ. Tôi quên mất là thời gian vẫn trôi không ngừng lại. Bên tôi. Anh yên lặng. Chúng tôi có thể coi nhau là bạn thân, là người yêu hay là tất cả cuộc sống này. Bởi chúng tôi trẻ. Mọi vấn đề đều mới đang bắt đầu. Nó trong trẻo, và dễ thành kỷ niệm đẹp. Hình như anh say bia. Giọng anh ấm áp, sát tai và hơi thở phả lên má tôi, nóng bừng:

- Em xinh thế? Mình ra đi. - Anh nắm tay tôi, kéo mạnh.

Tôi ngượng ngùng đứng lên cùng anh. Một tay ôm ngang lưng, một tay đỡ sau vai, anh đưa tôi dìu dắt theo tiếng nhạc êm đềm. Tình yêu đầu tiên, những va chạm đầu tiên luôn làm tôi run rẩy, hồi hộp. Anh gần tôi, khuôn mặt thân yêu như chính máu thịt của mình. Anh thì thầm:

- Đố em, ai đang theo dõi bắt quả tang anh ôm rồi hôn trộm em vừa xong?

Tôi tái người, hốt hoảng, nhìn xung quanh. Trong ánh sáng mờ xanh, chẳng có ai chú ý đến tôi cả. Ai cũng có việc để làm, và hình như bọn họ còn hỗn nhau nhiều hơn chúng tôi. Tôi ngước nhìn anh, lắc đầu lo lắng. Anh cười, trông rất gian;

- Cho anh hôn một cái nữa, anh sẽ nói.

- Đừng hòng, đã sợ người nhìn trộm lại còn đòi nữa. Nếu anh không nói, em vào đây. - Tôi giả vờ dối.

- Anh xin, đừng giận anh. - Anh nói và rời bàn tay khỏi lưng tôi, khẽ nâng cằm tôi ngước lên trên cao. - Đấy, người làm chứng cho chúng mình đó.

Tôi giật mình. Giữa hai chúng tôi, đó là vầng trăng trắng xanh sáng cao và trang nghiêm. Tôi chột vùng ra khỏi tay anh.

- Chết rồi. Khuya quá rồi, anh ơi. Em phải về, không bố mong. Mẹ mắng em chết.

- Ôi dào, bây giờ sớm chán. Em vất vả quá, được một hôm thoải mái, cứ cuống lên?

- Nhưng em sợ mẹ. - Tôi rụt rè, ngần ngại.

- Mẹ mắng, em nghe. Chán, mẹ thôi. - Anh cười và vòng tay ôm chặt lấy tôi, đưa tôi đi vào góc sân. Bản nhạc đã gần hết. Các đôi buông nhau ra, đi vào góc bàn. Anh đứng sát tôi, nơi vắng vẻ nhất. Khuôn mặt anh chìm xuống, khuất lấp ánh trăng. Còn mặt tôi lại sáng trắng lên.

- Hai năm quen nhau, mình chưa một lần nói đến chữ yêu như người ta hay nói nhỉ? Ngay đến hôn anh cũng phải xin phép. - Anh nhìn tôi đang ngượng ngùng, tiếp: - Mai anh đón em buổi chiều ở trường nhé. Mình lên Quảng Bá chơi. Đường Nghi Tàm đẹp tuyệt. Xong, tối vào Bách Thảo.

Tôi ngập ngừng. Tôi luôn ao ước được đi chơi với anh. Tất cả những lần chúng tôi rong ruổi xe trên các con đường, lúc sáng tinh mơ, lúc nhập nhoạng tối, tôi đều thấy các con đường, các hàng cây thật đáng yêu và tuyệt đẹp. Cũng như bây giờ. Suốt thời gian đã qua của tôi chưa bao giờ trăng đẹp như thế. Tôi sợ phải về. Tôi sợ phải chia tay với anh. Với ánh trăng kia. Tôi sợ trong đời tôi không bao giờ được tắm mình trong một thiên nhiên như thế này. Dưới kia, đường phố vắng lặng dần. Xa xa, thỉnh thoảng dội về tiếng trống ếch, tiếng hò reo của đám trẻ con rước đèn. Có những tia lửa sáng bay lên, rồi tắt ngấm. Tôi muốn cùng anh thức trọn đêm nay. Ôm trọn không gian mát rượi, trong veo này vào lòng. Giữ chặt không nó tuột đi mất...

Có những tiếng chào nhau để rà về. Tôi giật mình. Khuya quá rồi. Phải về thôi. Tiếc vô cùng cũng phải về. Anh đưa tôi chậm chậm qua các phố ánh trăng rắc bạc

xuống mặt đường. Trăng đứng đưa qua tán lá. Trăng như tan đi trong không trung. Những con đường lung linh, mờ ảo. Tôi thì thầm:

- Anh ơi, đêm đẹp quá. Tiếc nhỉ, giá mà em không phải về. Cả đời em không bao giờ quên đêm nay.

Anh im lặng. Vòng tay ra sau nắm tay tôi. Bàn tay anh ấm áp, to và cứng. Lòng tôi tràn hạnh phúc. Tôi biết mơ mộng từ ngày yêu anh. Biết nhớ mong, dõi hồn từ ngày có anh. Và đêm nay. Biết trăng đẹp vì đi bên anh. Đến gần cổng bệnh viện, tôi cuống lên vì tiếc, vì phải chia tay anh.

- Chiều mai anh đón em ở trường. Mình đi thông tâm, trăng mười sáu to tròn hơn hôm nay. Sáng hơn hôm nay. Mình sẽ mua vài chục cái bánh rán ở gần cửa Bách Thảo, vừa ăn vừa ngắm trăng.

- Thế thì còn gì bằng? - Tôi sung sướng thốt lên, vòng nốt một cánh tay ôm lấy ngang lưng anh.

Đường khuya vắng ngắt. Cổng bệnh viện khoá chặt. Phòng thường trực vẫn sáng đèn. Tôi hốt hoảng:

- Chết, khoá cửa mất rồi, làm sao bây giờ?

- Trèo vào! - Anh nhảy phắt xuống dựa chiếc xe sát vào bờ tường. - Đây. Anh giữ xe. Em trèo lên gióng khung, rồi bước lên yên. Nhảy vào.

- Sợ lắm, bảo vệ biết, họ chửi chết! - Tôi lo lắng thật sự trước sự vắng ngắt của bệnh viện. Bình thường, ban ngày, lúc đông người, bệnh viện đã có một không khí khác bên ngoài, nữa là bây giờ, mười một giờ đêm rồi.

- Còn hơn em gọi ông thường trực. Người ta đang ngủ. Anh giữ cho em, bảo đảm mà! - Anh ấn nhẹ tôi lại gần chiếc xe.

Thế rồi, loay hoay luống cuống mãi, tôi cũng trèo được vào bên trong, hơi xước chỗ cánh tay một chút. Anh thò tay qua chấn song cửa, nắm lấy tôi tôi, không nói. Tôi thì thầm:

- Mai nhé! Em vào đây! Có lẽ bố ngủ rồi. Em sẽ nói dối mẹ là mình hỏng xe.

Anh khẽ gạt và thì thào: "Mẹ mắng thì im chứ đừng nói dối đâm thành tính xấu". Tôi gạt và vùng chạy. Tiếng anh phía sau: "Khéo ngã. Em lúc nào cũng như trẻ con". Tôi ngoái lại, vầy vầy. Anh đứng lặng, nhìn theo tôi. Đến góc rẽ, tôi vẫn thấy anh ở đó. Anh là tất cả của đời tôi. Tôi không thể thiếu vắng anh được nữa rồi. Không có anh. Không có người hay răn đe tôi những tật xấu nhỏ như hay ăn ớt cay, hay chạy, hay nhăn trán. Không có anh. Ai dám phủ bụi ở quần tôi. Ai đưa đón tôi trên những con đường vắng hoa sáu rụng trắng li ti sau cơn mưa mùa hạ ướt đẫm? Không có vui buồn, hồi hộp chờ mong giờ hò hẹn. Cả đất trời bao la đầy ánh sáng này. Không có anh sẽ thành vô nghĩa. Có anh. Trăng trở nên thần thánh, thiêng liêng. Tôi cười và thì thầm với mình: "Ôi, tôi yêu cuộc sống này, yêu đêm nay và yêu anh quá". Chắc anh đang chậm chậm đạp xe về. Khuya khoắt một mình một phố, anh có nghĩ đến tôi không? Thương anh quá. Và tôi tiếc. Tiếc phải xa anh trong một đêm huyền diệu. Suốt đời tôi sẽ chẳng bao giờ có giây phút thần tiên như thế nữa.

* Hành lang dài dẫn đến phòng bố tôi vắng lạnh. Tất cả các phòng đóng cửa, vang những tiếng thở nặng nhọc. Tiếng nói mê ú ớ. Tôi co cẳng chạy lao vào phòng bố. Cửa mở toang. Không có mẹ. Căn phòng lạ hoắc, trơ ra cái bếp dầu, mấy cái nồi con, vài chiếc túi đựng quần áo lăn lóc dưới đất. Giường bố nằm cũng biến luôn. Tôi chạy sang phòng bên cạnh, khoá cửa trong. Bố đâu? Bố chuyển đi đâu rồi. Tôi nhòm từng phòng cầu mong thấy khuôn mặt thân quen của bố, dáng cúi cúi xiêu xiêu của mẹ mà không thấy. Có tiếng nói ở phòng bác sĩ trực vọng ra:

- Ở bên phòng cấp cứu ấy. Đang thở ôxy.

Tôi chạy ra đấy. Mấy bác sĩ trực đang quây quanh chiếc giường của bố. Mẹ khóc đứng tựa dưới chân giường, miệng lẩm bẩm:

- Để tôi vượt, vượt là "nó" xuống ngay.

Tiếng bác sĩ Đầu:

- Vượt chỉ là hình thức. Khối u của anh ấy chỉ chờ ngày vỡ. Đã vỡ thì không thể cứu nổi.

Tôi run rẩy chạy vào. Mẹ không nhìn tôi. Hay mẹ không thèm nhìn đến tôi. Tôi chui vào, đứng gần bố, nắm lấy tay bố:

- Con xin lỗi bố. Để con vượt cho bố nhé!

Bố không trả lời. Bố chỉ nói một câu, nói đi nói lại, càng ngày càng nhanh:

- Nó đấy. Nó dâng lên đấy. Đấy. Nó lên đấy!

"Nó" tức là những cơn dâng đờm ở cổ của bố. Mỗi lần dâng lên, đờm làm bố khó thở, lúc ấy phải có người

vuốt xuôi xuống, đồng thời tiêm thuốc giãn phế quản và bố phải cố khạc chỗ đờm ấy ra mới thở được.

Tôi miết tay như điên trên ngực bố. Bỗng mắt bố mở to, nhìn trống vào một góc phòng, tay thông xuống. Hai bên mép ào ra một thứ nước trắng như nước bọt, chảy tràn xuống gối. Tiếng bác sĩ Đẩu hét to:

- Đo huyết áp ngay, hô hấp nhân tạo, võ u rồi!

Tiếng mẹ khóc nấc lên. Mẹ đứng bên tôi tay nắm chặt tay bố, lay mạnh như cố níu kéo một cái gì vừa tuột mất.

- Huyết áp tụt rồi. Anh ấy đi rồi.

Mẹ tôi bỗng gào lên:

- Chồng tôi chết rồi. Chồng tôi chết mất rồi. Các ông cứu chồng tôi đi. Sao các ông không tiêm ngay thuốc cho chồng tôi lúc tối. Tôi đi gọi, các người mãi chia thịt bò. Bây giờ mới tiêm thì muộn rồi. Ai cứu chồng tôi với...

Tiếng gào của mẹ lẫn trong tiếng xúng xoảng kim loại. Họ đang cố cấp cứu cho bố.

Tôi nhìn mẹ. Tóc mẹ rũ rượi, mặt nhăn nhúm và già sọm. Mẹ đau khổ và tuyệt vọng. Bàn tay bố vẫn nóng. Đôi mắt bố vẫn mở, chỉ có điều nó không sáng long lanh mà mờ đục đi. Bố chết thật rồi. Mẹ cuống cuống chạy về phòng, giữ tung một cái túi xách, lấy bộ com-lê, lấy hai đôi tất ni-lông, và đủ mọi thứ linh tinh của bố. Tôi đứng ra một góc, lặng lẽ nhìn anh Tài - y sĩ của khoa đang lau rửa người bố. Anh vuốt mắt cho bố. Mặc bộ com-lê nâu bố mới may để đi công tác. Anh đi tất vào chân cho bố - để khỏi mất xương đốt. Tất cả mọi

việc anh làm hết. Mẹ chỉ đứng khóc, rồi giậm chân giậm tay như muốn phá tung tất cả. Phá tung cả bản thân mình. Còn tôi. Tôi không khóc. Tôi thấy lòng trống rỗng. Hai mươi tuổi, nhưng đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến cái chết. Mà cái sự chết đi - tôi không ý thức rõ ràng về nó mấy, vì tôi chưa bao giờ bị mất người thân. Tôi nhìn bố. Bố yên lặng nhắm mắt như ngủ. Thanh thản, nhẹ nhàng. Tôi có cảm giác ngày mai bố lại dậy. Tôi lại cầm cái ca, hứng cái đĩa sắt ở mồm giúp bố đánh răng. Tôi lại xúc cháo cho bố ăn, vì tôi làm nhẹ nhàng, từ từ. Còn mẹ, mẹ hay xúc cả thìa to bố phải nhai nhiều, bố tức. Rồi tôi lại kể cho bố nghe những chuyện ngoài đời, nói xấu người nọ, khen người kia. Rồi lại trốn bố đi chơi...

Mẹ tôi đến gần tôi, nói nhỏ:

- Con dọn nồi bánh trôi Tàu. Bố thèm, làm xong, bố chưa kịp ăn... - Mẹ lại nức lên: -... Bây giờ thu dọn đồ đạc, đưa bố ra nhà xác...

Tôi ôm lấy mẹ nói nhanh:

- Tại con. Tại con đi chơi, nên bố chết. Mẹ tha lỗi cho con. Con không ngờ hôm nay nó dâng lên nhiều thế...

- Không phải tại con đâu, tại họ không tiêm thuốc cho bố đấy. Nhưng con cũng nên nghĩ về mình, con không tốt với bố. - Mẹ nói nhanh và quay ra cửa. Có hai người cùn cút khênh một chiếc cang, đến quán tắm ga giường quanh người bố, rồi đặt chiếc cang có bố nằm trên lên chiếc xe và đẩy đi. Mẹ túm tôi và lôi xềnh xệch theo. Một đoàn người đi trong đêm. Trăng sáng lạnh lẽo ghê rợn trên đầu. Bóng áo trắng của mấy y tá, bác sĩ

trực thấp thoáng. Tôi im lặng. Đầu óc rối tuếch. Tiếng the the của bà bác sĩ:

- Ông ấy chưa đủ tiêu chuẩn nằm nhà lạnh, không can thiệp để vào nhà lạnh, để đến ngày hôm sau là khó chịu đấy.

Mẹ tôi vùng lên, túm lấy tay người đàn bà vừa nói, giúi vào tay bà ta một gói nhỏ. Bà ta cười:

- Để tôi giúp, may ra được thì hết ý.

Vào đến nhà xác. Họ khiêng bố đặt lên một chiếc bục đá dài. Tôi đặt hai cánh tay bố ngay ngắn, ngẩng ra nhìn như kẻ mộng du. Mẹ biến đi đâu cùng người bác sĩ, lúc sau, thấy mẹ rồi rít cảm ơn bà ta.

- Gì thế mẹ! - Tôi chợt bừng tỉnh và nao lòng thương mẹ. Từ ngày bố vào viện, mẹ như một người khác, khúm núm, sợ sệt tất cả mọi người khoác áo trắng, như thể ai cũng là cứu tinh của mẹ.

- Lấy lòng họ để bố được vào nhà lạnh.

- Vào đó làm gì, hả mẹ? - Tôi ngờ ngác.

- Vào đó, người bố thương tho không bị bốc mùi. Mai những người đến viếng và đưa đám đỡ ghê, con ạ. Mẹ con mình không sao, người ngoài họ sợ.

- Nào! Hai mẹ con về thôi. Mai đến đây. Ra cho người ta đóng cửa, nửa đêm rồi. Thế là hôm nay tôi mất ngủ. Lạ thật, tôi mất tính, dễ chịu, nên cứ nhè ca tôi trực là có người đi. - Bà bác sĩ núng nính đôi mắt, gõ mạnh đôi guốc mộc đi về khoa.

*

* *

• Chúng tôi có một chương trình vui vẻ ngày rằm tháng Tám, được tổ chức ở nhà Huy. Buổi chiều, mẹ bảo tôi: "Tôi con đừng đi chơi đâu nhé!" Mẹ nói thế vì thấy bạn tôi lẽ mề xách những làn khay, cốc, tách, đĩa to đến tôi. Tôi hốt hoảng: "Một năm, bọn con mới có ba bốn chương trình. Hôm nay, rằm trung thu, lâu lắm mới tụ tập, thế mà mẹ...". Tôi nhìn mẹ, chờ đợi, tim đập thì thụp, lo âu. "Mọi năm khác. Năm nay khác. Bố đang ốm nặng, con nỡ bỏ bố đi chơi à?". Mẹ nhìn tôi như xuyên suốt ruột gan. Tôi cãi: "Bố ốm mấy tháng nay rồi, con đi vài tiếng có sao?" Tôi biết là mẹ sắp ca một bài về cuộc đời, về những ham muốn tầm thường, và cách sống. Những câu ca đó, tôi gần như thuộc lòng, nghe vài lần, nhớ cả đời. Y như rằng, mẹ nói: "Bạn bè, thậm chí cả vợ chồng đều có thể thay đổi. Hợp thì ở, không hợp thì tan. Bố mẹ chỉ có một. Rồi có lúc, con thấy mọi thứ vô nghĩa. Chỉ có cuộc sống của bản thân, của bố mẹ là quan trọng". Tôi cười, bỏ đi, vì đó là những bài giáo huấn dài quen thuộc, chưa nghe xong câu đầu đã biết đâu cuối. Tôi vùng đi giặt quần áo. Một chậu quần áo to xù, đó là công việc mỗi tối của tôi. Máy nước nằm cạnh bên cái bếp công cộng. Trong bếp luôn có hai lò than cháy đỏ suốt ngày đêm. Than nổ tí tách, hai bếp như hai con mắt đỏ rực khổng lồ của một con thú đen sì, bí hiểm. Ngày xưa, khi còn bé, theo bố vào thăm một người bệnh, tôi run cầm cập chạy vù qua cái bếp, sâu hun hút muốn nuốt tuột tôi vào đó. Thế mà bây giờ nó thân thuộc như nhà tôi vậy. Bố nằm bệnh viện đã sáu tháng. Mỗi tháng bác sĩ nói bố một thứ bệnh - đến bây giờ khi bố gầy đi khoảng mười lăm cân, chỉ còn da bọc xương,

vậy mà họ chưa nói bố bị bệnh gì rõ ràng. Nhà tôi chuyển vào bệnh viện ở. Bố được ở phòng riêng nhỏ tý, kê đủ cái giường bố nằm. Nồi xoong đồ đạc để ở dưới chân giường. Đêm đến, mẹ con tôi ra ngủ ở ghế trong nhà ăn. Giặt xong chậu quần áo là xong việc. Tôi chuẩn bị đi, loay hoay với đám quần áo nhàu nhàu để trong túi, tôi chọn chiếc áo vàng có thêu bông cúc nâu, chiếc quần bò Kinh Jô bó lấy người. Mái tóc buộc túm đằng sau nay xỏ tung ra. Tôi như một người khác. Tôi chải tóc, và liếc bố. Bố đang ngủ lim dim. Những tháng đầu mới vào bệnh viện, bố luôn đi dạo, thăm người nọ người kia, đọc sách, nghe đài, xem ti-vi ở phòng ăn. Dạo này bố có vẻ yếu nhiều. Ngồi xuống đứng lên khó khăn vất vả, tay chân lúc nào cũng run, trắng bệch ra. Những vết đồi mồi đen trên hai gò má. Duy chỉ có đôi mắt bố là sáng rực, to và hơi lồi ra so với trước. Bố nằm một chỗ, nửa người bị tê, nên tôi phải xúc cơm cháo cho bố ăn. Tôi thì thầm: "Bố cho con đi chơi một lúc nhé. Hôm nay trung thu trăng sáng lắm, bố ạ". Bố từ từ mở mắt. Hai mí mắt bố thâm quầng, chằng chịt nếp nhăn: "Ừ, con đi đi! Kệ bố. Đã có mẹ ở nhà, mà hôm nay bố cũng thấy dễ chịu hơn. Nó dâng lên một lần trong ngày thôi, mọi lần nó dâng buổi chiều, hôm nay chưa thấy, chắc đỡ". "Tại con cho bố uống quen Têôfilin đấy. Đến tám giờ, bố gọi y tá tiêm cho bố nhé, con sợ họ quên". "Ừ, trăng sáng lắm, hả con? Ngày bố đi tập kết, trăng cũng sáng lắm. Bố buồn quá. Con xuống đi giữa hai hàng kinh. Những cây đước, cây tràm đứng đưa sóng nước mờ ảo trong ánh trăng. Bố khóc. Một cậu bé mười bốn tuổi phải xa nhà, xa mẹ, xa em, buồn lắm, con ạ. Biệt đi. Hôm ấy bố

bắt đầu hút thuốc lá. Suốt đêm nhìn sông nước, tán dừa và đốt thuốc cho quên buồn. Bỏ nghiện thuốc, thêm thuốc từ đó. Chiều nay, lúc một hai giờ, nghe tiếng máy bay bay trên trời, bố lại khóc. Bao giờ bố mới được về quê. Bà nội con mất rồi, nhưng còn cô dì, chú bác, các em ở đó. Đó là quê hương...". Rồi đột ngột, bố đưa bàn tay đang nắm lại xoè ra trước mặt tôi: "Con xem, tay bố hồng thế này, chẳng lẽ lại chết. Mà chết như thế nào nhỉ? Hồng cầu nhiều thế chết làm sao được, phải không?" Tôi cống lên: "Bố. Bố nằm một chỗ nên nghĩ lung tung. Bố chịu khó uống thuốc sẽ đỡ, vài tuần nữa là về thôi". Bố cười, buồn: "Nếu biết những năm tuổi già khốn khổ thế này, bố đã không hút thuốc. Ai khuyên cũng không nghe. Chỉ thích sống bằng kinh nghiệm của chính mình. Mình vấp ngã thì tự chữa rất nhanh. Còn người khác khuyên bảo bằng kinh nghiệm của họ lại không nghe. Bây giờ ân hận thì không kịp". Tôi liếc nhìn đồng hồ. Gần bảy giờ tối. Mà bố lại đang muốn nói chuyện với tôi. Tôi lại ngồi xuống nắm tay bố. "Bố ăn cam nhé, cam trái mùa nhưng ngọt lắm". Bố lắc đầu: "Mẹ đâu con?" Mẹ đi ra phố mua mì vằn thắn cho bố", "Mẹ vất vả quá, con ạ. Mẹ khổ vì bố. Bố chẳng giúp mẹ được gì. May mà con vào đại học, đỡ khổ. Họ phân khoa cho con chưa? Con xin vào môn văn học Nga Xô-viết nhé. Bố chỉ mong con học tổ đó thôi". Tôi cười, nghĩ thầm: "Ôi, ông bố tội nghiệp của tôi. Bố chẳng thay đổi gì. Bố "bôn quá". Khi mẹ xách cặp lông mì về, tôi thì thầm: "Bố nói với mẹ con đi một tí thôi". "Ừ!" - Bố nhìn tôi buồn vui như muốn nói gì lại thôi. Hai tay bố từ từ thả lỏng bàn tay tôi. Tôi đứng vụt dậy, lú lú nói và

tránh ánh mắt mẹ, rồi chạy vù ra ngoài hành lang, ra cổng. Bốn năm người bạn đã đợi từ lâu. Chúng trách: "Mày để bọn tao mọc rễ ở đây rồi. Muộn quá. Bọn mình phải cắm hoa, bày biện ra bàn. Thế mà bây giờ vẫn ở đây". Tôi thì thầm xin lỗi và hối hả đi...

... Rồi thời gian tuôn tự trôi. Vẫn còn nhớ đêm hôm ấy, hai mẹ con thu dọn đồ đạc, chở các thứ về. Nhà bật đèn suốt đêm. Hai mẹ con ngồi nhìn nhau. Mẹ khóc bao nhiêu. Mắt tôi khô bấy nhiêu. Không phải tôi không thương bố. Tiếng nói ấm áp, trầm trầm của bố vẫn vang bên tai tôi. Mọi thứ của bố, gợi nhắc đến bố vẫn hiện hữu quanh tôi. Tất cả vẫn còn đầy ắp, chỉ thiếu có bố thôi. Mà bố thì mai tôi lại gặp rồi. Tôi không khóc và ngủ thiếp đi...

*

* *

Bây giờ tôi đã hơn ba mươi tuổi. Tôi đã quên mất giọng nói của bố, chỉ lảng máng cảm thấy giống người này một chút, pha người kia một tý. Tôi cũng đã lấy chồng. Có hai con. Chúng lớn và khoẻ mạnh. Tôi vẫn sống với mẹ. Cuộc sống yên ổn như những gia đình khác. Tôi không lấy anh - người yêu đầu tiên của tôi. Người làm rung động tim tôi mỗi sáng mỗi chiều. Không lấy anh, người mà có lúc - ngày ấy, hai mươi tuổi - tưởng không có anh, tôi có thể chết. Anh cũng đã có vợ. Có một cô con gái xinh xắn. Nói chung, cuộc sống cứ thế trôi đi. Một năm có mười hai tháng, thậm chí có cả tháng mười ba. Trăng mười hai lần mọc, có khi là mười

ba, rồi lại tàn. Rằm tháng Tám. Trăng vẫn thiêng liêng, trong trẻo, trinh bạch như thể lần đầu tiên hiển hiện trên cõi đời. Con đường xưa cây nghiêng bóng trên đầu vẫn rung rinh tán lá như thế. Mùa xuân, hai bên đường Nghi Tàm, Quảng Bá, hoa su-si, hoa cúc vàng nở đẹp như những thảm hoa muôn màu. Mùa hè. Hoa sấu rụng li ti trắng bên đường. Mùa thu. Hoa sữa thơm nồng mái phố. Tất cả còn hết. Chỉ có tôi. Tôi có sống hết cuộc đời, có hưởng ngàn lần trăng trong cũng chẳng một lần được nhìn thấy bố, chẳng một phút được chăm sóc bố - người yêu thương tôi nhất trong hàng triệu con người xung quanh tôi. Cuộc đời con người ngắn ngủi quá. Ngày tôi hai mươi tuổi. Tôi có tất cả. Nhưng tôi không có nước mắt để khóc lúc bố chết. Giờ đây, hơn mười năm sau. Tôi luôn tràn nước mắt trên mi thương nhớ bố. Thiên nhiên bao la, vĩnh cửu. Thiên nhiên tồn tại với muôn đời. Trăng sáng trong tôi bây giờ chỉ có nghĩa là ngày rằm - tôi hương hoa cúng bố.

Ngoài kia. Trăng sáng. Tiếng trống ếch lúc ẩn lúc hiện. Tiếng nhạc dìu dặt và những lúa đôi đứng dưới các gốc cây. Tất cả. Tất cả còn đó. Tất cả đều sống hết mình, sống theo những ham muốn, mơ ước của mình. Chẳng ai biết rằng trăng sáng là tôi ân hận. Tôi thương bố như thể tôi là người làm bố chết. Không ai chịu sống bằng kinh nghiệm của người khác. Mà nếu sống bằng kinh nghiệm của chính mình, rút ra được điều phải làm, có khi phải ân hận và trả giá suốt cuộc đời.

Cuộc đời thì ngắn ngủi...

Ngày 2-10-1985

BUỔI CHIỀU YÊN TĨNH

Họ gặp lại nhau trong một nhà điều dưỡng. Đây là nhà điều dưỡng dành cho các cán bộ ít nhiều đã lớn tuổi, đến đây tận hưởng chút không khí yên bình trong sạch của vùng trung du, có những đồi chè cắt tĩa xanh mượt, có tiếng chim ríu rít suốt ngày trong các lùm cây. Người đàn bà ước độ trên dưới năm mươi tuổi, mái tóc uốn công phu, khuôn mặt trái xoan còn xinh đẹp, đôi mắt khá to hiền hậu và đôi môi hình như lúc nào cũng sẵn sàng nhếch lên một nụ cười dịu dàng. Người đàn ông có dáng người cao lớn, đôi mắt trầm tư sau cặp kính trắng.

Bà từ tỉnh xa đến. Lẽ ra bà không đến đây vì ở tỉnh của bà cũng có nhiều cảnh đẹp, nước biển bốn mùa trong vắt, những bãi cát trắng đến mê hồn. Nhưng vì từ lâu bà vốn ao ước được sống ít ngày giữa một rừng cây yên tĩnh, xa thị thành và sóng biển, bà nao lòng khi tưởng tượng ra một buổi trưa mùa thu ở trung du có tiếng cu gáy như trong bao tiểu thuyết bà đã từng say mê đọc từ khi hã còn là thiếu nữ. Và cũng lẽ ra bà không đến đây để nghỉ ngơi, nếu như vừa qua bà không bị một cơn viêm màng phổi cấp tính mà kết quả là hai tháng trời chưa lại sức. Bà do dự mất gần tuần lễ từ khi

nhận được giấy mời đi nghỉ, đến nỗi cuối cùng chính chồng bà, người giáo sư mà bà vừa yêu vừa kính trọng phải quyết định hộ bà. Ông bảo:

- Em cứ đi đi. Cứ coi như một chuyến công tác xa. Đừng lo gì cho anh và các con ở nhà. Mang sách đi mà đọc.

- Nhưng ở nhà em vẫn nghỉ được. - Bà trả lời, do dự.

- Có em ở nhà các con sẽ ỷ lại. Em không được nghỉ yên đâu. Rồi lại còn khách khứa.

Ông động viên bà. Buổi tối trước hôm bà ra đi, sau bữa cơm chiều thịnh soạn mà ông bắt vợ chồng đưa con gái và đưa con trai không được để cho mẹ mớ tay vào, ông tự tay soạn sửa quần áo đồ đạc cho bà. Ông bỏ vào túi du lịch cho bà bàn chải, thuốc đánh răng, xà-phòng, khăn mặt, hộp dầu cao con hổ, lọ thuốc sen vông phòng khi bà mất ngủ. Ông lục tủ sách, chọn mấy cuốn văn học mới nhất mà bà lại bắt ông tìm cho bà đọc lại. Buổi sáng, cả nhà vui vẻ tiễn bà ra xe, cậu con rể và đứa con trai xách các túi cho mẹ, cô con gái tươi cười ôm hôn mẹ.

- Kìa bố, bố bắt tay mẹ đi! - Cô tinh nghịch nhắc.

Ông mỉm cười, nắm chặt tay bà, khẽ kéo bà lại gần mình:

- Em đi vui vẻ, đừng nhớ nhà nhé. Có số điện, anh sẽ gọi! - Ông hứa.

Và bà lên xe, còn quay lại vẫy vẫy mãi. Hạnh phúc! Ba mươi năm sống với người chồng yêu quý và các con, bao giờ bà cũng cảm thấy mình hạnh phúc. Trừ một hai năm đầu, cũng có lúc... Nhưng lâu rồi, và bà không muốn nhớ đến những năm tháng ấy nữa.

*

* *

Bà đang ngồi trầm ngâm trên chiếc ghế đá, lắng nghe tiếng cu gáy văng vẳng đâu đây như vọng đến từ một câu chuyện cổ xa xưa, mắt nhìn đàn chim sâu vui vẻ ríu rít thi nhau bay chuyền từ những bụi kim giao rậm rạp đan xen vào nhau trước căn nhà bà đang nghỉ, thì ông, người đàn ông ấy, từ một căn nhà khác trên đỉnh đồi thông thả bước đến. Vì ở khác khu vực nghỉ, nên từ hôm đến, bà không nhìn thấy ông. Mình mặc chiếc măng-tô màu xám nhạt như phần đông người đi nghỉ ở đây, tay chống chiếc can gỗ, ông đi ven theo con đường lát đá giữa vườn chè, không nhìn thấy bà ngay. Ông đi lặng lẽ, mắt đờm buồn, và hình như đang mãi suy nghĩ điều gì. Bà hơi giật mình. Điều đập vào mắt bà trước tiên là mái tóc, rất dài luôn phủ xuống mặt bên trán của ông, mái tóc đẹp mặc dầu bây giờ đã pha bạc. Vẫn là mái tóc ấy, dáng người ấy, khuôn mặt ấy... Hơn ba mươi năm đã trôi qua, và cũng gần như ngần ấy năm bà không gặp lại ông.

Một cách vô thức, bà đứng dậy. Cũng vừa lúc ông nhìn thấy bà. Ông không tránh mắt bà, và bà cũng không tránh mắt ông. Một chút ngạc nhiên pha chút sững sờ thoáng trong cái nhìn của ông. Hay là do bà nghĩ thế?

- Chào anh!

Không còn cách nào khác, bà lên tiếng chào trước. Ông khẽ tỳ người lên chiếc can, hình như một chân ông

hơi bị đau. Thảo nào ban nãy bà nhận thấy đáng ông đi hơi khập khiễng.

- Ô, Phương! Lâu ngày quá!

Giọng ông khàn khàn. Ông vẫn chăm chăm nhìn bà, vừa lạ lùng, vừa rõ ràng là xúc động.

- Vâng, lâu ngày quá. - Bà nhắc lại. Dù bà không cố ý, nhưng trong giọng nói của bà, ông vẫn nhận thấy có một chút chua chát. Chính điều đó làm cho ông bối rối thật sự. Nhưng chỉ một thoáng. Ông bình tĩnh lại, thông thả tiến đến chiếc ghế đá, mời bà ngồi xuống và ngồi xuống cạnh bà.

- Phương! - Ông lúng túng chìa tay cho bà. - Lâu lắm không gặp Phương. Phương bây giờ ở đâu?

- Thỉnh thoảng tôi có nghe nói tới anh. Có lần nghe anh nói trên đài. - Bà mỉm cười, không trả lời vào câu ông hỏi.

- Sau ngày ấy... một thời gian, tôi đi vào ngành ngoại giao. Tôi phải làm việc và sống ở nước ngoài nhiều, nên không gặp nhiều các bạn cũ, lâu lắm không biết tin Phương. Anh ấy... bây giờ ở đâu?

- Cám ơn anh hỏi thăm! - Lần này cái mỉm cười của bà trở lại dịu dàng. Ôi, oán trách anh ấy mà làm gì. Cuối cùng, mỗi người đều có số phận. Nghe nói, anh ấy đã gạt cái số phận của anh ấy. Còn số phận của mình, mình có ao ước hơn không? Bà nghĩ rất nhanh, rồi nói tiếp: - Vâng, cám ơn anh, nhà tôi vẫn dạy học, và làm thêm công tác nghiên cứu nữa. Sau giải phóng miền

Nam, gia đình chúng tôi đã chuyển về quê anh ấy, ở Nha Trang...

Ngày xưa, có một thời gian dài, mình đã cay đắng khi nghĩ đến anh ấy. Mình đã đau khổ vì anh ấy. Bởi vì lúc đó mình còn yêu anh ấy. Nhưng tất cả chuyện ấy đã qua lâu quá rồi. Bởi vì con người, ai cũng phải tự đấu tranh để sống...

- Phương kể cho tôi nghe chút gì về Phương đi. - Người đàn ông mái tóc đã bạc gần nửa, khẽ năn nỉ bà, khi hai người lại ngồi với nhau trên chiếc ghế đá sát vườn chè trên khu đồi nhỏ yên tĩnh. Tiếng cu gáy thông thả, cứ đến mười giờ sáng là tiếng cu gáy lại thông thả vọng tới cho đến tận nửa buổi chiều. Cứ đến giờ bắt đầu có tiếng cu gáy là bà hay ra ngồi ở đây.

- Đời tôi không may mắn đâu. - Một lần ông tâm sự với bà, rồi kết luận như vậy. - Chỉ một điều đó là tôi nghĩ Phương đã có thể tha thứ cho tôi rồi. - Ông buồn rầu nói tiếp.

- Ngày ấy thật tình tôi không thể hiểu... - Bà buột miệng nói, và hồi ngay là mình đã nói ra câu nói mà ông có thể hiểu là có ý trách móc hay tiếc nuối. Đúng là bà đã có oán trách và cả âm thầm tiếc nuối, không phải là chỉ tiếc cho bà, mà là cả tiếc cho ông, tiếc cho mối tình đầu, say đắm chân thật của mình mà ông không biết trân trọng, không biết gìn giữ. Lẽ ra, một người có thể hạnh phúc biết bao chỉ với một mối tình như thế. Nhưng đó là việc đã qua, đã lâu lắm rồi...

- Thật ra ngày ấy tôi còn trẻ con quá. - Bà cười, cố

lầm cho lời nói của mình trở nên thật vui vẻ, hồn nhiên.
- Anh có nhớ không, chỉ hơi phật ý điều gì là tôi có thể khóc cả mấy tiếng đồng hồ liền...

- Kể cả khi tôi trêu Phương là một cậu nào đó để ý đến Phương là Phương cũng đã ré lên, bịt miệng tôi không cho tôi nói tiếp... Và tôi phải cố dỗ Phương, bỏ tay ra, ừ, anh không nói nữa...

Nhắc đến kỷ niệm cũ ông mỉm cười vui vẻ, và bà thoáng rợn mình khi nghe lại từ miệng ông cái tiếng "anh" ngày xưa thân yêu biết bao. Ô ngày ấy, mình vừa như một người yêu, lại vừa như một đứa em gái. Mình quá trẻ thơ, nhút nhát và trong trắng. Một nữ sinh chính hiệu của những năm trước sáu mươi. Rất lâu sau này, khi đã trở thành một người đàn bà, một người mẹ, đôi khi bà tự hỏi không biết có phải chính cái nhút nhát và ngây thơ của bà thời ấy đã không giữ được tình yêu của một người đàn ông từng trải như ông. Sau một năm yêu nhau, mùa hè năm ấy bà về quê nghỉ hè và khi trở về, bà được bạn bè cho biết ông đã đan dúi với một người đàn bà goá chồng, khá đẹp và lâu nay vẫn mê ông. Sau khi cưới bà ta và có ngay một đứa con gái, ông cũng được sống một thời gian hạnh phúc - bây giờ ông vẫn thú nhận với bà như vậy. Nhưng sau khi có đứa con thứ hai thì chính người vợ ấy lại chán ông để đi theo một người đàn ông khác, trẻ hơn bà đến gần chục tuổi. Ông đã lập gia đình một lần thứ hai, người vợ này ông không yêu, nhưng lại có đủ điều kiện để thương yêu và chăm sóc hai đứa con mà người vợ cũ đã để lại cho ông.

- Cô ấy thông minh, tốt bụng và cũng không đòi hỏi gì ở tôi nhiều. Qua kinh nghiệm bà vợ trước, lần này tôi cưới một người đàn bà mà không đòi hỏi cả tình yêu lẫn nhan sắc. Miễn là cô ấy không làm khổ một người chồng... - Ông nói, tay vò nát một chiếc lá khô, mắt không nhìn bà.

Không làm khổ anh ư? Thế còn anh, anh có biết rằng anh đã làm tôi đau khổ suốt bao năm ròng như thế nào không? Bà cay đắng nghĩ. Mà có lẽ ông không biết thật. Vì ngày ấy, bà là một cô con gái rất kiêu hãnh. Khi ông đến và lúng túng thanh minh với bà rằng ông rất yêu bà, quý trọng bà, nhưng bà còn trẻ quá, sợ rằng bà chưa đủ sức tự hiểu mình. Ông lớn tuổi hơn, ông phải có trách nhiệm đối với bà, ông sợ rằng ông không đem lại hạnh phúc cho bà. Ông muốn đề nghị bà...

Hôm ấy, hai người cũng ngồi trên một chiếc ghế đá như hôm nay. Trong công viên. Cũng mùa thu mát và cũng vào một buổi sáng trong trẻo đầy hương thơm như sáng này đây. Người đàn ông đã ngoài ba mươi và cô gái chưa đầy hai mươi tuổi.

"Tôi biết rồi. Anh đừng nói nữa. Đừng kể chuyện cổ tích nữa". Cô nói như gào lên, đột nhiên cảm thấy hoảng sợ kinh khủng. Và lần đầu tiên, thật không ngờ, cô xưng tôi với anh, với người mà cô yêu, mà cô quý trọng, tôn sùng đến thế. Có một cái gì đó cứ trỗi lên, cứ chực trào ra trong cổ họng cô, tan thành những giọt nước mắt đắng ngoét. Nhưng cô cố giữ cho đôi mắt ráo hoảnh. Cô không khóc. Cô ngoảnh mặt đi, nhưng cô

không khóc. Chỉ buổi tối, khi đã về đến ký túc xá, để nguyên cả quần áo, gieo mình xuống giường, úp mặt lên gối, cô mới khóc. Cô khóc suốt cả một đêm, cả một ngày, bỏ cả ăn, bỏ cả lên lớp. Cô khóc đến mệt lả, đến khi ngủ thiếp đi. Tỉnh dậy, cô lại khóc... Anh ấy không còn yêu mình. Những lời anh ấy nói chỉ là dối trá. Bởi vì trước đây anh ấy không bao giờ nói thế. Anh ấy xin mình nhận lời anh ấy. Anh ấy nói rằng không có một trở lực nào đáng kể, khi người ta yêu nhau. Dù gia đình mình có ra sức phản đối vì anh ấy quá nhiều tuổi hơn mình, vì nghe đồn anh ấy đã qua một đời vợ, nhưng một khi mà mình chấp nhận tình yêu của anh ấy, thì anh ấy sẽ quỳ gối dưới chân mình mãi mãi... Thế 7 mà giờ đây... Ôi, giả dối, thật là giả dối. Chỉ một mẫu con của sự giả dối đã không còn là tình yêu nữa. Đã không là gì nữa...

- Tôi gặp nhà tôi vào năm sáu mươi. - Bà dịu dàng kể với ông, như với một người bạn. - Anh ấy giảng dạy khoa học, nhưng cũng rất yêu thích văn chương. Anh ấy là một người rất tốt. Chúng tôi sống hạnh phúc và có hai con. Đang chờ một cháu ngoại...

Bà nói: "Đang chờ một cháu ngoại" và mỉm cười, quay mặt về phía ông. Đấy anh xem, đó là cuộc đời. Tôi có một người chồng tuyệt vời, tôi yêu chồng tôi. Tôi có hai con và sắp làm bà ngoại rồi, còn trẻ trung gì nữa đâu. Chuyện ngày xưa, ôi, hồi ấy, tôi chỉ là một cô bé con...

Bà muốn nói với ông như thế, song bà lại không nói. Nhưng ông hiểu. Ông nhìn nét mặt bà lúc ấy, dịu dàng, và rạng rỡ....

Thế là ông đã được tha thứ, ông cũng đã bị quên lãng, từ lâu lắm rồi. Đây là cuộc đời, là sự công bằng. Ông hiểu. Và về mặt của bà, người đàn bà đã bước đến tuổi năm mươi ấy, lúc này sao mà nhẹ nhõm, mà hiền dịu, mà tươi tắn và vẫn còn xinh đẹp, giống hệt như ông vẫn hình dung ra bà trong những giờ phút nặng nề, cô đơn nhất của ông. Mà những giờ phút ấy gần đây không hiểu sao, lại cứ đến luôn với ông, đến mức có lúc ông cảm thấy gần như không chịu đựng nổi. Dù sao lần này gặp lại bà, ông cũng cảm thấy sung sướng. Ông lại cảm thấy lòng mình dường như nhẹ nhõm hơn, vì biết bà đã cố quên ông và không nỡ oán giận ông, vì biết bà đã gặp may trong cuộc sống. Gặp may hơn ông nhiều, rất nhiều.

Tháng 12 - 1989.

MƯA NGUỒN

"Nước mưa ra biển lại quay về nguồn..."

Tôi đang đứng trên tầng cao của một toà nhà mới. Tất cả chung quanh tôi đều mới. Dân máy vi tính mới, bình hoa mới, bức rèm mới... Mưa. Tôi cảm nhận điều đó khi dán mắt nhìn qua khung cửa kiếng. Tôi vừa viết xong bài báo nên tự cho phép mình thư giãn bằng cách để tâm hồn mơ mộng. Mưa rơi xuống những mái nhà mới tinh, những mái tôn xám ngoét gỉ sét, mưa trắng xoá, mù mịt... Tầm mắt tôi bị giới hạn bởi không gian chật hẹp. Đột nhiên, lòng tôi nghe nhói đau, mơ hồ. Những hạt nước mưa rồi sẽ đi về đâu? Không hiểu sao tôi se sắt lòng khi không nhìn thấy tận mắt những hạt mưa rơi xuống đất đai, thấm vào cánh đồng, chảy tràn thành suối, thành sông. Mưa như thế mới thực sự là mưa. Còn bây giờ, mưa như rơi xuống lưng chừng, những hạt nước có trở về nguồn và biển cả? Phải chăng dòng máu nông dân trong người tôi còn đó, thêm khát được tắm mưa, được đi chân trần trên đất, lắng nghe đất thì thầm trò chuyện, nảy nở sinh sôi...

Chỉ mới vài thập kỷ trôi qua mà cuộc sống đã thay đổi đến thế sao? Ngày ấy tôi có cả một khu vườn tuổi thơ. Cứ mỗi độ hè về những cơn mưa đầu mùa tưới mát

đất đai, khu vườn cần cỗi của mọi tôi bỗng bừng lên sức sống. Những nồn lá từ những cành cây khẳng khiu làm nên cả một khung trời xanh như ngọc. Ôi, tôi đã từng ngẩn ngơ vì màu xanh tràn ngập sức sống ấy. Tiếng dế kêu râm rạn trong khu vườn, những con bọ rầy xoè cánh. Nội tôi cũng như những cành cây khẳng khiu kia, chột sống dậy với những tất bật ngày mùa. Bà mang những hạt giống cất giữ trong bồ ra phơi. Bàn tay chai sần của bà chắt chiu từng hạt mảy. Bà cho tôi tha hồ bắt dế dưới những gốc cây được ủ bằng rơm mục ải, nhưng rất phần nộ nếu như tôi dùng sào đập những cành cây tìm bọ rầy, làm rơi những nụ non. Bà khấn khoản giằng lấy cây sào từ tay tôi:

- Đừng làm đau lá, tội chết!

Anh tôi đang nằm trên bộ ván bóng ngồi đọc sách kiếm hiệp, bĩu môi:

- Bà thì cái gì cũng tội!

Nội tôi không nói gì thêm, giở kính ra lau, thở dài:

- Phải chi hai anh Đông, Tây tụi bây còn sống!

Anh tôi cười nhạo:

- Con cá mất bao giờ cũng là con cá to!

Bà nhìn anh tôi, vừa khinh bỉ vừa bất lực. Anh tôi luôn cho là bà lẩn thẩn. Bất cứ điều gì trên đời bà cũng cho là thiêng liêng, quan trọng. Còn bà cho anh là "thằng người không có trái tim" vì không có gì là anh không báng bổ, chế nhạo. Lúc ấy sấm đầu mùa rền vang. Nước mắt nội tôi lăn dài trên gò má nhăn nheo, mà tay vẫn thoăn thoắt lựa hạt.

Anh tôi đích thực là một "thằng người không có trái tim", chỉ chực nhận lấy những gì ngon và tốt nhất, không loại trừ cả khi anh cướp giật từ tay hai anh Đông, Tây. Tôi là một cô bé vô tích sự, mảnh khảnh như một tấm nhang, hay mơ mộng đến nỗi người. Còn hai anh Đông, Tây dường như được sinh ra từ một thế giới huyền bí, xa xăm khác. Nội kể hai anh sinh bọc điều. Bà mẹ mở bọc và hai bé trai kháu khỉnh cất tiếng khóc chào đời. Cô tôi vì không chịu nổi đau khổ triền miên chờ người thương với cái thai hoang đã trút hơi thở cuối cùng. Nội nuôi hai anh bằng những bữa bú chực, nước cơm và đường tán. Hai anh lớn thêm chút nữa, bà nhai cơm mớm. Hai anh giống nhau như đúc, chỉ có bà tôi là phân biệt được đâu là Đông, đâu là Tây. Ngày các anh lớn lên, tôi còn bé lắm. Hai anh cưng chiều tôi rất mực, nhưng xa lạ và dè chừng với anh tôi. Tính cách họ ngay từ bé đã trái ngược nhau. Hai anh Đông, Tây thông minh, siêng năng, học giỏi và ngoan ngoãn bao nhiêu thì anh tôi dở tệ bấy nhiêu. Hai anh giúp nội tôi vun đắp khu vườn. Hè về, hai anh lại đào giếng nước, giúp nhà ươm cây, bứng cây con trồng vào những chỗ bị khuyết. Hai anh chăm chút từng chiếc lá, từng nhánh hoa. Khu vườn vì thế thật chẵn chu, xanh biếc và sực nức hương hoa. Cứ mỗi khi phát hiện ra cây có trái đầu mùa, hai anh vui mừng hái cho nội. Mặt nội tôi sáng lên niềm hạnh phúc khó tả. Ba đặt đĩa trái cây đầu mùa lên bàn vọng thiên, đốt nhang tại ơn trời đất. Khi nhang tàn, bà đem trái cây phân phát cho lũ cháu. Lẽ tất nhiên anh tôi được phần ngon và nhiều nhất, rồi

đến tôi. Và hai anh Đông, Tây nhận lấy những quả đào
đệt cuối cùng...

- Ngoại ơi, ba con bây giờ ở đâu?

Hai anh Đông, Tây thường hỏi nội tôi như thế. Tình
yêu của bà không khỏa lấp được nỗi trống vắng trong
lòng hai anh. Từ nơi sâu thẳm, tiếng gọi cội nguồn vẫn
da diết gọi các anh. Nội gạt nước mắt nói xa xôi:

- Ba của các cháu bây giờ ở xa lắm. Đó là một người
tài giỏi, nhưng... không sống được ở đây. Cái đầu của ba
cháu được treo giá một ngàn cây vàng. Ba của các cháu
là "người phía bên kia"... Nhưng các cháu đừng nghĩ
đến điều xa xôi ấy nữa. Các cháu hãy giúp bà chăm sóc
khu vườn vì nó là tương lai của các cháu!

Khu vườn của bà nên thơ, sung túc thật, nhưng nó
trở nên quá chật hẹp với dòng máu giang hồ của hai
anh. Tôi ngày ấy còn bé lắm, nhưng vẫn bắt gặp những
ngọn lửa lấp lánh khát vọng trong mắt hai anh. Người
phía bên kia, lệnh truy nã đầu dượng được treo giá một
ngàn cây vàng... Ôi, những điều răn đe, cấm kỵ mơ hồ
ấy sao mà quyến rũ hai anh chàng mới lớn. Hình ảnh
dượng tôi đã trở thành huyền thoại đầy sức hấp dẫn.
Bất chợt một ngày các anh không về nhà. Nội tôi cuống
lên. Bà đến trường hỏi thăm thầy giáo, từng đứa bạn
anh Đông, Tây, rồi trở về nhà đốt nhang cầu trời khấn
Phật. Rồi cũng thật bất chợt, hai anh trở về nhà mang
lại cho nội tôi niềm vui và hy vọng. Hai anh hát luôn
miệng, những câu hát lạ. Ngực hai anh cuộn vòng,
những nhát cước bổ xuống vườn hăm hở, mắt hai anh
rực lên những tia sáng kỳ lạ...

Ba mẹ tôi không hề biết những gì đã diễn ra trong khu vườn của bà, bởi ba mẹ có cơ ngơi riêng và luôn bận rộn. Ba mẹ dành cho nội quyền quản lý khu vườn. Bà cuốc xới, trồng tía, để khi đến mùa, bà kiêu hãnh cầm trên tay những trái cây bụ bẫm sắp vào từng cần xé cho thương lái mang đi. Sau đó bà cầm những nắm tiền phân phát cho chúng tôi nhân năm học mới. "Cái này cho thằng Đông, Tây, con Muối tiền mua cặp, thằng Tổng tiền mua quần...". Hai anh Đông, Tây không bao giờ đòi hỏi nội cho thêm, cầm những đồng tiền lạng lẽ bỏ vào con heo đất. Tôi mừng rơn đi mua sắm những gì tôi thích. Còn anh tôi bao giờ cũng nhèu nhẹo xin thêm. Tôi giống anh tôi ở tật xài tiền vô tội vạ. Hai anh Đông, Tây có nhiều tiền để dành vì hai anh ít khi cần đến những thứ xa xỉ mà chúng tôi cố giành cho được. Thậm chí, con heo đất của hai anh bị anh Tổng tôi khoét một lỗ to dưới đáy và bị "rút ruột" đến tàn nhẫn, hai anh cũng không hề hô hoán lên để bà phân xử.

Và tôi bỗng ngạc nhiên vì sự thay đổi của hai anh. Nếu trước đây hai anh hồ hững với tiền thì giờ đây hai anh rất cần tiền. Bà mua sắm cho hai anh rất nhiều thứ, không phải sách, vở, bộ đồng phục, giày ba-ta... mà là những bộ quần áo bằng ni-lông dẫu, những tấm vớng cũng bằng ni-lông. Hành vi của nội tôi cũng khác. Nội chăm chút cho hai anh từng ly từng tý, như thể không còn dịp nào để thể hiện tình thương bà cháu nữa. Nội rất vui mà cũng rất dễ buồn, có lúc bà chột ngồi thờ, lo lắng suy tư...

Rồi hai anh Đông, Tây ra đi...

Tôi còn nhớ mãi đêm trăng sáng ấy. Tôi nô đùa cùng hai anh bên vuông sân đầy hoa mẫu đơn. Những bông hoa trắng tinh dưới ánh trăng bàng bạc. Hai anh ôm lấy tôi, cù vào nách tôi, khiến tôi bật cười lên khanh khách. Hai anh hôn lên má tóc còn non tơ của tôi, như thể sẽ không bao giờ được hôn tôi nữa. Tôi còn quá bé làm sao hiểu được sự thân ái khác thường ấy. Hai anh trao cho tôi con heo đất mới tinh, rủng rỉnh những đồng tiền, mỉm cười thật dễ thương:

- Bé Muối để dành tiền trong con heo này để lấy chồng. Chẳng nào hai anh trở về, em mới được đập con heo đất, đừng khoét dít rút ruột nó sớm mà tội nghiệp, ghen em!

Tôi cầm con heo đất tròn mắt nhìn hai anh:

- Hai anh đi đâu mà phải trở về?

Hai anh vội trả lời tôi:

- À, hai anh đi học xa, trên tỉnh ấy mà...

Tôi ngoan ngoãn dúm đầu vào lòng hai anh:

- Ừ ừ, em sẽ để dành con heo đất, không phải lấy chồng, mà để tiền cho hai anh mua sách.

Hai anh Đông, Tây ôm chầm lấy tôi, hôn lên má tôi trùi mền. Tôi thiếp đi trong lòng hai anh tự lúc nào, trong tiếng dế kêu râm ran, tiếng vạc sành nỉ non trong vườn, thoảng hương của những đoá mẫu đơn... Tôi tỉnh dậy trên chiếc giường quen thuộc của mình. Vứt tung chăn màn, tôi thảng thốt gọi:

- Hai anh Đông, Tây ơi!

Không có tiếng trả lời.

- Hai anh ơ...i!

Nội tôi từ dưới bếp lên mắt đỏ hoe. Giọng bà nghẹn ngào:

- Hai anh con đã đi rồi. Đừng có la um sùm, Muỗi à!

- Đi đâu?

Nội như tự nói với chính mình:

- Đi về phía bên kia.

Dù trí óc còn non nớt tôi cũng hiểu, phải đi về "phía bên kia" hai anh mới hy vọng gặp lại người cha huyền thoại của mình. Khu vườn của bà xinh đẹp, nhưng đã trở nên quá bé nhỏ, chật hẹp với khát vọng hải hồ của hai anh. Bà cũng biết vậy chẳng, nên đã lặng lẽ tiễn đưa hai anh đi về "phía bên kia", dù cõi lòng bà tan nát...

Khu vườn của bà giờ cây có nhiều quả chín bói mà không ai hái. Thường ngày, hai anh Đông, Tây không nề hà thoăn thoắt trèo lên cây, hay bằng cách này, cách khác hái những quả treo vắt vẻo trên cành. Bà đã già, chân tay run rẩy. Tôi thì bé dại, mảnh khảnh, còn anh Tống tôi lười chầy thây, hết ngủ lại đọc sách kiếm hiệp trên bộ ván gỗ bóng ngời của bà. Anh tôi giờ đây còn thêm tật đánh bài, nói chuyện với bà đã phì phà thuốc lá... Tôi cắm đầu trong những pho truyện tranh về những hoàng tử và công chúa, mặc bà với những hạt giống, những liếp cây con, những cành cây phải chiết. Và mùa tựu trường lại đến, bà lại mua chiếc cặp da mới. Bà nội hoàn toàn mù chữ. Nội tôi lớn lên xinh đẹp, nhưng vì con nhà nghèo nên thu mình trong vỏ ốc của sự mặc cảm, thua thiệt. Ông nội tôi là con trai một, nhà giàu, lấy vợ đã năm năm mà bà nội lớn vẫn không sinh

được cho ông đưa con nối dõi. Ông buộc lòng bỏ bà nội lớn để lấy một cô gái tốt giống. Bà nội tôi lọt vào mắt xanh của ông sau hàng chục cuộc mai mối của những bà mai dong. Nội tôi cũng chỉ sinh được cô tôi và ba tôi. Mới ba mươi hai tuổi, bà đã góa chồng và ở vậy nuôi con. "Con một cháu bầy là phúc lớn". Có phải chăng, vì đổi lấy cái phúc ấy, bà đã lam lũ cam chịu suốt cuộc đời. Anh tôi thường lấy sự dốt nát của bà làm trò tiêu khiển. Bà không biết làm tính, không biết những con chữ và số, xa lạ với những ký hiệu cộng, trừ, nhân chia... nhưng bà tính nhẩm rất giỏi. Bản năng đã cho bà sự tính nhẩm nhanh chóng, chính xác theo cách của bà để đối phó với chất chồng khó khăn của cuộc mưu sinh. Anh tôi thường ra đề toán cho bà một cách bất chợt:

- 174 cộng với 87 là bao nhiêu?

Bà xoè tay lẩm bẩm: "170 cộng với tám chục rồi...". Anh tôi gất âm lên khi biết chắc cách tính nhẩm ấy của bà sẽ làm anh thua cuộc:

- Không, bà phải lên bảng làm toán như tụi con kìa.

Bà ngồi thẩn thờ, gương mặt già nua thẹn thò. Tôi đỡ lời bà:

- Cách nào cũng được, miễn nội nói đúng thôi chứ!

Anh tôi bĩu môi:

- Tính theo cách mấy con mụ nhà quê thì nói làm gì!

Tôi mở to mắt nhìn anh. Từ bao giờ, anh đã trở thành một vị công tử áo quần chải chuốt. Ba tôi thường hay nói "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô". Anh tôi

là con trai nên đặc biệt được cưng chiều. Nhưng hai anh Đông, Tây cũng là con trai... À không, dù hai anh là con trai nhưng là con của cô tôi - người phụ nữ dám vượt qua bức tường thành của lễ giáo gia phong, là cháu ngoại của bà tôi, vì vậy hai anh cũng cùng chung sự rể rúng của ba tôi. Nhưng sao anh tôi nỡ tàn nhẫn với bà như vậy. Bà không làm toán được như cách của anh tôi, nhưng bà đã phải tính toán suốt cuộc đời để những bữa ăn đồng thời thơ bé được no đủ, bà đã nhảu tính từ những giọt mồ hôi đổ xuống khu vườn, để sau mùa thu hoạch chúng tôi không thua kém ai. Bà đã phải giặt gấu vá vai, làm những phép hoán đổi đáng khâm phục về sự thừa và thiếu...

Rồi một mùa thu mát mát ập xuống mái đầu bạc trắng của nội tôi. Đó là đêm trung thu rên vang tiếng sấm, ánh trăng không thể vượt qua nổi đám mây nặng màu nước đen đặc. Bầu trời tối sầm. Mưa trút nước. Nội tôi mặc áo tôi chằm bằng những tấm lá đi ra bàn vọng thiên mấy lượt thấp nhang, khấn khứa. Trông bà như có vẻ lửa đốt cháy trong lòng. Nội chè hấp thơm lừng để trên bàn bà không đụng đến. Tôi ăn no nê, rồi trùu chần chìm vào thế giới mộng ảo của những hoàng tử và công chúa... Giấc mơ của tôi bị đổ sụp, tan tành vì tiếng sấm vang rền hoà lẫn tiếng bom đạn đầu đó. Mặt đất rung rinh, tôi hốt hoảng hỏi:

- Bom ở đâu, hả nội?

- Xa lắm, ngủ đi cháu!

Tôi biết nội nói cho tôi yên tâm, nhưng chính vì sự "xa xôi" ấy càng làm cho trái tim thơ dại của tôi nổi lên

đông bão, lo âu. Bom nổ ở xa mà còn làm mặt đất rung rinh như vậy thì chính nơi bị bom giội ấy sẽ ra sao? Tôi hình dung mặt đất bị bừa thành những hố bom, những thân hình không toàn vẹn, bê bết máu mà rừng mình kinh sợ. Ôi, sao lại có tiếng bom rền khi những đóa mầu đơn bất chấp mưa gió dập vùi vẫn trắng tinh, toả hương thơm bất ngát. Những chú dế râm ran trong vườn gọi tôi nhớ hai anh Đông, Tây làm sao! Chợt ba tôi mặc áo mưa chạy ào đến. Không biết ba nói gì mà nội tôi chạy xuống. Bà thốt lên đau đớn:

- Thăng Đông, thăng Tây!

Một loạt bom nổ rền cắt đứt lời bà. Những trái sáng làm bầu trời đầy những hạt mưa cũng sáng lên một thứ ánh sáng dùng dục đến nao lòng. Nhìn những vệt trắng cắt trên nền trời, bà đã gào lên điên dại:

- Ô tận cửa sông! Trời ơi, làm sao cứu các cháu tôi!

Ba tôi cúi đầu bất lực. Những giọt nước từ chiếc áo đi mưa nhỏ giọt thành vũng. Anh tôi nghe động, thức dậy, cầu nhàu:

- Kệ mẹ nó!

Tôi điếng người khi biết ra mọi chuyện. Hai anh Đông, Tây bị máy bay quần ngoài cửa sông. Trong lúc hai anh dong thuyền vượt qua "phía bên kia" của dòng sông bị máy bay "phía bên này" phát hiện. Từ khu vườn của bà đến cửa sông quả là mù mịt, xa xăm lắm nhưng mặt đất nơi tôi đang đứng rung chuyển và những quầng sáng từ trên cao vẫn ánh lên qua màn mưa trắng đục. Nội tôi hoảng loạn:

• - Làm sao bây giờ, làm sao?

Ba tôi cúi mặt:

- Dù gì thì cũng phải đợi yên, mẹ à!

- Đợi yên thì các cháu tôi còn gì nữa?

Phải. Nội tôi biết chắc không có cách nào cứu được. Một bà già cô độc, yếu đuối làm sao chống đỡ với cả một thế lực chiến tranh để giành lại mạng sống của những người thân yêu. Khi tiếng bom ngừng, bà con lối xóm đi tìm xác hai anh. Chiếc thuyền hai anh lập lờ trên mặt nước, lỗ chỗ những vết đạn. Xác hai anh không biết trôi dạt phương nào, máu còn loang đỏ khúc sông quanh chiếc thuyền bị nạn. Người ta nói nơi cửa sông có rất nhiều dòng chảy mạnh đã cuốn xác hai anh đi xa. Sông rộng mênh mông, biết đâu mà tìm. Nội tôi thất vọng trở về, thấp nhang, đôi bàn tay đầy gân xanh run rẩy...

- Hai cháu sống khôn thác thiêng hãy quay về nguồn để ngoại còn đắp mộ cho hai cháu!

Khói hương lan toả trong khu vườn in đậm hình bóng của hai anh. Những bông hoa mẫu đơn dường như cũng chia sẻ nỗi đau của bà nên héo sầu, ủ rũ. Tôi chợt nhớ cả tuần nay không ai tưới cây trong vườn. Chắc linh hồn hai anh còn quẩn quít trên những tán lá nên nghe được lời bà. Vào một ngày nước ròng, xác hai anh va vào một cọc đáy. Người ta nhận ra Đông, Tây một cách dễ dàng dù thân xác hai anh bị tôm và cá rửa xác xơ, tơi tả. Cho đến giây phút ấy, hai anh còn cặp chặt tay nhau...

Giữ nguyên sự âu yếm, thương yêu với cặp song

sanh, bà tôi cho tằm liệm xác hai anh và chôn chung một nấm mồ. Bà khẩn:

- Các con đã sinh ra cùng một bọc thì ngoại chôn chung các con cùng một huyệt. Sống đã không rời nhau thì chết cũng chẳng rời nhau.

Mộ của hai anh nằm giữa những cụm hoa mẫu đơn trắng tinh, toả hương bát ngát khắp khu vườn...

Từ đó, mỗi khi nghe tiếng sấm đầu mùa vang ngân từ bầu trời ngọt ngọt mùa hè, bà tôi lại mang những hạt giống trong bồ ra phơi phồng. Vừa lựa hạt bà lại chép miệng thở dài:

- Phải chi hai anh Đông, Tây tụi bây còn sống!

Anh tôi đang dán mắt vào pho truyện kiếm hiệp trên bộ ván ngồi bóng nước thời gian mĩa mai:

- Con cá mất là con cá to!

Bà tôi lại ném về phía anh cái nhìn khinh miệt "thằng người không có trái tim". Ôi, cái nhìn của bà làm sao tôi quên được. Nó dồn nén từ một cuộc đời đắng cay, cam chịu và mất mát mới nhức nhối làm sao. Nó vượt lên mọi ngôn ngữ để giải thích và diễn giải.

Ngày hoà bình... Nội tôi kiệt sức vì niềm hy vọng đã mỏi mòn, tàn lụi. Trước đây, nội tôi chăm sóc khu vườn cho hai anh Đông, Tây trở về, nhưng hai anh đã vĩnh viễn ra đi, khu vườn ngày càng trở nên tiêu điều, xơ xác. Cỏ phủ đầy những lối đi, cát bụi phủ đầy trên những tàu lá chuối và những cây măng cầu đã già lão, già lão như chính thân xác của nội tôi. Bà tôi gắng dùng

sức tàn dạn lại khu vườn theo quán tính hay làm của bà. Anh tôi đã vô tình giết bà bằng những thanh sắt gỉ sét vừa vút bừa bãi ngoài vườn mà bà đã giẫm phải khi chân trần nhỏ cỏ. Bà không quan tâm đến vết thương ra máu bầm ấy. Vả chăng, bà đã có quá nhiều vết thương lòng gặm nhấm, tê dại. Bà bị sốt cao, lưng bị uốn cong từng hồi, rồi trút hơi thở cuối cùng trên chiếc giường đơn độc. Trước ngày mất, bà dúm vào tay tôi chiếc hộp nhỏ gói trong mấy lần vải, thù thù:

- Con cất cái này, lỗ mai này có việc dùng. Nội đi...

Nội tôi ra đi trong đau đớn, nhưng thanh thản. Đám ma bà được tổ chức rình rang dù hồi còn sống, ba mẹ tôi cũng chẳng ngó ngàng nhiều đến nội. Nội mất rồi, khu vườn mới dần hiu, xơ xác làm sao. Cây đến mùa ra quả dềo dẹt, chất ngậm. Qua về làm tổ trên những tàn cây. Tôi và anh tôi lên tỉnh học, ngôi nhà của nội mục nát, xiêu vẹo, những bậc thềm đầy rêu. Người ta đồn vườn nội tôi có rất nhiều ma. Tôi biết rõ cội nguồn những lời đồn đại ấy bởi những cây mục làm hàng rào ngoài vườn mọc lên vô số những cây nấm giàu chất lân tinh. Chúng phát sáng đến rợn người, kỳ ảo trong đêm tối. Người đi qua đây vào ban đêm lắng nghe chim cú mèo kêu, trông thấy những cây nến sáng rực như mắt ma là đã ù té chạy. Chỉ có tôi mỗi dịp hè về là còn dám lang thang trong vườn. Tôi chăm sóc những cụm mẩu đơn trước mộ hai anh Đông, Tây và trồng trước mộ nội một cây mai vàng, với niềm hy vọng bà được tắm trong hương thơm bát ngát của đất trời và hiện hữu trên dương thế, bằng những nụ mai nảy ra từ những cành cây khẳng khiu...

Đâu ai biết được cuộc đời dâu bể, nhưng dự cảm của tôi hoàn toàn đúng về anh tôi. Cơ nghiệp của ba tôi mất sạch bởi sự phá hoại của "thằng người không có trái tim". Anh tôi lên đại học được ba má tôi cưng chiều hết mực. Anh muốn gì được nấy. Vì vậy ba má tôi chiều cả ý muốn dùng ma túy của anh. Ba má tôi buồn rầu đến sinh bệnh mà chết. Anh tôi bán nhà xưởng, dinh thự, bán cả những câu liên đối của dòng họ mấy trăm năm còn lưu giữ được. Tôi tách khỏi anh, xấu hổ với bạn bè và chui tọt vào ký túc xá đại học để nương thân. Nỗi nhục nhã và đau đớn đã khiến tôi hùng hục lao vào sách vở. Và niềm mơ mộng ở khu vườn bà xưa kia đã xui khiến tôi lao vào nghề viết lách. Tôi viết như điên dại dù không biết làm gì với đồng bản thảo mà chẳng nơi nào chịu in, không một ai thèm đọc. Lúc ấy, kỷ vật của nội đã cứu sống tôi. Đó là chiếc vòng gia bảo. Bà tôi trần trối lẽ ra nó phải thuộc về anh tôi - cháu đích tôn, nhưng bà xin phép với ông bà một lần dám phá bỏ luật lệ khi quyết định trao nó lại cho tôi. Tôi bán nó dần để trang trải những ngày học tập, dè sẻn từng đồng... Số còn lại tôi mua một chiếc máy...

Máy chữ!

Ngày có được nó tôi mừng đến phát khóc. Đó là cả gia tài lớn của tôi ngày ra trường. Giờ đây tôi có được nhiều thứ mà trước kia tôi nào dám mơ đến: ngôi nhà, những tiện nghi, máy vi tính... Nhưng chiếc máy chữ vẫn là người bạn đồng hành của tôi trong những năm tháng cuộc đời. Tôi đã từng gắn bó với nó trong gian nhà trọ tồi tàn, tối tăm và ẩm thấp. Từng phím chữ

nhấn nại, tôi đã gõ nên những bài viết. Nó đã chứng kiến bao giờ phút vinh nhục của tôi, những giọt mồ hôi tôi rơi mặn chát, những phím chữ đã mòn nhẵn đi rồi... Những âm thanh vang lên, những tia nắng ngoài khung cửa soi vào những phím chữ lấp lánh, tôi đắm chìm trong niềm say mê sáng tạo. Và lúc ấy, bà nội hiện hữu bên tôi, hoá thân trong chiếc máy chữ này, bà không chết. Có con bướm trắng bay vào phòng. Bà đã trở về bằng con bướm trắng ấy chăng? Ôi, mảnh vườn tuổi thơ, tôi nhớ nó đến quay quắt. Vả chăng, người ta làm sao cắt đứt được quá khứ, một quá khứ thấm đẫm hương đất và cây đã cấu thành nên tôi...

Nhưng anh tôi đã bán mảnh vườn của nội, nơi cuối cùng còn gắn bó chúng tôi với quê cha đất tổ. Tôi thẳng thốt kêu lên:

- Còn mộ của hai anh Đông, Tây, mộ của nội?

Anh tôi khinh khỉnh đáp:

- Hai thằng cha ấy là liệt sĩ, tao sẽ bốc mộ vào nghĩa trang, cò bà nội, ăn nhằm gì!

Trước mặt tôi mọi vật đều tối sầm. Tôi không biết nói gì với "thằng người không có trái tim" nữa. Anh tôi đang có trong tay mọi giấy tờ mua bán đất. Anh không cần đến quá khứ vì những cơn nghiện đã che mờ tất cả, hưởng chi, anh vốn là một "thằng người không có trái tim". Tôi không có quyền gì để ngăn cản anh. Tôi là con gái, luật bất thành văn của ba tôi đã hằn sâu vào sự tham lam và vô lương của anh tôi: "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô" nhưng tôi đau đớn đến tê dại. Khu

vườn tuổi thơ của tôi vĩnh viễn mất đi, tôi không muốn tin vào điều khủng khiếp đó! Trời ơi, người ta sẽ làm gì với mồ mả của hai anh Đông, Tây và nội tôi. Hai anh đã đi về phía cửa sông vĩnh viễn để giữ lấy khu vườn mà bà tôi suốt một đời đổ mồ hôi vun đắp nó. Còn có nơi nào để tôi trở về, bầu vịu khi cuộc sống của tôi giờ đây không còn gốc nữa. Mỗi độ xuân về, tôi còn biết có nơi nào để ngắm gốc mai nở bùng trước mộ nội, được dọn cỏ trên những nắm mồ người thân và thắp nhang tạ ơn cùng trời đất. Những mái nhà lô xô, những căn phòng hình hộp, còn đâu hương hoa mẫu đơn bát ngát dưới ánh trắng, còn đâu những cơn mưa thấm vào đất đai chảy tràn thành sông suối đổ về nguồn... Tôi chợt nhìn thấy bà nội như đang sống dậy. Bà nhìn tôi bằng ánh mắt năm xưa. Ánh mắt của bà nhắc tôi một nỗi buồn vạn thuở. Con người không có gì bất hạnh hơn mất gốc. Có nỗi buồn nào sâu thẳm hơn sự diệt vong!

BÂY GIỜ BẠN Ở ĐÂU?

Đó là một buổi học bình thường gần cuối năm học lớp tám¹.

Vừa bước chân vào lớp, tôi cảm thấy ngay một không khí khác thường bao trùm đến cả hơi thở. Bọn con gái không tím năm tím ba nói chuyện vớ vẩn như mọi ngày. Bọn con trai không chơi các trò tinh nghịch của chúng.

- Nhân vật chính đã đến! - Tiếng thằng Đình, một trong những miệng lưỡi ác nhất đám con trai.

Tôi nhét cặp vào hộp bàn, ngẩng lên chột bắt gặp nhiều đôi mắt đang đổ dồn về phía mình. Tôi lập tức hiểu rằng "nhân vật chính" chẳng phải ai khác, cũng lập tức nghĩ xem mình có làm điều gì khiến mấy chục cặp mắt phải có cái nhìn khác thường kia. Vừa lúc đó, cô giáo dạy văn vào lớp. Cả lớp cuống cuống đối phó với mười lăm phút kiểm tra bài cũ, và đáng sợ hơn nữa là tiết mục kiểm tra vở soạn văn. Bọn con trai lớp tôi "dị ứng" kinh niên với tiết mục này.

¹ Theo hệ giáo dục 10 năm.

Hai tiết văn trôi qua nặng nề, khi người ta được tôn là "nhân vật chính" mà không rõ lý do.

Ở cái lớp 8A này, tôi chỉ là một học sinh bình thường. Trong các cuộc họp sơ kết học kỳ hay tổng kết cuối năm, tên tôi không có trong một vài cái tên nổi trội về học tập, văn nghệ, cũng không có ở danh sách học sinh phải nhắc nhở. Không nghịch ngợm (bởi tôi là con gái một gia đình đông con, ngoài giờ học còn phải đi bán rau giúp mẹ), nhưng tôi cũng tham gia đủ các trò chơi của bọn con gái. Điển hình nhất phải kể đến cái trò tẩu chay bọn con trai.

Không biết bắt đầu từ đâu, nhưng ngay từ những ngày đầu vào lớp 8, con trai con gái lớp tôi đã chia thành hai phe rõ rệt. Từ các nhóm học tập cho đến các tổ lao động đắp lán, đào hầm hào, bao giờ cũng "nam nữ thụ thụ bất thân" (ấy là nói theo lời tuyên bố của thằng Đình, học lỏm của ông nội nó). Mấy lần thi văn nghệ, chỉ vì không chịu đứng chung nhau trong một dàn đồng ca, lớp tôi đành cam chịu xếp thứ hai - dù nổi tiếng có nhiều giọng ca hay nhất trường - bởi nhận xét của ban tổ chức: "Chưa có tinh thần đồng đội". Trong chiều hướng chung đó, không thù ghét một đứa con trai nào trong lớp, tôi vẫn "thụ thụ bất thân" với cả lũ chúng nó.

Nhưng thực ra thì tôi có làm gì bọn nó đâu.

Cả lớp trọ lại nơi trường sơ tán, một mình tôi vẫn đi về để gánh rau giúp mẹ. Hẳn là có chuyện gì đó đã xảy

ra vào buổi chiều hôm qua ở đây. Và tôi nóng lòng đợi giờ ra chơi.

Cô giáo vừa ra khỏi lớp, thằng Đinh oang oang:

- E hèm, bọn mày chú ý này, xem có hay như tiểu thuyết không nhé: Nàng có hai bím tóc xinh xinh như hai quả đào, vầng trán sao mà tinh khiết, thông minh, riêng đôi mắt thì lại buồn buồn thế nào ấy...

Mấy đứa con trai to mồm cười lên hô hô. Có vài đứa con gái cũng khúc khích cười theo.

Bấy giờ cái Thủy ngồi cạnh tôi mới thì thào vào tai tôi:

- Bọn nó đang đọc nhật ký của thằng Bình viết về mày đấy. Chả biết thằng Bình để quên sổ thế nào mà thằng Lượng trọ cùng nhà lại vớ được.

Tôi thoát nóng ran cả mặt và ngớ ngẩn hỏi lại Thủy:

- Thằng Bình à? Sao nó lại viết về tao?

Cái Thủy bật cười:

- Mày đi mà hỏi nó ấy. Mà hình như nó cũng xấu hổ nên hôm nay nó có đi học đâu.

Bây giờ tôi cũng mới để ý thấy chỗ trống ở cuối lớp - chỗ ngồi của Bình. Những ngày sau đó thật khủng khiếp đối với tôi. Tin về cuốn nhật ký của thằng Bình lan nhanh như gió thổi từ lớp tôi ra khắp trường. Cũng may là thầy giáo chủ nhiệm của lớp tôi kịp thời ra tay ngăn chặn bọn thằng Đinh - bắt chúng phải trả quyển sổ cho thằng Bình ngay chiều hôm đó. Nếu không, không biết mọi việc còn đi đến đâu nữa.

Chỉ khổ cho tôi. Là nạn nhân, nhưng nào tôi biết vì

sao tai hoạ lại rơi vào tôi, chứ không phải là đứa con gái nào khác trong lớp. Cái Thủy, cái Hồng, cái Nhung... đều xinh xẻo hơn tôi, đứa thì hát hay, đứa thì học giỏi, sao cái thằng Bình kia lại không chịu ghi nhật ký về bọn nó kia chứ? Cay cú với ý nghĩ ấy, vì thực sự tôi chưa hề biết rõ thằng Bình ghi những gì trong cuốn sổ của nó. Đôi lần thằng Đinh đem ra đọc giữa đám con trai để cười cợt với nhau thì tai tôi ù đặc trong nỗi xấu hổ (và cả nhục nhã nữa - nỗi nhục nhã trẻ thơ), tôi có nghe thấy gì đâu.

Bạn gái nhiều đứa an ủi tôi: "Kệ chúng nó, Tâm ạ. Thằng Bình viết là việc của nó. Mà có viết đâu mà sợ!" Tôi biết ơn bọn cái Thủy lắm, nhưng vẫn để lọt tai một vài tiếng eo xèo: "Này, biết đâu cái Tâm với thằng Bình lại chẳng có gì. Không có lửa làm sao có khói kia chứ!" Vài chị học lớp trên quen tôi còn trêu chọc: "Con bé này tầm ngấm tầm ngấm mà ghê thật!" Tôi chỉ còn biết cúi gằm mặt mà đi, ở mọi chỗ có mặt học sinh trường tôi.

Chuyện không hiểu sao rồi cũng đến tai mẹ tôi, đầu nhà tôi ở cách trường đến dăm cây số. Một buổi tối, lúc tôi thu dọn sách vở chuẩn bị đi ngủ, mẹ bỗng chăm chú nhìn tôi và bảo:

- Tâm này, thân thiết quá với các bạn trai, ở tuổi con bây giờ không có lợi đâu, con ạ.

Tôi hiểu mẹ muốn nói gì. Lấy chồng nghèo, mẹ phải tần tảo buôn thúng bán mẹt nuôi chúng tôi, còn xưa kia mẹ là cô gái đẹp nhất một vùng, sống cấm cung theo luật lệ nho giáo khắc nghiệt của ông ngoại tôi. Những

trạng nhật ký của thằng Bình hẳn là "chuyện ghê gớm" lắm trong cách nhìn của mẹ.

Tôi bắt đầu thấy căm ghét thằng Bình. Nó chính là kẻ đã gây ra tai họa cho tôi - còn ai vào đây nữa!

Đó là một đứa con trai mảnh khảnh, trắng trẻo như con gái, mới chuyển về trường tôi từ đầu học kỳ hai. Cũng như tôi, nó thuộc diện những học sinh ít ai để ý trong lớp. Học khá, ít mồm ít miệng, thỉnh thoảng nó còn là mục tiêu chế giễu của bọn con trai lớp tôi bởi hai từ "xin lỗi" và "cám ơn" vô cùng lạ lẫm đối với lối nói xô bồ của chúng. Nghe nói bố thằng Bình là bác sĩ, mẹ nó là nhà sử học, nhà nó giàu mà nghiêm lắm. Thằng Bình là con trai duy nhất, kém chị gái nó tới mười tuổi, vậy nên vừa xuất hiện ở lớp hôm trước, ngày hôm sau nó đã có biệt danh "quý tử".

Giống như hầu hết bọn con gái, tôi không ghét thằng Bình, không tham gia những trò giễu cợt, nhưng cũng chẳng ưa gì nó. Tôi, một đứa con gái nghèo, hôm nào cũng cuốc bộ đến trường với một bát cơm nguội trong bụng thật xa lạ với thằng Bình "quý tử".

Kể ra, từ sau hôm xảy ra vụ "nhật ký", thằng Bình chắc cũng chẳng sung sướng gì hơn tôi. Nó phải bỏ một buổi học, những buổi sau đó thì nó đến lớp và ra về như một cái bóng. Chỉ có điều, dù bọn thằng Đình, thằng Lượng có trêu chọc ác đến mấy, Bình vẫn không hề nổi khùng. Nó chỉ có vẻ thực sự khổ sở mỗi khi bị gọi lên bảng. Những lúc đó, tuy phải lảng đi bằng cách soạn sách vở, hay xem lại bài cũ, tôi vẫn cảm nhận được

không khí căng thẳng đầy ngụ ý của cả lớp. Ước gì tất cả nổ tung lên bằng một quả bom, không có đũa nào trong lớp nữa! Biết bao lần tôi căm lặng gào lên, trong những giây phút như thế...

Chuyện cuốn nhật ký của Bình rồi cũng lùi vào quên lãng, nếu không có một hôm, vào năm thứ tư của tôi ở trường đại học, Đình đột ngột xuất hiện. Chỉ tiếc là hôm Đình đến tôi lại đi vắng. Lúc về, người ta chuyển cho tôi một gói quà nhỏ. Kẹp bên ngoài gói quà là lá thư ngắn Đình gửi lại: "*Tâm! Tìm mãi mới thấy Tâm. Mình vừa ra Bắc được ít tháng nay. Mình đã gặp Bình ở trong ấy và đã hứa chuyển tận tay Tâm "món quà" của Bình. Hãy coi đây là việc làm chuộc cái lỗi ngày xưa của mình với hai bạn. Bình nhắn "Một lần nữa xin lỗi Tâm!"* □ *đấy. Hẹn gặp lại*".

Tôi đã quên chuyện cũ từ lâu; giờ cầm cuốn sổ bìa nâu sậm, nổi ám ảnh kinh hoàng xưa chợt trở về. Lại nhớ lần chuyện trò duy nhất giữa tôi và Bình hồi đó. Thật chẳng hay ho gì. Ấy là vào một buổi chiều muộn, sau buổi học cuối cùng, ở đoạn đường rẽ về nhà tôi. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa quên vẻ mặt của Bình lúc đó, chợt ửng đỏ đến tận vành tai, lại chợt tái nhợt - vẻ mặt của một người biết rằng chỉ có cái chết mới chứng tỏ được lòng thành của mình. Cậu ta chỉ nói mỗi một câu:

- Mình xin lỗi Tâm. Nhưng mình thế là trong cuốn sổ ấy không hề có điều gì xúc phạm Tâm. Nếu Tâm muốn, mình sẽ đưa Tâm xem...

Tôi, với nỗi uất ức dồn nén bao nhiêu ngày, bởi bao

nhieu người (mà mãi sau này tôi mới hiểu không hề có Bình trong số họ) bỗng hét lên:

- Đi đi, tớ không muốn nghe nữa! Không bao giờ tớ thêm đọc cuốn sổ của cậu đâu mà đưa!

Hè năm đó, gia đình Bình chuyển đi nơi khác. Tôi thật nhẹ cả người khi được bạn thông báo tin ấy, hôm khai giảng năm học mới.

Thời buổi chiến tranh. Mỗi đứa một nơi, ngay cả bạn bè cùng học với tôi đến hết cấp ba giờ nhiều đứa không liên lạc được gì với nhau. Huống chi Bình. Không hề có tin tức gì về cậu ta suốt sáu, bảy năm qua. Tôi lơ đãng giở cuốn sổ của Bình - giấy đã ố vàng ở nhiều trang viết, nhưng rõ ràng là người có sổ đã giữ gìn nó rất cẩn thận.

Chữ Bình cứng cáp và phóng khoáng, rất dễ đọc. Đây cuốn sổ là những trang nhật ký của một cậu học trò đang lớn, được giáo dục cẩn thận, quan tâm đến nhiều vấn đề ở xung quanh, giàu tình thương và trách nhiệm. Dành cho cô bé Tâm lớp 8A dạo đó là một số trang rải rác, bắt đầu như thế này: *"Hôm nay mình nhận nhiệm vụ hộ tống mẹ đi chợ Tết. Chợ tỉnh có khác, đông quá, khác hẳn cái chợ huyện ngoài quê mình. Qua dãy hàng rau, mình chợt nhìn thấy một gương mặt quen (tuy rằng chưa quen lắm, vì mình mới đi học ở trường mấy buổi). Thì ra đó là một bạn gái cùng lớp mình, ngồi cạnh cửa sổ, ngay trước bàn mình. Đúng rồi, hai bím tóc như hai quả đào, gương mặt bầu bầu hiền hậu và đôi mắt buồn buồn mà mình chú ý ngay buổi đầu đến lớp.*

Tên bạn ấy là Tâm thì phải. Bữa nay Tâm mặc cái áo cánh gụ vá một miếng ở vai, nhìn lạ hẳn so với khi đi học. Không hiểu sao, nhìn bạn ấy ngồi bán rau giữa những người bán rau tiêu tụy khác, mình thấy thương Tâm quá. Chắc là nhà Tâm nghèo lắm. Mình thì lại quá sướng. Chỉ có cái việc nấu bữa cơm chiều mà cũng không xong".

Trở đi trở lại các trang nhật ký của Bình là nỗi day dứt về hoàn cảnh sống của gia đình tôi (không hiểu Bình biết được bằng cách nào?). Tôi càng đọc càng bồi hồi vì tấm lòng bạn. Lũ bạn lớp tôi hồi ấy quá vô tư, hầu như không đứa nào để ý đến gánh rau tôi đi bán hàng ngày. Duy chỉ có Bình - Bình ơi!

Thế mà Bình đã hy sinh dạo mùa xuân năm 1975, không cho tôi có được một lần gặp lại xin lỗi. Cuốn sổ của Bình sẽ theo tôi đến hết cuộc đời...

GIÓ ĐỎ

Người thiếu phụ trẻ xoay xoay nhành cây. Những ngón tay dài thon mảnh, móng hồng hồng trong suốt lơ lửng bứt từng chiếc lá, thả rơi xuống sân gạch đỏ sẫm. Không một tiếng động, gió nâng những cánh lá mong manh rời khỏi mặt đất, đáp xuống xa xa, rồi lại bốc lên đưa đi vô định. Ánh mắt chị đang trong sáng chợt buồn xa xăm.

- Vậy là chị không có "thiện chí" hoà giải cùng với anh ư?

- Em muốn hiểu như vậy cũng được. Anh ấy và tôi không hợp nhau. Sau những điều do anh ấy gây ra cho nhiều người ở đây, chỉ là bạn thôi cũng khó, nói gì đến chuyện hợp tác trong công việc. Cứ coi như chúng tôi chỉ là những người biết nhau thôi, cũng được mà.

- Thật đáng tiếc. Em rất kính trọng chị. Còn anh cũng là một người đàn ông nhiều tài năng. Hai người mà cộng tác chắc chắn sẽ làm được nhiều điều tốt đẹp cho sự nghiệp khoa học của vùng đất này.

- Tôi biết, em yêu anh ấy. Anh ấy cũng rất quý mến em. Em thật có lòng tốt khi mong muốn anh ấy và tôi cùng hợp tác. Nhưng cảm ơn em, sự thật nó không được như ý em mơ ước đâu...

*
* *

Em của tôi!

Tôi mạo muội gọi em như thế, mong được hưởng sự khoan dung. Bởi nếu lá thư này nằm trong tay em, tức là tôi đã đi xa lắm rồi. Cuộc trở về với cội nguồn, với "giọt nước" ông bà sẽ thêm phần thanh thản cho tôi, nhờ tấm lòng nhân hậu vị tha của em.

Khi lần giở những trang giấy, em có nhận thấy gió không? Ấy là hơi thở tôi, xin được hôn lên những ngón tay của em. Những ngón tay mà tôi biết, đã có thời gian dài phải chĩa đôi sự cầm dao mổ và cầm cuốc, để tính cuộc mưu sinh. Những ngón tay đã viết gửi tôi bao nỗi niềm để sẻ chia, an ủi. Có lần em hỏi: "Sao thư bạn lúc nào cũng như bằng lăng bóng dáng của những vầng mây đen?" Tôi đã tránh né bằng cách trả lời: "Nhớ quá mây xanh của bầu trời cao nguyên. Bạn hãy gói gửi cho xin một nạm...". Ấy vậy mà em không hề biết, chính em là vị cứu tinh, với những "thôi thôi, xin mà, hồng đảm đâu..." đã giúp tôi kéo dài sự sống hiu hắt như ngọn lửa giữa rừng đêm này, thêm một vài năm nữa đấy. Và cũng chỉ có em, đã chia sẻ cùng tôi nỗi đơn cô tự ràng buộc của tâm hồn mình. Tôi biết ơn em nhiều lắm. Tôi yêu em nhiều lắm. Em biết như vậy mà, phải không em? Còn bây giờ thì tôi đã có thể nói trực tiếp với em điều ấy, nói to với tất cả mọi người điều ấy, mà không hề lo sợ bị em quở mắng. Thích thật!

Em có nhớ không? Kể từ cái ngày gần như định mệnh, đọc được trên tạp chí chuyên ngành bài khảo cứu

của em về bệnh phong ở các tỉnh Tây Nguyên, tôi đã thư về em, bày tỏ cùng một nỗi quan tâm. Và cũng từ đó, bắt đầu những lá thư qua lại giữa chúng ta. Mới đó mà gần mười năm rồi ư?... Trong tôi dường như tồn tại hai con người: một gã trơ tráo, dày dạn xù lông nhím ra với cuộc đời đen bạc. Một kẻ mỏng manh dễ thương tổn, dễ cảm thông dành cho em, qua những lá thư. Có bao giờ em biết điều này không? Những người đàn ông như tôi thực ra rất yếu đuối, luôn cần phải có một chỗ tựa nương cho tâm hồn mình. Em chính là chỗ tựa nương ấy của tôi.

Em cứ thắc mắc "Sao giữa THÀNH PHỐ TRẮNG lại có một Kpă một Rchom⁽¹⁾, mà địa chỉ không phải một Kon, Ya⁽²⁾ nào đấy trên cao nguyên?" và "Có thật đó là Y, là A, hay cũng lại chỉ là Nguyễn, Trần, Dương, Phạm... nào đó thôi?" Tôi đành thú nhận: "Địa chỉ đó chỉ là mượn để nhận thư từ thôi". Em than: "Bên địch thì bị bộc lộ hết lực lượng. Còn bên ta, đến cái địa chỉ cũng đi mượn nữa, thì bằng đánh đổ nhau ư?" Tôi đã lơ đãng, không trả lời em, rằng vì sao tôi phải rời cao nguyên, mảnh đất cha đã treo cái rốn tôi lên cành cây cao trong rừng, xúc từng con cá suối, cùng *amí* bòn những ngọn rau *ría*, rau *étang* nuôi tôi lớn khôn. Mảnh đất đỏ au, bàn chân trần của tôi đã đặt từng bước đi. Từ lúc còn nghiêng ngả, đến vững chắc tới cả những bến bờ xa xôi trên trái đất. Em lại hỏi vì sao tôi không trở lại. Và em

(1) Kpă, Rchom: những họ của người Tây Nguyên.

(2) Kon, Ya; chữ mở đầu địa danh Tây Nguyên.

sợ một lần gặp gỡ. Sợ tan vỡ những ảo ảnh, sợ tôi sẽ thất vọng về một người đàn bà (mà theo lời em): không chỉ đã gần đến cuối con dốc đời, mà còn "đi thi hoa hậu thì ba vòng bằng nhau, khiêm tốn về thuốc tặc, và dung nhan làm chị em với chim cú trong rừng". Ôi, em! Người phụ nữ thân yêu nhất của tôi. Xin em cho tôi được mang theo về cõi mang lung bí mật ấy. Để trong em, tôi mãi mãi chỉ là một người bạn nhạy cảm, nhẩn nại và dễ cảm thông. Là chiếc gùi cho em trút mọi vui buồn của cuộc đời, là cây rừng cho đôi cánh của em trú đậu những khi mỏi mệt. Tôi hài lòng với đề nghị ấy. Bởi chính tôi cũng không muốn làm em thất vọng khi hiểu ra mọi sự thật.

Tôi đã hạnh phúc biết mấy khi nghe em bày tỏ: "Bạn là chỗ dựa cho tâm hồn tôi. Thật sự tìm được sự thư giãn và thú vị khi đọc và viết cho bạn". Cảm ơn em! Cảm ơn em! Chính tôi cũng vậy! Dù không thể tỏ bày cùng em những đại khờ một thuở của tình đời, tình người, tình thế, đã buộc tôi rơi vào tình trạng phải rời xa vĩnh viễn quê hương yêu dấu. Tôi đã thề trước Mặt Trời rằng: "Sẽ không bao giờ để cho nỗi đau trong trái tim rách nát của mình được dịu đi, bằng cách trở về với bến nước ông bà". Bởi nơi này đâu còn là của tôi? Của chúng ta? Cao nguyên trở thành quê hương của mọi miền quê, thế mà tôi, đứa con của Cha Rừng, Mẹ Đất, lại không có chỗ đứng ở đó. Nhưng chính em, bằng sự đau đớn của mình, đã đánh thức tình yêu bến nước, nỗi thương rừng xa đã cố ngủ quên trong tâm hồn tôi, xoá dần cái hoài cảm của một đứa con lạc loài nơi xứ lạ.

Đường như em đã đứng khi mong ước con người hãy đến với nhau chỉ bằng tình yêu thương? Em, với tất cả mọi nỗi vất vả đời thường, niềm đam mê nghề nghiệp, lẫn nỗi đau cạnh tranh của một tâm hồn không ít lần đã bị người đời vô tình, hay cố tình làm thương tổn. Sao vẫn giữ được cho mình niềm tin, tình thương yêu trong sáng thế? Trong những bức thư đối thoại cùng tôi, em thường khuyên nên xóa bỏ mặc cảm, trở về với bến nước, quê hương. Còn tôi? Cuộc đoan quá chằng, khi găm mãi trong đáy trái tim mình, sự hận thù trĩu nặng? Nhưng tôi, có còn chút nào mong muốn được trở lại với đời, có thêm những mảnh tư duy nào gom góp được trong những tháng năm này, chính là nhờ có em. Em, với hương cúc dại, với vị đắng của vầng dã quỳ vàng, với những cây cầu vòng mơ ước trên đỉnh núi Cu M'Rong sau cơn mưa, mà em định nhờ chàng gió mãi chơi gửi về tôi nơi phố phường đầy cát bụi. Rồi em giấu cột tôi như cây bạch đàn lười biếng ngủ vùi suốt đêm, mặt trời lên vẫn chưa thềm tỉnh giấc. Không, bạch đàn của em đâu có ngủ, nó thức cạnh cho cúc rừng tỏa hương trong thanh khiết của trời đêm, nên sáng ra mới dậy muộn đấy chứ. Và em không thấy sao? Bạch đàn chẳng vẫn xanh đến hết mình, kiêu hãnh thách thức cả nắng lẫn gió dữ dội của cao nguyên đó ư? Trời ơi! Em đánh thức trong tôi nỗi nhớ khôn nguôi về miền đất đầy gió đỏ của chúng ta. Ở nơi ấy, đâu đó có năm mồ hoang chưa được bỏ mả của *ama* tôi? Có còn vạt rừng nào che chở cho nhà mồ của *amí* tôi? Tôi khác em, đã trốn chạy, để rồi chẳng vì trót nợ em một lời hứa, mà đã biết bao ngày bên vĩa hè xi -

măng răn lạnh chôn phồn hoa đầy bụi trần ai này, tôi nhấp ngụm cà-phê, nhắm mắt lại cho nỗi nhớ trào lên từ tận thẳm sâu tâm hồn, tới vị đắng nơi đầu môi...

Chúng ta chưa bao giờ gặp nhau. Em cũng tin như thế, phải không? Và em hãy cứ tin như thế nhé, mặc dù tôi lại phải xin em một lần nữa khoan dung, vì sự vi phạm thoả thuận "không tìm gặp". Tôi đã có mặt trong buổi bảo vệ luận án tốt nghiệp của em, ở Hà Nội. Đề tài "Bệnh phong trong bối cảnh toàn cục Tây Nguyên, nguồn gốc và phương pháp xử lý", đã khiến tôi xúc động sâu xa. Em vẫn thế, người khách bộ hành cô đơn trên con đường đầy cỏ tranh và sỏi đá, bới tìm trong hoang dã của đại ngàn, nâng niu những gì người đời đang vô tình, hay cố tình, lãng quên. Cứ lặng lẽ âm thầm như vạt cúc bên cổng nhà em, góp thêm vẻ đẹp nhỏ nhoi cho đất trời cao nguyên. Để một lúc nào đó, bất chợt có ai nhận ra cúc đại cũng có hương. Những bông cúc trắng tôi nhờ một sinh viên trong học viện trao tặng khi em vừa bảo vệ xong, khiến em ngỡ ngàng. Nhưng tôi tưởng vẫn bắt được một ánh mắt bừng sáng. Chẳng có lần em kể rất yêu hoa cúc đó sao?

Em không giận tôi nữa chứ? Tôi có lợi thế thông tin về em, nhiều hơn em có thể biết về tôi. Phố núi của chúng ta nào có rộng lớn gì. Tôi còn nhiều người thân lẫn bạn bè ở đó. Làm sao tôi lại không tìm em, khi tôi yêu em có thể đến điên dại? Chỉ khát được một lần ngồi đối mặt trước chén rượu trong căn nhà sàn của *amí* em. Dù chẳng thể hai bàn chân cùng đạp lên một chiếc rìu, mỗi người một cần rượu, trong lời khấn ngân nga của

PJáo⁽¹⁾. Thì cũng là để soi cùng một mặt ché, cho mắt lặn trong mắt, vui hoà cùng vui. Vậy là mãn nguyện lắm rồi:

*Tôi soi bóng ai đây
Ai là bóng ta say?
Triệu năm mặt ché với đây
Rượu vin cần rượu ngát ngây...*

Nhưng tôi nào dám đi xa hơn, bởi nợ em lời hứa. Nên chỉ đành "phạm quy" mà chiêm ngưỡng em từ xa thôi. Hãy tin tôi. Đây là lần đầu tiên, và cũng là lần cuối cùng. Tôi cần phải mang theo hình ảnh của em để đi về cõi mang lung. Lúc ấy, tôi đã biết quỹ thời gian của mình còn eo hẹp lắm. Còn nữa... Cũng bởi tại tôi... ghen! Tôi ghen với tất cả mọi người mà em tiếp xúc, đón đưa khi họ đến công tác ở cao nguyên của chúng ta. Họ có quyền gì mà bắt tay em? Nắm tay em bước vào vòng xoay? Kể bên, thậm chí còn cả gan choàng vai em trong những cuộc rượu cần, lắng nghe tiếng chiêng Arap sầm sập như thác đổ, như gió reo từ thuở hồng hoang xa xưa nào vọng về? Họ có quyền gì được đồng hành cùng em trong những chuyến hành hương đi tìm cội nguồn mà tôi ao ước cháy lòng? Thậm chí có lúc còn mơ làm người chạy xe ôm trên những nẻo đường em đi... Tôi, kẻ yêu em đến có thể đổi cả mạng sống của mình, khao khát được cùng em bên bếp lửa nhà sàn, uống hớp nước suối sớm mai ngọt lành tinh khiết nơi bầu nước em trao.

⁽¹⁾ Hình thức lễ cưới của người Giarai, Êđê

Cùng em nắng mưa trên rẫy, trong tiếng *ting ning* rộn ràng gọi bạn. Sao lại chỉ có thể gặp em trên những trang giấy?... Chúa ơi! Màn sương nào làm mờ đi con mắt bên trái tôi. Ánh sáng nào khiến cay xè con mắt bên phải tôi? Xin hãy nhỏ vào chúng một giọt máu đỏ nơi trái tim mẫu hệ kiêu hãnh mà vị tha của em. Tôi "hút"⁽¹⁾ thật rồi!

109 lá thư em viết cho tôi trong gần mười mùa nắng mưa gửi qua trao lại. Từ lúc chỉ là vài dòng, là những ấn phẩm. Cho đến khi mỗi lúc một đầy lên, trở thành điều không thể thiếu. Nhưng cả em và tôi đều biết. Những gì đã có, càng hiện hữu, thì lại càng trở nên trong suốt, mơ hồ, mong manh dễ thương tổn. Giống như chiếc bình pha-lê *klei dùm* cổ tích, có mà không có đấy. Thế nên lại càng phải trân trọng giữ gìn lấy. Tôi đã đốt tất cả rồi. Em đừng giận nhé. Nó ở trong cái hộp bạc, cùng với chiếc nanh gấu và sợi dây bạc em gửi, bảo "đeo để kỵ gió", đang nằm trong túi áo ngực trái đây. Nó sẽ cùng tôi đi nốt trong chặng đường tới nơi vô tận này.

Từ nay em sẽ không phải khắc khoải "một trông, hai đợi, ba bốn chờ" thư tôi nữa. Cũng chẳng còn ai "ăn cắp" từng chút quỹ thời gian vật lộn kiếm sống của em. Cầu các Yang cho em được nghìn lần hạnh phúc, như nàng Bra Tang của Dam Phu thuở nào, "với hàng ngàn tôi tớ để sai bảo, không phải bước chân nào xuống sàn". Mong sao người em đã chọn làm bạn đời sẽ nâng niu,

⁽¹⁾ Hút: Điện.

chiều chuộng và yêu em bằng cả tình yêu lẫn sự sống của tôi. Cho tôi được một lần hôn lên đôi chân trần lấm bụi đỏ cao nguyên, trên những nẻo đường tìm cách giảm bớt đớn đau cho các sinh linh đồng tộc, và về với nguồn cội của em.

Vĩnh biệt!

*

* *

- Đường như em để tang ai?

- Ảnh mất gần tháng rồi, chị ạ. Ung thư vòm họng hơn ba năm trời chớ có ít đâu. Người nhà ảnh coi di thư gửi trả về em một số sách vở, em mới hay đó chớ. Họ cũng theo di thư mang tro hình hài anh về rải xuống dòng sông Krông Blang nữa, chị ạ.

Làn gió nóng vờn quanh khuôn mặt cứ mỗi lúc một tái dần của người thiếu phụ. Tận cuối con đường hun hút, một vầng gió đỏ bốc cao quay cuồng trên không trung. Đám gió bụi xa dần, che mờ cả những cây blang mang đầy hoa đỏ, cháy rực trời nơi đầu con đường rẽ vào plei. Tiếng ve nghe chao chác đến xé lòng trong những vòm phượng đỏ. Cao nguyên đang vào hạ.

GAI XÉP

Buổi sáng, đường phố râm ran tiếng người đi làm. Chị bán cháo đậu xanh khế đầy cánh cửa khép hờ ngói biệt thự kiểu mới, gọi ông Lăng. Cháo đây, ông ơi! Người đàn ông gầy đến nỗi hai cái xương đòn gánh nhô lên như được dính vào da, ngồi thừ trong chiếc ghế bành kê ngoài hành lang. Có lẽ đã chuẩn bị ăn cháo. Ông chỉ cái bát nhựa để trên cái bàn tròn có phủ khăn. Chiếc khăn được giặt là cẩn thận. Chị hàng cháo còn trẻ, vài giọt mồ hôi lấm tấm phía trên môi làm chị có vẻ ướm át trong những hôm mát trời, hoặc trong đêm thanh vắng... Cái đó đối với người đàn ông tuổi Tân Mùi này là thừa. Ông đờ đẫn nhìn ra xa, cái nhìn dừng lại ở bờ tường ken đầy mảnh chai. Loại tường mảnh chai dây thép gai này ông đã ghê sợ khi lần đầu tiên vào Sài Gòn, cái ngày cuối tháng Tư năm Bảy năm đó, nhìn thấy nhiều nhà ken tường kiểu này, ông đã mất hết cảm tình với một thành phố như hoa như lệ mà ông nuôi trong trí tưởng tượng suốt bao năm trời. Cái đẹp mộng mơ trong đầu ông phút chốc bay biến, khi ông biết rằng rốt cục thì sự tâm thường thô thiển ấy không chỉ có ở nơi ông đã nếm trải cuộc đời, nó còn có cả ở vùng đất ông nghĩ là đẹp, ông đã chuẩn bị dành cho nơi ấy tình yêu lớn nhất, giọt nước mắt chân thành nhất.

Đứa con gái thứ hai của ông từ nước ngoài về, đứa con ông yêu quý, cùng chị gái nó đã nghĩ tới bức tường cao ken đầy mảnh chai, bên trên chằng dây thép gai. Cơ ác mộng sau cùng lại đến từ những đứa con mà ông không tài nào chống đỡ được đã làm ông nghĩ rằng, thôi, thế là đã đủ lắm với ông, cả cuộc sống, cả hạnh phúc, cả khổ đau. Đủ lắm rồi. Ông chẳng cần gì nhiều. Chẳng cần gì nữa. - Phải, con ạ. Cha về đón con đây...

Bao giờ sau câu nói mà ông nghe được ấy, ông cũng thấy thoáng qua mùi gì rất lạ. Ông chưa đoán được và ông mở bừng mắt. Tiếng nói ấy đã tắt. Lao xao âm ĩ bên kia tường ken mảnh chai là tiếng xe máy... Chị hàng cháo vén lại vài sợi tóc mai, mở cái vung nồi có phủ tấm vải sạch sẽ. Còn già nửa nồi cháo bốc hơi. Chị múc cháo vào bát, cẩn thận cho những hạt nếp và đậu xanh nấu nhừ khỏi dây ra thành bát. Chị quay sang mở cái liễn sứ ở đầu quang bên kia, lấy miếng đậu phụ kho khô có tấm hoa hiên vàng để lên bát cháo. Tất cả những động tác đó chị làm vô cùng duyên dáng, vì đã hàng chục lần ông say mê nhìn theo những ngón tay chị, khen chị thành thục, thậm chí còn giữ chị lại để ông ăn hết bát cháo. Hôm nay rõ ràng ông không nhìn thấy chị. Ông chờ đợi đã đành. Nhưng dường như ông có cái buồn tủi biết mình không thể chống đỡ nổi trạng thái vô hồn và đôi mắt ông muốn khóc. Đã nhiều lần ông đứng tựa cánh cửa sắt nhìn ra đường, đám đông, như một đàn côn trùng khát sống đang gặm một cách hăm hở cái đời sống như một miếng thịt đã mất hết sắc huyết, đối với ông giờ đây là đám côn trùng gặm nhấm nhưng vô thanh. Không

có âm thanh. Ông đứng nhiều lần ở đó, đến nỗi trẻ con hàng phố suýt nhau lại xem ông điên khóc!

Chị hàng cháo lí nhí chào ông. Chị nhìn bát cháo ngon lành đang nguội dần, chị lại nghĩ: rõ chán thế đấy. Nhà cao cửa rộng thế kia, con cái thì ở trời Tây trời Mỹ, nhưng đâu có sướng. Chị gánh gánh cháo đi mòn cả gót chân, ngày già lắm kiếm hai chục nuôi 5 cái tàu há mồm, nhưng tối về riu ra riu ran, con nói đằng con, bố quát đằng bố, nhà cửa ầm áp hơi người chứ đâu có lạnh tanh thế kia...

*

* *

Ông Lăng có hai đứa con gái. Từ bé chúng học giỏi ngoan ngoãn trong khi đám con gái cùng phố lông bông hoặc là lấy chồng sớm, hoặc là quậy phá. Hai đứa con gái ông giống mẹ nó. Cô nông dân vùng vải thiều khỏe mạnh ông đã lấy trong một đợt đi "ba cùng" - một khúc lý lịch của lớp người như ông. Bỏ lại ký ức có những bóng hồng một thời, các chàng trai trí thức về nông thôn, chẳng ai bắt buộc, cũng tự nguyện lấy một người đàn bà gốc rễ bám chắc ở đồng ruộng. Cái sự lúc nào cũng cảm thấy có lỗi, lúc nào cũng cảm thấy mọi hành vi của mình đang được định xét ở một căn phòng kín bưng nào đấy làm ông cứ "tự nguyện" đi từ quyết định này sang quyết định khác. Thời đó mẹ của hai đứa con ông không biết chữ, được cái không thích nhẩy dựng lên làm bà tướng như nhiều cô khác, bà an phận đi làm công nhân ở xí nghiệp thủy tinh, cố gắng học những chữ

cái để ghép vắn, để đọc được báo. Hai đứa con ông đều mất trố môi trên, da bánh mật. Chúng cao ráo, hai ống chân thẳng tắp trong quần bò. Vẻ đẹp hoang dã bị từ chối ở cộng đồng. Chúng chẳng hề có "mảnh tình học trò" nào. Khi chúng học xong đại học, trong một năm ông bỗng tiếp hai chàng rể. Một tóc vàng như rơm, mắt không phải màu xanh mà là thứ màu của lá cây non mọc trong bóng râm. Thằng thứ hai râu rậm đến mang tai, mũi thẳng, môi mỏng, đẹp trai đến mức ông cứ nghĩ sao nó lại đi lòng cô vợ có cái vẻ đặc thổ dân, ma mị và hoang sơ như đứa con gái của ông. Hai thằng đến vào hai dịp khác nhau, trò chuyện với ông bằng tiếng Pháp. Đều là con nhà tử tế, có học, chứ không phải thứ da trắng thất nghiệp đi đến những vùng đất xa lạ để kiếm ăn. Cũng không phải là bọn máu lạnh đến các xứ mới tìm cảm giác lạ. Chiều ông, chúng tổ chức cưới xin đằng hoàng tại quê vợ. Các ông bà thông gia vượt cả ngàn cây số tới gặp ông. Xem vậy cũng là chu đáo. Những đám cưới ít người, có những cái bánh ga-tô to tướng, chứ không ăn uống tầm thường như xứ sở lấy miếng ăn làm trọng, mùi nước mắm tẩm ướt áo cô dâu. Những chiếc phong bì, những lời chê trách. Nhưng khi chúng cưới xong rồi, ông lại thấy mình nguội ngất. Ông không thể bỏ được nỗi nhớ những đám đông ăn uống tưng bừng. Người mình phải là người mình thôi.

Ông vô vọng khi trong hai năm trời, hai đứa con ông xách va-li về hai xứ. Hay ho gì đâu. Nhưng chúng đều có cái vẻ của chim sổ lồng. Chúng chụp ảnh gửi cho cha, chúng đứng trong khung cảnh có tuyết, chúng nằm

trên bãi cỏ trong vườn xung quanh là đất sạch trời trong, không bụi bặm, không mùi thối rữa của rác, của mồ hôi tứ xứ sản sinh từ đám người như những vẩy bụi quần tụ lại một chỗ ở quê hương chúng. Chúng không còn hít thở cái không khí tạp nham ông hít thở hàng ngày nữa. Các con ông vốn không phải là những đứa ham hố tầm thường. Chúng chẳng ham gì nhà cao, ô-tô, kẹo cao-su... ông đã truyền cho chúng từ nhỏ cái sự phải chăng đối với tiền bạc, cái sự thanh thản nhẹ nhàng của người ta khi tự biết giới hạn của mình. Chúng chỉ yêu và chạy theo tình yêu. Và khi thoát khỏi bụi bặm tù túng, chúng cũng nhận ra rằng trời đất bao la sạch sẽ thực sự là thứ chúng cần.

Nhưng chúng đã giết chết ông khi chúng cùng với vợ chồng và con cái trở về, phá cái nhà cũ và loáng một cái xây cho ông cái nhà ba tầng. Vì vội để ra đi, chúng thuê mấy gã vẽ kiểu nhà thời thượng thiết kế nhà cho ông. Vài tháng sau, từ một thành phố phía Nam trở về, cái nhà làm ông đứng sững. Nó giống y hệt cái nhà của thằng cha kiện tướng làm phân xanh ở một vùng ông về công tác gần hai chục năm trước. Kiện tướng phân xanh từ xã lên huyện, từ huyện lên tỉnh, từ tỉnh về trung ương, rồi làm giám đốc công ty. Trớ trêu thay gã lại ở gần phố ông ở. Cái nhà của gã to gấp ba nhà của ông. Cửa, cầu thang, sân cổng, chớp nhọn trên mái, cột trắng ngoài ban-công... Một mớ tạp pí lù trông rõ là con nhúc đầu. Những cái nhà y như những cái nhà. Những chủ nhân y như chủ nhân. Chúng nó chặt dần đất bán đi, vor tiên ở những khoản trợ cấp từ nước ngoài, ăn hoa hồng

từ những vụ mua bán với những kẻ xa lạ, ăn hối lộ... chủ như thế thì nhà như thế. Còn ông, ông có vị trí gì trong cuộc đời này?

Hai thằng con rể nhún vai. Đứa con gái biết lỗi bảo ông:

- Thôi, bố ạ, đừng nghĩ ngợi. Nhà nào chả là nhà.

Ông bảo:

- Cha chả cần gì.

Đứa con thứ nhất nhắc cái điệp khúc quen thuộc:

- Bố đi với con sang bên kia.

Ông lắc đầu. Ông đã đi quá nhiều. Có lẽ lỗi là do ông đi nhiều. Ông đã dựa vào người em ruột, liệt sĩ thời chống Pháp để lý lịch của ông qua được cái cửa khẩu khó nhất, để hành nghề, để đi. Bao nhiêu những băng khuâng ở các phương trời xa lạ. Một lần ở hành lang khách sạn gần vùng Sibêri, một thiếu nữ làm quen với ông. Khi chia tay, nàng ghi cho ông cái địa chỉ bằng tiếng Nga. Quê nàng ở thượng nguồn sông Amua, phân chảy qua nước Nga vĩ đại. Cho đến bây giờ ông vẫn cảm thấy chông chênh khi nghĩ tới cái làng nào đấy ở bên sông Amua. Làm sao ông có thể đến được con sông ấy. Nó ở đâu, cái làng như hạt bụi trên vùng đất bao la? Sau chiến tranh, ông đi khắp nơi. Tận một hòn đảo xa tít ngoài Thái Bình Dương, ông cũng gặp người Việt. Trong một ngôi làng hẻo lánh ở gần rừng Amadôn, một người đàn ông đón xe của ông đi qua. Đôi mày liễu mắt đặc trưng của đồng bằng Bắc Bộ, đôi mắt nhỏ xếch như hai sợi chỉ trên gò má cao đỏ bầm... Một người Việt chính hiệu ra đi từ những năm năm mươi. Giọt nước

mắt của con người lưu lạc đó nhỏ vào bàn tay ông, khi ông nắm tay anh ta. Anh ta quên cả tiếng Việt rồi. Đằng sau anh ta là một người đàn bà da đỏ có hai gò má như tạc bằng đất sét. Ông thương những con người đơn lẻ phải thích nghi với xứ người. Nhưng một lần tới New York, vô tình ông rẽ ngoặt sang phía khác khi thấy mấy người Việt đi tới. Ông lúng túng không muốn đối thoại. Quả bom của chiến tranh đã làm nổ tung đất nước ông. Những con người tung toé khắp hành tinh, mang theo những hận thù, để lại nhiều nghi kỵ.

Bất hạnh thay một xứ sở trong đó người ta chẳng được ở yên một chỗ. Sinh con đẻ cái trong một mái nhà, già đi và chết trong mái nhà ấy, với những đồ vật "hai mươi năm vẫn chạy tốt!"

Ông nói với mấy đứa con cái ý nghĩ về mái nhà, về vùng đất. Hai đứa đều cười. Thượng đế sinh ra con người trên mặt đất. Cũng cây cỏ ấy, cũng mặt trời ấy. Ai muốn sống ở đâu thì sống. Tổ quốc là mặt trái đất này. Cha già rồi, cha nghĩ những điều cạn hẹp. Chúng con như cái áo phông, cái quần bò. Ở đâu có người, ở đó sống tốt. Lúc này cả trái đất đều mặc áo phông, quần bò. Biên giới sẽ chẳng còn ý nghĩa gì đâu cha.

Ông lặng thinh. Chúng nó có lý của chúng nó. Nhưng chúng nó đặt ông vào trào lưu áo phông, quần bò của chúng, chúng thực sự tàn nhẫn. Chúng đang giết ông khi chúng phá cái nhà cũ của ông, chúng xách va-li ra đi khi cái chết đang vỗ cánh trên đầu ông.

Ông ngủ lơ mơ trong cái giường đệm với những chồng gối cao xa lạ trong ngôi nhà mới. Một cái bóng

sượt qua mặt ông, có thực, không phải cảm giác. Và một tiếng rên đau đớn, ông nghe rõ.

Ông ngồi bật dậy bất giác kêu lên: "Chà ơi!" Nhưng tất cả lại tĩnh lặng.

*

* *

Đạo hai đứa con mới đi theo tình yêu, ông ở lại ngôi nhà một tầng cũ đến nỗi khi mưa lâu, mái ngói bốc lên mùi rêu ẩm ướt. Ông đi chơi với mấy người bạn già, ông về cái nhà rêu mốc thấy an tâm, ngồi uống nước trà đọc những cuốn sách đã cũ. Ông chờ đợi những đứa con trở về. Những con người đã chết, chủ nhân đích thực của ngôi nhà cũng thấy yên ổn khi ẩn nấp sau cửa bức bàn, sau cái tủ gỗ có từ đầu thế kỷ. Ông ở trong ngôi nhà, đêm đêm cảm thấy có nhiều đôi mắt âu yếm dõi theo. Ông sống với những linh hồn và chờ đợi...

Cái thời ông mặc chiếc quần soóc nhỏ xíu, cởi trần cùng thằng em trèo lên cây sấu trước cửa rung cành cho sấu chín rụng lộp bộp trên mái ngói, là thời người ta thấy có lý khi sinh ra đời. Cái thời thanh bình ấy chỉ là khoảnh khắc. Ông không hề thấy đời mình thanh bình. Lúc nào cũng có cái gì đó đập vào tai: tiếng còi hụ báo máy bay, tiếng bom xé màng tai, tiếng kêu gọi tản cư, kêu gọi lên đường, kêu gọi tẩy chay ai đó, tuyên dương ai đó, tiếng loa báo những chuyến tàu chạy ở nhà ga, tiếng mẹ ông giục: nhanh nhanh lên các con! Đời của một người Việt đầy ắp những âm thanh hối hả. Cuộc sống như chuyến tàu chợ, hành lý nhặt nhạnh tạm bợ,

mặt mũi bơ phờ. Chuyến tàu đôi khi dừng ở ga xép cho người ta xuống xả hơi tí chút. Trong cái ga xép ấy là một thoáng bình yên như không có thực. Người ta làm một mái nhà, trồng một vụ rau, cưới vợ cho con, có một đứa cháu, có một chút kỷ niệm... Rồi bỏ lại tất cả, lên một con tàu chạy không có chỗ dừng cố định. Nhưng lạ thay, ông thường quên hẳn cái tiếng rin rít của bánh xe nghiêng trên đường sắt số mệnh. Sự bình yên ít ỏi ở những ga xép sống mãnh liệt hơn sự hãi hùng.

Vào một buổi tối trong căn nhà có từ đời ông nội ông do sự kỳ lạ đã tồn tại được qua bao biến thiên, cha ông ngồi vào bàn trước và bảo anh em ông:

- Ăn cơm cho cậu còn đi có việc.

Bữa cơm có món canh cải nấu cá rô mà cha ưa thích mới bắt đầu thì có tiếng gõ cửa. Rồi hai người đàn ông ăn mặc dạ đen đội mũ nồi bước vào có vẻ như đã quen thuộc cửa ra nhà này.

- Mời ông đi theo chúng tôi.

Như chưa hết sửng sốt, cha ông đứng bật lên: "Có việc gì thế, các anh?"

- Ông cứ đi, rồi biết sau.

Cha ông hấp tấp làm bát canh đổ nghiêng, rót cả nước xuống cái quần ka-ki. Ông Lãng vội chạy đi lấy khăn lau cho cha, nhưng một người đàn ông bảo không cần! Cha ông lại mặc áo cầm cái mũ, rồi choàng lấy hai anh em ông, ôm ông nghẹt thở. Người cha có mùi canh cải nấu cá rô. Sau này ông mới hiểu thời điểm cha ông bị lôi ra khỏi nhà lúc ấy là lúc con tàu đang lao đi với

tốc độ dữ dội. Thành phố tranh tối tranh sáng suốt ngày chớp loé lên, những họng súng khạc lửa, những quả lựu đạn ném vào cửa hiệu. Mẹ ông suốt đời day dứt vì trong lúc hoảng sợ, bà không kịp hỏi ai đã đưa chồng bà đi. Một người đàn ông, không trật cái mũ nồi đen trên đầu, trông như người không có mắt đã nói:

- Đi một chút rồi về thôi.

Cả nhà cứ tưởng như vậy, rằng cha đi một chút.

*

* * *

Không bao giờ ông lại gặp cha nữa. Cái cách cha ông bị lôi ra khỏi nhà, không một chút trắc ẩn ấy, những năm tháng sau này ông hay nhìn thấy, hoặc nghe ở nơi này nơi kia có chuyện ấy. Sau cái sự bị lôi đi ấy là sự biến mất, như hòn sỏi mất tăm dưới ao bèo. Ai mất công vạch lớp bèo để mò viên sỏi. Đôi khi ông rùng mình lạnh toát tưởng tượng thân thể trần truồng của cha ở một xó tối nào đó. Những con chuột, con gián ăn tiệc một cách ồn ào trên lớp da đã nhão. Cha ông cố bơi cái nhìn trong bóng tối đen như hắc ín để tìm khuôn mặt người vợ. Lúc nào nghĩ đến đó ông cũng gục xuống nín thở. Cha ơi, cha ở đâu?

Mẹ ông héo mòn từ cái buổi tối ấy.

Ông nhớ ngày ấy có người bảo mẹ: Đưa các con về quê mà sống. Mẹ lắc đầu, mắt ráo hoảnh như hai hòn than: Tôi chờ anh ấy! Tiếng súng của các phe bắn nhau hỗn loạn trong thành phố, mẹ ngồi lì trong nhà bảo:

- Các con ra hầm đi. Mợ ngồi đây chờ cậu.

Ông đeo ba-lô lên đôi vai 16 tuổi, rút theo đoàn quân ra khỏi thành phố trong cái mùa đông hào hùng của đời người. Ông chạy qua ngôi nhà có mái ngói đen thẫm, chạy lên bậc tam cấp phủ đầy rêu, chạy vào căn phòng giữa nhà rộng mênh mông: Mợ ơi, đi với con, nếu không tối nay mợ đi cùng gia đình dì Hảo lên Phú Thọ, con sẽ tìm về với mợ.

Mẹ ông xót xa khóc:

- Thôi, con đi đi. Mợ ở lại. Chờ cậu con.

Trong thành phố đầy lính lê-dương Pháp, mẹ ông sống là để chờ đợi. Em trai ông ném lựu đạn vào xe nhà binh Pháp. Cậu chết khi chưa đến tuổi thành niên, cái chết của cậu là tấm giấy thông hành cho ông đi trên con tàu rầm rập, không bị phiền phức khi dừng chân ở ga xếp.

Con đường qua đèo ở một vùng Tây Bắc đẹp như bức tranh khổng lồ, có vài con ngựa đang đứng đỉnh lên dốc, có ánh mặt trời chiều tắt dần, có bóng áo chàm của một người trẻ tuổi nào đấy vai mang súng kíp. Ông nhớ con đeo đó trong mớ hỗn loạn ký ức, vì đứng ở đó trong buổi chiều năm ấy, ông bất chợt ngửi thấy mùi canh cải nấu cá rô. Và bất chợt như có cái gì vỗ cánh nhẹ nhưng sắc sượt qua tai ông và vang vọng trong ánh mặt trời đang tắt là tiếng của cha ông: "Cha đi đây, con ạ!"

Ông nghiêng tai để nghe lại cái tiếng kỳ lạ ấy, nhưng tất cả đã trở lại bình thường.

- Cha ơi!

Ông thét lên, một mình, và hoang vắng tràn ngập

tim ông. Ông cảm thấy đó là lời từ biệt của cha, lời báo tin trong không trung sâu thẳm.

Chín năm. Trở về dưới một rừng cò hoa, ông có cả huân chương trên ngực. Ông vừa mang súng vừa mang máy ảnh. Ông đã là nhà báo của trung đoàn. Mẹ ông không đi đón ông trong đám đông. Mái tóc bà không những bạc trắng, nó còn ánh lên như những sợi cước bắt nắng. Mẹ ông chờ ông ở cửa ngôi nhà rêu phong trên mái, bây giờ vẻ hoang lạnh còn làm cho bức tường phía trước đen thẫm lại. Lời đầu tiên sau chín năm xa cách:

- Có gặp cậu không, con?

Ông nhớ cái tiếng vỗ cánh nhẹ qua tai ông mấy năm về trước. Lúc này nhìn thấy vẻ bình lặng của mẹ, ông càng tin cha đã chết. Mẹ không còn khổ sở, không còn nôn nóng. Mẹ êm ru như cái bóng trong chờ đợi. Chính cái vẻ đó càng làm ông tin cha ông, từ thế giới nào đó đêm đêm vẫn trở về an ủi người vợ đau khổ.

Ông về một tờ báo làm phóng viên ảnh. Những bức ảnh có thời chỉ là ảnh. Đôi khi trong chú thích ảnh, ông chưa vài lời lẽ chẳng thường tình. Trưởng ban, con người cũ kỹ mang trên vai lỗi lầm, luôn thu mình cho nhỏ lại trước sóng to gió lớn, nhỏ nhẹ bảo ông:

- Cậu cứ chụp ảnh thôi, ai cho cậu nói sàm nói bậy!

*
* *

Đã gần đến giờ Ngọ. Ngoài bức tường mảnh chai dây thép kia, một đời sống có vẻ ghê gớm nhưng nghèo

nàn về mọi mặt, và vẫn trên con tàu chưa tìm được bến đỗ, có giọng nói trẻ con trong vất cất lên:

- Bố ơi, về ăn cơm!

Ông Lăng mở mắt nhìn bát cháo đã có ruồi đến bâu xung quanh thành bát. Cậu ơi, ra xơi cơm! Trẻ con thời ấy thừa gửi, hoàn toàn thiếu tự tin dưới bóng dáng che chở của cha, dường như ra khỏi vòng tay cha là loạng choạng. Mỗi buổi chiều em ông vẫn cất tiếng trong vất gọi cha: Cậu ra xơi cơm.

Ông thấy mắt cay như có bụi rơi vào. Ông đứng lên vào sau cái bàn ông vẫn ngồi đọc sách, nơi có ảnh của cha ông. Một mùi vị quen thuộc, cái mùi ngai ngái của thuốc lá cộng với mồ hôi quần quện trong không gian. Có ai đó vỗ nhẹ vai ông. Ông cảm thấy bàn tay ấy có thực, không do tưởng tượng. Và ông thấy mình tí xiu. Ông bật khóc:

- Cha ơi, sao cha không cứu con... Con có còn ai đâu?

Dường như có ai đó nghe lời ông nói. Dường như bàn tay nào đó lại để lên vai. Ông Lăng trở ra, ngồi vào cái ghế để trước bàn có bát cháo. Ông biết mình vừa gặp cha. Cha ông không có chỗ yên ấm trong ngôi nhà xây như mọi ngôi nhà, trong thành phố đầy rẫy bọn ăn cắp, ăn cướp, bọn học làm sang trên xương máu đồng loại.

Hai đứa con gái ông thực sự giết ông khi chúng ấn vào đời ông, cái mảnh đời còn lại, ngôi nhà sặc sỡ kiểu cách kỳ quặc, không mang một chút cá tính, không hề có hơi hướng con người. Chúng rả tiền lo cho ông. Tiền có mua được tất cả đâu! Chúng cũng biết thế, nhưng tình yêu đã làm chúng không cảm thấy cô đơn là cái

chết rất nhanh đến với cha. Ngày nào cũng có một người đàn bà đến giặt giũ, lau nhà, tưới cây, trò chuyện cùng ông. Bà lão con cháu đầy nhà, nhưng ngày xưa có quen mẹ ông, là thứ bạn vong niên hơn kém hai chục tuổi. Bà vẫn còn khoẻ mạnh, vô cùng sạch sẽ, xem ông như ông em trai trái tính. Thỉnh thoảng bà quát tháo âm âm, lôi ông ra khỏi cái giấc mơ triền miên, ra khỏi nỗi cô quạnh kéo ông chìm xuống. Những người bạn già hay đến uống trà với ông, đọc sách cùng ông, và bà lão giúp việc không để ông ngủ quên... tất cả sẽ hay ho ấm áp lắm, nếu không bị bật sang cái biệt thự gồm ghiếc này. Ông biết rằng mình đã mất sự che chở của cha mẹ. Những linh hồn sợ hãi chỉ dám đáp xuống với ông những khi ông tuyệt vọng.

Mẹ ông sống lâu. Cụ chăm hai đứa con ông suốt trong thời kỳ hào hùng khác, khi ông vác máy ảnh quanh năm suốt tháng ở đồng ruộng, ở chiến hào. Vợ ông theo ca trong nhà máy. Vợ ông gây guộc đi vì bao nhiêu thứ tốt được quàng lên con người bà: phụ nữ 3 đảm đang, đoàn viên 4 tốt, phụ nữ 5 tốt, gia đình 5 tốt... Đứa con gái ông khi mới đánh vần đã cộng danh hiệu cho mẹ, reo lên: có những 30 tốt.

Thời kỳ ấy, chỉ có một quả trứng gà, mẹ ông chưng mặn lên bồi dưỡng cho hai đứa nhỏ. Cụ giữ gìn từng ô phiếu nhỏ bằng hạt ngô, sáng sáng lục cục đem xô xếp hàng ở máy nước. Khi ông đi công tác về, thể nào cụ cũng dành dụm vài lạng thịt gói cho ông cái chả lá dầu. Không bao giờ cụ cho vợ chồng con cái ông ăn món canh cải nấu cá rô. Cũng chẳng bao giờ nhắc tới cái món ấy...

Vào năm Hà Nội vừa qua những trận bom B52, con tàu nép vào một ga xép tạm bợ, tiếng súng im trên miền Bắc, mẹ ông lặng lẽ cả ngày không nói. Khuôn mặt một thời đẹp quý phái của cụ, vào ngày đó bỗng như giãn hết nếp nhăn. Buổi tối có điện, sau cả một tuần sợi tóc bóng đèn chỉ loé lên rồi tắt, có tiếng cười vui của trẻ vì vợ ông mới mua cho mỗi đứa một cái quần hoa, theo tiêu chuẩn lao động tiên tiến, mẹ ông gọi ông lại gần cái giường trước kia ông nằm:

- Khi nào cậu về thì nhớ nấu nước hương nhu cho cậu tắm. Kiểm gạo tám thổi cho cậu bát cơm, rồi bảo mẹ nó luộc con cá rô, tước thịt ra, xào lên, hãy cho vào rau cải làm canh. Nhớ cho gừng, con nhá.

Trán cụ mát lạnh. Cụ nằm thẳng, nhìn lên mái ngói không trần, mỉm cười với ai đó. Ông cũng nhìn theo mẹ, giữa những hàng ngói cổ xưa, có tiếng gì đó xào xạc như tiếng gió, tiếng gọi. Ông bất giác xin cha: Cậu về đi, đừng làm mợ chờ mãi. Mợ vẫn chờ cậu đấy!

Đến gần sáng, ông sang giường mẹ thì cụ đã mất. Không một tiếng vật tay, không tiếng kêu. Cụ đi theo cái cánh võ nhẹ ông gặp trên đôi thời chống Pháp.

Mẹ ông chết và vẫn ân hận vì không cho chồng ăn kịp bát canh cải cá rô.

*

* *

Đời ông có bao nhiêu khoảnh khắc đẹp, lúc này ông nhớ rõ. Vào những năm 60, trong những nhà báo tháp

từng một đoàn đại biểu ra nước ngoài, ông đã chụp ảnh đoàn thiếu nhi da trắng chạy ào từ dưới sân vận động lên khán đài, tặng hoa cho những người Việt ưu tú. Ông đã rơi nước mắt vì tự hào, vì xúc động. Hoặc trong một buổi tuần hành chống chiến tranh, một người đàn bà da trắng ôm chầm lấy ông oà khóc: Việt Nam. Đã có những hạnh phúc, cũng có tuyệt vọng. Khi đoàn tàu đã có thể dừng chân ở ga xép, ông nhìn thấy trên sân ga một biển người xám ngoét và hung hãn vì đói vì thất vọng. Ông ngồi trong xó nhà không điện, tối om, những hạt bo bo trệu trạo trong miệng. Những quả bồ hòn thay xà-phòng, thuốc đánh răng ở dạng bột lọt cả vào họng. Mười năm sau chiến tranh, bóng tối phủ đầy. Những ngày đó sao vẫn có thể sống, nhai bo bo, xếp hàng mua bìa đậu, và mơ tới một lúc nào đó thoát khỏi bóng tối. Vì sao lúc đó sống được. Còn bây giờ, cái chết lại đến. Có lẽ vì ngôi nhà mà những đứa con vô tình đã đẩy ông vào cái lớp người ông căm ghét. Những kẻ bất nhân sẵn sàng ăn thịt đồng loại, kinh khủng nhất là chúng đi trên cùng một chuyến tàu với ông và đoàn tàu cứ đi...

Ngày đêm bên tai ông vang lên cái tiếng xình xịch như là bất tận, như số mệnh, như không dừng. Đoàn tàu chạy như diên xuyên qua đêm tối, qua ánh sáng. Ông không thể nhận biết ai trong số người thân thiết bị hất ra khỏi toa tàu. Và cả những ai bị dè nát dưới bánh sắt. Con tàu cần phải đến ga, nó chẳng tính đến những hạt bụi. Cha chỉ là cái số lẻ cuối cùng trong nhóm số lẻ, trong dãy số triệu. Chẳng có nghĩa gì với người khác.

Ông không được như mẹ ông. Bà chờ đợi lâu đến

thế, dai dẳng đến thế, người đàn ông đã bị mất hút trong đoàn tàu chạy vùn vụt. Người đàn ông của bà. Còn ông, ông không thể chờ đợi những đứa con trở về. Ông không còn hy vọng nữa. Ai chờ đợi được trong cái biệt thự này...

*

* . *

Khoảng cuối chiều, bà lão vẫn quét dọn cho ông Lãng đẩy cửa bước và ngồi biệt thự. Ông Lãng ngoẹo đầu trong chiếc ghế bành. Cái bàn bên cạnh có đủ 3 bát thức ăn mà bà dọn những người bán rong đưa đến, vì hôm nay bà phải đi vắng: bát cháo, bát bánh đa, bát cơm. Tất cả đã nguội tanh nguội ngắt. Ông Lãng! Bà lắc hai cái vai gầy như sợi dây của người đàn ông. Không có tiếng động. Bà lão không hoảng sợ. Bà gọi mấy người hàng xóm thân thiết nhau từ khi còn ngôi nhà cổ. Họ hấp tấp chạy sang. Bà lão vẫn đứng cạnh người đàn ông đã chết. Trong thâm tâm, bà cũng muốn con người cô độc này đừng như cái bóng, đừng nữa, trong ngôi nhà to lớn nhớ nhằng.

Ông bác sĩ cùng phở, người cùng trung đoàn với ông Lãng nhiều năm, nghe xong tim cho bạn, ông đứng thẳng người và ngả cái mũ quả dưa, như những người thời cha ông vẫn làm khi có một linh hồn vừa rời cái thể xác.

Ông ấy cũng mới đi thôi. Còn mềm ấm mà. Đi êm nhẹ y như bà cụ.

- Người thiện chết cũng nhẹ tênh thật.

• Một gã có vẻ đại ca của phố, tóc húi trọc, ngực xăm xanh lè, lại gần ông Lăng lay ông ba lay. Quay qua mấy người già, gã tỉnh táo sắp xếp:

- Điện cho cơ quan cũ họ đưa gửi nhà lạnh. Rồi bảo họ gọi bọn con gái về. Mấy đứa con gái vô nhân đạo để cha lọ mọ một mình, đi đú đờn với bọn mũi lõ mắt xanh. Tôi nói cho mà biết nhá, con cái tôi mắc tội ấy, tôi cứ lăng trì.

Ông bác sĩ lặng im nhìn khuôn mặt người bạn cùng trung đoàn. Bỗng dưng ông nhớ cái ngày giữa mùa mưa năm bốn bảy. Có 3 người lính trinh sát hy sinh. Phải mai táng họ, rồi đơn vị cần đi gấp. Ông và ông Lăng, hai người biết thổi kèn đồng trong đơn vị được gọi đến bên cái huyết chung. Mưa xối xả. Ba người lính trinh sát được liệm trong tấm dù hoa. Ông Lăng đứng bên này huyết, ông đứng bên kia huyết, cố vuốt nước mưa trên mặt để thổi bài: "Hồn tử sĩ". Tiếng kèn không át nổi tiếng mưa, nhưng nhiều người lính đang cất tiếng hát tiễn biệt, nước mắt hoà nước mưa. Người sĩ quan chịu trách nhiệm chôn cất tử sĩ nói to với những người không thi hài:

- Cho các cậu ấy xuống đi. Nhanh lên, mưa lúc nữa huyết đầy nước không làm gì được bây giờ.

Không chờ hết bài "Hồn tử sĩ" nước đã dềnh lên. Người ta phải thay nhau dùng mũ sắt múc nước trong huyết đổ lên, múc mau tay để nước không thể dềnh lên kịp. Bài "Hồn tử sĩ" ông đã nghe, đã thổi nhiều lần, nhưng hôm đó ông không ngờ nó lại làm xúc động lòng

mình đến thế. Ông khóc nức nở trong tiếng mưa rào sầm sập, vuốt nước mưa trên mặt, thổi, khóc... Sau cùng tử sĩ đã mai táng xong. Đất được khiêng đến để nấm mộ có thể vươn lên trên nước.

Ngày hôm đó, ông Lăng khoác ba-lô đi trước ông. Ông nhớ ông Lăng cũng khóc khô cổ họng. Một ngày thật bi hùng của chiến tranh.

- Thôi nhé, bạn ơi!

10 - 1997

BỨC TRANH CÒN VẼ

Cô gái bước vào gian hàng bán đồ mỹ nghệ ở phố Tràng Tiền với một vẻ yếu điệu giống như một cô sinh viên, con gái một vị tổng giám đốc công ty nào đó. Nhưng thực ra cô không phải là sinh viên, bố mẹ cô đều đã mất và trong túi cô chẳng rủng rỉnh tiền để mua bất cứ cái gì trong tủ kính kia.

Không mua được thì cô xin được nhìn, được ngắm. Kìa, bức tranh "*Trăng trên vịnh biển*" sao trông dịu dàng thanh thản thế.

- E, hèm...

Cô ngửi thấy mùi thuốc lá và một người đàn ông gây gò trạc 40, 50 tuổi nhìn cô chòng chọc.

- Cô thích bức tranh này nhà? - Ông ta bắt chuyện.

- Không phải thích đâu ạ, mà là tự nhiên muốn nhìn thôi. - Cô gái đáp trống không. Thói quen đó để lộ ra rằng, từ thuở bé cô đã bị bỏ rơi, ít được dạy bảo lời ăn tiếng nói.

Người đàn ông tỏ ra khó chịu:

- Năm nay cô bao nhiêu tuổi?

Cô gái cũng thấy thế nào ấy, vừa mới gặp mà đã hỏi

tuổi. Ông này làm việc ở cơ quan "dịch vụ xin việc làm" chẳng? Chẳng lẽ muốn nhìn ngắm những tác phẩm nghệ thuật cũng phải xét tuổi?

- Thưa ông, tôi 180 tuổi rồi. - Cô gái đỏ mặt. Chính cô cũng không hiểu được mình lúc ấy. Cô đã nói tức vô cớ với một người lạ. Tự biết mình là vô ý lắm, nhưng cô không khác gì cái ấm nước sôi, cứ phì hơi đến bật vung ra.

Người đàn ông nhìn cô như một nhà thôi miên.

- Hay lắm. Đúng là cô đã từng trải hơn một thế kỷ rồi. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một nét mặt vừa trong sáng lại vừa bi thảm như nét mặt của cô. Có lẽ cô đã được sinh ra trong một nỗi buồn. Hay sự bất hạnh đã đến với cô quá sớm, từ lúc cô lên mười, hay từ lúc cô lên năm, hay từ khi mới đẻ? Xin tự giới thiệu với cô, tôi là một họa sĩ. Chính tôi đã vẽ bức tranh cô đang xem. Và hôm nay, thoát nhìn thấy cô, tôi đã nảy ra một ý định, tôi muốn vẽ cô.

Cô gái cảm thấy bối rối. Một. Trán hâm hấp nóng. Cô hỏi lại:

- Thưa bác... bác có nhầm cháu với ai không ạ?

- Không! Tôi không nhầm! Không hề! Ngay bây giờ, ngay lúc này, bỗng nhiên tôi khao khát sáng tạo bằng được một nỗi buồn sâu thẳm thẳm trong một đôi mắt còn rất ngây thơ.

Trong giây lát, cô thấy ngàn vạn đom đóm nảy hoa. Một cảm giác cồn cào gay gắt trong người cô. Cô đói. Từ sáng đến giờ, một bát cơm nguội đã tiêu tan mất rồi. Mẹ cô mới mất nửa năm nay... "Sẩy mẹ liếm lá đầu chợ". Cô

thì chưa đến nỗi "liếm lá", nhưng việc làm thì chưa xin được. Chưa có kế sinh nhai.

Ông họa sĩ đứng trước mặt cô, người hơi tựa vào cái cột đá đen bóng lộn giữa gian hàng. Miệng ông ngậm điều thuốc lá đang cháy dở trễ xuống bên khóe môi. Cặp mắt ông mờ tối như không nom rõ cái gì trước mặt, mà chỉ nghĩ tới chuyện đâu đâu, xa lơ xa lắc, không biết thuộc về quá khứ hay thuộc về tương lai. Trông ông ta lúc đó đáng thương xót như một kẻ cùng đường đến gõ cửa nhà ai: "Xin cô rủ lòng thương..."

- Thưa bác, cháu có thể giúp bác được việc gì?

- Cháu sẽ làm mẫu cho bác vẽ.

Chẳng lẽ lúc ấy cô lại bỏ chạy. Để người ta bảo cô là kiêu, là điệu, là đồng đánh, là dài, là rỏm, là ngu...

Ông họa sĩ là một người từng trải. Sự im lặng khiến ông ta hiểu nhanh chóng hơn mọi lời nói vòng vèo. Ông rút khăn mùi-soa lau mồ hôi trán. Và, khi ông nhắc chiếc khăn ra khỏi khuôn mặt, thì cô gái thấy ở ánh mắt ông rực lên một vẻ tò mò gay gắt như một ngọn lửa không dễ gì dập tắt được.

Lúc ấy, tính liều đã vượt ra khỏi nỗi e thẹn, cô gái bảo:

- Thưa bác, nếu bác cho cháu được ở trong một quang cảnh rộng rãi, ví dụ như ở bên một hồ nước, một vườn cây, thì chắc cháu sẽ được tự nhiên hơn là ở trong một căn phòng.

Vẻ mặt ông họa sĩ bỗng tươi lên, rạng rỡ và một sắc hồng ánh lên đôi má gầy của ông ta.

- Thế thì cảm ơn cô nhiều lắm.

Và khi ấy, ánh nắng của một ngày thu quá rực rỡ, bên gốc cây phượng sà xuống mặt hồ, cô ta ngồi như đã quên hết không khí ngoài đường phố.

Nước hồ đang dâng lên sát bờ cỏ, tiếng nước róc rách lành lạnh vỗ nhẹ bên tai. Từ phía cây đa cổ thụ, những cái lá đã khô bay như cái thuyền nhỏ đậu xuống nước. Những gợn sóng dưới chân cầu Thê Húc bỗng nổi lên cuộn cuộn và bóng Tháp Rùa nghiêng ngả, tưởng như có tiếng động của chân một con rùa bò trong bùn ngoi lên hỏi:

- Con là con gái nhà ai?

Những tiếng ấy không phải là những tiếng sấm, mà chỉ là tiếng rì rào vắng vắng trong tiếng hồ vỗ bờ ọc ách. Và cô cũng thì thầm trả lời lại:

- Dạ, thưa con là con gái Bắc Hà.

Lúc ấy có tiếng gió rít và lá khô bay ào ào như mưa. Có ai gọi cô trong gió:

- Này, cô bé! Cô biến đi đâu mất rồi!

Cô im lặng và thu mình lại trốn sau một gốc cây to. Thú vị như một trò chơi và lắng nghe câu: "Tha về cho ăn cơm với cá".

Phía bên kia, người họa sĩ ngồi trầm ngâm bên giá vẽ. Ông lại hút thuốc lá, vẽ mặt kiên nhẫn đến đáng kính nể. Cô gái chui ra từ chỗ trốn và đi về phía sau lưng ông. Trên giấy, những đường nét phác thảo đã hiện lên, chìm chìm, nổi nổi, chỉ có chì đen và chì đen trông như là một mớ bông bong, một đám tóc rối.

Hàng cây thưa thớt không đủ che rợp đầu hai con người, thế nhưng họ vẫn ngồi đấy, trên bãi cỏ. Mặt ông họa sĩ tái nhợt, mồ hôi đọng từng giọt, chắc ông ta mệt đến cực độ.

Cô gái nói nhẹ nhàng:

- Bác vẽ cháu giống đấy. Trông rất rõ đại.

- Rõ đại.

- Vâng. Cháu đang chán lắm.

- Chán cái gì?

- Chán về những việc đã xảy ra. Hình như cháu đã có những việc làm không đúng. Hình như là trong đầu óc của cháu có cái gì đó sai! Cháu đã ứng xử lầm lẫn rất nhiều. Nhiều người ghét cháu lắm.

- Cháu cứ nói đi.

- Bác có thể nghe được à? Chắc là bác rất bận. Bác đang bận đây này.

- Phải rồi, chúng ta đều đang bận. Nhưng, ai cũng chỉ có một lần mười tám tuổi thôi, em ạ. - Đột nhiên ông họa sĩ thay đổi cách xưng hô và cùng lúc đó giọng của ông cũng khác hẳn. - Nếu cái khoảnh khắc này trôi đi, tức là ta chẳng còn gì nữa. Ngay bây giờ, anh phải ghi lại hình ảnh của em. Sẽ không bao giờ còn buổi sáng tươi mát này nữa. Sẽ không bao giờ còn những câu chuyện vô tình em nói với anh hôm nay nữa. Nào, em hãy ngồi yên đấy. Anh sẽ không làm phiền em đâu. Không hề một mảy may. Xong rồi, anh sẽ đưa em về với mẹ. Ngồi đấy, gần những luống hoa ấy. Cứ ngồi tự nhiên thế nhé!

Hoa cúc vàng nở rộ rõ, tưởng như khi nhìn, người ta bỗng thấy chói mắt, bỗng thấy ngạc nhiên bằng hoàng như cả đời mới trông thấy hoa lần đầu.

- Ô kìa!

Đầu người họa sĩ gục xuống. Ngọn bút rời khỏi tay. Cô gái chạy vội đến đỡ ông dậy. Mặt ông nhợt nhạt như đã kiệt máu...

Lát sau, cô dìu ông ta đi. Nhìn những bước đi của ông, cô gái thấy rõ ông là người đã phải chịu vất vả khó nhọc nhiều... Tưởng như ông đang trèo núi.

"Phở, bò gà". Mấy chữ đó đập vào mắt hai người. Một luồng hơi nước bốc lên như một đám mây bao quanh một tảng thịt bò viên mỡ vàng treo lủng lẳng bên cạnh một chùm ớt đỏ chói.

- Ăn phở? - Ông họa sĩ hỏi, vẻ mặt lúng túng ngượng ngùng như người có lỗi.

Ngay lúc đó, cô gái đã đoán ra tất cả. Bằng những suy nghĩ của một người sớm phải tự lập vào đời, cô đã hiểu.

Có gì đâu, ông này vào cửa hàng để xem người ta có mua tranh mình không. Hóa ra tranh của ông không bán được. Bỗng đâu lại gặp một "cảm hứng sáng tạo" là mình, ông ta bỗng lao vào một cuộc phiêu lưu, một là thiên tài vớ bạc triệu, hai là tâm thần đi Trâu Quỷ.

- Thưa bác vâng, cháu nghĩ rằng đã đến lúc bác cần nghỉ ngơi.

Cô gái trẻ bình tĩnh gọi hai bát phở ngon lành. Cô bỗng thấy mình sang trọng lịch sử hẳn lên, khác hẳn

tâm trạng sáng nay, đi lang thang trên vỉa hè, mặt đỏ bừng, mắt sáng rực, như một con chó hoang. Mình tươm tất lắm, vẫn có áo sơ-mi màu hoa cà để mặc, lại đôi dép thời trang, cái mũ vải trắng nồn nữa chứ...

Khi ông họa sĩ đã ăn xong, cô lại hỏi:

- Bác có muốn ăn nữa không?

- Đủ rồi, cháu ạ. Chưa bao giờ bác được ăn ngon như hôm nay, nhưng ăn nữa thì xin chịu.

Cô gái trả tiền và họ cùng bước ra vỉa hè. Đường phố ồn ào nhộn nhịp, người người đi đi lại lại vừa có vẻ tất bật lo toan, lại vừa có vẻ cười cợt coi thường tất cả.

Ông họa sĩ hỏi:

- Bây giờ cháu có mơ ước gì không?

Cô gái trả lời;

- Cháu chỉ mong có một việc làm, một việc làm lương thiện để không phải kiếm ăn bằng cách xấu xa...

Ông họa sĩ đứng ôm chặt bản vẽ trước ngực, ngây dại tưởng như bản vẽ đó có thể bay mất.

- Thôi, tạm biệt bác nhé! Chúc tác phẩm của bác thành công!

Cô gái chạy đi, như một cái lá bay vèo. Cô nhảy lên xe điện. Hai mắt nhìn mà rung rung nhòe lệ. Cô đã tiêu hết mấy đồng bạc cuối cùng của mình.

Ngày mai, cô sẽ lại đi xin việc làm. Biết đâu đấy cô sẽ kiếm được một việc làm thú vị, bởi vì biết đâu đấy cô sẽ gặp may.

Tháng 11 - 1990

MẶT TRĂNG PHÍA KHÁC

"Không hiểu tại sao, từ trước đến nay và có thể là mãi mãi, phụ nữ vẫn thường yêu lầm người!"

(Simone De Beauvoir).

Thỉnh thoảng lại có tiếng chim hót ngoài dậu cây. Mỗi lần như vậy, ba tôi lại ngưng công việc đang làm và thân thờ nhìn ra cửa sổ. Không cần suy nghĩ nhiều, tôi biết ông đang nhớ người đàn bà đó, người mà cách đây ba mươi năm đã bị ông ruồng bỏ.

Năm đó tôi mười sáu tuổi và mối tình của cha tôi với người đàn bà không phải là mẹ tôi đã kéo dài mười hai năm. Một thời gian chẳng ngăn ngại gì. Có lẽ mối tình ấy sẽ bền vững đến khi ông nhắm mắt, nếu như mẹ tôi không phải là người phụ nữ kiên trì trong cuộc đấu tranh giành quyền sở hữu thứ tài sản được pháp luật công nhận - người chồng - mặc dù bản thân thứ tài sản ấy nhiều khi muốn vượt thoát khỏi vòng kiềm tỏa.

Ba tôi yêu người đàn bà đó bằng một tình yêu điên cuồng, công khai, khiến mẹ tôi nổi cơn tự ái và quyết tâm giữ chặt ông bằng bất cứ giá nào. Trong mười hai năm, bà đã làm đủ mọi cách, từ đàng hoàng cho đến dè

tiện, thủ đoạn nào bà cũng nhúng tay. Tuổi thơ của tôi đã trôi qua trong những cuộc chiến lúc thì nóng bỏng, lúc thì lạnh buốt của hai ông bà, và tất nhiên tôi là tác nhân vô cùng quan trọng để định đoạt cuộc chiến ấy.

Bởi vì ba tôi yêu thương tôi hết mực.

Từ khi mẹ tôi khám phá ra mối tình bất chính của ba tôi, bà đã dắt tôi đi khỏi nhà ít nhất mỗi năm một hai lần. Ấy là những lần bà yêu sách ba tôi hoặc phải bỏ người đàn bà kia, hoặc phải chấp nhận mất đứa con mà ông yêu thương nhất. Ba tôi quả là người đàn ông tài giỏi, chẳng hiểu ông làm cách nào mà sau đó vài ngày, mẹ tôi lại nhu thuận trở về, lại ngọt ngào, mềm mỏng với ba tôi như chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Khối óc non nớt của tôi bấy giờ còn nhận ra rằng sau mỗi lần mẹ tôi dẫn tôi đi và dẫn tôi về như vậy, tình cảm của ba tôi dành cho mẹ tôi cũng đậm đà hơn trước, ông chiều chuộng bà, nghe theo mọi đòi hỏi của bà, nhún nhường bà đủ thứ. Mẹ tôi vui ra mặt. Bà tin chắc trong lòng ông, vị trí của bà không ai thay thế nổi.

Ba tôi yên lặng trong niềm tin của mẹ tôi. Và tôi, đứa con gái duy nhất của hai ông bà, lúc bấy giờ chỉ mới vừa mười tuổi, có những lúc mơ hồ lại tưởng mình đã quá hai mươi. Tôi nửa trẻ, nửa già, nửa ngây thơ, nửa nanh nọc. Khi mẹ tôi khóc kể, tôi tin có một mục đàn bà đáng khinh, đáng ghét, một mục phù thủy muốn cướp cả hồn lẫn xác của ba tôi, muốn mẹ con tôi chết để bà ta vui hưởng hạnh phúc - mà lúc đó nào tôi có hiểu hạnh phúc nghĩa là gì đâu. Tôi tuân theo những cơn sốt ghen tuông của mẹ tôi, rồi thấy mình cũng quay quắt y như

mẹ. Tôi cũng lao vào cắn xé ba tôi và sẵn sàng bỏ đi với mẹ mỗi lúc bà cần. Ngón đòn này, ba tôi sợ nhất và lần nào cũng vậy, mẹ tôi dắt tôi đi bữa trước thì bữa sau ba tôi lại cạy cục đi tìm và nài nỉ mẹ tôi trở lại.

Giống như một trò chơi cũ kỹ mà tác dụng đầy hiệu lực, thỉnh thoảng mẹ tôi lại tái diễn một lần, nhất là những khi ba tôi có vẻ hững hờ lạnh nhạt. Tất nhiên ba tôi lại giật mình chính đốn mọi tư tưởng và lại âu yếm ngọt ngào đón rước mẹ tôi như ý bà đã định. Hôm sau trong căn nhà đoàn tụ, một bữa cơm ấm cúng lại xuất hiện, sau đó khi tôi ngồi vào bàn học thì nơi phòng khách, mẹ tôi cũng dựa vào ba tôi để cùng xem tin tức, thưởng thức một chương trình sân khấu hay ca nhạc gì đó trên ti-vi trong tiếng cười rúc rích đầy mãn nguyện.

Bản thân tôi, đi theo mẹ hoài cũng chán, nhất là những chuyến đi như vậy luôn ảnh hưởng tới việc học của tôi. Cho nên có một lần khi mẹ kêu thu xếp quần áo để đi, tôi đã vùng vằng cãi lại. Mẹ tôi sững sờ nhìn tôi rồi ngồi thụp xuống khóc rấm rứt. Bà nói rằng nếu ba tôi cứ theo "con quỷ cái" kia mãi, thì tương lai tôi chắc sẽ ở đầu đường xó chợ, chấm dứt luôn chuyện học hành, chớ nói gì tới gián đoạn một hai buổi như bây giờ. Thế là tôi lại xuôi xị đi theo mẹ, nhưng trong lòng tôi, nỗi oán hận "con mẹ phù thủy kia" ngày càng dâng lên ngùn ngụt.

Và thế là trong một lần, khi trò chơi khủng bố đã chà nóng hạnh phúc gia đình của mẹ tôi tái diễn, tôi đã phát điên lên vì giận dữ. Trong khi mẹ tôi khóc kể, oán trách thì tôi nhìn ba tôi trừng trừng. Thế rồi tôi bắt đầu

gào hét, đập phá. Tôi ném tất cả các thứ trong tầm tay về phía ba tôi, miệng tuôn ra những lời chửi bới "con đàn bà phù thủy" Mẹ tôi chắc hẳn cũng sợ vì thái độ của tôi nên đã ngưng khóc kể và từ từ, trên môi bà thoáng hiện một nụ cười đầy ý nghĩa. Bà lập tức xông vào ba tôi - lúc bấy giờ cũng cũng sợ chết lặng - ghì lấy ve áo của ông và gào lên: - "Ông giết con rồi, ông giết con rồi!" Bà lảo ra đất giãy giụa, miệng ngáp ngáp như hụt hơi, còn tôi vẫn tiếp tục ném, tiếp tục ném...

Vậy là hạnh phúc đã trở về dưới mái nhà của chúng tôi. Ba tôi không còn đi sớm về khuya nữa. Ông đảm trách luôn việc đưa rước tôi tới trường. Các bữa cơm gia đình đông vui hơn. Mẹ tôi luôn mời một ai đó đến tham dự để cho họ thấy cảnh ba tôi chăm sóc vợ con chu đáo hơn bao giờ hết. Ngày nghỉ cuối tuần, mẹ tôi chỉ cần yêu cầu một cách nhẹ nhàng là ba tôi sẵn sàng đưa bà và tôi đi du ngoạn, đi nghỉ mát một cách thoải mái. Trong tâm hồn một đứa nhỏ mười hai tuổi là tôi lúc bấy giờ, tình cảnh ấy thật là dễ chịu.

Nhưng tính tình của ba tôi trở nên trầm lắng hơn thì phải. Tóc ông bắt đầu có những sợi bạc và đôi mày ông luôn chau lại mỗi khi chỉ có một mình. Ông lại còn có thêm một thói quen là uống rượu trong các bữa ăn và trước khi đi ngủ. Ban đầu chỉ để "dễ tiêu hóa, dễ ngủ", sau thì không cần lý do gì, hễ rồi rảnh là ông uống, miệt mài và lặng lẽ.

Mẹ tôi có vẻ ủng hộ việc uống rượu của ba tôi. Khi ông say và ngã dúi dụi trên ghế hoặc góc cầu thang, bà hì hụi dìu ông vào phòng ngủ, không trách móc cần

nhân. Trước con mắt dò hỏi của tôi, bà thì thầm - Cứ để ba con say ở nhà, còn hơn đi ra ngoài với ai khác. Và rồi, dường bề như một phu nhân, bà nhìn ông ngủ say thiếp bằng ánh mắt chiêm hữu tuyệt đối, như thể ông là một sinh vật chỉ được hành động theo sự điều khiển của bà.

Tôi yên tâm lắm. Đã lâu, tôi không còn phải nghe mẹ tôi khóc kể, không rối tung việc học hành như trước, không phải đi những chuyến đi ngoài ý muốn nữa. Dẫu gì thì sự chăm sóc của ba tôi đối với tôi cũng đạt nhiều kết quả. Tôi học giỏi dần lên và cuối năm đó trở thành học sinh được tuyên dương thành tích trước thầy cô và bè bạn.

Dự xong buổi lễ, tôi nhìn đồng hồ thấy vẫn còn quá sớm. Chưa đến giờ ba tôi tới đón. Nảy ra một ý nghĩ, tôi vui thích đón xe về nhà. Tôi muốn cho ba tôi một bất ngờ vui vẻ.

Cánh cửa khép hờ. Giờ này chắc mẹ tôi đang đi làm tóc như mọi lần, còn ba tôi có lẽ đang đọc sách trên lầu. Tôi bước rón rén trên những bậc thang, rón rén tiến đến cửa phòng và ngừng lại...

Ba tôi đang nói chuyện với ai đó. Âm thanh giọng nói vừa buồn rầu vừa khổ sở khiến tôi hết sức tò mò. Tôi cố áp tai vào cánh cửa để nghe lỏm, nhưng không nghe được gì ngoài câu nói cuối cùng: "Thông cảm cho anh". Ba tôi đã gác máy. Hình như ông thở dài. Có lẽ lại trực trặc chuyện làm ăn gì rồi. Tôi đứng im một chút, rồi rón rén trở ngược lại cầu thang. Giậm chân ỳnh

ình như đang chạy, tôi kêu lên: "Ba ơi, ba ở đâu, con về rồi nè".

Cánh cửa phòng ba tôi mở bật ra. Ông xuất hiện và nhìn tôi với vẻ ngỡ ngàng. Không để cho ông kịp hỏi, tôi liền thoáng:

- Hôm nay tổng kết học kỳ, trường cho về sớm, con đón xe về vì sốt ruột khoe ba cái này. - Đưa tấm bằng khen lên cao, tôi bắt đầu nhảy múa.

Ba tôi mỉm cười nhìn tôi:

- Con giỏi quá, ba sẽ thưởng.

Tôi vội:

- Mình đi đón mẹ, rồi đi ăn cơm nhà hàng, nghe ba.

Ba tôi im lặng một chút, rồi gật đầu. Tôi nhảy chân sáo xuống cầu thang, trong lúc ba tôi vào phòng thay quần áo. Hình như mắt ông hoe đỏ thì phải. Sao vậy nhỉ? Tôi chỉ thắc mắc một chút, rồi quên ngay. Tôi đang vui sướng mà.

Trong bữa cơm, ba tôi uống liên miên. Ông cười nói, cụng ly với mẹ tôi, ép tôi uống một ngụm thứ nước đắng quái quỷ đó. Hình như ông biến thành một ai khác, ồn ào và nồng nhiệt. Mẹ tôi vui lắm. Mặt bà rạng rỡ chưa từng thấy. Bộ đầm mới may màu đỏ càng làm bà lộng lẫy như một diễn viên. Tôi hết nhìn ba tôi, lại nhìn qua mẹ tôi. Có phải tôi cũng say vì ngụm nước đắng vừa uống hay sao mà tôi thấy mắt ba tôi buồn quá. Tôi nói:

- Ba ơi, ba đừng uống nữa.

Ông khoát tay:

- Bây, hôm nay ba phải uống thật nhiều để chúc mừng con.

Mẹ tôi liếc mắt nhìn ba tôi, bà mỉm cười đồng tình.

- Phải rồi, cứ để ba con uống. Không những chúc mừng con học giỏi mà còn mừng gia đình mình vui vẻ hạnh phúc nữa. Phải vậy không, anh?

Ba tôi gật gù:

- Dĩ nhiên.

Ông uống cạn ly bia trước mặt rồi rót tiếp một ly khác tràn đầy. Dường như ông không đụng đũa tới món ăn nào cả, mặc dù mẹ tôi đã gấp bỏ vào chén ông đủ thứ.

Ngồi nhìn ba tôi uống mãi cũng chán. Tôi đòi về. Vừa lúc đó có một người đàn ông đi ngang qua bàn ăn, đứng dừng lại. Ba tôi ngừng đầu lên. Cả hai cùng "ồ" một tiếng, rồi xôn xao tay bắt mặt mừng. Ba tôi giới thiệu mẹ tôi và tôi cho ông ta, rồi quay qua nói với mẹ tôi:

- Em đưa con về trước, anh phải uống với bạn một lát sẽ về sau. Được không em?

Mẹ tôi cười dịu dàng;

- Được chứ, anh cứ tiếp bạn cho thoải mái.

Khi hai mẹ con tôi cúi chào người khách để ra về, tôi nghe ông ta khen với ba tôi:

- Ông có bà vợ tuyệt quá hả?

Rồi ba tôi trả lời:

- Ồ, tuyệt!

Mẹ tôi quay lưng đi, mỉm cười.

Đêm đó, ba tôi về rất khuya. Lúc đó tôi đã ngủ được một giấc dài và chợt tỉnh khi nghe tiếng cửa sắt kêu rít. Ba tôi lại say, lại ngã dúi dụi dưới cầu thang thì phải. Tôi bước xuống giường, chạy ra nhìn xuống. Mẹ tôi đang lôi kéo ba tôi lên lầu. Trong lúc đó ông trì ngược lại. Ông lê nhè:

- Để tôi yên. - Và lê người đến xa-lông nằm ịch xuống.

Mẹ tôi đến bên cạnh, dõ:

- Anh ráng lên lầu nghỉ để em săn sóc. Nằm đây trúng gió chết.

Ba tôi khoát tay:

- Để tôi yên. Tôi không cần bà săn sóc. Chết được đã sướng.

Mẹ tôi ngồi phịch xuống chiếc ghế đối diện:

- Ông nói chuyện kiểu gì vậy? Ông say quá rồi.

Ba tôi húc lên cười:

- Phải say chó. Say mới sống nổi với bà.

Mẹ tôi mím môi:

- Ông có hiểu ông đang nói gì không?

- Hiểu chó. - Ba tôi trả lời. - Tôi phải say để diễn cho tròn vai người chồng ngoan ngoãn của bà.

- Như vậy lâu nay là ông diễn vai chồng tốt, cha tốt với mẹ con tôi hả?

Ba tôi khoát tay:

- Ê, đừng chụp mũ cả đám ghen. Tôi thương con gái tôi lắm. Tôi không diễn với nó. Tôi chỉ diễn với bà, với cái đám đông mà bà muốn phô trương. Tôi ráng làm

tròn bốn phen cho bà hài lòng, bà để con gái tôi yên. Mà đúng là bà hài lòng quá xá, phải không? Đó, hồi nãy bạn tôi khen bà rất tuyệt đó. Hà hà, rất tuyệt. Tôi cũng thấy vậy. Cho nên tôi càng phải uống cho say.

Im lặng. Rồi mẹ tôi bắt đầu khóc. Bà bắt đầu kể lể. Những lời kể lể về một hình bóng nằm sâu trong tiềm thức của ba tôi. Trong lúc mẹ tôi khóc kể thì ba tôi bịt tai lại. Rồi sau đó ông ngủ thiếp đi thì phải. Tôi thấy mẹ kéo tay ba, lời ông ngồi dậy, nhưng ông cứ nằm ỳ ra, không nhúc nhích. Mẹ tôi bắt đầu rút tóc và khóc rống lên. Tiếng kể lể càng nỉ non hơn. Tôi sợ quá. Tôi sợ mọi chuyện lại tái diễn như những năm tháng trước kia. Tôi không hiểu ý nghĩa của những lời ba tôi nói với mẹ tôi. Tôi chỉ thấy hiển hiện trước mắt cảnh gia đình náo loạn, cảnh tôi ôm túi xách đi theo mẹ, cảnh tôi đứng chót lóp vì không thuộc bài. Cả người tôi tê rần như có hàng trăm con kiến bò trong xương tủy. Tiếng mẹ tôi khóc kể cứ lên bổng xuống trầm, đều đều như một khúc nhạc ma quỷ. Sao mẹ không để ba yên nhỉ? Ba chỉ cần ngủ một giấc ở xa-lông thôi mà. Sáng mai ba sẽ vui vẻ trở lại, ba sẽ đưa tôi đi ăn sáng, đưa tôi đi học như mọi lần. Tại sao mẹ cứ bắt ba phải làm theo ý mẹ vậy? Tại sao mẹ cứ khóc kể hoài vậy? Tôi không muốn nghe nữa. Tôi phải chạy xuống bịt miệng mẹ lại thôi. Sao câu thang tối quá? Tôi bước có trúng bậc thang không? Không. Tôi bước hụt. Và rơi xuống.

Ra khỏi bệnh viện, tôi trở thành cái bóng của chính mình. Đã hơn một năm trôi qua, mọi sự chữa chạy đều vô ích. Tôi không còn chạy nhảy như ngày xưa được

nữa. Hai chân tôi đã bị đóng nẹp và khoảng không gian tôi di chuyển được chỉ gói gọn trong một căn phòng. Ấy là khi có ba tôi bên cạnh. Ông hết sức kiên nhẫn khi dìu tôi từng bước một. Còn tôi, tôi không kiên nhẫn nổi. Chỉ ba bốn bước là tôi khóc òa. Tôi đau đớn, kiệt lực. Những lúc đó, ba tôi cũng bật khóc. Ông bế xốc tôi lên, ôm chặt tôi trong vòng tay mà nức nở. Ông rên lên:

- Tại ba, lỗi tại ba tất cả, ba đã hại con ra nông nỗi này.

Nghe tiếng ba tôi rên rỉ, tôi bị xúc động đến quên cả đau. Tôi vòng tay ôm chặt cổ ông mà dỗ dành:

- Con không sao, con hết đau rồi, ba xem này.

Nước mắt ba tôi giàn giụa tuôn cả xuống mặt tôi và cứ ôm tôi như thế, ông đi mãi quanh phòng cho đến khi tôi thiếp ngủ.

Mẹ tôi đã ra đi. Bà nội tôi kể rằng khi tỉnh lại trong bệnh viện, tôi đã lên cơn động kinh khi nhìn thấy mẹ. Tôi gào hét, xua đuổi và nhất định không cho mẹ tôi đến gần. Đúng là tôi có như vậy. Không hiểu sao tiếng khóc kể của mẹ tôi lại trở thành nỗi ám ảnh khủng khiếp trong tâm trí tôi đến thế? Cứ nhìn thấy mẹ là trong đầu tôi ong ong những âm thanh ma quỷ ấy. Tôi sợ lắm và tôi không muốn mẹ tôi xuất hiện bên cạnh nữa. Tôi van xin với mọi người điều ấy và khi mọi người biết chuyện tôi ngã cầu thang là vì muốn xuống ngăn mẹ tôi khóc kể, ai nấy đều nhìn mẹ tôi bằng cặp mắt oán trách. Bà nội tôi nói nhỏ nhẹ:

- Chuyện người lớn mà cứ lôi con nít vô tham dự, có thấy hậu quả chưa?

Và để tôi khỏi phải động kinh thêm một lần nào nữa, bà nội tôi cấm mẹ tôi không được bước chân vào bệnh viện thăm tôi, dù chỉ thêm một lần.

Dường như sau đó, mẹ tôi đã gây gổ với ba tôi, với gia đình bên nội tôi một trận khủng khiếp về quyền nuôi dưỡng và chăm sóc tôi. Nhưng vì ý kiến của bác sĩ là phải tránh cho tôi những cơn chấn động về thần kinh, cuối cùng mẹ tôi đã dọn về nhà ngoại. Thật lạ, sự vắng mặt của mẹ tôi đem lại cảm giác dễ chịu hoàn toàn cho tôi trong việc điều trị. Từ nằm liệt không cử động, tôi đã ngồi dậy được và bắt đầu chấp nhận chiếc xe lăn. Việc tập tành để phục hồi chức năng đôi chân, dù tiến triển chậm chạp nhưng cũng có những dấu hiệu tốt. Tôi đã được đi học trở lại và với sự giúp đỡ của bạn bè, thầy cô, tôi bớt dần mặc cảm tàn tật. Không, tôi sẽ chấm dứt chuyện tàn tật này. Tôi là một cô bé chỉ mới vừa qua tuổi mười ba một chút thôi mà. Tôi còn quá nhiều thời gian, quá nhiều cơ hội. Tôi không thể làm cái bóng của chính mình.

Thế rồi, một sự kiện đã xảy ra. Một buổi sáng trong khi ba tôi đi làm và cô Tư tôi đi chợ, tôi bỗng phát hiện tôi chảy máu. Tôi sắp chết rồi sao? Đờ người vì sợ hãi, tôi la hét, tôi gọi ba tôi, gọi mọi người và bắt đầu chuẩn bị lên cơn động kinh. Mẹ tôi đã bất ngờ đến thăm tôi chính vào lúc ấy. Bà đưa tôi đến giường, bình tĩnh thay quần áo cho tôi, ôm tôi âu yếm, dỗ dành tôi rằng chẳng có gì xảy ra cả, rằng tôi đã qua thời kỳ bé con để trở thành thiếu nữ, rằng bà sẽ về để sống và chăm sóc cha con tôi như những ngày trước đó, rằng bà đã chán cảnh gây gổ với cha tôi và cố làm lại từ đầu... Tôi dụ cơn

động kinh và chợt thấy thương mẹ quá chừng. Dù được ba tôi và gia đình bên nội chăm sóc rất kỹ, gần đây tôi vẫn cảm thấy thiếu một điều gì đó. Sự xuất hiện của mẹ tôi đã cho tôi câu trả lời. Tôi cần tình yêu của mẹ. Dù đó là một tình yêu ích kỷ, mẹ vẫn là mẹ của tôi.

Cô Tư đi chợ về không ngạc nhiên lắm khi thấy tôi nằm trong tay mẹ. Cô chỉ hỏi mẹ tôi đến lâu chưa, mặc nhiên như sự hiện diện của mẹ tôi là chuyện phải có. Cô xuống bếp làm cơm và có lẽ đã gọi điện cho ba tôi biết, nên khi ông về, ông cũng bình thản như không. Tôi e dè nhìn nét mặt của ba tôi và mừng rỡ khi thấy ông mỉm cười với mẹ. Ông hỏi:

- Hai mẹ con có đói không, cơm đã chín rồi, ta đi ăn thôi.

Chúng tôi ngồi bên nhau, đầm ấm như ngày cũ.

Ba mẹ tôi đối xử với nhau rất đẹp. Ít ra là trước mắt tôi và gia đình bên nội. Trong suốt thời gian một năm sau đó, cả hai không hề gây gổ một trận nào. Ba tôi đã chấm dứt thói quen bia rượu kể từ ngày tôi bị tai nạn. Các mối quan hệ bạn bè đều diễn tiến ở nhà và cũng rất ngắn gọn. Ba tôi quyết dành mọi thời gian rảnh rỗi cho tôi. Chiều chiều, ông đưa tôi đi tập, rồi đưa tôi ra công viên hóng mát, đỡ dành tôi đừng chán nản. Mỗi bước chân vụng về của tôi đều làm mắt ông bừng lên những tia hy vọng. Hình như đối với ông, không còn chuyện gì quan trọng hơn chuyện đem tôi trở lại dáng hình mạnh khỏe ngày nào.

Tôi đã trải qua mấy lần phẫu thuật và nói theo các bác sĩ, chỉ trong vòng hai năm nữa, tôi sẽ chạy nhảy lại

bình thường. Buổi chiều ở công viên của cha con tôi dài hơn, vui vẻ hơn. Thỉnh thoảng, mẹ tôi cũng ra đó ngồi nhìn tôi một chút, rồi trở về ngay. Không như ba tôi, mẹ tôi chỉ chăm sóc quần áo, vệ sinh, những bữa ăn ngon miệng cho tôi, mà không hề nhúng tay vào việc dìu tôi đi đứng tập tành. Nếu ba tôi bận việc, hoặc phải đi công tác vắng nhà ngày nào thì ngày đó việc điều trị cho tôi phải bị gián đoạn. Một lần sau khi đi công tác về, ba tôi hỏi mẹ tôi tại sao không đưa tôi đến trung tâm phục hồi chức năng, không đưa tôi ra công viên tập đi như thường lệ? Bà đã trả lời đó là bốn phận của ông. Thật ngắn gọn và lạnh lùng. Ba tôi đã im lặng quay đi và sau đó đã xin chuyển công tác để khỏi phải vắng nhà một ngày nào nữa.

Có vẻ giữa ba mẹ tôi đã hình thành một bức tường giá lạnh mà tuổi mười lăm của tôi chỉ muốn tượng một cách lơ mờ. Mẹ tôi ngọt ngào lắm, ba tôi cũng dịu dàng lắm. Chúng tôi vẫn ăn những bữa cơm đầm ấm, vẫn trò chuyện vui vẻ mỗi ngày. Thế nhưng tôi vẫn có cảm giác họ - ba tôi và mẹ tôi - làm những điều đó không thực lòng. Ánh mắt ba tôi nhìn mẹ tôi vô cảm ngay cả khi ông đang trò chuyện với bà. Còn mẹ tôi? Đôi lúc tôi bắt gặp cái nhếch môi mai mỉa khi bà quay đi sau khi ca ngợi ba tôi một điều gì đó. Tôi thắc mắc nhưng rồi lại quên ngay. Dù sao, đó cũng chỉ là những cảm giác thôi mà. Những thứ tôi được hưởng từ ba mẹ tôi là điều có thực: sự yên bình, niềm vui sướng. Tôi không còn một chút mặc cảm nào về đôi chân tàn tật của mình. Đôi khi tôi còn bằng lòng vì nhờ có nó tôi mới được quan tâm chăm sóc kỹ lưỡng như những năm tháng đã qua. Hơn

nữa, nó sẽ lành. Kết quả mà bác sĩ thông báo hàng tuần là như vậy. Tôi tin.

Ngày tháng từ từ trôi qua. Tôi đã là cô gái mười sáu tuổi. Tóc tôi dài như suối. Mắt tôi to tròn và môi tôi đỏ thắm. Những bước chân đi của tôi đã nhuần nhuyễn hơn và ba tôi không cần phải dìu tôi như trước nữa. Ở công viên, ba tôi có thể ngồi một chỗ để nhìn tôi đi lại. Tôi đi dưới những tán lá cây xanh mát, lòng lâng lâng vui sướng. Tôi cứ đi mãi như thế cho đến khi giáp vòng, trở lại trước mặt ba tôi và đón lấy chai nước mát mà ông khui sẵn, sau đó cùng ông về nhà.

Một lần như vậy, khi tôi đang đi qua lối rẽ, một chàng trai cỡ tuổi tôi đã lúng túng chặn tôi lại. Anh ta ngập ngừng tặng tôi một cành hoa và nói muốn làm bạn với tôi. Hấp tấp, anh ta kể rằng đã thấy tôi từ lâu lắm, từ khi tôi còn ngồi trên xe lăn và rất khâm phục ý chí phấn đấu của tôi. Trước kia, anh ta đến công viên chẳng vì mục đích gì, sau anh đến vì muốn nhìn thấy tôi hằng ngày, nhìn sự phấn đấu của tôi để làm tấm gương học tập và rèn luyện, anh vốn có một thể hình yếu ớt và tính tình nhút nhát. Khi tôi bắt đầu tập đi một mình, đó cũng là lúc anh trở thành vận động viên thể hình và đã có thể tự tin mình sẽ làm được những điều mình muốn. Tất cả là nhờ tôi. Do vậy mà anh quyết định làm quen và sẽ rất vui sướng khi tôi chấp nhận. Tôi thật bất ngờ. Và thích thú nữa. Nhưng tôi muốn hỏi ý ba tôi và anh sẵn sàng đi cùng.

Hai chúng tôi đi tiếp con đường để trở lại chỗ ba tôi ngồi. Nhưng ba tôi đâu rồi nhỉ? Tôi hốt hoảng nhìn

quanh vào thở phào nhẹ nhõm khi thấy ba tôi đang đứng trước chiếc ghế đá ở một khúc quanh gần kè. Rồi tôi nhận ra ba tôi có những cử chỉ thật khác thường. Ông đứng như kẻ tội đồ trước một người đàn bà bé nhỏ. Bà ta ngồi im như bức tượng. Một chàng trai cũng khoảng tuổi tôi đứng gần đó. Hình như anh ta đang nói câu gì và người đàn bà kia hơi nghiêng đầu lắng nghe. Rồi anh ta bước ra xa hơn, quay lưng lại phía hai người. Tôi thấy ba tôi ngồi thụp như quỳ xuống trước mặt người đàn bà đó. Hình như ông còn khóc nữa. Tôi vừa ngạc nhiên vừa bút rút trong lòng. Chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy? Anh bạn mới quen cũng nhìn tôi một cách dò hỏi. Tôi đột nhiên nóng nảy hẹn anh ngày mai và đưa tay đẩy anh đi. Không chờ thêm một phút nào, tôi đi về phía ba tôi và người đàn bà nọ, hết sức nhẹ nhàng.

Nếu tôi có đi mạnh hơn, chắc ba tôi cũng không nhận biết. Ông vẫn đang úp mặt vào tay, hai vai rung lên trong những tiếng nức nở cố nén. Tôi nghe ông lặp đi lặp lại câu: "Hãy tha thứ cho anh, anh không thể làm khác được, không làm khác được". Tôi mơ hồ hiểu ra một điều gì đó và bùng vỡ cảm giác điên giận khi thấy người đàn bà kia đưa tay ve vuốt mái đầu của ba tôi. Đây chính là con mẹ phù thủy ngày nào, con đàn bà quỷ quái muốn chiếm đoạt hồn xác ba tôi, phá vỡ hạnh phúc gia đình tôi. Cứ trông ba tôi lặng đi dưới bàn tay ve vuốt của bà ta thì biết bà ta ghê gớm đến chừng nào. Cả người tôi cứng đờ vì hãi sợ. Tôi sợ ba tôi bỏ tôi mà đi theo bà ta mất. Phản ứng đầu tiên trong cơn điên giận của tôi là tiếng hét. Tôi hét lên:

- Ba... a... a... a... a... Hai chân muốn chạy lại phía ông mà tê cứng không thể nào nhấc lên nổi. Thế rồi tôi ngã xuống, cuống cuống bò lết, cuống cuống, vẫy gọi.

Ba tôi quay phắt lại, đứng bật dậy và chạy đến ôm xốc tôi lên ngay. Tay chân ông cũng run lên bần bật. Tôi khóc nức nở, tôi van xin ba tôi đừng đi theo người đàn bà độc ác ấy và ba tôi gật đầu lia lịa. Ông nói miên man:

- Đừng khóc, đừng khóc, ba đây mà, ba là của con, ba không theo ai hết.

Ông cứ ôm chặt tôi vào lòng như vậy và đông đưa cho đến khi tôi chấm dứt cơn tức tưởi. Ba tôi thì thâm bên tai tôi:

- Con bình tĩnh, bình tĩnh, ba hứa ba mãi mãi là của con, con đừng lo lắng nữa.

Chậm chạp, và vẫn còn run lẩy bẩy, ba đỡ tôi ngồi xuống bên cạnh người đàn bà kia. Vâng, đúng, bên cạnh. Bà ta vẫn ngồi im như bức tượng. Có khác chăng là người con trai lúc nãy cũng đứng sau lưng bà và đang nhìn trừng trừng vào cha con tôi.

Ba tôi run rẩy nói với bà ta:

- Đây là đứa con gái duy nhất của anh. Nó đã bị như thế này ba năm rồi, do lỗi của anh...

Người con trai đứng sau lưng bà ta ngắt lời ba tôi:

- Và mẹ tôi mù lòa hai năm nay cũng nhờ ở ông.

Tôi ngừng phất đầu lên, nhìn thẳng vào mặt bà ta. Mù ư? Tôi bàng hoàng. Đôi mắt bà ta nhìn thẳng, ánh mắt vô cảm trên một gương mặt không có nét gì phù

thủy như mẹ tôi nguyên rủa. Tôi im lặng nhìn bà, rồi nhìn ba tôi. Nước mắt ông lại ứa ra trên gò má. Ông nhìn lại tôi bằng ánh mắt khắc khoải, rồi nhìn bà bằng ánh mắt chứa chan tiếc nuối và ân hận. Người con trai đứng sau lưng bà nói với tôi:

- Không phải trên đời chỉ mình cô đau khổ.đâu.

Và nhẹ nhàng đỡ người đàn bà đứng dậy, anh ta nói;

- Mình về thôi, mẹ!

Ba tôi và tôi còn ngồi lặng ở ghế đá một lúc lâu mới trở về nhà. Tay ba tôi nắm chặt tay tôi như thể ông sợ tôi tan biến mất. Nhưng chắc chắn ông đang nghĩ về người đàn bà ấy, cũng như tôi vẫn ám ảnh bởi giọng nói thì thầm như mất hết hơi sức của bà khi quay lưng đi:

- Xin lỗi anh, xin lỗi cháu.

Và tôi nhớ câu nói của người con trai bà:

- Không phải trên đời chỉ mình cô đau khổ.

Tôi vỡ ra một điều rằng, cuộc đời không đơn giản, không nhỏ bé như tôi tưởng. Và tâm tình của mỗi con người giống như những tinh thể trong một vũ trụ bao la, cứ lấp lánh trong khoảng không gian riêng của họ. Như ba tôi vậy, hơn ba năm nay tôi cứ ngỡ ba tôi quên hẳn người đàn bà ông đã từng yêu. Té ra ông vẫn nhớ bà, vẫn yêu bà bằng trái tim âm thầm lặng lẽ. Vết đau đớn trong ánh mắt ba tôi khi nhìn theo bóng bà xa dần cho tôi thấy rõ tình yêu đó thật lớn lao. Nhất là khi ông phải giấu kín nó để vui cười với mẹ tôi mỗi ngày. Bỗng nhiên, tôi thông cảm ba tôi hết sức và tự nguyện với lòng sẽ cố hiểu biết ông hơn.

Phải chăng trên đời thực sự có cái gọi là định mệnh? Mười chín tuổi tôi bước chân vào đại học với một thể xác hoàn hảo và tâm hồn rộng mở. Từ ngày tình cờ gặp người đàn bà ấy ở công viên, ba tôi không đưa tôi ra đó nữa. Ông đổi chỗ, đưa tôi đến một công viên khác ở gần nhà. Tôi biết ông làm việc này là vì tôi. Đầu tiên tôi cũng hơi tiếc nơi chốn cũ, tiếc không được gặp lại người bạn trai mới quen, nhưng sau đó tôi lại hài lòng vì quyết định của ba tôi chứng tỏ tôi là nhân vật quan trọng nhất trong đời ông. Dù những năm sau này ba mẹ tôi càng đối xử với nhau khách sáo hơn, nhưng dấu sao, gia đình vẫn vẹn nguyên hình dáng của gia đình. Ba mẹ tôi luôn hiện diện bên tôi, thế là đã đủ. Tôi vào đại học với tất cả sự tự tin vào khả năng và ý chí học hỏi của mình.

Nhưng tôi đã gây đổ vỡ ngay từ năm đầu vì tiếng gọi của tình yêu. Thật ra, anh ấy không gọi tôi, anh ấy xa lánh tôi thì đúng hơn. Trong khi nhiều người con trai khác tranh nhau lấy lòng tôi thì anh ấy đi qua tôi hững hờ và lạnh nhạt. Vẻ ghét bỏ của anh khi nhìn tôi khiến tôi thất vọng. Rồi tôi ngỡ ngợ như đã từng gặp anh ở đâu đó mà không thể nhớ ra. Tôi lân la đến gần anh, dẹp bỏ tự ái của một cô gái xinh đẹp để tìm hiểu lý do vì sao anh lạnh nhạt. Tôi càng cố gắng thì càng thất bại. Hình như anh đã dựng lên giữa tôi và anh một bức tường, mà lạ sao, bức tường càng cao, càng dày thì lòng khát khao của tôi được trò chuyện, gần gũi anh càng lớn. Tôi thao thức, mất ngủ vì suy nghĩ đến anh. Rồi tôi phát hiện hình như tôi yêu. Vâng, tôi yêu. Một tình yêu lạ lùng và nan giải vì tôi không làm cách nào bày tỏ cho anh biết

được. Tôi khóc âm thầm một mình và cuối cùng ngã bệnh.

Duy nhất một người biết rõ mối tình vô vọng của tôi. Đó là H., người bạn cùng một lớp. Thấy tôi khắc khoải, H. không đành lòng. Cô ta quyết định giúp tôi bằng cách chặn anh ấy ở cửa lớp, nói huých toẹt rằng tôi yêu anh đơn phương và đang đau khổ. Anh ta im lặng lắng nghe và sau đó nhờ H. gởi cho tôi một lá thư. Anh viết: *Nếu cô muốn biết thái độ của tôi đối với cô những ngày qua là vì lý do gì, mời cô đến nhà tôi ở số... đường... vào 7 giờ tối ngày... tôi sẽ giải thích. Chúc cô chóng khỏe.*

Hồi hộp, tôi đến nhà anh đúng hẹn. Nhà vắng vẻ, thoang thoảng mùi nhang trầm. Anh rót nước mời tôi uống và nghiêm chỉnh ngồi vào chiếc ghế đối diện. Chờ tôi uống xong ngụm nước, anh hỏi:

- Thật sự cô không nhớ tôi là ai sao?

Tôi ấp úng giải thích rằng tôi đã cố, nhưng không thể nhớ mình đã gặp anh lúc nào.

Nhếch miệng cười một cách cay đắng, anh nói:

- Cô đúng là con của cha cô, thật dễ dàng để quên hẳn một người.

Đứng dậy, anh buông xõng;

- Cô đi theo tôi.

Thật lạ, tôi đã riu riu bước theo chân anh lên lầu. Anh đưa tôi vào một căn phòng nhỏ đầy những giá sách. Mùi nhang trầm nghi ngút tỏa ra từ nơi này. Có một trang thờ giữa hai giá sách. Tôi nhìn lên và lặng người.

Trên trang thờ đặt một khung ảnh. Người đàn bà có gương mặt sáng rõ đang cười với tôi.

Đó là người đàn bà tôi gặp ở công viên. Người đàn bà bị ba tôi ruồng bỏ.

Giọng anh gay gắt:

- Cô nhìn kỹ chưa, mời cô xuống.

Tôi đi theo anh như người mộng du.

Anh đứng quay lưng về phía tôi.

- Cô có thấy mẹ tôi đẹp như thế nào chưa? Và người đàn bà cô gặp ở công viên ngày nọ có còn là mẹ tôi trước kia không? Cả đôi mắt mù lòa? Cả cái chết tức tưởi, cả đứa con mồ côi là tôi bây giờ... Tất cả là do cha cô ban tặng.

Quay phắt người lại, anh gầm lên:

- Nếu mẹ tôi không bắt tôi hứa trước khi bà nhắm mắt thì tôi đã giết chết cha cô rồi. Lừa gạt. Dối trá. Cha cô là người không có trái tim, là tên sát nhân. Tôi nghiệp mẹ tôi đã quá tin vào những lời thề thốt của cha cô ngày đó. - Chỉ mặt tôi, anh quát: - Cô thừa hưởng gương mặt đẹp đẽ của cha cô, cô cũng sẽ thừa hưởng cả bản chất lừa đảo ấy. Tôi không hiểu tại sao ông trời lại bắt tôi gặp lại cô hàng ngày? Và cô còn mặt dày mày dạn lăn xả vào tôi nữa. Cha con cô đã giết mẹ tôi rồi, còn muốn giết luôn tôi nữa sao?

Tôi chạy ào ra khỏi nhà anh. Nước mắt tôi nhòa nhòe, nhưng không đủ bôi xóa hình ảnh gương mặt bùng bùng phần nộ của anh. Tôi ngồi thụp xuống lề đường, úp mặt vào lòng tay khóc rưng rức, mặc kệ

những ánh mắt hiếu kỳ qua lại nhìn vào. Làm sao tôi có thể ngờ đến điều này?

Đêm đó cha con tôi ngồi cùng nhau trên sân thượng. Khi tôi kể với ba tôi câu chuyện vừa xảy ra, dường như ông bị bắn một mũi tên vào ngực. Ông ghì chặt đôi tay vào thành ghế rồi ngửa mặt lên bầu trời đầy sao, im lặng thật lâu. Sau đó, không nhìn tôi, ông bắt đầu thì thầm. Tôi bị cuốn theo những lời thì thầm đó, lúc lạnh toát người, lúc lại bùng bùng sôi sục vì các chi tiết biến cố. Trong câu chuyện của ba tôi, hai người đàn bà đều tội nghiệp. Bất cứ ở góc độ nào - người vợ, người tình - họ vẫn chỉ là một bậc thang trên con đường đầy tham vọng của người đàn ông. Ba tôi đã tìm đến với người phụ nữ khác để có được những thứ mà ông không tìm được ở mẹ tôi. Nhưng sự bù đắp ấy không đổi được mái ấm gia đình ổn định - thứ quý đạo bắt buộc để tạo nên sự nghiệp người đàn ông. Ba tôi không muốn sự quây phá của mẹ tôi, sự khủng hoảng của tôi làm tan nát những thứ ông đã từng tạo dựng. Mẹ tôi là người đàn bà nhiều mưu mô, còn người đàn bà kia lại tràn đầy cảm tính. Khi so đo lợi hại, ba tôi chọn mẹ tôi chỉ vì muốn được bình yên. Nhất là khi ông có một cái cố vững chắc và hoàn toàn hợp lý, đó là trách nhiệm và bổn phận phải ổn định sự khủng hoảng, chữa chạy đôi chân tàn tật mà tôi đã oan uổng chịu từ hành động của ông. Bỏ rơi người đàn bà kia sau khi thê thốt đủ chuyện, ông cũng bị dấn vật, áy náy một thời gian. Đồ thừa vì hoàn cảnh, ông khẳng định mình làm đúng và nghĩ người đàn bà ấy sẽ thông cảm cho ông. Không ngờ...

Khi tình cờ gặp bà ấy ở công viên, ông bỗng sờ thấy bà đã mù đôi mắt. Cảm tính mãnh liệt và nỗi tuyệt vọng vì bị bỏ rơi đã làm bà suy sụp cùng cực. Bà tội quẩn quại vì hối hận. Chính lúc đó tôi cũng quẩn quại gọi ông.

Ba tôi nói rằng trong mỗi người đàn ông đều có một con quỷ độc ác. Nó xuất hiện rất đúng lúc và lôi ba tôi theo con đường nó dọn sẵn. Quỹ đạo cuộc sống của ông bắt buộc phải xóa đi người đàn bà ấy, ông đã đi trong quỹ đạo hơn nửa đời người và không thể rẽ sang lối khác. Ông chấp nhận sự tàn nhẫn của mình. Rồi bà ấy vì thù ghét ông, sẽ có một ai khác, ông nghĩ vậy.

Nhưng tại sao bà ấy lại chết? Tại sao? Ông vui mặt mình trong tay, không dám trả lời với chính mình.

Tôi cũng tự hỏi tạo sao tôi lại rơi vào định mệnh khắc nghiệt như vậy? Phải chăng món nợ cha tôi vay, bây giờ đến lượt tôi phải trả? Bỗng nhiên tôi có cảm giác mệt mỏi hết sức. Như một người già nua nghĩ đến đoạn đường dài phải đi trước mặt, tôi rùng mình.

Đêm dường như đã khuya lắm, vì mặt trăng lên cao đang vàng vạc tỏa những quang sáng lạnh lùng. Tôi nhìn những ngôi sao lấp lánh trên nền trời xanh thẫm, băng quơ nghĩ về một ngày nắng đẹp. Con người có quyền mơ ước cho tương lai phải không? Tôi nghĩ đến anh - người con trai định mệnh - và tự hứa với lòng sẽ chịu đựng tất cả mọi thua thiệt mà anh gây ra nếu có. Tôi sẽ không kể gì cho ba tôi nghe nữa, với ông, một sự trừng phạt trong lương tâm không chỉ mới bắt đầu. Rồi tôi lại nghĩ đến mẹ tôi. Đúng là mẹ tôi đã chiếm hữu ba tôi, chiếm hữu cuộc đời ông như ý muốn của bà. Nhưng

đó cũng chính là thất bại to lớn nhất mà bà phải trả giá bằng sự ghẻ lạnh của chính mình khi ở gần ông.

Ba mươi năm qua. Tôi đã không làm gì được đối với lời hứa của mình. Tôi không gặp lại anh được nữa vì sau ngày ấy, anh đã xin chuyển trường và dọn nhà đi. Tôi quen nhiều người, nhưng không thể yêu ai được, không thể mở lòng ra cho người nào bước vào. Tôi luôn bị ám ảnh về đôi mắt mù lòa của người đàn bà ấy và sợ rằng chính tôi cũng sẽ như thế khi yêu lầm một người. Tuổi trẻ của tôi rơi rụng dần trong ánh mắt khắc khoải của ba tôi. Thì cũng vẫn cha con tôi sống cùng nhau sau khi mẹ tôi mất. Rốt cuộc thì hai người đàn bà đều yên ổn ở chốn vĩnh hằng, chỉ còn lại ông - một ông già còm cõi với trái tim tan nát vì hối hận. Tôi tránh không nhắc lại bất cứ điều gì có thể làm trái tim ấy ngừng đập, dẫu tôi biết rằng kéo dài một ngày sống còn là kéo dài thêm quãng thời gian trừng phạt đối với ba tôi. Tôi cũng biết rằng nếu tôi chịu làm vợ một ai đó thì tâm hồn ba tôi có thể thanh thản trong những năm cuối đời. Tiếc rằng, tôi không làm được. Đêm đêm, người trước, người sau, lần lượt ba tôi và tôi đều trèo lên sân thượng để nhìn trăng mọc. Trăng có khi khuyết, có khi tròn, có khi vàng vạc, có khi nhạt mờ. Những hình thể và ánh sáng thay đổi của nó giống như sự diễn biến trong tâm hồn con người. Và rồi, cũng theo diễn biến của tâm hồn, đêm đêm, một già, một không còn trẻ nữa cứ ngược mắt lên trời mà tưởng tượng cho mình một mặt trăng phía khác.

Tháng 11 năm 1999

TÌM LẤY BÓNG MÌNH

Đoàn văn nghệ sĩ gồm mười nhà văn, năm nhạc sĩ và ba nghệ sĩ nhiếp ảnh được huyện Đan Điền mời đến một thị trấn ven biển để sáng tác. Các văn nghệ sĩ phân chia nhau ở với dân thị trấn trong những ngôi nhà khang trang, sạch đẹp liên kề nhau. Phía sau lưng là đầm nước lợ mênh mông, phía trước mặt là biển ngày đêm rì rào sóng vỗ.

Nữ văn sĩ đang ngồi bên bộ bàn tiếp khách cạnh cửa sổ - vị trí duy nhất của ngôi nhà này có thể dùng vào việc đọc hoặc viết - thì chợt thấy một phụ nữ lướt qua. Chị không còn trẻ nữa trong chiếc sơ-mi trắng điểm những bông hoa chìm tinh tế và nhuần nhị, nổi bật trên chiếc quần tây màu tím than được may bằng một loại vải mềm. Chị lướt về một vòng nữa và đưa mắt ngẩng nhìn nhà văn đầu đầu. Nhà văn bỏ bút ngẩng lên: đó là một phụ nữ cao, gầy, đen giòn. Nhà văn hiểu là chị đang muốn nói điều gì đó với mình. Nhà văn mời chị ngồi và kịp nhận ra chị là một trong những phụ nữ tích cực nhất trong quá trình phục vụ bữa tiệc kéo dài chiều nay. Khi được biết chị là chủ tịch Hội phụ nữ thị trấn, nhà văn thầm trách các ông đã mắc một sai lầm nghiêm trọng là đã không giới thiệu chị với đoàn

văn nghệ sĩ. Trước đó có nghe nói Hội phụ nữ địa phương sẽ chịu trách nhiệm chăm lo các bữa ăn hàng ngày cho đoàn. Suốt từ đầu đến cuối bữa tiệc ngoài trời, trên hành lang đầy hoa lá có vị mặn của biển trong gió thoảng và tiếng sóng biển vỗ rì rào ngoài kia, chị cứ lảng lảng chạy đi chạy lại, bụng dọn thức ăn, vừa đôn đốc những phụ nữ khác. Nhà văn đang mải bận khoản về cái điều ở đây cán bộ nữ chưa được tôn trọng đúng mức, còn chủ tịch Hội phụ nữ thì vẫn tiếp tục nhìn nhà văn với ánh mắt lạ lùng. Quan sát? Đắm đuối, ngưỡng mộ?

- Phương phải không?

Nhà văn thoáng giật mình khi có người đột ngột gọi đúng tên khai sinh của mình, chứ không gọi theo bút danh như bao người khác. Cô nhìn chủ tịch Hội phụ nữ với ánh mắt dò hỏi. Chủ tịch Hội phụ nữ nói:

- Nết đây! Nết Trường Sơn, Nết với tám gương căt làm đôi, Nết Đoàn Năm Năm Chín đây.

- Trời, vậy ra Nết?!

Nhà văn đứng lên ôm chầm lấy người bạn cũ mà cô đã không còn nhận ra! Cô nói điều đó và nghe nước mắt của người bạn chiến đấu năm xưa thấm qua vai áo mình:

- Điều đó cũng dễ hiểu thôi. - Nết nói. - Vì Nết đã già đi nhanh quá, đã biến đổi nhiều quá, còn Phương thì... vẫn vậy!

Họ rời nhau ra, ngồi xuống bên bàn. Nết tìm khăn tay lau nước mắt. Nhà văn cũng thấy mắt mình cay. Đạo đồ hai cô Nết và Nhã là y tá, văn thư của trung

đoàn thuộc binh đoàn 559. Còn Phương bấy giờ là cán bộ thuộc khối Dân Chính Đảng. Ở trung đoàn, Nết và Nhã được cưng như trứng mỏng.

Nết và Nhã ở trong căn hầm rộng đục xuyên một quả núi lớn. Chỗ ở của hai cô cũng là chỗ làm việc. Không gian được chia làm đôi, một bên đặt bàn máy đánh chữ của văn thư Nhã, một bên là dụng cụ và thuốc men của y tá Nết. Đêm hôm đó, Nết mang túi thuốc lăm lăm trong rừng đến chăm sóc cho một đồng đội bị sốt cao, trên đường trở về thì bị bom đánh. Nết bị đất vùi, nhưng không chết. Còn Nhã ở trong căn hầm kiên cố đó, nhưng bom đánh sập một cửa. Khi đào đất đá để tìm Nhã thì thấy xác Nhã bị tán bẹp gí lên nóc hầm. Anh em đi nhặt từng mảnh thân thể mỏng dẹt, khô khốc của Nhã để khâm liệm. Nết đau buồn khóc bạn và trở nên câm nín một thời gian. Nhưng rồi công việc bề bộn, sốt rét và bom đạn chụp lên đầu liên miên dồn dập, nên không cho phép một ai tỏ ra đau buồn lâu. Mặc dù ai cũng biết rằng mỗi khi có một đồng chí hy sinh, lại là đồng chí nữ còn rất trẻ, thì có không biết bao nhiêu cán bộ và chiến sĩ nam đau đớn khóc thầm. May sao còn có Nết! Các anh trong và ngoài đơn vị thỉnh thoảng lại bật lên một câu như thế. Từ sau khi Nhã hy sinh, có thể nói tất cả tình thương yêu của đồng đội đồng chí trong và ngoài đơn vị đều dồn hết cho Nết. Anh nào cũng ngọt ngào với Nết. Trong điều kiện đó, Nết thừa biết rằng nếu lệch cán cân tình cảm về phía anh nào một chút, lập tức mâu thuẫn sẽ xảy ra. Và mọi người sẽ rất khó

sống! Nết phải "đứng thẳng" không nghiêng lệch bên nào hết mới xuôi. Thế nhưng cuối cùng mọi người phát hiện ra Nết và Phú yêu nhau. Phú là đại đội trưởng bộ đội chủ lực tỉnh. Phú hiền lành ít nói, nhưng chẳng hiểu bằng cách nào mà anh ta "lọt qua" được hàng rào dày đặc quân của Đoàn 559 và các cơ quan đơn vị đóng xung quanh đơn vị của Nết? Hai người yêu nhau thắm thiết lắm. Mới ban đầu nguồn tin này đối với các chàng lính trẻ thực sự là một cú sốc. Về sau hình như ai nấy đều tự tìm lấy cho mình một sự dàn xếp nào đó khá ổn thoả. Chàng thì cố tỏ ra không hề hay biết gì cả, vẫn giữ mối quan hệ thân quý Nết như xưa, chàng thì tỏ ra biết và thỉnh thoảng nhắc đến Phú rồi trêu đùa hai người, chàng thì vẫn âm thầm theo đuổi Nết, quyết tâm chinh phục Nết với phương châm "nhất cự ly, nhì cường độ" và lập luận rằng cái anh chàng Phú đại đội trưởng kia đâu cường độ có bạo liệt đến đâu cũng không bằng mình, còn cự ly thì mình ăn đứt - cự ly mình rất nhỏ. Cụ thể là từ doanh trại của mình đến chỗ của Nết chỉ vài trăm mét đường chim bay! Thời gian này bản thân Phương cũng ở tình trạng tương tự như Nết, nên rất dễ thông cảm. Nghĩa là vì được nhiều người quan tâm quá, nên mỗi một động thái biểu hiện tình cảm - dù nhỏ nhất - cũng phải hết sức cân nhắc. Chỉ khác Nết ở chỗ là Phương chưa hề có anh chàng Phú nào hết như kiểu của Nết. Có một thời gian mối quan hệ Phú Nết gặp nhiều khó khăn trong việc tìm bắt liên lạc với nhau. Thương bạn quá, Phương đã tự nguyện trở thành "hộp thư" cho hai người. Phú gửi thư cho Nết qua địa chỉ của

Phương để tránh những cặp mắt xoi mói của các chàng lính trẻ cùng đơn vị Nết. Tương tự như vậy khi Nết gửi thư cho Phú cũng qua tay Phương rồi mới đưa qua đường giao liên... Phương và Nết có một điểm hẹn giữa rừng để trao những cánh thư này. Có nhiều lúc nhớ thương và lo lắng cho Phú quá, Nết đánh liều chạy đến tìm Phương, nhưng thư Phú vẫn chưa đến; hoặc Phú đợi thư Nết mãi mà vì đường giao liên bị trở ngại nào đó, Phú tìm cách gặp Phương hỏi thăm tình hình của Nết. Những băn khoăn, thắc thỏm, day dứt, bồn chồn... của hai người đang yêu nhau rất giống nhau. Ngoài nhiệm vụ chiến đấu, họ dồn hết tâm lực, tình cảm để nghĩ về nhau suốt ngày suốt đêm, chứ không còn một mục tiêu nào khác! Rồi một ngày Phú chính thức báo cáo với cấp trên về mối quan hệ Phú Nết, đồng thời xin phép được đến đơn vị thăm Nết và trần tình mối quan hệ với thủ trưởng đơn vị Nết. Từ đó thư từ của họ được công khai gửi qua đường giao liên. Phương rất mừng cho hạnh phúc của bạn. Một hôm cơ quan Phương bị đánh bom, số hy sinh, số bị thương nặng, số bị đất vùi, Phương may mắn ở trong số đó. Nhưng tư trang đồ dùng cá nhân ai cũng bị mất sạch. Phải dời cơ quan đến địa điểm mới. Phải vừa đào hầm, làm nhà, vừa kiếm áo xống đồ dùng cho mọi người. Các cơ quan đơn vị đóng xung quanh đem biếu một ít, anh em nhường nhịn san sẻ cho nhau. Nữ mặc áo quần nam có dài rộng hơn một chút cũng chẳng sao. Nhưng suốt một tuần qua Phương không có cái gương cái lược. Các anh dùng mảnh bom cắt gọt mài giữa mãi mới thành một cái lược thô nhám

cho Phương dùng. Còn cái gương? Muốn nhìn thấy khuôn mặt của mình, Phương phải ra chỗ suối xa soi xuống nước. Nhưng gương nước chỉ cho thấy những đường nét cơ bản chứ không nhìn thấy được chi tiết. Hôm di dời cơ quan, Phương đi kiểm nguyên liệu để lợp lán trại thì bị gai cào xước vào mặt, rớm máu ở má bên phải. Còn má bên trái, trước đó bị va đập khi bom vùi, gò má bị sây sát, phải đắp nước muối mấy ngày liền vẫn còn rát. Cả cái mặt đều "có vấn đề", vậy mà khi soi vào gương nước chỉ nhìn thấy một cô có khuôn mặt tròn, thân hình hơi gầy, mái tóc đen, dài, chảy nặng bờ vai... Một hôm công việc đã tạm ổn, Phương xin phép đi đến đơn vị của Nết cách chỗ Phương khoảng năm cây số đường chim bay. Cả đi và về mất gần ba tiếng đồng hồ. Thủ trưởng đơn vị cho Phương hẵn nửa ngày để đi thăm bạn. Thực ra mục đích của chuyến đi này là đến soi nhờ cái mặt vào gương của Nết. Khi Phương đến, Nết đang ngồi ở suối thái măng. Từ ngày Nhã hy sinh, Nết y tá vừa là văn thư, lại kiêm luôn cấp dưỡng lúc nào Phương chưa kịp biết. Anh nuôi quân - đầu bếp chính - là một chàng trai mặt búng ra sữa. Anh ta chỉ có việc nấu chín cơm bằng nồi quân dụng, sau đó xúc cơm ra thì rang chút cơm còn dính ở đáy nồi cho cháy đều, đoạn ra suối gánh nước đổ vào, đun sôi lên, làm bốc dậy mùi thơm, đem nước ấy đổ vào bi - đông cho mỗi người. Số còn lại cứ để nguyên trong nồi, ai cần nữa thì cứ việc. Thứ nước này anh em gọi là nước chè, cà-phê, ca-cao... Còn việc kho cá, nấu canh, xào măng, môn thực, môn voóc... Nết tự nguyện làm giúp anh ta hết.

Thấy Phương đến, Nết mừng lắm:

- Ở lại đây chơi suốt ngày nhé!

- Không được đâu! Thủ trưởng cho dứt nửa ngày là quý lắm rồi. - Phương vừa nói vừa nhìn đồng hồ tay. - Bây giờ là 8 giờ 20, Phương đã ra đi từ 5 giờ 30.

Thấy Phương đến, anh em ở các lán trại xung quanh về bếp lấy cơm nước cứ râm ran rậm rịch. Chốc lại có anh bung thịt hộp, cá hộp, bột trứng rán chạy tới dúi vào tay Nết bảo rằng cho riêng hai chị em.

- Gớm thật! - Thủ trưởng đơn vị kêu lên. - Các chàng mang thực phẩm dự trữ trong ba-lô phòng khi chống càn ra đãi người đẹp hết trơn!

Thủ trưởng vừa nói vừa tủm tủm cười, rồi ông tìm tấm dù hoa làm khăn trải bàn và đặt những thứ mà các chàng lính trẻ của ông vừa mang đến, đoạn ông cầm dao đi ra rừng một lát, rồi trở vào ngồi ở ngưỡng cửa chuốt cho cặp que lờ ô trở thành một đôi đũa thật bóng nhánh, tròn lẳn, đều đặn, rồi ông mở ba-lô của ông ra lấy cái bát sắt tráng men cỡ nhỏ xinh, cùng với đôi đũa ấy đem nhúng vào nước sôi, xong úp lên nắp nồi quân dụng hong cho khô và nóng rực. Anh em ai cũng có bát đũa riêng, sau bữa cơm, mọi người tự đi rửa lấy, rồi cất vào ba-lô của mình. Hôm nay có khách quý, ông nhường bát cho khách, còn ông ăn cơm bằng cái ca có khắc chữ USA - chiến lợi phẩm gần đây nhất của ông.

Trước bữa cơm, Phương hỏi mượn Nết cái gương, rồi ra ngồi bên mỏm đá gần bờ suối soi gương mặt trắng

xanh xao của mình; Mắt thâm quầng, vết sây sát vì bom vùi đã tạm ổn, riêng vết xước vì gai cào hôm đi lấy lá lợp nhà hầy còn mới, nằm ngang má bên phải, đuôi của vết xước quét lên gần đến mắt.

- Cái mặt như thế này thì đẹp đẽ gì nữa mà các anh ấy cứ... - Phương lẩm nhẩm.

Nết ghé sát vào tai Phương:

- .Càng đẹp hơn, đáng yêu hơn nữa là khác! Nhìn vô thấy thương lạ! Là con gái với nhau mà tao còn...

Cái gương của Nết hình chữ nhật, cỡ bàn tay con gái, bốn bề được viền bằng nẹp nhôm. Sau bữa cơm, Nết cạy hết nẹp ra, rồi đặt gương úp mặt xuống đất, dùng dao chặt một nhát dứt khoát. Tấm gương đứt làm đôi. Nết cầm lên một tấm phủi bụi thật sạch trao cho Phương. Còn tấm kia Nết cất trở lại vào ba-lô của mình.

- Nết còn giữ nửa tấm gương ngày ấy không? - Nhà văn hỏi.

- Còn, còn chứ. Hàng ngày mình vẫn soi vào tấm gương ấy. Và Phương, Phương có giữ nó đến ngày giải phóng không?

- Có chứ, nhưng không còn nguyên vẹn một nửa đâu. Bởi sau đó không lâu mình lại xắn làm đôi để tặng cho một cô thanh niên xung phong mình gặp trên đường - cũng vừa bị bom đánh mất hết mọi thứ. Một nửa còn lại, hay nói chính xác hơn là một phần tư tấm gương còn lại mình giữ cho đến ngày giải phóng, mình gói nó với tất cả những vật kỷ niệm khác đem cất kỹ.

- Phương biết không, cái gương ấy là của anh Phú tặng mình. Nghe nói anh mang theo nó từ ngày nhập ngũ do mẹ anh mua cùng những vật dụng khác. Đạo đó, khi thấy tấm gương chỉ còn một nửa, anh hỏi, mình thành thật kể lại. Anh để lộ lo lắng nói sao Nết không đưa hẳn cho Phương nguyên cả cái để Phương dùng, đợi lúc nào đi chiến dịch về đồng bằng anh sẽ kiếm cho Nết một cái khác. Đợi chiến dịch thì biết lúc nào? Con gái một ngày không có gương thì chịu sao nổi!?

Về sau này khi mọi chuyện đã an bài đâu vào đấy, gặp lại nhau, anh nói ngày xưa Nết tự đập vỡ gương là dấu hiệu của sự tan vỡ. Ngày ấy mình đâu có nghĩ đến chuyện ấy. Vả lại, đây không phải là đập vỡ, mà là tự tay Nết cắt chia đôi cho bạn gái của mình. Ngày ấy cả Phú và Nết đều cho rằng chỉ có cái chết mới chia lìa được hai người. Thậm chí cái chết cũng không làm cho hai người xa nhau được, vì còn cái tình anh, cái thể phách - như cụ Nguyễn Du vẫn nói đó - là chúng mình còn tìm đến với nhau. Đã có lúc tụi mình thể với nhau rằng nếu không may một trong hai người ngã xuống, người còn lại sẽ khóc thương suốt đời, sẽ ở mãi như vậy, chứ không thể chung sống cùng ai. Nào ngờ cả hai vẫn còn được sống sót sau chiến tranh, nhưng không chung sống cùng nhau được. Mẹ anh nói con gái Trường Sơn sốt rét nhiều, mặt sạm, da vàng, môi thâm. Trong hai đứa chỉ một đứa con trai của mẹ sốt rét là quá đủ rồi! Mẹ không muốn "hai cục sốt rét" về với nhau, cùng với chất độc màu da cam của Mỹ nữa, để rồi sẽ sinh ra cho mẹ những đứa cháu nội ốm yếu tật nguyên. Mẹ muốn anh kết hôn với người con gái khoẻ mạnh, trẻ đẹp, xinh

tươi để sinh ra những đứa con khoẻ mạnh. Suy cho cùng, ý nguyện này của mẹ thật chính đáng. Tạo ra những đứa con thông minh, khoẻ mạnh, xinh đẹp cho giống nòi và cho xã hội là một ý thức tốt. Minh cần ủng hộ quan điểm ấy của mẹ. Hơn nữa, những ngày anh thoát ly gia đình tham gia Quân giải phóng, ở nhà mẹ đã nhắm cho anh một đám xinh đẹp nhất làng. Nhưng anh không chịu. Anh cứ ở vậy. Ngày tháng cứ trôi qua. Chẳng mấy chốc mà đã tròn mười năm cuộc chiến tranh kết thúc. Mẹ anh đã quá già, và anh cũng đã luống tuổi. Nhiều lần Nết khuyên anh nên vâng lời mẹ, hãy cưới vợ đi, nhưng anh không nghe. Rồi một hôm mẹ anh bệnh nặng, khó qua khỏi. Mẹ bày tỏ nguyện vọng cuối cùng của mẹ là muốn anh thành thân với người con gái mà mẹ đã bưng cau trầu đi dạm ngõ hơn mười năm trước. Anh buộc lòng phải hứa với mẹ. Rồi mẹ anh qua đời, linh cữu của mẹ vẫn nằm ở đó, đồng thời diễn ra một lễ cưới chạy tang. Phú đã lấy vợ như vậy đấy! Nết đến dự lễ tang mẹ anh, vừa lo giúp anh việc tổ chức cưới. Hôm đó Phú khóc nhiều lắm, khóc như một đứa trẻ vừa bị anh tước mất món đồ chơi mà nó yêu thích nhất. Nết không phân biệt được đâu là giọt nước mắt của anh khi phải vĩnh biệt mẹ, đâu là nước mắt khóc cho cuộc tình của anh và Nết bị tan vỡ từ lâu. Sau đám cưới của Phú, Nết đi học hai năm lớp trung cấp nông nghiệp. Khi trở về, Nết nghe tin vợ anh vừa sinh con trai. Nết nghĩ mọi việc như vậy là yên. Nết dồn hết tâm lực vào công tác. Nết làm việc ở Phòng Nông nghiệp huyện. Cùng làm việc với Nết có Lâm - kỹ sư, nhỏ hơn Nết bảy tuổi. Ban đầu mới gặp nhau hai bên đều lịch sự gọi nhau bằng

anh, bằng chị, khi biết tuổi nhau và đủ thân thiết rồi, Nết gọi Lâm xưng tôi, có khi xưng chị. Biết Lâm đang "phòng không", đi đâu làm việc gì Nết cũng để ý xem có cô nào hay thì "mách nước" cho Lâm. Lâm cao, thân hình cân đối, da trắng, mũi cao, mắt to và sáng, thuộc diện điển trai nhất vùng. Mấy cô nhân viên văn phòng huyện đặc biệt quan tâm đến Lâm. Các cô giáo trường cấp ba cũng sẵn đón Lâm. Đặc biệt có một cô đem lòng yêu Lâm say đắm. Bố của cô là cán bộ lãnh đạo huyện, có uy tín. Mọi người thấy đám này khá hơn cả, nên cứ tìm cách vun vào, nhưng Lâm cứ dửng dưng. Những cô gái do Nết giới thiệu, Lâm chỉ đến gặp thăm một lần, rồi không bao giờ trở lại nữa. Một hôm Nết nói với Lâm:

- Tốt nhất là Lâm hãy làm rể đồng chí lãnh đạo huyện, vừa được việc nhà, lại được việc nước. Cô ấy vừa xinh lại ngoan...

Lâm thổ lộ: Thuở còn sinh viên, chàng có yêu một cô cùng khoá. Cha mẹ cô chê chàng nghèo. Còn cô, tuy lúc đầu thê thốt sâu nặng thắm thiết là vậy, nhưng về sau bị một tay chơi con nhà giàu quyến rũ. Lâm bị "cú đá" đau, nên từ đó sinh hận với phụ nữ, không muốn gần gũi thân thiết với ai nữa.

- Không gần gũi thân thiết? Vậy tại sao Lâm thân với tôi? - Nết hỏi.

Bị cật vấn bất ngờ, chàng kỹ sư trẻ bối rối:

- Vì chị... chị là chị, là mẹ của tôi!

Nói câu này xong, mắt Lâm ứa lệ. Nết biết Lâm mất mẹ từ khi mới lên mười. Cha của Lâm tục huyện.

Nghe nói mẹ mới của Lâm cũng thương yêu Lâm như con đẻ. Vậy Lâm không phải thiếu thốn tình mẹ, và Nết chưa bao giờ tỏ ra chăm sóc Lâm như kiểu một người mẹ. Ngược lại Lâm luôn quan tâm chăm sóc Nết.

Sau lần nói chuyện đó, Lâm cố ý tránh mặt Nết. Rồi một hôm sau giờ làm việc, Lâm hẹn Nết ra ngọn đồi sau lưng văn phòng huyện ủy dạo chơi. Gió chiều lồng lộng thổi làm rạp những vạt cỏ may dưới chân những cây keo hoa vàng đã bắt đầu bung lá mới. Nết ngồi dưới chân trên một búi cỏ xanh và nhận thấy vô vàn hoa cỏ may ghim vào hai ống quần tây của mình. Lâm đến bên gập quỳ hai đầu gối, khum mình gỡ cỏ may cho Nết. Gỡ xong, Lâm đứng lên loay hoay kiếm chỗ ngồi cạnh Nết một quãng vừa phải, rồi im lặng ngắm buổi chiều đi qua, êm đềm và trong veo như ngọc quý... Mãi cho đến khi mặt trời sắp lặn tắt dưới chân đồi kia, Lâm như hụt hơi với mớ câu chữ lộn xộn đứt quãng - chàng bày tỏ tình yêu với Nết. Nết sững sờ nhìn Lâm một hồi lâu đầy thương cảm và chân thành, Nết nói:

- Tương lai của Lâm còn dài. Lâm hãy yêu và xây dựng gia đình với cô gái nào trẻ trung, xinh đẹp, khỏe mạnh. Tôi rất cảm ơn Lâm, nhưng tôi không thể.

- Cả hai chúng ta đều là người tự do. - Lâm nói. - Tôi biết chị lớn tuổi hơn tôi, nhưng tôi yêu chị thật lòng, và muốn xây dựng hạnh phúc lâu dài với chị. Xin chị hãy nhìn vào mắt tôi...

Nết không thể nhìn vào mắt Lâm được, không phải vì bị bóng hoàng hôn che khuất, mà vì Nết biết Lâm

đang rất thành thật. Nết nhìn mông lung vào khoảng không phía trước nói:

- Tôi rất cảm ơn Lâm, cảm ơn nhiều lắm. Cũng như Lâm, trước đây tôi đã có một người để yêu. Nhưng chúng tôi có hoàn cảnh riêng, khá đặc biệt, nên không thể chung sống cùng nhau được. Nay anh ấy đã có vợ con rồi, còn tôi thì chưa quên được anh ấy.

- Chị có biết như vậy là thiệt thòi cho chị lắm không? Chị còn trông đợi gì nữa, một khi người ta đã đi lấy vợ? - Lâm nói như dằn dỗi.

- Đúng, không còn trông đợi gì nữa. - Nết hạ thấp giọng như nói với chính mình. - Còn thiệt thòi thì đời tôi chịu thiệt nhiều rồi, có chịu thêm một chút nữa cũng chẳng sao...

Sau đó không lâu, nhân dịp huyện có chủ trương tăng cường cán bộ cho cơ sở, Nết liền đề đạt nguyện vọng đi xuống cơ sở. Nguyện vọng đó của Nết được trên chấp thuận sau khi phân tích kỹ về tình hình thị trấn ven biển này dân tình không yên. Sống với biển, mà cứ vượt biên trái phép ra nước ngoài, số bị nạn bỏ mình trên biển, số ra được nước ngoài làm lụng kiếm tiền gửi về cho thân nhân. Từ đó một số gia đình ở đây vụt trở nên khấm khá, làm nảy sinh tâm lý ở một số người không muốn lao động, mà cứ luôn mơ tưởng về một miền đất xa xôi nào đó, ở đấy con người không phải làm gì cả, lại được người ta vác của đến cho không(!). Một thời gian sau tình hình thị trấn ổn định, dân đã biết đào hồ nuôi tôm cua, hàng ngày đội thuyền của hợp tác

xã dăng buồm đi đánh cá. Những buổi mai thuyền về trong nắng sớm, những người phụ nữ gồng gánh lũ lượt kéo nhau ra bến bãi đón chồng con đem về những con cá, con mực còn nhảy thính thót, tươi xanh... Hoà với niềm vui chung của bà con thị trấn, Nết chạnh lòng nghĩ đến niềm riêng, nhìn lại tuổi mình đã ba mươi sáu, cái tuổi mà mọi người phụ nữ đều đã được làm mẹ. Nết đắn đo một thời gian khá dài, rồi chủ động tìm gặp Phú để đặt vấn đề một cách nghiêm chỉnh. Phú nói:

- Cái anh chàng kỹ sư trắng trẻo lịch sự đẹp trai kia sao em không lấy?

Nết nhìn Phú bàng hoàng và kinh ngạc. Thì ra tuy cách biệt về không gian, xa vắng về thời gian đằng đẵng làm vậy mà anh vẫn để tâm theo dõi Nết. Nết nói:

- Phụ nữ chúng em khác đàn ông các anh ở chỗ đó. Có yêu thương mới gần gũi chung đụng với nhau được.

- Thế ngày xưa?... Ngày xưa em không hề yêu anh sao? - Phú hỏi dồn dập vẻ giận hờn để lộ trên nét mặt.

Nết ngược nhìn Phú ghen ngào. Anh vẫn cái tính hay hờn dỗi giống hệt ngày xưa. Vâng, ngày xưa vì muốn bảo vệ cho tình yêu của hai người khỏi bị hoen ố, Nết đã rất mực giữ gìn, một phần để chấp hành kỷ luật của tổ chức. Ấy chiến trường có vài đôi bạn của Nết yêu nhau, trao hết cho nhau, rồi mang bầu, bị thi hành kỷ luật, sau đó người nữ được cho về hậu phương để sinh con, người nam vẫn ở lại chiến trường, nhưng bị chuyển đổi công tác. Hoặc có khi người nữ không chịu về hậu phương vì sợ mệnh tiếng thế gian, xin ở lại sinh con tại

chiến trường, chịu thiếu thốn trăm bề, vô cùng gian khổ, vô cùng ác liệt, có khi còn nguy hiểm đến tính mạng của con, nhưng hai người được ở gần nhau, thậm chí có trường hợp tổ chức đứng ra tác thành hôn nhân cho họ. Còn kỷ luật thì "giơ cao đánh khẽ", nói là khai trừ ra khỏi đoàn thể, nhưng cuối cùng chỉ cảnh cáo nội bộ mà thôi. Những trường hợp may mắn như vậy tuy hiếm hoi nhưng vẫn có. Còn trường hợp bị thi hành kỷ luật thẳng thừng là khá phổ biến. Nhưng hai người sẵn sàng chấp nhận tất cả, vì bù lại tất cả những mất mát đó là họ có nhau, có cả một kỷ niệm tình yêu thiêng liêng nhất đó là đứa con. Sau chiến tranh trở về gặp lại cha mẹ đôi bên thì sự đã rồi. Cha mẹ có muốn phản đối cũng không được. Nhưng Phú và Nết đã không làm như vậy. Ngày ấy, những khi Phú đòi hỏi, Nết đã cương quyết cự tuyệt, có lúc dẫn đến tình trạng giận hờn nhau dài ngày. Thậm chí có lúc Phú đã tát Nết rất đau, rồi sau đó Phú khóc xin lỗi Nết, đồng thời anh viện dẫn cái chết ra, rằng sáng mai anh đi chiến dịch, có thể không trở về... Nhưng Nết vẫn không thuận theo ý anh. Nết vẫn giữ. Bởi vì ngày còn ở nhà, mẹ luôn nhắc nhở Nết làm thân con gái phải đặt chữ trinh lên hàng đầu. Phải biết nâng niu trân trọng giữ gìn nó để khỏi tủi mặt mẹ cha. Vì luôn nhớ lời mẹ dặn, nên Nết đã bị Phú dẫn dắt cho đến bây giờ. Và đến bây giờ với ba mươi sáu năm đời con gái gìn giữ hết mình, Nết đã tự nguyện trao tặng cho anh. Anh đã khóc khi nâng niu tấm thân trinh bạch mà anh khao khát suốt một đời. Say đắm và cuồng nhiệt, anh nói anh là người đàn ông hạnh phúc nhất trần gian! Yêu em và được em yêu với tất cả tấm lòng!

Hai người âm thầm gắn bó với nhau chừng non một tháng thì Nết bắt đầu cảm thấy có dấu hiệu mang thai. Đêm trăng soi vàng vạc trên cồn cát bốn bề lộng gió, phía trước mặt là biển, phía sau lưng là đầm phá Tam Giang, Nết đề nghị chấm dứt mối quan hệ. Phú đã bật khóc nức lên như một đứa trẻ. Tiếng khóc của anh lẫn trong tiếng sóng biển rì rào triền miên vỗ vào chân cồn cát, như tiếng nỉ non của câu hát thuyền ai lênh đênh trên mặt đầm phá, như tiếng gào thét của đất và trời cộng lại, vỗ vào tâm hồn, vào trái tim đang rớm máu của Nết. Nết chỉ muốn giữ chặt anh mãi mãi trong vòng tay của mình, không thể nào rời xa anh dấu một phút, một giây... Nhưng Nết đã đẩy anh ra, nét mặt trở nên rấn đanh, lạnh lùng. Nết nói:

- Như giao ước ban đầu, em chỉ xin anh một đứa con. Bây giờ con đang hình thành trong em. Chúng ta phải dừng lại ở đây. Để bảo vệ gia đình anh, từ nay chúng ta không nên gặp nhau nữa. Con sẽ mang họ của em.

Nghe Nết nói đến đây, anh càng khóc to hơn, làm cho Nết đâm hoảng. Địa điểm hai người gặp nhau cho đến phút đó vẫn đảm bảo bí mật hoàn toàn. Nhưng tiếng khóc của anh to quá như thế này có thể lan xa đến các cụm dân cư ở ven rìa cồn cát, hoặc những đôi tình nhân khác đang ẩn mình đâu đây... Nết muốn quay lưng bỏ chạy, nhưng tiếng khóc tức tưởi của anh làm Nết khựng lại. Nết nhào đến ôm chầm lấy anh, âu yếm dỗ dành như dỗ con trai của Nết về sau này. Hai người lại quấn quýt với nhau. Khi họ chịu rời nhau ra để về nhà vừa lúc đất trời đã bắt đầu chuyển qua một

ngày mới. Từ ấy Nết luôn tìm cách lánh mặt anh. Anh mấy lần tìm gặp Nết, nhưng Nết đã luôn đề phòng để tránh xa anh, trốn biệt anh. Một hôm, Phú đường đột đến thẳng chỗ Nết làm việc, xin gặp riêng Nết như thể người ta đến liên hệ công tác vậy! Phú nói những khi nhớ thương Nết quá, anh thường lầm lẫn băng cồn cát trở lại điểm hẹn xưa, đâu biết rằng không bao giờ Nết còn trở lại chỗ đó nữa. Đêm anh nằm duỗi dài trên cát ngửa mặt ngắm trăng sao, thầm gọi tên Nết, và đợi trời sáng, rồi đi thẳng ra chỗ hồ nuôi tôm. Làm lụng tất bật suốt ngày, cố quên đi hình ảnh của Nết, nhưng không thể nào quên được! Những lời thương yêu của anh tử tế nhỏ nhẹ, đầm thấm, nhưng cũng làm đau buốt Nết, nhay nghiêng trái tim đang rớm máu của Nết. Có lúc Nết muốn bỏ tất cả để chỉ được gần bên anh. Nhưng nghĩ đến tổ ấm hạnh phúc của người phụ nữ khác, Nết dần lòng xuống, vừa ngoảnh mặt đi, vừa xua đuổi Phú ra về. Lại thay, những lúc đau đớn dần vật nhất Nết lại nghĩ đến tấm gương. Đặc biệt thời kỳ mang thai Nết thường đem tấm gương ấy ra ngắm soi ngắm ngẫm. Có nhiều khi soi gương không thấy mặt mình mà chỉ thấy mặt anh. Những đường nét thân yêu quen thuộc của anh lúc nào cũng in đậm trong Nết. Khuôn mặt anh nhiều lần xuất hiện trong tấm gương soi, đau đớn, dỗi hờn, say đắm..., kề bên khuôn mặt của Nết ưu tư, khắc khổ, cam chịu...

Đến ngày đến tháng Nết sinh một bé trai kháu khỉnh. Năm nay cháu vừa tròn mười bốn tuổi. Cháu học giỏi, thi đỗ áp thủ khoa phổ thông cơ sở.

- Vây cả quá trình Nết sinh con, nuôi con một mình, anh Phú có đến thăm không?

- Anh có đến thăm vài lần như những người bạn khác của Nết, thời kỳ mới sinh cháu. Nhưng những người bạn khác còn có nhiều dịp trở lại, còn anh thì Nết cấm cửa luôn! Gặp nhau giữa đường, Nết cũng chỉ gật đầu chào anh rồi đi thẳng, không hề dừng lại, không ngoái lại. Bởi vì nếu không làm như thế thì hư sự hết, gia đình anh ấy sẽ tan vỡ mất thôi!

- Nết thật là dũng cảm, thật tuyệt vời!

Nhà văn thốt kêu và chợt nhận ra người bạn gái năm xưa của mình vẫn giữ nguyên khí chất của người chiến sĩ Trường Sơn. Chỉ khác một điều là sự dũng cảm ngày xưa tạo nên vẻ đẹp kiên cường bất khuất hùng tráng, còn sự dũng cảm ngày nay của Nết tạo ra một vẻ đẹp tâm hồn thuần khiết, nhuần nhị và lấp lánh. Và còn nữa, cái anh chàng Phú của Nết sao mà hay khóc thế?...

- Ở cái thị trấn ven biển này số người đi làm nghề chài lưới cho đến nay cũng chỉ là con số khiêm tốn. Phần lớn cứ nhớn nhoe chơi nhởi đợi tiền nước ngoài gửi về. - Nết nói. - Một người vượt biên khi đã được định cư liền bảo lãnh cho thân nhân qua ở bên ấy luôn. Anh em cô cậu ruột cũng vờ kết hôn với nhau để hợp thức hoá việc xuất ngoại. Có những ông già lợm khộm có tiền trong tay cũng bắt bồ được với những cô gái mới lớn. Thậm chí gần đây có một ông goá vợ về thăm quê với một bọc tiền, và mục đích là cưới cho được vợ ở quê nhà để làm bạn lúc tuổi già, rồi đưa vợ qua bên ấy sinh sống. Ông ta đến cầu hôn Nết, thật nực cười! Ông nói để

ông lo cho thằng cu Sơn của Nết học hành thành đạt.

- Sao lại nực cười? - Nhà văn cắt ngang lời Nết. - Trong mắt mọi người Nết là một phụ nữ cô đơn, có con phải nuôi con một mình. Người ta goá vợ thì người ta có quyền cầu hôn mình chứ?

- Đành vậy, nhưng sao mình có thể... với ai được? Một khi lòng mình chỉ có anh Phú. Hàng ngày mình vẫn soi mặt vào nửa tấm gương còn lại ấy, trong gương mình thấy khuôn mặt của anh rất rõ, thấy cả những năm tháng đầy kỷ niệm của chúng mình ở Trường Sơn.... - Im lặng một lát, Nết nói tiếp: - Là kể cho Phương nghe vậy thôi, để Phương hiểu rằng đàn bà con gái không có chồng muốn sống yên ổn không phải dễ. Tính đến nay cũng có mấy đám đặt vấn đề nghiêm chỉnh với mình.

- Theo mình thấy thì đúng đầu các đám ấy là kỹ sư Lâm. Nết không nhận lời cầu hôn của Lâm theo mình hiểu không phải vì ngại chênh lệch tuổi tác mà vì Nết còn quá nặng lòng với anh Phú. Phụ nữ chúng mình đã yêu thì chỉ yêu một người cho đến chết...

- Thế còn Phương, Phương chưa kể cho mình nghe về Phương?

- Mình ấy ư? Mình cũng có một người để yêu. Khi hết chiến tranh mình trở về thành phố tìm anh thì anh đã không thể nào kết hôn với mình được nữa. Người phụ nữ một khi yêu ai là yêu luôn cả sự nghiệp của người đó. Rất không may cho mình ở chỗ sự nghiệp của anh ấy là tu hành. Vâng, Người là một đáng bậc tu trì,

đạo đã cao chúc đã trọng. Vậy nên muốn bảo vệ sự nghiệp của Người chỉ có một cách duy nhất là để yên cho Người đi trọn đường tu.

- Tội nghiệp Phương quá! - Nét run giọng, nước mắt rưng rưng. - Vậy mà trước khi gặp lại Phương mình cứ tưởng mình là người phụ nữ bất hạnh nhất. Hoá ra mình còn hạnh phúc hơn... Vậy chớ Phương yêu anh ấy của Phương từ lúc nào vậy?

- Theo những gì mẹ mình kể thì hình như mình yêu anh khi mình vừa lên hai tuổi!... Mình không có được một nửa tấm gương kỷ niệm như của Nết, nhưng giờ đây hàng ngày mình soi mặt vào tấm gương đạo hạnh của Người để sống và làm việc cho đời.

Huế, tháng 8 năm 2001.

THƯƠNG NHỚ HOÀNG LAN

Tôi sinh ra dưới một mái chùa. Nghe kể rằng sư phụ tôi khi ấy còn trẻ, một hôm đi ngang bỗng động tâm hỏi: "Mô Phật, sao sau chùa lại phơi tã lót?". Nghe chuyện đời cha tôi, thầy bảo: "Hãy nhớ ngày này. Nếu có cơ duyên, mười năm sau ta sẽ trở lại". Trở về, thầy bỏ tăng viện, lên một ngọn núi hẻo lánh trong rú xa, dựng mấy nếp nhà cỏ. Từ ấy, thầy ẩn tu, hiếm khi xuống núi.

Lớn lên, tôi giống cha như đúc và rất được mẹ yêu chiều. Cha tôi mắt sáng, mũi cao, tiếng nói trầm ấm, tính tình hiền hoà trung thực. Khi còn là một chú tiểu đầu để chỏm, người đã nổi tiếng thông minh, mười lăm tuổi chép rành kinh chữ Hán. Rồi vì học giỏi, được cử làm giáo sư ở Trường trung học Bồ Đề, một trường phổ thông tư thục của Giáo hội. Lúc người sắp được phong Đại Đức thì gặp cô bé nữ sinh tinh nghịch, có đôi mắt hút hồn, đôi môi đầy đam mê và cái tính thích gì thì làm cho bằng được. Ban đầu, cô bé chỉ định quấy phá chơi để thử bản lĩnh của thầy. Nhưng rồi tình yêu là lửa, chính người muốn đốt lại cháy. Cả chùa ngẩn ngơ

khi người thanh niên đạo hạnh vòng tay thưa trước sư cụ trụ trì: "Yến bệnh nặng đã bốn tháng rồi, sợ rằng cô ấy chết. Thầy dạy con tu hành để cứu chúng sinh. Nay con có thể cứu một sinh linh, sao lại khước từ". Cha tôi rời chùa, cô Yến khỏi bệnh, rồi hai người thành vợ chồng. Ông bà tôi để lại một ngôi nhà, cha tôi cho dỡ đi, xây vào chỗ đó một ngôi chùa tu. Đã không bỏ đời theo đạo được, thì ông đem đạo về giữa đời. Sau khi đã có con, ông vẫn ăn chay, mặc áo nâu và tụng kinh sớm chiều. Có lần mẹ tôi đi chợ mua một xâu ếch, những con ếch theo phản xạ cứ chấp hai chân trước vãi lia lịa. Một bà đi ngang bảo mẹ tôi "Mấy con ếch lạy khéo không thua thầy M.H" Rồi bà cười ha hả: "*Đi tu mà chẳng trót đời, làm thân con ếch cho người lột da*". Tính mẹ tôi mau nước mắt, cứ vừa đi vừa khóc thút thít cho đến lúc tới nhà. Tối đó bà kéo nhều mãi, năn nỉ cha tôi tội gì không để tóc, ngả mặt, làm người trần cho sướng cái thân. Tu kiểu này, người ta nói không chịu nổi. Cha tôi chỉ cười, dường như chẳng để tâm. Cả đời người không tranh giành với ai mà như có phép thần thông, chạm vào đâu thì phát lên đến đó. Cơ sở làm hương trầm của người càng phát triển, mẹ tôi càng béo đẹp ra thì lời đàm tiếu của thiên hạ càng rần rần. Cuối cùng, chẳng hiểu vì sao, mẹ bỗng đột ngột bỏ đi mất tăm...

Cô ruột tôi giận lắm, bảo: "Mẹ mi là con yêu tinh, khi trước đã phá đời tu của cha mi, chừ lại phá luôn đời tục của ông". Ai cũng khuyên đừng báo thù, nhưng cha tôi chỉ nói "Đừng!" Ông không trách móc gì, nhưng có lẽ ông buồn, tiếng tụng kinh đêm khuya nghe chừng khắc

khỏi. Chao ôi, với những con thuyền khắc khỏi ấy, kiếp nào cha mới đến Tây phương?

Cơ sở làm hương từ đó phó mặc cho cô tôi. Cô tôi cho chặt cây, nhổ cỏ, sửa sang lại cho khu vườn sáng sủa: "Thiệt là hư sự, ai đời lập chùa mà lại trồng hoàng lan trong sân. Mùi hoàng lan là mùi ma, hèn chi ma chướng nó phá cho như thế ni".

Tôi dần dần nước mắt nhìn người ta chặt cây hoàng lan, cành lá vút bừa bãi trên mặt đất. Ngày xưa, gội đầu xong, mẹ tôi thường hái hoa giấu vào búi tóc cho thơm. Bây giờ người đã đi, hoa cũng không còn...

Năm tôi mười tuổi, có vị Đại Đức trên núi về thuyết pháp ở chùa Diệu Đế. Tôi đi theo cô tôi đến nghe. Khi trở về tôi xin xuất gia. Cha tôi bảo: "Kinh sách ở đây, chuông mõ ở đây, con còn đi đâu?" Tôi chỉ lắc đầu...

Nơi thầy tôi ẩn tu là Bích Vân am - am Mây Biếc. Mười năm khai sơn, thầy đã cùng đồ đệ trồng hơn hai chục mẫu bạch đàn và ba ngàn dò phong lan đủ loại. Các sư huynh dạy tôi chăm hoa, tưới cây mỗi sáng. Buổi chiều đi học ở trường Nam Giao. Năm mười lăm tuổi, tôi bắt đầu chưởng tính. Sư huynh hạch tôi: "Bạch thầy, Đấng Minh trốn học, la cà ở quán cà-phê Tím. Người quanh đó ai cũng chê cười, họ nói cô ruột Minh làm hương giàu có, cúng dường nhiều tiền, nên thầy thả cho Minh tha hồ tự tung tự tác". Tôi ức, lắm lì không nói, thầy cũng không quả. Tính thầy rất nghiêm, không mấy khi la rầy mà đồ đệ ai nấy tuân lời răm rắp. Chỉ riêng với tôi, không hiểu sao thầy đặc biệt khoan thứ.

Sợ thầy phạt, đợi lúc sắp vào tụng kinh, tôi biện bạch: "Bạch thầy, ngày xưa cha con thường bảo: tu trên núi dễ, tu giữa chợ mới là khó. Không ở giữa đời làm sao hiểu đời đục mà tránh?" Thầy hỏi: "Ai bảo con là đời đục? Đời không đục, không trong". Tôi hụt hẫng, không hiểu ý thầy định nói gì?

Tu trên non bây giờ thật ra cũng không phải dễ. Thầy tôi tránh đời vào núi sâu, nhưng rồi vườn lan Mây Biếc nổi tiếng quá nên người trần lại kéo lên thưởng ngoạn. Thứ bảy, chủ nhật, học trò đạp xe lác đác trắng trên con đường mòn tới thảo am. Mấy cô thiếu nữ nhỏ tuổi mê hoa ngẩn ngơ ngấm bông súng tím trong hồ, chạy vào đến tận hiên, chỗ thầy ngồi viết sách. Thầy không quở, cũng không ngẩng lên nhìn. Một cô bé chạy đến gần tôi, nhìn làn sương li ti mà tôi đang xịt lên những chồi đang đơm nụ. Cô hỏi tôi tên hoa, tôi giảng: "Đây là giống Tiểu Hồ Điệp, nghĩa là bướm bướm nhỏ. Em thấy không, trông xa chấp chới như đàn bướm cải màu vàng" Cô chìa hai bàn tay với những ngón búp măng, húng sương. Tôi cau mày: "Này, đừng nghịch". Cô bé cứ đùa với những bụi nước, chẳng để ý lời tôi. "Anh cứ tưới đi, em cũng là Lan". Tôi cúi, xịt cho nước rơi ướt cả tóc, cả áo cô bé. Mấy cô bạn cười rúc rích, khi về có cô còn nói vọng lại "Con Lan hên quá, gặp chú tiểu vừa đẹp trai, vừa quậy". Tôi tủm tỉm cười. Sư huynh tôi cúi kính: "Mấy con Thị Mầu đời nay quá quắt lắm. Bay không biết quyến rũ sư tăng là tội đoạ địa ngục hử?" Tôi cự: "Người ta chỉ đùa thế, có gì mà lại là quyến rũ".

Từ đó, vài ba hôm một lần, Lan lại đến giúp tôi tưới

hoa. Tôi dạy cho cô biết về phong lan, đây là cả một thế giới còn đa dạng hơn thế giới người. Phượng vĩ đỏ rực, Tuyết điểm thì trắng, Vũ nữ thì như đang múa trước gió. Lan phụng phịu: "Hoa nào cũng có tên riêng, chỉ em không có". Tôi nhìn khuôn mặt cô, đôi mắt trong trẻo với cái miệng cười hồn nhiên như trẻ thơ. "Vậy tôi đặt cho cô một cái tên. Tên cô là Tinh Khôi".

Thầy biết tình thân giữa tôi và Lan. Sư huynh không vui lòng, thầy chỉ bảo: "Không cần gì". "Bạch thầy, người này có bạn thì người kia có bạn, rồi con gái kéo đến đầy thảo am, còn cái thể thống gì nữa?". Thầy gật đầu. Chiều lại, tôi mài mực hầu thầy, thầy đem cho tôi xem bộ tranh mười bức vẽ mực đồng chân trâu. "Đây là thập mực ngư đồ, cũng là quá trình tu học của một con người. Trâu không là trâu, mà chính là cái tâm ta đó". Tôi động lòng, hỏi: "Bạch thầy, con xem bức vẽ cuối cùng, không còn trâu, chẳng còn người, chỉ còn trắng soi. Vậy có gì phải sống trong dây trói. Ngày xưa Tuệ Trung Thượng Sĩ là bậc ngộ đạo mà không kiêng rượu thịt, vì chay mặn chỉ là hình tướng bên ngoài, không can hệ đến sự giác ngộ bên trong". Thầy cười: "Đúng, con ạ, với bậc đắc đạo là thế. Nhưng khi ta còn là một người phạm, thì cũng như con trâu kia, phải có sợi dây buộc, có người chăn dắt. Đến khi cái tâm vững rồi, sáng rồi, mới có thể như trâu đen thành trâu trắng, không ràng không buộc, chẳng những nhón nhơ trên cỏ xanh mà còn bay lên đến chín tầng mây". Tôi vái thầy mà thưa: "Con hiểu rồi, nhưng nhà chùa chẳng thể xua đuổi ai. Từ mai con xin thôi không giữ vườn lan nữa".

Mấy hôm sau, Lan thấy sư huynh ra tưới vườn, còn tôi thì chẻ củi. "Anh không thích phong lan nữa sao?". "Không. Muôn hồng nghìn tía, chẳng qua cũng chỉ để nhìn trong chốc lát. Một đời tôi chỉ riêng nhớ hoa hoàng lan". Tôi giảng cho cô bé biết hoa hoàng lan cánh mảnh mai, vàng như màu chim hoàng yến. Thuở trước, cứ sắp rằm, mồng một, các bà hàng hoa lại đến mua, họ gói hoa trong lá chuối, từng gói nhỏ xinh xinh toả thơm ngậy ngát. Lan bảo: "Thích ghê, em chưa thấy bao giờ". Ừ, loài cây ấy có lẽ giờ đây đã tiệt giống rồi hay sao, nhiều lần theo sư huynh đi chợ mua bông chuối, tôi để ý tìm mà không thấy nữa. Tôi lớn lên lòng băng khuâng như thiếu vắng một thứ gì, cứ mơ hồ nhớ nhớ, thương thương.

Cuối năm, anh em tôi kẻ kéo người đẩy, chở phong lan xuống phố đổi gạo. Ông chủ tịch hội hoa cảnh hài lòng lắm khi thấy những dò mُمْ mĩm với chồi xanh đầy nụ. Ba bao gạo lớn được bung ra. "Cha ơi, con có làm một ít bánh trái cây để cúng dường". Tôi nghe tiếng, quay lại, sững người vì thấy Lan. Ông chủ tịch âu yếm bảo con: "Cúng dường thì phải cung kính. Con phải tự lên chùa lạy Phật mà dâng". Tôi hãi hồn, vội nói: "Thôi thôi, khỏi phiền nữ thí chủ. Nhận ngay ở đây". Lan bật cười, lại cái cười tinh khôn. Rồi Lan nhìn tôi buồn thiu: "Sao lâu nay anh không ra vườn? Em lên chùa, biết anh trong bếp mà mấy chú không cho vào. Riết rồi em buồn không muốn đến nữa".

Mấy buổi sau, tôi theo các bạn cùng lớp vào quán. Lan ngồi ở đó, sau chiếc bàn con bên cửa sổ. Các bạn tôi

ai cũng nhìn về phía Lan, còn cô bé chẳng nhìn ai, cứ lặng lẽ một mình. Ngồi ở một bàn xa mà tôi như thấy cả bầu trời hoàng hôn tím ngát ngoài kia đang in trong đôi mắt Lan. Mỗi đến khi chúng tôi ra về, Lan mới ngoái nhìn, ánh mắt thơ ngây mà náo nùng. Bỗng dưng tôi đỏ mặt, rồi tôi thấy hoảng sợ vì mình đã đỏ mặt...

Một người con gái chiều nào cũng ngồi ở quán Tím, chẳng bao lâu đã thành đề tài để bọn con trai bàn tán.

"Con Lan sữa tươi trông xinh vậy chứ nó mắc bệnh, bệnh sợ đàn ông. Đếch thằng nào đến gần được, nó tránh như tránh tà". "Không phải đâu, nó giữ giá để chờ lấy Việt kiều, thằng Hùng ở Cali về ngày nào cũng trực ở nhà nó". "Giữ giá cái gì, nó ưa thằng Quán chạy bàn ở cà-phê Tím. Tao thấy nó ngồi một bàn với thằng Quán, khóc rưng rức". Tôi im lặng, một lát sau mới bảo: "Khó tin". "Ồ đời chuyện gì mà chẳng có thể xảy ra. Bạn tôi nói, về ông cụ non. - chiều qua chính mắt tao thấy nó chạy ra sau quầy đưa bức thư cho thằng Quán".

Đạp xe về đã đến quá vắng lặng Tự Đức, tự nhiên tôi bứt rứt không chịu được. Tôi quay xe, đạp về nhà Lan. Mưa phùn lớt lớt trên con đường về Bao Vinh xa tắp. Mẹ Lan hỏi: "Nhà chùa có việc gì mà nhấc cháu lên? Thằng Quán về nhấc, tôi cho cháu đi ngay rồi". Tôi tái mặt, không kịp chào, đạp xe đi như tên bắn. Tim tôi dội thành thịch vì âm vang những lời của sư huynh khi Lan mới lên thảo am lần đầu: "Cô gái này đẹp dễ thanh tú, nhưng đuôi mắt dài quá, môi mỏng, cổ cao, tai nhỏ. Đây là tướng hồng nhan mệnh yếu"... Trời chập choạng tối, tối Nam Giao. Nhìn dáo dác hai bên đường, tình cờ thấy

Quấn và Lan cùng ngồi trong quán ốc. Quấn gọi rượu, đang ép Lan uống. Lan lắc đầu, Quấn cố nài. Tôi đi vào, đâm mạnh vào mũi Quấn: "Đồ lừa đảo. Từ nay chữa cái thói dở gái đi". Quay sang Lan, tôi nạt: "Đi về!" Không biết Lan có bị một thứ thuốc mê gì không, mặt ngây ngây như bị bỏ bùa. Tôi chở Lan đi. Quấn biết tôi có võ Thiếu Lâm nên đành chịu phép, hậm hực chùi máu mũi nhìn theo, cái nhìn của con thú mất môi...

Trên đường về, Lan tỉnh lại, gục mặt vào lưng tôi, khóc: "Em nhờ Quấn chuyển đến anh nhiều thư, anh có nhận được không?" Tôi cau mặt: "Em khờ lắm, sao lại đi với thằng Quấn?", "Quấn bảo em uống vài chén cho ấm, rồi lên đàn Nam Giao chờ Minh đến", "Em đừng quên, tên em là Tinh Khôi. Đừng đại dốt để bọn lưu manh làm cho nhơ bẩn". Nước mắt Lan chảy thấm qua chiếc áo lam của tôi, thấm vào đến da thịt. Dừng xe, tôi ngồi xuống vệ cỏ bên đường, Lan ngồi bên tôi. "Đêm nào cũng nằm mơ thấy anh dắt em đi thăm vườn phong lan. Mình về trông lan trong sân nhà em đi, có thích hơn không?". Tôi không trả lời, ngắt những cọng cỏ, vò nát trong đôi tay run run. Trên kia, trăng sáng quá, tròn và rực rỡ như chiếc mâm vàng giữa trời. Bỗng nhiên lòng tôi miên man nhớ những câu chuyện cha tôi vẫn kể ngày xưa... "Em có thích nghe chuyện cổ tích không?", "Thích". Tôi kể cho Lan nghe chuyện người tử tù đội chiếc mâm vàng đầy nước đi từ cổng hoàng cung vào trước ngai vua mà không sánh ra ngoài một giọt. Lan nghi ngờ: "Sao có người làm được như thế?". Tôi gật đầu: "Ngày ấy, nhà vua cũng đã hỏi như vậy. Vị thiên sư trả lời: "Bệ hạ đã hứa nếu y làm được thì sẽ tha tội

chết. Vì lẽ sống chết của y, nên dù việc khó vô cùng mà y vẫn chăm chăm làm bằng được. Nay nếu bệ hạ cầu giải thoát cũng như người này cầu sống, thì việc tu hành dù khó mấy cũng có thể vượt qua". Lan ngược nhìn tôi, lần đầu tiên tôi nhận ra trong hai cái giếng êm như nhung của mắt cô bé những tia sáng ương ngạnh lạ lùng. "Em hiểu rồi. Anh xem tu hành là chuyện sinh tử của anh. Vậy nếu em lại xem anh là chuyện sinh tử của em thì sao? Anh và em, ai đi trọn đường, ai bỏ cuộc?" Tôi bảo: "Em nói gì thế? Chuyện sống chết mà nghe cứ như là trò chơi sắp ngửa của trẻ con". Lan cười... Bàn tay nhỏ nắm lấy tay tôi, ngón thon vuôn vuốt như cánh hoa ngậm sữa. Vẻ đẹp này có phải phù du? Vẻ đẹp này là sắc hay là không? Chỉ thấy ngợp vì trắng. Trắng sáng quá. "Thôi, về đi em". Tôi đạp xe, trước mặt tôi chập chồn lấp lánh những con đường. Những mê lộ giữa đạo và đời, giữa ma và Phật...

Việc lộn xộn ở quán ốc chẳng mấy ngày đã đồn đến chùa. Cô tôi biết, tốc lên ngay. Tôi bảo: "Cô đừng lo. Chẳng có chuyện gì đâu", "Không có lửa, sao có khói. Ăn ốc, đánh lộn, giành gái. Thế còn gì là tu hành? Tau mà gặp con ma nữ đó, tau tước từ dưới tước lên". Tôi ngăn người một lúc rồi hiểu ra, không nín được cười. Cô bực tức: "Cháu tưởng chuyện gì cũng cười là xong sao?"

Quả là chuyện không thể cười mà xong. Mấy hôm sau, gia đình Lan mời tôi về.

"Con ma nữ" đã uống hai mươi viên seduxen, may sao nhà biết được chở đi cấp cứu. Mẹ Lan chấp tay lạy tôi như lạy Bồ Tát: "Bác biết tính con Lan lắm, từ nhỏ

nó đã nói là làm, đã làm là làm tới cùng. Sợ e cứu thoát lần này, nó lại tự sát lần nữa. Con cứu nó cho bác đi, con". Tôi cuống quýt: "Bác bảo con làm sao được?", "Con cứ giả vờ ừ đi, bây giờ nó mới lớn, tính còn ngông cuồng, vài ba năm nữa chừng chặc rồi tự nhiên nó hiểu ra". Ông chủ tịch hội hoa cảnh mắt đỏ au, nhìn tôi chờ đợi một lúc rồi bảo vợ: "Nói như bà cũng khó. Chú Minh đây tướng mạo khôi ngô, trước sau rồi sẽ có phúc được che lọng vàng. Lẽ nào vì con mình mà để người ta mang tai mang tiếng". Tôi thở dài: "Cháu đi tu không phải là mong lọng vàng che đầu. Chỉ vì nguyện giữ thân trong sạch để tụng cho mẹ cháu một nghìn lần kinh Thủy Sám". Nhớ tới mẹ, tôi bất giác đau đớn trong lòng, đứng dậy đi...

Tôi về chùa, từ ấy không đi đâu. Thầy hỏi: "Sao con bỏ học?" Tôi nói: "Suốt ở xa, con muốn ra triền núi đào giếng". Tôi tự đầy mình trong những nhát cuốc trên sỏi đá, đêm về tụng kinh, vẫn đôi khi chợt nghe tiếng mình khắc khoải. Có lúc nửa đêm chợt tỉnh, thấy thầy ngồi bên giường, lâm râm niệm chú. Tôi hốt hoảng vùng dậy "Bạch thầy?" Thầy tôi bảo: "Con giật mình, nói mê luôn, hắt tung cả chăn". Tôi nói: "Con tỉnh rồi. Rước thầy đi nghỉ, con xin ra bệ Phật niệm Cầu An". Thầy lặng lẽ một lúc, rồi bảo tôi: "Tâm không an, có cầu cũng vô ích". Tôi gật đầu thú nhận. Bao nhiêu đêm, cứ chớp mắt là thấy Lan hiện ra, mảnh dẻ, thanh thoát, đầu đội chiếc mâm vàng sóng sánh bước đi thẳng đến bờ vực. Tôi nghe tiếng thét của nàng vang động cả giấc mơ, nàng nhào xuống rơi thẳng vào không gian mênh mông như chiếc lá lìa cành trước gió. "Thầy ơi, nếu vào Niết Bàn

mà phải đập lên một chiếc lá, Phật có làm không? Xin thầy cho con hay, trời đất nặng hơn hay chiếc lá nặng hơn?" Thầy nhìn vào mắt tôi: "Chỉ có con tự trả lời con được thôi. Ngày mai con hãy về, cứ nhìn thẳng vào nghiệp duyên mà tự quyết định lòng mình". Tôi lắc đầu: "Thầy quên sao? Con đã thề khi nào đào xong giếng mới xuống núi".

Ra xuân, đường lên núi khô ráo. Hai tay tôi ướt bùn đỏ, những giọt nước đầu tiên đã ứa ra từ lòng đất sâu. Tôi chạy về chùa, định vào trình thầy, nhưng người đang làm lễ. Có người thí chủ dâng hương trong bệ Phật, mùi trầm mới thơm thơm trong không gian.

Đang gội nước rửa tay, tôi nghe có người bước đến: "Chú Minh!".

Tôi ngẩng lên. Mẹ của Lan. "Bác lên chùa cầu cho em đi bình an. Có cái này, em nó gửi lại...". Bà đưa cho tôi một cái túi nhỏ, rồi vừa quay đi vừa đưa khăn lau mắt.

Những dòng chữ trong thư, mảnh mai và run run như những cánh lan.

"Bốn trăm ngày chờ anh ở quán Tím, cuối cùng em cũng hiểu ra là mình thua cuộc. Đã đi mà chẳng tới, lẽ ra thì phải chết. Nhưng em chết thì anh làm sao yên lòng đi trọn con đường tu. Vì vậy, em đã quyết định lấy chồng xa xứ. Trong cái túi này là cây hoàng lan con, em nguyện tìm cho anh bằng được rồi mới ra đi. Em vẫn nhớ lời anh nói, một đời anh chỉ thích hoàng lan..."

Người ta cứ bảo là em khôn, lấy ông Việt kiều đi Tây, đi Mỹ cho sướng, chứ theo chi chú tiểu trọc đầu. Nhưng đi

Tây, đi Mỹ không phải là chí nguyện của em. Lấy một người mình không thương, đến một nơi xa lạ thì với em còn khổ hơn là chết. Xin anh hãy tụng cho em một lần kinh cầu siêu thoát, một lần thôi...".

Bất giác, tôi oà khóc. Nước mắt theo nhau lăn trên má tôi như ép cho hết những dòng tục lụy cuối cùng. "Cứ khóc đi, con!". Thầy vỗ về khi thấy tôi luống cuống che mặt - "Thầy chưa nghe nói gỗ đã thành Phật bao giờ". Tôi nức nở: "Bạch thầy, thầy có cho con trồng cây hoàng lan không?".

Thầy bảo: "Cỏ cây vô tội, sao mình không thể bao dung?" Rồi một tay dắt tôi, một tay cầm túi cây đến bên góc vườn, thầy tự mình trồng xuống.

Tôi tưới cây bằng nước giếng chùa. Hoàng lan lớn lên, năm này qua năm khác, nở hoa vàng mong manh. Mong manh như tất cả những gì đẹp trên thế gian.

Tôi cầm lòng thôi thương, thôi nhớ.

Huế, 12- 2000

ĐÊM GIAO THỪA

Từ ngày con trai chị Son đi bộ đội, hôm nay chị mới cảm thấy nhớ con nhiều thế này. Lạ thật! Không phải vì đã cuối tháng Chạp, sắp Tết. Cũng không phải vì chị mới nhận thư con. Thường mỗi khi có thư con về, hoặc viết thư đi, lúc ấy chị hay nhớ. Nhưng cũng chưa bao giờ lại nhớ đến nghẹn ngào. Chị nhìn ảnh con. Tám ảnh những đứa trẻ chụp chung nhau hồi tất cả còn đang học ở ngay Khu Gang Thép. Tám ảnh ấy, chị để giữa khoang đồ chơi của con: những sợi dây đồng, những mảnh đạn, thân máy bay gọt bằng gỗ... và chiếc tên lửa. Chiếc tên lửa, các con hì hụi làm ngày ấy... Nay thì hai đứa nhỏ đã sơ tán về quê, đứa lớn ra bộ đội. Chỉ còn mình chị ở lại nhà máy. Chị làm công nhân bảo quản thiết bị của Phòng Cung ứng.

Chị nhìn gương mặt đứa con trai lớn trong ảnh. Miệng nó mუმ mუმ, môi dưới hơi trễ, nũng nịu. Chị lại nhớ những lúc mình kéo con vào lòng, chị hay xoa xoa mó tóc cứng của con:

- Lớn lên, nếu có đi bộ đội, đánh bao nhiêu trận, hạ bao nhiêu máy bay Mỹ, thì về nhà với mẹ vẫn phải là thằng cu Huýt đấy nhá!

Huýt là tên chị gọi đùa con hồi nhỏ. Vì mỗi khi thức giấc cửa mình, con hay rúc rúc trong cổ như chim kêu.

Tên ở giấy khai sinh là Thúc. Từ ngày Thúc đi học, chưa bao giờ chị gọi con bằng cái tên trang trọng ấy. Chị thích gọi là Huýt. Bạn bè ở trường, cũng có đứa gọi Huýt. Huýt là tên thân mật ở gia đình. Vậy nên, tuy con đã vào bộ đội, mà chị vẫn giữ nguyên thói quen cũ. Chị càng thích gọi con bằng cái tên thơ nhỏ ấy. Vì chị muốn, đối với mình, con bao giờ cũng bé bỏng và cần sự che chở âu yếm của chị.

Đêm đã khuya. Càng khuya, trăng càng sáng. Trăng sáng, trời trong, rét buốt thoa thót. Bàn tay chị Son cóng tê. Đến bây giờ chị mới có thì giờ thu dọn đồ đạc trong nhà. Chiều nay, một quả bom nổ bên kia đường, thổi rạt gió sang nhà chị, đã làm mọi vật trong nhà đổ lộn hết. Lúc còi báo yên, chị Tính sang gọi, thế là chị chỉ còn kịp khoá trái cửa để đẩy, rồi hai chị em cùng chạy vội đi. Thằng địch đã ném rất nhiều bom xuống khu nhà máy của chị. Tổ chị đi lấp hố bom. Và các chị làm đến tận bây giờ mới trở lại nhà.

Chị Son nhìn thoáng xuống bếp. Con lợn xốc cám, nghe choàm choạp. Đến nó cũng phải chịu đói suốt buổi chiều nay, bây giờ mới được chị cho ăn. Nồi rau lợn bắt đầu sôi, ngọn lửa bếp hắt qua ánh liếp, nhảy múa, ấm áp. Bên nhà chị Tính cũng thấy sáng lửa. Chắc đương đun cám. Năm nay, ở Đại hội công nhân chúc, đơn vị đã đặt chỉ tiêu phấn đấu cho mỗi người tăng gia tự túc 12 cân thịt năm. Chị quyết đạt gấp tư. Con đi bộ đội, con đi sơ tán, thì chị vẫn tính cả phần chúng nó. Chỉ nuôi hai lứa lợn là đủ đạt tiêu chuẩn cho cả nhà.

Từ ngoài sân, một con chó vàng chạy xô vào. Cuống

quýt, nó vẩy đuôi, nó quẩn chân chị, nó rít, nó liếm, rồi nổ hít. Từ lúc bom nổ, bây giờ nó mới lại tìm được thấy người. Chị Son cúi xuống, vượt vượt lưng con chó. Chị múc cho nó vài thìa cơm nguội:

- Chiều nay tao cũng chỉ có ăn cơm nguội thôi. Rét không, Vàng?

Con chó rúc sát chân chị.

- Nghe bom nổ đừng sợ, nghe không?

Con chó ngừng nhìn chị, dường như hiểu, cặp mắt nó dịu hẳn xuống.

- Anh Huýt dạy Vàng thế nào? Báo động thì xuống hầm kia mà, sao ban chiều lại cong đuôi chạy mất?

Con chó này, Huýt xin của đứa bạn, dạo cậu sắp sửa ra đi. Cậu dặn mẹ:

- Mẹ đừng thịt nó, để nó trông nhà cho.

Quả thật, từ ngày vắng các con, chị đi làm về, có Vàng quẩn quýt, cũng vui. Lúc nhớ con, chị thường hỏi nó:

- Vàng có nhớ các anh không? Có mong các anh không? Đánh Mỹ xong, thống nhất thì anh về ấy mà.

Con chó Vàng vẫn nép sát chân chị. Nó rùng mình. Rét thật! Bàn tay chị Son gói ghém quần áo, đại chờ. Chị lại nhìn ra ngoài. Trời trong, trăng sáng, mai còn rét lắm. Nắng tốt, thì quân chó Mỹ lại lên vào sớm. Rét này, mà cháy hết chăn màn, quần áo, là gay lắm đấy. Chị nghĩ một mình "Mọi năm mà rét thế này, nhà máy đã cho giảm hết những sinh hoạt về đêm. Năm nay thì đêm vẫn làm, lại làm nhiều hơn trước".

Chị sức nhớ đến năm đầu tiên, mới mở công trường, cũng rét dữ dội. Chỉ những đội bê-tông không thể nghỉ, là đi làm đêm. Đêm khuya, dạo ấy bắt đầu thực tập đổ bê-tông chân móng nhà lô-cô, chị đẩy xe cút kít, hễ ngừng chân chạy là người chị run lên bần bật. Mà dạo ấy, đã làm gì có quần áo, giày mũ, đầy đủ như bây giờ. Nhà ở trong Khu Đông, phen đan lóng mốt, tường liếp có những khe hở đứt löt cả một bàn tay. Chị phải lấy giấy báo nhét cho đỡ gió. Thế mà cũng đã bảy năm.

Bây giờ thì nhà máy mình đã mở ra bao nhiêu khu công nhân, nhà ngói san sát. Còn Khu Đông trước kia chị ở, vì không nằm trong quy hoạch xây dựng thành phố Gang Thép, nên nhỏ dần, xơ xác. Dạo gần Tết năm ngoái, đi với con, chị mới có dịp vào lại Khu Đông. Chị đã nhận ra ngay những khu nhà cũ. Lúc bấy giờ, các anh công nhân phe-rô mới thành lập đơn vị, đến ở tạm. Hôm con sắp nhập ngũ, chị cũng đưa con ra chỗ các anh ấy làm, đưa con đi thăm khắp khu nhà máy. Hôm ấy, Huýt lại cười khi có ý như trêu mẹ.

- Con tưởng mẹ đưa đi đâu, cho chén cái gì, chứ vào nhà máy mình thì con lạ gì nữa! Ngày nào con chả đi qua, muốn vào lúc nào chả được. Nhà máy có chuyện gì mới, tụi học trò chúng con biết tin ngay.

Chị hiểu, nhưng vẫn dẫn con đi. Thăm lò cao, lò cốc, cuối cùng, tạt vào khu nấu luyện thí nghiệm phe-rô. Đối với những người đã đến ở qua Khu Đông, dù chỉ gặp một lần, chị vẫn có cảm tình đặc biệt. Đây là nơi bắt đầu, khi mẹ con chị mới đến xây dựng công trường,

giống như nơi chôn nhau cắt rốn của cuộc đời chị bước vào nghề thợ.

- Không phải vì lạ nhà máy, nên mẹ mới phải đưa con đi. Vì sợ... đến ngày về, những cái này không còn...

Nghĩ đến câu hôm ấy chị đã nói với con, chị Son bỗng ghen ngào. Chị chợt hiểu rõ nỗi lòng mình xúc động suốt buổi chiều nay. Không phải vì chị nhớ con. Giây phút đầu tiên, chị thấy mắt mình tung tức. Và như có vật gì dâng lên đè chẹn ngang ngực. Chính là lúc chị đứng ở cửa hầm, dõi sát những chiếc máy bay địch đầu nhọn lao chéo xuống. Chị đếm rõ những quả bom. Khói đen đùn lên, từ khu trung tâm nhà máy. Lúc ấy, chị buột kêu to:

- Nó ném Khu lò cao mình rồi!

Tim chị đập thành thịch. Chị nghe rõ tiếng trái tim mình đập hơn cả tiếng máy bay địch rú lượn và tiếng bom nổ, đương làm rung chuyển mảnh đất chị đứng. Tiếng người chỉ huy chiến đấu phát đi, lời kêu gọi xúc động trên loa:

- Quân Mỹ đã ném bom vào yếu địa chúng ta. Hãy trút hết căm thù lên đầu chúng nó!

Chị Son run lên. Bàn tay chị nắm chặt búi cỏ ở miệng hầm. Chị rướn người để nhìn cho rõ. Ống khói lò cốc, đỉnh lò cao số 1, những cột khói đen từng cuộn, từng cuộn, dâng cao, nổ xoè như những nắm đại. Những cột khói đột ngột đương lùi dần, lùi dần về phía chị đứng.

- Ngồi xuống, chị Son! Bom bi đấy!

Chị Son thụt đầu vào hầm. Những thùng bom bị dài ngoẵng, lúc lắc, trông thật căm ghét. Những thùng phản lực địch phơi trần bụng loáng trắng. Đạn của ta nổ chuyển trời. Một luồng gió mạnh thổi rạt người chị. Chị Son cắn bặm môi. Chị thoáng một ý nghĩ. Phải như mình có súng trong tay, chị dám nhìn thẳng vào chúng nó, chờ nó lao xuống, mình bắn. Nhưng một ý nghĩ khác tiếp theo luôn. Chị nghĩ ngay đến con. Thằng con chị, nó ở xa, lúc này, có biết không? Giặc Mỹ đang đánh phá vào nhà máy ta rồi đấy. Nhắm thẳng chúng nó mà bắn. Căm thù thì bắn được trúng, con ạ.

Chị nhìn đầu đầu vào trong nhà máy. Khói bom, bụi đất, gió thổi ngầu kín chân trời. Những tàn lửa cuộn bay về phía chị đứng. Chính lúc ấy, chính giữa lúc ấy, nước mắt chị bỗng ứa ra, nghẹn tức, rồi đọng lại ở đầu mi.

*

* *

Vừa còi báo yên, thì chị Tính đã tắt tuổi chạy sang gọi:

- Đi, chị Son, trên loa đang gọi chúng mình ra ngay nhà máy.

Chị Son chỉ kịp xỏ chân vào ủng, mặc vội chiếc áo vải mưa ngắn ngang đầu gối, kẹp cán xẻng trên vai, vừa chạy theo bạn, vừa ngoẹo cổ buộc lại nuộc khăn. Không còn biết rét, mà chị lại chưa ăn cơm chiều. Chưa thổi được cả cơm chiều. Chị Tính dúm cho chị củ sắn:

- Ăn đi cho đỡ rét! Nhà em đi ngay từ lúc nó mới bỏ bom. Mất điện toàn bộ rồi. Không biết có tìm gặp được mà đưa cho anh ấy vài miếng sắn!

Nói rồi, chính chị Tính lại chắc lưỡi:

- Đã có đơn vị người ta lo cho ông ấy. Thôi, chị em mình ăn hết đi.

Đến ngã ba, thì hai chị em đi chậm lại. Dòng người vào phía nhà máy lúc mỗi đông, mỗi vội vã. Nắng chiều vàng rực động trên những sợi lá bạch đàn. Bầu trời đã trở lại trong xanh, lơ thơ những dải mây trắng xốp, tưởng như không có việc gì dữ dội vừa xảy đến với Khu công nghiệp trẻ tuổi đương sức lớn này.

Chị Son đếm những hố bom. Đất nát vụn, cháy đen một màu than. Khu vườn sấn mất tan. Những luống cải, su hào, không còn dấu vết. Chỉ chiếc ống khói lò bánh mì xây gạch trần màu đỏ còn đứng một mình. Gian bán sách xinh xắn bằng gỗ sơn xanh, mọi khi chị Son đi làm qua, vẫn tạt vào mua tem gửi thư cho con, giờ cũng biến mất. Cửa hàng mậu dịch bán bánh quăn thùng, bánh xốp, phở, mùa đông năm ngoái, tan ca đêm về chị thường chen vào mua quà cho con, bây giờ cũng chỉ còn là một cái hố. Những sợi dây điện rủ lằng nhằng, tước xơ vì bị bom đánh. Quanh đấy, các anh thợ điện, người đeo mình trên cột, người đương kéo dây dưới đất...

- Chẳng thấy nhà em ở chỗ nào cả, chị Son ạ. Có lẽ phía trên kia, điện cũng còn hỏng nhiều.

Chị Son không đáp. Mỗi bước chân đi, mắt chị mỗi căng thêm. Chị nắm chặt tay bạn:

- Kia, những tấm pa-nen của chúng mình, nó đánh gãy sụn mất rồi. Cái nhà kho của mình đẹp thế, đứt đôi ở sống lưng, còn gì nữa.

Chị kêu lên:

- Trông những đường sắt của ta đi vào nhà máy, thương không, chị Tính?

Những thanh đường sắt bị vặn cong, oằn lại. Chị Son càng rảo bước. Quãng nào cũng lộn xộn những thanh gỗ, dây điện, gạch, vụn ngói xi-măng, và những cục than đen sì. Khi nhận ra những quả than cốc nằm vung vãi đầy khắp mặt đường nhựa, chị cúi nhặt. Chị cầm lên một viên. Đúng là cốc thật. Chị không vứt xuống đường, mà cầm nhăm nhăm trong tay. Than cốc có bãi riêng của nó. Từ lúc ấy, bước chân đi, chị hết sức cố tránh, sao cho khỏi xéo phải những viên than. Chị tưởng như tiếng lạo xạo dưới giày dội nhói vào lòng mình.

Suốt buổi làm, chị Son nghĩ ngợi. Những ý nghĩ nung nấu, khiến chị chỉ muốn bặm môi. Chị xúc đất, chị đầm, hai cánh tay như không biết mỏi. Lại nhớ những ngày đầu, gánh đất mở công trường, những kỷ niệm suốt bảy năm qua, dồn dập lướt tới. Bao nhiêu sức lực, bao nhiêu cố gắng, tự hào. Khi những người nghèo khổ đã vùng được lên, đã cầm được miếng sắt trong tay, thì dù miếng sắt ấy chỉ là lưỡi xẻng, ta cũng có đủ sức lực làm nên những việc long trời lở đất. Thằng địch nhai nhải mãi từ lâu rằng Khu Gang Thép là niềm tự hào của "Cộng sản Bắc Việt". Nó phải đánh vào niềm tự hào ấy. Vì một lẽ chúng ta đã xây dựng nên những công trình công nghiệp lớn mà không cần viện trợ của đô-la, không đếm xỉa đến bọn chúng. Nhưng chúng đã làm to, thông minh sáng tạo đã nảy nở ngay trong việc làm táo

bạo của chúng ta. Và nhà máy đã mọc lên, vũng vàng, trải qua biết bao trận bom giặc Mỹ.

Chị Son ngừng tay soạn đồ đạc, chị đứng tần ngần. Chị nhớ lại dạo con sắp đi chiến đấu, nhiều đêm nằm nghĩ về con, chị đã lo lắng, thương xót nhiều. Chị nói một mình. Nó nhỏ quá. Mới mười bảy tuổi, học thêm vài năm nữa, rồi nó đi cũng vừa. Nghĩ vậy nên một lần, chị đã ngáp ngừng xa xôi, ý như dỗ dành con:

- Nhà mình chỉ đến bây giờ mới có một con là học đến trung học. Mẹ còn nuôi được con học hết đại học. Ngày xưa mẹ vẫn ước, đến con là cho đi học mãi, cho sáng tỏ cái lúc ta được sống dưới chế độ của ta. Ông, bố, ngày xưa có ai được đi học nhiều như con...

Nghe mẹ nói dài dòng, Huýt bật buồn cười; nó hiểu ý ngay, vắn lại mẹ:

- Túc là mẹ sợ chứ gì? Không muốn con đi bộ đội chứ gì? Sợ khổ, sợ chết, sợ con không về nữa, mẹ cứ nói thẳng ra như thế đi. Mẹ lại giấu con. Vậy ở miền Nam, người ta đi đánh Mỹ từ 14, 15 tuổi thì sao? Có sợ chết không? Có còn bé không? Đánh Mỹ xong, lại học nữa không được à? Lúc ấy, con sẽ học đến tận đâu, tận đâu, cho mẹ thích, mẹ nhá!

Tiếng "mẹ nhá", hôm ấy Huýt nói thật to, như để pha trò, như để đùa dịu lại những câu nói vừa nói quá thẳng thừng với mẹ. Lúc ấy, chị Son bật im. Chị không giận con. Chị hiểu. Có phần nào chị nghĩ chưa đúng thật. Ẩn sau cái điều ao ước chính đáng kia, chị còn nghĩ quá về mình. Cái lối nghĩ phần nào ích kỷ hết sức

tự nhiên thường có trong những người làm mẹ. Chị sửa soạn cho con. Hôm đưa con vào thăm nhà máy, chị có ý định hân hoan, chị nói:

- Đi cho biết, kéo lâu ngày mới được về đây.

Lúc ấy, chị cũng đã thoáng nghĩ một điều. Có khi con về, những cái này không còn nguyên vẹn nữa...

Chị Son nhắc từng cuốn sách, từng thứ đồ chơi của con lên. Chị phủi bụi. Những thứ đồ chơi vật vãnh này, chính tay chị nhặt nhanh từ các xó nhà, góc bếp, cửa hòm, rồi cất gọn vào đây. Dạo các con còn ở nhà, có lần chị còn mắng:

- Tha những thứ này ở đâu về bọn cả nhà, chơi xong, chẳng chịu cất dọn, lại để mẹ phải hàu.

Thằng cu Huýt hôm ấy đương bận loay hoay làm gì, nghe mẹ mắng, chạy vội đến xuýt xoa, thu thu vén vén:

- Ấy ấy, mẹ đừng rút, quan trọng đấy.

Nó lôi ra xó khác, lại để xuống, khiến chị phì cười:

- Chỉ được cái dọn quanh.

Một ống bơ, một chân bóng đèn vỡ, mấy cái đinh ốc, vỏ ống thuốc tiêm... và những gì gì nữa, chị không hiểu nó đã nhặt ở đâu, dùng vào việc gì... Nhưng từ ngày con đi, thì một tý chút con để lại nhà, đối với chị, cũng là quý. Nhớ con, chị ngắm những vật này, tưởng thấy được dấu vết những bàn tay xinh xẻo đương nâng niu nó và những cặp mắt thơ trẻ đương nhìn nó, suy nghĩ, chăm chú. Dạo còn ở nhà, các con chị say mê chế một cái tên lửa có bộ phóng và có thể bắn bay lên được.

Hồi đầu, chị không biết cho đây là trò trẻ chơi nghịch. Sau dần, thấy các con ham quá, chị mới chú ý. Thấy chúng bàn bạc nghiêm trang, lại mỗi đứa tự nhận một phần việc, riêng một đứa làm tất cả mọi việc trong nhà đỡ chị, chị mới thương. Không hiểu chúng học cách làm tên lửa bao giờ, dựa vào sách báo nào, chị chỉ biết chúng làm trông cũng giống giống. Chị đã được thấy những bộ phóng tên lửa thật, với quả đạn dài nghêu, chở trên những chuyến xe cao lênh khênh đi ngoài đường, những đêm chị đi làm về. Chúng bàn nhau rất hăng về "vấn đề chất đốt". Đầu que diêm có thuốc, phim ảnh cắt nhỏ... nhưng tất cả đều không đủ sức đẩy tên lửa bay lên.

Chiều hôm ấy, đúng 30 Tết, cu Huýt ở đâu chạy về gọi em:

- Có chất đốt rồi, các chú bảo đêm nay ra nhà máy chơi giao thừa, các chú sẽ cho.

Lúc ấy, chị Sơn ngồi bếp thổi cơm, quay vội ra, hỏi:

- Chú nào, cho cái gì?

- Giao thừa, mẹ có đi nhà máy không? Mẹ biết các chú làm phe-rô chú? Các chú bây giờ ở Khu Đông ấy, lại ở đúng cái nhà của đội bê-tông mình trước, con nhận ra ngay.

Nghe nhắc Khu Đông, chị hỏi sẵn đón:

- Thế nào mà quen được các chú? Phe-rô là cái gì?

Khi hiểu phe-rô là một thứ hợp kim rất quý, đắt lắm, lâu nay ta vẫn phải nhập của nước ngoài, nếu đem pha chế vào thép, sẽ cho thép tăng nhiều tính năng đặc

biệt rất cần trong công nghiệp luyện kim, thì chị càng muốn biết. Buổi khuya, chị đi cùng các con.

Cảnh tượng khu lò phe-rô đêm giao thừa ấy thật lạ. Không to lớn vĩ đại như chị tưởng tượng. Lò luyện thép hợp kim. Đây chỉ là một cái lò nhỏ, dùng vào việc thí nghiệm. Hơn chục anh công nhân, kỹ sư rất trẻ làm việc ở chỗ góc cuối cùng của xưởng gạch chịu lửa. Lồng chống dây đó, mỗi nơi một đồng nguyên liệu. Cái lò đơn giản, hình thù như chiếc cối giã, cao hơn đầu gối người một chút, đương được các anh đốt củi sấy nóng trong lòng. Một tấm tôn bẻ cao thành góc làm chảo, đặt trên những viên gạch kê thay bếp, dưới đốt củi sấy nguyên liệu. Mỗi lần lưỡi xẻng đảo trộn hơi mạnh, là mỗi lần cái bếp chao nghiêng.

Chị Son mỉm cười. Chị nghĩ, làm như cách chơi chơi thế vậy mà cũng gọi là lò. Tưởng chưa được như lò cao, lò bằng, thì cũng phải như cái lò nấu thép trong xưởng cơ khí. Cái này chỉ bé tí xiu. Đúng 11 giờ 30, các anh xúc xẻng nguyên liệu đầu tiên rắc vào lò. Chế độ nạp liệu đã được ghi sẵn trên bảng. Lửa bốc lên. Ngọn lửa sáng trắng thật lạ. Từ tám bé, giờ chị mới được thấy ngọn lửa sáng như vậy. Chị chăm chú, chị suy nghĩ. Đối với chị, trình độ về khoa học và kỹ thuật không đủ giúp chị hiểu biết những công trình nghiên cứu nấu luyện các loại thép hợp kim công phu, khó khăn và hết sức mới đối với ta thế này. Chị chỉ biết, đã gần năm nay, các anh nghiên cứu và sản xuất thành công một số loại phe-rô cũng ở cái góc nhà kho lũng củng này. Đầu năm mới, họ nấu thí nghiệm một mẻ phe-rô loại mới, khó hơn.

Ngọn lửa sáng trắng nháy nhót. Lò đầy dần. Và ở phần dưới, đã ánh ra màu đỏ da cam của thép hợp kim nguyên chất đang tan ở thể nước. Khói mù mịt, khé mũi. Chị Son ho sặc sụa, nước mắt chị chảy dào. Nhìn mọi người, chị còn thấy thấp thoáng trong màn khói. Khói như sương mù. Chị nhớ ngay đến cái đêm giao thừa năm xưa, sương cũng xuống mù mịt, tổ các chị tập đổ bê-tông đến mẻ cuối cùng hoàn thành chân móng. Cái chân móng lô-cô khi ấy sao nó to lớn vĩ đại quá chừng, các chị vừa đổ vừa lo, vừa sợ. Thế mà cũng chỉ qua đêm giao thừa ấy, sang năm mới, các chị đã đổ luôn bê-tông những công trình chính của Khu Gang Thép. Sau đấy, nhìn lại cái bệ lô-cô mới buồn cười, thật ra, nó chỉ bé tí xíu như cái bếp lò. Thế mà khi ấy... Thì cũng giống cái lò phe-rô thí nghiệm này, chắc về sau lò phe-rô thật sẽ to lắm, lớn lắm. Đối với những cái bắt đầu nhỏ bé, mình không nên coi thường thật.

Lúc ấy, chị ngừng nhìn con. Qua làn khói, chị nhận ra cu Huýt đang nắm chặt tay em, nhìn ngọn lửa, chăm chú. Khi Huýt chăm chú điều gì, nó hay có thói quen cắn bặm môi dưới. Chốc nó lại đưa mắt nhìn đồng nguyên liệu lấp lánh trắng, từng sợi quấn queo, mỏng như vỏ bào. Chính cái ấy đã làm ra ngọn lửa.

- Cái này là chất gì đấy chứ?

Chị nghe tiếng con hỏi, cái tiếng bắt đầu ồ ồ thật đáng yêu.

Anh công nhân nhìn Huýt, cười. Anh cúi nhặt vài sợi đưa cho Huýt:

- Ma-nê đấy. Đốt thử xem!

Chiều trẻ, anh quẹt que diêm. Miếng ma-nê bùng cháy, sáng rực.

- Cái này dùng làm "chất đốt" tốt đấy, anh Huýt ạ.

Thằng em bắm khế tay anh, thì thào. Huýt đưa mắt nhìn em.

- Chú cho cháu vài sợi nhé.

- Ừ, lấy đi,

Không chờ anh bảo, thằng em cúi nhặt. Nó không dám xin nhiều, chỉ cần vài sợi. Nó nắm chặt trong lòng bàn tay, rồi chạy vội đến bên mẹ. Nó hé bàn tay và chỉ để hở tí tí đủ cho chị Son trông thấy. Nó ghéech mặt, cười.

Mẻ nguyên liệu cuối cùng kết thúc đúng lúc chuông đài phát thanh ngân nga thánh thót báo hiệu giao thừa. Mọi người đứng nghiêm nhìn ngọn lửa trắng loá. Tiếng Bác Hồ đầm ấm.

Đêm ấy, các con chị không ngủ. Chúng tiến hành tiếp tục "công trình nghiên cứu". Và đúng 4 giờ 30 sáng, còi tâm nhà máy rúc gọi hồi đầu, Huýt mời chị ngồi ghế, trình trọng chứng kiến "thành công đầu" của chúng: Quả tên lửa nhỏ xíu, đặt trên bệ phóng, phụt lửa, bay vút lên...

Bức thư con viết gửi về chị Son mấy tháng trước đây cũng nhắc lại kỷ niệm ấy. Chị đọc đi đọc lại đã bao nhiêu lần.

Con không thể nói rõ hiện con đang ở đâu, và thuộc binh chủng nào. Nhưng mẹ đoán cũng biết. Những việc chúng con "nghiên cứu thí nghiệm" hồi ở nhà ấy, mà đêm giao thừa năm ngoái mẹ đã chứng kiến,

này không còn phải là điều con ao ước. Nó là công việc thật sự con được làm hàng ngày. Chính nhà máy là người đầu tiên đã nuôi dạy con. Con hứa với mẹ, dù đi đâu xa, dù làm việc gì, con cũng nhìn về nhà máy. Mẹ tin con. Gian khổ hy sinh, con quyết xứng đáng là con của Gang Thép, của mẹ. Con dặn mẹ, mỗi khi thăng địch đến nhà máy ta, mẹ nhớ biên thư ngay cho con. Con chỉ mong khi trở về, nhà máy ta vẫn còn nguyên vẹn, thì những công sức của tất cả chúng ta, có phần mẹ con ta đóng góp, không uổng phí. Lúc ấy, con trở về với mẹ, con sẽ đi làm nhà máy. Con cùng đi làm với mẹ, con sẽ vừa làm, vừa học, học cho hết đại học, mẹ có vui không? Mỗi khi nhớ con nhiều, mẹ cứ nghĩ đến ngày ấy...

Chị Son cầm quả tên lửa nhỏ trên tay, ngẫm nghĩ. Chị như trông thấy rõ được cả gương mặt con trai mình thơ trẻ, đầy lòng tự tin, và rất đổi hiền dịu. Chị tưởng như nó biết, nó đã biết rõ tất cả mọi việc vừa xảy đến cho Khu Gang Thép mình chiều nay. Và nó hiểu rõ cả nỗi lòng chị đương nghĩ đến nó. Trước kia, tan ca về, nhìn khu nhà máy, nhiều lần chị đã nghĩ: Sẽ có ngày Khu Gang Thép mình phải trải qua những cơn đau dữ dội. Nhưng tất cả những điều nghĩ ngợi thấu đáo ấy, cũng không khiến chị xúc động mạnh đến như hôm nay, chị đã chứng kiến cảnh tượng nhà máy...

Cuộc chiến đấu của nhà máy ta đã bước hẳn sang giai đoạn quyết liệt. Sẽ còn quyết liệt gian khổ hơn nhiều. Hôm nghe Bác Hồ kêu gọi, chị không hiểu tại sao nước mắt mình bỗng giàn giụa. "Nhân dân Việt Nam quyết không sợ, đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ

xây dựng lại đất nước ta đang hoàng hôn, to đẹp hơn".
Chị nhớ lần Bác đến thăm Gang Thép năm nào, giữa những ngày còn khó khăn và chị mừng tượng như Bác đương nói với mình, như Bác nói với nhà máy mình...

Chị xếp quả tên lửa của con vào ô tủ. Chị đặt lại tấm ảnh của các con vào chỗ cũ. Chị đương hình dung lúc con trai mình ngồi trước tấm màn ra-đa xanh biếc, loang loáng những chấm sáng luôn luôn di động. Lúc ấy, gương mặt con thế nào? Nó có cắn bặm môi chăm chú như khi đứng nhìn ngọn lửa rực trắng ở lò phe-rô đêm giao thừa ấy? Hay mặt nó hớn hở như khi bắn được quả đạn tên lửa tí xiu của nó vút bay lên sớm hôm Tết ấy?...

- Nay, bà Son, vẫn còn thức cơ à? Đã có điện chạy được vào nhà máy rồi đấy nhá.

Chị Son đứng phắt, chị sực nhớ:

- Anh Tính! Điện nhà máy ta sáng rồi à?

Chị bồi hồi. Chị hé vội cửa, nhìn về phía nhà máy. Một vùng trời sáng trắng tinh khiết, thân thuộc... Và từ phía ấy, đương cuộn cuộn dâng lên một cột mây trắng xoá, dấu hiệu cốc đã ra lò. Chị sung sướng reo khê:

- Nhà máy ta vẫn sống, con ạ.

Tự hào tràn ngập, những ý nghĩ lấp lánh như muôn ngàn vì sao nảy nở trong lòng. Chị Son thoáng nhớ cái chảo bê-tông đơn sơ hồi đổ móng nhà lô-cô Tết năm xưa, thoáng nhớ cái lò thí nghiệm phe-rô nhỏ bé đêm giao thừa, và thoáng nhớ quả tên lửa xinh xinh của con "sáng tạo"... Ta đã bắt đầu được từ những cái

nhỏ bé ấy, thì ta có đủ sức lực mở ra những năm mới sắp tới đầy ánh sáng... Chị thăm thì với con:

- Nghe tin nhà máy, hãy bình tĩnh, con nhé, nhằm thẳng đầu chúng mà bắn, Thúc ạ!

Chị gọi Thúc. Lần đầu tiên trong đời, chị gọi con bằng cái tên Thúc trang trọng, cái tên mà ở đơn vị, các đồng chí hiện dùng để gọi con mình, cái tên của một anh bộ đội.

Vợ. Ngựa - 1966

THỜI GIAN VĨ ĐẠI

Có tiếng gọi công. Chìm trong biển âm thanh chung đụng của thời đại điện tử giữa khu tập thể như đang lún xuống trong bóng đêm, tiếng gọi chấp chới như tiếng kêu cứu bên kia song rào.

Máy truyền hình nhà họ lập tức được vặn nhỏ để mẹ con cùng đồng tai nghe. "Ai không chịu bấm chuông mà cứ gọi ới ới!" - cô con gái cầu nhàu, nhưng không muốn đứng lên, chú mí Đôrêmon trên màn ảnh kia tài ba quá! Người mẹ đành rời bàn viết, giọng đàn ông vắng vắng buộc chị phải nhìn lại chiếc áo váy ca-rô lưng gối mình đang mặc trong nhà. Chị tung cửa nhưng không vội bước ra. Trong đêm mùa mưa sũng ướt thấp thoáng vóc đàn ông nhỏ, không mũ nón và chừng như không hành lý tần ngần áp trán bên chấn song. Nhìn kỹ, chị thót người bật lên một tiếng rên, nãy giờ đôi mắt người đàn bà đang vào tuổi bốn mươi đã làm chị lơ ngơ đi nhiều.

Vớ vội khâu chìa khoá trên bàn, chị nhún vai: "Cậu Hai tới, nha con!" Cô con nhìn mẹ hỏi cậu Hai nào? Chị cau mày ý tứ, rồi nhón chân đi qua khoảng sân, cô nhỏ hiểu ra ngay từ cái cau mày ấy. "Hèn gì, chỉ có cậu Hai mới không thèm nhìn thấy núm chuông bên cổng!" - cô nói đuổi theo lưng mẹ và ngồi tét lại trên nền gạch kéo

mền phủ kín đôi chân - cô đang từng từng chờ xem màn viếng thăm chắc là phải ngộ nghĩnh lắm.

Chị cúi xuống tra chìa vào ổ khoá, nghe mùi thuốc thơm ngoài rào suýt qua mái tóc. Giá ngày xưa, vâng, giá còn ngày xưa ấy, chị đã rúm ró cười, đã cống hết tay chân, đã mềm rũ từng sợi thần kinh, nhưng bây giờ, bây giờ chị chỉ hỏi anh từ Sài Gòn xuống tới miền Tây hồi nào? Rõ là xã giao, mà cũng chỉ còn xã giao thôi. Người ấy làm thỉnh lách vào, mùi của ngày xưa gần hơn, áp đảo, ấy là cái mùi một thời vàng son, một thời làm chị ngây dại khốn khổ.

Vẫn im lặng một cách kỳ lạ, người ấy đi bút lên chùi chân lên chiếc thảm xơ dừa trên ngạch cửa. Trong lúc đứng lùi phía sau, không biết thế nào cho tự nhiên, chị lảng xảng: "Có N. xuống chơi không, sao anh không kéo N. xuống đồng bằng một lần, anh tệ quá đó!" Lại làm thỉnh, dấu hiệu kỳ lạ tiếp tục. Rồi anh rướn người qua cửa xởi lời: "Chào cô bé lớn đại! Còn nhớ cậu Hai không?" Cô con nhà họ đứng lên chéo đôi tay cúi chào khách, rồi ngồi xuống ngay, mền lại phủ chân, đôi mắt tinh quái của cô đồng đưa với cả hai người.

Không đợi chủ nhà thu xếp, anh ngồi sà xuống chiếc ghế dựa gần cửa - nhà họ còn chưa sắm được bộ bàn ghế ra hồn. Lần trước, hình như cả lần trước nữa anh cũng ngồi như thế bất đĩnh đứng vào chỗ ấy và cũng y rằng là từ chiếc túi nào đó trên người nhảy ra gói ba số cùng với chiếc bật lửa vàng, thứ vàng đặc trưng Thụy Sĩ. Lần này bàn tay anh toát ra không khí uể oải, bất cần. Mùi hương đàn ông sang trọng đậm dần

trong căn nhà không mấy khi có hơi hướm đàn ông. Lúc này chị ngồi phứa xuống chiếc ghế còn chưa kịp xoay cho thuận chiều bên bàn viết, ngõ ngàng. Chỗ của họ ngẫu nhiên ở vào vị trí đối xứng, cách nhau đúng bảy viên gạch.

"Anh xuống tới đây hồi nào?" - chị hỏi lần thứ hai, giọng điệu bình tĩnh nên nghe bớt xã giao hơn. Anh thông thả nhướng đôi mày đen mượt đẹp như vẽ: "Thì đi cùng với mấy ảnh từ Sài Gòn! Mấy hôm rày họp ì xèo bàn chuyện đại sự khu vực dưới này, em viết lách mà mù tịt a?" Sực nhớ, có khi nào anh ấy đi mà thiếu *mấy ảnh* được, chị nhìn cụp xuống mấy ngón chân, không thốt được câu nào như bị cứng lưỡi. Cô con chị nhướng đôi mày cũng đen cũng sắc lại với khách: "Vậy cậu Hai để vuột *mấy ảnh* đâu mà lang thang đây?" Cậu Hai của cô lại một lần nữa nhướng mày, thản nhiên: "Mấy ảnh có tỉnh lo. Cậu phải phá vòng vây bia của mấy tay văn phòng tỉnh ủy để lần tới đây đó!" Chị nghiêm miệng để khỏi bật cười hay để một câu gì, giờ thì chị bình tâm nghe rõ mùi rượu từ gương mặt điện ảnh của anh, cái mùi từng quen thuộc nhưng đã xa lắm, nó không còn khiến chị áy náy hay nổi giận nữa.

Không khí tự dung trực trặc như không thể cứu vãn được. Bóng nê-ông thước hai trên tường hôm nay sao kêu dữ quá. Hai bàn chân chị đánh qua đánh lại không thương tiếc đám tuy-líp xanh xanh in trên men gạch, cho qua thời giờ. Chị những muốn, vâng, trước đây chị còn muốn khoe mẹ con em thắt lưng buộc bụng mấy năm trời mới lên được gạch bông và phủ trần kia, anh nhìn thử xem! Thôi! Chị âm thầm cất những lời đó lại,

âm thầm một cách ngoan cường pha lẫn bực mình. Chị trân trân nhìn tàn thuốc lá bị cánh quạt trần xua dạt trên nền nhà, hình như chúng đang quay tròn trong điệu vũ về một chân dung. Chị càng bình tâm hơn, ngược lên đơn đả: "Con, con chạy đi xem cái gạt tàn mẹ cất đâu trong bếp. Nãy giờ mẹ con mình sợ ý quá! Khổ, Nhà mấy khi có khách đàn ông mà chúng gạt tàn". Chị mừng vì mình vừa lập được thái độ lịch sự đúng mực của gia chủ.

Cô con chạy đi, tức tốc trở lên với chiếc gạt tàn sành hình con ếch. Hình như cô nhỏ không thể rời mắt khỏi cuộc gặp gỡ chờ vờn của mẹ. Ếch sành nghếch mõm về phía khách, còn khách thì hướng về phía cô nhỏ, chăm chú, nghiêm trang. "Con bé này giống hệt mẹ, hay đấy, - anh nói, giọng kẻ cả quen thuộc. - Hồi anh biết, nó mới vô lớp một, đúng không Liên?" Chị ít cũng đã có đề tài với khách, chị vội bắt lấy đưa đà: "Người ta học đại học rồi, có người yêu rồi, con bé gì nữa, cậu Hai? Người yêu đẹp trai hết ý, nghe!". Anh phát ngay một cử chỉ bề trên: "Đàn ông không cần đẹp, chỉ cần cái đầu!" Chị nhìn anh chằm chọc: "Anh cũng đẹp trai!"

Anh lại nhướng mày. Anh rất hay nhướng mày, như cần phải biểu diễn một giá trị. Lần này cái nhướng của anh đượm buồn, u ám, dấu hiệu kỳ lạ thứ tư. Phải nhận rằng anh đẹp, đẹp kiểu mẫu, ấy là xét bằng cái nhìn hoàn toàn tỉnh táo bây giờ, chứ ngày xưa, ngày chị mới nhìn thấy anh lần đầu cách đây mười mấy năm thì anh còn hơn thế - anh là thần tượng với tất cả ý nghĩa sang trọng của từ này. Theo chị và theo những người hiểu chị thì điều này rất dễ lý giải, bởi bên cạnh chị lúc

đó là anh chồng trắng bong bóc đầy đáng vẻ nô bộc gọi hình ảnh đứa em trai xuôi chèo mát mái. Chị thường xuyên tự hỏi người này là chồng của mình ư, dù họ đã có một mặt con và, những khi anh cúc cung hay thụ động một cách quá hiền lành thì chị tưởng đầu óc da thịt xương cốt anh làm bằng đậu hũ. Vì vậy khi lần đầu tiên nhìn thấy người ấy trong một cuộc họp, chị đã bị xuyên thấu, nổ bùng. Người ấy có gương mặt rắn rỏi, nước da nâu lý tưởng, phong độ, cứ như diễn viên điện ảnh biết mình được ngưỡng mộ, riêng đôi mắt thì đặc biệt đen, đen rong róc như lúc nào cũng sáng sành chữ nghĩa dưới đôi mày rậm mượt như nhung. Lúc ấy anh mới từ Liên Xô về nhận chân thư ký cho anh Tư, Bí thư tỉnh ủy. Chị đơn phương ngay với hình ảnh anh, nhâm nhi mãi hai từ tiếng sét, thứ mà chị tưởng chỉ có trong tiểu thuyết diễm tình.

Vậy mà giờ đây chị chỉ còn thấy có cái mã đẹp, thuần một cái mã đẹp. Chị nén một tiếng thở ra vì không nỡ nói gì thêm sau cái nhướng mày mỗi mệ của anh. Nhưng phải có đề tài gì để câu giờ với khách chú! Chị sức nhớ: "Cô con riêng của anh xong đại học chưa, lấy chồng chưa?", "Rồi! - anh đáp qua loa, nhìn nhanh xuống đầu ngón tay gí trên gạt tàn, rồi lại tiếp tục sẫm soi cô con của chị. - Nhìn kỹ, con bé này giống anh à, Liên. Em so đi, giống là cái chác!" Cô nhỏ bật cười rinh rích, cười phô cả hai chiếc răng khểnh, cười như những lần đám đông thân thích của mẹ đưa cô ra để giống ông này cái mũi giống ông kia cái trán cốt làm vui bữa nhậu. Anh không quên nhướng mày: "Thật mà, vậy chớ không có thời con đồng lõa với mẹ chuyện cậu Hai à?". Chị hoảng hốt, trời, sao nói chuyện đó

ở đây, sao dùng từ đồng loa ở đây, cái ông thần kinh này! Chị nghiêm mặt gắt: "Con, con chạy đi lấy nước đá cho cậu Hai chữa rượu đi!"

Cô nhỏ ngoan ngoãn chạy đi, về phớt lờ hết sức người lớn. Khi còn lại hai người, chị trân trối nhìn anh, hạ giọng: "Bữa nay anh sao vậy?" Mặt anh tối sầm như thể trời chuyển mưa và nhướng mày thật cao: "Bữa nay à? Bữa nay anh... muốn ngủ lại đây!"

Không hiểu sao chị bật cười, cười ngắn, nhưng sau đó thì cảm thấy từng chân tóc, từng tế bào rung rinh. Anh muốn ngủ à? Thì anh đã ngủ với chị ngay cái lần chị đến anh với cái có mượn sách. Lần đó, đúng ra là tối đó, khi vừa biết anh ly dị vợ, chị đã đơn phương quyết định chấm dứt thời kỳ yêu nhớ đơn phương để lao đến với anh, nói với anh những lời chị đã định nói từ lâu. Chị một mực tin anh sẽ vồ vập chị, bởi chị sẽ đem đến tình yêu trinh nguyên và hạnh phúc cho anh. Anh bảo: "Anh biết chứ, anh biết thế nào cũng có ngày này. Anh biết em lặng lẽ yêu anh từ lâu. Người như em làm sao sống nổi với tay chồng nhạt bởi như cơm nguội ấy!" Nhưng anh chỉ cọ đầu vào trán chị, ban phát, ôi, cái mùi của anh, cái mùi khô sạch dịu dịu và thơm phức mùi thuốc thơm! Rồi từ từ, từ từ chị bị hút theo mấy ngón tay anh, chị bủn rủn như bị lỏng từng khớp xương khi cùng anh ngã bật xuống chiếc giường đơn trong căn phòng anh vừa ở vừa làm việc suốt thời kỳ ly thân vợ. Khoảnh khắc đầu chỉ bằng khoảnh khắc con gà trống ban ơn cho một con gà mái và chị cố chờ, nhưng hình như môi chị không được gắn một chiếc hôn nào. Thế rồi

trong lúc anh lúi húi với việc thu dọn riêng anh thì chị ngồi dậy, xấu hổ như muốn chui xuống đất. Nhưng chị không bớt yêu anh, yêu còn hơn yêu bản thân mình, nên bất chấp các cuộc họp vắn vẹo, bất chấp khẩu K.54 trong ngăn tủ của người chồng, chị thú thật hết với anh ta và đề nghị được giải phóng. Làm sao có thể dối trá một tình cảm thiêng liêng như vậy, với một người sáng giá như vậy? Nhưng khi nghe chị kể lại cuộc đấu khẩu với chồng, người ấy đã cau mày: "Em đại lắm, em còn bé con lắm. Em không biết mình sống ở thời nào, nước nào sao? Có điên mới đưa tên anh vào cuộc!" Chị ngớ ra, tê tái: "Nhưng em không thể không trung thực, không thể đi lại cùng lúc với hai người đàn ông. Có gan yêu thì phải có gan chịu chứ!" Anh tiếp tục nhướn mày: "Dù sao em cũng là cô bé con!" Vậy rồi khi Bí thư tỉnh ủy triệu lên, căn cứ vào dư luận, thì: "Tôi oan lắm, anh Tư! Nếu có gì chắc cũng đơn phương chút đỉnh từ cô bé kia thôi!"

Chị không hiểu sao, tới giờ chị vẫn không hiểu sao người ta có thể chối đứt mối quan hệ ghê gớm như vậy, có thể chà đạp thứ tình cảm trang nghiêm tận tụy như vậy? Nhưng chị không thể không đón anh, từ khi chị bật ra khỏi nhà anh chồng để bắt đầu lại tất cả, bên đứa con gái nhỏ. Anh đến, từ đầu chí cuối là khói thuốc thơm, những câu chuyện về những chuyến đi liên hồi kỳ trận với mấy ảnh, những bản báo cáo được khen... duy không bao giờ hỏi những câu đại loại như hai mẹ con sống bằng gì, có thiếu lắm không, hoặc căn phòng ngay trong trụ sở vậy chắc phức tạp lắm? Anh hay đứng lên vào khoảng chín giờ đêm, tảng lờ trước vẻ cam chịu gan

góc của chị và khi cô con chị sống đi đâu đó thì anh vợ lấy chị, về tranh cướp chớp nhoáng của một gã gà trống. Chị cảnh giác đẩy anh ra, mái tóc bù hôm nào của chính mình trên chiếc giường đơn hiện ra, đôi tay lúi húi của anh với chiếc khăn chỉ riêng cho anh hiện ra, chị văng vát giữa yêu đương và lòng tự trọng bị thương tổn. Anh hay thở hắt ra phũ phàng, và để lại trong căn phòng ốch đảo của hai mẹ con mùi thuốc thơm đậm đặc. Lâu sau anh theo anh Tư rời khỏi tỉnh, nghe đâu là gương mặt chuyên viên tài ba của cơ quan gì đó quan trọng lắm đặt ở Sài Gòn. Và anh cưới vợ.

Chị chưa đi trọn phản ứng trước ý định ngủ lại quái gở của anh thì cô con chị đưa ly nước đá lên. Không muốn cô mị bất quả tang tình huống nực cười của mẹ, chị lại gắng tự nhiên, gắng mời mọc khách dùng nước cho tỉnh minh và phải gắng bắt chuyện cho tới khi khách tự thấy mà đứng lên. Về N. đúng rồi, về N. để nhắc anh thế đời của anh, cái bến an bài của anh.

Chị biết N. đúng ra là nghe danh N. trước khi N. trở thành vợ anh. Đó là người phụ nữ cùng thời với chị, trông qua ảnh cũng biết đây là người dẻo dai, gan lì như sợi dây xoắn, một luật sư xông pha của đất Sài Gòn. Nghe N. ững anh, chị không mấy ngạc nhiên, bởi đàn bà muôn thuở vẫn là đàn bà, nghĩa là sự nghiệp lớn chừng nào thì cũng khát một tấm chồng, chị chỉ ngạc nhiên khi chính miệng anh rao ngạo: "Cô N. này quả có cái đầu nhưng là cái đầu thép! Anh cũng muốn lấy cô ta để trị thử coi sao!" ấy là hôm anh tạt xuống Cần Thơ đảo một vòng cuối cùng quanh chị và không che giấu

ham muốn khoảnh khắc con gà trống, trước khi quay về đứng lại với N. Hôm ấy, sau khi nghe anh thổ lộ ý định trị vì, chị đã nổi xung như chính chị đang có nhiệm vụ chiến đấu cho tất cả phụ nữ có cái đầu thép trên đời. Chị rung từng đoạn xương, rung từng cái chân răng, hồi lâu mới nói: "Anh vẫn kẻ cả như ngày nào. Không ai đến với tình yêu và hôn nhân bằng cái ý thức khốn nạn kiểu anh. Thì anh cứ cưới N. để coi ai là kẻ bị trị. Anh đi đi, anh đi mà cưới chị N.!" Hẳn anh tưởng lúc đó chị cảm thấy mất hẳn anh, nên mới gay gắt vậy. Nhưng đến bây giờ, đến lúc anh ngồi chán ngán trước mặt chị đây, chị vẫn định ninh: N. luôn là thủ thách của anh.

"Anh với N. sống thế nào, có dễ chịu không?" Chị hỏi, thật tình không muốn dùng từ hạnh phúc. Anh im lặng, rõ ràng là cố tình im lặng để mưu cầu một cái gì. Chị bực bực từ tốn: "Em đánh giá cao N. Đó là người phụ nữ xuất sắc!" Bây giờ anh nhìn chị thật lâu, ản ản. Anh để chị phải chờ, phải hồi hộp, rồi mới cau mày: "Thì anh đã có ý kiến chê bai gì! Có điều cô bé này toàn chọn chuyện rắc rối để dây vào, toàn đi đường gai góc!" Anh tiếp tục nhìn chị, mong tìm sự nhất trí nào đó. Chị không thể đồng hành với anh được, một người đã bốn mươi như N. mà vẫn bị chồng coi là cô bé thì chị nói vào làm gì, chị đưa N. ra cốt chỉ nhắc nhở anh và bày tỏ thiện cảm của mình.

Hình như đã xảy ra chuyện gì giữa vợ chồng anh. Chị muốn chuyển đề tài, chẳng lẽ ngồi thừ cho đến lúc phải chỉ tay ra cửa mời anh đi cho để mẹ con tôi còn đóng cửa! Anh có biết chị lâm vào tình thế quái quỷ gì đây không? Chị lại sức nhớ: "Nãy giờ quên hỏi thằng

nhóc của anh ra sao, chắc lớn bồng rồi? Nghe nói anh mê nó lắm?" Anh nhướn mày, nhưng lần này lại nhướn với cái gạt tàn: "Dĩ nhiên, nó là con trai duy nhứt của tộc anh. Nhưng... đáng lẽ nó phải là con của em đó Liên. Không phải sao, con gái? Đáng lẽ nó là em ruột con, cười gì?"

Chị không còn chịu nổi nữa. Chị thấy cả N. cũng bị xúc phạm. Cô con chị cười bằng mắt, hể hả, ôi, cuộc tình tai tiếng của mẹ, thần tượng một thời của mẹ, sự đồng tình mà người ấy gọi là đồng loã ở nó tự trung chỉ bằng một tiếng cười, của chính nó! Chị run bần bật, rung như cái cốc giữa dòng nước xoáy từ tất cả tháng năm cay đắng dồn vào. Chị nói khó khăn: "Bao giờ thì anh mới nghiêm chỉnh, em nói thật đó, bao giờ thì anh mới nghiêm chỉnh trong những chuyện liên quan đến con người?" Xong, chị lạc cả giọng, tiếp tục run như lên cữ. Bị thấu cáy, anh "hự" một tiếng nhỏ trong cổ họng, rồi nín lặng.

Giờ thì chị ngồi nhìn anh đốt thuốc, chờ cho không khí thật vữa ra, để anh nhận rõ mà đứng lên. Anh gắng gượng: "Anh đâm ra nghiện thuốc còn hơn mọi lần. Mỗi ngày anh đốt đúng một gói này!" Chị chua xót: "Vậy anh lấy gì nuôi con?" "Thì anh nuôi nó bằng lương, thuốc chỉ mất ba trăm ngàn mỗi tháng. Anh phải viết mướn để có tiền chứ?" Chị nhìn anh quyết liệt: "Anh không nghĩ anh phải bán mình trong khi viết mướn sao?" Anh cao giọng: "Sao em nghĩ viết mướn là bán mình?" Chị không đối đáp nữa, chị quảng cho anh ánh mắt chiến tranh. Sự bất đồng ngôn ngữ ở họ là có thật và mãi mãi.

Cuối cùng anh cũng nhận ra kết quả thảm hại của cuộc trở lại với hàm nghĩa tá túc, dù có chút bông đùa. Chị tiễn anh ra cổng, cô con cũng lật đật ra theo để giúp mẹ thoát khỏi *giải pháp tình thế* nào đó. Anh xỏ chân vào đôi dép nhựa Thái Lan, phân trần: "Anh đi bừa đôi dép của khách sạn. Vì vậy chuyện anh chạy tháo tới đây là có thật". Chị im lặng, với chị mọi chuyện đã quá đủ.

Mẹ con chị cùng thở phào khi trở vào, như vừa trải qua tai nạn. Họ nhắc lại cách đi, cách nói của anh để mà cười, cô con cười khăng khắc, còn chị thì cười nụ. Chị lướt qua chú ếch trên bàn, cán thuốc chồng chéo trên mình nó như người ta chắt củi để thiêu cháy nó. Quái, sao có những điều dở dang tới một nửa? Chỉ có thuốc chùa, thuốc quĩ, thuốc không mất tiền người ta mới đổi xử xả lảng như vậy! Sao mà chị đứng đưng với cái mùi khó tan của nó!

Nhưng, khi cô con thản nhiên quay lại với chương trình phim trên truyền hình, thì chị nằm lụi đi. Chị nghĩ về thế thái nhân tình, về sự tròn của quả đất đã bắt chị cứ phải gặp anh. May sao, chính vì cái tròn ấy mà thời gian mới ra tay, ngài đã làm đậm các thứ chân dung lên, làm trôi mọi vướng mắc với quá khứ, làm huyền diệu cái gọi là tương lai. Chị bằng lòng với thời gian và cảm ơn sự vĩ đại của ngài.

Ngài đã cho chị nguôi quên và đẩy chị bước về phía trước.

Kim Giang 11 - 1993

NGƯỜI LẠNG

Thế là, như mơ, tôi đứng giữa những người đàn bà và cả đàn ông khác màu da, tiếng nói. Đêm đầu ở một nước lạ, dường như để dễ nhận ra, ai cũng kiếm những bộ cánh đặc biệt của mình. Những diễn viên của một nhà hát thổ dân Úc chúi vào nhau cười rúc rích, da mồi trắng lên vì trời lạnh, hết như những người dân tộc tôi vẫn gặp hồi nhỏ ở Pleiku. Một phụ nữ có gương mặt như Phật, trang phục Trung Quốc của bà khiến ai cũng muốn gọi chuyện, nhưng rồi lại thất vọng vì bà không biết tiếng Anh mà người thông dịch của bà thì lại chưa đến được. Những người Nam Hàn và Bắc Hàn lạnh lẽo nhìn nhau. Cô gái Nhật, sau một hồi nói chuyện về Kobo Abé, đưa danh thiếp cho tôi, mới hay cô ta là đại biểu đến từ Mỹ.

Ấn tượng đầu tiên của tôi ở Úc là thành phố Adelaide đẹp, nhiều người tốt. Nhưng có lẽ vì thời tiết quá lạnh và thức ăn lạ miệng, nên cơn nhớ nhà cồn cào nổi lên khi về đến phòng riêng. Việc đầu tiên là gọi cho Liên đang ở cách đó hàng ngàn cây số, rồi Liên sẽ nhắn cho những bạn khác. Và sau đó là điện thoại tới tất cả của Quang, của Vũ, của Khiêm, của Philip, của Phượng và Bằng, của Dung và Lân... Đứa nào cũng rủ tôi sau hội

nghe ở lại chơi thêm vài tuần vì biết rồi có dịp nào sang đây nữa không. Nghe tôi kêu phải về để chuẩn bị cưới chồng, Quang cười giòn, hỏi phải vẫn cái ông "Mười năm luôn gặp mà tình không cũ?" Tôi đính chính mười một năm ba tháng hai ngày rồi. Giọng ngậm ngùi của những bà vợ, phê bình tôi cái gì cũng được, chỉ dở tệ đường chồng con... Mãi đến lúc không giờ, hẹn mai trò chuyện tiếp.

Khoảng ba giờ, chuông điện thoại reng. Tôi nhấc lên, bên kia đầu dây là tiếng khóc. Tiếng khóc của một người con trai trong đêm khuya nghe như đến từ một cõi khác. Tôi bật đèn, những bức hình đang cười toe quanh tôi như một tương phản lạ. Chúng tôi được phân về ở những ký túc xá sinh viên. Họ đang nghỉ hè. Chủ phòng tôi đang ở để nguyên cả mọi thứ tranh ảnh, sách báo, đàn, giày... Có đến cả phút, tiếng khóc ngưng. Rồi một giọng nói lạ vọng lên:

- Tôi là Phiêu!

Hiểu rồi! Trước khi tôi sang Úc, Châu có nhờ tôi tìm xem Phiêu giờ sống ra sao, nhờ vậy mà không có số điện thoại lẫn địa chỉ. Châu dặn cứ cho biết Phiêu hồi xưa ở Việt Nam thường đóng những vai như Hamlet, Othello, Khuất Nguyên, Từ Hải v.v... Hồi này tôi có nhờ Quang, Quang nói biết tên này, sẽ nhờ người phăng ra. Trái đất nhỏ thật. Trước khi tôi lên máy bay, Châu còn dặn, nếu Phiêu hỏi Châu sống ra sao cứ nói rằng sống được. Rồi thôi! Đừng cung cấp thêm một chi tiết nào nữa hết.

May quá, sau đó Phiêu vẫn chưa hỏi thăm gì về Châu mà dường như là một người đàn ông khác hẳn với

người khóc trước đó. Phiêu hỏi tôi cần gì? Thông dịch viên? Phương tiện di chuyển? Đồ lạnh? Những địa chỉ nên đến để viết bài? Tôi kêu chỉ thêm cơm Việt Nam, nếu có rau muống cà dầm thì quá tuyệt.

Nói cho vui vậy thôi, không ngờ sau buổi họp chiều ra, nghe nhấc có hai vợ chồng ngồi đợi tôi một tiếng đồng hồ để đưa về nhà ăn cơm rau muống. Họ xưng là Đức và Hiền, bạn của Phiêu. Tôi kéo theo Julie là tác giả vài vở kịch viết về Việt Nam, đã sang Việt Nam mấy lần, rất mê những người phụ nữ Việt Nam. Trời vài độ, chưa âm, có lẽ chưa bao giờ những cọng rau muống lúc đó với tôi lại ngon như vậy. Và mắm nữa chứ. Các thứ rau lạ quen có mặt đầy đủ, kinh giới, tía tô, diếp cá, thì là, lá to hơn nhưng hình như vị không nồng nàn bằng ở nhà. Nhất là ớt.

Julie kêu không bao giờ hiểu nổi những người Việt Nam này. Chưa gặp chưa quen nhau bao giờ, chỉ qua vài lời giới thiệu bằng quơ trên điện thoại, lại có thể ngồi đợi cả tiếng đồng hồ, rồi kéo về nhà ăn uống chuyện trò như đã thân từ một kiếp khác. Đức nói đơn giản vì Phiêu sống quá tốt với bạn bè, nên anh cần bất cứ điều gì, chúng tôi mừng rỡ làm ngay vì rất ít có cơ hội trả ân anh. Thấy tôi có vẻ không rành lắm về Phiêu, Hiền cung cấp cho tôi một đoạn.

Vào những tháng ngày nghiệt ngã của năm 1979, cả gia đình Châu đi hết nhưng Châu ở lại vì mê nghề. Phiêu và Châu lúc ấy đang là hai diễn viên chính của một đoàn kịch mới lập. Sau một số vở thành công, đoàn lại có nguy cơ tan rã vì cả một tập thể đụng với người

trưởng đoàn. Dầu được Thành đoàn ủng hộ, những diễn viên trụ cột vẫn bị buộc thôi việc gần hết, trong đó có Phiêu, Châu. Vác đơn đi kiện tiếp, họ dốc cả ruột gan cho người trưởng phòng tổ chức của cấp cao hơn. Sau đó, họ nhận thêm lệnh cấm biểu diễn trên địa bàn thành phố. Hóa ra, bà trưởng phòng nọ là chị họ của ông trưởng đoàn kia. Vậy là Châu giận dỗi kiếm đường sang Pháp với gia đình. Phiêu chỉ định đi tiễn bạn, nhưng giờ chót Châu không đến, người tài công tiếc một tiêu chuẩn bỏ nên kéo Phiêu đi thay. Sau một thời gian ở đảo khá dài, Phiêu tấp vào nước Úc.

Đêm đó, khoảng hai, ba giờ, Phiêu gọi lại, lần này bắt tôi kể chuyện Sài Gòn. Tôi cứ hồi hộp sợ Phiêu hỏi tới Châu. Biết nói về Châu thế nào bây giờ khi cô đã dặn chỉ nói hai chữ thôi: sống được! Mà cũng chẳng biết lúc này Châu buồn hay vui. Chỉ thấy nó có một điểm giống tôi, lúc nào cũng ở tư thế hùng hục làm việc như một con diên. Đời riêng cũng chẳng vui gì. Anh bồ hiện tại khá tốt, chỉ phải tội mê đánh bạc hơn mê Châu. Tôi đã từng chứng kiến những đêm dài, những dịp cuối tuần, cô diễn viên ngôi sao này phải ngồi dài cổ đợi.

Những ngày sau tôi bớt nhớ nhà, bớt thấy lạnh có lẽ nhờ công việc tui bụi và một phần nhờ những người bạn tốt của tôi và của... Phiêu. Có một đêm:

- Xin lỗi vì chỉ gọi được cho chị vào giờ này. Chị vừa đi xem Hamlet về phải không? Xưa ở Việt Nam đã có lúc tôi đóng vai Hamlet. To be or not to be? Giờ này Hamlet đang lệt sò ở Melbourne. Lệt hay không lệt, đó là vấn đề!

Tiếp theo là một tràng cười, nghe buồn hơn tiếng khóc hôm nọ.

- Nói chuyện khác đi Phiêu, những chuyện khác nơi Phiêu đang sống.

- Đám bạn của chị giao cho tôi nhiệm vụ thuyết phục chị ở lại chơi vài tháng. Tôi đang kiếm xe chạy qua đó đưa chị đi chơi.

- Không được, tôi đã quá lớn tuổi rồi. Mãi mới được một người chịu làm đám cưới với mình sau khi ở đây về, không thể bỏ qua dịp may hiếm có đó.

- Trễ mười ngày có sao đâu, nếu người ta thương chị thật.

- Tôi đã trễ hơn mười năm rồi. Nhưng mà nè, sao cậu không về?

- Tôi sợ!

- Bao nhiêu người đã về chơi không làm cậu an tâm sao?

- Tôi chỉ sợ một điều: Châu không được hạnh phúc.

- Giả sử như vậy, thì cũng có phải lỗi của cậu đâu?

- Ráng ở lại đi, dù chỉ một tuần. Ít ra, được gặp chị, tôi cũng thấy đỡ nhớ Việt Nam.

Ngày chuyển từ Adelaide sang Canberra, máy bay ngưng vài tiếng ở Melbourne, tôi không định bước ra ngoài, nhưng cô tiếp viên đến cho biết có người cần gặp tôi bên ngoài. Tôi chạy thật nhanh ra, cứ nghĩ không biết Vũ, Hằng hay Nghiêm, Toàn thì đã thấy thấp thoáng cuối đường tấm bảng ghi tên tôi kê một một

khuôn mặt lạ. Tôi hỏi phải Phiêu không? Hắn gật đầu, nắm chặt tay tôi kéo đi. Tay tôi và tay hắn đều nằm trong găng êm, nhưng nghe đau lắm. Tôi đùa:

- Cậu không định bắt cóc tôi chứ?

- Nếu chị là Châu, có thể tôi sẽ. Nhưng nghe chị nói tội quá. Đợi mãi mười năm mới kiếm ra người chịu cưới mình.

- Bây giờ đi đâu?

- Đi sắm vài món đồ lạnh cho chị.

Tôi đứng khựng lại:

- Thôi Phiêu, tôi đang bị những cái áo như cái mền của bạn cậu đưa ám ảnh. Vừa mới gọi trả lại xong.

- Vậy thì đi uống nước!

Căn phòng toàn kính. Hoa khô và những cỏ thơm chất đầy ở góc phòng. Những chiếc máy bay xoè cánh ngoài kia lấp lánh sáng tối. Những người dị chủng tới lui lao xao, thâm thì, xa lạ. Miệng tôi cảm giác đắng khi nghe Phiêu hỏi:

- Sao mãi đến hôm nay chị vẫn chưa chịu nói rõ cho tôi biết đời sống hiện tại của Châu? Tôi có biết cô ấy đang là một diễn viên nổi tiếng, nhưng còn mơ hồ lắm về đời riêng. Hắn là cô ấy đã lấy chồng? Hắn là cô ấy đang hạnh phúc?

Tôi giữ đúng lời hứa với Châu là không nói gì ngoài hai chữ "sống được". Rồi mở to mắt nhìn Phiêu. Đọc đi, hãy đọc trong mắt tôi những lời không nói được. Châu những đêm một bóng ngồi đợi người đàn ông chưa được

gọi là chồng. Châu ngồi co ro dưới mưa dầm bán vé số. Châu diễn kịch hài kịch bi lúc khóc lúc cười. Châu tươi cười nhận hoa tươi ngập tay từ những người hâm mộ. Châu những đêm diễn xong lang thang không biết về đâu. Châu kể chuyện tiếu lâm gây cười suốt chuyến xe lưu diễn. Châu mệt nhào thiếu ngủ, mặt trong veo thanh thản như đang được ngủ giấc cuối cùng. Và cạnh đó, song song tồn tại với Châu, người trưởng đoàn năm nào cũng thẳng tiến trên con đường quan chức. Ông ta vẫn tiếp tục thay thủy thủ đoàn không thương tiếc để còn được nắm chắc tay lái của chiếc thuyền bị tấp vào một dòng sông kiệt nước từ lâu...

Soi lại bóng mình trong đôi mắt nhỏ, thanh, dài, sắc của Phiêu, bỗng nhiên tôi nhớ lại bạn xưa Trâu Nước. Đó là một trong những người bạn mà khi mất đi bạn mới thấy thiệt thòi biết bao khi không còn anh ta bên cạnh, mặc dầu lúc anh ta còn lẻo đẻo bên cạnh để chiều chuộng những điều trái tính trái nết của bạn thì bạn chỉ thấy vướng víu làm sao.

Melbourne đang là đêm và cái cảm giác bênh bồng trên mây vẫn còn vây bọc lấy tôi. Ở Việt Nam bây giờ đang là chiều. Và còn chỗ ở của Trâu Nước lúc này, chẳng biết có thấy được trăng không? Hay mặt trời đang lặn, mọc? Chúng tôi ngồi yên lặng, đối diện nhau như vậy với những lời không nói được ứa tràn ngập mắt. Cho đến khi tiếng loa báo chiếc máy bay của tôi chuẩn bị bay tiếp, Phiêu mới rút hai tay ra khỏi găng, đặt trên bàn:

- Ở Việt Nam, đôi tay này thường để khảm đàn, tuốt gươm khi đóng Roméo, Hamlet... Sang đến đây thì chai

dày đi vì nhiều thứ khác: làm *farm*, lột sò, lái xe, phục vụ nhà hàng, may vá, bấm *computer*...

Tôi cũng rút một tay ra khỏi găng để bắt tay Phiêu, nghe nhịp thốn thức trên đường đi của máu trong bàn tay nháp, nóng. Thời tiết bên ngoài nghe nói đã sụt vài độ, dưới không.

Sau đó, ở những thành phố khác của Úc, vẫn có những người bạn của Phiêu chăm sóc tôi mọi mặt, nhưng Phiêu không gọi điện thoại cho tôi sau lúc không giờ nữa. Một chiều ở Canberra, một người bạn gái của Phiêu, Noel, đưa tôi lên một đỉnh núi trông xuống thành phố là đà trong mù sương. Noel kêu thích Phiêu lắm, nhưng không hiểu nổi những nóng, lạnh bất chợt của bạn mình. Cô đọc cho tôi nghe những bài thơ của Phiêu mà tôi đều thấy thấp thoáng dáng của Châu.

Xa tí xa, ở một đỉnh núi khác, là chiếc tháp truyền hình nổi tiếng của Canberra. Bỗng tưởng như có tiếng quạ đen riu rít xoải cánh làm cầu. Và từ chiếc lồng thủy tinh trên tháp ấy bước ra một ả Chúc, lướt trên Ô kiệu, băng băng chạy đến với chàng Ngưu. Họ sẽ làm gì, đầu tiên, khi lại được chạm vào nhau, trên đầu những con quạ đen tốt bụng đó? Tôi nhắm mắt. Dường như không đương nổi sức nặng của hai người, chiếc cầu quạ gãy. Dường như không thắng nổi sức hút của lòng đất, họ rơi, theo chiều thẳng... Nhưng hãy cố xoay ngang, để thấy họ đang trôi...

*

* *

Khi tôi rời Úc người ta đưa cho tôi một tờ giấy của Phiêu vừa fax tới:

"Dầu muốn dầu không, Châu cũng là Miss Sài Gòn đối với tôi từ những ngày trước đến nay. Qua chị, tôi thấy một Sài Gòn năng nổ, sống động nhưng vẫn còn nhiều phức tạp và vẫn chưa xóa được đâu những gì đó hoài nhớ trong mình. Qua mắt chị, tôi thấy Châu xưa đã bớt là hiện tại.

Cám ơn chiếc áo dài, cám ơn cái bắt tay... để tôi an tâm lên núi làm farm.

Hãy gửi thiệp cưới cho tôi khi có dịp. Để tôi còn một duyên cớ, trở về..."

Hơn nửa năm, sau khi từ Úc trở về, tôi vẫn chưa gửi được thiệp cưới cho Phiêu. Người chuẩn bị làm bạn đời của tôi khá thân với người đang sống chung với Châu. Hằng đêm, họ vẫn gặp nhau ở một câu lạc bộ vui chơi, nơi có những khuôn mặt đam mê hốc hác. Điều này xảy ra có lẽ phần lớn do những người phụ nữ như Châu và tôi. Chúng tôi đã không giúp được cho bạn mình xóa hẳn cảm giác cô đơn. Chúng tôi không thích hợp trong những vai người vợ bình thường. Và càng không được như Chúc Nữ, mỗi năm, được nắm lấy hạnh phúc thật của mình, dù chỉ một lần, trên nền quạ đen muối bên dưới, và trong những cơn tầm tã mưa ngâu...

Những lo toan trắc trở của cuộc sống đòi hỏi con người phải tự vượt qua, biết đủ, tránh viễn vông nhất là ở những nơi xa cách với quê hương, đồng bào.

SÀ MẠC CỦA TUỔI THƠ

Xa thôn Hương đã hơn mười năm, nhưng tôi vẫn không thể quên cái xóm nhỏ ấy: những mái nhà nhấp nhô ven sông Chu. Nước sông bốn mùa xanh biêng biếc... Dạo kháng chiến gia đình tôi tản cư đến, và tôi được ở đó nhiều năm.

Thôn Hương nằm gọn trong vòng ôm của con đê cao. Con đê như một đường thêu xanh, xuyên giữa lũy tre và bãi dâu bát ngát. Thôn Hương còn có một dải cát mênh mông trôi lên, cao vượt khỏi bãi dâu và mặt đê. Đó là nơi tôi có nhiều kỉ niệm trong những ngày bé thơ. Về thôn Hương, đi từ phía nào lại, cũng nhìn thấy bãi cát đó. Trông xa, nó nổi lên như hòn đảo trắng, lóng lánh dưới nắng. Đến gần, mới nhận ra những cồn cát nhỏ lấp mô trên bãi như làn sóng.

Bọn trẻ con trong làng gọi bãi cát ấy là "sa mạc". Vì tuy ở ven sông, nhưng bãi không hề đọng một giọt nước. Cả lúc ngập lụt, nó vẫn trơ trơ như hòn đảo khô không. Ngày nắng, cát nóng hầm hập như một cái chảo rang. Mùa hanh, từng cơn gió khô khan như chiếc chổi vô hình quét lên những cồn cát, làm cả vùng trời bụi mù mịt.

Thế mà bọn trẻ con chúng tôi lại rất thích bãi cát đó. Những hôm trời râm, chúng tôi cứ buộc trâu đằm ở

dưới sông, rồi lên bãi chơi tập trận giả. Bọn con trai thường nấp sau những cồn cát, ném "lựu đạn" bằng quả lim, có khía bầu dục. Chúng nó khoét giao thông hào, đào hầm hố... rồi reo hò, la hét, "mở chiến dịch tấn công" giành nhau từng cồn cát. Bọn con gái chúng tôi thì lấy lá chuối cắm thành lều nhỏ trên bãi, làm "trạm cứu thương". Chúng tôi hay chia làm hai phe đánh nhau. Một phe là "Tây mũi lõ", một phe là "bộ đội mình". Hễ phe nào thua, phải nộp cho quân lính phe kia hai quả trứng sáo. (Trận nào cả hai bên cũng cố tình giành phần thắng về phe "bộ đội mình", nên tất cả chúng tôi đều phải thay nhau làm "Tây mũi lõ"). Những quả trứng sáo màu xanh lơ xinh ời là xinh. Bọn con trai ngày nào cũng leo lên những cây gạo hoa đỏ ối, bắt được vô khối trứng sáo như thế. Cứ mỗi lần bên thắng trận được trứng, chúng nó lại chia cho "tổ nữ cứu thương" một quả. Chúng tôi vui thích chạy ùa lên những cồn cát cao ngất, vùi trứng thật sâu dưới cát nóng. Lúc sắp về, mới bối ra. Rồi vừa ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, chúng tôi vừa nhăm nháp từng mẩu trứng bỏ tới.

Tôi và Khếnh thì chả mấy ngày không tới "sa mạc". Khếnh là cô bạn hàng xóm bằng tuổi tôi. Khếnh có khuôn mặt tròn như đĩa, hai má phúng phính và cái trán cao, hơi dô, vẻ bướng bỉnh. Đặc biệt, đôi mắt Khếnh thì vừa to, vừa sáng. Hai đứa thường rủ nhau ra đấy. Khi thì chúng tôi vùi những hột lạc non, khi thì ủ những quả na còn ương xuống cát cho chóng chín... Bãi "sa mạc" trở nên thân thiết với chúng tôi, chính vì những chuyện như thế.

Nhưng người lớn trong làng thì chả ai bén mảng

đến. Người ta bảo "cái bãi Nhiên (tên bãi cát) ấy như cái bùi cổ, vô tích sự". Chả là ở đây, cứ vài năm, lại bị một năm gặp mưa nhiều. Nước sông Chu đang trong xanh, bỗng vàng ra như nước cua. Từng lớp sóng đục xối xả, xô ập vào bờ. Bãi dâu bị phủ kín nước. Những cây dâu chìm ngấm. Lá dâu thối rữa. Mỗi trận như vậy, cả thôn phải đổ đi hàng nghìn nong tầm vì không có dâu. Một nghìn nong tầm là mất ba vạn vuông sồi, chứ đâu phải chuyện chơi! Vậy mà cái bãi Nhiên không bao giờ nước với tới ấy, thì lại cứ trơ như hòn đá. Hàng ngày, thường thoảng đến tai tôi tiếng xuýt xoa đau đớn của một vài bà cụ già còm cõi nào đó, đôi mắt ươn ướt ngóng ra sông Chu: "Trời ơi, cái bãi Nhiên hơn hai chục mẫu kia, giá trồng được dâu..."

Song với tôi, không biết có phải những kỷ niệm về bãi Nhiên thật đẹp đẽ, hay tại ký ức của tuổi thơ thường khó quên mà lúc nào nhớ tới thôn Hương, hình ảnh dải cát mênh mông trời lên, cao vượt khỏi bãi dâu và mặt đê, vẫn luôn luôn tươi mát, gắn bó trong lòng.

*
* *

Mùa hè năm nay, tôi có dịp trở lại thôn Hương. Khi bước lên đê, tôi liền thấy ngay rằng: Dấu vết cũ về "sa mạc" không còn, và bãi dâu năm trước vẫn ngòm ngợp chân đê...

Hình như có bàn tay khổng lồ đã khoác lên "sa mạc" của tôi một chiếc áo vừa rộng, dài, vừa nuốt nà như tấm lụa Nam Định xanh mát.

Những hàng dâu bánh tẻ ngợp trước mắt tôi. Dâu

chưa cao bằng đầu người, nhưng cành dâu đâm tua tủa. Lá dâu lờ xờ, to bản như lá trầu không. Xen giữa những luống dâu, là từng vòng khoai lang dây đỏ tía, chạy dài theo thân đất, như nhiều đường kẻ sọc ken vào nhau, trên cùng một tấm vải.

Tôi đi giữa bãi dâu và có cảm giác như đang lội dưới lòng sông cạn. Cát ở rãnh luống mềm lún. Những cành dâu lá xôn xao đón lấy ánh nắng chói chang, làm cho lớp cát dưới chân tôi mát rượi. (Lớp cát năm xưa bỗng rất mà chúng tôi đã "luộc trứng", vùi lạc non). Tôi hiểu chính những cành dâu ào xào theo gió như trăm nghìn cánh tay xò ra, hứng lấy ánh nắng vàng rực này đã che mát cho khoai lang, để chính những dây lang mập mập kia lại có đủ sức đâm chồi lên, mơn man, quăn quýt lên gốc dâu, giữ ấm cho dâu... Cứ thế, khoai và dâu phủ đầy màu xanh trên cát trắng...

Từng đoàn nam nữ thanh niên thôn Hương đang gánh đất phù sa dồn về đây, úp vào gốc dâu. Đôi khi, từng người phải lom khom cúi, bắt gọn dây lang né ra một phía, nhường chỗ cho đất phù sa.

Tôi đang đưa mắt tìm những bè bạn cũ thì gặp Khếnh. Khếnh vừa đổ xong một sọt đất phù sa vào gốc dâu. Chúng tôi ôm lấy nhau, cười nói líu tíu. Vẫn cái dáng thâm thấp, vẫn khuôn mặt bầu bĩnh với đôi mắt tròn trong suốt như thủy tinh ẩn dưới hàng mi dài và đôi lông mày cong cong. Vẫn thế, nhưng Khếnh lớn lên nhiều, người to ra, béo lẳn. Vai tròn, bắp chân chắc nịch.

Có tiếng nói phía sau:

- Gồm, bà Bí thư chi đoàn đón "đại biểu tham quan"

thân mật quá.

Khánh vừa cười vừa nói một câu pha trò, làm tôi chả hiểu gì sất:

- Cái anh chàng "thợ giày" kia! Ai khảo mà xưng thế!

Rồi Khánh phát mạnh vào vai tôi:

- Chà, cậu lớn khiếp! Sao bấy lâu không về chơi? Mẹ mình vẫn nhắc cậu. Bà cụ hồi này khỏe ra...

Cứ thế, Khánh ôm lấy vai tôi kể đủ thứ chuyện. Khánh luôn nói về mẹ. Điều đó lại gợi cho tôi nhớ đến những ngày năm trước... Mỗi lần theo người lớn lên đê ngóng nước rút, thỉnh thoảng tôi cũng thấy mẹ Khánh. Bà cụ khệ nệ bưng từng nong tầm dơi dâu, đứng trên mặt đê mà trút xuống nước, tay bà vừa vỗ vỗ vào nong, mà nước mắt vừa lăn chảy ròng ròng trên gò má đen sạm và đôi môi khô héo. Mẹ Khánh nuôi tầm giỏi nhất làng này. Bà cụ và chị em Khánh vừa chăn tầm, vừa đi ương tơ thuê, chứ không làm ruộng mấy, nên bãi dâu mà lụt, thì nhà Khánh sa sút trước tiên.

Lúc này, tôi rất muốn hỏi Khánh nhiều chuyện về làng xóm, về bà con, bạn bè quen thuộc. Nhưng, những hàng dâu xanh ngắt ngoài sức tưởng tượng của tôi lại làm tôi hỏi khác đi:

- Các cậu làm ăn khá quá. Kể cho mình nghe chuyện trồng dâu trên bãi "sa mạc" nào!

Nghe tôi nhắc lại cái tên "sa mạc", Khánh nheo mắt cười. Nụ cười như có ý bảo: "Mình vẫn còn nhớ những ngày ấy"... Rồi Khánh vui vẻ trả lời:

* - Đạo này thanh niên chúng tớ mở "chiến dịch 15 ngày" đắp phù sa thêm cho dâu đây mà. Cậu nhìn bãi dâu có thấy khoái không? Mới hai đợt "chiến dịch" thôi nhé.

- Hai đợt là thế nào? - Tội đùa - Ngày trước bọn mình cũng "mở chiến dịch" ở bãi "sa mạc" này bao lần rồi còn gì!

- Ấy, bây giờ cũng vẫn bọn "nhóc" ngày xưa cả. Chỉ thiếu mấy cậu đi thoát ly, đi nghĩa vụ. Còn tất cả chúng tớ đều bắt tay cải tạo bãi Nhiên này. Cậu biết không? Mới một năm thôi đấy. Đầu tiên chúng tớ đem cày xóc cát hai lần. Luống cát cao vồng lên rãnh dài, sâu hút xuống như "giao thông hào" ngày bé của chúng mình ấy. Ừ, xong rồi gánh đất phù sa úp kín rãnh, cứ y như thợ bê - tông đổ móng nhà. Sảo nọ liền xảo kia. Bùn đất quánh như súp, khó đào lắm, nhưng cắm hom dâu xuống, dâu, chứ đá cũng phải nảy mầm. Chả mấy lâu, dâu xanh phơi phới, bốn tháng sau đã có dấu chân...

Giọng Khénh sôi nổi. Niềm vui lớn xen cả vẻ tự hào lộ rõ trên nét mặt rạng rỡ, có làn môi chum chím như đang cười.

Kể cũng đáng tự hào thật, khi những bàn tay của tuổi trẻ thôn Hương đã đổ vào đây hơn ba vạn công để tạo ra 130 tạ lá dâu một năm trên những cồn cát cháy nắng, vất không nổi một giọt nước. Số dâu ấy đủ nuôi cho 216 nong tầm. Ngàn ấy tầm, thành một núi kén vàng ngời ngời, thành vô số vòng tơ nuột nà như những mái tóc vàng. Để rồi, thừa sức dệt được 7.560 vuông sồi - những tấm sồi trắng ngà, mềm mại, rùng rình như

mặt nước sông Chu về mùa thu, những tấm sỏi đủ may cho mỗi đầu người ở thôn Hương, hai bộ quần áo.

Nghe Khénh nói, tôi cứ lan man nghĩ như vậy. Chúng tôi vừa trò chuyện, vừa đi mãi vào những hàng dâu tằm nắng. Chợt có tiếng loạt xoạt, ào ào... Khénh bỗng reo lên:

- A mẹ! Mẹ tổ hái dâu ở kia...

Chúng tôi chạy lại. Tôi thấy đám bảy cụ già đang đứng thấp thoáng bên những gốc dâu lá xòe ra như nón. Ánh nắng chiếu xuống những chiếc nón quang dầu loang loáng màu vàng chanh. Tôi nhận ngay được mẹ Khénh trong bộ quần áo nhuộm vỏ đa tím đỏ. Và đôi mắt già tuy nhăn nheo, nhưng lúc này vẫn sáng lên những niềm vui.

Các bà mẹ níu lấy tôi, kể biết bao điều về làng xóm, về hợp tác xã. Mẹ Khénh ít nói hơn. Mỗi khi chuyện đã vãn, mẹ mới hồ hởi nói với tôi:

- Ấy hái dâu, hợp tác xã cũng phải chọn người quen tay cả đấy. Các cô mà mó vào, khéo mà dâu nó chột hàng tháng. Từ ngày cải tạo bãi dâu này, nghề thăm thôn Hương mới chắc chân. Mẹ bước vào tổ hái dâu, một năm cũng hai trăm ngày công như cái Khénh đấy.

Mẹ quay sang Khénh mỉm cười. Một tay mẹ vít cong cành dâu xuống. Một tay mẹ đưa hai ngón thoăn thoắt cấu từng lá, từng lá, nắm vào tay. Rồi mẹ thông thả:

- Cái đạo cải tiến quản lý, con chả về đây mà bàn chuyện bãi Nhiên. Hay đào để. Lúc ban quản trị đưa ra

xã viên bàn; mẹ cũng tưởng nói thế thôi, chứ chả ăn nên làm ra được đâu. Con tính, từ thượng cổ, nghề tầm ở thôn Hương này bấp bênh như thuyền nan giữa biển ấy. Ai ngờ, chúng nó làm góm lăm, con ạ. Con cứ trông hai bàn tay cái Khếnh thì biết...

Mẹ quay mặt nhìn Khếnh. Khếnh mồm mím cười, xòe tay ra trước mặt tôi. Một chiếc sẹo trắng dài trên mu bàn tay, và tôi trông rõ những vết chai cứng màu vàng sậm, tròn tròn dưới mỗi ngón.

- Đây là tay đi cày - Khếnh vui vẻ giải thích - Chả là các ông thợ cày giỏi sợ "xôi hỏng bỏng không" mất công điểm, không chịu cày, thế là thanh niên đi cày tốt. Chúng tớ bảo nhau: "Chi đoàn đã nhận trước Đảng ủy: quyết cải tạo thành công bãi Nhiên này, thì phải tìm mọi cách làm cho bằng được". Mình cày chưa vững, nhưng cứ ra cày đầu tiên, để các cậu ấy làm theo. Lúc đầu trâu biết bắt nạt, nó đi xiên hàng sò, mình cứ phải riết dây chạc thật lực. Tay phồng rộp lên, chảy cả nước. Còn đây là tay gánh đất - Khếnh chỉ vào vết sẹo dài - Đứa nào cũng muốn tranh tăng đất to, lúu rúu, may suýt xiên cả vào tay, thật hú vía. Chà, cái dạo ấy làm dữ thật! Nắng tháng năm còn gắt hơn thế này nhiều. Giẫm lên cát cứ như bước vào lửa. Thế mà chúng tớ gánh đất hai mươi ngày liền. Đêm căng lều ngủ cả trên đê - Y như dân công đi chiến dịch...

- Chả thế, lại năm mươi công mới trồng nổi một sào dâu này - Mẹ Khếnh xen vào - Thật chúng nó chả biết mệt là gì, con ạ. Cả tuần trăng ấy, chúng nó không chịu bỏ buổi nào đâu. Gánh suốt ngày, lại gánh suốt tối. Mà

cái Khếnh đầu tiên chứ ai. Chẳng trách sọt đất nó gánh lúc nào cũng phải lèn rõ chặt như lèn oản. Rồi lại đắp cao có ngọn như vồng khoai ấy. Hễ có đứa gánh bốn sọt, là nó cũng vội xếp thêm hai sọt mới yên. Nặng vậy mà vẫn cố vượt lên trước, hò hát như không. Mẹ đứng trên đê nhìn, mẹ biết tất. Cái Khếnh khỏe "đua" lắm. Đi chậm không thích, cứ thích chạy như cứu hỏa ấy. Rõ trẻ con quá đứa lên ba - Nói đến đây, mẹ liếc mắt lườm yêu Khếnh một cái.

Tôi hiểu, mẹ vui sướng về Khếnh vô cùng.

Lúc này tôi lại thoáng nom thấy bóng dáng cao lênh khênh của cái anh chàng mà Khếnh gọi là "thợ giày". Tôi chưa kịp hỏi, thì Khếnh đã chỉ vào anh ta mà nói:

- Tay Lung, chắc cậu quên rồi. Buồn cười lắm. Mấy hôm đầu cát nóng quá, cả bọn sưng rộp chân lên như bông rạ. Bà cụ mẹ Lung ra mắng tội mình chí chết. Nào "chỉ vẽ việc không đâu"... Nào "khéo bày việc đã tròng xe cát, làm khổ con bà..." Thế là mình phải bỏ một đêm đến ngủ với cụ, khuyên giải cụ. Mình giờ chân cho bà cụ thấy. Bà cụ kêu toáng lên: "Tao đến chịu chúng mày thôi, quý sứ ạ. Chân mày còn rộp quá chân thằng Lung". Biết bà cụ đã dịu, mình mới bắt đầu nói chuyện với cụ về chủ trương của chi bộ Đảng, cải tạo bãi Nhiên ích lợi thế nào, chắc ăn thế nào... Cụ cứ lặng yên. Đến sáng mình xách nón đi, mới thấy cụ nói: "Chúng mày phải kiếm cái gì mà xỏ chân. Còn làm lâu, chứ đâu phải chuyện ăn xối ở thì". Mình nghĩ thấy đúng quá. Mình liều triệu tập "ban chỉ huy chiến dịch" bàn. Cuối cùng, chúng mình tìm được kiểu dép làm bằng mo cau đi tạm.

Cậu biết không? Hơi giống "dép Thái Lan" ấy. Đi vừa êm, vừa gọn. Chúng mình giao việc đó cho Lung, và cái tên "thợ giày" có từ đấy. Xuân ạ.

Khánh nói to lên, như cố tình để cho Lung nghe tiếng Lung quay lại, vừa úp hai sảo phù sa vào gốc dâu, vừa mỉm cười:

- Sáng kiến nổi tiếng của Khánh đấy - Lung nói - Bạn ấy đã thức trắng đêm làm thủ ngay một đôi trước tiên. Tôi chỉ theo mẫu đó mà bắt chước thôi...

Có lẽ không muốn để bạn khen mình nhiều. Khánh vội kéo tôi ngồi sụp xuống, rồi vừa lấy que gạch những con số trên nền đất, Khánh vừa bảo tôi:

- Quân "đi chiến dịch" của chúng tôi trung bình sáu mươi người. Nhưng toàn cỗ gánh đầy vống như hai ngọn núi cả. Một ngày, mỗi người ít nhất cũng phải chuyển được một tấn. Năm ngoái 1.800 tấn đất phù sa đổ vào đây rồi. Dịp này đổ thêm, cũng gần bằng ấy nữa. Thật chẳng khác một bãi bồi của sông Chu...

Khánh còn nói nhiều lắm. Tôi không nghe được hết, nhưng trong óc tôi bỗng dựng hiện lên những vệt đường chằng chịt, mà năm xưa, tôi và các bạn thường cưỡi trâu từ bãi cỏ mé ngoài đê qua "sa mạc" cho trâu đầm dưới sông. Những vệt đường nhẵn trắng như những dải lụa tơ tằm chảy dài, nằm xiên chéo vào nhau kia, lại là con đường mà chính các bạn đã gánh phù sa đổ lên "sa mạc" trồng dâu giữa những ngày nắng đỏ tháng năm.

Chiều đã xế. Ánh nắng xiên khoai vàng rộm. Bóng bãi dâu đỏ dài trên mặt sông. Chợt có tiếng líu ríu ngay

bên cạnh, rồi tiếng trẻ con nhí nháu đầu đây... Khếnh cười bầm tôi:

- Bọn "nhóc" chúng nó nghịch đấy!

Theo tay Khếnh chỉ, tôi trông rõ những cái bóng nhỏ, mình gài đầy lá xanh, đang nằm im dưới rãnh khoai, lưng nép vào luống dâu. Có một đôi mắt sâu thẳm đang nheo lại, nhìn tôi... Bỗng một tiếng thét the thé đằng sau, làm tôi giật mình:

- Ai, đứng lại!

Lập tức một cái bóng nhỏ khác, mình cũng gài đầy lá xanh, từ rãnh khoai xô bật về phía chúng tôi. Đó là một em trai bé loắt choắt, hai tai vĩnh ra như tai thỏ. Em cố tình đứng rất nghiêm trang. Ngực rướn lên. Đầu ngẩng cao. Hai chân khít chặt vào nhau. Em nói đồng dặc:

- Các chị cho xem giấy tờ?...

Thấy tôi ngơ ngác không hiểu, Khếnh cười nói:

- Các em đang chơi trò chơi bắt biệt kích, gián điệp Mỹ đấy. Đây là "khu rừng" của các cô, các cậu ấy mà!

Tự nhiên tôi thấy lòng bàng hoàng xúc động. Thì ra chẳng phải riêng tôi, riêng tuổi nhỏ của chúng tôi mới có những kỷ niệm trên bãi Nhiên. Hẳn các em bé bây giờ cũng yêu bãi dâu này chẳng kém gì chúng tôi yêu bãi "sa mạc". Nhưng hiện nay thì chả riêng gì các em, mà cả mọi người đều gắn bó với bãi. Chính những bạn nhỏ ngày trước vốn yêu say mê bãi "sa mạc" đã làm được việc đó. Đã làm cho bãi "sa mạc" năm xưa không chỉ có bóng dáng

ngây thơ của những đứa trẻ, mà còn có biết bao đôi chân, bàn tay... của biết bao người đi đến. Cũng như các em, rồi đây, chính các em sẽ là những người vun xới, giữ gìn cho bãi dâu này mãi mãi xanh tươi.

Ở đây, những cồn cát cháy nắng năm xưa đã biến mất, nhường chỗ cho rừng dâu xanh thắm. Cũng như trò chơi ngây ngô của chúng tôi ngày trước, giờ đã biến thành những kỉ niệm xa xưa... Và hôm nay, các em nhỏ cũng đang chơi những trò chơi... Những trò chơi ý nghĩa ấy rồi sẽ trở thành kỷ niệm đẹp đẽ của các em.

MÙA DƯA GANG

Hôm tôi dọn về miếng đất này thì "thằng chả" đứng ở bờ mầu bên kia chấp tay sau đít nhìn qua. Thấy tôi đang đốn quây chuổi trên bờ gò, "thằng chả", thả lại gần hỏi:

- Cô mới sang miếng ruộng này phải không?

- Dạ - Tôi ngưng tay nhìn "thằng chả", hỏi một câu xã giao: - Anh ở đây à?

- Tôi ở trong này một chút. Cô ở đâu mà về sang đất đây?

- Dạ, tôi ở thành phố.

- Ai chỉ mà cô biết về đây mua vậy?

- Dạ... thì cũng bạn bè.

- Cô mua bao nhiêu?

Tôi bắt đầu bực mình vì lối hỏi tò mò, khiến tôi đáp cộc lốc:

- Một cây hai.

- Hơi mắc đó, đáng lẽ một cây thôi, ruộng này gò lấm, tới mùa nắng rồi cô thấy. Miếng ruộng này trước đây của tôi sau bán lại cho ông chú, ông làm ăn không khá, nên bán cho cô đó.

- Vậy à? - Tôi lo lắng nhìn "thằng chả", vì mới chân ướt chân ráo về đây, mua được miếng đất chưa hết mừng bây giờ nghe "thằng chả" nói vậy ai lại yên tâm

cho được. Nỗi lo làm tôi ân cần hỏi tới: - Vậy lúc anh làm có khá không?

- Nếu chịu cực chịu khổ thì cũng được cô à. Ồ... với lại phải biết tính nữa...

*
* *

Sau vài lần chuyện trò qua lại, tôi biết "thằng chả" trước đây là bộ đội đặc công của Quân khu 8, bây giờ đã phục viên. Tôi không rành về bộ đội đặc công, nhưng tôi biết đây là loại lính vào sanh ra tử, dám làm dám chịu, vai u thịt bắp mà sao tướng "thằng chả" giống thầy giáo hay dân tuyên huấn, chớ không có nét gì là đặc công cả.

Ồi, mà đặc công đặc quẹo gì kê "thằng chả", lo là lo miếng ruộng của tôi, đồng lương cô giáo không bao nhiêu, nên ki cóp được chút đỉnh tiền về đây mua đất chăn nuôi, trồng trọt thêm, vậy mà bây giờ mua nhầm miếng đất gò, nước nổi không có, biết làm sao đây.

Trần trọc nhiều đêm, tôi quyết định rủ "thằng chả" hợp tác làm lụng trong thời gian đầu. Quyết định thế, thú thực, vì tôi hơi bí đường. Nhưng không ngờ khi ý kiến tôi đưa ra được "thằng chả" chấp thuận liền.

*
* *

Sau khi bàn tính, tôi với "thằng chả" quyết định trồng dưa gang vì ra ngoài giêng nước ở bên kênh sẽ khô kiệt, không còn một giọt "lầm thuốc" chớ nói gì tới

chuyện trông trọt. Vậy mới biết ở gần sông Tiền, nằm giữa kho lúa miền Nam vẫn có nhiều nơi thiên nhiên khắc nghiệt như thường.

Chẳng hạn, có chỗ khô nên khô khốc, đi cầu phải đào lỗ, rồi bới đất đắp lại giống như... mèo ở xứ Tân Lý Tây, hoặc vùng hay bị ngập lụt như Mỹ Hạnh Đông, Cay Lậy. Đất của tôi thuộc vùng "xôi đậu", mùa mưa nước ngập lai láng như ai, nhưng trái lại mùa nắng thì khô cằn sỏi đá. Làm ruộng, tưới tắm đều nhờ con kinh nhỏ kể bên, nhưng nó chỉ có nước sáu tháng, còn sáu tháng thì "phơi bụng". Mùa khô lòng kinh nứt nẻ, con nít chạy qua chạy lại đá banh được.

Trồng dưa gang vừa tốn ít vốn, tốn ít công, tới lúc dưa chín, nếu không có nước, có thể "thả" vài ngày. Nếu hai công ruộng của tôi đào được sáu trăm lỗ, mỗi lỗ hai dây, mỗi dây mười trái, mỗi trái một ngàn đồng (giá dưa đầu mùa), cứ vậy tính tới thì tôi kiếm được bạc triệu như chơi. Vì vậy tôi càng quyết tâm trồng hùn với "thằng chả".

"Thằng chả" phân công tôi mua hột giống, còn "thằng chả", mua tro. Thực hiện phương châm "tặng xin giảm mua", tôi đi quơ quào khắp nơi tìm hột giống tốt, loại dưa sáp da vàng hươm như nghệ, chó loại da xanh ruột bột ăn chẳng ra làm sao, bán rẻ rề, ít ai mua. Hột giống phải là hột để vài ba tháng chó hột mới quá hoặc cũ quá cũng không được.

Sau khi sưu tầm ở các nhà trồng dưa gang chuyên nghiệp trong xóm, tôi kiếm được khoảng ba trăm gam hột giống tốt. Vậy là chắc ăn rồi. "Thằng chả" cũng mua được

mười gia tro trấu. Phần đào lỗ thì "thằng chả", còn gieo hạt giống là phần tôi. Cả hai quyết định ngày mừng ba xuất hành, nhưng mới chiều mừng một đã thấy "thằng chả" mặc cái áo thun lưng lỗ, cái quần lỗ lửa, cái nón trần te tua, vai vác rá từ phía sau vườn nhà tôi đi tới.

Đang lui cui nấu nướng để cúng ông bà bữa ăn chiều, thấy "thằng chả" tới, tôi ngạc nhiên hỏi:

- Sao anh nói bữa mừng ba mờ... bữa nay anh đi làm?

- Ở nhà một mình buồn quá, cô ơi, đi làm cho vui. - "Thằng chả" nói và nhìn tôi mỉm cười: - Cô ăn Tết lớn không?

- Oí! Có đâu mà lớn, vài con gà con vịt, cái gì cũng có với người ta, ba đứa nhỏ tôi theo ba nó về nội hết rồi.

- Vậy à? Ồ, chớ bầu ba cái hạt chưa?

- Rồi, anh ra sau coi, nó lên mầm hết rồi, đào lỗ xong là đặt.

- Không nói không rằng "thằng chả" đi ra phía sau vườn, ngồi xuống sấm soi mấy bầu dưa đang lúp xúp mầm xanh, nói vọng vào:

- Mừng bảy xuống giống được rồi, hạt tốt lên đều quá chớ, thôi, tôi đi đào cho kịp.

Tôi nói với theo:

- Một lát anh vô ăn cơm với tôi một bữa nghen.

Không nghe tiếng trả lời, có lẽ "thằng chả" đi rồi.

Dọn cơm lên bàn thờ, tôi thâm nghĩ:

"Cái "thằng chả" này kia đời. Tết nhứt không lo ăn

Tết, một năm chỉ có mấy ngày, bộ chết tới nơi rồi hay sao mà gấp dữ vậy. Vợ con không có, cha mẹ chết hết, còn một thân một mình mà lo chi cho già sớm. Ở đời nghĩ cũng lạ, có người chỉ biết lo làm mà không biết cách ăn xài cho đúng cách, còn có người thì không thích làm mà chỉ khoái lấy của người khác để ăn chơi. Hai loại người trên, người nào tôi cũng không thích, phải có khi làm cật lực, rồi cũng có khi vui chơi thoải mái, làm cho ra làm, ăn cho ra ăn, dùng ba bữa, tôi không ưa.

Ba ngày Tết là ba ngày ăn mà "thằng chả" không ăn, lo đi làm thiệt là lạ đời. Ồi! Mà thôi, chuyện của người ta hơi sức đâu để ý, trông sớm có dưa sớm, có tiền sớm chớ lo gì".

Cúng kiến xong xuôi, tôi mượn chú Năm (ông chú họ ở phụ làm vườn với tôi) ra mời "thằng chả". Đợi hoài không thấy, chú cháu tôi đành nhập tiệc.

Ăn uống no nê, rửa ráy chén bát xong xuôi, thì trời sụp tối. Tôi bước ra sau ruộng chẳng thấy "thằng chả" ở đâu. Tôi đoán "thằng chả" đã thả về nhà. Mà lạ thật, tôi nghĩ, mới một buổi chiều mà "thằng chả" đào gần nửa đám ruộng, hàng nào hàng nấy ngay văng, mỗi hàng hăm bốn lỗ, tất cả là mười hai hàng. Đà này chắc chừng hai bữa nữa là xong.

"Thằng chả" nói đào như vậy cho nhanh khỏi lên mô lên miếc gì cả, chỉ cần mở hai rãnh ở hai đầu để chứa nước, cứ cắm hai cái thùng đi qua rìa một vòng, đi lại rìa một vòng, không cần đào mương xẻ rãnh làm chi đỡ phải lấp đất lại để mùa mưa làm ruộng. Xưa nay tôi có trông dưa gang đâu mà biết, "thằng chả" làm có được

không, chớ thấy tướng tá hơi "công tử" tôi không được tìn lăm.

Sáng mừng bầy xuống giống, "thằng chả" đi trước bỏ tro vào lỗ, tôi đi sau tra cây giống. Những thân cây nhỏ xiu non tơ ló lên giữa đám tro đen xộp. Trên những chiếc lá xanh nõn lấp lánh những giọt nước, hứa hẹn sẽ là những thân dưa tròn trịa tốt tươi.

Tra cây một buổi là xong. Phân tro thì vừa đủ. Cây giống còn dư "thằng chả" bảo để dành giặm những cây chết. Cả đám ruộng bây giờ nhìn kỹ thấy đây đó điểm li ti những chiếc lá xanh.

Ngày hai buổi "thằng chả" phân công tôi tưới buổi chiều (vì buổi sáng tôi đi dạy), "thằng chả" buổi sáng. Có hôm tôi bận họp hội, "thằng chả" tưới luôn cả chiều.

Những dây dưa mập mạp, tươi tốt, lớn nhanh như thổi, qua một đêm sáng ngày thấy nó đã khác, đám lá xanh mơn mớn bung ra bít cả lối đi. Mới hơn nửa tháng mà những cái bông vàng tươi trở ra ở khắp các nách lá. Cuối đài hoa là những trái dưa gang non bằng đầu mút dưa ló ra. Vậy là tiền bạc cũng bắt đầu lộ dạng trên những điểm xanh đó, và tôi cũng bắt đầu hăng say trong việc tưới tiêu hàng ngày. Phân u-rê với hợp chất được tăng cường đều hơn.

Khi trái dưa gang lớn bằng cườm tay thì tới kỳ vun gốc đợt hai, bỗng nhiên "thằng chả" biệt dạng bỏ một mình tôi vừa tưới cả sáng lẫn chiều, mồ hôi nhễ nhại hòa lẫn với nước mắt đổ xuống đất dưới nắng hè. Thật là bực mình hết sức, vì tự nhiên dưa gang lớn thấy ham mà

"thằng chả" bỏ một mình tôi không nói một tiếng. Làm ăn với mấy thằng cha bị vợ bỏ này sao "cà giựt" quá. Sáng mai, chủ nhật thế nào tôi cũng đi tìm coi "thằng chả" mắc chuyện gì mà "gãy gánh giữa đường" như vậy?

Chiều nay, khi tôi đang một nhòai với hai cái thùng tưới thì thấy "thằng chả" lơn tơn trên bờ ruộng tiến về phía tôi, cũng cái áo lũng lỗ, cái quần lỗ lúa, đầu không nón, mặt mày bí xị, xanh lét, hai con mắt sâu hoắm, nhìn tôi buồn bã phân trần:

- Cô giáo đừng buồn tôi, mấy rày tôi bị sốt rét trở lại. Mấy năm ở miền Đông trị hết rồi, mà sao bây giờ tái phát...

Làm như đang chăm chú tưới, tôi hỏi lơ là:

- Bữa nay anh thiệt hết chưa, sao không báo cho tôi hay?

- Ở nhà có ai đâu mà sai đi, tôi tính nhờ hàng xóm mà dậy không nổi.

- Sao anh không kiếm bà xã khác, ở một mình khổ thấy ghê hôn? - Bỗng nhiên tôi quên cả giận hỏi một câu mà không định trước.

"Thằng chả" bật cười. Hình như lần đầu tiên tôi thấy "thằng chả", cười, nụ cười chân chất, dịu dàng, dường như có chiếc răng khểnh nơi khóe miệng.

- Chắc cô giáo chưa biết rõ cuộc đời tôi, hôm nào rảnh tôi kể cô giáo nghe, tôi chán đàn bà lắm, cô giáo ơi, nói cô đừng buồn...

- Phải rồi, đàn bà thì anh chán, chớ con gái anh chán không?

Tự nhiên tôi lại nói đùa với "thằng chả", thiệt là vô ý vô tứ hết sức. Ôi! Mà hơi sức đâu để ý tới thằng cha "tám ngón" đó. Nghe nói mấy năm đi đánh giặc, "thằng chả" bị miếng "rốc- két" xén mất hai ngón tay, cũng thương binh loại hai, ba gì đó, vậy mà đào cuốc vẫn bình thường, còn giỏi hơn người mười ngón nữa là khác. Vậy mà sao vợ bỏ "thằng chả" không biết. Nghe nói bà vợ "thằng chả" đẹp lắm.

Mấy năm "thằng chả" ở miền Đông, không được tin tức gì của chồng, bả đi lấy một tay sĩ quan hải quân bây giờ ở đâu bên Mỹ hay Úc gì đó, đem theo đứa con của "thằng chả". Chắc vậy nên lúc nào "thằng chả" cũng buồn hiu. Ai biểu si tình tâm bậy, dám ăn thua với thằng Mỹ mà đi thua đàn bà! Tướng tá coi cũng "phương phi" mà đi chán phụ nữ, chán thì cho chết khô chết héo luôn, sức đâu mà lo. Tôi nghĩ.

- Bữa nay anh thiệt hết chưa? - Tôi lặp lại câu hỏi.

- Chưa dứt, nhưng mai tôi ra tuổi được rồi, hôm rày cô làm miệt, đừng buồn tôi ghen.

Tôi không nói gì, mỉm cười chỉ mấy trái dưa gang đeo, nói:

- Ngày mai tôi với anh hái dưa đeo đi bán dưa mấm, cắt bớt đặng dưỡng đám kia chớ để vậy không được đâu.

- Ai bày mà cô biết vậy, cô đi hỏi giá chưa?

- Rồi, có ba trăm đồng một kí hà.

- Được đó, lúc trước có một trăm năm mươi đồng, chở một xe ba bánh bán được hai chục ngàn đồng thấy

uống lẩm, cô ơi. Cái thứ mà nhà vườn này đổ mồ hôi sôi nước mắt mới có đồng tiền, làm ăn lương thiện bao giờ cũng cực khổ hơn "lương lậu" hà... hà ...

"Thằng chả" lại cười. Vậy là bữa nay chắc tôi mua giấy số được rồi, diêm hên hiện rõ ràng trước mắt.

- Thôi, tôi về nhen, cô giáo, mai tôi ra.

- Nếu anh chưa thiết hết thì ở nhà vài bữa nữa đi.

- Thôi, bỏ cô một mình, cô làm sao xuể. Ở... mà nè, mai tôi ra cắt dưa cho cô đem bán, chứ tôi không đi đâu. Ai đòi đàn ông con trai mà đi bán dưa dèo coi gì được, mà phải nhiều nhỏi gì cho cam, cô bán đi được bao nhiêu thì cắt đó.

- Ý, đâu được, tôi hùn với anh mà tôi đi bán một mình, anh nghĩ ngờ rồi sao?

"Thằng chả" nhìn tôi cười cười:

- Tôi không nghĩ ngờ gì cô đâu, cô giáo mà ai dám nghĩ ngờ.

- Thôi, anh ơi, bây giờ nói vậy chợ sau này mịch lòng lẩm, anh ơi.

- Cô sợ vậy thì dễ ợt chứ có gì đâu, mai mượn cân mình cân trước ở nhà, cứ bao nhiêu ký là tính tới có gì đâu mà khó.

Tôi bắt đầu bực mình, gất lên:

- Nhưng mà tôi không quen buôn bán, anh phải đi với tôi...

"Thằng chả" nheo nheo cặp mắt như con gái, nhìn tôi: Cái gì mới không quen, tập riết rồi quen. Ở đời hễ

người ta làm được thì mình làm được, đừng sợ khó. Có đất đai mà không tập đi bán sản phẩm rồi làm sao? Của mình trồng mình bán, phải chôm chĩa của ai sao có sợ? - "Thằng chả" gãi gãi đầu- Thôi, tôi về à...

Thấy tôi không nói gì, "thằng chả" quay lưng đi. Cái dáng cao cao, gầy gầy khuất sau hàng râu bụt ở cuối ruộng. Tôi cầm hai cái thùng tưới vô nhà, lòng bực bội vì cái "thằng chả" kỳ đời. Nghĩ tới ngày mai tôi phải "điều động" xe đưa đi bán một mình vừa lo mà vừa giận "thằng chả" tím gan.

Khi nước thật sự khô kiệt thì dưa bắt đầu chín rộ, thật là may phước. Những trái dưa to khoảng ba, bốn kí, da vàng hươm nằm phơi mình dưới nắng như những bầy heo con đang chạy sữa. Mùi dưa chín thơm phức cả một khoảng trời. Tôi, chú Năm và "thằng chả" túc trực ngày đêm. Đêm chú Năm ngủ giữ dưa, ngày tôi với "thằng chả" tưới nước.

Khi tôi kêu bạn hàng tới mua dưa thì "thằng chả" lại mất tăm. Đợi hai ba ngày không thấy, tôi sốt ruột quá không biết chuyện gì nữa đây, chắc sốt rét trở lại rồi. Thiệt khổ, làm ăn với mấy thằng cha sốt rét sao có cơn quá, mạnh thì làm, lên cơn thì nghỉ. Tôi bực mình, nên định chiều nay tôi phải chạy vô nhà "thằng chả" coi có chuyện gì?

*

* *

Tôi vô tới nhà thì "thằng chả" đi đâu mất. Căn nhà ngói ba gian, cửa lá sách sơn xanh nằm quanh quẽ trong

khu vườn nhẵn um tùm. Hương nhẵn chín bay ngào ngạt, đây đó nương rãnh thẳng tắp thấy mà mát mắt.

"Thằng chả" đi đâu, tôi đâm lo thật sự, hay là ở một bệnh viện? Tôi bước nhanh ra cửa gọi:

- Anh Tịnh ơi! Anh Tịnh!

Không có tiếng trả lời. Chợt nhìn thấy cái ống khóa to tướng đang ôm chặt hai cái khoan, tôi lật đật bước qua nhà kế bên để hỏi thăm. Nhà không có đàn bà thấy khổ ghê chưa, vậy mà nói chán đàn bà, chán thì cho rục xương luôn. Tôi nghĩ.

Đi vào sân, tôi rụt rè hỏi bà cụ đang chẻ củi:

- Bác ơi, anh Tịnh đi đâu, bác biết không?

Nheo neho mắt nhìn tôi, bà cụ nhỏ bã trầu, rồi đon đả:

- Phải cháu làm "thầy giáo" hôn?

- Dạ, anh Tịnh đi đâu rồi bác?

- Ồ, nó đi... đi cái gì nè, ở, đi khản hoang trên Đồng Tháp mấy ngày nay. Nó biểu đưa bây cái giấy, để tao lấy. Oi! Cái thằng...

Bà cụ lẳng xẵng đi vào nhà, giở lư hương lấy cái thư đem ra đưa cho tôi.

- Nè, đọc coi nó nói gì trống? Nó đưa đó chớ tao có đọc được đâu. Cái thằng một thân một mình, không ai kèm cặp, nó đi long bong hoài cháu ơi, tội nghiệp - Bà thở ra, rồi ngồi xuống tiếp tục chẻ củi.

Tôi mở thư, đọc nhanh mấy hàng chữ to rộng bản:

• "Thân gửi cô giáo.

Tôi đi bất ngờ không báo cô hay kịp. Tôi lên Đồng Tháp khẩn năm mẫu đất trồng khoai mỡ. Ba cái dưa gang cô thu hoạch lấy tiền nuôi mấy cháu. Tôi biết cô và ông xã thôi nhau lâu rồi, nhưng mỗi lần nói chuyện với tôi cô ư nhắc ổng để chặn đầu tôi, nhưng tôi đâu phải loại lang bang mà cô giữ ý như vậy. Cô đừng nghĩ thế mà tội nghiệp tôi. Muốn hiểu rõ tôi, cô nên hỏi thăm bà cụ này, bà là má nuôi của tôi.

Bây giờ tôi không có vợ con, nhưng tôi phải làm giàu bằng chính sức lực của mình. Mình phải giàu mới được, cô giáo, chớ mình èo uột thì mình khổ, nhà nước mắc công lo, miễn mình đừng lươn lẹo của là mình vui rồi.

Rồi đây tôi cũng phải cưới vợ. Vợ con tôi phải sống đàng hoàng, chớ nghèo ngao tôi đâu chịu nổi. Có lẽ một tuần nữa tôi về. Khi nào về, tôi ghé cô. Cô nhớ để dành hai trái dưa giống mùa tới phải làm sớm hơn mùa này mới được; làm không kịp nước thì thất bại. Làm ăn phải biết tính mới có ăn, tám tám mù mù như đêm ba mươi làm hoài tới già cũng đói.

Ít hàng cô rõ. Chúc cô vui, khỏe.

Tôi:

Tĩnh"

Tôi xếp lá thư nằm chặt trong tay. Bà cụ đã bỏ ra nhà sau. Tôi định ra chào bà, thì thấy bà cầm bịch nhẵn đi lên.

- Nè con, nó dặn tao bẻ nhẵn cho con bây, nhẵn nó năm nay trúng dữ lắm, chắc vài bữa nó về coi bán chắc

làm sao, chó tao làm gì xuể. Cái thằng sao nó lo bao đồng quá, không có ai ăn mà nó làm tú văng thấy phát ớn. Nề, cầm đi con, còn nhiều lắm đừng lo, không ăn để trộm ăn cũng hoài hà.

Tôi cầm bịch nhãn, chào bà cụ ra về, lòng băng khuâng không tưởng nổi. Tôi nghĩ, vậy mà mình cư xử không tốt với "thằng chả". Trên đời đâu phải hết người tốt như mình tưởng đâu. Biết làm sao đền ơn anh được, anh Tịnh ơi! Nhưng loáng thoáng trong trí tôi: chừng nào anh Tịnh cưới vợ mình sẽ mua món quà xứng đáng... mà sao thật kì lạ, nghĩ tới lúc người đàn ông sống độc thân xa lắc xa lơ kia có vợ, tim tôi chột nhối lên.

Bóc vỏ trái nhãn bỏ vào miệng, tôi nghe như chất ngọt lắng xuống tận trái tim. Mùa dưa gang này tôi kiếm chác hơn triệu. Đối với cô giáo như tôi, một triệu là lớn rồi, tôi sẽ làm được nhiều việc với một triệu đó. Tôi sẽ mua hai con heo, vài chục con gà, còn thả cá nữa chớ, rau rác thì tôi trồng đủ ăn, ngoài đồng đã có lúa, rồi đây tôi sẽ khỏi lo đồ ăn. Ôi! Chỉ có một triệu mà tôi đỡ khổ biết bao!

Tôi biết lấy gì đền ơn người ta bây giờ?

Những người tốt ta đã gặp trong đời không bao giờ tự vỗ ngực về mình. Họ âm thầm làm việc tốt. Sự cao quý của họ chính là ở đó

BÁM BIÊN

Gà gáy sáng. Vào tầm nay, sóng biển càng âm vang, gió sông thổi loạn, lồng lộng quanh các vườn nhà. Từ các ngõ đường ra động cát mờ sương, thấp thoáng, rậm rịch bóng người. Đây đó, tiếng gáo dừa chạm vào nước lạch cạch, tiếng chân nén cát, tiếng í ới gọi truyền:

- Đi... ơi... đi, kéo rênh rang chạm con nước đó!

Trong chái bếp nhà chị Luyến, ánh lửa vàng rực hắt qua khe cửa soi chập chờn bóng hai mẹ con. Trước ngọn củi đương reo phừng phừng và niêu cá nục sôi già bốc hơi thơm ngào ngạt, chị Luyến tần ngần nhìn đứa con gái lớn. Cái đuôi tóc nó sém nắng, cặp túm lại một nắm cũng cõn như đuôi con cá hồng, chị thương thất ruột. Mới mười ba, con bé đã thay mẹ lo toan đủ việc. Chị khẽ gắt yêu nó:

- Ngủ nữa đi! Dậy theo mẹ làm chi?

Con bé cười nũng nịu, dúi cái má bánh mật vào tay áo mẹ. Chị Luyến vẫn nôi cơm chín tới, treo niêu cá kho lên quang mây, rồi kéo con gái lên nhà...

- Chốc, cho em ăn cơm no đưa em sang nhà trẻ, rồi hẵng đi học, nghe Đượm.

- Dạ "dưng" mẹ phải về sớm đó.

Con bé giao hẹn, ngúng nguẩy nằm ghé bên các em.

Chị Luyến kéo chặn đắp ngang ngực mấy đứa bé. Tội nghiệp! Chúng nó rành xa mẹ! Từ dạo đi biển, ngày nào chị cũng vắng nhà. Nhiều đêm con ngủ chị mới về, con chưa dậy, chị đã đi. Cái ngày chị lên tỉnh dự họp mất ba ngày, con bé Điều lên bốn tuổi, mới xòe bàn tay ra đếm:

- Chao, những ba ngón tay! Mẹ đi lâu quá!

Chỉ có thằng cu Đường út ít kia, thằng cu thấp tròn in hệt cha nó - chị khẽ thở dài nghĩ đến người chồng đã hy sinh - thằng bé chị thường gọi yêu nó là "Con cá cam", nhỏ nhoi mà cứng cáp, hai năm đã đi mạnh nói sõi, cả ngày chơi bên vườn trẻ, về nhà chỉ quần lầy chị Đạm không thiết gì đến mẹ nữa. Thằng cu út đó, chị thương nó quá. Nó ra đời không được nhìn thấy mặt cha.

Chị Luyến rân rân nước mắt, cúi xuống bên con, muốn ôm chặt lấy con hôn bập một cái bên má nó, nhưng sợ con thức giấc, chị rón rén tắt ngọn đèn dầu, le te xách nón đi thẳng ra cửa sông.

Việc đi biển là việc thường ngày lôi cuốn chị, thế mà lần nào ra đi, chân chị hăm hở rảo theo biển gọi, mà lòng vẫn như sóng nổi cò, dào dạt thương con.

*

* *

Thuyền chị Luyến nhổ neo giong đến vùng trĩa chà, mặt trời vừa lên cao, ấm áp, lấp lánh hồng ngọn sóng.

Con thuyền này thuộc đội đánh cá nữ xông xáo nổi tiếng khắp làng. Trên thuyền có mười người: Chị

Khiến, bác già phụ trách kỹ thuật cùng sáu chị em bạn chài. Thêm anh cu Rèo dài vêu, bà con trong làng thường gọi đùa là Rèo "sậy". Các đội đánh cá nam không ai chịu nhận anh, chẳng phải vì anh mới tập nghề lèo lái chưa thạo, mà bởi anh làm việc yếu, lại nhát như cáy. Không đội nam nào nhận, đội đánh cá nữ này nhận vậy. Chị Luyến bàn với xã viên trong thuyền giúp anh tiến lên dần.

Chị Luyến thuyền trưởng, từ mờ đất đến giờ vẫn ngồi giữ lái. Một o giữ lèo. Bác già trông nom buồm lòng, buồm mũi. Từ mờ đất, anh cu Rèo vẫn ngồi trong khoang, còn mấy o thanh niên tựa lưng vào mạn thuyền hát nho nhỏ một điệu mái ba. Tiếng hát rập rờn trên mặt biển.

Sắp đến vùng trĩa chà, bác già cuốn buồm. Chị Luyến chèo cạy, rồi cho tung lưới. Tay lái, tay chèo chị Luyến ngày càng khá. Cũng chẳng phải tự dừng các chị vũng vàng ngay được thế. Trước chị em chưa biết bơi, biết lặn, chưa biết buông chà thả lưới. Ra đến biển: say sóng, nằm lả. Chỉ do bàn bạc nhiệm vụ ba đảm đang cứu nước, chị em rủ nhau ra lạch tập luyện dần.

Chị Luyến nhớ mãi buổi chiều hôm ấy, cái buổi chiều mưa biển lâm thâm, hơi bác lạnh chầm chầm thấm vào nhà. Chị Luyến đang ngồi bên giường bế thằng Đường. Thằng cu hồi ấy chưa tròn tuổi tôi, ước mình vì mấy cái răng sữa, đang ngủ thiếp đi. Chị Luyến chợt nghe có tiếng bà con í ới gọi nhau đi họp sau ngõ. Đội mãi chẳng thấy ai đến tìm mình, chị Luyến lạ lắm. Chị đang có con mọn, chúng bạn vội cho ra rìa sao? Xưa

nay, chị vẫn là người xốc vác, gặp việc khó nhọc, chị đâu có nề hà? "Mình lẹ như cá ó", chồng chị đã thường gọi đùa chị vậy. Ngực chị thắt lại như có mũi kim xuyên qua. Chị lại nhớ đến anh. Tiếng cười, tiếng nói của anh bật tằm trong nhà kể từ ngày máu anh loang trên mặt biển. Chị nhớ quá, nhớ đến cả mũi buồm nâu mỗ rộng như cánh quạt lớn chín nan phần phật trước gió những lúc anh từ giã cửa lạch vọt ra khơi, nhớ tiếng kéo kệt gần gũi như tiếng võng đưa dọc các đường rong đường phách, nhớ tiếng cá quẫy tanh tách quanh mạn thuyền, con thuyền mỗi lần chị vẫn ra quét dọn... Chị nôn nóng ruột gan, sẽ sàng đặt con xuống giường, lần sang cuộc họp.

Đến nơi, chị Luyến bỗng ngập ngừng. Bà con la ó: "Ồ hay? Sao thím bỏ con vậy mà đi?", chị biết nói thế nào? Chị cứ đứng lấp ló bên hiên nhà bác chủ nhiệm hợp tác xã đánh cá, nghe ngóng câu được câu chẳng, phân vân chẳng hiểu bắt đầu vào mục gì, chỉ thấy chị em vui vẻ reo nhộn lên.

Bác chủ nhiệm nom thấy chị, bước ra hỏi:

- Thím Luyến, có việc gì thế.

Chị cười lúng túng:

- Cháu... cháu sang mượn bác gái cái này...

Xấu hổ thì nói vậy, chứ chị có định mượn gì đâu. Đứng rón lại, chị tự trách mình sao lại ngượng, sao lại lúng túng? Dự họp bàn chuyện làm ăn là quyền lợi chính đáng của mỗi xã viên mà! Chị bước thẳng vào gần bàn chủ tọa:

- Có chi bà con không gọi tôi đi họp? - Giọng chị run

lên - Hay bà con cho tôi ôm con nhỏ rồi là bó tay, không nhúc nhích việc chung được nữa?

Chị Thắm ngồi hàng đầu, kéo chị Luyến về phía mình:

- Thấy Luyến đang neo quá, cháu bé còn ươn, chúng mình chưa nỡ gọi họp đấy chứ?

Tự nhiên, bên hỏi, bên đáp, nghẹn ngào cả hai. Còn ai thông cảm hoàn cảnh chị Luyến bằng chị Thắm nữa? Chị Thắm lặng lẽ nắm tay người bạn gái, vuốt ve những vết chai sần.

- Mình nhận việc được rồi mà! - Chị Luyến thổ lộ nhẹ nhàng.

Lập đội đánh cá nữ? Việc chị em đang bàn nháo lên, hồ hởi, rôm rả là như vậy. Con thuyền cùng những tấm ván sập gập ghềnh, gánh vó già cùng vòng lưới cũ kỹ, vạt buồm bạc màu vá mảnh bố tồi... Hợp tác xã sắp thái ra cả đấy, chị em xin nhận tất, rồi khắc làm cho hợp tác xã phải tin tưởng mình. Xem có nỡ cấp cho chị em những của "trời ơi" kia mãi không?

Chị Luyến đứng lên - có phải đến cuộc họp này chị mới mơ tưởng đến điều này đâu! "Bà con ơi! - Chị nói, giọng tự tin, cái điều chị nung nấu trong lòng từ bao lâu nay bật ra như dòng nước chảy băng băng bên mạn thuyền: - Tôi xin được trông nom đội đánh cá nữ này, chúng tôi khắc làm tốt, bà con à!"

Chị quay lại nhìn khắp lượt chị em, chị định nói: "Tôi muốn nổi chí chồng tôi trả thù giặc Mỹ". Nhưng chị em nghẹn ngào không nói nên lời. Anh như thấp thoáng

trước mắt đó, vẫn nụ cười hiền nửa đùa nửa khuyến khích vợ: "Mình lẹ như cá ó". Chị đứng đấy, sừng sững trong môi cắn thù và niềm đau đớn, đầu chít khăn tang, da còn xanh, nhưng hai con mắt đen già dạn sáng lóng lánh như có lửa...

Sáng hôm ấy, bà con trong làng vẫn chưa chịu tin: "Biết đời nào ăn được con cá của nữ đánh!". Ai hay có mỗi chiều về, thuyền chị em khảm dần cá. Đang mùa cá ve, cá nục, thuyền về hôm trước, hôm sau đi tiếp luôn. Bà con, nhất là các cụ trong làng, thấy chị em chuyển cá về kho mới tin là thực, trầm trồ mãi.

Đến lúc chài lưới luyện rồi, chị em mới đòi chị Thắm cho đi đánh cá thi sản lượng trên tỉnh. Chị Thắm không những hoan nghênh, lại còn dắt dẫn chị em đi nữa. Các cụ lần này ra chiều khuyến khích:

"Chị xã đội kiêm hội trưởng giới nữ mang chuông đi đánh xú người, nhớ gắng lên, nghe!" Chị Thắm cười đáp: "Dạ, chúng cháu mang chuông đi đánh, nhất định đánh phải kêu!" Nói thế là chị Thắm tin tưởng vào chị Luyện cùng chị em trong đội đánh cá nữ lắm rồi. Chị em là những người vừa có gan vừa có chí, làm gì chẳng được! Quả nhiên, tin đưa về, đội đánh cá nữ trong làng giật gãi nhì hàng tỉnh chú chẳng phải vừa.

- Ái chà!

Chị Luyện đang riết tay lát, bất chợt kêu lên. Con thuyền tròn trành. Một đàn cá quẫy, một vùng nước rỗ lặn tăn như trứng mưa. Chị nhìn đuổi theo:

- Cá bạc má! Rượt dẫn nào!

Chị bắt lẹ mũi thuyền về phía đó, hò bà con mạnh tay chèo. Chặn được luồng cá này, trúng to.

Không nghe tiếng máy bay mà bỗng dưng người nào ngước lên cũng thấy rõ bốn vết trắng chói lòa dưới nắng từ chân biển lao vào đất liền. Anh cu Rèo hót hải kê lên;

- Hấn liệng vòng rồi đó! Ta dập thuyền vào đâu đây đã.

- Yên! Soát lại dây an toàn đi. Tôi xem binh tình hãy hay.

Bác già vươn người chèo tới, giọng rần rỗi, nhắc nhở. Dây an toàn, đấy là những đường dây dứa to, dài đến chín mươi sải, một đầu buộc sẵn từ cổ tay mỗi xã viên, một đầu gắn vào lườn thuyền. Gấp dích, bà con, liệu chừng ngụp lặn xuống biển tránh tầm đạn, không sợ lạc thuyền.

- Mấy o súng lên đạn chưa? Nguy trang cẩn thận.

Chị Luyến lại nhắc. Chị nhìn vào đất liền, rồi nhìn luồng cá rập rờn trước mặt:

- Ta cứ giòng thuyền làm mấy mẻ cá đã. Dây lưới chắc chưa?

- Chắc! "Hò dô hò hụi", dấn lên tý nữa!

Mấy o gái trẻ quấy mạnh mái chèo, đẩy thuyền đi, mồ hôi dấp dẫm lưng áo. Vùng nước vẫy lặn tăn như mưa tan mất. Trượt luồng cá rồi! Làm ăn khó khăn thế chứ có dễ đâu! Chị Luyến quay thuyền vòng sang mé khác. Chị em buông chèo mở rộng lưới. Mấy mặt lưới úp chụp xuống biển, rồi chìm ngấm, chỉ còn nổi lên cái cần lưới bằng tre cột vàng óng từ mũi thuyền đâm thẳng ra.

Anh cu Rèo thấp thỏm dõi theo tiếng máy bay rú rít như gió dữ lúc động trời, lúc dội gần, lúc vọng xa. Trên con thuyền này, từ các cô gái trẻ đến bác già trong nom kỹ thuật, ai cũng son rồi. Chỉ có anh và chị Luyến, mỗi người một đàn con nhỏ. Chị vẫn vưng tay lái con thuyền - nhẹ như lướt. Anh Rèo không sao hiểu nổi. Anh ta kêu bật lên:

- Thím Luyến lạ thật đấy, thím à... Tôi thì không chi bằng con. Tôi là đàn bà, tôi chẳng bỏ con vậy mà đi đâu.

Máu nóng chạy rần rần trong người chị Luyến. O hay, làm như chị chẳng biết thương con! Cái anh chàng đón như sứa biển này còn tỏ lời ngạo mạn, khích bác chị. Chính vì thương con, thù nhà, nợ nước, chị mới lặn lội như thế này đây! Mỗi người mẹ thương con theo một cách. Có người thương con, khư khư mẹ con bên nhau, cần thì chờ đợi người khác gánh đỡ công việc hộ mình. Không, chị Luyến không thuộc lớp người mẹ như thế. Ai cũng thương con theo lối ấy, mỗi thù chung bao giờ trả xong?

Tự dừng chị Luyến ngồi lặng đi, nghĩ lý ra như thế. Bối nước nhà đang cơn nước sôi lửa bỏng, nhưng trong làng xóm, trong bạn bè chị, cũng có người như anh cu Rèo kia, chưa hiểu hết thế đâu... Gió mặn phả tới tấp vào mặt chị. Sóng réo cuộn, đẩy chen nhau chồm đến con thuyền như những thủ thách ngồn ngang phía trước. Nhưng con thuyền chị vẫn vững vàng lao tiếp cuối lên lưng sóng, nhấp nhô rạch nước lao đi.

Từ trong đất liền, một tràng bom dội rền vọng lại. Anh cu Rèo ngồi nồm nớp bên mạn thuyền, không chịu

được nữa:

- Chị này liều! Hạ cột buồm xuống thôi.

- Liều, liều à? - Chị Luyến nhìn thẳng về phía anh ta quát lại; chưa bao giờ chị xẵng giọng đến như thế; cái anh chàng nhát gan kia vừa động đến nỗi đau của tình cảm thiêng liêng của chị đối với các con - Tôi liều tôi bỏ đàn con dại cho ai? Anh có chuyện chi, còn có vợ anh nuôi con, chứ tôi, ai nuôi con cho tôi? Máy bay liệng còn xa, ở đây, việc ta ta cứ làm đã!

Bác già nghe chị Luyến nói, gật đầu ra vẻ ưng ý. Chuyện chị em phải xông pha nơi sóng nước thế này, bác xem là chuyện bất đắc dĩ. Chỉ vì còn giặc Mỹ đó, chị em mới đứng ra gánh vác công việc khó nhọc này. Mà đây, đã làm, chị em làm cừ, làm tốt chứ không hèn!

Các cô gái trẻ trong thuyền nói góp:

- Có chị Luyến đây, ta cứ nghe theo:

Bác già cũng họa vào:

- Động dạng chỉ cả thuyền ta nhất tề tuân theo lệnh thuyền trưởng. Kéo lưới lên, này!

Cả thuyền xúm đến, xóc tay kéo mạnh cần lưới. Nước trĩ xuống. Lưới nặng trĩch nhấc dần lên khỏi mặt biển. Cá! Cá trắng nhấp nhô vùng vẫy trên mắt lưới. Cá nục chuối béo lẳn sống lưng xanh. Cá bạc má đẹp mình, lườn bụng trắng ánh. Anh cu Rèo nom thấy cá đã vui bụng hơn, nhúc nhắc tay vớt, dồn cá xuống đáy lưới, rồi kéo vào khoang. Cá giẫy đành đạch khắp một vạt thuyền.

- Chưa ăn thua chi - Chị Luyến xuýt xoa - Cá đẹp mã đó, nhưng mẻ lưới còn ngót lắm!

Bác già cũng tiếc rẻ:

- Trật luồng cá rồi, chớ trúng, phải biết!

Được cá, chị Luyến chọn một mớ kho xối, soạn cơm cho bà con. Chị bắc một tấm sạp ngang thuyền kê làm mâm. Thuyền vừa neo vào cột chà, chợt âm âm tạt ngang qua đầu ba chiếc máy bay. Chị Luyến ngược mắt quan sát. Anh cụ Rèo không dám ngẩng đầu lên, cứ đội chiếc nón lá già, cúi mặt xuống sát lòng thuyền, rên rĩ:

- Thím ơi,! Thím... có nhảy lặn không, thím?

Chị Luyến giọng rần rỏi:

- Ngồi yên! Bình tĩnh nào!

Rồi tiếng chị lại trù lên:

- Máy bay thám thính đó. Máy o... súng lên đạn, nghe! Có lệnh hăng bắn.

Chị vẫn dăm dăm nhìn lên. Ba chiếc máy bay kèm nhau. Chiếc đi giữa to lồ lộ ngang lòng thuyền. Thoáng cái, hấn vút lên cao rồi bay thẳng. Ái chà, ở trong đất liền, hấn hã pháo mình nên bay rõ nhanh, rõ cao. Còn ở đây, hấn dễ người mấy lá thuyền con! May đời nhà hấn, chứ hấn chúc đầu xuống là súng máy o dân quân thuyền mình nã lại ngay.

*

* *

Gió chiều chạy rần rạt trên mũi thuyền. Buồm lòng,

huồm mũi cuộn tròn lại, dựng đứng trên nền trời tối sẫm, từ từ tiến vào cửa sông.

Chị Luyến như nom thấy đàn con mình kéo nhau ra đầu bãi ngóng mẹ. "Mãi mẹ chưa về!" - Những cặp mắt trong trẻo của chúng nhìn đắm đắm ra khơi, và bây giờ chúng đã reo lên khi nom thấy bóng chị trên mũi thuyền. Nghĩ đến con, lòng chị ngọt ngào, như có mùi thơm tỏa ra từ làn da ấm nắng của chúng phảng phất đâu đây...

Các thuyền đánh cá lục tục trở về. Trên bến dưới thuyền í ới gọi nhau. Ván sập cọt kẹt, xích neo loảng xoảng, gàu xối xả vơi nước trong khoang, cá tươi giãy đành đạch, lấp lánh trên các miệng sọt, chân lạo xạo, lún cát, dây dừa ngang dọc lăn trên bãi. Gió mặn thổi lên mùi tanh nồng quen thuộc và chân sóng liên tiếp tung bọt vào bờ. Cả dải sông từng bừng nhộn nhịp hẳn lên.

Mấy cô gái trên xuồng chèo biển chạy băng băng xuống đến thuyền chị Luyến, nhìn lòng thuyền khảm cá, hoan hỷ:

- Toàn cá nục chuối, chúng bay ơi! Có đến năm sáu tạ chứ ít!

Gánh cá nhập kho xong xuôi, chị Luyến nách rổ cá phân băng băng về nhà. Lũ trẻ không đứng ngóng chị đầu vực sông như thường ngày. Chúng đang chơi "ô quan" bên miệng hầm trú ẩn giữa sân nhà mát rượi bóng trắng non. Vỏ sò lóng lánh, lóc xóc trong tay chúng.

Cả sân nhà rộ lên một lúc. Ba đứa con gái chạy quần bên mẹ, rồi hí hửng bưng rổ cá ra ngồi bên vại

nước, xúm xít bóc mang. Trong rổ cá, có lẫn một nang mực tươi.

Cu Đường ngồi xỏm bên các chị, nghịch cái nang mực. Thằng bé mới tý đỉnh đã tỏ ra gan lì, chẳng quăn quýt bịn rịn bên mẹ. Suốt ngày xa con, chị Luyến nhớ hơi hướng con quá! Chị cởi vội chiếc áo ngoài xỏ nước mặn, rồi mặc những vẩy cá, trắng ánh như bạc còn vương trên tóc, chị giơ tay đón thằng con út:

- Nao... ôi.. con cá cam của mẹ!

Chị líu ríu nựng con. Thằng cu Đường khẽ giẫy lên, khóc ậm ạch. Thằng bé trái khoáy, mẹ đẻ ra soa không theo mẹ. Chị bế thốc nó lên giường, rên rầm:

- Đường dạ!

Cu Đường dở khóc dở mếu, giọng ướn rệt:

- Di... ạ!

- Đường không được láo!

- Nh... áo

- Ai đẻ ra Đường, nói mẹ!

- M... ạ!

- Mẹ đi biển về, muốn bế phải cho bế.

- Bi... ế

- Không được như người dưng nước lã, trần đời không ai như thế, mẹ đẻ ra không theo! Mẹ đi về phải hỏi, nhớ chưa?

- Nh... ó!

- Đường không được khóc.

- Nh...óc

- - Đường chùa rồi.
- Chùa.
- Con ngoan.
- Nho...an

Cu Đường, nép vào nách mẹ. Chị Luyện âu yếm nằm xoải bên con, dang đầu tay cho con gối.

Từ ngoài sân, tiếng con Đượm hỏi vọng vào:

- Cá nục bóc mang rửa sạch rồi, làm chi nữa đây, mạ?
- Kho xối một nửa, con à. Còn một nửa, để đó, mạ ướp muối phơi khô ...

Trời này được nắng, ngoài xưởng chế biến cũng phơi cá bộn lên. Suốt vụ, cá nục phơi khô được hợp tác xã chuyển nườm nượp ra tiền tuyến. Nghĩ đến cái nơi đạn xối đất và khói mù trời ấy ngày nào cũng có tiếng súng trả thù cho chồng mình, tim chị Luyện đập rộn lên.

Một ngọn gió nồm đầu rặng dừa rì rào thổi tới như từ nơi nào vắng lại lời xúc động thâm thì...⁽¹⁾

1965- 1966

⁽¹⁾ Đã được tạp chí *Thế giới* của Ukraina dịch in năm 1975, nhân năm thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam chống Mỹ cứu nước, do Maia Kasen dịch.

CHUYỆN Ở TRẠI PHONG

"Đây là những bông hoa dừa, hoa dừa trắng, hoa dừa đỏ, chứa khải huyết nhụy lấm. Còn đây là những bông mẫu đơn, sâm đại hành mới gầy được ít lâu nay. Vừa là hoa, vừa là thuốc thánh cả đấy".

Người đàn bà làm vườn mỉm cười tự hào, chỉ những bông hoa mọc mọc, cánh mỏng dính. Những bông hoa trắng giầy lạt bồng như có hồn, khoe cái phần công lao nhỏ bé của chúng bên những cây bồ công anh, bông mã đề, sài đất... Cứ nhìn xem những luống đất mịn xốp, tơi vụn ra như bột, những cây cỏ dại vừa mới được giẫy sạch, những viên gạch lát chéo, hàng cỏ tóc tiên xén đều tăm tắp, cũng đủ hiểu bà làm vườn yêu mến chúng như thế nào.

Bà bỗng dừng câu chuyện, bất chợt hỏi cô gái:

- Thế các cô về đây có được lâu không?
- Cũng còn tùy, bác ạ.

Cô gái đâm bối rối về sự lơ đãng của chính mình. Bà làm vườn cũng không phạt ý, nói tiếp:

- Phải rồi, dễ mấy ai đã thích cái chốn này. Chẳng qua là sự bắt buộc. Ngay tôi, hồi bị bắt về đây, tôi cứ cho như là bị tù giam lỏng. Nhưng cái thời ấy khác. Cô có biết không, đến một viên thuốc cũng chả có. Mà người ta còn

chửi, còn mắng, đến bữa ném cho tôi cái rá cơm hẩm. Chính tôi phải đi mò lấy thuốc mà uống: rau má, bông mã đề, bồ công anh, rễ cỏ tranh, toàn thứ thuốc mát cả. Nhưng rồi những thứ lá ấy cũng trụi tiệt, chẳng kiếm đâu ra được nữa. Một dạo người ta cũng ném cho chúng tôi mỗi ngày một viên thuốc gọi là để làm phúc. Nhưng uống vào, nó cứ muốn đốt cháy cả ruột gan. Ừ, phản ứng thuốc đấy, bệnh không khỏi, chỉ tăng dần.

Giọng người đàn bà nhuốm một tâm tư thâm lặng, đôi mắt bà bỗng trở nên xa xôi, buồn bã:

- Tôi sinh oán ghét tất cả, bố mẹ sinh ra tôi, anh chị em ruột thịt không ngó ngàng đến tôi. Rồi một đêm khát, khát quá, khát đến muốn cào cổ họng, tôi lết ra bờ sông, cái sông con gần trại ấy...

Dòng sông mát, mát quá. Đêm ấy trăng lại sáng như ban ngày. Tôi men ra bãi ven sông. Nước tràn vào bãi, thấm vào da thịt đến đâu, mát lịm đến đấy. Tôi định bụng cứ đi ra giữa sông, rồi sau đó thì mặc, muốn ra sao thì ra. Thì cô tính: bố mẹ, anh em họ hàng không một ai ngó đến, cả cái người ngày trước định dạm hỏi mình làm vợ cũng lờ đi thì tôi còn sống để làm gì? Tôi nhìn một lượt những bụi chuối non, những khóm tre quen thuộc, nhìn ông trăng tròn, thì tiếc, nhưng ngoài nhìn về cái dãy nhà tranh còn người mặc chiếc áo trắng, trắng như hoa dừa này mà suốt ngày gần hắt chửi rửa chúng tôi, tôi không suy nghĩ gì nữa. Tôi liêu đây...

Cả người tôi vừa ngụp trong nước, chơi với, bỗng một bàn tay nắm chặt lấy cánh tay tôi, lôi lại, rồi tiếng một người đàn ông quát:

- Cô điên à? Không muốn sống hay sao lại ra đây?

Tôi quấy mạnh, cố tuột khỏi cánh tay ông ta:

- Ông cứ để mặc tôi. Tôi không muốn sống nữa. Sống là người thừa ích gì.

Giọng người đàn ông dịu lại:

- Biết đâu có ngày bệnh chữa được. Về thôi!

Người đàn ông ấy chính là ông thợ mộc hàng ngày vẫn sang sửa bàn ghế cho trại ta.

Cô gái hơi mỉm cười. Người đàn bà làm vườn sống với ông ta trong một nếp nhà tranh nho nhỏ đằng kia. Họ sống êm thấm và hạnh phúc:

Giọng bà làm vườn ngọt ngào:

- Tôi đành theo ông ta về. Người tôi đã lạnh cóng. Ông ta đốt cho tôi một đống lá khô, sưởi, bảo tôi thay quần áo. Thôi, đành chờ một dịp khác vậy. Nhưng tôi chưa ra được đến bờ sông lần nữa thì thành phố đã được giải phóng.

Bác làm vườn trút một tiếng thở dài nhẹ, giọng bỗng lại linh hoạt hẳn:

- Kia, vị cứu tinh của chúng tôi kia kia.

Theo tay người đàn bà chỉ, Vân - cô gái - đã thấy rõ. Đó chính là thầy dạy học của cô. Người đàn bà hồ hởi:

- Bác ấy về đây lúc mái tóc còn xanh mượt lên, giờ tóc đã điểm bạc, nhưng tấm lòng đối với ai cũng như bát nước đầy. Giá chả có bác ấy, những người giúp việc tốt của bác ấy nữa, thì chúng tôi cũng bỏ trại trốn đi lâu rồi. Về quê hương bản quán làm ăn, rồi muốn ra sao thì

ra. Cô tỉnh, đi mãi được cả đời ư. Thế là chúng tôi ở lại đây, xây dựng cuộc sống mới.

Bà lúi húi dọn cỏ, tiếp tục giọng kể lễ: '

- Từ đây ra ngã ba, ngược lên bến ô - tô, chỉ cách một dòng sông có một cái cầu gỗ bắc ngang đấy. Thế mà phải ba năm, người thì năm năm, tùy theo nặng nhẹ và cũng tùy cả nhân đức của người thầy thuốc nữa mới qua được cái cầu ấy đấy.

Cái cầu ấy đưa người ta về với thế giới hàng ngày của cộng đồng.

"Thôi, bác đừng nói nữa, đủ rồi, - cô gái thầm kêu lên và tiếp tục dòng suy nghĩ của mình: - Thời gian ta ở đây không lâu: ba tháng, sáu tháng, tùy. Ta sẽ cố để có mảnh bằng tốt nghiệp, một giấy chứng chỉ bước vào cuộc sống. Cầm chắc mảnh bằng trong tay, ta sẽ xin trở về quê, hoặc xin hẳn ở một bệnh viện nào đó, ở Hà Nội chẳng hạn. Ở Hà Nội, ta sẽ được học thêm ở thầy, ở bạn, ở các cuốn sách người ta mang từ nước ngoài về. Anh ấy sẽ chờ, đúng rồi, Nam sẽ chờ ta...".

Cái ngày hai đứa đi dạo trên bờ Hồ Tây, cô vẫn nhớ như in. Mặt nước hồ xanh, xanh thẫm. Phía xa, vài cánh buồm trắng lơ lửng. Những cánh buồm gợi cho trí óc cô những bến bờ mới. Những ước mơ đẹp đẽ. Mai đây, cô sẽ là một chiến sĩ mặc áo choàng trắng. Cái màu trắng áo choàng đó phải toát lên tâm hồn một người thầy thuốc.

"Với chiếc áo choàng đó, mình sẽ...".

Cô nói thầm ước mơ của mình với Nam - người yêu cầu. Anh chứa chan hy vọng. Một ngày nào sẽ gặp Vân -

ổng nghe trước ngực, chiếc mũ trắng đội đầu có hình chữ thập đỏ. Phải, Vân của anh sẽ rất đẹp. Không những đẹp, mà còn oai nữa.

Nam cũng có một ước mơ riêng. Trường đại học choán hết ý nghĩ của anh. Anh sẽ xây dựng những ngôi nhà hiện đại. Những phòng nghiên cứu. Những đường phố. Hạnh phúc đang đứng tầm tay với của họ. Một căn phòng. Chồng là kỹ sư, vợ bác sĩ. Họ sẽ có những công trình.

- Chúc em gặp nhiều may mắn!

Nam siết chặt bàn tay bé nhỏ của người con gái, bàn tay sẽ mang hạnh phúc đến cho những ai cần.

Những năm đầu, Vân học say mê. Cô tin chắc không bao lâu mình sẽ đạt được mục đích. Kết quả các kỳ thi lên lớp: khá, học sinh tiên tiến. Ở trường người ta đặt nhiều hy vọng vào cô. Những đêm trực rất căng, rất dày, cô vẫn hoàn thành nhiệm vụ.

Cô bước vào năm học thứ ba một cách hăm hở, nhà trường điều cô về chuyên khoa ngoài da. Cô gái hoàn toàn sùng sốt về quyết định đó. Những ước mơ đẹp để vụt tan biến. Và lúc bấy giờ cô mới hiểu như thế nào là ước mơ. "Nhà trường tin ở em. Nếu ai cũng chỉ chọn đúng cái ngành mình thích thì những cái khác bỏ cho ai".

Lúc này, thoáng thấy ông thầy dạy ở phòng thí nghiệm đi ra, cô bỗng đỏ bừng cả mặt, vì một ý thoáng qua; cứ ở đây hết thời gian thực tập, giành lấy mảnh bằng tốt nghiệp và sau đó sẽ đi bất kỳ nơi đâu, chứ không phải ở đây.

- Này, Vân ơi, lại đây! Người bác sĩ có tuổi hôn

nhiên gọi cô trò nhỏ mà từ lâu ông coi như con gái, người sẽ nối nghiệp ông sau này. Ông cũng có vợ con ở Hà Nội, nhưng thỉnh thoảng ông mới về thành phố thăm gia đình. Ông đang say sưa với đề tài điều trị bệnh phong để có thể thanh toán bệnh phong sớm ngày nào hay ngày ấy, vào năm 2000 chẳng hạn.

Ông nhìn thẳng vào cô học trò, sôi nổi:

- Chúng ta lại thắng, - ông nói như reo lên: - Cô xem đây. Trục trùng đã bị đánh lui sau một thời kỳ bốc bệnh. Bệnh đã giảm hẳn chỉ còn hai cộng. Cái chị giường số ba mươi ấy mà. Sao, cô sao thế?

Cô gái ngượng nghịu. Cô chưa vui được như thầy. Đúng cái bữa trực, mình thức hầu như suốt đêm bên giường chị số ba mươi, lúc chị trở bệnh tưởng muốn phát điên lên. "Con bệnh của chị sẽ dụi. Còn mình, mình sẽ được tin cậy. Mình chỉ nghĩ có thể".

Người thầy thuốc có tuổi nhìn học trò của mình, một thoáng phân vân hiện trên khuôn mặt rám nắng. Không, chả có lẽ nào.

Ông cúi đầu, bước chậm chậm về phía phòng thí nghiệm. Ở đây có một thanh niên ít nói, suốt ngày chỉ làm công việc đều là trông coi những mảnh kính lấy ở các phòng ra, qua ống kính hiển vi. Nước da của anh hơi xanh, không hợp với cái tuổi đang sung sức. Khó có thể tìm được một người giúp việc như vậy. Nhưng ông bác sĩ đột nhiên nói:

- Anh Phi, anh có bao giờ hài lòng về kết quả công việc của mình không?

- Sao ạ? - Anh chưa hiểu ý định của ông.

- Tất nhiên, người ta có thể tự hào về những kết quả của chính mình, nhưng chưa đủ - Ông bác sĩ gõ gõ đầu ngón tay trở xuống bàn, tự trả lời. - Một công trình, một sự nghiệp không thể chỉ là việc riêng của một nhóm người.

"Ông ấy nói đúng". Anh thanh niên trầm nghĩ. Ông đang có một ý định, một ước mơ bốc cái khí thế của bệnh viện lên hơn nữa, sao cho nó hoạt động lên như một bệnh viện dã chiến trước kia ông đã từng trải qua trong những năm đánh Pháp. Ông muốn chính anh cũng phải lôi cuốn được những người khác.

Anh gật đầu, mỉm cười. Họ hiểu nhau qua cái cười đó.

Ông trở về phòng, chìa cái kết quả bước đầu cho chị giường số ba mươi. Cặp mắt chị ta sáng lên, tròn xoe, lấp lánh:

- Thưa bác sĩ, thế là tôi sắp được về rồi chứ ạ? Còn bao lâu nữa ạ? Ôi, sung sướng quá. Tôi cứ tưởng như tôi thì không bao giờ được trở về nữa với mẹ già, con nhỏ. Còn chồng tôi đi chiến đấu xa rồi.

Thấm thoát thế mà đã ba năm. Vợ chồng chia tay nhau trên chiếc cầu gỗ, lòng nặng những lo âu. Người chồng đi ra trận sau khi đưa được vợ tới đây. Bệnh nặng, da mặt có nhiều nốt đỏ do đã dùng những thứ thuốc không thích hợp. Chị tưởng chừng phải ở đây mãi mãi, cái cầu gỗ kia không bao giờ vượt qua được.

Chị được chăm chút từng ngày. Từng liều thuốc cứ được nâng dần lên theo thích ứng của cơ thể. Rồi lại

nghe, lại tiếp tục, cả một dòng máu mới cũng được truyền trong cơ thể chị. Ngày ngày lại ngày ngày. Năm này qua, năm khác tới.

Rõ ràng như người được sống lại, chị cười, chị nói, đôi lúc còn khe khẽ hát một bài gì đó, rất quen thuộc. Chị tìm đến Vân. Nước mắt ứa ra, chị luống cuống.

- Cô ơi! Vân ơi!

Người luống cuống lại chính là Vân. Tự bao giờ, chẳng rõ, cô đâm sợ những lời cảm ơn. Những lời cảm ơn chân thành cũng làm đôi má cô đỏ bừng như một đứa trẻ nói dối bị bắt quả tang.

Sao mình cứ phải sống thế này mãi? Thì cứ nói quách đi cho xong. Tôi chỉ đến đây để thực tập, với một động cơ duy nhất là có mảnh bằng tốt nghiệp, xong sẽ trở về Hà Nội. Những lời cảm ơn, xin để dành cho, cho...

Cánh cửa phòng thí nghiệm bỗng mở. Người thanh niên coi phòng thí nghiệm khẽ chào Vân, rồi lặng lẽ bưng cái khay đựng đầy những mảnh kính, những chai lọ, đi ra. Đây, những người như anh ấy, cái anh mà Vân nghĩ là một thanh niên rất tốt, rất tận tụy, nhưng lại hơi ít hoạt động vì không có "chí hướng bay nhảy" ấy, dù sao cũng sung sướng hơn mình. Bởi lẽ anh sống thực với chính bản thân.

- Cô Vân, cô có khách.

Bác sĩ viện trưởng gọi Vân, giọng dịu dàng, Vân ngược lên, hai má đỏ bừng. "Sao anh lại đến thăm em lúc này, lúc em không còn ngồi ở phòng riêng, mặc chiếc áo cánh hoa hay đang cúi đầu vào trang sách đang đọc dở. Mà lại

đến thăm giữa lúc em chăm sóc người bệnh. Chị giường số ba mươi đây, hai cánh tay tê cứng, do bệnh dẫn xuống hết cả cánh tay sau khi bị đánh lui ở mặt".

Một cái gì ớn lạnh chạy dọc suốt sống lưng cô gái. Phải chăng cái lạnh toát ra từ đôi mắt người yêu, khi anh nhìn những người bệnh trong phòng.

Bác sĩ viện trưởng đã nắm chặt tay anh, trò chuyện một lát, rồi đi ngay. Ông lúc nào cũng vội. Nhưng Vân có cảm giác ông đã hiểu hết cả.

Gần đây ông đã dành nhiều thì giờ cho cô, như một người cha chăm cho con. Ông giúp cô hiểu thêm về lý thuyết, kể lại cho cô nghe những ca ngặt nghèo do chính ông xử lý. Ông tự dịch một số tài liệu khoa học nước ngoài giúp Vân tham khảo. Ông mong Vân sẽ tốt nghiệp không phải ở mức trung bình mà vào loại khá. Có lần, ông kể cho cô nghe chuyện một người bạn gái của ông, một phụ nữ trẻ đẹp đã làm nghề đỡ đẻ trong nhiều năm, một bà đỡ rất giỏi, rất mát tay. Trong ca đỡ đẻ cho một sản phụ mắc bệnh gì đó, bà đã hỏng một mắt. Nhưng tay nghề của bà chỉ vững thêm, già dặn thêm lên. Không một người sản phụ nào có thể quên được bà, dù sau này con họ đã lớn bao nhiêu đi nữa. Câu chuyện có thật, nhưng bác sĩ nói với ngụ ý gì?

Vân chỉ biết đôi lúc một lá thư từ một miền xa, hoặc ở một miền núi, một thành phố gửi về đây đã tiếp sức cho chính ông. Đứng bên ông, Nam trông khắc khổ, già hẳn đi. Không rõ vì sao?

- Chị Vân ơi, chị đỡ đẩy cho em, chị ra đi.

* Thủy, cô y tá phòng bước vào, nhanh nhẹn đỡ lấy những cuộn băng thấm paraffin. Giọng thủy êm ru nói với người bệnh.

- Chúng em bó thuốc này cho chị. Chị chịu khó một tý, chị nhớ. Rồi chị sẽ thấy dễ chịu ngay. Nó tấn công chị vào cánh tay, chúng em sẽ trị nó ở cánh tay chị.

Cả cái Thủy này nữa, nó cũng là một người sung sướng bởi nó rất vô tư. Xong việc rồi, lại ca hát véo von ngay được.

- Em còn định ở đây đến bao giờ nữa? - Nam hỏi, lúc hai người đã bước trên chiếc cầu gỗ. Chiếc cầu gỗ được bắc qua dòng sông, khoảng cách từ thùng lũng ra đến đoạn đường cái được phân chia rõ rệt bởi dòng sông này. Khoảng cách không xa, nhưng không dễ dàng vượt qua được. Những người chia tay với con đường để vào thung lũng thường nói với nhau như vậy, và họ thường nhìn về phía sông, phía con đường cái bằng những đôi mắt cháy bỏng khát vọng.

- Anh bảo gì cơ? - Vân hỏi lại, khó chịu vì giọng nói gay gắt của Nam hơn là ý định câu hỏi.

- Là cô định ở đây đến bao giờ? Trông những người ấy mà anh phát lo cho em.

- Và cả cho anh nữa - Vân tiếp, giọng buồn buồn.

Chiếc cầu gỗ khê rung lên dưới bước chân hai người, hay dưới hơi thở không đều, nhịp đập không đều của chính trái tim họ.

- Anh ạ! Bác sĩ viện trưởng ở đây rất tốt. Chính bác đã...

- Tốt! Tốt để được việc cho người ta, ai mà chả tốt.

Vân ngoái lại - không, chỉ có cỏ cây bên đường, dòng sông nghe Nam nói. Vân không sợ ai nghe thấy, nhưng cô xấu hổ với chính người thầy đã hết lòng chỉ bảo cho cô, đã làm việc hết mình trong cái thung lũng ít được người ta nhắc đến.

- Chỉ còn vài tháng nữa là đến kỳ thi tốt nghiệp. Em cố lên. Anh đã nhờ một người bạn thu xếp cho em một công việc thích hợp. Chúng ta có một gian nhà, hết giờ làm việc, chúng ta về đây. Em thử tính xem chúng ta sẽ sắm sửa những gì. Kìa, sao em không nói...

Nam hào hứng, vì cái viễn cảnh theo anh nói sắp tới sẽ rất sáng sủa.

- Chúng ta sẽ có một gia đình.

Vân im đến thờ thần cả người. Hay là mình cứ theo như ý anh Nam, khi kỳ thi tốt nghiệp đã xong xuôi, tròn vẹn. Không ai cười được đến ba năm. Mọi người ở đây sẽ quên mình. Cả các thầy giáo, các bạn bè. Cả chàng thanh niên ít nói ở phòng thí nghiệm. Hoặc mình sẽ như cái Thủy, như bác sĩ viện trưởng.

- Nếu em thi xong rồi, nhà trường không giải quyết nguyện vọng thì em về cơ quan của anh, với số lương của hai chúng mình, chúng ta sẽ sống cũng không đến nỗi nào.

Vân lặng thinh. Cô ngẩn ngơ tiếc một anh Nam trẻ, xông xáo, dài dại nhưng lại vẫn rất dễ thương bữa nào đi dạo cùng cô, trên bờ Hồ Tây mát rượi. Ba năm đã qua... Cái gì đã cướp mất của anh phần tươi mát nhất

đáng lẽ anh cần có.

- Anh để cho em có thì giờ suy nghĩ đã. Cô trả lời chậm chậm.

- Nhưng phải gấp lên, em ạ. Anh tưởng em đã suy nghĩ chín rồi chứ. Từ cái hôm anh đưa em vào đây cơ mà.

Ừ, đúng rồi, hôm đó, anh đã bàn với cô rất kỹ cũng ở trên chiếc cầu gỗ này.

"Những ngày đó, em chỉ biết có anh". Vân thâm nghĩ...

Con đường cái nhỏ dẫn đến những ngã ba đã hiện ra trước mắt hai người.

- Anh không ở lại được hết ngày hôm nay ư? Em muốn anh ở lại.

Câu chuyện của bà làm vườn, chị giường số ba mươi, bác sĩ viện trưởng. Anh sẽ gặp họ. Cô muốn thế, nhưng Nam đang có việc vội. Anh lật cổ tay áo nhìn đồng hồ:

- Anh phải về ngay. Đi qua chỉ tạt vào thăm em được một lát, nhana tiện nhắc nhở em. Còn nếu không...

- Không thì sao? - Vân luống cuống hỏi vội.

- Thì một là em sẽ theo anh, hai là em ở lại với cái trại điều dưỡng của em. Tùy em đấy!

Ồi! Ra thế. Vân sững sờ đến đau khổ. Người ta không yêu mình. Rõ ràng như vậy.

Có những cặp vợ chồng, cặp tình nhân đã đi qua chiếc cầu này. Họ chia tay nhau để rồi lại gặp nhau "tùng cay đắng lại mặn mà hơn xưa". Chị giường số ba mươi. Cái Thủy. Anh thanh niên phòng thí nghiệm hản

chưa có người yêu.

- Thôi, anh đi!

- Em trả lời cho anh yên tâm. - Nam bỗng xoay người lại nhìn tha thiết vào mắt Vân.

- Em chưa trả lời anh được. - Cô gái ngoảnh nhìn nơi khác, mi mắt nóng ran lên đến khó chịu.

Dòng sông mở rộng, đến chỗ nước xoáy, dòng sông găm lên và cuộn phẳng đi những chiếc lá lác lõng.

Qua dòng sông ấy, Vân trở về thung lũng.

Cái thung lũng xanh tưởng chừng êm ả nọ bỗng dậy ngay từ hừng đông. Tiếng người chạy theo một nhịp đều đều ngoài sân, tiếng đồng dục điệu khiến những động tác thể dục, tiếng chổi tre quét rào rào ở các lối đi, ngoài vườn.

Người ta đã mở tung các cánh cửa cho gió thoáng loạt vào các phòng. Bóng chiếc áo trắng thấp thoáng. Khi Vân và Thủy bước vào, mọi người đã nhao nhao:

- Cô Vân ơi, tối nay có tập hát không?

- Có sách mới về không, cô Thủy? Cho chúng tôi mượn.

- Có lên rừng lấy củi không, cô Thủy?

Hai cô gái dịu dàng trả lời hết thảy mọi người trong lúc bưng chiếc khay trắng mang đến tận giường cho họ.

Sắp đến giờ bác sĩ thăm bệnh. Suốt mấy bữa nay, người thầy thuốc ấy bận rộn: đôi mắt trũng sâu, hai gò má dô hẳn lên, hai cánh tay áo luôn xắn cao phô những bắp tay trần nổi gân chằng chịt. Phải dự trữ thêm thuốc, huyết thanh, bông băng chuẩn bị phòng cấp cứu

trong hẻm núi. Dữ trữ thức ăn, củ đốt.

Bằng hành động của mình, ông lôi cuốn hết thảy mọi người vào việc chung. Không mấy ai có thể ngồi yên được. Nhưng người ta vẫn tập hát, tập nhạc, tập biểu diễn văn nghệ, đọc sách. Cuộc sống trong thung lũng sôi động hẳn lên, nhờ vậy Vân tạm quên được chuyện riêng tư day dứt.

Một đêm khuya, có người bệnh nặng vào viện. Một phụ nữ có chữa gần đến ngày sinh. Chị bước đi mệt nhọc và có điều là không một người thân thích nào đi theo chị. Chị ta đến với một bọc quần áo và những nốt đỏ đang đội da lên, coi dễ sợ. Người thầy thuốc hầu như không để ý tới điều đó. Sau lúc thăm thai, hội chẩn, ông quyết định tự mình sẽ đỡ cho chị ta.

Một ca đẻ không bình thường. Nhưng bằng mọi cách phải cứu cho bằng được thai nhi, cứu lấy và nuôi lấy nó.

- Trong ca này, - ông nhìn học trò của mình, nói, - đứa bé nuôi tách mẹ sẽ lớn lên bình thường, hoàn toàn không bị di truyền.

Người ta báo tin đó cho người mẹ biết. Chị bỗng ôm mặt khóc òa như một đứa trẻ.

- Ôi! Tôi cứ nghĩ ở đây không ai nhận mẹ con tôi thì tôi liều, tôi liều thật đấy. Chồng tôi đuổi tôi ra khỏi nhà trong đêm.

Đôi mắt Vân rơm rớm... Ở vào cái cảnh chị ấy ...

Anh thanh niên ít nói phòng xét nghiệm đã đưa cho bác sĩ tờ giấy kiểm tra màu xanh nhạt.

Mọi người sửa soạn cho việc đưa bé ra đời.

- Cô Vân, hôm nay phụ với tôi một tay. Chuẩn bị sẵn sàng nhé.

Bác sĩ nhìn Vân cười đôn hậu, ánh mắt ấm áp.

Có lẽ ông không hề biết chuyện gì xảy ra trên chiếc cầu bừa nọ. Nếu như ông biết, mình sẽ đánh giá như thế nào. Mặt Vân nóng bừng lên vì ý nghĩ bị coi thường, lòng tự trọng bị xúc phạm đang đòi hỏi phải được trả giá.

- Cô Vân, chú ý tim thai, các cơ co bóp của tử cung.

- Mạch đập... tim thai...

Vân báo cáo đều đặn từng phút một.

Đứa bé trong bụng không rõ là trai hay gái đang đập khỏe. Vân xốn xang. Nó sẽ được ra đời, sống bình thường như mọi đứa trẻ khác.

Những cơn đau dồn. Những nếp nhăn hằn trên trán người mẹ.

- Thưa bác sĩ...

Người thầy thuốc lâu năm đã sẵn sàng.

Rồi một tiếng trẻ khóc vang lên khắp cả nhà. Vân trút một hơi thở nhẹ. Cô cắt rốn cho đứa bé, lau khô cái mình tròn, đầy như một củ khoai lim, đặt lên bàn cân. Mọi người mừng rỡ: những ba cân tám. Cô thả nó vào chậu nước tràn đầy, trong và ấm, mặc cho nó khóc, cái cơ thể trần như nhộng quấy quấy trong chậu nước, hai con mắt tò hỏ nhìn. Cô vui thật sự, một niềm vui bé nhỏ từ đầu đến. Cô bọc nó trong chiếc khăn bông mỏng, nhanh nhẹn mặc áo vào cho nó. Và cô bật lên một tiếng hát.

- Có lẽ từ ngày Vân về đây, hôm nay tớ mới được nghe thấy Vân hát.

Tiếng ai như tiếng Thủy, đội trưởng đội đồng ca của viện.

*

* *

"Không hiểu rồi cô ấy có trở về đây không? Con người ta chả biết thế nào. Thích thì ở, không thích thì đi".

Bà làm vườn tưới mát những luống hoa, nâng niu từng bông hoa dừa trắng muốt - thủng thẳng nói với chị giường số ba mươi.

Và cả hai bất giác nhìn về phía con đường cái. Nghe đâu cô đã tốt nghiệp với số điểm khá. Tin đó do bác sĩ viện trưởng một bữa vui vẻ, nói ra với mọi người. Đề tài của cô đề cập nhiều phương pháp trị bệnh mới người ta từng áp dụng ở đây. Và cả những kinh nghiệm riêng của chính bản thân cô. Điều đó ai cũng rõ, còn cái điều cô ta có trở về không thì không ai đoán được, dù cho mọi người đều mong cô, nhắc hẳn đến tên cô trong những giấy tờ hợp lệ xin thêm những cán bộ mới.

"Có thể cô ta sẽ không về". Đôi lúc bà làm vườn thoáng nghĩ khi nhớ lại cái bữa cô chia tay với người yêu, trở về thung lũng, trong mắt hoe hoe đỏ. Bà thầm thì điều đó với chị giường số ba mươi. Trong những buổi gặp mặt, người ta nhắc điều đến cô. Duy chỉ có anh thanh niên phòng xét nghiệm thì vẫn ít nói. Anh không nói cả những điều anh nghĩ, anh dự đoán. Anh ta đến là khôn.

Cho đến một buổi sáng mai kia, một cái bóng nhỏ

nhấn, hai bím tóc đung đưa, tung tẩy bước qua chiếc cầu gỗ. Nắng sáng bùng trên chiếc áo hoa cô mặc. Từ trong cái nhà làm ở mô đất cao, anh thanh niên xét nghiệm đã nhận ra cô. Đôi mắt anh sáng hẳn. Nhưng sau đó, anh vẫn tiếp tục, cầm cúi làm phần việc của mình.

Rồi tất cả xung quanh anh ồn ào, nhốn nháo. Người thầy thuốc lâu năm cười hớn hở, nói như phô với mọi người sự trở về của cô gái là một phần thưởng của viện. Cô gái thì đỏ bừng hai má, không ngờ lại được đón tiếp như vậy. Bà làm vườn nhanh nhẩu dẫn cô đi xem vườn hoa của bà, chỉ cho cô những khóm hoa dứa đang nở rộ. "Ta sẽ trồng thêm nhiều hoa dứa nữa, bà chỉ. Cháu thích cái màu trắng hoa dứa này lắm. Đúng thế đấy, anh Phi ạ".

Phi cũng vừa tới. Anh nhìn cô gái và cả hai bỗng ngượng ngịu, lúng túng.

Bà làm vườn đã bỏ sang luống hoa khác. Cô gái càng thêm bối rối:

- Tôi, tôi về đây, vì...

Vân đỏ mặt, cô lơ đãng nhìn ra cầu - cái gạch nối giữa thung lũng xanh nhỏ này với con đường cái rộn rịp người xuôi ngược.

Lòng yêu thương con người, nhất là những người mắc bệnh nan y - đặc biệt là bệnh phong - chính là y đức mà mọi người mong được gặp thường xuyên ở các thầy thuốc hiện nay, cô bác sĩ thực tập, dám từ bỏ người yêu để trở lại với các bệnh nhân bị phong - quả là đẹp và cao thượng.

KHÔNG NHAN SẮC

Người đàn ông không rẽ vào đường Tràng Thi như Hương tưởng. Anh ta tụt xuống đằng sau Hương, rồi qua bên phải đi song song với cô. Hương hơi ngạc nhiên về hành động này. Không lẽ anh ta lại đi theo cô? Một cô gái khảng khiu, hao gầy từ khuôn mặt cho đến hình hài, như hiện thân của một nhánh bàng trở trụi trong mùa đông. Từ khi ý thức được mình cũng thuộc giới đàn bà, cô chưa từng thấy một người phía bên kia nào đi qua cô mà không dừng dưng, không thờ ơ như đi ngang qua một bà già đã tàn. Vậy mà giờ đây có một người đàn ông đã đi theo cô. Trái tim trống vắng của cô đang rung lên trước hiện tượng bất thường. Lẽ nào tình yêu đã bắt đầu gõ cửa cuộc đời mình? Hương gắng đem hết ý chí ra để giữ cho dáng vẻ của mình được bình tĩnh, tự nhiên. Cô vẫn đi theo hướng về nhà mình. Thẳng qua một ngã tư. Hai ngã tư. Rồi một ngã tư nữa. Cả một phố dài Quang Trung sắp trôi qua, họ vẫn đạp xe sát bên nhau, lặng lẽ cùng một tốc độ. Hương thấy mình mỗi lúc một tiến sâu hơn vào làn hương hoa sữa nồng nàn quá mức. Hương hoa đậm đặc gây cho cô cảm giác hăng hăng trong mũi, trong cổ, vừa ngọt ngào, vừa bồn chồn. Có lẽ đã quá khuya. Đường phố vắng teo, lạnh lẽo. Đó đây, vài bóng người vội vã guồng xe, cổ áo dựng lên chắn những ngọn gió lạnh mát đầu thu từ hồ

Thuyền Quang thối về. Không còn nén nổi tò mò, Hương khẽ đưa mắt liếc sang. Anh ta khoảng gần bốn mươi tuổi, mặc quần bò, áo blu-dông, giày thể thao. Anh ta vẫn to cao dù đã đi trên một chiếc xe Liên Xô nam. Đáng vẻ của một người đảng hoàng tự tin.

- Xin lỗi, chị cho tôi hỏi phố Trương Định đi lối nào?
- Người đàn ông phá tan sự im lặng bằng một giọng thiếu tự nhiên.

Hương bàng hoàng. Không lẽ đi cùng một đoạn đường dài đến như vậy bên cạnh nhau, lại đây về thân mật chỉ để hỏi đường? Trái tim cô rút của cô suýt tan ra vì thất vọng. Vậy mà nó đã vội mơ tưởng... Thật tội nghiệp cho nó biết bao! Mà hình như anh ta là người Lào! Đã là người Hà Nội, lại gần ấy tuổi, ai không biết đường đến phố Trương Định! Cô cố mỉm cười nhìn sang, dù sao thì anh ta cũng là người nước ngoài, phải lịch sự.

- Anh cứ đến đầu phố kia rồi rẽ trái. - Hương thành thật chỉ dẫn. - Đến một phố song song với phố này, anh đi tiếp lên phía trước. Đến cuối phố lại rẽ trái, gặp một phố nữa thì rẽ phải. Đi thẳng sẽ tới phố Trương Định.

- Chao ôi! Cứ như đang đọc truyện "Đôi mắt" của Nam Cao vậy! - Người đàn ông thốt lên vẻ ngao ngán, buồn phiền.

Hương suýt phì cười trước lời nhận xét của anh ta. Có vẻ như anh ta khá rành về văn học Việt Nam.

- Tôi cũng đi về hướng đó. - Cô buột miệng và ngay lập tức lấy làm hối tiếc. Nhà cô ở trong ngõ Mai Hương thật, song cô không muốn đi với một người nước ngoài,

dù rằng trông anh ta cũng giống người mình.

- Chị sẽ không thấy phiền nếu tôi đi theo chị một đoạn cho dễ tìm địa chỉ chứ?

- Cũng chẳng sao lắm đâu! - Hương cố nén sự chán nản.

- Kia! Có chắc rằng em không nhận ra người quen cũ? - Người đàn ông nói với vẻ trách móc.

- Người quen? - Hương ngơ ngàng. Chẳng lẽ anh ta là người Việt Nam! - Làm gì có!

- Đúng thế đấy! Em cứ nghĩ kỹ xem!

- Hay anh là một ca sĩ? Hoặc một diễn viên? - cô nhún vai. - Những người đó luôn có cảm giác rằng trên khắp đất nước này đến cả con kiến cũng biết họ là ai.

- Sao mà mình không ưa cái lũ ấy thế! - Anh nói giọng ghét bỏ.

- Vậy thì chịu đấy! - Cô ngừng lại giây lát thăm dò - Lại "*Những người thích đùa*" rồi!

- Ô, Azit Nêxin bên Thổ Nhĩ Kỳ kia!

Nghe lời khẳng định đó, Hương vui hẳn lên. Anh ta là người Việt Nam và lại có học thức. Bằng chứng là chỉ có những người có học, làm công tác nghiên cứu mới có kiểu tư duy: Nhắc tới tác phẩm là nhớ tên tác giả. Anh ta có vẻ rất hóm hỉnh. Cô nhận thấy những người có tính hài hước thường tốt bụng. Như vậy có thể giao tiếp mà không đáng ngại.

- Nhà em cũng ở Trương Định à?

- Ô kìa, anh là người quen của em kia mà! - Cô giễu cợt.

- Anh đùa đấy mà! - Người đàn ông ngượng ngùng - Vừa nhìn thấy em ngay lúc đầu anh đã linh cảm thấy có một điều gì đó thật lạ lùng. Nếu không nói vậy, làm sao anh có thể làm quen với em. Còn từ lúc anh hỏi thăm em đến giờ thì chúng ta chẳng đã biết nhau rồi sao? Có đúng không?

- Anh quả là lém lỉnh. - Cô mỉm cười. - Và thông minh nữa.

- Em nói cứ như mẹ anh vậy! Chỉ có khác tí xiu. Mẹ anh bảo: "Cái thằng Minh ranh con thật là láu cá". Cảm ơn em đã khen anh.

Cô trầm nghĩ, chắc anh rất yêu quý mẹ mình, nên ngay cả lúc như thế này cũng nhớ đến mẹ. Những người đàn ông kính phục mẹ mình thì cũng coi trọng phụ nữ. Cô cảm thấy yên tâm vô cùng khi đi bên anh. Câu chuyện của họ trở nên cởi mở, chân thành. Nó ngược về thời thơ ấu của mỗi người, rồi lại lùi về thuở sinh viên. Minh học Đại học Thủy lợi bên Nga mấy năm, về nước đi bộ đội. Hết nghĩa vụ, anh được vào làm ở Học viện Thủy lợi. Còn cô: "Em tên Hương - Thu Hương, từng là học sinh Trung cấp Văn thư Lưu trữ nay đã bỏ nghề. Hiện em là nhân viên đánh máy của một tờ báo nhỏ của ngành". Rôm rả, vui vẻ, họ mỗi lúc một thân mật hơn.

Quãng đường trôi qua thật nhanh, chẳng mấy chốc cô đã phải phanh xe đột ngột trước ngõ Mai Hương.

- Sao thế? - Minh chống chân xuống đất, lo lắng hỏi. Sự chăm sóc đó trong giọng nói của anh làm trái tim cô

thấm đẫm nỗi ngọt ngào. Từ xa xưa tới nay, trừ bố mẹ cô ra, chẳng có ai quan tâm, lo lắng ra lời với cô đến thế. Ngay cả các anh chị em cô cũng vậy. Mặc dù vô cùng yêu thương nhau, nhưng hẳn phải nói chuyện với nhau là y như rằng cộc lốc, cục cằn. Dường như họ sẽ bị yếu đuối đi, trái tim họ sẽ bị móc ra, phơi bày trước bàn dân thiên hạ, mất hết lớp vỏ bảo vệ, dễ bị tổn thương, nếu như họ dụi dàng với nhau. Nói với nhau những lời yêu thương da diết ư? Nó gần với tội lỗi. Nó gần như loạn luân vậy.

- Rất tiếc là em đã phải về! - Cô khẽ cười vẻ buồn rầu. - Nhà em ở trong đó.

- Chẳng lẽ chúng ta chia tay nhau như thế này sao?
- Anh hốt hoảng.

- Biết làm thế nào được? - Cô thở dài. - Có lẽ mười một rưỡi rồi.

- Anh biết ngay mà. Ngay từ đầu anh đã nói với em rằng anh linh cảm thấy một điều gì đó thật kỳ lạ. Bây giờ anh mới biết đó là gì! - Anh than thở.

- Nó là gì? - Hương ngạc nhiên.

- Nó là Ngày - Bất - Hạnh - Nhất - Đời- Anh! - Anh nhấn mạnh từng từ. - Ngay từ đầu anh đã biết em là một cô gái giàu nghị lực. Em sẽ không kết bạn với một kẻ ngang đường như anh. - Anh lắc đầu, nhếch mép buồn bã.
- Nào, đi vào. Ít nhất em cũng ban cho anh một niềm vui là được tiễn em thêm một đoạn đường nữa chứ?

- Chỉ đến quãng đường ngoặt kia thôi nhé! - Cô lí nhí thanh minh. - Em sợ mọi người trong nhà nhìn thấy

em đi với một người đàn ông lạ hoắc trong lúc quá khuya. Ở đó có thể nhìn thấy nhà em được. Em sẽ chỉ cho anh.

- Anh rất tiếc là ngày mai anh đã phải đi công tác xa, chưa thể đến nhà em chơi được. - Anh trầm giọng.

- Anh đi? - Cô rùng mình, cảm thấy buốt hết sống lưng.

Cô đã chờ bao nhiêu năm để được một người đàn ông để mắt tới. Vậy mà vừa nói chuyện lần đầu, anh ta đã phải ra đi.

- Em buồn ư?... Em này, chính vì thế mà... Em có tin rằng có những quyết định trong giây lát mà đúng đắn không?

- Có thể lắm chứ! - Cô quả quyết. Cho tới trước tối nay cô chưa từng thấy có chút tự tin nào trong người. Mới chỉ từ lúc gặp anh đến giờ, cô cảm thấy mình như được lột xác. Cô không còn nhận ra mình nữa.

- Còn anh thì chưa bao giờ quyết định sai. Vậy anh muốn biết ngay bây giờ! Em có yêu anh không?

- Kia anh! - Cô sững sờ. - Chẳng lẽ vừa gặp, anh đã hỏi thế sao?

- Bởi ngày mai anh đã phải đi xa. Anh không muốn mất em. Anh muốn có một người con gái chờ đợi ở quê hương. Anh đã từng đi qua bao nước, nhưng chưa có một cô gái nào bắt được anh dừng lại. Vậy mà anh đã không đi qua được em. Anh muốn em trả lời: Em có chờ anh không? - Minh nôn nóng.

- Có! - Hương nhắm mắt run rẩy đáp. Mặc dù cô

chẳng biết anh đi đâu. Có lẽ anh ra nước ngoài. Anh vừa nói "... anh từng đi bao nước...". Nếu cô hỏi "Anh đi đâu?" Anh sẽ cho rằng cô cũng như các cô gái khác: Tò mò. Mà cô lại chẳng muốn giống bất kỳ một cô gái nào. Bởi anh vừa nói cô bắt được anh dừng lại vì cô thật đặc biệt. Cô phải thể hiện cho anh biết rằng: cô sinh ra trên đời này chính là để cho anh. - Em sẽ... chờ!

Họ đứng lại ngay chỗ quăng ngoặt. Anh dựa chiếc xe của mình vào tường, rồi đỡ lấy chiếc xe Sài Gòn của cô xếp bên. Hai chiếc xe một nam, một nữ xếp nép bên nhau như một cặp tình nhân âu yếm. Cô nhắm mắt lại để trấn tĩnh. Khi mở mắt ra cô thấy mình trong vòng tay anh. Và một đôi môi nóng bỏng cúi xuống. Cô rùng mình bủn rủn chân tay. Đôi môi đàn ông đầu tiên trong đời một cô gái hai mươi chín tuổi... Mọi chuyện diễn ra như trong tiểu thuyết văn tả. Anh đã dạy cho cô biết thế nào là hôn theo kiểu Tây... Lúc chia tay không trì hoãn thêm được nữa, có lẽ đã mười hai rưỡi, hoặc một giờ sáng. Cô nắm chặt tay anh như bám một chiếc phao trong cơn bão biển.

- Đừng đi chơi buổi tối nhé, bé! - Anh thì thâm. - Anh sợ người ta sẽ ăn cắp mất bé của anh khi anh đang ở xa.

- Sẽ không có ai ăn cắp được em. Trừ một người. - Cô khe khẽ trả lời, giọng tràn ngập trong nước mắt. - Người đó là anh!

- Cảm ơn em! Nhưng anh sẽ không ăn cắp Anh sẽ đến đón bé thật đàng hoàng, có xe hoa, có pháo nổ thật long trọng.

- Em sẽ chờ ngày đó! - Hương lặng đi, rồi thì ào - Em sẽ hạnh phúc biết bao... Đừng tàn phá niềm tin của em, nghe anh!

- Đừng coi thường anh như thế! - Anh cau mày, vờ giận, - Hãy luôn cầu mong sự bình an cho anh nhé, bé!

- Vâng !

- Sẽ không có sự thay đổi chứ?

- Không ! - Cô bặm môi. Một giọt nước mắt lăn dài trên má.

- Sẽ không có sự phản bội chứ? - Anh làm cho cô cảm thấy mình như một bà hoàng.

- Vâng! Hãy nhớ đến em!

Anh lên xe vẫn còn nghe cô nói với theo:

- Hãy nhớ đến em!

- Đợi anh nhé, dù anh không về.

- Em sẽ đợi! - Cô gái nhắc lại lời thề mà không hề biết: từ lúc nhấc chân lên bàn đạp, anh đã chẳng còn tên là Minh.

*

* *

... Quang hít một luồng không khí mát lạnh, khoan khoái, mỉm cười hài lòng. Bao giờ cũng vậy, trước một cú làm ăn to ở xa, anh luôn tìm cho mình một vì sao hộ mạng. Không biết như vậy có mê tín không, song anh luôn nhận thấy: mỗi lần có một cô gái mới ngoan ngoãn, nhân hậu thành tâm cầu nguyện cho anh thì thế nào anh cũng vào cầu lớn. Những cô gái cả tin bao giờ cũng là những người bảo trợ vĩ đại. "Chỉ tiếc nỗi. - Quang tặc lưỡi, - lần này hình thức hơi kém!".

NGƯỜI LỚN TRONG TRUYỆN CỔ GRIM

"Gian nan và buồn bã là những con đường của loài người trên trái đất, đường sa mạc, đường đầm lầy, đường cao nguyên băng tích. Họ ở đâu những nàng công chúa trong truyện thần tiên có vai trò rắc hoa trên những con đường ấy"⁽¹⁾.

Trong mỗi người lớn chúng ta hình như đều có một phần, một mảnh nhỏ của cái thế giới người lớn hết sức đáng sợ cho trẻ thơ. Cuộc đời với muôn vàn những lỗ hổng, với tất cả sự chưa hoàn thiện của nó sẽ phá vỡ những ô màu lấp lánh nơi tấm kính vạn hoa mà mỗi đứa trẻ đều mang theo trong những đốm sáng thơ đại của mắt mình.

Vậy thì phải tạo ra một thế giới riêng cho trẻ thơ, phải nói với chúng về những điều sẽ có thay cho việc phải nói về những điều đã có chăng?

Với tất cả sự thông minh, tinh tế của mình, trẻ thơ không bao giờ chấp nhận những điều mà người lớn định ra cho chúng những khái niệm ước lệ về cái đẹp. Nếu người lớn tránh lý giải về sự thật thì bản thân chúng sẽ

⁽¹⁾ Xenma Layclop

tự tìm ra cách giải thích và bấy giờ thì thật đáng ngại, trẻ thơ vẫn chỉ là trẻ thơ, chúng làm sao tránh khỏi những nhầm lẫn tai hại.

Như những câu truyện cổ, niềm tin tươi sáng và mãnh liệt vào cuộc đời không bao giờ mất đi.

Chép nhanh những ý nghĩ lộn xộn này người viết buông bút nhìn ra một vùng trắng xóa sương mù bên ngoài khung cửa sổ. Hồ Tây. Phía xa, trong sáng mai, từng mảnh sương như một lớp băng mỏng bám trên mặt hồ, trên lớp băng đó có hàng đàn le le, chúng dường như không chuyển động.

Phía bên kia hồ nước mênh mông, bên kia những đôi cánh đen đen đang xếp lại, đằng sau lớp sương mù im lặng kia thấp thoáng một câu chuyện thế này...

*

* *

Ngôi nhà nhỏ nằm trên một dãy phố ở ngoại ô thành phố. Tấm biển mang con số 53 đóng trên thân cây bàng trước cổng đã không còn ngay ngắn. Nói *đã không còn* vì có lẽ người cầu thả đến đâu cũng không thể *bắt đầu* bằng một kiểu đóng lạ lùng như thế: tấm biển vênh lên như mặt một con người kiêu ngạo, con số 3 cười tinh quái trên lưng con số 5. Tấm biển phủ đầy bụi. Cây bàng cũng phủ đầy bụi. Bụi nhiều tới mức trong những ngày không mưa chỉ có thể nhận thấy màu sắc tương đối của những chiếc lá nằm ngang nếu để cho mắt tia lên từ dưới gốc cây.

Chủ nhân tạm thời của ngôi nhà là một phụ nữ xấp xỉ ba mươi tuổi. Cách đây mười năm chị là sinh viên của Trường cao đẳng Mỹ thuật. Nhưng học giữa chừng chị bỏ dở. Đối với nghệ thuật, chỉ niềm say mê thôi hình như chưa đủ. Bỏ học, chị xin vào một tòa báo. Thoạt đầu chỉ để làm những việc "sự vụ", rồi sau vừa làm vừa tự học nghề viết báo. Chị hy vọng một ngày nào đó sẽ chuyển những điểm sáng chưa có trên tranh của mình sang những bài báo nhỏ khiêm tốn và có ích.

Ngày cây bút lông và bảng pha màu được thay bằng cây *bic* và cuốn sổ ghi chép rồi cũng đã đến. Cùng với thời gian chuyển nghề chị lập gia đình. Chồng chị là nhân viên của sứ quán ta ở nước bạn. Anh thường chỉ ở bên chị vào thời gian nghỉ phép năm, hay những đợt có công việc ở nhà. Họ lấy nhau đã sang năm thứ bảy, nhưng chưa có con. Cứ mỗi đợt lễ, tết hay vào dịp sinh nhật chị, người chồng lại gửi về một con búp-bê thật to hay một thứ đồ chơi lạ. Ngoài "ý nghĩa nhân dịp" của những món quà đó, chồng chị hẳn còn muốn những cô, cậu người Âu mặt mũi hồng hào, xinh đẹp và những đồ chơi ngộ nghĩnh ấy giúp chị đỡ cảm thấy vắng vẻ trong những ngày xa anh. Chị để những con búp-bê quần áo chỉnh tề, nơ mũ hàng hoàng trên giá sách, trên bàn làm việc, rồi trên bậu cửa sổ - dù quà tặng có trở nên thường xuyên tới đâu người ta vẫn thấy một niềm vui thích không nhỏ khi ngắm nhìn chúng.

Những tuần những tháng tưởng cứ bình lặng trôi đi. Thế nhưng rồi... Bao giờ mọi chuyện cũng bắt đầu từ cái "nhưng" muôn thuở ấy.

Một buổi sáng đầu tuần chuông điện thoại đổ hồi trong phòng làm việc. Điện thoại gọi chị. Ở đầu dây bên kia, một người bạn khá thân của chồng chị - người đã xin cho chị vào làm việc ở tòa báo - nói với chị một việc như thế này. Anh sắp đi công tác xa. Đi Căm-pu-chia. Đợt đi có thể kéo dài một năm. Ông bà nội mới chuyển vào Nam, ông bà ngoại đang ốm quá, các cụ khó có thể rời quê lên Hà Nội trông cháu được, chuyến đi này hết sức cần thiết, mà con gái anh, cô bé chưa đủ khả năng tự lập, vậy chị xem có thể trông giúp anh cô bé được không? Nếu chị đồng ý, chị sẽ đến ở tạm nhà anh, như thế con anh đỡ phải xin chuyển trường, lại cũng rất tiện cho chị trong việc đi làm, nhà anh nằm trên đường đến tòa báo của chị.

Lời đề nghị thoát nghe thật đột ngột, xong ngấm ra chấp nhận nó cũng không có gì trở ngại. Vả chẳng ai lại nỡ từ chối một người bạn tốt, nhất là người mình đang mang ơn?

Một tuần lễ sau hôm nhận lời giúp bạn, chị đã trở thành chủ nhân của ngôi nhà có tám biển mang con số 53 chênh vênh ấy. Cũng dọn đến với chị, ngoài một số đồ đạc thiết yếu, còn có một người lùn có nước da màu sôcôla, món quà chị vừa nhận được. Mang nó theo là để đến dịp kỷ niệm ngày cưới lần thứ bảy sắp tới có quà của chồng thay cho sự có mặt của anh. Chứ kỳ thật chị không thấy thích tý nào cái người lùn bằng chất dẻo này. Sự méo mó về hình thể bao giờ cũng gây cho chị cảm giác bất nhẫn. Đã thế, cái hình thể đó lại chứa đựng một nội dung không hay ho gì, Bạch Tuyết và

Hồng Hoa - truyện cổ Grim đầu tiên đến với chị trong ngày thơ bé - đã gây nên một định kiến không sao xóa nổi: người lùn nào của Grim cũng tàn nhẫn, bạc bẽo...

- Cháu tên là Tú. Nhưng không phải Thanh Tú, cái Tú em, con chú cháu, nó mới là Thanh Tú.

Ngả đầu trên phần thân hơi vẹo ngang của cây bằng lăng, cô bé ngược mắt nhìn chị. Vóc dáng hơi bé nhỏ và yếu ớt so với tuổi lên chín, đôi mắt với đường viền của cái mí mỏng rất linh hoạt, mớ tóc buộc túm cộc như đuôi thỏ... Có cái gì thật hòa hợp cô bé và ngày đông khô sáng dịu dịu này...

- Nếu không phải Thanh Tú thì cháu là Tú gì? - Chị mỉm cười với cô bé.

- Cháu là Tú Sao. Có một cô bé đi tìm các anh của mình, mang theo một bình nước nhỏ và một cái ghế, cô bé đi, đi mãi trên các vì sao. Thế rồi lên được sao Mai... Cô có biết chuyện đó không?

- Cô có biết. Truyện kể về bảy con quạ của Grim... Cháu tự đọc hay nghe ai kể?

- Bố cháu kể... Mẹ cháu rất thích chuyện này, rất thích sao. Mẹ rất hay hỏi: "Vì Sao của mẹ như thế nào rồi?" Nhưng đấy là bố bảo thế.

Bố và mẹ Tú Sao đã có mặt ở chiến trường miền Nam ngay trong những ngày đầu ác liệt. Ra đi khi con gái chưa đầy mười bảy tháng, năm năm sau người bố chỉ trở về một mình. Tú Sao lớn lên trong căn nhà này bên ông bà ...

Bàn tay lành lạnh của Tú Sao nằm gọn trong bàn tay chị. Lá và cành khô lạo xạo dưới chân hai cô cháu. Sợ cô bé buồn khi nhắc đến mẹ, chị dắt nó đi loanh quanh trong vườn và nói sang chuyện khác. Khi chị chỉ cho Tú Sao thấy những lá cành bừa bộn trong vườn, thì cô bé nói:

- Trước, ngày nào cháu cũng quét lá, với cành khô. Rồi đốt lên thích lắm! Nếu cô ngồi bên đống lửa cháu sẽ thấy những cái lửa đi trong mắt cô.

- Ngọn lửa chứa không phải *cái lửa* đâu Tú Sao! - Chị chữa cho cô bé và thích thú nhìn đôi mí mắt linh hoạt của nó chuyển động không ngừng.

- Cái lửa thì làm sao cơ, cô - Chị chưa kịp trả lời Tú Sao đã tiếp luôn. - Cháu lau bàn ghế nữa. Bố đi làm, với lại bố còn bận nấu cơm. Nhưng vừa rồi cháu bị ốm phải nằm bệnh viện, nên nó mới bừa cả ra thế.

Nhét mẫu khăn quàng len đỏ vào trong áo khoác, Tú Sao thanh minh.

Căn nhà của Tú Sao nằm thụt sâu vào trong, phía trước kề với đường phố và mảnh vườn. Vườn và nhà có tường bao quanh. Nhà nhỏ nhưng biệt lập, kiểu nhà thật thích.

Trong vườn, ngoài cây bàng lằng có hình dáng hơi khác thường và cây bàng ở đầu cổng, còn có một cây phượng ở gần cửa sổ. Vườn hẹp mà có đến ba cây to, đang mùa đông chứ hè chắc rợp lắm. Ở lưng chừng của mảnh vườn nơi cành cây chưa vươn tới có mấy khóm hồng quế. Chắc từ ngày ông bà Tú Sao chuyển vào

Nam, hai bố con cô bé sao nhãng việc chăm sóc những cây hồng mảnh mai này. Cành không được cắt luôn, đất xung quanh gốc cây chắc lỳ như trên lối đi. Những khóm hồng nom gầy guộc, xơ xác đến tội nghiệp. Từ ngày mai những cây hồng này sẽ được chú ý thường xuyên, tranh thủ mùa vườn nhiều ánh sáng, chị sẽ cuốc phần đất còn lại để trồng rau và hoa...

Buổi tối đó, sau khi học bài, Tú Sao sà đến bên chị.

- Cô viết bài xong rồi, hả cô?

- Sao cháu biết?

- Là cháu đoán thế. Buổi tối bố cũng hay ngồi viết thế. Cháu học bài xong là bố cũng viết xong. Người lớn bao giờ cũng xong trước.

Tú Sao mỉm cười. Nụ cười trêu mếu thoáng vẻ xa xôi. Dường như trong nụ cười đó Tú Sao đang *gặp lại* những buổi tối của hai bố con.

- Tay cô ấm ghê! - Đôi mí mắt thoát trở lại vẻ linh hoạt. - Cô ơi, kể cho cháu nghe một chuyện gì đi. À, cô biết nàng Bân không? Kể chuyện đó đi, cô!

Nàng Bân... Sao lại là nàng Bân mà không phải chuyện gì hấp dẫn trí tưởng tượng hơn? Nghĩ thế, nhưng không nói, chị bắt đầu câu chuyện:

"Ngày xưa..."

- Cô ơi, đuổi chân ra cháu gối với. Thế!... Bây giờ cô kể đi.

"Ngày xưa..."

Suốt trong lúc chị kể, Tú Sao nằm im, một tay áp

lên má có vẻ rất chăm chú vào câu chuyện. Nhưng khi chị đang vào đoạn trời cảm thương nàng Bân thì đột nhiên cô bé nhồm dậy. Giờ một tay lên như để ngăn chị ngừng lại, nó cất giọng đọc một lèo:

*Nàng Bân xưa may áo ấm cho chồng
Áo may xong không còn mùa lạnh nữa
Nàng Bân khóc đất trời thương lệ ứa..."⁽¹⁾*

Một cô bé chưa đầy chín tuổi?... Lạ lùng chưa. Ở đâu ra những câu thơ này?

- Tú Sao, - chị hốt hoảng hỏi cô bé, - sao cháu lại thuộc những câu thơ này?

- Tự nhiên cháu thuộc. À, mà không phải! Có một lần bố đã kể chuyện này cho cháu nghe. Lúc đó bố cũng ngồi duỗi chân cho cháu gối đầu như cô thế này này. Lúc ấy trên cửa sổ đầy những hoa phượng, cô ạ. Hoa phượng... - Rút tay về ngẫm nghĩ một tý, nó tiếp: - Hoa phượng đỏ như những tàn lửa cô đốt cành khô ban chiều ấy. Bố bảo mẹ cháu rất yêu nàng Bân.

- Còn những câu thơ? - Chị hỏi lại Tú Sao.

- Những câu thơ là ở quyển sách của bố trong tủ... Cháu thấy cũng có nàng Bân thế là cháu đọc. Nhưng bài thơ dài lắm cháu chả thuộc hết được.

- Tú Sao này...

Chị nhẹ nhàng nói với cô bé, cố diễn đạt để nó hiểu rằng những câu thơ ấy của người lớn nó hiểu sao được

⁽¹⁾ Thơ Tế Hanh.

mà thuộc, rằng từ nay nó đừng lấy sách của bố đọc lung tung như vậy, muốn đọc quyển gì phải hỏi chị. Nhưng những lời này hình như Tú Sao có vẻ không để ý, việc thuộc bài thơ này, hay bài thơ khác đối nó có lẽ chẳng quan trọng gì.

Sau những phút gián đoạn, câu chuyện cổ được kể tiếp, rồi kết thúc trong cái rét tháng ba. Đôi mí mắt Tú Sao nằm im. Chẳng hiểu trong giấc mơ đang tới cô bé sẽ thấy điều gì? Những cánh hoa phượng đỏ như những tàn lửa, những câu thơ trong sách của bố, nàng Bân chịu thương chịu khó hay là mẹ?

Rút cái chân đã tê cứng ra khỏi đầu Tú Sao, chị lấy chân đắp cho cô bé rồi nằm xuống cạnh nó. Nhưng rồi chẳng hiểu sao chị không tài nào nhắm mắt. Cũng lạ, nằm trong căn phòng lạnh lẽo với những con búp-bê bằng sứ, bằng nhựa sao ngủ ngon lành, mà đêm nay bên cô bé ấm áp này... Có lẽ do lạ nhà đây. Tự nhủ thế, chị rón rén ngồi dậy. Dém chăn và màn cẩn thận cho Tú Sao, mặc áo và quàng khăn, chị đẩy cửa bước ra vườn.

Đêm mùa đông. Trăng giữa tháng... Như có muôn vàn những hạt mưa xanh từ sương, từ trăng bay ra lơ lửng khắp khu vườn. Những hạt sương xanh suốt ấy không ngừng bay, song chẳng rơi xuống đâu cả. Đêm như thu hết màu đen về trên những thân cây sừng sững...

Ôi, khu vườn của Tú Sao? Sững sờ trước vẻ đẹp đang mở ra trước mắt, chị bỗng mơ hồ cảm thấy một cái gì to lớn thiêng liêng vô cùng khu vườn đang trao cho chị. Cùng với việc đuổi theo nắm bắt những ý nghĩa chập chờn ấy, tựa lưng vào phần vẹo ngang của thân

cây bằng lăng, chị bắt đầu vạch ra chương trình sống cho Tú Sao trong những ngày tới.

Chương trình giáo dục đó nếu sắp xếp lại và đem đánh máy có lẽ cũng đến vài trang. Người phụ nữ chưa làm mẹ bao giờ đã đặt vào đây tất cả những tình cảm tốt lành đang bùng lên trong trái tim đa cảm dịu dàng của chị...

Chấm nốt dấu chấm thứ ba trong dòng chấm lửng của cái chương trình còn rất nhiều điều phải bổ sung trong óc, vén những món tóc đang xòa xuống mắt, chị mỉm cười mơ màng với viễn cảnh tốt lành, tất cả sẽ được thực hiện. Cái đẹp, đó sẽ là thế giới của Tú Sao, thế giới ấy sẽ long lanh, kỳ diệu, hoàn thiện và ngời sáng như đôi mắt cô bé...

*

* *

Ba tháng đã trôi qua kể từ ngày chị nhận đến ở ngôi nhà có con số 53 chênh vênh ấy. Đúng chương trình đã vạch ra, trong vườn hành, mùi, xà-lách đã lên xanh. Đồng tiền cũng đã trở những bông hoa đầu tiên, những bông hoa như những mặt trời con đã làm xốn xang cả mùa đông xám xám lạnh lẽo. Tú Sao, giờ đã trở nên rất đổi thân thiết. Ngày ở cơ quan cũng những công việc ấy, những con người ấy, nhưng cảm giác về sự lặp lại nhàm chán đã không còn dấy lên mỗi khi chị cảm thấy trong người mỗi mệt nữa. Chị năng viết thư cho chồng hơn, trong các lá thư, chị đã kể anh nghe rất tỉ mỉ về công việc hàng ngày của hai cô cháu. Ba tháng,

tối nào chị cũng dành một khoảng thời gian cho Tú Sao. Ngoài việc kiểm tra bài vở của cô bé, bắt đầu bằng Bạch Tuyết và Hồng Hoa, chị đã liên tục kể cho nó nghe những chuyện cổ tích chị cho là hay nhất. Lại dạy cô bé hát và vẽ nữa. Mấy năm ngồi trên ghế Trường cao đẳng Mỹ thuật mài mòn bút trên các bảng màu xem ra không vô ích. Những khái niệm cơ bản về hội họa, những gì người ta đã truyền cho chị, giờ đây đến lượt Tú Sao tiếp nhận. Có điều những khái niệm *chết* ấy đã được cô bé thể hiện trên các phác thảo "vỡ lòng" của mình thật sinh động.

Thế rồi ngày Tú Sao vẽ bức tranh đầu tiên đã đến. Có biết bao nhiêu là hồi hộp trong chị khi hình dung tới những điểm sáng trên tranh của cô bé. Hôm đó ngày làm việc mới dài làm sao, chị nhìn đồng hồ đeo tay nhiều tới mức cuối cùng nó cũng phải nẩy đến khắc thứ... tám.

Bức tranh đã vẽ xong để trên bậu cửa sổ, ngay dưới tấm ảnh chụp bố mẹ Tú Sao. Tác phẩm của cô bé khiến chị sững sốt. Đây là tranh tĩnh vật? Ôi, trông kìa, nó như đang *nói*? Có điều sao trong lọ hoa không phải là những bông hồng quế chị đã cắm? Hoa bằng lăng, lại thêm những chiếc lá bàng, vẽ đẹp độc đáo của bức tranh phải chăng là do những cành hoa bằng lăng tím rục cắm xùm xòa trong cái lọ gốm để trên chiếc lá bàng cuống còn tươi nguyên kia? Nhưng có ai cắm hoa bằng lăng đâu nhỉ?

- Bố cháu đấy, cô ạ! - Từ lúc nào Tú Sao đã đứng sau lưng chị, chiếc cặp da đeo xệ cả một bên vai. Đôi

mắt rực sáng, cô bé thì thào: - Bố cháu rất hay cắm hoa bằng lăng. Nhưng bố cắm đẹp lắm cơ, chả như cháu vẽ đâu. Bố bảo trong rừng Trường Sơn có hoa... cháu quên mất cả tên rồi, giống hoa bằng lăng lắm.

Tú Sao đã thay mảnh len đỏ chị đặt dưới bình hoa bằng cái lá bàng, thay những bông hoa chị đã cắm trong bức tĩnh vật bằng những bông hoa của nó - những bông hoa bố cắm ngày nào...

Cũng từ hôm đó, chị bắt đầu thấy viễn cảnh tốt lành về sự hoàn tất chương trình giáo dục đã vạch ra cho Tú Sao bị lung lay. Cô bé hay đặt ra cho chị những câu hỏi về sự việc, về những con người xung quanh. Nhiều buổi giờ học cứ bị rút xuống, đang giữa chừng một câu chuyện cổ, hay một giờ học vẽ, nó lại hiếng mất lên, rồi bật ra một câu hỏi gì đó, đại loại:

- Sao Minh học kém hơn cháu mà lại không đi học thứ năm? Có phải là Minh nó không có tiền nộp tiền học thêm?

- Sao cô giáo lại dặn Tết đừng cho bố mẹ đến nhà cô? Sao cô giáo lại bảo như thế "rất phiền?"

- Hôm qua Minh khóc. Bố nó đánh mẹ nó...

Khu vườn biệt lập như một câu chuyện cổ giữa cuộc đời, khu vườn lý tưởng của chị thế là đã bắt đầu mở cửa...

Để tránh cho mình tình trạng hết sức tẻ nhạt, phải lý giải cho Tú Sao những điều chị cho *không thể*, những điều nằm ngoài hệ thống giáo dục của chị, với mỗi câu hỏi chị lại tìm đến một câu chuyện nào đó. Bằng những câu chuyện

này chị muốn khẳng định lại niềm tin vào cuộc đời tròn trặn chị đã trao cho cô bé. Bởi vì, theo chị, với tuổi thơ không thể có gì khác ngoài định nghĩa.

Nhưng những câu hỏi mới chỉ là sự bắt đầu. Một tối, sau bữa cơm, đang riu rít kể cho chị nghe chuyện ở trường. Tú Sao chợt nhớ ra điều gì, đưa ngón tay trở đầy vết xước măng rô lên chặn ngang môi để ngừng được ngay điều đang nói, nó chạy lại mở cặp, lục lọi một hồi, rồi cầm tới một tấm bìa xanh.

- Cô xem này!

Tú Sao chìa cho chị, mỉm cười.

Một bức tranh. Lần nào đưa chị xem tranh của mình, cô bé cũng vui sướng thế.

Trên tấm bìa xanh là chân dung một người đàn ông đứng tuổi. Nét vẽ tuy non nớt, nhưng cũng đã ghi lại được khá sinh động vẻ tinh anh trong đôi mắt, cái lồi thối, luộm thuộm của quần áo... Người đàn ông đeo một thùng gỗ bên sườn, trên ngực lủng lẳng một chùm hoa đỏ chói. Từ bức chân dung toát ra một sự kỳ dị khó diễn tả. Người này là ai?... Và vì sao cô bé lại vẽ ông ta?

- Đây là *những bông hoa lầy may*. - Khi nhận thấy ánh mắt chị dừng lại chùm hoa lạ lùng hơi lâu, Tú Sao khẽ thì thào. - Ông bán lạc rang đấy, cô. Hôm nay ông ấy cho cháu một túi năm hào, ông còn bán cả loại túi một đồng nữa. - Tú Sao rút trong túi áo ra một túi nylon bé xíu, trong đó có chừng hơn chục hạt lạc. Cô bé mở tay chị đặt vào, rồi giục:

- Cô ăn đi!

Bắt chị ăn bằng hết chỗ lạc, Tú Sao mới chịu kể về ông già bán lạc.

Trên đường từ nhà đến trường, Tú Sao phải đi qua một cái ngõ. Nhà Minh, bạn Tú Sao, ở trong đó. Chiều nào đi học về, Tú Sao cũng gặp ông bán lạc từ ngõ đi ra, Minh bảo, ông bán lạc rang ở trước các rạp chiếu bóng. Cái thùng gỗ đeo bên sườn chẳng to vậy mà ông bán lạc cứ phải đi khập khiễng thế nào ấy. Khi Tú Sao nói điều này, Minh cười ranh mãnh: "*Thì chám phẩy mà lỵ*". *Chám phẩy* nghĩa là què chân, mãi sau Minh mới chịu giải thích.

Ông già bán lạc ở một mình trên gò đất giữa hồ. Ngõ Minh nhiều hồ ao lắm. Hình như ngày trước ông bán lạc cũng có con, nhưng rồi người con này tự nhiên biến mất. Ngoài đó rất thú. Cây cỏ um tùm. Cứ như đảo của Rô-bin-son ấy. Nhưng cơn bão số 4 khủng khiếp vừa quét cho nó một trận tan tành. Mấy cây vối ở rìa bờ bị gãy. Nhà ông bán lạc cũng bị tốc cả mái.

Tú Sao đeo theo Minh ra đảo của ông bán lạc. Buổi sáng ấy, khi hai đứa vừa lò dò vào thì gặp một bà rất to béo đi ra, vừa thấy bà ta, Minh đã kéo Tú Sao ngồi thụp xuống, núp sau một thân cây đổ. Bà rất to béo này vừa đi vừa bĩu môi lắm bả: "Bánh chưng không có nhân cà cuống... Rõ giọng dài!"

"Mẹ tao...". Chờ người đàn bà đi khuất, phúi các vệt bẩn trên quần áo Tú Sao, Minh thở phào nhõm cười. Rồi nó bảo: "Ông này đểu lắm. Ai cho gì cũng phải chê một cái. Chắc ông ấy vừa chê bánh chưng của mẹ tao. Bà "bô" rõ đại, để bánh đấy tao với mày về "chén" có

hơn không. Thôi, vào đi, ông ấy biết rất nhiều chuyện, tao khoái những chuyện bộ đội ụynh nhau của ông ấy lắm..."

Rõ ràng ông bán lạc và hòn đảo của ông đã gây một ấn tượng mạnh trong Tú Sao, chỉ mới tiếp xúc mà cô bé đã vẽ được chân dung ông ta sống động thế?

Một linh cảm nặng nề chèn lên tim chị. Người đàn ông lạ lùng với tính cách hết sức đáng ngờ này chắc có điều gì không may trong số phận đây. Rồi những câu chuyện ông ta kể sẽ tác động thế nào đến tâm hồn và trí óc non nớt của Tú Sao?

Những ngày tiếp theo mỗi lo vẫn không ngừng ám ảnh chị. Và chị bỗng nhận ra: Chẳng có cách nào khác, chị sẽ phải đến gặp con người đó. Cũng chưa rõ cuộc gặp gỡ sẽ mang lại kết quả gì, nhưng chị vẫn muốn gặp. Ít nhất cũng là để hiểu một con người. Trong một đêm nằm bên Tú Sao, ý nghĩ đó đã vang lên thật mạnh mẽ. Phải, có thật nhiều điều chị cần biết và cần nói.

...

Trong vùng ánh sáng chập chờn của nhận thức, những nhận thức ở đầu mút cuối của một chuỗi dài suy nghĩ căng thẳng, liên tục, một cái gì đó vụt phát lộ. Chùm sáng vọt ra bất ngờ như những chùm sáng vẫn vọt ra từ mỗi câu chuyện thần tiên ở trong đó những gì trĩu nặng chợt truôi đi, tan biến. Thật không đếm xuể, ngàn vạn những tia sáng thon mềm cứ êm ái xòa vào, lướt mãi trong trí não... Tiếp theo trạng thái lơ lửng này

có ai đó bỗng nâng chị dậy, đặt thẳng thẩn và gọn gàng trên hòn đảo Rô-bin-sơn của Tú Sao.

- Chị là cô của cô bé Tú Sao?

Không đợi chị giới thiệu, người đàn ông đã hỏi luôn. Ông nheo mắt, cái nhìn chạy dọc xương sống chị, những tia sáng bắn ra sao lạnh lùng, khinh bạc...

- Chắc anh cũng đoán được... - Chị ấp úng.

- Con bé kể về cô của nó rất nhiều, nhìn chị tôi đoán ra ngay.

- Anh sắp đi bán hàng?

Nhìn túm hoa còn ướt nước trên ngực người đàn ông chị cảm thấy mình đến không đúng lúc.

- Vâng, nhưng không sao, mời chị ngồi. Chị đừng ngại, tôi không kiêng dẫu. - Như đoán được điều ngần ngại của chị người đàn ông tiếp luôn: - Với lại, "vía" chị có đủ đến đâu những bông hoa lấy may này cũng xua đi hết. Lạc của tôi chưa khi nào bị ế. Có điều lời lãi chẳng thấm tháp gì.

- Thế anh không có một nguồn sống nào khác? - Chị rụt rè gợi chuyện.

- A, nguồn sống! Chị muốn biết hả? - Trong giọng nói đang vang lên từng tiếng tách bạch thấm đượm vẻ mỉa mai cay độc. - Tôi có tiền thương tật, có một đứa con gái, thế cũng là nhiều, còn gì?... Chị không thích cho con bé đến gặp tôi phải không? - Cùng câu hỏi đột ngột, ông ta nhìn chị - cái nhìn xoáy sâu chế giễu.

- Biết nói thế nào để anh hiểu nhỉ? Nó còn bé quá... Nói chung là có nhiều điều nó chưa nên biết.

• - Chị muốn nói gì thời cứ nói. Tôi đã thử "vận may", nhưng không thành, nên đành đi bán lạc cho qua ngày, chứ dăm ba chữ nghĩa thì cũng có, đầu óc chả đến nỗi nào. Trước, tôi cũng đã nhồi nhét cho con gái bao điều hay ho, thế rồi khi tôi ra trận, vợ tôi ở nhà không đợi nổi, "quá giang" một kẻ khác, bắt đầu từ nhẽ ấy, rồi thêm các nhẽ khác, con tôi đâm chán đời, cứ dật dờ qua ngày bằng những thằng đàn ông chán "cơm" tìm "phở"... Tôi không trách vợ, chờ đợi nín nhịn đâu phải dễ? Chỉ hận vì mất con, mà nó... cứ nghĩ đến nó ngày bé tôi thật không chịu nổi. Nếu có thể biết sự thể sẽ ra thế với nó, tôi... tôi hẳn đã đủ gan làm một kẻ đào ngũ... Vậy mà mẹ cô bé của chị đã bỏ một đứa con mới mười bảy tháng để ra đi. Tôi có biết chị nhà thơ ấy, những ngày ở chiến trường tôi có được nghe đọc thơ của chị ta. Người đàn bà đó đã ra đi vì những vần thơ của mình, đúng không? Nhìn con bé mà đau, nó đã phải trả một cái giá quá đắt cho những bài thơ!... Hôm nay con bé đang được sống bên chị giữa bao điều tuyệt đẹp, nhưng rồi chồng chị sẽ về, rồi bố nó sẽ đi lấy vợ, ai dám chắc ngày mai của nó sẽ ra sao?...

- Anh đã nói gì với con bé?

Đã cố ghìm, nhưng giọng chị vẫn run lên khi cắt ngang lời người đàn ông. Linh cảm của chị thật không lầm! Chao ôi, Tú Sao, chị đã cấm nó đến đây, cho dù xưa nay vốn không gì khiến chị căm ghét bằng sự thô bạo. Nhất là thô bạo với một đứa trẻ như Tú Sao.

- Thưa chị, về loài chim. Tôi mới chỉ kịp giảng giải cho cô bé ham hiểu biết của chị về tất cả những loài

chim rừng tôi từng biết, chả là vì trên hòn đảo này hôm đó cô bé đã nhìn thấy một con chim màu xanh. Con chim màu xanh mang hạnh phúc cho con người, chắc chị không phiền lòng khi tôi nói về đồng loại của nó cho cô bé nghe?

Dường như biết trước thái độ chị, ông bán lạc có vẻ hết sức thản nhiên khi trả lời. Sau một thoáng ngừng ngắn, ông ta tiếp luôn:

- Cô bé của chị giống con gái của tôi ngày xưa, thông minh đến phát buồn lên được. Nghe xong về chim, nó bỗng hỏi tôi, nếu không nhìn mắt nó dễ cho là câu hỏi vu vơ: "Sao bác bảo bánh chưng của mẹ Minh không có nhân cà cuống?"

Ấy, chị đừng giật mình. Tôi đâu trả lời con bé. Đúng, nó còn bé quá. Bánh không có nhân cà cuống... Chắc chị cũng đang muốn biết? Nhưng tại sao tôi không có quyền nói thế? Tôi đã mất một phần cơ thể mình, mất vợ, mất con. Lòng từ thiện của họ giống lời lãi của thùng lạc rang ấy, nào thấm tháp gì?

Chùm hoa trên ngực người đàn ông bỗng rung rung lóe sáng.

Con chim xanh mang hạnh phúc đến cho người - có lẽ nào từ cái "hòn đảo" chơ vơ giữa trời nước này đã có một con chim như thế bay lên? Những cây vối thật to ngã gục bên rìa bờ ao, cái mái nhà bị lật tung từng mảng lớn, giữa cái đêm sấm sét khủng khiếp đó, những gì đã diễn ra trong cái đầu không ít chữ nghĩa của người bán lạc rang cô đơn kia? Những quan điểm về

giáo dục trẻ thơ - cả "mấy trang đánh máy" trong đầu chị đêm nào - bỗng biến mất trong mảng mây xám bạc mà hoàng hôn đang đẩy xuống khoảng kênh giữa phần mái cũ và mái mới... Có lẽ nào chị lại cấm Tú Sao đến đây? Trong cái phần đa cảm của mình, chị bắt đầu cảm thấy bồn loạn. Bồn loạn thực sự!

*

* *

Thời gian lại trôi, lúc nhanh, lúc chậm, chiếc kim giờ mãi miết làm phận sự trong đủ kiểu đồng hồ. Một, hai, ba ngày... Rồi một, hai, ba tuần lễ... Chị hồi hộp chờ đợi, nhưng không thấy Tú Sao nhắc nhở gì đến người đàn ông bán lạc. Cô bé vẫn đến nhà anh ta, nhưng vì sợ chị nên không kể chuyện, hay nó đã quên rồi? Với trẻ thơ tất cả đều dễ đến và dễ đi.

Nếu Tú Sao quên anh ta... Nếu Tú Sao không quên anh ta... Trời ơi, trách chi sự lẫn lộn của người đàn ông đó, trong niềm mong đợi của những "cái nếu" chị cũng đã tự mâu thuẫn biết bao?

Thế nhưng rồi... Bao giờ mọi chuyện cũng bắt đầu từ cái "nhưng!" muôn thuở ấy. Một buổi sáng đầu tuần, trước khi đi làm, chị bỗng giở những tờ tranh đã vẽ của Tú Sao ra xem. Trong tập tranh chị lại gặp chân dung ông bán lạc của nó, có điều trên tấm bìa xanh, dưới chân người đàn ông, từ lúc nào đã có thêm một dòng chữ - thứ chữ trẻ con, to, tròn và rõ ràng: "Người lùn trong truyện cổ Grim"

1-/981

BAY ĐÊM

... Đột ngột, một pháo hiệu xanh từ đài chỉ huy sân bay vạch một đường thẳng tắp lên vòm trời mờ mờ sáng sao.

Lúc đó, anh vừa thiu thiu chớp mắt. "Dậy, dậy, anh Lâm, Báo động!"... Đồng chí trực ban vừa nhắc, Lâm bật dậy tức khắc. Theo quán tính, anh cầm luôn chiếc mũ bay úp lên đầu. Rồi vừa chỉnh quai mũ, anh vừa lao nhanh xuống bậc tam cấp nhà trực chiến. Đêm cuối thu, hơi sương lạnh khiến Lâm tỉnh táo hẳn. Và anh cảm nhận cái mùi hoa chè từ những sườn đồi quanh sân bay đang ùa vào thung lũng. Bất giác, Lâm căng ngực hít từng hơi dài cái mùi thơm tinh khiết lẫn trong mùi đất đỏ vùng trung du bị mặt trời hun nóng đang dần nguội đi trong sương đêm. Và Lâm ghì bước cổ kéo dài giây lát quý báu được hít thở bầu không khí đậm hương, được cảm nhận một mặt đất rắn chắc dưới từng bước chân mình. Bởi anh biết rõ rằng, chỉ vài bốn tích tắc nữa, anh sẽ ngồi vào khoang lái chật hẹp của chiếc Mic quen thuộc, nắp ca-bin sẽ đóng kín. Rồi máy móc khởi động, các loại đồng hồ theo dõi tốc độ bay, lượng xăng dầu, khí tài, đạn dược... sẽ cùng lúc bật sáng. Kể từ giây phút ấy, người lính bay coi như đã hoàn toàn tách biệt với mặt đất rồi. Có chăng, anh chỉ còn duy nhất sợi dây liên lạc mong manh với đài chỉ huy sân

bay qua làn sóng vô tuyến vô hình. Bấy giờ, trước mắt anh chỉ còn bầu trời rộng khôn cùng với bóng dáng kẻ thù ẩn hiện, và những bất trắc có thể xảy ra chỉ trong một cái chớp mắt.

Lâm vốn là người yêu thiên nhiên. Cũng thật kỳ lạ, anh đã từng qua những trận không chiến ác liệt với bọn Mỹ, cũng đã nếm trải những tình huống hiểm nghèo. Một lần, máy bay anh trúng tên lửa, Lâm phải nhảy dù, suýt chết. Lại đã có lần anh vào gần mục tiêu đến mức, chỉ sau hai loạt đạn, "kẻ đột nhập" đã cắm thẳng xuống rừng bạch đàn, sau đó ngọn lửa mới bùng lên. Thế nhưng, dường như tất cả những công việc khắc nghiệt của người lính bay trong thời chiến lẫn những giây phút hiểm nghèo đã qua cũng không làm anh mất đi sự đa cảm. Lâm còn nhớ, lần đầu tiên các anh được trở về nước sau chín năm trời dằng dẳng học bay ở xứ lạnh. Ngay sau lúc máy bay mình vừa tiếp đất, hầu như tất cả mọi người ở sân bay đều nhất loạt ủa tới, vô cùng vui sướng chúc mừng biên độ đã hạ cánh an toàn và níu kéo các phi công vào làn chỉ huy giải khát.

Vừa bước vào nhà, Lâm chợt sững người khi nhận ra, phía sau khung cửa trước mặt anh là một ao bèo với vô số những chùm hoa tím tím. Và bên kia bờ ao, cánh đồng lúa vàng hươm tỏa một mùi thơm đã rất đời quen thuộc mà đã lâu, lâu lắm rồi anh chưa được gặp lại. Lâm bỗng quên cơn khát, gốc mũi anh đã cay xộc lên. Rồi anh chợt hiểu rằng, chính cái màu hoa bèo và mùi lúa chín ấy đã khắc vào tâm trí đang rất nhiều xốn xang của anh một điều hiển nhiên, rằng thật sự các anh đã và đang ở trên lãnh thổ đất nước mình, rằng thật sự

những mong ước khát vọng của anh và đồng đội đã được thỏa nguyện: Từ lúc này, họ sẽ được chiến đấu dưới vòm trời quen thuộc, cho nhân dân thân yêu, cho đất nước mình bao gồm cả những cánh đồng lúa đang chín kia, cả cái màu hoa bèo khiêm nhường nọ...

- Báo cáo đồng chí biên đội trưởng, máy bay đã được kiểm tra kỹ, sẵn sàng xuất kích. - Như thường lệ, Bắc đã đợi anh ở chân thang máy bay. Đồng chí thợ máy tỏ lòng quý mến người bạn phi công bằng việc chăm sóc chiếc Mic 17 hết sức chu đáo. Lâm đáp ơn tơn:

- Cảm ơn cậu. Mình rất yên tâm.

Lâm nhanh nhẹn trèo qua mấy nấc thang, rồi đu mình ngồi gọn vào khoang lái. Bắc đã đứng sau lưng, tay vịn vào thành ca-bin. Hai người cùng nhìn về đài chỉ huy sân bay, chờ lệnh cất cánh.

Lát sau, một pháo hiệu đỏ vút lên.

Trước lúc đóng nắp buồng lái. Bắc nắm tay bạn, trầm giọng:

- Chúc anh thắng lợi, trở về an toàn!

- Tạm biệt! - Hình như Lâm còn muốn nói thêm câu gì. Nhưng rồi anh chỉ siết chặt tay Bắc.

*

* *

Chiếc Mic nhẹ nhàng rời đường băng. Sau khi ổn định độ cao, Lâm bóp công-tắc máy bộ đàm hai lần, đồng thời anh ấn nút tắt hết đèn trên máy bay. Đây là

những quy định nghiêm ngặt đối với những phi công bay đêm. Phải tuyệt đối bí mật để giành yếu tố bất ngờ bảo đảm thắng lợi, họ không được dùng bộ đàm trong lúc làm nhiệm vụ. Khi cần, mặt đất sẽ liên lạc bằng cách thông thoại một chiều. Nghĩa là, đài chỉ huy sân bay sẽ ra mọi mệnh lệnh cần thiết cho người lái qua sóng vô tuyến. Còn phi công có nhiệm vụ im lặng tuân theo lệnh chỉ huy. Sân bay sẽ căn cứ vào trạng thái bay mà xác định phi công đã, hoặc chưa chấp hành lệnh. Phải tránh mọi dấu hiệu khiến ra-đa và điện đài đối phương có thể phát hiện được máy bay ta.

Lâm thu ga điều khiển máy bay ở tốc độ nhỏ. Anh muốn tiết kiệm nhiên liệu để bay được thời gian lâu nhất. Mong sao đêm nay tìm được kẻ thù, được nổ súng chiến đấu, không phải quay về trong tâm trạng thất vọng như những lần trước đây. Lâm được điều động sang phi đội bay đêm đã hơn ba tháng. Anh biết rất rõ những phi công trong biên đội bay đêm đều là những người lái giỏi. Là những phi công cấp I, họ có thể bay thuần thục trong mọi thời tiết, và tất cả đều đã qua nhiều buổi huấn luyện bay đặc biệt. Biên đội từng nhiều lần tổ chức bay dọc sông Hồng vào cái thời khắc người Hà Nội đang ngon giấc. Còn những con thuyền đánh cá đậu dọc sông chính là những mục tiêu giả định để họ tập ngắm bắn. Lại có những đêm các anh phải bay theo ven biển. Và điểm ngắm của họ là những tàu hải quân đang nhấp nhô trên ngọn sóng. Còn dấu hiệu để họ tìm kiếm mục tiêu chỉ là một ánh đèn pin mỏng manh trên boong tàu trong đêm đen, giữa trời nước nhập nhòa. Theo kết quả huấn luyện, họ tin ở kỹ thuật

bay của mình. Nhưng thật trớ trêu, đã ba tháng ròng, nghĩa là, gần một trăm đêm trôi đi, đơn vị vẫn thường xuyên tổ chức trực chiến, nhưng họ vẫn chưa có dịp nổ súng chiến đấu. Có lần, Mic vừa cất cánh địch đã lảng xa. Lại có đêm họ bay lên, lượn vòng khá lâu nhưng không phát hiện được địch. Mic hết nhiên liệu, đành quay về. Tóm lại, biên đội vẫn chưa có dịp tiếp cận địch trong lúc các phi công bay ngày liên tiếp lập công. Căng thẳng và mệt mỏi vì mọi sinh hoạt bị đảo lộn, họ phải ngủ ngày, thức đêm. Thậm chí cả việc ăn uống, chơi thể thao cũng phải bố trí lại cho phù hợp với các hoạt động bay. Và mặc dù các phòng ngủ của những phi công bay đêm đã được bố trí đặc biệt, tránh mọi tiếng ồn, có những trang thiết bị nhằm tạo cho họ cảm giác đang nằm trong bóng tối. Nhưng, sự bố trí dù tinh vi đến mức nào, con người ta vẫn còn những thói quen bẩm sinh và cái cảm giác đặc biệt để phân biệt được thật giả. Sự thích nghi quả không dễ, nhiều người ăn không ngon, ngủ không đầy giấc... Rõ ràng sức khỏe của anh em đã có phần giảm sút. Và, đây là một phần nguyên cơ nảy sinh những bức dọc, cáu bẳn không đáng có. Gần đây, có người đã đề đạt nguyện vọng xin chuyển sang quân số bay ngày. Dĩ nhiên yêu cầu của họ không được chấp nhận trong lúc bọn Mỹ thường xuyên hoạt động ban đêm. Và những phi vụ của địch ít nhiều đã gây thiệt hại cho ta, chúng cản trở sự hoạt động ở các bến phà, ở những cây cầu trên quốc lộ. Và nhất là, chúng đã gây tâm lí hoang mang trong dân chúng.

Rồi sân bay chừng dăm phút, máy bay của Lâm đã bay sát vùng trời Thủ đô. Nhìn qua khoang kính buồng

lái, anh nhận ra từng dãy phố sáng đèn dọc hai bờ con sông quen, và những vòng sáng viền quanh các hồ nước lớn nhỏ ở khu vực trung tâm thành phố. Lâm thấy vui vui, Hà Nội vẫn yên tĩnh. Rồi anh chợt nảy sinh một ao ước: giá anh biết được, trong hàng vạn ngọn điện đang bình yên tỏa sáng dưới kia, quầng sáng nào đang soi tỏ mái tóc trắng của Người? Nghĩ đến Bác, một trạng thái xúc động, rất thiêng liêng thành kính bỗng tràn ngập tận sâu lắng tâm tưởng người lính bay. Anh còn nhớ rất rõ những lần Bác đến đơn vị. Lần thứ nhất là sau khi trung đoàn phi công tiêm kích đầu tiên của quân đội ta được thành lập, các anh vừa rời xứ lạnh đưa máy bay trở về nước sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ. Khi ấy, quân ta mới qua một thời kỳ dài huấn luyện, các anh chưa một lần thực sự giáp mặt với lực lượng không quân mạnh nhất, hiện đại nhất, giỏi nghề bay vào bậc nhất thế giới của nước Mỹ. Đạo ấy, các cán bộ, chiến sĩ không quân ta đang miệt mài chụm đầu tìm cách đánh giặc. Nhiều phương án được đưa ra, nhiều sáng kiến được bàn tới, song họ chưa tìm được phương án tối ưu nào có thể vừa tiêu diệt địch hiệu quả nhất, vừa bảo vệ lực lượng ta tốt nhất. Bởi vậy, khi được gặp Bác, vui thì thật vui, rất phấn khởi, có điều, tự đáy lòng các anh không khỏi áy náy, băn khoăn vì chưa có chiến tích dâng lên Người. Và điều kỳ diệu là, dường như Bác đã hiểu rõ tâm trạng của họ. Bác khen quân và dân miền Nam vừa lập công lớn trong trận tập kích sân bay Biên Hòa. Rồi Người nói nhẹ nhàng, thân mật: *"Các chú không đánh nhanh thì du kích miền Nam diệt hết máy bay Mỹ, không dành phần cho các chú đâu. Từ xưa, tổ tiên ta đã có những*

chiến công oanh liệt trên sông, trên biển như Bạch Đằng, Hàm Tử, trên bộ như Chi Lăng, Vạn Kiếp, Đống Đa. Giờ đây chúng ta phải mở mặt trận trên không thắng lợi. Trách nhiệm ấy trước hết là ở các chú". Người còn căn dặn: Truyền thống đánh giặc của ta là lấy ít đánh nhiều, lấy quân tinh nhuệ thắng số lượng đông. Các chú hãy học tập đồng bào miền Nam: Năm thất lương Mỹ mà đánh... Những lời động viên của Người thực sự đã đem đến một luồng sinh khí mới cho đơn vị. Ít ngày sau, trận đánh đầu tiên của không quân ta do bốn chàng thiếu úy trẻ măng có những cái tên bình dị có thể ghép lại thành một câu văn vần rất dễ nhớ: *Lan, Túc Quý, Phương* đã đánh thắng một trận oanh liệt ở vùng trời Hàm Rồng: Hai máy bay Mỹ rơi tại chỗ. Còn họ trở về sân bay không sút mẻ gì. Sau đó, cả anh nữa, anh đã có dịp lập công. Và anh được mời, cùng những phi công ưu tú khác lên gặp Bác. Họ đã được Người trực tiếp trao cho những tấm huy hiệu đầy vinh dự. Chà, cứ nghĩ đến những kỷ niệm đẹp ấy, lòng anh lại phấn chấn, say sưa kỳ lạ...

Anh đã lượn qua phía đông thành phố. Cầu Long Biên đây rồi! Anh dễ dàng nhận ra có một đoàn tàu hỏa trùm kín vải bạt đang nặng nề vượt cầu sang phía bờ Nam. Sau đó, hai hàng cây dọc quốc lộ kéo một vệt đen mờ thảng hướng thành phố Cảng. Không biết giờ này Hiền của anh đã ngủ, hay đang trực ca ở bệnh viện? Chắc chị không thể ngờ, lúc này anh đang bay và thoáng nghĩ về chị với thật nhiều trăn trở. Đã hơn năm năm rồi hai người thành vợ chồng, nhưng chưa lần nào họ được sống gần nhau trọn ba ngày. Có lẽ chính vì thế,

tình yêu giữa hai người luôn luôn là sự nhớ nhung da diết, là nỗi mong chờ khắc khoải. Tháng trước, nhân được nghỉ bù hai ngày, Hiền đã lên sân bay với chồng. Chị lên đứng dịp anh đang rất bận. Ngoài nhiệm vụ trực chiến như mọi người trong biên đội bay đêm, anh còn là giáo viên phải bay kèm những phi công mới tốt nghiệp. Hiền đến đơn vị vào lúc năm giờ chiều, đồng chí trung úy già phụ trách chiều đãi sở mang lên cho chị suất ăn chiều:

- Anh Lâm dặn chị ăn rồi cứ nghỉ ngơi cho khỏe. Anh ấy đã ăn ngoài sân bay. Đêm nay ở đơn vị còn có cuộc họp. Khuya, anh Lâm mới ra được.

Chị cười vui vẻ. Vậy là chồng chị đang ở đây, anh ấy khỏe mạnh, không có điều gì bất trắc xảy ra. Còn việc phải chờ đợi? *Đã là vợ lính phi công. Ít ra cũng phải nằm không nửa đời.* Không. Không chỉ nửa đời. Hiền đã chờ anh ấy cả một thời con gái. Và chị sẽ còn chờ anh suốt cả đời người. Có sao đâu. Miễn là còn được chờ đợi. Cũng như nhiều người vợ lính bay khác, Hiền sợ nhất mỗi lần đến với chồng lại được nghe thông báo: "Anh ấy vừa chuyển đi sân bay khác". *Chuyển sân bay.* Có thể sự thực đúng như vậy. Nhưng cũng có thể người thân yêu đã hy sinh mà họ chưa được phép biết: Thời chiến, mọi chuyện đều có thể xảy ra. Còn lúc này, trước mắt hai người có cả hai đêm dài và một ngày chủ nhật. Và hôm ấy, chị đã chờ từ chập tối đến quá nửa đêm, Lâm vẫn chưa ra. Sốt ruột, chị ngồi trong buồng chán lại ra sân ngắm. Sao tua rua đã xé đỉnh đầu. Ngọn đèn vẫn in một bóng người thui thủi ngồi bên bậc cửa.

Hơn hai giờ sáng Lâm mới hết ca trực. Anh vội đạp xe ra chiều dài sở, khẽ đẩy cánh cửa khép hờ, anh nhẹ chân bước vào nhà. Hiền đang nằm ôm gối, chắc chị vừa ngủ thiếp đi. Anh muốn ôm lấy chị, lại cũng muốn để cho Hiền ngủ. Rồi anh lẳng lặng vặn to ngọn đèn để ngắm vợ cho rõ hơn. Mái tóc đen mượt che kín nửa khuôn mặt đẹp hiền hậu, vầng trán kia, khóe môi này... Tất cả đang chờ đợi anh. Tất cả thuộc về anh, thân thiết, đầm ấm biết bao! Bất giác, Lâm cúi xuống khẽ đặt môi lên tóc vợ. Hiền chợt tỉnh. Chị ngồi nhồm dậy choàng ôm lấy chồng: "Trời ơi, anh ra muộn thế?" - "Em không giận anh chứ?" - Cái miệng nhỏ nũng nịu: "Em chỉ lo thôi" - "Em thấy đó. Anh khoẻ mà" - "Ừ, em yên tâm rồi. Nào, cho em được ngắm anh. Không, anh nằm xuống đây cho em được tin chắc là chúng mình đang được bên nhau". Anh ôm siết tấm thân nhỏ nhắn đầy sức sống của người vợ thân yêu. Hiền của anh tuyệt quá. Mùi tóc, mùi da thịt ấm nóng của chị khiến anh ngây ngất. Hiền thì thầm: "Chúng mình còn được ở với nhau hết đêm mai, cả ngày kia nữa. Tối thứ ba em mới phải về. Anh có vui không?" Nghe thế, Lâm chợt sững sờ. Quân số bay đêm hiện chỉ có mình anh. Hai đồng chí khác đi nhận máy bay mới chưa về. Những ngày tới chắc chắn anh sẽ còn phải trực chiến liên tục. Và còn điều này rất quan trọng đối với cả phi đội, họ vẫn chưa có cơ hội trừng trị bọn đánh lén ban đêm. Việc đó khiến anh và các bạn vô cùng khổ tâm, trong lòng họ như cảm thấy mình có lỗi với nhân dân Hà Nội. Nhưng tất cả những điều này rất khó nói với Hiền. Anh không muốn làm chị thêm lo lắng, bởi công việc một bác sĩ ở bệnh

viện đất Cảng trong lúc bọn Mỹ quyết phong tỏa cửa biển đã khiến chị rất vất vả so với sức vóc nhỏ bé của vợ anh rồi. Vậy, anh sẽ nói với Hiền sao đây? Em đang vui thế. Thương lắm. Em có hiểu cho anh không? Sau này yên hàn sẽ có những buổi chiều chúng mình ngồi bên nhau, tay trong tay mà lặng ngắm cái màu hoa bèo dầm thắm lại trong bóng chiều yên ả. Ngày đó nhất định sẽ đến. Chúng mình sẽ ở bên nhau mãi mãi. Còn bây giờ... Em ơi, hiểu cho anh nhé. Lâm bứt rứt tìm một cái cớ để thoát khỏi hạnh phúc đang trong vòng tay. Rồi anh tìm được một lý do thật vụng dại: "Em ạ, ngày kia là ngày 2/9, tàu hỏa rất đông. Em sẽ phải đứng suốt dọc đường. Rất mệt đấy. Anh đã nhờ anh em mua vé cho em tối mai rồi". Hiền chột xịu mặt, rồi oà khóc: "Trời ơi, anh nỡ đuổi em sao?" - Lâm túng túng: "Anh thương em vất vả" - Chị vẫn tức tưởi: "Hay là... Hay là anh sợ gần em?" Quả thật với anh, không có bất kỳ tình huống gay go nào trong luyện tập, trong chiến đấu lại khiến anh bối rối, khó xử như giây phút anh phải nhìn những giọt nước mắt của người vợ bé bỏng, rất đỗi thân thiết lúc ấy...

Sau vòng lượn trên vùng trời Hà Nội, anh tiếp tục điều khiển máy bay về hướng Tây. Chợt, trong tai nghe bỗng lao xao những hợp âm đầu tiên. Anh biết rằng sóng vô tuyến từ sở chỉ huy mặt đất sẽ truyền lệnh trong giây lát nữa. "Hải Âu, Thăng Long gọi!" Trong tai nghe vang lên tiếng nói quen của sĩ quan dẫn đường. Lâm bóp công-tắc một lần: "Cắc". Đó là ám hiệu anh đã nghe rõ lệnh chỉ huy sở: "Hải Âu chú ý. Quạ đen hướng Tây Bắc 220°. 50 km". Lâm khẽ gạt cần lái chỉnh hướng bay. Mừng khắp khối, anh nghĩ, may ra đêm nay mình

sẽ được nổ súng vào những máy bay kẻ cướp từng mò mẫm đi gây tội ác, khiến cho bao người đã phải chết tức tưởi giữa giấc ngủ ngon. "Hải Âu. Quạ đen 40 km". Nhịp tim dường như đập nhanh hơn, anh rất muốn được trả lời mặt đất, rằng anh đang bay đúng hướng, rằng khoảng cách giữa anh và đối phương đang gần lại. Nhưng anh chỉ có thể bóp công-tắc hai lần. Lạy trời! Miễn là nó dừng vội chuồn. Chợt, Lâm ngạc nhiên. Sao nhỉ? Có phải anh vừa buột thốt câu xin đáng tối cao cái nguyện ước duy nhất đang sôi sục trong lòng mình? Vô lý, anh vốn không tin ở sức mạnh vô hình, là trên đời có những đấng thần linh nắm trong tay các phép mầu bí ẩn. Kỳ lạ! Thì ra con người ta, trong phút khẩn cấp, có thể bất chợt nghĩ đến cái sức mạnh siêu phàm chỉ vì thói quen. "Hải Âu chú ý. Quạ đen 20 km. Bắp ngô. Nổi lửa". Hà, sắp sửa rồi đây! Mặt đất vừa lệnh cho anh bật ra-đa trên máy bay và thả những thùng dầu phụ, chuẩn bị công kích địch. Vừa bớt được trọng tải. Mic ngoan ngoãn tăng tốc độ, chiếc kim có đốm xanh lân tinh đã nhấp nhỉnh ở con số 900 km/h. Ra-đa trước mặt anh, màn hiện sóng đã cho thấy tín hiệu máy bay địch. "Hải Âu. Quạ đen 12 km". Vậy là với tốc độ bay nhanh như hiện giờ, chắc chắn chỉ ít phút nữa, anh sẽ tiếp cận địch trong tầm bắn hiệu quả nhất. Lâm tập trung chú ý vào màn hiện sóng. Bỗng, anh nhận ra mục tiêu đã cơ động sang trái. Không lẽ kẻ địch đã nhận ra chúng đang bị Mic bám đuôi? Vô lý. Anh nhớ lại tất cả những động tác mình đã thực hiện. Không, anh chưa hề phạm sai lầm. Thậm chí đã hơn nửa giờ bay anh vẫn một mực im lặng. Điện đài của đối phương không thể

phát hiện sự có mặt của anh. Vậy thì động tác lượn vòng của địch có thể chỉ là ngẫu nhiên. Lâm nghĩ, và anh thấy yên lòng. Mic đã bay vào vùng rừng núi Hòa Bình. Anh nhận ra điều đó qua màn đen thẫm của rừng cây dưới cánh bay, và màn tối loãng hơn của vòm trời cuối tháng có những ngôi sao xa mờ trên đầu. Có lẽ anh chỉ còn cách địch vài ba cây số. Nếu là ban ngày, chắc chắn anh đã nhìn thấy nó bằng mắt thường. Nhưng bay đêm, lại vào một đêm không trăng, trời xấu như đêm nay, với mục tiêu di động không phát sáng, anh chỉ có thể nhận ra nó trong tầm nhìn không quá 200 m. Chỉ còn cách tìm địch bằng ra-đa. Lâm chú tâm vào màn hiện sóng và anh thốt giật mình, kẻ địch vừa chui vào khu mù do khí núi đậm đặc dâng lên. Rồi màn ra-đa chợt sáng lóa, không còn thấy dấu vết chiếc AD6 ấy nữa. Quái quỷ. Cái khu mù xuất hiện thật chẳng đúng lúc chút nào. Nó đã vô hiệu hóa ra-đa của Mic. Nó đã che tên địch thoát khỏi tầm ngắm của anh. Liệu chiếc AD6 ấy vẫn bay theo hướng cũ, hay đã quành phải, ngoặt trái? Lâm bồn chồn. Và anh quyết định cứ bay thẳng. Rất có thể máy bay của anh sẽ đâm vào kẻ địch. Không sao, nếu sự cố xảy ra, anh sẽ bật dù. Nhảy dù trên đất mình là một lợi thế kẻ thù không thể có. Mặt đất đối với chúng là tù ngục, là sự chết chóc đang đón đợi. Còn anh, dù đặt chân xuống bất cứ nơi nào vẫn là quê hương mình. Điều này thì anh yên tâm, rất yên tâm. Có điều, hai máy bay bay cùng chiều với tốc độ lớn trong sự mò mẫm, thì việc đâm trúng nhau cũng là chuyện hiếm có. Bỗng nhiên, đèn báo nguy hiểm trong khoang lái Mic chớp sáng. Vậy là anh đang ở rất gần địch. Nhưng nó ở vị trí nào nhỉ?

Lâm nóng lòng nhìn xung quanh. Rồi anh chợt nhận ra, nó kia rồi! Nó đang ở ngay dưới bụng máy bay anh. Có thể độ cao thấp giữa anh và nó chỉ chênh nhau mười lăm mét. Và thật ngẫu nhiên, cả anh với nó đang bay song song với cùng tốc độ. Giây lát cực kỳ căng thẳng. Rồi anh quyết định phải lùi lại. Anh sẽ dùng đầu máy bay của mình đè lên đuôi nó. Tất nhiên, với miếng đòn quyết liệt này, nó không thể thoát. Còn anh, phải hy sinh là điều chắc chắn. Nhưng nếu cái chết của anh được trả giá xứng đáng, anh sẵn sàng. Chiếc AD6 chậm chạp nhích dần khỏi thế bay ngang bằng. Có thể tình huống ấy xảy ra chỉ trong vài ba tích tắc. Nhưng với anh, dường như nó trườn lên chậm, rất chậm. Khi cái đầu nhọn của nó vừa chui ra khỏi bụng Mic, anh đã toan làm động tác đẩy cần lái về phía trước đột ngột, Mic sẽ trườn xuống với một tốc độ gần như thẳng đứng. Nhưng thằng phi công Mỹ vẫn chưa biết đang có Mic ở trên đầu nó, cố sao anh phải đập máy bay phỉ hoại như vậy? Lâm nghĩ và anh tiếp tục giảm ga. Bây giờ, trong đêm tối, giữa đám mù dày đặc đang diễn ra một cuộc đọ sức kỳ lạ, kẻ bị săn đuổi đang vượt lên, còn người đi săn thì gắng sức lùi lại. Khoảng cách nhích dần, nhích dần. Rồi anh bỗng cảm thấy có sự va đập khủng khiếp vừa tác động lên toàn thân Mic. Máy bay của anh chao đảo dữ dội. Trong buồng lái, đầu anh va đập hết bên phải, lại bên trái. Ngay lúc ấy anh không nhận ra rằng, chiếc Mic đã bay vào luồng khí từ động cơ máy bay địch phụt ra. Anh ngỡ một tên địch khác đã bắn trúng Mic. Đầu óc cực kỳ căng thẳng, Lâm đau đớn nghĩ, không lẽ mình phải chịu thua trong tình huống trở trêu này? Nhưng rõ

ràng máy bay anh chỉ chao đảo chứ không bùng cháy. Còn anh cũng không thấy đau đớn gì. Anh chợt hiểu và lập tức kéo cần lái cho Mic ngóc lên, tăng tốc đuổi theo. Rồi đột nhiên, một sự lạ bỗng xảy ra, những ngọn đèn ở hai đầu cánh chiếc AD6 bỗng bật sáng. Sau này có lúc nghĩ lại, anh bật cười. Cái khu mù chết tiệt ấy, với anh, không ngờ lại là điều cực kì may mắn. Có thể thằng phi công Mỹ bỗng cảm thấy hoang mang khi nhận ra nó đã lạc vào biển mù mênh mông ở vùng đất lạ, bất chợt thấy đơn độc, sợ hãi, nó cần có ánh sáng để giải tỏa tâm lí căng thẳng? Cũng có thể nó phải bật đèn để những thằng cùng tốp bay với nó dễ nhận ra nhau? Còn anh, ngay lúc những đốm sáng từ hai mút đầu cánh nó bật lên, bất ngờ đến nỗi anh chợt kêu thành tiếng: "Mày chết này! Chết!" Anh thốt lên cùng lúc với ba khẩu pháo của Mic đồng thời nhả đạn ở khoảng cách chỉ hơn trăm mét. Trong đêm đen, đường đạn trở nên rực rỡ, sáng đến lóa mắt. Những ngọn đèn di động vụt tắt nhường cho một khối lửa bùng cháy. Chỉ một thoáng sau, khối lửa nhanh chóng biến thành một đám cháy dữ dội, sáng rõ một góc trời. Và, chính ánh sáng của đám cháy chiếc AD6 anh vừa bắn đã giúp anh nhận ra chiếc máy bay cùng tốp với nó đang ra sức chạy trốn. Lập tức Lâm bật tăng lực toàn phần lao theo tên giặc sắp thoát khỏi tầm bắn của Mic. Cuộc rượt đuổi căng thẳng tiếp tục. Mic vùn vụt bay với cái đuôi lửa kéo theo sau. Vừa bám theo nó, anh vừa lựa thế đưa mục tiêu vào máy ngắm. Một loạt đạn nữa xĩa vào đêm tối...

Đúng lúc anh đang cho Mic lượn vòng rộng để quan sát được cả hai đám cháy, trong tổ hợp chợt vang lên tiếng sĩ

quan dẫn đường.: "Hải Âu. Về tổ! Về tổ gấp!" Anh chợt hiểu. Mặt đất gọi anh không phải chỉ một lần. Rất có thể cái tiếng nói thân thiết ấy đã hoài công gọi từ lúc anh đang mải mê đuổi theo địch, mải mê nhìn ngắm thành quả của mình. Lúc này chắc mọi người đang lo lắng cho anh. "Hải Âu, về tổ. Nghe rõ, trả lời". À, vậy là từ lúc này, anh đã được phép trả lời mặt đất. Lâm ấn công-tắc máy bộ đàm, niềm vui hòa trộn vào giọng nói: "Thăng Long. Hải Âu công tác xong. Hai AD6 cháy to lắm!" "Thăng Long nghe rõ. Hải Âu về tổ khẩn cấp". Anh bẻ cần lái lượn nhẹ về phương Bắc. Mic ngoan ngoãn tuân theo sự điều khiển của anh. Đồng hồ báo mức xăng dầu còn vừa đủ để Mic trở về sân bay. Chợt, "Hải Âu chú ý cảnh giới phía sau. Quạ đen cách 3 km". Lâm cau mày, à, có thể vì anh buộc phải tăng lực toàn phần lúc đuổi theo chiếc AD6 thứ hai, cái đuôi lửa sau Mic đã kéo bọn địch lại gần. Và thế là anh đã rơi vào một tình huống khó chịu, Mic đang bị chúng bám đuôi. Lâm đập mạnh bàn đập trái, đẩy cần lái qua trái và đưa nhanh về phía trước. Chiếc Mic gần như úp sập và chúi xuống rất nhanh. Hai quả tên lửa trượt trên lưng Mic. Lập tức, Lâm kéo máy bay lên và cho Mic ngoặt phải. Bọn địch đuổi theo anh chợt thấy mất mục tiêu. Trong lúc chúng lượn vòng, sục sạo tìm kiếm anh thì Lâm đã nhận được tín hiệu quen thuộc của trận địa tên lửa bảo vệ Hà Nội. Lâm mỉm cười - nụ cười vui sướng đầu tiên sau hơn nửa giờ bay căng thẳng. Anh biết bọn Mỹ rất ngại bay vào "khu vực mắt bão" này, chắc chắn chúng sẽ phải giãn ra. Rồi, đúng lúc Lâm vừa nhận ra cái nửa vòng cung rất mềm giữa hai đồi cọ - cái địa tiêu quan thuộc để Mic hạ độ cao, đậu xuống dải đường băng mát dịu trong đêm tháng chín cũng là lúc Mic vừa cạn sạch nhiên liệu.

* Lâm đẩy nắp buồng lái, đứng thẳng lên và anh nhận ra có nhiều người đang chạy về phía mình. Người đi đầu có đôi vai vạm vỡ, với dáng đi rất thẳng là đồng chí trung đoàn trưởng. "Báo cáo..." Không để Lâm nói hết, trung đoàn trưởng cất giọng ồm ồm: "Chúng tớ biết rồi... Cậu cừ lắm". Đứng sau trung đoàn trưởng là cái dáng cao gầy quen thuộc của đồng chí thợ máy. Siết tay bạn rất chặt, Bắc ghé tai Lâm nói nhỏ:

- Anh Lâm, chị Hiền vừa đi tàu đêm từ Hải Phòng lên, đang đợi anh ở chiều đải sở.

Lâm sững sờ, mắt mở to, mồm há ra mà không sao thốt lên lời cảm ơn người vừa báo tin vui. Có lẽ trong giờ phút này, trên thế gian này, anh là người sung sướng, hạnh phúc nhất.

BỤI TRÊN LÁ TƯỜNG VI

Đọc đến những dòng cuối cùng của bức thư, nàng bật khóc, nước mắt chảy không ngừng qua hai gò má khiến làn da mịn màng tươi rói của nàng vụt trở nên ảm đạm, rầu rĩ. Nàng khóc đến nổi nấc lên như một người oan ức trước cửa công đường với những ông quan cầm trong tay cái thước to và dày như cái đòn gổ có thể đánh nhừ xương những kẻ nào dám nghi ngờ sự công minh của họ, mà thực tình thì họ lại xử rất sai.

Lá thư viết rất hay, ngôn từ lấp lánh cuộn cuộn chảy như nước dưới sông gặp khi nắng chiếu. Những dòng chữ khắc họa tình yêu của người viết với nàng, mỗi tình da diết đẹp tựa lụa là chảy trên da thịt dưới ánh trăng khuya... nhưng sau những lời như thế là những chữ nghĩa kết án nàng, cái án dành cho người đàn bà không đoan chính, không biết giữ gìn nụ cười của mình nơi quán xá vỉa hè, nơi hành lang công sở...

Nàng tủi thân lắm, cái cảnh mà nàng được yêu như thế nàng cũng đã từng, một lần gì đó, yêu cũng như mê, say cũng như điên và ghen thì không khác Ô-ten-lô là mấy, thế nhưng chỉ cần tiếng e hèm của bà trưởng phòng, bà quản giáo hay cơn tam bành, cái hắt hơi của vợ là lập tức cơn ghen biến mất, ánh si mê tan như khói hoang...

* Nước mắt chứa chan, nàng ôm chặt lấy hai bên thái dương mà khóc, nàng nhớ về tuổi mười tám của mình. Cái thời mà đường Quảng Bá còn thơm mùi ổi chín, tóc tết đuôi sam dài, đạp xe thông thả bên những người bạn cùng lớp, lòng phơi phới như ngày mùa, gió thổi. Bao ánh mắt, lời chào người ta trao tặng cho nàng mà nàng rụt rè không dám nhận, chỉ cứ thấy xốn xang trong lòng mà má hồng lên. Sau đó, vào một ngày hè, khi luận án tốt nghiệp đã xong, cánh lớp A cùng với lớp B rủ nhau đi bơi trên Quảng Bá này, nàng không thích bơi cho lắm nhưng cái trò chơi đùa bên rặng ổi đầy vẻ mơ mộng tuổi học trò này khiến nàng nhập cuộc. Bọn con trai thì quần đùi nhảy ào ào xuống hồ, còn bọn con gái thì đánh phồng quần lên, chứ đâu có dám mặc hai mảnh, ba mảnh lộ lộ như bây giờ, lội ven thêm đá, té nước vào nhau kêu oai oái. Nàng ngồi trên một tàu lá chuối, nhìn bọn con trai bơi ra xa, trong thanh quản nàng bỗng ngân lên một câu hát nào đó nàng không nhớ tên bài. Bọn con gái té nước ướt hết áo trắng nàng đang mặc. Áo ướt làm cho ngực nàng hằn rõ lên mà nàng không biết, mãi sau này khi đã thành vợ chồng, anh mới kể lại cho nàng hay. Anh bảo, khi ngồi nghỉ bên kia hồ sau một chặng bơi dài, anh nhìn về phía bên này, dưới ánh nắng hắt qua vòm lá trông nàng như tiên nữ giáng trần. Bơi trở về gần, ngược đôi mắt còn đầm nước hồ, nhận ra bộ ngực thanh tân của nàng, ngay gần khuôn mặt dịu dàng đang cúi xuống bứt cỏ, anh bồi hồi đến mức phải lặn xuống nước vài lần cho dịu đi cái cảm giác khao khát nào đó trong đời mà cho đến lúc đó anh chưa một lần biết nó một cách rõ ràng...

Ba năm sau thì nàng làm vợ anh. Hạnh phúc là thế nào cả hai còn chưa kịp hiểu thì những bài ca ra trận thúc giục cả hai người. Nàng vừa sợ vắng bóng anh trong những khi đêm hôm khuya khoắt, lại vừa sợ chị em bè bạn chê cười là người chậm tiến, đành phải giục anh lên đường khi cái giấy gọi nhập ngũ đầu tiên đến với cuộc đời nghiên cứu khoa học của anh.

Anh ra đi từ ngày ấy và cho đến bây giờ vẫn không trở về, và không có giấy báo tử. Nàng và những người liên quan đến anh đều đã để nhiều công kiếm tìm, dò hỏi, nhưng việc anh biến mất vẫn còn là một dấu hỏi lớn không lời giải đáp, bạn bè an ủi chị rằng:

"Cái gì mà chẳng có thể xảy ra trong chiến tranh..." Nỗi đau đè nặng lên nàng giống như những viên đá tảng lấp mỗi ngày mỗi dày lên lỗ huyết, mà nàng nằm dưới chưa hề chết. Nó hành hạ tâm trí nàng, còn thân xác nàng thì khô héo dần như cây bằng lăng vào mùa thay lá...

Mười năm qua đi, con trai nàng đã biết viết cho nàng những lá thư ngắn khi về quê nghỉ hè với bà nội ở trên đê Quảng Bá. "Mẹ ơi, các bạn ở đây đùa nào cũng chơi điều, bố các bạn làm điều đẹp lắm, con chẳng có ai làm cho cả, mãi đến hôm qua có đứa đổi cho con hai tập giấy mới có một cái điều không đẹp lắm, nhưng thôi cũng được..."

Chẳng biết vì cái điều, trò chơi của con trai cần đến sự có mặt của người đàn ông trong nhà, hay bởi chính cái da diết mơ hồ, cái thôi thúc nào đó từ trong thẳm sâu cái cơ thể đang thì xuân sắc mà nàng bỗng nhiên đâm ra nghĩ ngợi. Nhiều đêm mơ ngủ nàng thấy nàng vòng tay ôm một người nào đó, mà chẳng lần nào rõ

mặt, vào những lúc trí nhớ rõ rệt thì nàng thấy rõ nàng chẳng thâm yêu trộm nhớ một ai. Nhưng cái cơ thể có mùi thuốc lá kia, đầy sức sống, ấm áp và mê man áp chặt vào nàng, nàng không chống lại, nhưng đến lúc tỉnh ngủ nàng đỏ mặt với cả chính mình. Nàng tự trách bản thân nhiều lần, cả vào những lúc hồi tưởng về cái cơn mơ ngủ đó. Nhưng rồi nàng tự hỏi: "Lúc mơ ngủ thì còn biết đâu vào với đâu nữa chứ, làm thế nào để ngăn được những giấc mơ?"

Chỉ khi nào nàng tỉnh thức, nghĩa là nàng đi lại, làm việc, giao tiếp, đối mặt với người khác thì những lời dạy dỗ xưa kia của cha, những lễ luật trật tự mới sống động trong trí não nàng và chỉ cho nàng biết nàng phải thôi suy nghĩ, mong ước một điều gì đó cho bản thân nàng, những khao khát dễ phương hại đến đời sống của con cái nàng, nàng chỉ có thể một niềm tâm niệm về người chồng đã đi biệt tăm không trở lại mà thôi. Thực lòng thì nàng cũng muốn trở thành người đàn bà để xóm giềng coi là tiết hạnh. Song giấc mơ ôm ấp ngày càng đến nhiều hơn trong giấc ngủ cho dù nàng không mong nó đến, bởi vì nó vừa làm cho nàng nghẹt thở, tỉnh giấc và để lại dư vị đắng chát trên môi, trên da và trên tóc, vừa làm cái quyết tâm "tiết hạnh" của nàng bị ố hoen.

Thế rồi bỗng nhiên nàng "sẩy chân" vào một mối tình mà chính nàng cũng không ngờ. Chiều hôm ấy nàng ngồi chơi ở nhà ông thầy thuốc, một người trị bệnh theo kinh nghiệm gia truyền. Nàng và ông ta đàm luận về chứng mất ngủ. Theo ông ta thì nàng nói rất có lý và rất có duyên về các nguyên nhân của bệnh tật bằng sự mẫn cảm riêng rất thiên phú của nàng, vì vậy ông thích

trò chuyện với nàng, và hay gợi ý cho nàng nói. Trong một lần như thế nàng gặp một người đàn ông bế con đến nhờ thầy thuốc xem bệnh. Đứa nhỏ ôm chặt lấy bố không cho thầy thuốc khám. Người đàn ông dỗ con rất khéo. Giọng nói ấm áp của anh ta khiến nàng xúc động lạ thường, một cái gì đó rút chạy qua tim, thật mơ hồ, nhưng làm cho nàng có ý muốn nhìn lên gương mặt của anh, đôi mắt sáng mà hiền, có lẽ thương con mà ngấn nước, nhưng nàng lại tưởng tượng rằng có lẽ anh ta nhớ vợ. Vào những lúc con ốm con đau mà chỉ có một thân một mình lại đàn ông đàn ông như thế ắt hẳn không thể không nhớ vợ. Vợ anh ta đi đâu nhỉ?

Thế là hôm sau khác hẳn thường lệ, mấy khi nàng có thời gian trò chuyện với ông bạn vòng niên nghề thuốc ấy đâu, mặc dù nàng cũng là người thích nói ra những cảm nghiệm của mình với mọi người, đúng giờ ấy người đó lại đưa con đến. Có lẽ chính nàng cũng không hiểu một cách minh bạch rằng nàng có ý mong muốn gặp lại cái người đàn ông nuôi con khéo léo ấy.

Và thế là họ gặp nhau ở đây, cũng có thể chính cái gương mặt hiền hậu và phảng phất buồn của nàng, cái cách ăn mặc khiêm hạ nhưng kín đáo của nàng đã khiến anh ta thích đến khám cho con vào đúng một giờ như nhau trong mỗi ngày. Đến khi đứa bé khỏi là lúc nàng biết được mẹ nó đã bỏ đi nước ngoài với những công việc cần thiết nào đó mà bố con anh không hiểu được từ khi bé mới lên ba, còn bây giờ thì lên sáu, vẫn chưa nhận thêm một lá thư nào. Hai bố con nuôi nhau bằng những đồng tiền ít ỏi của một viên chức, chỉ đủ tiền trả học phí mẫu giáo cho con, còn cha con phải ăn vào tiền anh đi

dạy tiếng Nga hàng tháng, cái thú tiếng một thời được chuộng, còn bây giờ thì chỉ thi thoảng mới có người cần.

Người ta bảo "nước chảy chỗ trũng" nhưng với nàng lại khác, nàng hay phù suy, nàng tự kiểm nghiệm rằng chưa bao giờ nàng thích nhìn một khuôn mặt lộ vẻ đắc thắng, viên mãn hay phương phi hồng hào, no đủ. Những bờ vai phong trần hoặc những mái tóc vương nét sâu muộn, khắc khổ; Những gương mặt bất mãn muôn thuở hình như hấp dẫn nàng hơn cả, mà nàng có lý giải cũng chẳng đi đến đâu cái nguyên do của nó.

Cuộc tình chưa bắt đầu, chỉ mới da diết ở cái nhìn, ở các cuộc trò chuyện, ở cái áo nàng đan cho người đàn ông xa vợ, ở những lần nàng đeo đứa bé về chơi với con nàng, tắm tã cho nó, chải tóc, tết nơ. Nàng yêu trẻ con, tất cả bọn riu rít như chim non đã đành, nàng yêu con bé xa mẹ theo cách riêng nào đó, nàng chơi với nó hàng giờ và thi thoảng nàng muốn có bữa cơm do nàng nấu để bốn người ăn. Nàng sẽ trải khăn ăn lên gối những đứa trẻ, nàng sẽ đưa cho anh một cái, những chiếc khăn ăn trắng tinh do chính tay nàng khâu. Và nàng muốn anh sẽ uống rượu, những ly rượu thơm chát cứ sau mỗi lần nhấp môi thì gương mặt dấu yêu lại hiện ra trong tâm tưởng. Và nàng thì sẽ uống và ăn cái không khí ấm cúng trong phòng ăn, bên chiếc bàn có người đối diện.

Cuộc tình chưa bắt đầu, mới chỉ là giấc mơ từ phía nàng, hoặc từ những gợi ý xa xôi từ phía anh, những "phương tiện" tỏ tình của lớp người còn nặng màu "cổ điển" trải dài nửa năm gì đó. Hương lửa chưa thể nói là đang nồng, chưa dám có gì để chắc thì có điện báo.

Phương xa đã xong mọi việc, hoặc ít ra đã xong các cuộc trải nghiệm, đã kiếm đủ những gì chưa có, phương xa báo tin là sẽ về gần. Chỉ mới có tờ điện báo thôi mà da mặt anh tái đi, không còn cái vẻ khắc khổ thường ngày. Nói cũng nhỏ hơn trước, thậm chí anh còn tránh nói những từ đa nghĩa mà trước đó anh dùng giỏi như những tay ngôn ngữ có hạng.

Vốn nhạy cảm, lại thương người, nên nàng hiểu anh cần quay về chốn cũ. Ở đó anh hết phải phong trần, mái ấm thì bao giờ cũng che được gió. Nàng suy từ mình mà ra, cô đơn bao giờ cũng đau khổ và chông chênh lắm. "Thôi, đừng có ai phải như ta nữa". Nàng nói cười tự nhiên như ngày chưa quen thân, trong câu chuyện nàng khéo hướng về những viễn cảnh hạnh phúc của hôn nhân, của đoàn tụ, hình như nàng còn hứa rằng nàng sẽ thương yêu, chăm sóc cả vợ con anh như một người bạn, một người chị, nàng coi gia đình anh như thân quyến của nàng. Hình như lúc ấy anh nhìn nàng với vẻ biết ơn sâu sắc.

Thế mà sau khi vợ chồng họ chung sống với nhau được ít ngày, vợ anh vẫn còn đến nhà dạy cho nàng một bài học về tội quyến rũ chồng người. Còn anh thì chẳng thấy tăm hơi. Cho đến bây giờ nàng nghe nói họ vẫn chung sống với nhau và đứa bé đã học đến lớp 3 rồi đấy. Thi thoảng cũng nghe nói vợ chồng anh nện nhau ra trò, nhưng nàng thì có thể can dự gì vào đó cơ chứ, đánh nhau là lẽ thường tình của mọi giao thoa.

Những tưởng nàng phải chừa qua những lần đón đau như thế, nghĩa là nàng phải quay lại với đời sống cô

đơn bên chiếc bàn, chiếc ghế, bên mâm cơm không có người đối diện với đứa con mỗi ngày mỗi tuột khỏi vòng tay chăm sóc của nàng vì nó lớn lên như thổi. Thế nhưng cơn mơ không rời khỏi nàng, cứ giày vò thân xác nàng, khiến cho nó phát sốt lên, còn tâm trí nàng thì lại cứ mang nặng cảm giác tội lỗi. Nàng đọc các loại sách giải thích về nguồn gốc các giấc mơ và nàng thấy con người quả là phức tạp với đủ các thứ "hình thái ý thức", mơ thế cũng là lẽ tự nhiên thôi. Nhưng khi đọc các sách cũ của cha, khi nhìn thấy ánh mắt của các bà hàng xóm, nàng lại trở lại các cảm giác về tội lỗi, ngay cả khi nàng chưa đem cái thân xác của nàng đi trao cho một sự vuốt ve nào. Nàng rùng mình khi nghe người ta bảo "Phải cấm ngay cả nghĩ ý nghĩ của con người ta".

Ấy thế mà nàng lại rơi ngay vào một cuộc tình khác trong khi vẫn đang luôn luôn dằn vặt như thế. Lần này thì vào chàng, cái người viết cho nàng bức thư đau xót kia. Chàng cũng có vợ lại còn có cả một bà trưởng phòng nữa chứ.

Cuộc tình bắt đầu từ cái lưng của chàng, nghe thật buồn cười, chẳng ra thế nào, nhưng nhớ lại thì nàng thấy đúng là như thế. Đêm Giáng Sinh năm ấy người đi xem lễ rất là đông. Nàng quỳ ở hàng ghế dưới, sau khi thăm thĩ sám hối những tội lỗi của mình dựa theo cái chuẩn mực mà cha nhồi vào đầu nàng từ bé, nàng ngược nhìn lên cây Thánh Giá phía trên cao, xa, định tiếp tục suy ngẫm về công cuộc cứu độ của Đấng Cứu Thế thì nàng bỗng bắt gặp một cái lưng chắn ngang tầm mắt của nàng. Cái người có tấm lưng ấy phải cao hơn mét bảy, hơi gầy. Người ấy quỳ trước nàng mấy

hàng ghế, trên vai còn có cậu bé con. Nàng chắc hẳn người ấy không cùng thuộc tôn giáo với nàng ngay ở cách cho con ngự trên vai trong nhà thờ như thế, bởi ở đây những người cùng tôn giáo với nàng đã quy ước không được làm như vậy.

Nhưng chính điều ấy lại làm cho nàng chú ý, nàng là típ người không ưa sự giả hình. Theo nàng đặt con trẻ trên vai mình, chính là ý thức tôn trọng con người hơn hết, nhưng lại kiên nhẫn khiêm nhường quỳ lâu đến thế kia trước một thánh giá bằng gỗ cũ là một hành động khác song song trong cùng một ý thức tôn trọng Đấng Tạo Tác, Đấng của Ý THỨC, và như vậy hẳn anh là người am hiểu nhiều điều, giống như chính nàng thường trăn trở để tìm ý nghĩa của cuộc sống, của chân thật nằm sâu trong bộn bề những kinh nghiệm nửa vời, những chữ nghĩa rối rắm...

Tan lễ, nàng đứng lui vào một góc khuất, có ý chờ xem cái lưng ấy có khuôn mặt thế nào. Một thôi thúc của tâm lí đàn bà, hay vốn nàng thích tò mò về những kiểu người khác thường như thế, nàng không rõ nữa. Người ấy công kênh con đi ra với vẻ mặt thanh thản hiếm thấy trong đời sống công nghiệp này, đứa bé thích thú nó đùa trên vai. Anh vừa nhong nhong con trên cổ vừa thả chân đi bộ dưới lòng đường, miệng hát một bài Thánh ca bằng tiếng Anh. Nàng xưa nay vẫn nguyên cái tật xúc động bởi giọng nói, đâu có phải vì nàng biết rằng thanh âm là cái tinh túy nhất của con người, nhưng bằng linh cảm, nàng cho rằng hễ ai có giọng nói như thế đều là người tử tế và giỏi giang ở đời cả. Và,

thế là nàng rơi vào cuộc nhớ nhung đơn phương kỳ lạ. Nàng tưởng tượng ra đời sống thường nhật của anh với vợ và con. Nàng còn tự quả quyết rằng họ sống với nhau rất hạnh phúc, nhất định rồi, nàng bảo thế, với một người đàn ông như thế thì không có gì sẽ phải phàn nàn cả. Nàng chợt nghĩ ra rằng chính nàng, chỉ đơn phương nhớ nhung người dừng thôi mà còn thấy thỏa mãn, hài lòng nữa là. Nàng nghĩ như một đứa trẻ ngây thơ rằng mọi cái đẹp ở đời đều có thể cứu vãn được rất nhiều tình trạng và vì thế cái hình tượng của nó có thể phụ thuộc vào các sở hữu, còn cái hình bóng thì là của chung, ai trên đời đều cũng có thể nhớ nhung thầm kín cho riêng mình. Nàng sẽ không bao giờ tìm biết anh ở đâu, có thể cứ mỗi mùa Giáng Sinh lại một lần trông thấy, cũng có thể ngẫu nhiên nào đó thấy anh trên đường, nàng sẽ chẳng bao giờ cất tiếng gọi, sẽ không gây cho anh một sự chú ý nào cả, và "như thấy chẳng đâu đó ở trong đời" thế thôi. Những người đàn ông đẹp, những người đẹp, đàn bà, (không phải nàng) như cây tùng cây bách trên non cao, như trăng rơi đầy nước, như hoa thơm bên cửa sổ, đều là những liều thuốc chạy chữa các vết thương sâu, các vết thương không khám xét được bằng những dụng cụ y tế, cho dù tất cả đều vô tình có mặt trong đời, không phải có mặt để quyến rũ một ai.

Nhưng thật trở trêu cho lòng thành thật ấy của nàng, chỉ ít tháng, sau lễ Giáng Sinh ấy, cơ quan của nàng có công việc với viện nghiên cứu của anh mà nàng không biết, cho đến khi ngồi ở hội nghị nhỏ bốn người gồm trưởng phòng của nàng và bà trưởng phòng của anh thì nàng mới biết anh ở phân ban nghiên cứu các

vấn đề có liên quan đến công việc của nàng. Không thể kể lại được cái nhìn của anh trong buổi gặp gỡ với nàng hôm ấy, nhưng nàng chắc chắn rằng anh rất thiện cảm với nàng và đã biết nàng từ trước nữa kia. Ông trưởng phòng của nàng cũng cho là như vậy. Công việc lần đó kết thúc tốt đẹp, hai bên hẹn cùng hoàn tất các công trình nghiên cứu quốc gia vào những lần gặp sau, mà thời gian là không ấn định, được bao lâu, một vài năm, có thể xa hơn nữa.

Mãi sau này khi đã thành một cặp "ý hợp tâm đầu" (xin lỗi những nhà chữ nghĩa thực hành, cái ý hợp tâm đầu ở đây nàng dùng hoàn toàn không hàm ngụ, nó trong trắng như chính mong ước của nàng) trong công việc, trong các cuộc trò chuyện và trao đổi những suy ngẫm về đề tài mà cơ quan giao cho là "Phạm vi của các sở hữu chủ", thì anh mới bảo cho nàng biết rằng anh đã nghe nói đến nàng từ lâu, biết văn phòng cùng với những đề tài của cơ quan nàng nghiên cứu, chỉ chưa gặp mặt mà thôi...

Họ chỉ gặp nhau vào những lần cần phải hoàn tất văn bản, những lần gặp như thế nàng hay nói cười, nàng kể xen lẫn vào công việc những chuyện không đầu cuối mà không hiểu vì sao anh chàng cũng thấy hay, nàng kể nàng thích ăn xôi gấc thì anh chàng cho rằng tính tình nàng ngọt ngào và đậm thắm, ngược lại khi anh chàng nói rằng ngày nay người ta ít nghe các bản công-xéc-tô thì nàng nghĩ ngay rằng, anh ta là người cái gì cũng biết. Đôi khi nàng còn cho rằng nàng hiểu cả những câu anh chưa hề nói với nàng, trong cái cách lắng nghe của nàng vừa trân trọng vừa say mê, khiến

cho anh nhiều lần tự hỏi phải chăng một điều gì bí ẩn đang đến với mình, làm sao có cả niềm vui trong việc công sở nhọc nhằn cơ chứ?

Công việc choán hết thời gian được phép ở lại công sở, trong một gian phòng, ngoài cái không gian thời gian đó, anh trở về với gia đình mà theo anh ở đó có tình yêu thiêng liêng của hôn nhân, của gia đình, dòng dõi. "Các Thánh Nhân, Quân Tử cũng có một thân phận trần gian, đồng hành chia sẻ và yêu mến" bao giờ anh cũng nghĩ như vậy. Dù cái gương mặt nàng rất đổi đáng yêu, hấp dẫn như một bí ẩn quyến rũ cũng chưa bao giờ khiến anh sao lãng bốn phận làm chồng, làm cha của mình, vì có lẽ anh không muốn sao lãng, vả lại bốn phận cũng làm nên tình yêu và sức mạnh của nó đâu có kém gì các đam mê khác. Anh tự lý giải như vậy. Song mặt khác anh cũng phải thừa nhận với chính anh rằng, anh thích cái khuôn mặt của nàng, anh mong cho ngày một nhiều hơn những đề tài mà hai người cùng có để mà bàn bạc, để mà gặp gỡ.

Nàng thì không may mắn hé lộ tình yêu đơn phương của mình, nhưng nàng lại không biết rằng cái ngọn lửa trong tim nàng nó rực cháy, nó làm cho môi nàng mọng đỏ, cho má nàng mịn màng, cho tóc nàng mượt mà. Nàng luôn nhủ lòng rằng "một mình ta cô đơn là đủ, hãy đừng thêm ai trong thế gian này", nhưng ngay chính cả điều đó cũng làm nên sự phúc hậu cho gương mặt nàng, mà nàng không biết. Tất cả những điều đó nó nằm ngoài ý muốn của nàng đến nỗi nàng cố ý muốn cho mình thế này thì nó lại ra thế khác, chỉ khi

nào nàng quên nó đi, nàng sống như tự nhiên vốn sẵn ở trong tim, trong óc nàng thì những điều kia lại phát lộ ra ngoài, và điều đó khiến cho anh chàng đầy ý thức kia bồng xiêu lòng không sao ngờ được.

Lần ấy cả hai đều được tặng hoa trong một dịp báo cáo đề tài, xong xuôi nàng cũng thấy anh tần ngần chưa muốn ra về. Chẳng lẽ không có được một lần trong đời vui chung với nhau bên ly cà-phê sao? Anh chưa kịp rủ thì nàng đã đồng ý, và họ đèo nhau đến quán ông Hói bên hồ trong một khu phố cổ. Anh bảo: "Nếu có bầu vào tôi cho khỏi ngã khi phanh gấp thì xin đừng xúc động". Nàng sợ anh nhìn thấy má nàng đỏ lựng lên vì câu nói dường như hàm ngụ đúng cái ý nghĩ đang manh nha trong lòng nàng. Họ ngồi trên gác hai, nơi có thể nhìn thấy các mái nhà, ngói nhỏ, lớp lớp chồng lên nhau, phủ kín rêu phong ẩm ướt. Những chiếc máng nước bằng tôn cũ kỹ, gãy vỡ, nơi chim sẻ vào ra lúc hoàng hôn, nơi ngang tầm với những cành bằng lăng khúc khuỷu, vài chiếc lá đỏ lưa thưa. Nàng bồi hồi trong dạ, không ngờ đời nàng lại có một ngày, rất gần trước mắt, chỉ cách một cái bàn con, mùi thơm thuốc lá, cái nhìn chú mục và một giọng nói chân thành dành riêng cho nàng, không lẫn lộn pha tạp và cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài sôi động xa kia. Anh không nói gì. Làm thế nào để cất lời, khi mà cả anh và nàng đang sống giữa những quy ước, những trật tự, nền nếp đã có từ lâu. Cất lời là phá đi những quy ước có sẵn của số đông, của xã hội, mà biết đâu nàng cũng phải dựa vào cái quy ước ấy để tồn tại thì sao!

Còn với nàng, như thế cũng là hạnh phúc. Một khoảnh khắc kề bên cái ước muốn. Nàng muốn là cà-phê, muốn là đường ngọt trong cái cốc của anh, là cái thìa trong tay anh đang cầm đấy. Nhưng nàng không nói. Khói cà-phê thơm lừng, nàng muốn hít một hơi thật sâu vào trong lồng ngực, nhưng vốn là người tinh tế, nàng lại không dám, thành ra là một tiếng thở dài. Anh nhận thấy mà xót xa trong lòng. Thế là không gì ngăn cách nổi nữa, anh đặt tay lên tay nàng.

Im lặng.

Nước mắt ngày ấy là nước mắt hạnh phúc, cũng lăn chảy trên làn da mịn màng nhưng làm nó tươi rói lên. Như thế là đủ, họ hiểu nhau qua ngôn ngữ của lặng im. Cho đến lúc hai tách cà-phê nguội ngắt họ mới ra về. Lần đầu kể từ khi có vợ anh đi quá một, hai giờ gì đó trong cái quỹ thời gian của chung. Nhưng ngay sau đó anh làm bù lại tất cả cho họ, vợ con anh ấy, cho những mong muốn không ngừng nghỉ của gia tộc, dòng họ. Và tiếp tục những ngày không sao lãng. Còn nàng, cái nắm tay ấy là nước cho nàng uống ngày ngày, là thức ăn cho nàng trong tháng, năm. Tâm hồn nàng chỉ một nơi duy nhất hướng về cái nắm-tay-ấy.

Thế rồi đôi khi, trong lúc trao đổi, anh không hề biết gì về thức ăn của nàng, nhưng anh vẫn nắm tay nàng tựa hồ như cũng chính là nước uống, thức ăn của anh. Một cách ví von. Chỉ thế thôi, hay hơn nữa thì cả hai không còn nhớ. Cho đến một hôm anh hỏi: "Em có muốn đi uống với anh một chút gì đó, ở quán Nghệ Sĩ không?" Nàng ngước mắt lên, ngạc nhiên: "Sao không ở

đâu mà lại đến đó?" Anh không trả lời. Nàng nghĩ: "Đàn ông có những điều thật khác". Thế là họ sóng đôi đi với nhau vào đó. Anh đưa cánh tay trái ra, nàng rất muốn khoác tay nàng vào đấy mà nàng sợ. Nàng hiểu bản chất loài người bằng linh cảm đàn bà, bản chất ấy là trí tưởng tượng cộng với sự ngoa ngôn, mà An-đéc-xen đã từng kể là: một cái lông rụng đã bị biến báo thành câu chuyện 5 ả gà mái thất tình tự vật trụi cả lông... Nàng sợ thiên hạ bàn tán về cái khoác tay ấy, theo nàng và anh thì trai gái đi với nhau khoác tay nhau là một hình ảnh đẹp, nhưng với thiên hạ thì biết đâu, đó chẳng phải là một cuộc chiếm hữu, sở hữu, tham ô... thì sao?

Thế là nàng để anh lơ nhịp. Và cái lơ nhịp tai hại ở chỗ lão trưởng phòng của nàng trông thấy, lúc ấy lão cũng uống rượu ở một bàn trong đó. Lão đứng iên, mặt đỏ phượng phi, cổ đeo ca-vát, bộ cánh rất bảnh, khác hẳn với vẻ giản dị của anh, tiến tới bên nàng, nói nhỏ điều gì đó với nàng. Lẽ ra trong lúc như thế, nàng phải bặm môi, phải lùi lại, phải vịn tựa vào anh thì nàng lại cười, và hơn thế nàng lại còn cầm chiếc ly ở bàn bên ấy, chạm vào ly của lão.

Anh không hiểu rằng, vì nàng sợ, biết đâu đám đông dễ có thể có cách nhìn của gà, nên nàng làm ra vẻ vô tình với anh. Và để đánh lạc hướng cái câu nói nhỏ của lão trưởng phòng, một câu nói vừa thốc mách vừa hàm ý là sẽ loa lên về một "cuộc tình trăng gió". Thế là nàng cười vờ vẩn, nàng chạm ly và ngồi rời anh ra. Còn anh thì không chịu được cái thói thiếu thà như thế. Bởi anh không thể hiểu được rằng anh trong trắng từ trong ý nghĩ, nên nhìn mọi sự thẳng tắp như mình. Anh

không thấy rằng, nếu nàng khoác vào tay anh trước mắt bàn dân kia thì nguy hiểm sẽ đến ngay lập tức sau gáy cả anh lẫn nàng.

Ngờ vực cái phẩm hạnh, vốn đã làm anh xiêu lòng để mà nhiều khi nhớ nhung trong dạ, cái phẩm hạnh cao quý mà vì nó, anh đã buông rơi cả sự giúp đỡ ân cần của bà trưởng phòng, nên mặc dù anh vẫn ngồi đó, uống hết chai rượu nhỏ với nàng, thì lòng đã thầm viết một bức thư xỉ mắng.

Bây giờ, bức thư ấy kia, còn anh thì không thấy đến. Lẽ ra hôm nay họ phải làm việc cùng nhau vì theo lịch của hai cơ quan thì đã lệch mấy tiếng đồng hồ.

Nàng khóc nhiều. Một quá cũng nên. Chẳng có ai ngoài tiếng kẹt cửa não lòng mà nàng nghe được mỗi lần thấp thỏm nhìn ra. Rồi nàng gục đầu lên bàn thiếp đi. Nàng thấy mình khoác tay vào cánh tay anh chìa ra, nàng tựa cằm vào vai anh, cùng bước vào Quán Nghệ Sỹ. Mọi người nhìn nàng, nhìn anh, những đôi mắt ngạc nhiên, neho lại có cả hần học. Nàng bất chấp. Còn anh thì dường như mẫn nguyện.

Nhưng bỗng có ai đó giằng anh ra khỏi nàng, kéo anh ra một chốn xa khuất. Trước khi không thấy nhau nữa, anh còn nhìn nàng, cái nhìn xót xa, thương cảm, yêu dấu mà mãi mãi nàng còn ghi nhớ...

Ngay cả trong lúc mơ ấy nàng cũng còn muốn không bao giờ tỉnh dậy nữa. "Cuộc sống như thế thì thức giấc làm gì?"

CHUYỆN VỀ HẠ

Người đàn ông lặng đi khi nhận ra tôi. Nét mặt gỗ ghê, những nếp nhăn làm nhàu nát cả khuôn mặt mà bao mùa mưa nắng đã nhuộm nó thành màu đất, đôi mắt màu tro đăm đăm do dự, ngẫm nghĩ một lúc, rồi mới nói bằng cái giọng trầm thấp đặc quánh thổ âm:

- Chị em không ở đây từ lâu rồi. Từ ngày lấy chồng chị ấy về nhà chồng ở ngoài xóm bãi.

Không hiểu nét mặt tôi ra sao khi nghe tin ấy mà người đàn ông bỗng trở nên bối rối, hai tay hết vò tóc lại giật vạt áo.

- Việc ấy hoàn toàn là do ý thích của chị em. Tất cả là tự chị ấy, chị ấy muốn thế. Hai vợ chồng em và các cháu đều muốn chị ấy ở đây cho vui mà chị không chịu. Nhà cửa rộng rãi thế này, chị ấy muốn ở một mình cũng được mà đón cháu nào về nuôi cũng tốt. Em có năm cháu, trai gái đủ cả, chị thích đứa nào, chúng em biếu đứa ấy, đứa nào cũng sẵn sàng đến ở với bác. Nhưng chị ấy cứ nhất quyết xuất giá tòng phu...

Người đàn ông nói, rồi vung tay như muốn giới thiệu gian nhà rộng tuênh toàng vài đồ gỗ cũ, sứt mẻ. Trên cái sân gạch lở vỡ, bừa bộn rơm thóc và khoai non. Một mảnh vườn nhỏ trồng rau cải ở sau nhà.

- Hơn hai mươi năm mà nhà ta như không thay đổi.
- *Tôi nhận xét sau khi nhìn ngắm khắp nơi.

- Vâng, chẳng có gì mới mà chỉ cũ đi. Ngày ấy em còn là một đứa trẻ, bây giờ sắp thành ông già. - Người đàn ông nói và cười, hàm răng nhấp nhô. - Còn làng xóm, thầy giáo thấy thế nào?

- Tôi có cảm giác mọi thứ như đứng lặng và ngủ yên. Từ những ngôi nhà đến cánh đồng đều cũ kĩ, nhỏ bé, đường làng quanh co, lồi lõm. Tôi tưởng tìm nhà ta rất khó, không ngờ tôi đã nhận ra ngay những viên đá lát cầu ao và làn nước tù đọng. Điều đó thật bất ngờ. - Tôi nói và thở dài.

- Thầy giáo nhận xét đúng. Làng vẫn nghèo như trước. Thầy giáo tính, những người tài giỏi, khôn ngoan thì bây giờ bay nháy, tìm mọi cách để lên tỉnh hoặc nhao ra Hà Nội, người ở lại làng thì để thêm mà đồng ruộng thì vẫn vậy, có để được đâu, nhà nào chạy ăn không bị đứt bữa là khá lắm rồi.

- Chị Hạ được mấy cháu rồi?

- Không có cháu nào cả. Chạy chữa mong chờ mãi vẫn không có. Bây giờ chị ấy đành thôi, yên phận. Em nghĩ chắc tại số phận, số chị ấy vất vả lắm.

- Có số à?

- Vâng. Mỗi người có một số phận. Số phận định sẵn tất cả. Ở đây người ta tin như thế. Em cũng nghiệm nhiều cái đúng, muốn không tin cũng chẳng được. Chị Hạ cũng tin lắm. Trước đây, chị ấy bảo phải duy vật, không được duy tâm, không có quỷ thần ma quái gì hết.

Nhưng bây giờ khác, chị ấy đã làm tất cả.

- Làm gì?

- Cúng lễ. Cầu xin. Tin tưởng vào những gì không nhìn thấy ở trên đời.

- Để làm gì?

- Để được sống yên ổn. Để có con...

Người đàn ông đốt ba nén hương cắm lên bàn thờ, đứng im lìm trước những làn khói, lầm rầm khấn, rồi quay sang tôi:

- Thầy giáo có định gặp chị em không?

- Có. - Tôi đáp và cố ghìm không nói đó là mục đích của tôi trong chuyến đi này. - Lâu quá rồi, không gặp, tôi cũng muốn thăm xem chị ấy có khỏe không?

- Khỏe thì vẫn khỏe, nhưng thầy giáo gặp không nhận ra chị ấy đâu.

- Sao vậy?

- Chị ấy bây giờ chẳng thích gặp gỡ ai. Nhiều khi ngồi nói chuyện một mình.

*

* *

Những ngôi nhà xây bằng đá núi, thấp nhỏ, nối tiếp nhau chạy dài từ chân đê đến đường cái bên cạnh những hồ nước trong veo. Nắng hanh và gió heo may thổi không ngừng cuốn bụi rác chạy quần trên những đường gạch lát nghiêng mòn cũ đã bao đời. Các cụ già trong làng nói,

ngày xưa mỗi cô gái đi lấy chồng thiên hạ phải góp cho
lăng một nghìn viên gạch để lát đường đi.

Tôi bảo Hạ: "Riêng Hạ, anh nào muốn lấy đem đi phải
nộp cho làng một vạn viên gạch để lát đường". Ai mà lấy
em! Hạ nói và giấu mặt vào sau cái cột nhà, rồi vừa cười
vừa chạy vào trong buồng. Tôi nghe tiếng thở hồi hộp,
tiếng lục lọi trong hộp gỗ, tiếng gương lược lách cách.

Hạ ngồi trên bậu cửa, dáng thon mềm, nghiêng
nghiêng. Mái tóc xõa xuống phủ đầy hai đùi, rơi xuống
đất. Bàn tay trắng ngần cầm hờ hững cái lược gỗ và
mảnh gương nhỏ. Mảng hồng mịn màng hiện trong
gương. "Năm hay Hạ bao nhiêu tuổi rồi nhỉ", "Em 16.
Tết này sang tuổi 17. Mà sao, thầy giáo?" Hạ ngược đôi
mắt to dài, nâu nâu sáng ngời nhìn tôi với cái nhìn
trong veo. "17 bẻ gãy sừng trâu. Bao giờ tôi được ăn kẹo
của Hạ đấy", "Ồi giờ ơi, còn lâu, ai mà lấy em, hình
dung xấu xí, lại con nhà nghèo". Hạ nói và lại nấp người
sau cột nhà. Chỉ có khuôn mặt ngoảnh lại, cười với tôi.
Nụ cười làm tôi hoa mắt. Nghèo thì có thể, nhưng xấu
thì không phải rồi. Mà ngược lại, con gái Hà Nội khối cô
chạy theo Hạ không kịp đấy!" Tôi nói, rồi cúi xuống
chồng vớ học trò. Ngẩng lên đã thấy Hạ gánh đôi thùng
trên vai lắc qua lắc lại ở ngoài ngõ. Tà áo bay lên, xanh
rờn trong nắng trưa.

"Tại sao nhà trường lại xếp tôi ở đây? "Tôi nghĩ ngợi
đến mất ngủ những đêm đầu tiên ở nhà Hạ. Nhà Hạ
gần lớp tôi chủ nhiệm, nhà Hạ không có trẻ nhỏ (điều
này rất hiếm) lại sạch sẽ yên tĩnh thuận tiện cho việc
nghiên cứu, soạn chấm bài. Mẹ Hạ, một bà cụ hiền hậu,

Hạ đảm đang, tháo vát. Trong nhà lại có Hy em trai Hạ, mười hai tuổi, người đàn ông duy nhất ở trong nhà, là chỗ dựa của tôi. "Chúng tôi tin tưởng đồng chí sẽ làm công tác dân vận tốt. Xã này nghèo, nhưng có truyền thống yêu nước, cách mạng. Toàn thể là xã viên hợp tác xã". Hiệu trưởng là người địa phương nói với tôi. "Thầy giáo đi tắm cho mát, nước em mới gánh về, trong lấm". Hạ lại đứng bên thêm, sát cái bàn và chồng vở học trò tôi đang xem. Mồ hôi lấm tấm trên vầng trán thanh thản. "Cảm ơn Hạ. Nhưng mà này, từ ngày mai thì thôi nhé. Tôi thanh niên sức dài vai rộng, để tôi tự xách nước, hoặc đi ra giếng tắm ở bãi cỏ". "Ấy chết, ai lại để thầy giáo tắm ở giếng? Hay, - cô ngập ngừng, - để em đi xin nước mưa bên hàng xóm cho thầy giáo tắm?". "Vẽ vời quá, cô bé ạ".

Tôi chạy ra sân vung vẩy vài động tác thể dục. Cuối thu heo may ngập đầy. Hạ cấp rỏ đi chợ mua gì đó, cũng có thể tạo cơ ra khỏi nhà để tôi tự do vùng vẫy với hai thùng nước trong mát.

Người mẹ ở bãi về với đôi quang gánh có mấy cây cải, dăm tấm mía và ít lá khô. Hạ rửa những tấm mía lấm đất, rồi để lên bàn tôi bằng hai tay: "Thầy giáo ăn mía cho mát ruột".

Những tấm mía vỏ cứng nhưng rất ngọt. Tôi đưa cho Hy một tấm. Thằng bé toét miệng cười với tôi, rồi cầm tấm mía chạy ra ngõ. "Cắt đủ cỏ cho bò chưa?" Hạ hỏi vọng theo. "Rồi !" Nó đáp to rồi phóng đi như mũi tên. Ngồi trong nhà tôi nghe rõ tiếng bước chân nó chạy dồn dập xa dần và cả tiếng nó la hét: "Hây! Hây!"

Khói lá mía cay mù mịt ùa vào nhà. Bà mẹ và Hạ nấu cơm - cũng là để xua dần muỗi đói trước lúc trời tối, đã thúc tôi ra khỏi nhà, dạo quanh xóm. "Chào thầy ạ! Thầy ạ!" Những tiếng chào từ chỗ này qua chỗ khác.

Lướt qua trước mặt tôi những khuôn mặt thân quen, những nụ cười. "Mời thầy giáo bớt chút thì giờ vào nhà chúng em uống chén nước ạ! Tôi vào một ngôi nhà tường đá ong, cổng có giàn gác quả chín đỏ đung đưa như một chùm đèn. Ông cụ chủ nhà nói: "Nhà bà cụ thầy giáo trọ, ông chồng trước là du kích hoạt động vùng này, hy sinh trong một trận càn. Bà cụ số vất vả sinh con một bề". "Con trai có, gái có sao gọi sinh con một bề?" Tôi hỏi. "Chỗ thân tình tôi nói thầy giáo nghe đâu bỏ đấy nhé: Thành Hy là con nuôi. Bà ấy người phúc hậu, một sớm đi làm đồng nghe tiếng trẻ khóc dưới cổng, bế lên, đem về nuôi, đứa bé còn đỏ hỏn". "Thế mà tôi không thấy có gì khác nhau trong đối xử hàng ngày. Có khi thành bé còn được cưng chiều hơn chị của nó". Tôi nói. "Ấy vậy mới là hay". - Ông cụ đáp.

Một buổi đi dạo khác, tôi được nghe nói về Hạ: "Con bé ấy thế mà có duyên thâm, mới tí tuổi đầu đã có bao đám ngấp nghé, nhưng cô ta chưa định đâu. Cũng chẳng biết cô ấy kén trâu to bò béo thế nào. Thầy giáo có duyệt được không? Tôi nghĩ, lấy vợ quê cũng có thú đấy, thầy giáo ạ. Ở chỗ là, rất yên tâm mà bay nhảy, đi đâu tha hồ, thỉnh thoảng ghé về ít ngày được chiều chuộng như ông hoàng". "Ấy chết, tôi có vợ con rồi!" Tôi nói. Rồi ngồi thờ. Ân hận. Có lẽ đến suốt đời tôi ân hận về câu nói buột miệng vô tình ấy. Tôi cũng không hiểu

vì sao mình lại nói như thế. Nào phải tôi đã có vợ con! Người yêu là thế nào, tình yêu cụ thể ra sao tôi cũng còn chưa biết. Lớn lên trên ghế nhà trường. Học xong về đây công tác. Hình ảnh một vài cô gái lốt phốt đi qua hành lang của cuộc đời tôi với bao bí hiểm mà chưa một lần tôi bỏ công tìm hiểu. Đàn ông phải đi xa, phải vượt tới, phải đạt được lý tưởng cao cả, muốn thế đừng vội vướng bận vợ con. Bao người đã khuyên tôi không phải chỉ bằng lời nói mà cả cuộc đời của họ.

Lại nữa, gia đình tôi gốc gác bao đời ở Hà Nội, tôi tình nguyện về đây không phải để lấy vợ, đẻ con, thay đổi hộ tịch, mà để cho một ngày về vinh quang, vinh quang như thế nào chính tôi cũng không biết. "À, thế thầy giáo đã có vợ con rồi đấy?" Ông cụ gật gù với những ý nghĩ gì đó trong đầu tôi cũng chẳng muốn tìm hiểu. Tôi đứng lên ra về. Tôi quên ngay những điều xảy ra trong câu chuyện lúc nhá nhem tối hôm ấy. Nhưng mọi người lại nhớ và lời đồn đại lan ra trong làng, ngoài ngõ. Gặp tôi người ta hỏi: "Thầy giáo hôm nay không về thăm gia đình à?", hoặc: "Các cháu vẫn khỏe chứ?" Tôi gật gù, ừ ào cho qua. Tôi chỉ thực sự thấy tai hại khi lòng tôi tràn ngập một tình cảm mới mẻ với Hạ.

Hạ là học sinh bổ túc của tôi vào buổi tối. Một tuần ba buổi cô châm ngọn đèn để trong hộp gỗ đi phía sau soi đường cho tôi. Tiếng guốc lách cách khua vang trên đường gạch - con đường của các cô gái trở thành đàn bà. Ánh đèn vắng hắt lên khuôn mặt trái xoan phơn phớt màu hồng mát dịu dàng. Tôi giảng bài, nhưng mắt như hút vào vùng sáng đó. Trong lúc học, Hạ ít nhìn lên, từ

hôm ấy. Tôi chờ đợi và thi thoảng mới bắt gặp khi khuôn mặt ấy ngẩng lên và tràn ngập ánh sáng. Đôi mắt nhìn tôi lộ vẻ băn khoăn. Một buổi tối, trời mưa, chỉ mình tôi và Hạ đến lớp. Đợi mãi chẳng thêm ai, tôi và Hạ ra về. Trên đường về, tôi cố tình lùi lại để đi ngang Hạ. Không hiểu sao chân cô vấp suốt. Đèn tắt. Tất cả chìm vào bóng tối. Bao diêm còn lại một que cuối cùng ẩm ướt, loé lên rồi tắt phụt. Bàn tay tôi chạm vào tay Hạ. Tôi ôm choàng và siết đôi vai Hạ vào ngực tôi. Tôi nghe tiếng thở hồi hộp của trái tim đập gấp sát bên mình. "Hạ. Tôi yêu em!" Tôi run lên. Bàn tay tôi tìm gương mặt Hạ. Tôi thêm khát được hôn lên đôi môi mọng đỏ của cô. "Đừng làm thế! Thầy giáo. Thầy giáo phải nghĩ đến cô giáo chứ!" Hạ vùng vẫy thoát khỏi tay tôi. "Cô giáo nào? Ai?" Tôi thở gấp. "Vợ con thầy. Thầy giáo đã có vợ con!" Hạ nói và vùng chạy. "Tôi đã có vợ con đâu!" Tôi kêu lên. "Em biết rồi! Thầy đừng dối em!" Tiếng Hạ vọng lại. Tôi thấy tối tăm mặt mũi như bị tát. Tôi đi lang thang mãi trong đêm cho tới khuya trên những con đường lát gạch, chờ cho mọi người ngủ hẳn rồi mới về nhà. Sai lầm của tôi ở chỗ nào? Lời nói lỡ cần thanh minh hay tình yêu chớm nở cần dập tắt? Ôi, tôi cần có một lời khuyên chí tình của một người chí cốt. Đầu tôi như có sương mù bao phủ. Đêm ngày tôi khao khát gần em.

Sao Hạ không tìm hiểu sự thật mà lại lảng tránh tôi? Hạ có yêu tôi tí nào không? Tôi mê mụ trong giày vò, nghĩ ngợi. May sao, mùa gặt tháng mười đã đến. Sau tuần lễ cùng các em học sinh đi gặt lúa giúp các tổ sản xuất có nhiều gia đình thương binh, bộ đội neo đơn, tôi được nghỉ

một tuần để về thăm nhà. Tôi nghĩ đó là dịp tốt để tôi xa dân và quên Hạ đi. Nhưng tôi chỉ ở nhà được ba ngày đã vội vàng khăn gói bươn bả về trường tìm Hạ.

Tôi đã thấy gì khi gặp lại Hạ.

Cô đang đánh đồng rơm với một người con trai. Người con trai đứng trên cây rơm và Hạ tung lên từng bó rơm vàng óng. Thịnh thoảng, anh ta lại đỡ hụt, rơm rơi xuống phủ lên người Hạ những sợi vàng óng. Tiếng cười vang lên.

Tôi đứng sững. "Anh Thịnh, bí thư đoàn", Hạ giới thiệu. Tưởng ai, Thịnh, tôi đã biết và có lần đến nhà đưa giấy sinh hoạt Đoàn. Thịnh đã có vợ là cán bộ phụ nữ. Cặp vợ chồng cán bộ lấy nhau đã lâu, nhưng chưa có con. Lòng tôi nhẹ đi một chút. "Quà của Hạ và Hy đây". Tôi nói và đưa ra mấy gói kẹo tôi mua vội vã ở bến xe. Sự xuất hiện của tôi, cắt đứt tiếng cười của họ. Hai người hồi hã làm và chỉ một loáng sau đồng rơm đã đánh xong. "Sao thầy giáo lên sớm vậy? Hãy còn nghỉ mà". "Tại tôi... nhớ Hạ". Tôi nói nhanh khi Thịnh vừa đi khuất. "Sao thầy giáo không đưa cô lên đây chơi?" "Mẹ tôi lại hỏi sao không đưa Hạ về nhà chơi?" "Thầy giáo cứ đùa". Hạ nói rồi bỏ đi. Tại sao vậy? Tại vì tôi "có vợ" hay vì Hạ có ai rồi? Lại một vấn đề nan giải, một ẩn số phải tìm ra. Trong những người con trai hay đến đây, là ai? Đạo này sao Hạ hay vắng nhà? Đi đâu? Với ai? Lòng tôi như bị nung đốt.

Tôi lại sang nhà hàng xóm. Giàn gác đã trụi lá. Bao nhiêu quả đỏ đã chín trên các mâm xôi đám cưới ngày mùa rồi, còn lòng tôi thì ứa héo. "Bác ạ, hôm nọ cháu

đùa chơi chứ đã có vợ con đâu". Tôi chờ mãi mới có dịp được hỏi thăm để vớt vát sửa chữa sai lầm. "Thầy giáo bảo sao kia? Vợ con à ? Thế sao? Sao lại chưa vợ con? Cả làng này kháo nhau vợ con thầy giáo ở Hà Nội mà".

Cả làng này... Tôi đã khuấy động ao tù bằng hòn đá vô tình. Tôi đã đùa với số phận của tôi. Tôi đã giết chết tình cảm vừa hé nở của Hạ. Làm sao bây giờ? Ai có thể giúp tôi làm rõ được rằng đó chỉ là một chuyện đùa. Lòng tôi đang bồi bồi rồi ren thì có quyết định của Ty Giáo dục điều động tôi đi trường khác thay thế một giáo viên ốm nặng. Tôi điên lên muốn chống lại quyết định trong một phút, nhưng rồi tôi thấy đó cũng là dịp may, tôi cần tĩnh trí lại. Hạ ơi, thế là tôi phải xa em. Lòng tôi nặng nề trong ngày lên đường. Tôi nuốt không trôi miếng cơm trong bữa ăn ngon lành như cổ mà nhà Hạ bày ra tiễn tôi. Ngược với tôi, Hạ vui vẻ, nhẹ nhõm giống như tôi chỉ đi đâu dăm bữa nửa tháng lại về. "Hạ không yêu tôi, tôi đi nơi khác làm Hạ dễ chịu, ai đó thoải mái đến nhà với Hạ không vướng tôi..." Ý nghĩa đó giằng vò tôi và lần đầu tiên tôi biết thế nào là đau khổ và giận dữ.

Hạ ơi, vì Hạ mà tôi ra đi. Tôi ra đi vì Hạ. Hạ phải biết như vậy bởi vì tôi có quyền ở lại đây. Nhưng ở lại làm gì khi mà Hạ lạnh lẽo với tôi? Mong rằng thời gian sẽ giúp Hạ tìm hiểu ra sự thật đắng cay tôi phải chịu chỉ vì câu nói đùa trong lúc trò chuyện tào lao hôm nào. Mong rằng khi hiểu ra sự thật, Hạ sẽ đến với tôi. Tôi luôn hi vọng và chờ đợi.

Đó là thư tôi gửi lại cho Hạ trước lúc lên đường.

*
* *

Thời gian qua.

Tôi vui đầu vào bài giảng dạy và công tác của nhà trường. Tôi buồn bị công việc chìm xuống đáy. Quên dần đi. Hạ không hề tìm đến tôi, mặc dù tôi đã gửi nhiều thư có địa chỉ và cả một số đồ chỉ dẫn nơi tôi ở. Hy thỉnh thoảng có viết thư cho tôi, thư nào cũng chỉ vắn tắt ít dòng đủ để tôi thấy cảnh sống trong nhà. Cuối thư bao giờ cũng có một câu "Chị Hạ gửi lời thăm anh".

Rồi tôi được chuyển về Hà Nội và chuyển nghề. Những quen biết, va chạm trong công tác mới đã thu hút tâm trí, vui buồn của tôi. Tuy vậy, thi thoảng hình ảnh Hạ vẫn hiện về. Mái tóc dài và màu hồng của đôi má lung linh, ảo ảnh giống như một giấc mơ. Mùa hè, ánh điện đỏ ngầu và máy nước nhỏ giọt, tôi phải đi rất xa mới xách về được xô nước đỏ cách để hàng giờ mới lắng trong, tắm không đủ mát, lúc ấy tôi lại nhớ đến con đường gạch lát nghiêng và đôi thùng nước giếng trong mát thoang thoang hương sen và gương mặt của Hạ nghiêng cười sau cột nhà.

Rồi tôi nhận ra được thư báo tin Hy nhập ngũ. Thư báo tin mẹ Hạ ốm. Chứng đau đầu của bà ngày một nặng thêm. Tôi gửi thư thăm cùng mấy hộp thuốc bổ theo đường bưu điện.

Rồi tôi có bạn gái, sau này là vợ tôi, một cô gái xinh đẹp làm cùng cơ quan tôi. Trong những ngày tháng

hạnh phúc đầu tiên tôi đã nhiều lúc mừng cho mình, nhờ câu nói đùa vu vơ ngày nào đã cứu giúp tôi ra khỏi lũy tre làng. Nếu không chắc đời tôi chỉ quanh quẩn với đèn dầu, nước giếng.

Ngày cưới, tôi gửi giấy mời cả gia đình Hạ về dự, nhưng không có ai về mà cũng chẳng có thư phúc đáp. Sau này tôi mới biết dịp vui của tôi, mẹ Hạ ốm nặng. Rồi tôi sinh đứa con đầu tiên thì mẹ Hạ qua đời. Như vậy là trong ngôi nhà ba gian, hai chái ấy chỉ còn mình Hạ. Chỉ còn mình Hạ với cái sân gạch menh mông, mấy cây xoan, đồng rơm và con bò gầy. Liệu con người có thể chỉ sống được với những thứ đó?

Nỗi nhớ thương le lói thức dậy trong tôi họa hoằn những lúc trở trời. Vợ tôi đã thay đổi tính nết sau khi sinh con hay vợ tôi vốn thế?

Tôi tìm nơi trú ẩn trong công việc và sự im lặng. Nhiều đêm, kiệt sức sau những bươn chải kiếm sống hàng ngày, tối về, chịu không nổi những câu chì chiết của vợ, tôi trùm chăn lên đầu nằm im lìm trên cái giường xếp góc phòng chật chội vo vo tiếng muỗi kêu. Hình ảnh Hạ trở về như một niềm an ủi. Vì sao mãi Hạ không lấy chồng. Hay Hạ vẫn còn nghĩ đến tôi? Thế đấy, cái hèn và ích kỷ của thằng đàn ông vẫn thường vu ru rín tôi như thế đấy. Cứ qua đi như liều thuốc an thần ru ngủ những phút yếu hèn cùng quần và cô đơn. Nỗi cô đơn của con người thật khủng khiếp.

Vợ tôi có bồ. Lúc đầu là tiếng đồn. Sau công khai. Đó là một người đàn ông có thể lực và giàu có. Hai người nhiều lần đi với nhau trước mặt tôi với lí do công

việc và quan hệ bè bạn. Vậy mà tôi cũng chẳng làm được gì để thắng trong cuộc cãi vã xảy ra thường ngày.

- Tang chứng đâu? - Cô ta hét lên. Tiếng hét của cô ta ném tôi vào im lặng. Rồi một tờ đơn xin ly dị lia ra trước mặt tôi. Tôi cầm, nhưng không ký.

Cô ta luôn vắng nhà. Lúc đầu tôi còn hỏi đi đâu, bao giờ về. Rồi tôi im, cúi nhìn xuống đất khi cô ta đi ra. Tôi âm thầm chịu đựng để cố tránh cái kết cục: gia đình tan vỡ, đứa trẻ khổ nhất. Tôi thương con. Tôi hèn yếu vì con.

Rồi một buổi chiều, tôi vừa nấu cơm xong chưa kịp ăn thì nghe tiếng ai gọi dưới cầu thang. Tiếng gọi vừa quen vừa lạ. Tôi nhìn qua cửa sổ và giơ tay dụi mắt: "Hạ, Hạ phải không?" Tôi thảng thốt, đứng ngây trong khi Hạ dắt xe đi nhanh tới. "Ngọn gió lạnh nào đưa em tới đây?" Tôi nhìn Hạ. "Em đến thăm anh". - Hạ nói. Bao nhiêu năm rồi Hạ vẫn như xưa, tôi nhận ra Hạ trong dáng nhỏ nhắn nhanh nhanh. Mái tóc dài tết lại dùng đưa ở phía sau. Chiếc áo sơ-mi màu xanh lá cây và chiếc quần thẫm may rộng nom Hạ như người thành phố. Chỉ có điều lạ là đôi má sao có màu hồng khác thường, gọi là đỏ thì đúng hơn. Khi tôi giơ tay dắt xe cho Hạ, đụng vào tay Hạ, bàn tay Hạ nóng giãy. Cái nóng của cơn sốt. "Hạ làm sao thế?" - Tôi hỏi. "Em có sao đâu. Chẳng sao cả. Đi xa mệt tí thôi". Hạ cúi nhìn chén nước. "Hình như Hạ sốt. Trán nóng rực thế này?" Hạ bỗng run bần dưới tay tôi. Tôi không giơ tay đỡ chắc Hạ sẽ ngã gục. "Vâng đúng, em đang sốt. Em chẳng có ai ở Hà Nội, chẳng có ai để nhờ vả". Hạ nói trong tiếng nức nở: "Dù em biết anh đã có vợ con". Đôi mắt Hạ nhìn

quạnh gian nhà. "Vợ và con tôi đi vắng cả. Mà có nhà cũng không sao. Cô cứ yên tâm ở đây đến bao giờ cô muốn... Còn bây giờ tôi phải làm gì?" Hạ không trả lời, bàn tay nắm chặt cạnh bàn như cố nén một cơn đau nào đó đang bùng lên trong người. "Để tôi đi mời bác sĩ đến khám chữa cho Hạ. Tôi có tay bác sĩ quen", "Không. Không. Em biết bệnh của em, không cần khám. Chỉ mong anh hãy thương em, coi em như em gái của anh, gặp lúc không may cần anh cứu giúp". Hạ bỗng khóc nức nở. "Nếu chẳng may em chết, em có cái xe và cái nhẫn này". Bàn tay Hạ run rẩy tháo cái nhẫn đưa tôi. Tôi gạt đi. "Anh làm ma cho em, em sẽ cầu phúc cho anh ở dưới suối vàng. Còn cái nhà ở quê nhờ anh trông nom giữ, khi nào thằng Hy hết nghĩa vụ trở về, anh giao lại cho nó, nó hương khói cho mẹ em...". "Ô, sao Hạ lại nói lung tung thế. Có gì đâu mà thảm thương thế? Không nên đâu. Không nên..." Tôi kêu lên, giờ tay ôm Hạ vào lòng. Từ trong đáy sâu tấm lòng tôi, tình yêu xưa như ngọn đèn mờ ảo, le lói. "Em cứ yên tâm. Anh sẽ làm tất cả vì em. Khó khăn sẽ qua, mọi việc sẽ đâu vào đấy thôi". Tôi với với lòng chân thành, tha thiết. "Nhưng còn... vợ anh?" Hạ lo lắng. "Đúng là bây giờ tôi đã có vợ con, nhưng có mà như không. Khác với ngày xưa không mà như có. Đời trở trêu thế đấy, em có hiểu cho tôi không?" Tôi nói. - Bây giờ thì em hiểu". Hạ nói và khóc vui bàn tay gạt những viên thuốc cảm tôi đưa làm nó rơi xuống đất, rồi nhìn tôi với đôi mắt nhòa lệ. "Anh có nơi nào cho em ở qua đêm nay không?". "Em cứ ở đây. Cô ấy, vợ anh đi vắng. Anh sẽ nằm dưới đất - Tôi nói. "Bây giờ phải tìm cái gì cho em ăn, có khi là em

đói". "Không. Em không đói". "Thế em muốn gì?". "Em muốn anh ngồi đây với em". Ngồi đây với em, điều ấy có gì khó. Tôi có thể ngồi cả ngày, cả đêm bên em để hồi tưởng, chấp vá giữa hiện thực và mộng mơ, giữa quá khứ và hiện tại. "Ôi em ân hận quá!" Hạ bỗng kêu lên. "Ân hận gì?" - Tôi hỏi. "Chuyện ngày anh ở nhà em. Sao em lại không tin anh, lại đi tin những lời đồn đại", "Thôi nhắc lại chuyện cũ làm gì. Tại anh cả thôi". "Tại em". Hạ nói và lại khóc. Thật không thể ngờ có ngày tôi và Hạ lại ngồi tranh nhau nhận khuyết điểm trong quá khứ. Nhưng điều đó liệu có ích gì, nếu như hiện tại tôi và Hạ vẫn không hiểu nhau. Tại sao Hạ chỉ khóc? Cuộc gặp gỡ sau bao nhiêu năm xa cách có gì đáng để than khóc nhiều thế. Thật khó hiểu.

Hạ đã nằm trên giường xếp. Hình như cô bị đau trong người, cố cắn môi để không bật ra tiếng rên. Còn tôi, tôi thấy yên tâm hơn khi ép cô uống hết cốc sữa nóng.

Đêm dần khuya.

Tôi ngồi dưới chân giường Hạ. Cô vẫn sốt, nhưng đã bình tĩnh hơn. Cô nói cho tôi nghe những chuyện ở làng. Học trò của tôi ai còn ở quê, ai đã đi xa, ai con đàn cháu đống... "Sao mãi em không lấy chồng?" Tôi hỏi. Hạ quay mặt đi không trả lời. Rồi bỗng nhiên, đột ngột, Hạ ngồi dậy, ôm choàng lấy tôi, áp mặt vào ngực tôi. Mặt tôi ướt đầm nước mắt của Hạ. Tôi hôn Hạ và bàn tay tôi ôm siết cô. Cả người tôi nóng ran. Tôi đã nghe người ta nói đến những cơn sốt của tình yêu. Phải chăng tình yêu đã thiêu đốt Hạ.

Tôi vùi mặt vào trong sóng tóc xoa trên ngực em. Một bộ ngực không gầy nhỏ, mềm mại da thịt con gái như tôi vẫn tưởng tượng, mà to đầy căng cứng giống như nó sừng trong cơn sốt. Bàn tay em vô vập, quần quýt giục giã tôi. Tôi cảm thấy ngộp thở khi bỗng nhiên chợt thấy ở bên tôi tấm thân mềm mại, nóng hổi. Một người đàn ông đã ly thân với vợ hàng năm nay, cơn sốt từ em lan nhanh sang tôi. Tôi run rẩy. Tôi vô vập em. Như cơn khát, kẻ nghiện. Tôi cảm thấy mình đã chết, lại thấy mình hồi sinh.

Rồi, bỗng nhiên, tôi giật mình, choàng tỉnh, thoát khỏi cơn u mê chìm đắm. Bàn tay tôi, bàn tay một thằng đàn ông đã có vợ, bàn tay đã bao lần đặt lên bụng vợ - những năm tháng hạnh phúc, chờ nghe tín hiệu đầu tiên của đứa con (bàn chân hay bàn tay) tí xiu đập vào bụng mẹ. Trong mơ hồ, tôi cảm nhận một cái gì đang hình thành sôi động trong thân thể em: cái bụng u tròn căng cứng và dường như có một sức sống mỏng manh nào đó đang muốn trỗi dậy trọng âm thầm, cảm nín. Hạ hất tay tôi ra, vùng ngồi lên. Tôi bật đèn: "Bố đứa bé là ai?" Giọng tôi khản đặc giống như tôi vừa gào thét hàng giờ. Hạ không trả lời, chỉ khóc. Tôi châm thuốc lá. Điều thuốc giúp tôi bình tĩnh lại. "Em muốn tôi giúp em nhận đứa trẻ?" Tôi hỏi. "Không". Hạ đáp. "Thế tại sao lại...". "Em đã giết nó rồi". "Hử? - Tôi hét lên. - Cô đã làm gì?" Hạ mở túi xách lấy ra một gói thuốc các loại, cả chai rượu cực mạnh để phá thai mà có lần tôi đã nghe nói. "Em đã uống tất cả những thứ này?" "Vâng", "Còn cơn sốt?", "Em không hiểu. Có lẽ

"nó" đang bị ốm. - Hạ lại khóc, tựa người vào tôi. - Ở tuổi em, đời em, bao lần em mơ ước có con, bằng em có con giờ cũng đã muộn, vậy mà em đành phải bỏ đi...", "Anh ta là ai?" - "Một người đàn ông ở xa. Vợ ở làng. Lấy nhau chục năm không có con", "Có phải là Thịnh không?" Tôi hỏi. Hạ gật. "Hôm ấy, anh ta sang chào em để ra đi. Anh ấy nói yêu em và muốn có con với em. Anh ấy bảo đi vào chiến trường chẳng biết sống chết thế nào. Nếu em có con, anh ấy có chết cũng yên lòng, anh ấy nói thế. Em thương anh ấy, nhưng khi anh ấy đi rồi, mình em ở lại với làng xóm, em không thể, danh dự của em, tai tiếng làng xóm..." - "Vứt mẹ có cái tai tiếng với chẳng danh dự" - Tôi vắng tục trong lúc bực bội. - Giữ lấy đứa con mà nuôi đứa bé là quan trọng nhất đối với người đàn bà..." "Muộn mất rồi! "Hạ lại khó và ôm bụng. "Tôi phải làm gì?" - Tôi hỏi. Hạ im một lúc lại khóc, rồi ngẩng lên: "Sáng mai, anh làm ơn đưa em đi bệnh viện. Em xin anh hãy cứu giúp em một lần", "Được".- Tôi đáp.

Sáng hôm sau, tôi đóng vai một ông chồng đưa vợ đi bệnh viện và gây thộn ra khi nghe bà bác sĩ chuyên khoa sản mắng mỏ rằng, nếu để chậm một chút tính mạng Hạ khó còn. Rằng sao ở ngay Hà Nội, một người có học như tôi lại để vợ đến tình trạng này. Tôi gật gù vâng dạ với vẻ mặt hối lỗi và chờ mong chiều đến tôi đón Hạ đưa về nhà mẹ tôi để tiện việc chăm sóc hàng ngày. Mẹ tôi bảo: "Trước đây, mẹ cứ tưởng vợ con hư. Bây giờ hóa ra con cũng chẳng tốt gì, đến thế này nữa thì mẹ cũng không ngờ", "Mẹ nói thế oan con đấy, mẹ ạ". Tôi nói thật mà cứ như vờ. "Lại còn oan, oan cái nỗi gì?" Mẹ tôi nói.

• Một tuần sau. Hạ bình phục. Tôi đưa em ra bến ô-tô và đứng chờ cho đến khi xe chạy khuất. Trước đó, Hạ hỏi tôi: "Anh muốn em sống như thế nào?", "Em cứ sống như em muốn". "Còn anh?", "Anh chờ em. Nhưng không phải là cuộc gặp gỡ như thế này", "Vâng em hiểu".

*

* *

Khác xa với Hy nói, tôi nhận ngay ra Hạ khi ra đến xóm bãi – cái xóm nhỏ đất cát pha nằm dài bên bờ sông Đáy cỏ cây xanh rợp. Đó là một ngôi nhà rộng lớn cổ kính nằm giữa một vườn cây ăn quả, tường bao bọc xung quanh. Một con chó lai cao lớn đi vờ vẩn sau cổng sắt.

Tiếng chổi tre quét trên nền gạch. Lá khô chạy dồn lại và Hạ ngẩng lên khi con chó lao ra.

- Trời ơi, anh...có việc gì mà anh tìm đến tận đây? - Hạ nói líu riu.

Tôi đưa mắt nhìn quanh. Ngôi nhà không một bóng người, không một tiếng động. Cái gì đã làm Hạ sợ hãi đến run rẩy.

- Có ai ở trong nhà?- Tôi hỏi.

- Không có ai. - Hạ đáp.

- Lão ta đâu?

- Ở ngoài Hà Nội.

- Hạ ở đây với ai?

- Không có ai cả. Thỉnh thoảng ông ta hay các con ông ta về dịp lễ tết hay ngày giỗ chạp. - Hạ nói và đưa mắt nhìn quanh.

- Hạ làm sao thế?

- Anh không nên đứng đây. Không nên vào nhà. Ở quê tai mất lắm. Ông ấy biết thì chết!

- Tôi không sợ. Tôi cần nói chuyện với Hạ. - Tôi nói và đẩy cổng bước vào nhà mặc con chó lai sủa âm ỹ. - Tại sao không về nhà ở với cậu Hy?

- Nhà cậu ấy một lũ con đông vui thật, nhưng em nghĩ xuất giá tòng phu... Anh về đây làm gì?

- Tôi muốn biết Hạ sống như thế nào? Cái gì vây hãm Hạ, tôi sẽ giúp Hạ đập phá mà ra.

- Để làm gì?

- Để sống. Như là cuộc sống như mọi người. Tại sao lại tự giam mình trong cái nhà tù này?

- Không phải là nhà tù! Cả làng này chẳng có ngôi nhà nào to đẹp hơn thế này! - Hạ cãi lại.

- Nhưng cô là gì trong ngôi nhà này, bà chủ hay đứa ở? Hạ không đáng phải làm đứa ở như thế này? - Tôi hét lên.

Hạ cúi mặt, buồn bã.

- Em bị bệnh nhức đầu, giống mẹ em ngày xưa không làm được việc, ở đây yên tĩnh, muốn ăn thì ăn muốn ngủ thì ngủ, gạo tiền ông ấy chu cấp trông nom quét dọn nhà cửa cũng chẳng vất vả gì. Đấy, ông ấy đấy! - Hạ chỉ đám ảnh treo trên tường, trong khung kính. Một lão già to béo, tóc trắng, da đỏ hồng. Ảnh lão bôi. Đi cúp. Đứng trên ô-tô. Dạy chó và ngồi uống trà, phưỡn bụng trên xa-lông. Nét mặt viên mãn.

* - Ông ấy 72 tuổi rồi đấy. Cháu nội ngoại cả thảy 25 đứa, 2 chết. Vợ cả, vợ hai người làng này đều chết cả. Còn bà ba, bà tư ở Hà Nội, nhưng bỏ nhau rồi...

- Tại sao Hạ lấy lão ta?

- Ông ta muốn lấy em. Ông ta trước làm việc trên tỉnh, chức cũng khá to. Một lần gặp em ở một cuộc họp, họp xong ông ấy cho em lên xe đi nhờ về làng. Cả làng vì nể. Bao nhiêu con gái còn ế chồng, em được ông ấy để ý đến cũng là phúc rồi, người ta bảo thế, bé con chồng còn hơn bồng con thiên hạ...

Hạ chỉ cho tôi xem bộ đồ thờ to lớn chiếm cả căn nhà giữa với đủ thứ hoành phi câu đối vàng son rực rỡ một thời. Những thùng bát đĩa, mâm thau, chậu đồng, dấu vết những bữa tiệc linh đình còn đâu đây trong ngôi nhà này.

- Trước đây ông ấy ở làng, từ ngày kinh tế thị trường bung ra, ông ấy nhảy về buôn bán ở Hà Nội...

- Ở phố nào?

- Em không biết.

Đôi mắt Hạ nhìn vợ vắn, trốn mắt tôi. Vẫn cái dáng gầy mảnh và khuôn mặt thôn dài, đôi mắt mở to hoang vắng.

- Anh đi đâu, qua đây làm gì?

- Hỏi mãi. Anh về đây thăm em không được sao?

Hạ cười. Nụ cười ngơ ngác và thảng thốt.

- Sao vậy?

- Em tưởng lão ấy về.

- Lão ấy về thường ngày sao?

- Một tháng về một hai ngày. Dem hàng về đây, nếu có ai mua... Không thì thôi.

- Sao em không có con?

Hạ lắc đầu, đôi mắt lộ vẻ tuyệt vọng.

- Còn cái anh chàng hôm nào sang chào em rồi đi chiến trường ấy, về chưa?

- Anh Thịnh ấy à?

- Ừ!

- Anh ấy hy sinh, báo tử lâu rồi.

Hạ nói rồi đứng im, người thu lại gầy gò như cái bóng bên cây chổi dài nghêu.

- Sống như thế này có phải là sống không? Tôi kêu lên và nắm tay Hạ. - Bỏ tất cả đi không sợ gì hết, đi với tôi, làm lại tất cả, tôi không có vợ, cô ấy đã li dị tôi rồi.

- Nhưng em đang có chồng. - Hạ nói. Tiếng nhỏ như hơi thở. Rồi Hạ cười. Nụ cười vu vơ. - Không thể được đâu. Không thể được. - Rồi, Hạ châm mấy nén hương cắm lên bàn thờ. - Đêm qua em mơ ngủ thấy mẹ em về, đưa cho em một chỉ vàng bảo em cùng đi chợ. Đi mãi không thấy chợ đâu, quay lại, mẹ em cũng biến mất. Chỉ vàng rơi xuống đất em cúi nhặt, ngã xuống nước. Sáng dậy, em đi hỏi, người ta bảo em sắp bị tai họa.

- Anh là tai họa của em?

- Anh đừng nói thế. Bao giờ em cũng quý mến anh, biết ơn anh.

* - Đi với anh... Bỏ tất cả, đi với anh. Chúng ta sai lắm thế đã nhiều rồi, khổ thế đã đủ rồi, anh thấy cần có em và em sẽ đỡ khổ nếu về với anh. - Tôi dôn dập, tha thiết nói và nắm chặt tay Hạ. Hạ run lên, nức nở. Khuôn mặt đầm đìa nước mắt nép vào tôi.

- Em sẽ là vợ anh. Chúng ta sẽ có con, có một gia đình. Anh sẽ kiếm cho em một việc gì đó để làm... Em không thể sống mà như chết thế này. - Tôi nói.

Gương mặt Hạ ngẩng nhìn tôi tràn trụa một thứ ánh sáng mà những giọt nước mắt làm nó trở thành long lanh.

- Thật thế ư, anh?

- Thật chứ! Đi đi ! Nhanh lên.

Tôi lay vai Hạ. Hạ vùng lên, trẻ trung, nhanh nhẹn.

- Em phải làm gì? Đem theo gì?

- Đem theo những gì em có.

- Anh sang cậu Hy chờ em. Em sẽ sang ngay. - Hạ nói. Tôi nghe tiếng em thở hồi hộp.

Tôi đi tìm gặp Hy, vắn tắt kể lại mọi chuyện cho Hy biết, rồi dặn cậu ta giữ kín, coi như Hạ bỏ đi vì một lí do gì đó, có thể là một bệnh lí. Bệnh tâm thần chẳng hạn. Bây giờ bệnh này đang phát triển. Hy hứa giữ kín mọi chuyện và tôi chờ.

Một giờ. Hai giờ. Chiều rồi tối. Chiếc mô-kích đã bơm no xăng nổ máy, rồi lại tắt.

- Chắc chị ấy chờ tối xuống đi cho kín đáo. - Hy nói. Tôi chờ và chờ mãi. Đêm khuya dần.

-Anh nghỉ đi, để em đạp xe sang đó xe sao. - Hy nói.

- Không. Cậu để tôi đi!

Tôi chào Hy và nổ máy. Chỉ năm phút là tôi đến trước ngôi nhà đó. Bàn tay tôi chạm vào cái khóa to tướng và cái xích sắt lạnh giá. Bên trong im ắng không một ánh đèn, không một tiếng người. Tôi lắc cái khóa hồi lâu. Đáp lại tôi chỉ là tiếng chó sủa dồn dập và dai dẳng...

25-12-1991

MỤC LỤC

	Trang
1- Phạm Thị Vàng Anh	Học trò cung 5
2- Y Ban	Chú Ngoạo 11
3- Vi Thị Kim Bích	Kho báu của bảy nàng tiên 18
4- Ngô Thị Kim Cúc	Hồi kết 24
5- Anh Đào	Cha con "bụi" 38
6- Nguyễn Lập Em	Sông Hậu về xuôi 52
7- Hoàng Ngọc Hà	Làng quê xanh thắm 65
8- Trần Thanh Hà	Biển Hồ lại lóng 86
9- Võ Thị Xuân Hà	Cô gái đức thánh 98
10- Võ Thị Hảo	Người sót lại của rừng cười 113
11- Nguyễn Thị Thu Huệ	Còn lại một vầng trăng 127
12- Thanh Hương	Buổi chiều yên tĩnh 141
13- Trầm Hương	Mưa nguồn 150
14- Trần Thiên Hương	Bây giờ bạn ở đâu? 166
15 - Linh Nga Niêk Đam	Gió đỏ 174
16- Lê Minh Khuê	Ga xép 183
17- Lê Phương Liên	Bức tranh còn vẽ 202
18- Phạm Thị Ngọc Liên	Mặt trăng phía khác 209
19- Hà Khánh Linh	Tìm lấy bóng mình 232
20- Trần Thùy Mai	Thương nhớ Hoàng Lan 252
21- Lê Minh	Đêm giao thừa 264

22- Dạ Ngân	Thời gian vĩ đại	281
23- Nguyễn Thị Minh Ngọc	Ngư Lang	292
24- Dương Thị Xuân Quý	Sa mạc tuổi thơ	301
25- Kim Quyên	Mùa dưa gang	313
26- Nguyễn Thị Cẩm Thanh	Bám biển	326
27- Bích Thuận	Chuyện ở trại phong	339
28- Nguyễn Thị Anh Thư	Không nhan sắc	356
29- Phạm Thị Minh Thư	Người lùn trong chuyện cổ Grim	364
30- Nguyễn Thị Như Trang	Bay đêm	383
31- Trần Thị Trường	Bụi trên lá tường vi	399
32- Nguyễn Thị Ngọc Tú	Chuyện về Hạ	415

Tập truyện ngắn của các nhà văn nữ Việt Nam

Chịu trách nhiệm xuất bản: MAI THỜI CHÍNH

Chịu trách nhiệm bản thảo: PHAM DỨC

Biên tập: CAO GIANG

Bìa: MAI HƯƠNG

Kỹ thuật vi tính: NGUYỄN THỊ SƠN

Sửa bản in lần: MINH CHÍ

Trang 1/000 được in lần đầu tiên tại Công ty in Tổng hợp Hà Nội
Số XB 142/97 XB-QLXB cấp ngày 28-1-2002.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2002.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04) 9430219 - 8229413, Fax: 04.8229078.
Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu, Quận III TP Hồ Chí Minh. ĐT: 9303262

VÀNG TRẮNG CÒN LẠI

Tập truyện ngắn của các nhà văn nữ Việt Nam

Chịu trách nhiệm xuất bản: MAI THỜI CHÍNH

Chịu trách nhiệm bản thảo: PHẠM ĐỨC

Biên tập: CAO GIANG

Bìa: MAI HƯƠNG

Kỹ thuật vi tính: NGUYỄN THỊ SƠN

Sửa bản in thử: MINH CHI

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty in Tổng hợp Hà Nội.

Số XB: 142/97 XB-QLXB cấp ngày 28-1-2002.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2002.

Vàng trắng còn lại

Giá: 46.500đ